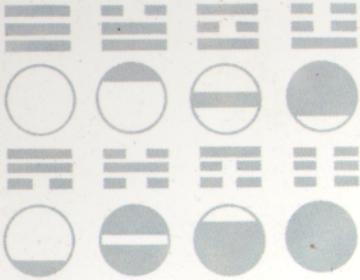
TỔNG TẬP
VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

TRIỆU QUỐC HOA
LƯU KIẾN QUỐC



QUYỀN MƯU THẦN BÍ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Những người dịch : NGUYỄN LẠC

HOÀNG VIỆT THẮNG

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc

Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã

In lần thứ ba - 1993

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

TRIỆU QUỐC HOA - LƯU QUỐC KIẾN

QUYỀN MƯU THẦN BÍ

(PHÂN TÍCH VÀ PHÊ BÌNH QUYỀN MƯU HỌC TRUYỀN THỐNG)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 1996

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN *Trang* 1

LỜI TỰA TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA 3

LỜI NÓI ĐẦU 5

Quyền mưu là gì ? 6

Vấn đề quyền mưu với con người 8

Phương thức truyền đạt của quyền mưu 15

Đặc trưng cơ bản của quyền mưu 19

Quyền mưu học cấu trúc thế nào ? 38

Chương I : ĐẠI VÀ TIỂU 40

1.Vi vu trần trung kiến đại thiên 41

2. Bỏ tiểu cầu đại,vứt tốt giữ xe 61

Chương II : VIỄN VÀ CẬN 76

1. Chiêu nghĩa hoài viễn 78

2.Viễn giao, cận công 95

3. Độn thế và nhập sĩ 110

Chương III : MINH VÀ ÁM 133

1. Thuật quan thần của hàn phi tử 134

2. Minh thương và ám tiễn 154

3 .Thao quang dưỡng hối ,danh trợ thực thủ 167

Chương IV :THẬT VÀ GIẢ 181

1. Mượn cái giả làm cái thật 182

2. Cái thật mạo làm cái giả 204

3. Lấy cái giả làm rối loạn cái giả 215

4. Lấy cái thật làm rối loạn cái thật 224

Chương V : MẠNH VÀ YẾU 231

1. Nói thì có ngắn, có dài 233

Lời thì có khôn có dại
2. "Khí": Cốt lõi của việc tự tăng cường
sức mạnh cho chính mình 246
3. Phương thức trị lực 261
Chương VI : HƯ VÀ THỰC
1. Hư mà thực, thực mà hư 281
2. Nhưng tìm ra tổ kiến thì để lại vỡ 298
3. Ví dụ về sự chuyển đổi giữa hư và thực 313
Chương VII: TIẾN VÀ LÙI 326
1. Thấy được thì tiến,biết khó thì lui 327
2. Xương sống của thuật nghi binh 341
3. Lùi để mà tiến, chuyển thế thủ thành thế công 353
Chương VIII : CƯƠNG VÀ NHU 369
1. Học thuyến cương nhu của Hoàng Thạch Công 371
2. Nhường họ 3 thước đất phỏng có hại gì 388
3. Phá cương làm nhu,chịu nhục không thẹn 400
4. Phẫn nộ của thiên tử và phẫn nộ của
người áo vải 409
Chương IX : THẲNG VÀ CONG 424
1. Nối liền tâm linh : Cầu 425
2. Mượn người thứ ba 437
3. Uyển chuyển khuyên can 455
Chương X : THUẬN VÀ NGHỊCH 469
1. Thuật phát ngôn của quỷ cốc tử 470
2. Thuận ư ? Nghịch ư ? 481
3. Trung tâm câu chuyện lâu đời : 495
Dùng gián điệp
LỜI CUỐI SÁCH 507

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như: Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, Xem tướng tay tướng mặt... được lén lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tàn tích của văn hóa lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hóa văn minh, khoa học và tiến bộ.

Với mục đích trên Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin cho ra mắt bạn đọc TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA. Trong bộ sách này, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại - đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hóa mang tính chất thần bí sâu đậm.

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những nhân tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật

Phong thủy, Trạch cát, Quyền mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các thuật đó.

Đây là bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót, Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA TỔNG TẬP
VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA

Văn hoá Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang mầu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cửu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đơn dưỡng sinh, chiêm tinh phong thuỷ, việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hoá nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung Hoa là một bộ phận quan trọng cấu thành văn hoá Trung Hoa. So với nền

văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường ; so với văn hoá quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hoá đại chúng; so với dòng văn hoá chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm ; so với văn hoá hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hoá truyền thống ; so với nền văn hoá Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hoá bản địa.

Trong lâu đài văn hoá, không có một nền văn hoá nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như văn hoá thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết : "Thuỷ Hoa cửu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí" - Thế nào là "cửu", "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dấn thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi : (Huấn) từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36 : "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tần, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ hoạ, cửu lưu bách gia, thiên nhân thư, phù đồ, Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thảy đều cặn kẽ".

Văn hoá thần bí là một cái kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ : người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền : người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải : kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyên náo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nến để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đầy túi. Kẻ tiểu nhân làm bậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật", "văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hoá thần bí càng huyền hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Mầu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đống rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hoá thần bí đang

diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả ngóc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hoá thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bung ra, mạch ngầm này sẽ hoà nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tố chất truyền thống hoà trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bôi đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hoá thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân : nghiên cứu văn hoá thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Huống hồ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hoá, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hoá thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, dễ đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Diêu Vĩ Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi. Chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để cặn bã phải lắng xuống, để hủ lậu hoá thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa tỏa sáng.

Người xưa nói : "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất và gian

truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc chắn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Quốc.

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử
Trường Đại học Hoa Trung -
Tháng 10 năm 1990

LỜI NÓI ĐẦU

Chân chân giả giả, hư hư thực thực, minh minh ám ám, khúc khúc trực trực...

Một bộ sử hai mươi lăm thế kỷ có thể nói là một bộ sử quyền mưu, một bộ sử quyền mưu buồn vui lẫn lộn, một bộ sử quyền mưu ân oán rắc rối, một bộ sử quyền mưu mánh khoé khôn lường, một bộ sử quyền mưu khéo léo kín đáo.

Đọc lướt qua bộ sử bề bộn này, chúng tôi bắt gặp biết bao điều kì thú của những người đùa bỡn với quyền lực, rút ra được hàng ngàn câu chuyện mưu kế ứng biến. Có thể nói không ngoa rằng, mỗi một câu chuyện với những giọng nói và sắc mặt độc đáo ấy đều toát lên một phần trí tuệ của người Trung quốc, đều đáng được coi là một lớp hào quang của nền văn hoá truyền thống Trung Quốc, đều phải trở thành một di sản lịch sử quý báu.

Mỗi một di sản lịch sử quí báu này đều đòi dào phong vị thật đáng để mọi người trân trọng. vì vậy, trong một thời gian dài, chúng tôi luôn ấp ủ một niềm khao khát cháy bỏng, đó là biến quyền mưu - phát minh của lịch sử Trung Quốc- thành một môn học, biên soạn thành một bộ sách phổ thông vắn tắt, hiến dâng cho những ai ham mê

văn hoá truyền thống Trung Quốc, đặc biệt là cho thế hệ trẻ dám tìm tòi, chịu suy nghĩ.

QUYỀN MƯU LÀ GÌ

Quyền, vốn nghĩa là quả cân. Bởi muốn cân một vật nặng hay nhẹ, ắt phải buộc quả cân vào đòn cân rồi di động mới biết được trọng lượng chuẩn xác, cho nên mới có nghĩa mở rộng "Quyền biến" (tuỳ cơ ứng biến), "Quyền nghi" (tạm thời thích nghi), đều có hàm ý mưu kế. Thời xưa, người ta nói đến "Quyền" thì thường nói đến "Kinh". Mạnh Tử nói rằng chuẩn mực hành vi cơ bản giữa nam và nữ là "thụ thụ bất thân", thế nhưng vì chị dâu của mình ngã xuống nước, là em trai chồng vẫn phải đưa tay ra kéo chị lên, đó chính là phép "Quyền nghi". "Xuân thu công dương chuyện" nói : Luật lệ cao nhất trong đời sống xã hội là Kinh nghĩa do nhà Nho đề ra, phương pháp nào không phù hợp với Kinh nghĩa nhưng lại có thể đưa đến kết quả tốt đẹp, chính là quyền. Nói một cách khái quát, Kinh là qui tắc bất di bất dịch, Quyền lại là thủ đoạn thích nghi theo việc.

Mưu ."Thuyết văn" giải thích : "Suy nghĩ vượt qua khó khăn gọi là Mưu". Chữ mưu ban đầu từ chữ Mẫu mà ra. Sở dĩ như vậy là vì người ta sống ở đời phải luôn suy nghĩ tính toán. Ban đầu, người mẹ suy tính thay con mình. Đứa bé mới ra đời, chưa biết nói năng, phải nhờ cậy sự suy đoán của mẹ nó. Khi nó đói rét, mẹ nó cho ăn cho mặc,

khi ốm đau, mẹ nó chữa chạy, dạy dỗ nuôi nấng, lo toan chu đáo. "Thượng thư" nói"Minh tác triết, thông tác mưu". "Kinh thi" có câu : "Phóng ngựa như bay, đến khắp mọi nơi, bàn mưu tính kế". Tất cả đều hoàn ý mưu kế, trù tính kế sách. Do đó ta thấy, Mưu chính là nhằm thẳng vào vấn đề cụ thể tìm ra chủ ý hoặc kế hoạch hành động nhằm đạt được mục đích nhất định.

Nói gọn lại, Quyền mưu chính là mưu kế tuỳ cơ ứng biến. "Quân tử" nói "Bề trên giữ quyền mưu thì những kẻ gian trá trong đám quan lại tôi tớ mới nghe theo", "Cho nên những người cai quản đất nước dùng nghĩa thì làm vương, dùng tín thì làm bá, dùng quyền mưu thì suy vong". Lưu Hướng nói trong "Chiến quốc sách tự lục" : Mạnh tử, Tôn Khanh là những kẻ sĩ Nho thuật bị đời ruồng bỏ còn kẻ du thuyết Quyền mưu thì được đời thường quí trọng. Tất cả đều nói theo khái niệm đó. Điều đó chứng tỏ Quyền mưu không phải là Mưu lược nói chung mà là một bộ phận của Mưu lược. Nó mang đặc tính tuỳ cơ ứng biến. Trong số những từ ngữ người ta quen dùng, có rất nhiều từ có ý nghĩa giống hoặc gần với Quyền mưu. Một là Quyền thuật, hai là Quyền số, ba là Quyền lược. Quyền thuật và Quyền mưu thường được sử dụng nhất, có điều Quyền thuật hàm nghĩa có phần xấu. Quyền mưu không phân tốt xấu. Về Mưu lược mà người ta hay nói đến, nội dung rộng hơn nhiều so với Quyền mưu. Nó bao gồm hai lớp : Mưu là cái kế tạm thời, lược là sách dài lâu. Về cơ bản Quyền mưu chỉ hạn chế ở lớp trước. Đương nhiên trong tâm chí

của nhiều người, do không phân biệt được hai lớp này, nên thường dùng lẫn lộn Quyền Mưu với Mưu lược.

Dù là Quyền mưu hay là Mưu lược, về cơ bản đều không phải là một thực thể, mà là sự thể hiện một năng lực và kỹ xảo. Nó không như vũ khí nguyên tử, con tàu vũ trụ, được cấu trúc hỗn hợp của hệ thống vật cứng và vật mềm, mà là sự kết cấu đơn thuần nhờ vật mềm, chẳng hạn như hành vi đầy hiệu ứng như có quỷ thần run rủi, lời lẽ hài hước, thậm chí một bước chân, một ánh mắt, chỉ trong tích tắc có thể chi phối hành động của đối phương, đạt được mục tiêu mà mình mong muốn. Cho nên, Quyền mưu - kết cấu vật mềm phản ánh năng lực và kĩ xảo ứng biến theo hoàn cảnh của con người trong đời sống xã hội này có thể trở thành chiếc chìa khoá giúp người ta thoát khỏi khốn khó, mở cánh cửa của sự thành công.

VẤN ĐỀ QUYỀN MƯU VỚI CON NGƯỜI

Trong giới tự nhiên, hết thảy động vật đều sinh tồn theo bản năng của mình. Con chim ưng có thể bay lượn trên bầu trời lồng lộng, thoắt cái bắt được con gà đồng trên mặt đất. Con cá nhám có thể lặn xuống đáy biển sâu thẳm, hung hăn săn bắt các loài cá bơi lội trong nước. Con chó săn có thể lùng sục khắp cả vùng đất rộng lớn, ruợt đuổi theo mục tiêu của mình. Con khỉ biết lên sân khấu biểu diễn các tiết mục xiếc. Tất cả đều chỉ là phản xạ theo bản năng của chúng. Thực tế, con chim ưng, con

cá nhám, con chó săn, con khỉ không hề có một chút lý tính nào. Ngược lại, con người là loài động vật cao cấp có tư duy phát triển, ngoài tất cả những bản năng sinh lý còn mở rộng vô hạn nhu cầu sinh tồn, do đó có lý tính đầy đủ. Con người vừa phải không ngừng đối mặt với thách thức của thiên nhiên, lại phải biết gần gũi vào lúc này hay lúc khác. Cho dù là quan hệ cá thể hay là quần thể, khi thì biểu hiện ra bằng sự đi lại hoà thuận, khi thì biểu hiện ra bằng cuộc xung đột bạo lực, khi thì từ bạn bè kết nghĩa biến thành thù địch, khi thì từ xa lạ mà chuyển sang gần gũi thân thiết. Chính trên màng lưới quan hệ phức tạp rắc rối này đã kết từng quả từng quả Quyền mưu.

Trong thời đại xa xưa, loại người vì sức sản xuất vô cùng thấp kém, với thiên nhiên khắc nghiệt, vấn đề đầu tiên là dựa vào quan hệ huyết thống nhất định kết thành tổ chức xã hội thuần phác để mưu cầu tư liệu vật chất sinh tồn. Vì vậy trong nội bộ tổ chức thị tộc hoặc bầy đàn nguyên thuỷ, giữa cá thể với quần thể hoặc giữa cá thể với nhau nếu nảy sinh vấn đề quan hệ thì hầu như không phải dùng đến Quyền mưu gì, ngay cả hoạt động báo thù cho người ruột thịt giữa quần thể với quần thể, do mục đích của nó rất giản đơn, thủ đoạn mà hai bên áp dụng lại vô cùng sơ sài, cũng không mang hoặc có rất ít tính chất quyền mưu. Cho nên, trong một thời kì rất dài trước đây, người ta thường coi việc đùa bỡn với mưu mô quyền lực là việc của các hoàng đế về sau. Chẳng hạn như các học trò của Khổng tử đều cho rằng : Tạm hoàng ngũ đế

có công tâm mà không có tư ý, có lòng thành thật chứ không có mưu mô thủ đoạn. Lại như đầu thời Đường, Lí Tĩnh và Thái Tông khi bàn việc binh đã chỉ rõ: "Từ Hoàng đế đến nay, trước thì đúng đắn mà sau thì quái lạ, trước thì nhân nghĩa mà sau thì xảo trá". Đại để bắt đầu từ thời kỳ này, xã hội Trung Quốc từng bước đi vào thời đại văn minh. Thế là xung đột giữa các quốc gia, tranh chấp giữa các dân tộc, sự đảo lộn quyền lực chính trị, sự thăng trầm trong buôn bán kinh tế và quan hệ giao tiếp muôn màu muôn vẻ của con người, tất cả đều trở thành những mảnh đất phì nhiêu cho Quyền mưu nảy sinh. Do vậy, chúng ta nói rằng Quyền mưu là sản phẩm của lịch sử xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định.

Người ta thường cho rằng, hoạt động của con người bao gồm hoạt động sản xuất, hoạt động xã hội, hoạt động thực nghiệm khoa học. Hoạt động sản xuất là cơ sở con người nhờ đó mà sinh tồn và phát triển, hoạt động thực nghiệm khoa học lại là biện pháp chủ yếu để con người nâng cao nhận thức và năng lực cải tạo thiên nhiên. Về cơ bản, hai loại hoạt động này thể hiện quan hệ con người với thiên nhiên. Khác với nó, hoạt động xã hội của con người liên quan đến các mặt của cả xã hội, như chính trị, kinh tế, quân sự, tôn giáo, giáo dục, gia đình, hôn nhân v.v... Một người chỉ cần có bộ não bình thường, dù là tham dự vào loại hoạt động nào tất nhiên đều có mục đích nhất định. Để đạt được mục đích của mình, họ không thể không trù tính cho hành vi của mình : chọn con đường nào, dùng

biện pháp gì. Cứ thế, bằng đặc trưng có tính ý chí, cuộc sống xã hội buộc con người trước khi tham gia một hoạt động nào đó, hoặc trong khi tiến hành hoạt động này đều cần phải có sự phân tích về nhiều mặt, từ nhiều góc độ, trên cơ sở đó có quyết định cuối cùng. Trong xã hội truyền thống Trung Quốc, hoạt động tư duy này chứa đựng thành phần Quyền mưu trên một mức độ rất cao, đặc biệt là chế độ chuyên chế,. và sự lộn xộn do nó gây ra càng làm cho lĩnh vực chính trị dường như không đâu vắng bóng những linh hồn Quyền mưu đang nhảy múa và hiện diện suốt từ đầu đến cuối. Vì vậy, Quyền mưu là một hoạt động tư duy của con người tham gia vào đời sống xã hội.

Mặc dù vậy, chỉnh lý và nghiên cứu Quyền mưu nảy sinh trong lịch sử Trung Quốc thì có thể từ một mặt bên hiểu được trí tuệ của người Trung Quốc trong xã hội truyền thống. Trí tuệ có "Một" , Quyền mưu thì lại "Nhiều". Từ trong cái "Nhiều" của Quyền mưu tuỳ cơ ứng biến này có thể lóe lên tia khúc xạ "Một" của trí tuệ. Từ đó đi sâu nghiên cứu thêm sẽ nhận thấy nhiều điều bí hiểm trong văn hoá truyền thống Trung Quốc.

CẤU TẠO CỦA QUYỀN MƯU

Mới nhìn, Quyền mưu trong đời sống xã hội biểu hiện ra với thiên hình vạn trạng, trắng đen lẫn lộn đến nỗi nhà nghiên cứu cảm thấy không biết bắt đầu từ đâu. Nhưng nếu thử làm một số ca giải phẫu thì dễ dàng

phát hiện ra cơ cấu của một số Quyền mưu đều bao gồm bốn nhân tố như sau:

1 - Chủ thể Quyền mưu, chỉ phía nghĩ ra và vận dụng quyền mưu. Họ cùng khách thể quyền mưu tạo thành một cặp mâu thuẫn, trong hoàn cảnh nhất định vẫn phải dựa vào Quyền mưu để đạt được một mục đích nhất định.

2 - Khách thể Quyền mưu, chỉ phía bị Quyền mưu nhằm vào hoặc chi phối. Họ là đối tượng nhận thức và thực tiễn của chủ thể quyền mưu, trong trường hợp nhất định, tất nhiên có phản ứng này nọ với Quyền mưu.

3 - Trường Quyền mưu, là những điều kiện khách quan làm chỗ dựa của mưu kế, bao gồm thời gian, địa điểm, tình hình cụ thể. Thời gian nào, địa điểm nào, tình hình như thế nào, cấu thành một trường hợp. Cả hai phía đều có vai trò quan trọng như nhau đối với Quyền mưu, tức quyết định tìm ra và vận dụng Quyền mưu và có phản ứng cần thiết đối với mưu kế của bên kia, có thể nói là cơ sở vật chất để xác lập Quyền mưu.

4 - Bản thể Quyền mưu là năng lực và kỹ xảo của con người tuỳ cơ ứng biến trong một trường Quyền mưu. Năng lực và kỹ xảo này bắt nguồn từ hoạt động tư duy của mỗi người và do đó kéo theo tâm hồn của người đó. Tâm hồn của mỗi người là một vũ trụ ti hon không giống một ai, như một đứa bé chưa trưởng thành thoải mái phóng túng không thành thể thức. Vì vậy, chúng ta không thể dễ dàng nắm bắt được bản thể Quyền mưu. Khi bạn

lấy được nó từ giữa rất nhiều mưu kế và cầm chặt trong tay, bạn vẫn cảm thấy nó vẫn vô hình như trước. Nhưng tâm hồn của con người đây đó đều có mối quan hệ "đồng cấu đối ứng", nó có thể thể nghiệm được sự tồn tại của bản thể Quyền mưu. Ngoài sự "chợt hiểu" bằng trực quan này, con người còn có thể nhận thức và lý giải được bản thể Quyền mưu thông qua sự phân tích và quy nạp lô gích. Nếu có sự tu dưỡng lý tính và kinh nghiệm tốt, đứng trước bản thể Quyền mưu, người ta vẫn có thể đạt tới giới hạn của "trong lòng thì muốn mà không được vượt quá". Giữa các nhân tố của Quyền mưu, bản thể Quyền mưu là hạt nhân, là nơi tồn tại của tính quy định của Quyền mưu. Coi Quyền mưu là một môn học thì phải đặt trọng tâm nghiên cứu vào bản thể Quyền mưu.

Chúng tôi biên soạn "Quỷ bí đích Quyền mưu" chính là xuất phát từ ý nghĩa đó.

Nhìn chung chủ thể và khách thể của Quyền mưu là nhân tố con người, luôn luôn ở vào vị trí thống nhất đối lập. Chúng dựa vào nhau mà tồn tại, không có chủ thể thì không có khách thể ; ngược lại không có khách thể thì cũng không có chủ thể, cả hai cùng tồn tại trong một trường Quyền mưu. Chúng loại trừ nhau, sự tồn tại của chủ thể Quyền mưu là để chiến thắng khách thể, khách thể Quyền mưu tồn tại lại là để đánh bại chủ thể Quyền mưu. Chúng có lợi ích và mục đích khác nhau, làm cho chúng luôn rơi vào tình cảnh tranh giành nhau thậm trí một mất một còn. Có điều, là một cặp mâu thuẫn, chủ

thể Quyền mưu đại diện cho mặt chủ yếu của mâu thuẫn, còn khách thể Quyền mưu đại biểu cho mặt thứ yếu của mâu thuẫn. Chủ thể Quyền mưu chiếm địa vị chủ động, có vai trò chi phối khách thể Quyền mưu. Khách thể Quyền mưu ở vào thế bị động, có vai trò nhất định chống lại chủ thể Quyền mưu. Vai trò chi phối và vai trò chống đối này chỉ thể hiện trong thực tế vận dụng của Quyền mưu và không hoàn toàn quyết định kết quả cuối cùng của mỗi một Quyền mưu.

Kết quả cuối cùng của mỗi một Quyền mưu đều được quyết định bởi tập hợp các nhân tố Quyền mưu. Về chủ thể Quyền mưu mà nói, phải chăng đã thấu hiểu tình hình cụ thể của khách thể Quyền mưu? Liệu có thể phân tích chính xác và lợi dụng được trường Quyền mưu? Vận dụng Quyền mưu đã đúng lúc chưa? Làm thế nào đối phó và xử lý việc chống lại của khách thể Quyền mưu? Có thể nói đấy là những điểm mấu chốt để chiến thắng khách thể Quyền mưu. Về khách thể Quyền mưu mà nói, phải chăng đã nắm được tình hình cụ thể của chủ thể Quyền mưu? Có thể phân tích chính xác và lợi dụng trường Quyền mưu được không? Có kịp thời nhận biết và kịp thời phá tan Quyền mưu hay không? Làm thế nào phản ứng có hiệu quả chống lại chủ thể Quyền mưu? Có thể nói đó là những điều then chốt để đánh bại chủ thể Quyền mưu. Về bản thân Quyền mưu mà nói, nó là hạt nhân của Quyền mưu, giống như sợi lông trên người Tôn Hành Giả, có thể "lấy một chọi mười", nảy sinh vô vàn mưu kế. Cho nên,

hai bên Quyền mưu, ai nắm bắt được nó, ai nhận thức được đầy đủ những đặc trưng linh hoạt, biến động của nó, sau đó kịp thời có hành động hoặc phản ứng có hiệu quả, người đó sẽ trực tiếp quyết định kết quả của vận dụng Quyền mưu. Về trường Quyền mưu mà nói, với thời gian và địa điểm nhất định, cố nhiên có thể được cả hai bên cùng đồng thời lợi dụng, nhưng chúng có ảnh hưởng khác nhau trong việc vận dụng hay khống chế Quyền mưu, nhất là ưu thế tình hình cụ thể của hai bên thường không nghiêng về bên này thì nghiêng về bên kia. Nếu không nhận thức được điều này và có ngay hành động tương ứng, dù là bên nào cũng đều khó mà giành được thắng lợi.

Chính vì chủ thể Quyền mưu, khách thể Quyền mưu và trường quyền mưu khác nhau và mối liên hệ đan xen phức tạp giữa chúng, nên mới có những Quyền mưu có hạt nhân khác nhau hoặc có cùng hạt nhân giống nhau, được biểu hiện hoàn toàn khác biệt muôn màu muôn vẻ trong đời sống xã hội.

PHƯƠNG THỨC TRUYỀN ĐẠT CỦA QUYỀN MƯU

Mọi người đều biết rằng bất kỳ một môn nghệ thuật nào cũng đều thuộc về phương thức biểu đạt của bản thân nó. Chẳng hạn âm nhạc biểu đạt tư tưởng tình cảm của con người bằng nhạc âm có tổ chức. Nhảy múa phản ánh cuộc sống xã hội hiện thực bằng động tác có tiết tấu. Điện

ảnh dùng ánh sáng mạnh chiếu liên tục những hình tượng quay được lên màn ảnh. Kịch thì do diễn viên thể hiện trên sân khấu các loại mâu thuẫn của đời sống con người. Trong vườn hoa nghệ thuật, dù cho đề tài giống nhau hoặc kịch bản gốc giống nhau, do phương thức biểu đạt không giống nhau chẳng hạn như tổ chức của đạo diễn và chỉ huy, trình độ diễn xuất của diễn viên, giai điệu của âm nhạc, thiết kế điệu múa, sự bố trí khác nhau về ánh sáng, tiếng động, phục trang, mỹ thuật, sẽ đưa lại hiệu quả nghệ thuật khác nhau : có khi khiến người xem (hoặc người nghe) ngáp ngắn ngáp dài, có khi được người xem (hoặc người nghe) đập bàn khen hay.

Quyền mưu cũng vậy. Quyền mưu trở thành một môn nghệ thuật thể hiện năng lực và kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của con người, cũng như các bộ môn nghệ thuật âm nhạc, múa, điện ảnh, sân khấu cần phải có phương thức biểu đạt thích hợp với nó, Quyền mưu không thể không có phương thức biểu đạt (hay còn gọi là phương thức thực hiện) của bản thân nó. Quyền mưu có "Dự mưu" được trù tính sẵn trước khi vào việc, có "Tức mưu" nảy sinh tại chỗ trong khi tiến hành một hoạt động. Dù là Dự mưu hay Tức mưu, phương thức truyền đạt của nó đều không ngoài hai loại : hành vi và ngôn ngữ. Trong đời sống xã hội, người ta vận dụng Quyền mưu hoặc bằng hành vi giành chiến thắng hoặc dùng ngôn ngữ để phơi bày ý đồ, hoặc bằng sự kết hợp của cả hai. Là phương thức biểu đạt Quyền mưu, hành vi là hoạt động bị bản thể Quyền mưu chi phối mà biểu

hiện ra bên ngoài. Trong toàn bộ lĩnh vực đời sống xã hội. Hành vi của con người đao to búa lớn cũng có, dè dặt cũng có, có từ gần ra xa lại có từ xa đến gần, có công khai có bí mật, có thật có giả, trước mạnh sau yếu cũng có, trước yếu sau mạnh cũng có, có thực tại lại có trống rỗng, có khi tiến về phía trước có khi lùi về phía sau, có hành vi quyết liệt có hành vi mềm dẻo, có khi bằng con đường trực tiếp có khi bằng con đường gián tiếp, có hành vi theo trình tự xuôi lại có hành vi theo trình tự ngược... Hành vi muôn màu muôn vẻ, hoặc bản thân nó đã tiêu biểu cho một loại mưu kế, hoặc mang sắc thái của Quyền mưu, hoặc hoàn toàn không liên quan gì đến Quyền mưu. Phân biệt như thế nào? Phải xét xem hành vi cụ thể có bị bản thể Quyền mưu chi phối hay không, tức là phải chăng nó chứa đựng hạt nhân của quyền mưu? Trong một trường quyền mưu nhất định, trước khi hành động hoặc trong quá trình hành động, người ta tự phát hoặc tự giác sử dụng năng lực và kỹ xảo sẵn có của bản thân để thoát nạn, mở cánh cửa thành công. Loại hành vi này thuộc về phương thức thực hiện Quyền mưu, đồng thời thuộc về nội dung nghiên cứu của chúng ta.

Có khi quyền mưu phải thực hiện thông qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ là phương tiện riêng của con người dùng để biểu đạt tình cảm, giao lưu tư tưởng. Xưa kia thường chia ngôn ngữ thành hai loại : ngôn ngữ sách vở và ngôn ngữ nói, nhưng trong đời sống thực tế ngôn ngữ nói chiếm phần lớn. Dù là loại nào, ngôn ngữ của con người có nghiêm

túc lại có hài hước, có khiêm tốn lại có ngạo mạn, có khúm núm nịnh bợ lại có phê phán cản ngăn, có chân thực lại có nhảm nhí, vừa có nghi vấn lại vừa có giải thích, có cầu khiến lại có cảm thán; vừa có rành mạch dứt khoát lại vừa có nhập nhằng úp mở ... Trong số đó, ngôn ngữ hài hước có tư cách làm phương thức thực hiện Quyền mưu nhất. Trong một trường Quyền mưu nhất định, người ta thường hay dùng ngôn ngữ hài hước tự cười mình hoặc chê cười người để thoát nạn, đạt được mục đích của mình. Ngôn ngữ hài hước rất hàm súc. Nó không thể dài dòng văn tự, không thể tự giải thích, thế mà lại "vô ngôn thắng hữu ngôn". Ngôn ngữ hài hước còn là sự khoa trương, nó thường thường nói thuận theo logic của cái nhảm nhí xằng bậy khiến người ta cuối cùng hiểu ra hậu quả của sự xằng bậy nhảm nhí. Nếu nhìn hai cái trong mối quan hệ thì hàm súc là chiều sâu của hài hước còn khoa trương lại là bề mặt của hài hước. Dưới ống kính hiển vi của đời sống xã hội, bản thân ngôn ngữ hài hước luôn làm hiển hiện phần tử Quyền mưu biến động. Thật là trong vô hình có hình, trong hữu hạn có vô hạn, cũng giống như trong chớp mắt có vĩnh hằng.

Trong cuộc sống thực tế, bản thể Quyền mưu khác nhau, cố nhiên, do phương thức truyền đạt chi phối Quyền mưu nên kết quả và việc thực thi Quyền mưu cũng bị ảnh hưởng trực tiếp. Nhưng trong điều kiện cùng một loại bản thể Quyền mưu, thì bản thể quyền mưu áp dụng phương thức truyền đạt như thế nào cũng có vai trò quan trọng đối với kết quả và việc thực thi Quyền mưu.

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUYỀN MƯU

Quyền mưu không chỉ bộc lộ cá tính mạnh mẽ trong hoạt động xã hội mà nhìn trên tổng thể có không ít tính chung.

Có người thích gọi Quyền mưu là một thứ khoa học hoặc mang tính quy luật, và luôn luôn liên hệ với một số "nguyên tắc", "công thức". Chúng tôi không nghĩ như vậy. Trong khoa học có một tư tưởng cơ bản : trong điều kiện giống nhau, nguyên nhân giống nhau sẽ dẫn đến kết quả giống nhau. "Điều kiện giống nhau" này không chỉ có thể sinh thành tự nhiên mà còn có thể do con người tạo ra. Vì vậy, định lí hoặc qui tắc của khoa học có ý nghĩa phổ biến "chân lí của bốn phương" Quyền mưu thuộc về đời sống xã hội nhưng cũng không hẳn như vậy. Mỗi một Quyền mưu trở thành một hiện tượng lịch sử, cũng chỉ có thể là một lần. Đó là vì : Một mặt, trong lĩnh vực đời sống xã hội, cái "điều kiện giống nhau" này không bao giờ xuất hiện lần nữa. Mỗi trường Quyền mưu đều có nội dung nhất định, cụ thể. Mặt khác, mỗi người là chủ thể Quyền mưu hoặc khách thể Quyền mưu đều là tuyệt đối, không thể lặp lại và có một không hai, dù rằng cùng một cá nhân, trong những trường Quyền mưu khác nhau sẽ có phản ứng tâm lí không giống nhau và do đó áp dụng hành động khác nhau. Chúng tôi nói rằng đặc trưng cơ bản nhất của Quyền mưu là ở tuỳ cơ ứng biến. "Cơ" ở đây là cơ

hội mà chủ thể Quyền mưu bắt gặp, là điểm mấu chốt trong sự phát triển biến hoá của sự việc, là khâu đóng vai trò quan trọng đối với Quyền mưu. "Biến" ở đây là cả quá trình từ lúc chủ thể Quyền mưu có sự quyết đoán đến khi áp dụng thủ đoạn tương ứng. "Cơ" tuy thuộc về tồn tại khách quan, nhưng lại rất không ổn định, thậm chí biến mất trong nháy mắt. "Thời bất đãi nhân", cơ bất khả thất, thời bất tái lai", chính là có ý ấy. "biến" lại thuộc về một loại phản ứng chủ quan. Phản ứng này hoặc là dựa vào việc lường tính trước, hoặc hoàn toàn không hề có mục đích định trước, dường như hoàn toàn được quyết định bởi hoạt động tư duy của chủ thể Quyền mưu trong một trường Quyền mưu nhất định. Thế cho nên "điệu kế đem dùng có ở trong lòng", "cau mày một cái, mưu kế định xong". Nhà nghiên cứu lịch đại coi Quyền mưu là "Kỳ" , là "Nguỵ đạo", nó nói rõ bản thân Quyền mưu không có tính tất nhiên, trái lại là tính ngẫu nhiên, tính ngẫu nhiên dồi dào. Trong thực tiễn, Quyền mưu cũng không thể công thức hoá. Một khi có khuynh hướng công thức hoá, Quyền mưu sẽ mất đi sức sống của mình. Đứng trên ý nghĩa này mà xét, công thức hoá chỉ có thể là kẻ tử thù của Quyền mưu. Vì vậy, với Quyền mưu, nói nó là khoa học, chi bằng nói là nghệ thuật.

Có người thích nói Quyền mưu là sự phản ánh của ý thức trong một giai đoạn cụ thể và luôn liên hệ với cuộc đấu tranh giai cấp trong cả xã hội. Chúng tôi không cho là như vậy. Giữa các nhân tố của Quyền mưu, chủ thể và

khách thể Quyền mưu là nhân tố con người. Trong xã hội truyền thống vốn mang tính giai cấp nhất định, đó là điều ai cũng biết. Nếu phê phán chúng, thì đó là nhiệm vụ chủ yếu của nhà sử học. Điều mà nhà nghiên cứu Quyền mưu học đặc biệt quan tâm chỉ là bản thể Quyền mưu. Chủ thể và khách thể Quyền mưu chẳng qua là sự thể hiện của một mặt nào đó của bản thể Quyền mưu. Quyền mưu là thủ đoạn để đạt đến mục đích nhất định. Mục đích này vừa có thể là niềm hạnh phúc của cả dân tộc, cũng có thể là sự thoả mãn lòng ham muốn của mỗi cá nhân, thủ đoạn này vừa có thể là những cuộc tắm máu, cũng có thể là chứa chan tình cảm mặn nồng. Vì vậy, Quyền mưu vừa có thể là thiên sứ khiến mọi người ngưỡng mộ, lại có thể đóng vai quỷ sứ làm người ta run sợ. Tất cả đều do chủ thể và khách thể Quyền mưu quyết định, không liên quan gì đến bản thể Quyền mưu. Bởi vì bất kể lúc nào ở đâu, bản thể Quyền mưu đều không chịu sự phán xét của thước đo giá trị của luân lý hoặc chính trị, phải chịu sự phán xét này, chỉ có chủ thể và khách thể Quyền mưu. Trong các loại đời sống xã hội, áp dụng thủ đoạn nhất định có thể đạt được mục đích nhất định. Mục đích nhất định này còn phải có thủ đoạn nhất định phục vụ nó, thế nhưng, thủ đoạn nhất định không thích ứng một cách đơn thuần với một mục đích nào đó. Người ta vừa có thể lợi dụng thủ đoạn này đạt được mục đích của mình, cũng có thể dùng thủ đoạn kia đạt được cùng một mục đích. Những người này có thể lợi dụng thủ đoạn nào đó đạt được mục đích, những người khác lại có thể dùng cùng một thủ đoạn

đạt được mục đích. Cho nên Quyền mưu không thể bị một giai cấp, một chính đảng hoặc một tập đoàn nào đó độc chiếm. Xét từ góc độ lịch sử, Quyền mưu là một loại hiện tượng văn hoá, vừa có tính thời đại nhất định, vừa có tính siêu thời đại. Chúng ta nói Quyền mưu mang tính thời đại, là vì một bộ phận Quyền mưu chỉ dùng được giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, thường trở nên cũ kỹ, lỗi thời, thậm chí mất hết sức sống cùng với tốc độ nâng cao sức sản xuất xã hội và năng lực nhận thức của con người. Chúng ta nói quyền mưu mang tính siêu thời đại là bởi vì một bộ phận Quyền mưu một khi được phát minh, không những được người ta áp dụng rộng rãi ở một giai đoạn lịch sử nào đó mà vẫn còn nguyên giá trị ở một số giai đoạn lịch sử khác. Đến tận ngày nay còn rất nhiều Quyền mưu được phát minh trước kia vẫn được người ta vận dụng rộng rãi, nguyên nhân căn bản của nó chính là ở chỗ tính siêu thời đại của bản thể Quyền mưu, cũng tức là tính tính vô giai cấp của bản thân Quyền mưu.

Có người muốn xem Quyền mưu chỉ là thủ đoạn quen dùng của kẻ thống trị, đặc biệt là người thống trị cao nhất, đồng thời luôn luôn liên hệ với việc họ chơi trò âm mưu quỷ kế. Chúng tôi không cho là như vậy. Trước kia, hiện nay và sau này, Quyền mưu không bao giờ và không thể là phát minh của cá nhân nào hoặc nhóm người nào đó. Trong lịch sử, rất nhiều nhà Quyền mưu khá nổi tiếng, hầu hết đều thuộc hàng ngũ những nhà chính trị, người thống trị cao nhất, nhưng điều đó không có nghĩa những

người bị trị không dính dáng gì đến Quyền mưu. Trái lại trong đời sống xã hội của mình, những người bị trị đã từng nghĩ ra và vận dụng vô số Quyền mưu, chỉ là bị những nhà học giả chính thống chuyên về lịch sử coi thường và vứt bỏ mà thôi. Bạn có biết chăng xưa nay nhà sử học truyền thống không hề chú ý đến giai cấp bị trị, không chú ý phản ánh trí tuệ của những người bị trị, một bộ sử hai mươi lăm thế kỷ xưa nay không phải biên soạn vì quần chúng nhân dân. Đến đây, chúng ta nhận ra được một điều, đó là không thể một lần nữa vô lý loại trừ những người bị trị ra ngoài mảnh đất Quyền mưu, dường như họ chỉ biết tiếp thu trò lừa bịp và sự áp bức bóc lột của kẻ thống trị. Hơn nữa, bản thể Quyền mưu thuộc về kết cấu vật mềm nội tại, che giấu, vận dụng nó vào trong đời sống xã hội vẫn cần phải có một số sắc thái bí hiểm. Vì vậy, nhiều người thường xem một bộ phận quyền mưu như là âm mưu quỷ kế để công kích, phỉ nhổ. Điều này về tình cảm cá nhân là có thể lý giải được, nhưng về mặt nhận thức thì lại tồn tại một số thiếu sót trầm trọng : đó chính là gộp chủ thể Quyền mưu, khách thể Quyền mưu, và bản thể Quyền mưu làm một mà bàn, gộp năng lực và kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của con người trongđời sống xã hội với động cơ vận động năng lực và kỹ xảo đó àm một để bàn, gộp lẫn thủ đoạn cần thiết của các hoạt động xã hội vào với mục đích phải đạt tới thông qua thủ đoạn đó để bàn. Còn về quan điểm "muốn đạt mục đích, không cần lựa chọn thủ đoạn", chúng ta cần phân tích cụ thể và xử lý. Vận dụng Quyền mưu với động cơ xấu xa và gian ác, trong

bất kì hoàn cảnh nào, chúng ta cũng đều phải phản đối. Vận dụng quyền mưu vì một sự nghiệp cao cả và chính đáng, chúng ta tán thành với mức độ nhất định. Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng nói rằng Quyền mưu là năng lực và kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến thì quả thực người nào có bộ óc minh mẫn đều có thể được hưởng đủ.

Có người muốn hạn định Quyền mưu trong một lĩnh vực đời sống xã hội nào đó, vạch giới hạn cho phép chứ không muốn biến thông. Chúng tôi không cho là đúng. Quyền mưu là một khái niệm khá chung chung, theo thói quen phân loại của người ta, nó chủ yếu gồm có Quyền mưu chính trị, Quyền mưu quân sự, Quyền mưu ngoại giao, Quyền mưu kinh tế,... Phân loại như vậy là hoàn toàn cần thiết đối với việc đi sâu vào các lĩnh vực đời sống xã hội để nghiên cứu Quyền mưu. Nhưng, "tính nghề nghiệp" thật sự không phải là thuộc tính bản chất của Quyền mưu. Giữa các loại Quyền mưu cũng không có ranh giới ngăn cách rõ ràng. Kỳ thực, trong đời sống xã hội rộng lớn, Quyền mưu chính trị có thể vận dụng vào lĩnh vực quân sự, Quyền mưu quân sự có thể vận dụng vào lĩnh vực kinh tế, Quyền mưu kinh tế có thể vận dụng vào lĩnh vực ngoại giao, Quyền mưu ngoại giao có thể vận dụng vào lĩnh vực chính trị, các loại Quyền mưu đều liên quan tới nhau, thẩm thấu vào nhau. Ngay trong cùng một loại Quyền mưu, bản thể Quyền mưu nhất định là hạt nhân của quyền mưu, đồng thời cũng có thể linh hoạt phát huy. Nó vừa có thể được cá nhân nhận thức và vận dụng, lại vừa có thể được quần

thể nhận thức và vận dụng, vừa có thể vận dụng vào mặt chiến lược, lại có thể vận dụng vào mặt chiến thuật, vừa có thể vận dụng cho hiện tại vừa có thể vận dụng cho tương lai. Trong thực tế vận dụng, các Quyền mưu xuyên thông nhau, chuyển đổi lẫn nhau. Những qui kết này được quyết định bởi tính linh hoạt của Quyền mưu.

Đến đây cần phải nêu lên những tính chất chung của Quyền mưu từ góc độ một bộ môn học thuật, do chính là tính phi khoa học (hay tính nghệ thuật), tính "vô giai cấp", tính phổ biến và tính linh hoạt.

THỜI ĐẠI TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC : BA PHÁI QUYỀN MƯU LỚN

Để lợi dụng Quyền mưu đạt tới mục đích của mình, người ta thường hay tỏ ra vô cùng thích thú đối với Quyền mưu.

Người Trung Quốc tìm hiểu và nghiên cứu Quyền mưu về mặt lý luận, sớm nhất bắt đầu từ thời Tiên Tần. Lúc bấy giờ lấy học thuyết biện chứng mộc mạc mà tiêu biểu là : "Chu dịch", "Lão tử", để triển khai rộng rãi việc nghiên cứu các loại Quyền mưu, đặt nền móng lý luận chắc chắn . Học thuyết biện chứng mộc mạc này kết hợp với tình thế thiên hạ hỗn loạn, chiến tranh liên miên lúc bấy giờ, khuấy động làn sóng nghiên cứu và vận dụng Quyền mưu trong phạm vi toàn xã hội. Đại để trong bách gia Chư tử,

nói một cách tương đối, ba nhà Pháp, Binh, Tung hoành là coi trọng quyền mưu hơn cả. Ba nhà này do lý luận và chủ trương chính trị mà mỗi nhà theo đuổi không giống nhau, nên việc phát hiện và vận dụng quyền mưu cũng có chiều hướng thiên lệch khác nhau. Nói chung, Pháp gia thiên về chính trị, Binh gia thiên về quân sự, Tung hoành gia nặng về ngoại giao. Vì vậy, tự nhiên chúng ta có thể chia các trào lưu nghiên cứu quyền mưu lúc bấy giờ làm ba phái lớn : Pháp gia quyền mưu, do Hàn Phi sáng lập, lấy "Hàn Phi tử" làm tác phẩm tiêu biểu ; Binh gia quyền mưu, thuỷ tổ là Tôn Vũ, lấy "Tôn tử binh pháp" làm tiêu biểu ; Tung hoành quyền mưu, do Tô Tần, Trương Nghi đề xướng, lấy " Quỉ Cốc tử" làm tiêu biểu.

Hàn Phi là người sáng lập ra học thuyết Pháp gia Tiên Tần, tiếp thu cơ sở lý luận chính trị của Thương Ưởng, Thân Bất Hại và Thân Đáo, sáng lập ra học thuyết chính trị kết hợp Pháp, Thuật, Thế. Lời bàn của ông ta đối với Pháp, Thuật, Thế và mối tương quan giữa chúng, có thể vắn tắt như sau : 1- Pháp là chỗ dựa căn bản của vua chúa cai trị đất nước, thống trị nhân dân. 2- Thuật là thủ đoạn chủ yếu để vua chúa điều khiển bề tôi, kiểm tra bách quan. 3- Thế là quyền thế sinh sát ban phát tước đoạt mà vua chúa độc quyền nắm giữ. 4- Pháp, Thuật, Thế lấy Pháp làm hạt nhân. Pháp là cái mang tính qui định đối với chính trị truyền thống, Thuật là thủ đoạn cơ bản đảm bảo cho Pháp thi hành được thuận lợi. Thế là tiền đề tất yếu để vận dụng Pháp. Thuật. Chúng dựa vào

nhau mà tồn tại, không thể thiếu cái nào. Học thuyết này là sự phản ánh tập trung chủ nghĩa chuyên chế và "Nhân trị", dù sao đi nữa cũng không thể đưa nền chính trị truyền thống vào quĩ đạo của trình tự hoá. Bởi vậy về phương pháp thống trị không thể không dựa vào quyền mưu chính trị. Bây giờ chúng ta thử xem "Hàn Phi Tử", rất dễ dàng nhận thấy nội dung chủ yếu của tác phẩm, đó là bản về quyền mưu chính trị trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lịch sử. Chẳng hạn "Nội trữ thuyết" tập trung bàn về "Thất thuật" mà các bậc vua chúa hay dùng - như Nhất thính trách hạ, Nghi chiếu qui sử, Hiệp trị nhi vấn, Đảo ngôn phản sự, ... và "Lục vi" mà các bậc vua chúa hay xem xét- như Lợi dị ngoại tá, Thác vu tự loại, Tham nghi nội tranh, Địch quốc phế trí,... Đồng thời chỉ ra vua chúa chỉ có vận dụng "Thất thuật" dưới tiên đề thấu hiểu "Lục vi" mới có thể củng cố địa vị quyền lợi của mình, tăng cường khống chế sức mạnh của bộ máy nhà nước. Lại như "Thuyết lâm", "Ngoại trữ thuyết", "Nạn nhất" đến "Nạn tứ", những thiên này đều dùng thực tế lịch sử cụ thể và truyền thuyết, bao gồm hàng loạt câu chuyện quyền mưu để chứng minh cho học thuyết chính trị kết hợp cả Pháp, Thuật, Thế. Tất cả những cái đó, tuy là tác giả thiết kế cho vua chúa điều khiển bề tôi, thực hiện thống trị chuyên chế, nhưng trong thực tiễn chính trị cụ thể, lại rất tự nhiên trở thành phương pháp tối ưu quan lại cắn xé nhau và quan lại các cấp thống trị nhân dân. Thế là, trên vũ đài chính trị truyền thống, lợi dụng quyền mưu để duy trì và mở rộng lợi ích của mình, củng cố và nâng cao địa vị của

bản thân, thậm trí hoàn thành sứ mạng chính trị nào đó, thực hiện mục đích chính trị nào đó, liền trở thành hoạt động thường xuyên nhất, có hiệu quả nhất.

"Tôn tử binh pháp" là trước tác lý luận quân sự sớm nhất của Trung Quốc tồn tại đến nay, là bộ thứ nhất của "Vũ kinh thất thư" trong xã hội truyền thống. Trong bộ trước tác này, Tôn Vũ đã lần lượt bàn đến các vấn đề "Kế", "Tác chiến", "Mưu công", "Hình", "Thế", "Hư thực", "Quân Sự", "Cửu biến" và "Dụng gián", trình bày rõ ràng vấn đề chiến tranh và nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh, nêu lên khá tỉ mỉ của quyền mưu quân sự. Chẳng hạn trong "Kế thiên" viết : "Việc binh là hoạt động dối trá. Cho nên, có khả năng mà tỏ ra không có khả năng, dùng mà tỏ ra không dùng, gần mà làm như xa, xa mà làm như gần : dùng lợi để dụ nó, dùng loạn để chiếm lấy nó, thành thực nhưng đề phòng nó, mạnh nhưng phải xa lánh nó ; giận dữ mà khuất phục, thấp hèn mà kiêu ngạo, an nhàn mà mệt nhọc, gần gũi mà xa lạ ; đánh khi đối phương không phòng bị, đánh bất thình lình. Thắng lợi này của Binh gia không thể nói trước được". Tôn Vũ cho rằng vận dụng quyền mưu trong chiến tranh là một việc rất có giá trị. "Thượng sách trong việc dùng binh là đánh bằng mưu kế, thứ đến là đánh bằng ngoại giao, thứ nữa là đánh bằng uy thế của quân đội, cuối cùng mới công thành". Đánh bằng mưu kế so với công thành, tổn thương ít mà thu hoạch nhiều, rõ ràng là sách lược thượng hạng "Thế cho nên trăm trận trăm thắng, kẻ không thiện chiến cũng trở

nên tài giỏi ; quân đội không đánh mà khuất phục được người là thiện chiến của thiện chiến", "Người giỏi dùng quân, khuất phục được người mà không phải đánh, lấy được thành mà không phải công, huỷ diệt nước mà không cần lâu, quân đội ấy tất sẽ lấy được cả thiên hạ, cho nên quân lính không mệt nhọc mà được toàn lợi, ấy là phép mưu công vậy". Theo Tôn Vũ "Biết người biết ta trăm trận không thua" là một nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh có ý nghĩa phổ biến. Nguyên tắc này phản ánh mối quan hệ giữa việc nắm chắc tình hình địch, ta của người chỉ đạo chiến tranh với sự thắng bại của cuộc chiến tranh, vì vậy có vai trò quan trọng đối với việc phát minh và vận dụng quyền mưu quân sự. Để có được "Biết người", Tôn Vũ đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của việc sử dụng "Gián mưu" trong chiến tranh,phần cuối của sách chỉ chuyên bàn về phương pháp "Dụng gián", chỉ ra một cách cụ thể "Dụng gián" có năm : Nhân gián, Nội gián, Phản gián, Tử gián, Sinh gián. Đủ cả "ngũ gián", không ai biết được đạo của nó, thế gọi là thần kỳ, dân chúng vua quan đều quí trọng. ". Có thể nói đây là những câu nói chí lí có liên quan tới việc Dụng gián. Trong lịch sử tư tưởng quân sự Trung Quốc, cùng xếp ngang hàng với "Tôn tử binh pháp" còn có "Ngô tử", "Tư mã pháp", "Lục Thao", "Tam lược", "Uý liêu tử" và "Lý Vệ công vấn đối". Đời Tống gộp bảy bộ này lại. Khắc in phát hành, đặt tên là "Vũ kinh thất thư". Thế là, cũng như Nho gia có "Lục kinh", Đạo gia có "Đạo đức kinh", Phật gia có các loại Phật kinh, "Vũ kinh thất thư" đã trở thành trước tác kinh điển của Binh gia, trở thành kho báu

quyền mưu quân sự người đời sau dùng không hết, dùng không biết chán.

Tung hoàng là những nhân vật sôi nổi hăng hái nhất trên vũ đài ngoại giao thời Chiến quốc. Cái gọi là "Tung hoành" là một khái niệm chính trị có nội hàm đặc biệt. "Tung" tức "Hợp tung", là chỉ sáu nước Sơn Đông từ Yến đến Sở, nam bắc hợp thành một tuyến, cùng nhau chống Tần, để mong tồn tại. "Hoành" tức "Liên hoành", là chỉ liên minh của nước Tần với bất kỳ một nước nào, đông tây liên thành một tuyến, công kích nước khác, hòng thống nhất thiên hạ. Tung hoành gia chính là những mưu thần biện sĩ đón lấy nhu cầu bức thiết của cuộc đấu tranh chính trị lúc bấy giờ, ôm "Thuyết tung hoành hơn kém", hoặc bôn ba du thuyết, hoặc vào triều can dự chính sự, trực tiếp chịu trách nhiệm với kẻ thống trị các nước. Nhìn chung, về tư tưởng chính trị, họ có đặc trưng chung rất rõ ràng : tôn sùng sách lược, quyền mưu trên hết. Nếu nói "Pháp gia tín ngưỡng" "lấy lực khuất phục người", Nho gia kiên trì "dùng lễ khuất phục người", thì Tung hoành gia lại chủ trương "dùng lí lẽ khuất phục người". Họ coi quyền mưu là sự hoá thân của trí và lý, cho rằng nó có thể phát huy hiệu lực không gì sánh được, với bên trong có thể làm cho nước trị dân yên, với bên ngoài có thể làm cho "chư hầu kết thân", với bản thân thì muốn gì được nấy. Như vậy thì có thể khái quát được lời nói và việc làm của họ, nét đặc thù của "Thuyết tung hoành hơn kém" không ngoài việc nêu lên cái tốt. khéo léo can gián, thấy người ta thận

trọng thì cố tình doạ nạt, che giấu chỗ yếu khoe chỗ mạnh, giả đò giả bộ, khích bác li gián, dọc ngang lôi kéo chia rẽ, chèn ép lật đổ, cương nhu giúp nhau. Trong một trường Quyền mưu, họ thường đưa ra ba sách lược, "sách lược trên không được thì làm theo sách lược giữa, giữa không được thì cuối", lấy đó để tỏ rõ sức mạnh của trí và lí với kẻ thống trị tối cao. Tung hoành gia là những nhân vật nhiều mưu kế, vừa có văn hoá vừa có tri thức, việc diễn tập và triển khai hoạt động du thuyết can gián của họ đã để lại cho mọi người rất nhiều tài liệu thành văn, phân loại theo nước có, lộn xộn cũng có. Mãi đến cuối Tây Hán, qua việc xét tuyển và sắp xếp, mới thành sách "Chiến quốc sách", lưu lại cho đời. Đây là tập tư liệu khá hoàn chỉnh phản ánh các mưu thần biện sĩ thời Chiến quốc nghĩ sách vạch mưu cho đất nước mà họ phụng sự. Khác với nó, "Qui cốc tử" là một bộ trước tác kinh điển của Tung hoành gia đến nay vẫn còn, bàn luận khá hệ thống về các vấn đề như "Bài hạp", "Nội kiện", "Để hi", "Phản ứng", "Phi kiềm", "Ngố hợp", "Soái", "Ma", "Quyền", "Mưu", "Quyết", đã làm rõ nội dung chủ yếu của Quyền mưu ngoại giao. Tác giả coi việc cân nhắc quyền lực, phán đoán tình hình là điều kiện tiên quyết của việc du thuyết can gián, và từ phẩm chất, tính cách, địa vị, tình cảnh và diễn biến tâm lý, đã trình bày tính khả thi của việc cân nhắc quyền lực, phán đoán tình hình, cho rằng trên cơ sở này, "dựa vào sự hoài nghi của ông ta mà làm cho thay đổi, dựa vào điều ông ta trông thấy mà khẳng định, dựa vào điều ông

ta nói để yêu sách, dựa vào tình thế lúc ấy mà tạo ra thành công, dựa vào điều ông ta ghét để làm đổi thay, dựa vào điều ông ta lo lắng để đập lại, xoa dịu và đi dọa, làm cao mà hành động, làm cho suy vi mà vực dậy, phù hợp thì hoạ theo, ủng hộ một cách khéo léo, làm cho rối loạn rồi mê hoặc, thế gọi là "mưu kế". Nói cách khác, trong đời sống thực tế, là chủ thể Quyền mưu, triển khai hoạt động du thuyết can gián thì phải xử lý tốt các mối quan hệ "Bài hạp", "Phi kiềm", "Ngỗ hợp", "Trục vụ", "Thuận nghịch".

Theo các tài liệu hiện có, sự phát triển của các loại Quyền mưu trong lịch sử Trung quốc, đại thể đã định hình từ thời kỳ Tần - Hán. Do đó lần chỉnh lý văn hiến giữa hai đời Hán cũng đề cập đến lĩnh vực lý luận liên quan đến Quyền mưu. "Hán thư - Nghệ văn chí" ghi chép Pháp gia, bao gồm "Thương quân", "Thân tử", "Thận tử", "Hàn tử", cộng 10 loại 217 thiên ; Binh gia 53 loại 790 thiên, trong đó Binh Quyền mưu có "Tôn tử", "Ngô Khởi", "Phạm Lãi", "Hàn Tín" gồm 13 nhà 259 thiên, Binh hình thế có "Xế Vưu", "Tôn Chấn", "Uý Liêu", "Hạng Vương", gồm 11 nhà 92 thiên ; Tung hoành gia bao gồm "Tô tử", "Trương tử", "Bành Quyên", "Khoái tử" tổng cộng 12 loại 107 thiên. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung quốc, đây là tổng kết học thuật khá qui mô những tài liệu lịch sử có liên quan tới lý luận Quyền mưu.

TAM THẬP LỤC KẾ, BÁCH CHIẾN KỲ LƯỢC VÀ TRÍ NANG

Văn hoá truyền thống Trung Quốc, xét về thủ hưởng giá trị, phương thức truyền bá của nó, có thể chia làm hai loại lớn : Văn hoá hiện và Văn hoá ẩn. Văn hoá chính thống lấy "Nhân nghĩa đạo đức" làm hạt nhân là cốt lõi của loại trước ; Văn hoá phi chính thống lấy gian trá qui quyệt làm nội dung là máu thịt của loại sau. Trong cả xã hội truyền thống, Văn hoá hiện đưa ra cho xã hội một lí tưởng xã hội, mục tiêu cuộc sống, và con đường đi tới lí tưởng và mục tiêu này, luôn được người ta tiếp thu. Văn hoá ẩn thì lại đưa ra cho xã hội một bộ pháp thuật xã hội và Quyền mưu cuộc sống và những điều kiện sử dụng pháp thuật, Quyền mưu này, nó cũng luôn được người ta tiếp thu. Hai loại hình thái văn hoá lớn này tiêu biểu cho hai phương thức truyền bá của văn hoá truyền thống : rõ ràng và mờ ám, hiện và ẩn. Chỉ nói riêng với giai cấp thống trị, chúng đảm đương hai chức năng xã hội : một là vai trò mục sư, một là vai trò tên đao phủ. Quyền mưu mà chúng ta bàn đến có thể nói hoàn toàn thuộc về phạm vi văn hoá ẩn.

Đời Hán về sau, trong lĩnh vực hình thái ý thức xã hội truyền thống đã hình thành tư tưởng thống trị khá vững chắc. Các loại Quyền mưu mặc dù vẫn được vận dụng rộng rãi trong đời sống xã hội, trong mỗi thời kỳ nhất

định vẫn có không ít phát minh mới, nhưng, là loại văn hoá ẩn, bởi vì giá trị của nó không hợp với cái gọi là "Đạo của thánh nhân", khác hẳn với văn hoá hiện do Nho gia chiếm địa vị thống trị, cho nên về lí luận xưa nay thường bị khinh rẻ, không được các học giả chính thống coi trọng, đến nỗi tác phẩm Quyền mưu có nhiều ảnh hưởng xã hội mà hai ngàn năm để lại cũng chỉ lèo tèo thưa thớt.

"Tam thập lục kế", có thể nói là một số bộ sách chuyên bàn về Quyền mưu lưu truyền rộng rãi nhất hiện nay. Là một từ ngữ, "Tam thập lục kế" bắt nguồn từ "Nam Tề thư. Vương Kinh tắc truyện", sau đó đến khoảng giữa Minh - Thanh, mới tích luỹ thành sách, còn tác giả của nó thì không thể khảo chứng được nữa. Bộ trước tác này chia Quyền mưu làm sáu bộ : chiến thắng kế, địch chiến kế, công chiến kế, hỗn chiến kế, tinh chiến kế và bại chiến kế. Mỗi bộ lại chia ra làm sáu loại Quyền mưu. Chiến thắng kế chia làm: bịp bợm ngấm ngầm, vây Ngụy cứu Triệu, giết người, giấu tay, dùng quân chờ sẵn đánh định đang mệt mỏi, thừa cơ làm bậy, đương đông kích tây. Địch chiến kế có : bịa đặt vô lý, ngấm ngầm ra tay, cháy nhà hàng xóm bình chân như vại, miệng thơn thớt dạ ớt ngâm, hình nhân thế mạng, tiện tay vơ của. Công chiến kế có: động chà cá nhảy, mượn xác cho hồn, như hổ xuống núi, lạt mềm buộc chặt, đưa ngói lấy ngọc, bắt vua trước bắt giặc sau. Hỗn chiến kế chia ra : đào tận gốc trốc tận rễ, đục nước béo cò, ve sầu lột xác, đóng cửa bắt trộm, thân nước xa đánh nước gần, giả đạo đánh Quắc. Tinh chiến

kế chia ra : đổi trắng theo đen, giận cá chém thớt, giả điên giả dại, qua cầu rút ván, hoa nở trên cây, biến khách thành chủ. Bại chiến kế chia ra: mỹ nhân kế, không thành kế, phản gián kế, khổ nhục kế, liên hoàn kế và tẩu vị thượng. Cả bộ tổng cộng có ba mươi sáu mưu kế. Lời lẽ giải thích của mỗi một mưu kế đều dựa vào lý luận bát quái âm dương, cũng tức là mô hình nhận thức vũ trụ dựa vào âm dương bát quái, sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào để giải thích mâu thuẫn đối lập và sự chuyển hoá lẫn nhau trong mỗi mưu kế. Cho nên nói "Tam thập lục kế" về nội dung tư tưởng ít nhiều mang sắc thái của phép biện chứng mộc mạc.

"Bách chiến kỳ lược" là một bộ trước tác chuyên môn tổng kết một cách có hệ thống vấn đề chiến lược chiến thuật trong thời đại vũ khí lạnh. Tác giả Lưu Cơ là một nhân vật thần kỳ cuối Nguyên đầu Minh, nghe nói tinh thông binh pháp, giỏi quyền mưu, từng lập công diệt Nguyên lập Minh. Trước tác này dựa vào điều kiện chính trị, kinh tế, quân sự và tự nhiên của cả hai bên tham chiến , chia các cuộc chiến tranh (chủ yếu là chiến dịch) trong lịch sử thành một trăm loại hình, từ đó luận bàn thêm, chỉ rõ những yếu lĩnh cần nắm được khi vận dụng nó vào thực tế. Về lý luận, tác giả đã tiếp thu quan điểm chiến tranh "Vũ kinh thất thư" và một số trước tác quân sự khác, đã vận dụng và phát huy một loạt tư tưởng mưu lược quân sự như "Thượng binh phạt mưu", "Nhân địch nhi chế thắng", "Tiên thắng nhi hậu chiến", " Chí nhân nhi bất chí vu nhân",

"Tất tử tắc sinh, hạch sinh tắc tử", "Kiến khả nhi tiến, tiến nan nhi thoái"", "Binh quí thần tốc"...

Về tài liệu, tác giả đã tập hợp những trận đánh điển hình, nổi tiếng rải rác trong sử sách hơn một nghìn sáu trăm năm từ Tiên Tần đến Ngũ Đại, xếp mỗi trận đánh điển hình này vào trong mỗi loại Quyền mưu, làm chú thích cụ thể cho luận điểm có liên quan. Chính vì kết hợp lý luận với sử liệu, "Bách chiến kỳ lược" mới trở thành trước tác Quyền mưu quân sự có máu thịt được người đời quí trọng.

"Trí nang" là tập truyện mưu lược nội dung phong phú nhất, khuôn khổ rộng lớn nhất trong lịch sử văn hoá Trung Quốc. Phùng Mộng Lang là nhà văn học nổi tiếng đời Thanh, tác giả của tiểu thuyết nhân tình thế thái "Tam ngôn", ông ta lấy "Không nghĩ về người mà nghĩ về việc, không nghĩ về việc mà nghĩ về trí" làm tôn chỉ, suy tập được hơn một nghìn ví dụ lấy trí để thắng trong truyện đặt và dã sử, bách gia kinh sử trong thời kỳ Tiên Tần đến đầu nhà Minh, được phân loại sắp xếp mà thành sách "Trí nang". Sách này chia mưu lược làm mười bộ : "Thượng trí" là sách lược trị nước, "Minh trí" là tầm nhìn xa trông rộng kiến thức cao sâu, "Đảm trí" là lập công bằng lòng gan dạ và mưu cao, "Tiệp trí" lấy mẫn tiệp đoạt nhân, "Sát trí" là nhìn rõ chân tơ kẽ tóc, "Thuật trí" là tuỳ cơ ứng biến, "Binh trí" là trị quân dụng binh, "Ngữ trí" là lời lẽ sắc sảo, "Khuê trí" là mưu kế đàn bà, "Tạp trí" là mánh khoé tiểu nhân. Mỗi bộ chia ra làm nhiều loại : Thượng

trí có "Kiến đại", "Viễn dọ", "Thông giản", "Nghênh nhẫn" ; Minh trí có : "Trí vị", "Ức trung", "Phấn nghi", "Kinh vụ", Sát trí có : "Đắc tình", "Cát gián" ; Dảm trí có : "Uy khắc", "Thúc đoạn" ; Tiệp trí có : "Linh biến", "Ứng tốt", "Mẫn ngộ" ; Thuật trí có : "Ủy xà", "Mậu số", "Quyền kỳ" ; Ngữ trí có : "Biện tài", "Thiện ngôn" ; Binh trí có : "Bất thành", "Chế thắng", "Quĩ đạo", "Vũ án" ; Khuê trí có : "Hiền triết", "Hùng lược" ; Tạp trí có : "Giảo hiệt", "Tiểu tuệ". Cộng hai mươi tám loại. Về chủ khách thể, nhân vật phong phú đa dạng, có đế vương tướng lĩnh, có lái buôn, người lao động, kẻ tôi tớ, có người già cả, có đàn bà yếu ớt trẻ con thơ dại, so với tác phẩm khác, nó càng có tính chất tiêu biểu.

Những tác phẩm này với những đặc điểm và thành tựu tươi sáng của nó, hoàn toàn có giá trị tham khảo không nhỏ đối với việc nghiên cứu Quyền mưu của chúng ta. Nhưng chúng ta nên thấy rằng về quan điểm lý luận, phương thức biên soạn, chúng còn nhiều hạn chế không thể chối cãi được. Suy cho cùng "Tam thập lục kế" không thể coi là một tác phẩm Quyền mưu hoàn chỉnh, chỉ là sự quy nạp bộ phận các loại Quyền mưu ; nói riêng về từng mưu kế, có cái câu nệ ở việc đặt tên thành ngữ, không khỏi gán ghép gượng gạo. Có cái cùng việc khác tên, tạo ra hiện tượng trùng lặp trong kết cấu tác phẩm. "Bách chiến kỳ lược" chỉ giới hạn bàn về vấn đề tác chiến của thời đại vũ khí lạnh mà không hề đề cập đến các mặt khác trong đời sống xã hội ; vì thiếu kiến thức tổng thể về chiến tranh

nên khi mổ xẻ các Quyền mưu quân sự, không thể sử lý tốt vấn đề mối quan hệ giữa chiến lược, chiến thuật và kỹ năng chiến đấu. Việc phân loại mưu lược mà "Tri nang" đưa ra, có khi dựa vào ngôn, hành, trạng thái tâm lý của chủ thể Quyền mưu, có khi lại tham khảo trường Quyền mưu khác nhau, thật là không có một tiêu chuẩn thống nhất nào ; trong khi đó, với mỗi một ví dụ không khái quát ưu thế, khi sắp xếp không theo trình tự thời gian. Vì vậy từ đầu đến cuối rất lộn xộn. Đáng nói hơn nữa là cái mà những tác phẩm này đem lại cho người ta đều chỉ là biểu tượng của mỗi một Quyền mưu, cũng tức là sự siêu thuật miêu hình giản đơn, còn về mối liên hệ nội tại giữa các Quyền mưu mỗi loại lại thiếu đi sâu nghiên cứu, vì vậy không thể hình thành một ý thức siêu hình. Cho nên muốn cho Quyền mưu có sự trình bày rõ ràng chính xác, chúng ta còn cần phải người dẫn đường khác để mong bước lên con đường mới.

QUYỀN MƯU HỌC CẤU TRÚC THẾ NÀO

Chúng tôi biên soạn bộ "Quyền mưu bí hiểm" này chính là hy vọng đi theo con đường mới, đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng chính xác.

Quyền mưu đã thuộc về vấn đề con người thì Quyền mưu học về bản chất chính là nhân học. Mọi phương pháp, lý luận khoa học nghiên cứu con người đều thích ứng với việc nghiên cứu môn học này. Đương nhiên, nói riêng về

mối quan hệ với Quyền mưu học thì lý luận và phương pháp của Xã hội học, của Chính trị học, của Kinh tế học, của Quân sự học, của Ngoại giao, của Lịch sử, của Tâm lý học và Sinh lý học, phải là những điều mà chúng tôi cần nắm trước tiên. Chúng tôi cảm thấy rằng trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tế, thông qua nhiều môn học và việc phân tích các môn học, mới có thể thực hiện được trên đây.

Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là những mưu kế mà người Trung Quốc đang nghiên cứu và vận dụng, vậy thì cấu trúc của Quyền mưu học cần phải bắt rễ trên mảnh đất văn minh tích tụ qua mấy nghìn năm nay, liên hệ chặt chẽ với văn hoá, xã hội truyền thống Trung Quốc. Xã hội truyền thống tạo ra văn hoá truyền thống, nền văn hoá truyền thống lại làm hình thành tính cách tâm lý, nhân sinh quan, xã hội và vũ trụ quan của người Trung Quốc, tất nhiên cũng sẽ thai nghén và kích thích năng lực và kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của người Trung Quốc trong đời sống xã hội. Vì vậy chúng tôi cảm thấy rằng đặt Quyền mưu mà người Trung Quốc trước kia nghĩ ra và vận dụng, vào trong hoàn cảnh văn hoá, xã hội truyền thống Trung Quốc để nhận thức, sẽ có thể đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng, chính xác.

Quyền mưu thể hiện năng lực kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của mọi người trong cuộc sống xã hội, thế thì Quyền mưu học không nên chỉ dừng lại ở giai đoạn miêu tả hình nhi

hạ, mà phải phát triển thành lớp lý luận cụ thể. Chúng tôi dựa vào tài liệu hiện có trên cơ sở phân tích và qui nạp các loại Quyền mưu, sơ bộ rút ra mười phạm trù mâu thuẫn lớn "Đại và Tiểu", "Viễn và Cận", "Minh và Ám", "Chân và Giả", "Cường và Nhược", "Hư và Thực", "Tiến và Thoái", "Cương và Nhu", "Trực và Khúc", "Thuận và Nghịch". Chúng tôi cảm thấy đi từ miêu tả cụ thể để tiến hành khái quát lý luận là có thể đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng chính xác.

Chương I
ĐẠI VÀ TIỂU

Đại và Tiểu là một trong những phạm trù mâu thuẫn cơ bản trong quyền mưu học.

Thành ngữ có câu : "Nhất diệp tri thu", có nghĩa là từ một chiếc lá cây rụng mà biết mùa thu đã đến. Ấy là thông qua dấu hiệu riêng lẻ, nhỏ bé, nhận thấy xu hướng phát triển và kết quả của cả hình thể. Lại có câu "Nhất diệp chướng mục, bất kiến Thái Sơn", ý chỉ vì mê hoặc bởi hiện tượng cục bộ mà không nhìn thấy toàn cục hoặc chỉnh thể.

Qua hạt bụi nhỏ bé nhìn thấy cái bao la vô tận, đồng thời thấy được cái lớn lao của Thái Sơn, cái nhỏ bé của chiếc lá, là sự tu dưỡng cơ bản để người ta sống được yên ổn trong cái xã hội nhộn nhạo phức tạp. Dù là trên vũ đài chính trị biến hoá khôn lường hay nơi sa trường mù mịt khói lửa đạn bom, dù trong lĩnh vực kinh tế thần bí hay trong quan hệ nhân luân thông thường chứa chan tình cảm, không đâu không có sự vận động mâu thuẫn của Đại và Tiểu. Vua chúa cai quản bề tôi, bề tôi thờ phụng vua chúa, đánh trận rèn binh, tuyển dụng người tài, đến cả việc đấu trí nơi công đường, thi đấu vui chơi giải trí đều cùng xử lý duyên cớ khó hiểu mà quan hệ Đại và Tiểu để lại.

I. VU VI TRẦN TRUNG KIẾN ĐẠI THIÊN

Câu "Vu vi trần trung kiến đại thiên", nghĩa là từ cục bộ của sự vật suy ra chỉnh thể của nó. Phàm một sự vật, diện mạo chỉnh tề và xu hướng phát triển của nó không biểu hiện rõ ràng tất cả trước mắt người ta mà thường thường trước hết hiện ra cái cục bộ của nó. Chẳng hạn chúng ta tuy không biết được mọi hoạt động tâm lý của người nào đó cùng với tất cả hành động sẽ phát sinh do tâm lý riêng biệt ấy chi phối, nhưng lại có thể gián tiếp thấy đầu mối của nó qua ngôn ngữ, dáng vẻ, cử chỉ, của anh ta dù chỉ trong chốc lát. Khoa học tự nhiên hiện đại đã phát hiện ra "Toàn tức suất", nghĩa là bộ phận của sự

vật là "Toàn tức nguyên" (bắt đầu của toàn bộ tin tức), thông qua bộ phận của sự vật có thể thấy được chỉnh thể của sự vật. Như một chiếc lá là hình ảnh thu nhỏ của cái cây, một tế bào là hình ảnh thu nhỏ của cả cơ thể sinh vật. Lý luận này của khoa học tự nhiên tuy chưa hoàn toàn đúng với việc đời trong xã hội, nhưng sự phát triển của sự vật luôn có quá trình biến đổi từ lượng đến chất, lượng biến đổi là sự biến đổi của bộ phận; chất biến đổi là sự biến hoá của chỉnh thể do sự tăng thêm của lượng gây ra. Sự biến hoá của chỉnh thể bắt đầu bằng sự biến hoá của bộ phận, vậy thì, từ bộ phận nhận ra chỉnh thể, từ cái bé nhỏ nhận thấy cái lớn lao, đó không phải là cây không gốc, nước không nguồn.

"Vu vi trần trung kiến địa thiên" (qua một hạt bụi nhỏ bé nhìn thấy cái bao la vô tận), là tiền đề cơ bản trong xã hội phức tạp lộn xộn biết lo trước cơn mưa, phòng khi tai hoạ, từ đó người ta luôn giành được thắng lợi.

Thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn nằm gai nếm mật, được phái Phạm Lãi giúp sức, sau một năm gom người góp của, ngày càng lớn mạnh, chẳng mấy chốc đã diệt được nước Ngô, rửa được nỗi nhục Cối Kê. Trong tiệc mừng công, ai nấy vui mừng náo nức, công thần danh tướng chúc mừng nhau, tiếng hoan hô vang trời. Là trụ cột của một nước, Việt vương Câu Tiễn trái lại không vui, dáng vẻ khác thường. Phạm Lãi thấy vậy, thầm nghĩ : công thành nghiệp trọn khiến mọi người hân hoan, phấn khởi, thế mà quốc vương lo nghĩ, không ngoài việc suy nghĩ về vấn đề

chia phần công lao. Xem ra cùng chung hoạn nạn thì dễ mà cùng hưởng an lạc thì khó. Vì vậy, quyết bỏ triều đình đi ở ẩn. Hôm sau, Phạm Lãi đến chào từ biệt Câu Tiễn : "Thần cho rằng, quốc vương bị nhục, là kẻ bề tôi, không được sống cầu an qua ngày đoạn tháng. Khi đại vương bị nhục ở Ngô, thần sở dĩ chưa thể lấy cái chết để báo đáp vì những mong giúp đại vương vượt qua cơn sóng gió, chưa dựng lại nghiệp lớn. Nay nước Ngô đã bị diệt, thần mong đại vương tha cho thần tội xưa để thần được về chốn giang hồ sống nốt những ngày cuối đời, thần vô cùng biết ơn công đức của đại vương". Câu Tiễn nghe xong, cố giữ Phạm Lãi ở lại. Nhưng Phạm Lãi chí đã quyết, bèn từ quan đi buôn bán. Chẳng bao lâu trở lên giàu có, cứu giúp người thân bạn bè, được mọi người, tôn làm "Đào Chu công".

Ngẫm nghĩ, thật kỳ lạ : sự biến đổi tinh thần nhỏ bé làm thế nào khôi phục lại được hoạt động tâm lý phức tạp? Phàm hiện tượng tâm lý của con người trong thời điểm nhất định được thể hiện ra thông qua các hình thức khác nhau. Người ta có thể dựa vào những biểu hiện khác nhau đó mà nhận biết các trạng thái tâm lí. Đây là cơ sở lập luận của "Thần tướng học". Hữu tâm vô tướng, tướng do tâm biến ; hữu tướng vô tâm, tướng tuỳ tâm chuyển". Đặc trưng tâm lý và tính cách khác nhau thậm chí có thể làm cho hình thái cơ thể sinh vật của con người sinh biến đổi. Thủ tướng học, chướng văn học chính là xem tướng người từ "hình thái" cụ thể của con người. Chẳng hạn nói người có ấn đường hẹp thì không rộng lượng, tại sao? Sống

ở đời, người phật ý có đến tám, chín, hễ gặp chắc trở khó khăn là cau mày, cơ bắp ở ấn đường luôn ở trạng thái co lại, dần dần định hình, ấn đường trở nên hẹp. Có người còn nói người lộ răng cửa sẽ đoản mệnh. Vì lẽ gì? Có lẽ vì những người này ăn quá nhiều chất vôi. "Băng giám" của Trăng Quốc Phiên đời Thanh đề cập đến lí luận xem tướng - Ông ta nói "Công danh khán khí vũ", nghĩa là một người có nên được công danh hay không, phải xem phong độ của anh ta, xem dáng vẻ bên ngoài của anh ta có sức cảm hoá lôi cuốn người khác hay không. "Cùng thông khán chỉ giáp". Tiền đồ sự nghiệp của người ta có liên quan gì với móng tay? Thành phần chủ yếu của móng tay là can xi, người thiếu can xi thì thể lực kém, người thể lực kém tự nhiên ảnh hưởng đến con đường tiến thủ... Những người thuộc loại này không ít.

Những dáng vẻ và hình thái khác nhau này toát lên ý nghĩa xã hội và ý nghĩa tâm lý nhất định. Vẻ mặt không vui của Việt vương Câu Tiễn trong buổi tiệc tuy nói lên sự tồn tại của ý nghĩa tâm lý, xã hội nhất định, nhưng bản thân nó lại không thể trực tiếp nói rõ sự tồn tại của ý nghĩa cụ thể "Việt vương không thể cùng vui hưởng với đám bề tôi có công". Nhưng làm thế nào Phạm Lãi lại suy ra và nắm bắt lấy hoạt động tâm lý sâu kín ấy của Việt vương Câu Tiễn? Ở đây cần phải phân tích thêm quá khứ và hiện tại của đối tượng Quyền mưu, kinh nghiệm xã hội và lịch sử. Tiệc vui lòng buồn, ngược xuôi là chuyện thường tình. Trong lịch sử, những người vì gặp hoạ mất mạng, vì

"công cao khiến chủ giận" đâu đâu cũng có, vậy thì không mau lui về còn đợi đến bao giờ?

Sau khi Phạm Lãi từ quan về buôn bán, giàu ngang vương hầu. Một lần, con trai thứ của ông vì giết người, bị nước Sở tống giam chờ xử trảm. Phạm Lãi nói : "Giết người phải đền mạng, công lý ở đời. Nhưng tôi nghe nói "Thiên kim chi tử, bất tử vu thị" (Đứa con ngàn vàng không thể chết nơi chợ búa). Thế là ông bèn sắm một cái lẻ đáng giá ngàn vàng, sai thằng con út đi hỏi thăm. Con trai cả của ông sau khi hay tin nằng nặc đòi đi, Phạm lãi không cho. Người con trai cả cho rằng "không sai thằng cả mà sai thằng út, có lẽ vì ta là đứa hư hỏng, không còn mặt mũi nào nữa, thà chết đi còn hơn". Bà mẹ vội vàng giảng giải hộ con. Phạm Lãi không còn cách nào khác, đành cử hắn đi và viết một lá thư, dặn con giao cho Trang Sinh là người bạn thân đang làm quan trong triều. Ông dặn đi dặn lại: "Sau khi đưa vàng cho Trang Sinh, nhất thiết con phải nghe theo sự xếp đặt của Trang Sinh, tuyệt nhiên không được cãi lại". Bố con lưu luyến chia tay, con lên đường theo lời dặn của bố. Trang Sinh đọc thư của Phạm Lãi xong, bèn bảo anh con cả : "Anh mau rời khỏi nơi này, dù người được thả ra cũng không được hỏi nguyên nhân tại sao". Trang Sinh vốn nổi tiếng trong triều ngoài dân về tính liêm khiết ngay thẳng. Đào Chu công đưa lễ hậu, ông không hề có ý nhận, chỉ là tạm cất đấy cho Đào Chu công yên tâm, đợi việc xong sẽ hoàn lại. Thế nhưng Phạm công tử không hiểu ý ông ta, nán lại không về, mong

chờ tin tức. Trang Sinh vì muốn cứu con Phạm Lãi, bèn đến yết kiến Sở vương nói : "Có tượng sao bất lợi cho nước Sở, thần e rằng chỉ có đại xá mới mong hoá dữ ra lành". Sở vương lâu nay vốn kính trọng Trang Sinh, chấp thuận ngay, lập tức ban chiếu chỉ sắp đại xá. Con cả Phạm Lãi hay tin, nghĩ thầm : Sở vương sắp đại xá, em ta nhất định được cứu sống. Lần này uổng phí ngàn vàng, trở về biết ăn nói thế nào? Thế là anh ta lại đến gặp Trang Sinh. Trang Sinh giật mình hỏi : "Cháu vẫn chưa rời khỏi đây sao? " Anh ta đáp : "Vâng ạ, em cháu sắp được hưởng đại xá, cháu đến chào từ biệt bác". Trang Sinh vỡ nhẽ, bèn đưa trả lại tất cả mọi lễ vật mà lâu nay nhà Phạm Lãi đã đưa. Ông nghĩ rằng mình bị mua chuộc, lại vào yết kiến Sở vương: "Đại vương muốn đại xá để tu đức trừ hung. Thế nhưng hiện nay ngoài đường người ta lại xôn xao bàn tán: con trai của Đào Chu công vì giết người mà bị tống ngục, người ta đã hối lộ những người hầu hạ đại vương rất nhiều vàng, cho nên việc đại xá không phải vì dân chúng của nước Sở mà là chỉ vì một mình ông Đào Chu Công". Sở vương nổi giận, lập tức hạ lệnh giết con trai thứ của Phạm Lãi, hôm sau mới ban lệnh đại xá. Người con cả của Phạm Lãi tiu nghỉu quay về, kể hết mọi chuyện, cả nhà ai cũng đau xót. Phạm Lãi cười chua chát mà rằng : "Ta đã biết trước thằng cả thế nào cũng giết chết em nó. Nhưng không phải nó không yêu em nó, ấy là vì từ nhỏ nó cùng ta lập nghiệp, nếm đủ mùi đắng cay của cuộc đời, quý tiền như mạng sống. Còn thằng út, ngồi hưởng giàu sang, lên xe xuống ngựa, nào có hay nỗi khốn khó

khi lập nghiệp? Ta muốn sai nó đi chính là vì nó không trọng tiền của, coi vàng như đất, còn thằng cả thì không thể làm được điều đó. Em nó chết trong tay nó là điều sớm biết trước, có gì là lạ?"

Đó chính là kinh nghiệm xã hội và nhân sinh : hoàn cảnh cuộc sống khác nhau tạo ra các loại nhân cách khác nhau. Cũng vậy, gắn tâm trạng không vui vẻ của Việt vương Câu Tiễn trong buổi tiệc với tâm lí của ông ta không thể cùng quần thần chung vui hưởng lạc, chính là kinh nghiệm lịch sử xã hội: "Hết chim, cất cung tên. Thỏ chết, thịt chó săn" của Phạm Lãi. "Hết chim, cất cung tên" là cách khá ôn hoà xử lí quan hệ vua tôi. Giống như Tống Thái tổ "Bôi tửu thích binh quyền" (dùng chén rượu tước bỏ binh quyền), ban cho công thần vũ tướng ruộng tốt nhà cao cửa rộng, cô hầu gái đẹp khiến người ta rời bỏ triều đình, yên hưởng luân thường. Tiếp đó Tống thái tổ e ngại họ vơ vét của cải quá nhiều, bèn thi ân, ban cho họ đất thổ cư để họ xây dựng nhà ở lộng lẫy, tiền tốn hàng vạn. Chưa hết ngoài còn ban cho họ yến tiệc, ăn kỳ no uống kỳ say rồi gọi con em họ vào cung nhận người nhà. Tống Thái tổ nói với con em công thần vũ tướng rằng : "Trong bữa tiệc, họ đều bằng lòng hiến cho triều đình mười vạn xâu tiền" Các công thần vũ tướng sau khi tỉnh rượu liền hỏi người nhà có làm điều gì thất lễ trước mặt hoàng thượng chăng. Người nhà liền nói lại việc hiến tiền. Công thần vũ tướng tuy hoài nghi, nhưng vì đã say rượu, không biết đâu mà cãi, đành dâng biểu xin nộp đủ số. Tống Thái tổ quả

thật đã tìm đủ mọi cách đối phó với công thần nữ tướng ! Nhưng "lương cung" tuy không được dùng, rốt cuộc không hỏng. Còn "thỏ chết, thịt chó săn" thì thật thảm : dừng ngựa gác dao, đánh Nam dẹp Bắc, đến khi thiên hạ thái bình thì lại gặp hoạ chết người đến nỗi bị chu di cửu tộc. Cho nên, ngồi đợi đến lúc "làm thịt chó săn" thì chi bằng chủ động cất dấu cung tên, yên hưởng luân thường.

Vua Trụ nước Ấn vì yến tiệc vô độ, hết ngày lại đêm, đến nỗi không còn biết ngày biết tháng, không nhận ra tả hữu quan lại ai với ai. Lại cử người hỏi Cơ tử, Cơ tử nói với các đệ tử của ông ta : "Làm vua thiên hạ mà để đến nỗi dân chúng cả nước mất hết cả khái niệm thời gian, thiên hạ đứng trước hiểm họa. Cả nước không biết ngày tháng, riêng mình ta biết, tình cảnh của ta tất nhiên cũng nguy hiểm". Vì thế Cơ tử cũng lấy cớ say rượu bảo không biết ngày biết tháng.

Triều đại của hôn quân vô đạo gọi là "thiên tuý". Thiên đã tuý, ai dám riêng mình không say? Cơ tử con người nhân ái được Khổng tử ca tụng này cũng không dám riêng mình tỉnh. Khuất Nguyên đời sau dám tỉnh : "Mọi người đều say, mình ta tỉnh", mấy lần can gián Sở Hoài vương, kết quả phải đi đày. Ông phẫn uất và viết "Ly Tao". Theo nguyên lý của nhà tâm lí học Sigmund Freud (1856 - 1939, Áo) thì con người nếu quá tức giận, khắc tìm đối tượng để giãi bày, nếu được nỗi căng thẳng về tâm lý sẽ dịu xuống. Nhưng trong cuộc sống, chúng ta lại hay gặp trường

hợp "càng nói càng túc". Có lẽ Khuất Nguyên cũng thuộc loại này, cuối cùng càng thổ lộ càng túc, đến mức khùng hoảng tinh thần, tự vẫn ở Mịch La, thế là trở thành nỗi oan khuất ngàn thu.

Về đạo làm bề tôi, Khổng tử có câu châm ngôn : "Nước có đạo, lời nói thẳng, việc làm ngay ; nước vô đạo, việc làm ngay thẳng lời nói khiêm nhường". Khi thiên hạ thái bình, đất nước thi hành chính đạo, con người biết nghĩ, lời nói phải ngay thẳng, hành vi phải đoan chính, nhưng khi xã hội hỗn độn, hôn quân tại ngôi, là quân tử, hành vi phải đoan chính, không được đưa đường cho kẻ ác, không cùng kẻ xấu hùa nhau làm bậy, những lời nói phải hết sức chín chắn. Tuy không được nói toàn lời giả dối, nhưng cũng không nhất thiết phải nói hết những lời thành thật, lại càng không được ca cẩm quá quắt. Có thể thấy rằng, thánh nhân không phải là thần nhân cách không ăn những thức ăn nấu trên đời, thánh nhân cũng rất thông thạo việc đời. Thử nghĩ xem : khi xã hội lộn xộn, tình thế rối ren, dẫu có tài tế thế cũng không chống lại được sóng bạc đầu, tại sao lại phải hy sinh một cách vô ích?

Danh tiếng của Nhạc Phi đến nay vẫn nổi như cồn. Thời của ông ta là những năm tháng hỗn loạn. Triều đình nhà Tống ở tận Giang Nam, đã bị mất một nửa giang sơn. Nhạc Phi coi việc khôi phục Trung Hoa là trách nhiệm của mình. Hành động "chính trực" long trời lở đất "lấy lại giang sơn cũ", sửa sang lại "tám ngàn dặm trời mây" của ông ta mãi mãi đi vào sử sách. Một con người như vậy

mà lại chết một cách oan khuất. Cái chết của ông ta cũng kinh thiên động địa như công lao to lớn của ông ta, khiến quỉ thần cũng phải khóc. Ông đã để lại trong mọi người lòng tiếc thương và nỗi buồn vô hạn. Ông ta chưa có "hành vi ngay thẳng lời nói khiêm nhường". Sao nói năng không khiêm nhường? Khẩu hiệu của ông ta là "Đánh phá đô thành địch, rước nhị thánh về", phải mời phụ thân và anh trai của Tống Cao tông về. Quả vậy, cho đến nay Tống Cao tông hoàng thượng ở nơi nào? Cho nên người thường không thể hiểu nổi một kẻ thư sinh như Tần Khoái mà lại có thể đẩy một vị tướng lĩnh tài ba lỗi lạc tiếng tăm làm kẻ thù mất mật, vào chỗ chết. Kỳ thực, chẳng qua Tần Khoái chỉ vỗ trúng mông ngựa của Tống Cao tông mà thôi.

Nhớ chuyện xưa để làm gương về sau. Ngay cả chuyện triều đình xưa Nhạc Phi cũng không thạo, hoặc có lẽ biết mà không theo, khịt mũi coi khinh. Khoảng đời Đường Tống có ông Phùng Đạo, người đời gọi ông là "Ông già vui lâu". Thời ngũ đại thập quốc, đất nước rối ren, dân chúng lầm than, triều đình nhiều lần đổi thay. Thế nhưng, cả 5 triều đại đều mời Phùng Đạo ra gánh vác trọng trách, vì thế bị vô số các văn nhân học giả phỉ nhổ : "Tiết tháo mà bất nhân". Nhưng Phùng Đạo có chủ ý của mình : "Kẻ mọi rợ cầm quyền, thiên hạ đạo loạn, làm gì có trung nghĩa mà nói ! Vì mạng sống của dân tộc Hoa hạ", hành vi chính trực, lời nói khiêm nhường" chẳng hại gì đến tiết tháo !" Đây cũng thực là tư tưởng Nho gia chính thống.

"Luận ngữ - Hiến vấn", Tử Cống hỏi Khổng Tử : Như Quản Trọng không biết hy sinh vì nghĩa, lại có hành vi thay thầy đổi chủ thì có hợp với đạo nhân chăng?" Khổng tử trả lời Tử Cống : "Ngươi cho rằng Quản Trọng không biết hy sinh vì nghĩa sao? Nhầm, đức nhân của Quản Trọng là ở sự cống hiến của ông ta cho nền văn hoá Trung Quốc. Đó là điều mà những kẻ tầm thường không thể hiểu được. Giả dụ Quản Trọng quả biết chết cùng công tử Cù, thì khác nào gieo mình xuống mương nước thối, có giá trị gì?"

"Thời Tần Nhị thế, hoạn quan Triệu Cao nắm độc quyền. Để thăm ô mức độ tuân thủ của quần thần đối với các mệnh lệnh của mình, Triệu Cao dắt một con hươu đến nói với Tần Nhị thế : "Đây là một con ngựa" Nhị thế cười, bảo: "Thừa tướng nhầm chăng? Rõ ràng đây là con hươu, sao lại bảo là một con ngựa?" Nhị thế lại hỏi các quan đại thần hai bên, có người nói là ngựa, có người nói là hươu, có người im lặng không nói gì. Sau đó, Triệu Cao bèn mượn cớ bức hại người nào đã nói là hươu, quần thần chỉ biết đưa mắt nhìn nhau.

Biết rõ Nhị thế ngu muội, Triệu Cao gian xảo, lại cứ khảng khái dứt khoát, chẳng phải là "tự gieo mình xuống cống rãnh" mà Khổng tử đã nói hay sao? Khổng tử khen ngợi Quản Trọng, khen ngợi cả Nam Dung : "Nước có đạo, không bỏ, nước vô đạo, tránh được hình phạt". Đời bình, thả sức hành động ; đời loạn, thận trọng giữ mình, không hi sinh vô ích. Thời bấy giờ có lẽ nhân tài hiếm

hoi, cho nên Khổng Tử không chút do dự gả ngay con gái của mình cho Quản Trọng.

Cổ đại Trung Quốc, số vua chúa biết khoan dung kẻ can gián xúc phạm mình, quả là hiếm lắm, Đường Thái Tôn là một, cũng chỉ có một Đường Thái tôn. Nguỵ Chinh thời Đường là một gián quan nổi tiếng trong lịch sử. Đường Thái tôn thích một con chim diều hâu nhỏ. Một hôm đang chơi chim thì Nguỵ Chinh vào. Đường Thái Tôn vội vàng giấu con chim vào lòng. Nguỵ Chinh vờ không nhìn thấy, cứ thong thả cùng Đường Thái tôn bàn quốc gia đại sự. Đường Thái tôn vờ lo lắng. Nguỵ Chinh đi rồi, Đường Thái Tôn bỏ con diều ra xem : tiếng kêu của nó đã yếu lắm rồi. Sau khi trở về cung, Đường Thái tôn tức tối nói : "Sẽ có một ngày ta giết chết tên nhà quê này". Bà hoàng hậu hỏi rõ nguồn cơn, bèn sửa sang y phục đẹp đẽ rồi chúc mừng Đường Thái tôn. Đường Thái tôn không hiểu sao. Hoàng hậu giải thích : "Nhà Đường có đại quan thần giỏi như Nguỵ Chinh, lại có một hoàng đế lòng dạ bao dung như ông, đó là điều mà lịch sử xưa nay chưa từng có, là điềm báo quốc gia thịnh vượng, như vậy không đáng để chúc mừng sao?" Đường Thái tôn nghe xong mới nguôi giận không nói gì nữa. Về sau, khi Nguỵ Chinh đã mất, Đường Thái tôn tin vào lời dèm pha, xô đổ cả bia mộ Nguỵ Chinh. Mãi đến khi Đường Thái Tôn bại trận với nước Cao Ly, mới nhớ đến Nguỵ Chinh : nếu Nguỵ Chinh còn sống thì chắc không có cảnh bại trận hôm nay. Thấy rằng, nói thật mất lòng nhưng lợi cho hành động tuy có

lợi cho hành động nhưng nếu chỉ có lời trái tai thì người ta không muốn nghe, bậc hiền tài cũng vậy. Trong lịch sử, hành động nuối tiếc đại loại như vậy rất nhiều, tiếc thay người ta chỉ có một cái đầu, hối tiếc ích gì?

Cho nên, "Trời có tội người cũng có tội" cũng coi được là một cách tự xử của thời kỳ loạn lạc xã hội. Đời sau không hiếm người đã theo nghệ thuật này. Như đời Ngụy - Tấn, đất nước loạn lạc, nhân dân không chịu cảnh khổ cực, tính mạng danh sĩ ít ai được bảo toàn. Nguyễn Tịch bèn đắm mình trong rượu, không tham chính sự. Tư Mã Chiêu muốn thông gia với Nguyễn Tịch, nhưng Nguyễn Tịch say một mạch sáu mươi ngày, rốt cuộc không nói chuyện được với ông ta. Chung Hội cũng nhiều lần đem chuyện chính sự ra nói chuyện với Nguyễn Tịch những mong tìm ra sự thất thố trong lời nói của Nguyễn Tịch mà trị tội. Nguyễn Tịch cứ say bí tỉ không trả lời, nhờ đó mà may mắn thoát nạn.

Em trai của Hán Cao tổ là Lưu Giao. Được phong là Sở Nguyên vương. Lưu Giao đối xử tử tế với các quan phụ tá như Mục công, Thân công. Mục công không biết uống rượu, mỗi lần bày tiệc rượu Sở Nguyên vương bèn sắp riêng cho Mục công rượu ngọt. Đến khi Vương Mậu kế vị, mới đầu còn bày rượu ngọt cho Mục công, dần dần sao nhãng không bày nữa. Tan tiệc, Mục công liền bảo : "Ta phải cáo lui thôi, không có rượu ngọt tuy chỉ là chuyện vặt, nhưng chứng tỏ, với Sở Vương, ta không là gì nữa.

nếu không chủ động ra đi, sẽ có ngày ta bị xử giữa chợ chưa biết chừng". Từ đó ông bèn cáo bệnh không ra.

Thân công, Bạch công, hết sức khuyên giải : "Lẽ nào ông lại quên được ân tình của Tiên vương đối với chúng ta sao? Nay nếu Sở Vương sơ xuất thất lễ, chấp mà làm gì". Mục công trả lời : "Kinh Dịch có nói biết được hiện tượng nhỏ bé trong hành vi là biết trước điều lành dữ. Người quân tử biết vậy phải hành động, dừng đợi đến ngày cuối cùng. Tiên Vương lấy lễ đối đãi chúng ta chứng tỏ Tiên vương hết sức tuân theo phép tắc vi chính. Lẽ nào có thể chung sống với người lãng quên đạo đó. Tôi không hề so đo từng li từng tí về lễ tiết nói chung". Nói rồi thoái thác mình bị ốm bỏ đi. Về sau, Vương Mậu ngày càng dâm bạo, lại còn lén lút đi lại với Bạc thái hậu, bị tước mất hai quận Tuyết và Đông Hải. Vương Mậu cùng Ngô mưu phản, Thân công, Bạch công, nhiều lần can ngăn không nghe. Hai người hết cách, cũng bỏ Sở mà đi, sống bằng nghề đã gạo.

"Xem chừng mà hành động, không để đến ngày cuối", nói thì dễ, làm thì khó. Thử nghĩ : sống lâu giữa đám quan lại, ra vào lễ nghi, ngạo mạn hách dịch, tình cờ gió thổi cỏ lay, nhất quyết từ quan mà đi, hạ mình làm dân đen, không phải là việc dễ. Phân tích được sự biến hoá tinh vi của "Cơ" (tức điềm lành dữ), cần phải có lịch sử xã hội và kinh nghiệm sống phong phú. Khổng tử nói phải "thấy cái nguồn gốc của nó, xem xét nguyên nhân của nó ngẫm nghĩ về cái tột cùng của nó", quan sát con người

bằng ba cái đó thì không bỏ sót bất cứ ai. Thời kỳ Xuân Thu, quan đại phu Trịnh Tử Sản có lần đi xe ra ngoài, khi ngang qua cửa thành Đông, nghe thấy tiếng một người đàn bà khóc. Tử Sản như có điều nghĩ ngợi, ra hiệu cho người đánh xe cho xe chạy chậm lại, lắng tai nghe, tiếng khóc hơi khác thường. Ông bèn sai một viên quan của mình dẫn người đàn bà ấy để xét hỏi. Thì ra người đàn bà ấy sau khi tự tay treo cổ chồng, vờ khóc lóc thảm thiết để che đậy che đậy hành động tội ác của mình. Người đánh xe vô cùng kinh ngạc, hỏi Tử Sản sao lại đoán biết được như vậy. Tử Sản trả lời : "Khi người thân của mình mới mắc bệnh thì cảm thấy nặng nề, khi sắp mất thì khủng khiếp lo sợ, đã mất rồi thì xót thương, buồn rầu. Chồng của người đàn bà ấy đã qua đời mà trong tiếng khóc của bà ta không có vẻ bi ai, trái lại đầy vẻ lo sợ, cho nên tôi đoán chắc trong việc này tất có điều khác thường".

Tai nghe tiếng khóc đoán kẻ gian của Trịnh Tử Sản không thua kém gì đôi mắt tinh tường của Tôn đại thánh. Đôi mắt tinh tường là ân huệ của Ngộ Thừa Ân ban cho Tôn Ngộ Không ; còn tài nghe tiếng khóc của kẻ gian lại là do Tử Sản rất sành sỏi việc đời.

Thời chiến quốc, Thấp Tư Di nước Tề đến bái kiến Điền Thành tử. Điền Thành tử cùng Di lên lầu ngắm cảnh. Nghểnh cổ nhìn về phía Nam, cây cối nhà Di đen thăm thẳm một vùng che lấp tầm nhìn. Điền Thành tử như nghĩ ngợi điều gì nhưng lại điềm nhiên ngay, chẳng nói, chẳng rằng. Về đến nhà, Di lập tức sai người chặt cây. Vừa mới

hạ được mấy cây. Di lại bỗng nhiên hạ lệnh ngừng tay. Quản gia thấy lạ, hỏi : "Sao ngài thay đổi nhanh thế?" Di trả lời : "Ngạn ngữ có nói, người nào biết được vực sâu có cá thì vận mạng của người đó nhất định không tốt. Điều khuất tất trong lòng Điền Thành Tử ta biết rõ như trong lòng bàn tay, thế là ta đã đặt mình vào cái thế hiểm nguy. Cây không chặt không biết có tội trạng gì, nhưng biết tỏng cái ý nghĩ mà người khác chưa nói ra thì e rằng tội lớn lắm đấy".

Đó là biết mà không làm. Biết rõ cây cối nhà mình che chắn tầm nhìm, khiến bề trên không vui nhưng vẫn thông minh giả bộ ngu dần, phớt lờ, tại sao vậy? Sâu đến nỗi không thể đo thể dò là điều cần phải tu dưỡng của bề trên đối với dưới. Mọi hoạt động tâm lý tinh vi của về trên mà anh đều có thể nhìn thấy, điều đó tất phải làm cho bề trên cảnh giác và đề phòng. Lẽ đương nhiên, Di mưu lấy vẻ ngu dần che dấu cái khôn của mình để chiều theo nhu cầu tâm lý của mình để chiều theo nhu cầu tâm lý của Điền Thành tử còn sâu thẳm hơn.

Quản Trọng là danh tướng nước Tề. Tề Hoàn công xưng bá Trung nguyên, tập hợp chư hầu, đều dựa vào công sức của Quản Trọng. Khi Quản Trọng ốm nặng, Tề Hoàn công đi thăm ông ta và xin chỉ giáo : "Quản Trọng bây giờ ông đang ốm thập tử nhất sinh còn có lời gì cần dặn dò chăng?" Quản Trọng đáp : "Thần chỉ mong ngài xa lánh bọn Dị Nha, Thụ Điêu, Thường Chi Vu, Vệ công tử mà thôi". Tề Hoàn Công không hiểu, hỏi Quản Trọng :

"Dị Nha từng bán cả thịt con mình để hiếu kính ta, chứng tỏ ông ta yêu ta hơn cả con mình, lẽ nào những người như thế vẫn lại không đáng tin nhiệm?" Quản Trọng đáp: "Người ta đều yêu con của mình, nếu có người nào đó tàn nhẫn với đứa con do chính mình sinh ra, làm sao có thể thành tâm với chúa được?" Tề Hoàn công lại nói : "Thụ Điêu không ngần ngại hoạn mình để đến thờ phụng ta, chứng tỏ ông ta yêu ta hơn cả bản thân mình, điều đó đáng hoài nghi lắm sao?" Quản Trọng nói : "Chẳng ai là không quí thân thể mình, Người nào nhẫn tâm huỷ hoại thân thể mình, với vua chúa chắc gì đã tốt?" Tề Hoàn công lại nói : "Thường Vu đoán biết được ngày giờ qua đời của mọi người, chữa được bệnh nan y của ta, ông ta cũng không đáng tin sao?" Quản Trọng nói : "Tử sinh do mệnh quyết định, bệnh nan y là căn bệnh trên cơ thể của mình, ngài đã không tự mình nắm lấy số mệnh của mình, giữ lấy cái gốc rễ của mình, lại đi nhờ Thường Vu giữ gìn sức khoẻ cho ngài, thế thì ông ta sẽ nhân đó làm theo ý muốn của mình". Tề Hoàn công nói : "Vệ công tử đã thờ phụng ta mười lăm năm nay, vì ta mà ông ta không về lo tang cho bố, chứng tỏ ông ta yêu ta hơn cả bố mẹ mình. Người như vậy không đáng tin sao? " Quản Trọng nói : "Người ta không kính yêu ai hơn bố mẹ của mình, với bố mẹ mà còn đoạn tình đến như vậy, huống hồ với người khác?" Tề Hoàn công nói :"Được, mọi việc ta sẽ làm theo ý ông." Sau khi Quản Trọng chết, Tề Hoàn công y lời dặn của Quản Trọng đuổi bọn Dị Nha đi. Nhưng bốn người ấy đi rồi, Tề Hoàn công bỗng thấy trống trải ăn không

ngôn, ngủ không yên giấc, triều chính sao nhãng, đồng thời người thấy khó chịu, bệnh cũ tái phát. Tề Hoàn công nghĩ, lời nói của Quản Trọng có lẽ sai sót lệch lạc, thế là liền mời bốn người ấy trở lại. Năm sau, Tề Hoàn công lâm bệnh. Thường Vu rêu rao khắp nơi Tề Hoàn công sẽ qua đời vào ngày ấy tháng ấy. Bốn người câu kết với nhau, đóng chặt cung môn, chấm dứt việc ăn uống của Tề Hoàn công. Giữa ranh giới của sự sống và cái chết, Tề Hoàn công tuôn nước mắt than thở : "Chỉ trách ta không nghe lời Quản Trọng. Quản Trọng xứng là bậc thánh nhân, biết nhìn xa trông rộng".

Quản Trọng không phải là người sinh ra đã biết , vậy thì lấy gì để nói ông ta đúng? Bởi vì Quản Trọng biết quan sát lời lẽ và hành vi của bốn người từ trên bối cảnh chung của nền văn hoá xã hội. "Hiếu Để" là tinh thần cơ bản của nền văn hoá xã hội cổ đại Trung Quốc. "Hiếu" là lòng kính yêu con cái đối với cha mẹ, là một kiểu đền đáp của cha mẹ cho lòng kính yêu của con cái ! Cho nên "Hiếu" không phải là một chiều mà là hai chiều. Cha mẹ có "Từ" thì con cái mới "Hiếu" . "Để" là tình yêu thương giữa anh chị em ruột. "Hiếu Để" trở thành một chuẩn mực luân lý xã hội cơ bản, nó sinh ra từ trong quan hệ huyết thống. Từ tình yêu giữa bố mẹ anh chị em mở rộng ra đến bạn bè, vua tôi đến cả xã hội, đây là nét đặc sắc trong chuẩn mực văn hoá cổ đại Trung Quốc. Vì thế mà "Bề tôi trung tất phải từ đứa con có hiếu mà ra". Từ đó, Quản Trọng cho rằng những kẻ không ngần ngại cắt bỏ

một bộ phận cơ thể mình, bán mất con trai của mình, không chịu tang cha mẹ mình thì không thể đối xử với anh em, bạn bè, vua chúa bằng lòng thành kính được, bởi vì hắn ta đã bỏ mất tình nhân luân cơ bản - "Hiếu Đễ"; mà mọi nguyên tắc chuẩn mực của mọi quan hệ luân lí cổ đại Trung Quốc đều sinh ra từ trên cơ sở của Hiếu và Đễ. Tài trí của Quản Trọng chỉ có vậy mà thôi.

Tề Hoàn Công còn có lần hỏi Quản Trọng rằng Bào Thúc Nha có thể thế vị ông ta làm tể tướng được không. Quản Trọng trả lời Bào Thúc Nha không thể làm tể tướng được. Thế đấy, Quản Trọng chính là một người : khi khốn khó nhất, ông ta hoàn toàn nhờ cậy sự giúp đỡ của bạn mình là Bào Thúc Nha, khi gặp trắc trở về chính trị, cũng lại Bào Thúc Nha đưa cánh tay tình bạn ra tiến cử ông làm tể tướng, bây giờ Tề Hoàn công chủ động xin ông ta tiến cử Bào Thúc Nha, ông ta lại không chịu. Phải chăng ông ta lấy oán báo ân quá quắt? Kỳ thực, Quản Trọng có chủ ý của mình : khuyết điểm lớn nhất của Bào Thúc Nha là tiết tháo và phẩm hạnh cao thượng, ghét điều xấu như ghét kẻ thù. Một người làm tể tướng mà không dung thứ dù nửa vết nhơ thì sống làm sao được? Chẳng lẽ thiên hạ hết người tài rồi sao? Bởi vì nhân vô thập toàn cho nên, để Bào Thúc làm tể tướng, đã hại cho nước càng hại cho bản thân Bào Thúc Nha. Bào Thúc Nha sau khi biết việc này vô cùng vui sướng, cho rằng Quản Trọng mới thật là tri kỷ.

Không có lòng hiếu để không dùng được, tiết tháo phẩm hạnh cao thượng, ghét điều xấu như ghét kẻ thù cũng không dùng được, có thể thấy cái khó của việc dùng người. Quản Trọng vừa thấy được cái bao la rộng lớn trong hạt bụi vừa thấy được hạt bụi trong cái bao la rộng lớn, nêu ra một lấy ba phản lại, đúng là con người phi thường.

Thời Minh, Gia Định An Ninh có một người tên là Vạn Nhị, giàu có nhất vùng. Có người từ kinh đô về quê, Vạn Nhị đến thăm hỏi về những điều tai nghe mắt thấy ở kinh đô. Người ấy nói rằng hoàng thượng (Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương) mới làm được một bài thơ : "Các quan chưa dậy trẫm đã dậy. Các quan đã ngủ trẫm chưa ngủ. Không như phú ông ở Giang Nam. Mặt trời lên năm trượng vẫn còn trùm khăn". Vạn Nhị kinh ngạc than rằng : "Ấy là điềm báo trước hoàng thượng ban lệnh cấm sát sinh ! "Thế là Vạn Nhị bèn sắm một chiếc thuyền to đưa vợ con trôi nổi khắp vùng Hồ, Tương. Chưa đầy hai năm, số người bị tịch thu ở Giang Nam nhiều không thể kể xiết, còn Vạn Nhị được yên hưởng tuổi trời.

Vạn Nhị sở dĩ may mắn thoát nạn là nhờ qua bốn câu thơ ngắn gọn của Chu Nguyên Chương. Ông ta đã nắm bắt được đặc trưng tâm lý sâu kín của Chu Nguyên Chương, tức lòng đố kỵ - hoặc cũng có thể là lòng đố kỵ này sinh từ tâm lí trống rỗng. Chu Nguyên Chương qui là Thiên tử, "Trẫm là đất nước, đất nước là trẫm". Thiên hạ họ Chu, thế hãy còn chưa đủ lắm sao? Vật cực tắc phản, đầy đủ đến tột cùng thì trở nên trống rỗng. Chu Nguyên

Chương là chủ quốc gia, ngài trên tất cả, vẻ ngạo mạn hống hách, lại không thiếu vẻ đẹp trong lời nói và sắc mặt. Nhưng rồi thế nào? "Các quan chưa dậy trẫm đã dậy. Các quan đã ngủ ta chưa ngủ", ông ta thấy mình không như các quan." "Không như phú ông Giang Nam, mặt trời lên năm trượng hãy còn trùm chăn", lại hạ mình xuống dưới các thương gia. Đó là sự ống rỗng mới. Qui luật tâm lý phổ biến của con người là : nhu cầu cũ đã được thoả mãn thì ham muốn mới, chưa được thoả mãn theo đó nảy sinh. Qua bài thơ của Chu Nguyên Chương, có thể thấy được nỗi cô độc và trống rỗng trong tâm lí của vị hoàng đế ấy, nhìn thấy tình cảm buồn rầu trong sự tôn quí cực đoan. Đã vậy, giết mấy người để làm khuây khoả sự trống trải tâm lí, chẳng phải là việc hợp lẽ sao? Chả trách Chu Nguyên Chương giết nhiều công thần đến thế! Dương nhiên sở dĩ ông ta tàn sát công thần, lo ngại "công cao át chủ" là một nguyên nhân chủ yếu, còn do nỗi cô độc và trống rỗng trong tâm lí của người có cương vị hoàng đế mà đi tìm cơ giải khuây, cũng là nguyên nhân không thể bỏ qua. Vạn Nhị cũng quả là người hiểu tâm lí của hoàng đế.

II. BỎ TIỂU CẦU ĐẠI, VỨT TỐT GIỮ XE

Một lớp khác trong mâu thuẫn giữa Đại và Tiểu là mâu thuẫn của lợi ích cục bộ với lợi ích của toàn thể. Một mũi tên hai con điêu, trù tính thống nhất, dương nhiên

lí tưởng nhất. Nhưng tình huống phức tạp, sự đời lắm truân chiên, trong rất nhiều trường hợp cả hai không thể vẹn toàn. Lúc này đòi hỏi chủ thể Quyền mưu nhìn rõ toàn cục, dám lấy, dám bỏ, dùng cái được cái mất của cục bộ để đoạt lấy cái được cho chính thể. Như Điền Kỵ đua ngựa, ... là điển hình về bỏ Tiểu cầu Đại, vứt tốt giữ xe.

Thời Chiến quốc, tướng nước Tề Điền Kỵ thường đua ngựa với các vương công quí tộc nước Tề, thua mất rất nhiều tiền cá cược. Tôn Tẫn sau khi xem xét sức ngựa của hai bên, nói với Điền Kỵ : "Lần sau khi đua ngựa, ngài cứ đặt nhiều tiền vào, tôi bảo đảm giúp ông giành được phần thắng". Một lần, Điền Kỵ lại cùng Tề vương và các công tử đua ngựa, ông đặt tiền nghìn lạng vàng - Tôn Tan liền nói với Điền Kỵ : "Bây giờ ông đem ngựa hạng ba của ông đua với ngựa hạng nhất của họ, dùng ngựa hạng nhất của ông đua với ngựa hạng hai của họ, dùng ngựa hạng hai của ông đua với ngựa hạng ba của họ". Kết quả Điền kỵ thua một thắng hai, thu được nghìn vàng.

Đây là điển hình của việc dùng cái được mất cục bộ để giành lấy phần thắng cho chính thể. Binh pháp nói lấy mạnh đánh yếu, nhưng ngựa đua của hai bên đều chia ra làm ba hạng nhất, nhì, ba, cho nên không lấy yếu đánh mạnh cục bộ thì sẽ không có lấy mạnh đánh yếu trong tổng thể, tức nếu muốn giành được phần thắng chung thì phải chịu sự thất bại cục bộ.

Tư tưởng này của Tôn Tẫn thường được các nhà quân sự đời sau vận dụng. Đường Thái tông Lý Thế Dân khi

tổng kết kinh nghiệm chiến tranh từng nói : "Từ hồi còn trẻ ta đã kinh lược thiên hạ, biết nhiều điều mấu chốt của việc dụng binh. Mỗi lần quan sát trận địa của kẻ địch, là biết ngay được sự bố trí mạnh yếu của chúng. Ta thường dùng lực lượng yếu của tả để đối chọi với đội quân mạnh của quân địch, lấy đội quân mạnh của ta để đánh đội quân yếu của chúng ! Sau khi kẻ địch chiến thắng đội quân yếu của ta, chúng truy đuổi chưa được vài trăm bộ thì dừng lại không dám tiến, trong khi đó lực lượng hùng mạnh của ta sau khi đánh bại đội quân yếu ớt của địch, bèn đuổi đến cùng đánh thật lực, đánh thẳng vào lưng địch, không địch nào không vì thế mà tan rã toàn bộ". Rõ ràng đấy là chiến thuật của Tôn Tẫn.

Tống Cao tông thường nhờ Ngô Lân dạy bảo phương hướng sách lược đánh thắng địch. Ngô Lân nói : " Lấy số ít khiêu chiến, đem số nhiều nghênh chiến". Tống Cao tông lập tức tỉnh ngộ : "Đấy chính là chiến thuật đua ngựa của Tôn Tẫn".

Thời kỳ Xuân Thu, Công Tôn Tiếp, Điền Khai Cường, Cổ Giả Tử của nước Tề là ba dũng sĩ của Tề Cảnh công. Họ cậy sức lực và địa vị của mình ngạo mạn khinh người, làm điều bậy bạ. Tướng Tề Yến Anh lo họ gây mầm tai hoạ về sau, bèn xin Tề Cảnh công cho dẹp bọn họ đi. Tề Cảnh công lúng túng nói : "Ba vị này dũng khí sức lực hơn người, không có ai là đối thủ của họ, hành thích cũng e khó mà đâm trúng". Yến Anh xin Tề Cảnh công sai người đưa cho ba dũng sĩ hai quả đào, và bảo với họ: "Ba

các ông lẽ nào không thể dựa vào công lao của mình để quyết định quả đào thuộc về ai hay sao?" Công Tôn Tiếp giành lấy trước nói "Ta đánh nhau với giặc trước, rồi lại vật lộn với hổ, Công Tôn tiếp này không như người khác, đương nhiên được ăn đào" Nói đoạn thuận tay lấy đi một quả. Lúc này Điền Khai Cường bảo: "Ta đã hai lần phục binh đánh lui quân địch, công lao lớn như vậy đương nhiên cũng đáng được ăn đào". Nói xong bèn cầm nốt quả đào kia. Cổ Giã Tử thấy đào đã bị lấy sạch, giận dữ nói: "Ta từng theo nhà vua sang sông, đột nhiên một con ba ba cực lớn cắn vào chân con ngựa bên trái của xe nhà vua lôi xuống nước. Bấy giờ ta còn nhỏ không biết bơi, dám nhảy xuống nước, lặn ngược dòng trăm bộ, lại lặn xuôi dòng chín dặm, bắt giết được con ba ba, tay trái ta nắm đuôi ngựa, tay phải cầm đầu ba ba , nhảy vọt lên, các thuỷ thủ đều sững người cho rằng hà bá xuất hiện. Công lao của Cổ Giã Tử này như vậy lẽ nào không đáng được ăn đào ư?". Nói xong rút kiếm bật dậy. Công Tôn tiếp và Điền Khai Cường bỗng cảm thấy hổ thẹn, nói rằng: "Cổ Giã Tử dũng không thể sánh, công không thể so, mà chúng tôi lại lấy được đào trước, ấy là biểu hiện của lòng tham, nếu không biết lấy cái chết để rửa nhục thì không đáng là dũng sĩ". Nói rồi, nhất tề trả lại đào, sau đó rút kiếm tự vẫn. Cổ Giã Tử nhìn thảm cảnh ấy, vô cùng kinh ngạc và buồn bã : "Hai dũng sỹ chết cả rồi, mình ta sống là bất nhân. Dùng lời nói khen mình hại người là bất nghĩa. Nếu không lấy cái chết để đáp lại là vô dũng". Nói xong cũng rút kiếm tự vẫn. Sứ giả thưa lại với Tề Cảnh công

đầu đuôi sự việc. Tề Cảnh công an táng họ bằng lễ nghi long trọng.

Đây là phương pháp Yến Anh đối phó với dũng sĩ. Ông đã giết chết ba dũng sĩ bằng hai quả đào, sự thần kỳ trong công sức của ông khiến người ta không thể tưởng tượng và lý giải được. Thực ra, thần lực không phải ở hai quả đào, mà ở chỗ Yến Anh đã nắm chắc được đặc trưng tính cách của dũng sĩ.

Dũng sĩ của Trung Quốc phần lớn đều thô lỗ, hào phóng, tấm lòng nghĩa hiệp của họ thường khiến người ta ghê người. Nghĩa đức phù hợp. Ấy là "thấy cảnh bất bình trên đường, rút gươm giúp nhau", vì bạn bè, vì người tri kỷ càng phải khảng khái giúp đỡ thậm chí hy sinh tính mạng cũng không luyến tiếc. Cho nên "Nghĩa" thường đi đôi với "Dũng" Tục ngữ có câu : "Trọng nghĩa thường là kẻ thịt chó. Phụ tình, thường là người có học". Nghề mà họ làm tuy là nghề bần tiện, giết thịt chó, không có mấy hiểu biết, nhưng giàu tinh thần hiệp nghĩa, nói phải giữ lòng tin, làm phải có kết quả, như Kinh Kha, Cao Tiệm Ly... trong lịch sử. Đương nhiên, việc tu dưỡng của loại 'Nghĩa" này không phải chỉ có ở người thịt chó, phàm là những hiền nhân quân tử trong lịch sử đều sẵn có nó. Điển hình nhất có Gia Cát Lượng, thật là "Khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lí chi mệnh". "Thác cô" nổi tiếng trong chính trị nói đến việc Lưu Bị Bạch Đế thành gửi đứa con mồ côi của mình cho Gia Cát Lượng. Lưu Thiện, con trai của Lưu Bị, rất đần độn, tên tục là A Đẩu.

Trước khi chết, Lưu Bị gửi Lưu Thiện cho Gia Cát Lượng, nói : "Ông tài ba gấp mười lần Tào Phi, đứa con nối ngôi có thể giúp đỡ được thì giúp, không giúp được thì thay đi". Câu nói khiến Gia Cát Lượng vô cùng xúc động, vội quì xuống nói : "Thần xin ở cung tận tuỵ cho đến chết". "Công thành, danh toại, thân thoái" mới coi là trọn vẹn, tốt đẹp, nhưng Gia Cát Lượng lui không đành "Cúc cung tận tuỵ cho đến chết" Đó chính là "Nghĩa".

Anh hùng có thể chinh phục được thiên hạ nhưng lại khó chinh phục được mình. Hãy xem những người anh hùng trong lịch sử, "Nghĩa" khí trong họ vẫn pha chút màu sắt khinh suất : dẫu đúng đầu sai làm đến cùng. Sai cũng sai đầy khí phách, sai đến bi tráng. Sở Bá vương chính là anh hùng loại này. Lật đổ nhà Tần, Hạng Vũ không có gì hổ thẹn với công đầu, nhưng kết quả thế nào? Trận Cai Hạ, khi Hạng Vũ bị tướng sĩ nhà Hán bao vây bốn mặt, một ông lão muốn đưa ông qua sông, nhưng ông ta tìm cách từ chối, ngoái đầu nhìn lại thấy người đi phía trước đuổi theo để giết mình lại chính là bộ hạ cũ của mình, tên là Mã Đồng. Mã Đồng thấy Hạng Vương quay đầu, xấu hổ vội ngoảnh mặt đi. Hạng Vũ bảo. "Ông đừng sợ, sao vậy? Ông chẳng phải là Mã Đồng cũ của ta ư? Nghe nói Lưu Bang treo thưởng ai lấy được đầu ta sẽ thưởng ngàn vàng, phong vạn hộ hầu. Ông đã là kẻ thù của ta, thì tặng ông cái đầu của ta đây. Nói rồi rút kiếm tự vẫn.

Hạng Vũ sống là người hào kiệt, chết làm ma anh hùng, đầy vẻ đẹp bi tráng. Bi kịch lớn nhất của Hạng Vũ

là đến chết vẫn không tỉnh. Ông ta ngửa mặt lên trời thở dài thườn thượt" "Không phải tội chiến mà là trời hại tai" Thực ra nguyên nhân thất bại chủ yếu của ông ta chính là chẳng chịu nghe ai, không nghe những lời khác ý, chẳng hạn, khi ông ta đánh đến Hàm Dương, Hàn Sinh báo với ông ta : "Quan Trung hiểm trở, núi sông vây bọc, đất đai phì nhiêu, nên chiếm lấy làm kinh đô" Khuyên ông ta đóng đô ở Hàm Dương để thâu tóm thiên hạ. Nhưng Hạng Vũ trả lời : "Phú quí không về quê hương, về , có khác gì áo gấm đi đêm, ai biết là ai?" Đến đây chúng ta lại nhìn thấy một mặt khác của người anh hùng : lòng dạ hẹp hòi "Sĩ nhi Hoài cư". Vương Huyền người đời Thanh có thơ khóc Hạng Vũ ; "Người Tần bá chủ thiên hạ, người Sở phải hạ mình, xin dâng đầu lâu tặng Mã Đồng. Ý trời sao từng bênh Lưu Quí, đại vương thất kế luyến Giang đông. Xưa đánh Hàm Cốc xưng Tây đế, hà tất Hồng môn giết Bái Công". Thật là đã nhằm trúng điểm yếu của vị anh hùng này. Đọc lịch sử các anh hùng dễ khiến người ta muôn phần cảm khái : trong nghĩa khí có khinh suất, trong khinh suất có bi tráng. Nhưng sự vật chính là sự đối lập mâu thuẫn như vậy đấy. Giả sử người anh hùng trọng nghĩa có dũng, trọng dũng có sự thận trọng, thì đặt những người như Yến Anh vào vị trí nào? Cho nên, "anh hùng khí đoản", Yến Anh dùng hai quả đào giết ba dũng sĩ chính là đã lấp được lỗ hổng này.

Đỗ Bật, quan lang trung đất Hành Đài đời Đông Ngụy, từng đem việc vơ vét tham lam của một số đại thần văn

võ thưa lại với thừa tướng Cao Hoan, xin được trị tội. Cao Hoan nghĩ rằng phía Tây có Vũ Văn Thái Tây Nguỵ uy hiếp, Phía Nam có Tiêu Tề Tương dụ dỗ ; hơn nữa, gia đình của các tướng lĩnh văn võ phần nhiều ở Quan Tây, người đi kẻ ở chưa biết thế nào, cho nên hãy tạm gác kiến nghị của Đỗ Bật lại đó đã. Cao Hoan sắp ra quân đánh Tây Nguỵ, Đỗ Bật cố giữ ý kiến của mình, lại thỉnh cầu Cao Hoan hãy trừ giặc trong đã. Cao Hoan hỏi ai là giặc trong. Đỗ Bật liền nói kẻ nào hàng ngày cướp đoạt công lao của dân chính là giặc. Cao Hoan không nói gì nữa, chỉ sai một số quân sĩ giương cung, lắp tên, dơ dao, chống kích, đứng san sát, lại sai Đỗ Bật đi dọc giữa hai hàng quân. Đỗ Bật thấy vậy sợ hãi run lập cập, mồ hôi ướt đẫm lưng áo. Cao Hoan liền thì thầm với Đỗ Bật : "Tên đã nhằm nhưng không bắn, đao đã giương nhưng không chém, kích đã sẵn nhưng không đâm, thế mà ông đã kinh hồn lạc phách. Những người có công liều thân giữa dao kiếm, xông pha nơi chiến trường, tuy có tham lam vô sỉ, nhưng công lao với nước, các ông khó sánh kịp, còn nói gì đến những người tầm thường !" Đỗ Bật cúi đầu tạ tội, thừa nhận mình thiển cận.

Cao Hoan biết bao quát toàn cục : quân địch đang trước mặt, phải dốc sức đối ngoại, nếu không để ý đến giặc ngoài, chỉnh đốn nội bộ, làm cho mọi người lo sợ, còn ai muốn nhận cái chết ở sa trường? Cho nên, giữ nước là việc lớn, trị nước là việc nhỏ. Ngược lại, đề nghị chỉnh đốn nội bộ của Đỗ Bật tuy rõ ràng đúng đắn, nhưng chỉ

là sách vở, không thực tế, chỉ làm hỏng việc lớn mà thôi. Mưu của Cao Hoan hợp tình mà không hợp lý, không để gì nghe ý kiến của người không liều thân nơi trận mạc. Cao Hoan bày ra cảnh nguy hiểm ở chiến trường, sai Đỗ Bật thể nghiệm. Đỗ Bật mới vỡ nhẽ cái ý nghĩ công phu của Cao Hoan.

Tể tướng biết chèo chống, Cao Hoan đúng là giàu lòng độ lượng của một tể tướng.

Thời Đường Đức tông, nhân gần đến ngày cúng giỗ hoàng đế, cấm sát sinh. Những người dầy tớ của Quách Tử Nghĩa vi phạm lệnh cấm, đã giết thịt dê. Hữu Kim Ngô đưa Bùi Tư bẩm ngay với Tân hoàng thượng để vạch tội. Vì việc này Đức Tông nhiều lần khen Bùi Tư không xu nịnh quyền quí, trung trực cương chính. Có người cho rằng không đúng, hỏi Bùi Tư : "Quách công có công với xã tắc, sao không che đậy lại? " Bùi Tư trả lời : "Chính bởi vì Quách công ngôi cao đức cả tôi mới làm thế. Quách công quyền cao chức trọng, hoàng thượng mới lên ngôi, vốn lo ngại phe cánh Quách công đông đảo, khó kiềm chế. Tôi phát giác một lỗi lầm nho nhỏ của ông ta để chứng tỏ Quách công không đáng sợ. Như vậy, trên thì hết lòng với đạo thờ vua, dưới thì làm yên lòng Quách công và triều thần, chẳng phải là một công đôi việc hay sao?"

Quách Tử nghĩ là danh tướng trung hưng nhà Đường. Loạn An Sử, Đường Minh hoàng chạy trốn về Tứ Xuyên;

suýt mất nước. Quách Tử Nghi múa giáo phóng ngựa, nam chinh bắc chiến, gắng sức chống chọi, rước vua về kinh, công lao nổi bật uy danh lừng lẫy, vì vậy được phong là Phần Dương vương "Công cao chấn chủ", bề tôi như vậy làm thế nào bảo toàn được tính mạng là cả một đề bài nhân sinh quan trọng mà các công thần trong các triều đại cổ Trung Quốc phải đối mặt. Như tướng Tần Vương Tiễn, thừa tướng nhà Hán Tiêu Hà giữ mình bằng cách chiếm đoạt ruộng dân, giành giật mỹ nữ để bôi nhọ thanh danh mình. Cái gọi là "làm quan như nhỏ về quê, vốn không có chí lớn" là để yên lòng chúa thượng. Thủ đoạn này thường công hiệu, cho nên được khá nhiều công thần đời sau áp dụng. Có điều biện pháp "tự bôi nhọ tự bảo vệ" cũng không phải là thật hoàn hảo. Nếu có một vị chúa thượng Tâm tư sâu kín, nghĩ từ một phương diện khác : những hành vi tự bôi nhọ này của anh là hiển hiện của sự lo sợ, mục đích của nó là nhằm che đậy tâm sự bề bộn. Quả là như vậy, hành vi tự bôi nhọ há chẳng phải là chữa lành thành què hay sao? Không thể, hành động của Bùi Tư thật là cao siêu : Quách Tử Nghi tuy quyền cao chức trọng, nhưng chẳng có gì đáng sợ cả, anh xem ông ta có một sai sót nhỏ, liền bị người khác đứng lên khép tội, chứng tỏ ông ta chẳng phải là nhân vật có quyền thế gì ghê gớm, không đáng lo. Do đó ta thấy rằng, Bùi Tư rất thành thạo phương pháp tăng giảm, ông ta ấn đầu việc bảo vệ trong vạch tội, hưng phấn trong kiềm chế, khiến vua tôi đều yên, thật đáng gọi là thuần phục tài tình.

Đương nhiên, Quách Tử Nghi cũng có cách tự vệ của mình. Vương phủ của ông ta luôn rộng mở, ai ra vào cũng được, không thấy không hỏi. Mấy đứa con gái của ông nhao nhao khuyên ông : "Công danh sự nghiệp của bố thật là hiểm hách, nhưng bố lại không hiểu thế nào là tự trọng, bất kể sang hèn đều có thể tuỳ ý ra vào vương phủ, thậm chí còn vào cả phòng ngủ của bố ! Dù rằng là bậc thánh như quan Y Doãn kia, quyền thần như Hoắc Quang kia cũng không làm thế" Quách Tử Nghi cười, nói : "Các con hầu như không hiểu được ý nghĩ mà ta hằng nung nấu. Nhà ta có những dãm trăm ngựa ăn rơm cỏ của nhà nước, hơn nghìn tôi tớ ăn cơm nhà nước. Ta trước không có chỗ cầu, sau không đường lui. Nếu ta xây cao tường, đóng chặt cửa, bớt lui tới triều đình nội ngoại, giả dụ có kẻ gây thù gây oán với ta, vu cáo ta toan tính phá kỷ cương phép tắc ; lại nữa, bọn ghen ghét người triền tài thêm dấm thêm ớt làm ra vẻ như chuyện đúng là có thật, đến lúc ấy có hối hận cũng không kịp. Nay ta thảnh nhiên vô tội, bốn cửa mở toang, tuy có người muốn bêu riếu ta, nhưng khó tìm được cớ".

Có thể thấy rằng một ngày của công thần không dễ trôi qua. Quách Tử Nghi cũng không ngoại lệ. Biện pháp của Quách công là "nói ra để giữ mình" : Anh thấy đấy, nhất cư nhất động của tôi đều trong ánh mắt chăm chú của mọi người, cứ yên tâm nhé? Thực ra, mọi vật đều có mặt trái của nó. Kết quả việc làm của Quách công chắc sẽ nâng cao hơn tiếng tăm của ông, nhưng đó lại là điều nhà vua không muốn biết đến.

Các quan đã vậy, tả hữu còn khó xử hơn. Thật không bằng Tống Thái Tông "chén rượu xoá hết quyền uy" một cách dứt khoát gọn gàng : ban cho công thần ruộng tốt nhà đẹp để họ an hưởng cuộc sống hạnh phúc, vĩnh viễn rời bỏ chính sự. Như vậy cũng làm cho vua tôi cả hai đều yên. Đáng tiếc, Tống Thái Tông chỉ có một còn nhiều bậc đế vương phạm phải sai lầm vừa dùng người vừa nghi ngờ khiến bề tôi không thể không giở hết mưu mẹo để đối phó lại.

Thời Minh khi Chu Trầm làm quan tuần phủ Giang Nam, Vương Chấn chính trực nắm quyền, dưới một người, trên vạn người, uy quyền của ông như vầng thái dương giữa trời, trong triều ngoài dân đều kính phục. Chu Trầm dĩ nhiên cũng buồn rầu lo lắng đêm ngày, toan tính làm sao tranh thủ được sự giúp đỡ của Vương Chấn. Vừa may Vương Chấn sửa sang phủ trạch, Chu Trầm liền ngầm sai người đo đạt kích thước nhà cửa vương phủ, sau đó sai người đến Tùng Giang đặt làm một tấm thảm nhung gửi tặng Vương Chấn. Kích thước to nhỏ vừa khít, Vương Chấn rất vui sướng. Từ đó, phàn những hạng mục xây dựng mà Chu Trầm trình lên triều đình đều được Vương Chấn hết lòng giúp đỡ, cả vùng Giang Nam được nhiều ơn huệ.

Đấy là dùng vốn nhỏ nhỏ để có nhiều lãi. Có điều người ta không hiểu được là một quyền thần như Vương Chấn, vinh hoa phú quí hưởng không hết, về cuộc sống vật chất mà nói dĩ nhiên không phải lo nghĩ gì, sao có thể động lòng vì một tấm thảm nhung? Ở đây có liên

quan đến tình cảm tâm lí sâu kín của con người mà không thể lấy lượng nhiều ít của vật chất để giải thích. Đọc lịch sử Trung Quốc, đại phàm người có chức quyền cao càng cô đơn, đối tượng để anh ta giải phóng tình cảm cũng càng ít, vì vậy càng thiếu thốn cuộc sống của con người chân chính. Cực đoan nhất như hoàng đế, ông ta là con người cô độc. Nói chuyện, làm việc đều tuân theo một thể thức cứng nhắc đặc biệt của tổ tông truyền lại. Ông ta sống trong tiếng tung hô phát ra vạn tuế vang vọng vách núi, nhưng nghe được bao nhiêu tiếng hô phát ra từ lồng ngực ? Cho nên bạn đồng hành với sự uy nghiêm bất khả xâm phạm của ông là nỗi buồn khổ trong tình cảm của con người. Ông ta không có hoặc rất ít bạn chân chính, không có hoặc có rất ít đối tượng thổ lộ tâm tình. Biết chung sống với bề tôi bằng đạo bè bạn thì đấy là vị hoàng đế biết hành động. Như Đường Thái tông với Nguỵ Chinh, Càn Long với các viện sĩ hàn lâm của ông ta, trong lịch sử Trung Quốc đáng gọi là sừng lân lông phượng.

Có hôm trời nóng bức, các viện sĩ hàn lâm biên soạn "Tứ Khố toàn thư", không chịu nổi, cứ cởi áo ra làm việc. Kỷ Hiểu Cương người to béo đương nhiên cũng mình trần. Lúc này hoàng đế Càn Long đột nhiên đến viện Hàn lâm trong bộ thường phục, định chuyện trò cùng các viện sĩ. Thấy hoàng đế đến, mọi người đều chạy biến ẩn trốn. Kỷ Hiểu Cương bị cận thị nặng, giầy lát không tìm thấy áo, lúng ta lúng túng đành chui xuống gầm bàn. Được một lát, Kỷ Hiểu cương không chịu được bèn thò đầu ra hỏi :

"Lão già đã đi chưa?" liền bị Càn Long tóm được ! Càn Long gọi ông ta ra hỏi : "Ông vô lễ thế, sao gọi ta là lão già? " Kỷ Hiểu Cương ung dung giải thích "Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế ! Chính là bậc đại "lão" của nước. Nguyên thủ quốc gia là "thủ", chân long thiên tử là "tử". Dân chúng cả nước đều gọi bệ hạ là "Lão đầu tử" (lão già), đấy là sự hô tôn kính" Vua Càn Long cũng cười.

Trong giây phút ngắn ngủi ấy không có sự cách biệt vua tôi, chỉ có tình bằng hữu. Cũng chỉ trong giây phút này vua Càn Long mới quên khuấy nỗi buồn bực bội vô tận, hưởng thụ sự dễ chịu và thoải mái vô hạn. Làm hoàng đế có lúc cũng rất khổ, ông ta cũng cần có cuộc sống và giao lưu tình cảm không nhuốm màu sắc chính trị. Nói từ góc độ này, có những hành vi nếu đánh giá bằng thước đo chính trị thì đáng bị phê phán, nhưng nếu dùng thước đo của cuộc sống để xem xét thì hoàn toàn khác hẳn. Chẳng hạn như Hoà Thân đã thâu tóm quyền lực triều đình nhà Thanh, năm cuối đời Càn Long, rất nhiều người vào can gián nói nên phế bỏ người như Hoà Thân đi. Nhưng Càn Long cứ làm theo ý riêng mình, không hề động đến ông ta. Về sau có người hỏi Càn Long sao thiên vị Hoà Thân thế? Càn Lòng đáp : "Ta biết Hoà Thân tồi tệ, nhưng các người cũng phải giữ một người lại vui chơi cùng ta chứ !" Đấy là lời nói tự đáy lòng của hoàng đế !. Một người đã ở vào địa vị không người thân thích, ngay cả một người để chuyện trò cười đùa, vui chơi cũng không có nốt thì thật là khổ sở.

Thấu hiểu được cuộc sống tình cảm cô tịch của hoàng đế không có gì không lý giải được công dụng kỳ dị của tấm thảm nhung Chu Trầm. Vương Chấn có cuộc sống vật chất đầy đủ đến thừa thãi, nhưng lại thiếu thốn thứ tình cảm vồ vập thân tình chân chất. Quanh ông không thiếu kẻ nịnh thần theo đóm ăn tàn, nhưng lại thiếu vắng những người bạn chân thành cởi mở. Chu Trầm tuy chưa hẳn là người bạn thấu hiểu lòng nhau, nhưng ông nắm bắt được tình cảm cô quạnh của kẻ quyền thần, đã gửi gắm mối quan tâm "tỉ mỉ chu đáo" đối với Vương Chấn qua tấm thảm nhung, một vật dụng sinh hoạt không đáng để ý, làm rung động trái tim của Vương Chấn vốn thiếu thốn sự giao lưu tình cảm chân chất, bớt đi cái khoảng cách trong tình cảm giữa ông ta với Vương Chấn, đồng thời gặt hái được những cái lớn hơn.

Trên đời không có hai chiếc lá giống hệt nhau, cũng không có hai người giống y như nhau. Cho nên việc cư xử phải dựa vào chỗ khác nhau của người, không thể cứng nhắc một thể thức, không thể khó một thời sung sướng cả đời, bằng không sẽ gặp phải mặt trái của nó mà thôi.

Quyền tướng Nam Tống là Tần Khoái khi xây dựng lầu Cách thiên, một viên quan Giang Nam vội vàng lấy lòng Tần Khoái, đem vàng đút lót cho người thạo việc để được các số đo của lầu Cách thiên, sau đó làm một tấm thảm trải nền, vào dâng cho Tần Khoái. Thảm trải trong lầu kích thước vừa khít. Tần Khoái hết sức ngạc nhiên,

buồn bã ngờ vực, lo ngại ông ta biết được nội tình của mình, thế là lôi người dâng thảm ra trách mắng một trận.

Lễ vật giống nhau, hiệu quả khác nhau, điều đó không có gì lạ. Vương Chấn hấp tấp, ngạo nghễnh ngang tàng, nghĩ suy hời hợt cho nên hễ có là nhận. Nhưng còn Tần Khoái thì hiểm độc, xảo trá, lo xa, tính kỹ, suy đi nghĩ lại rồi mới hành động. Cho nên trước mắt một người như Tần Khoái không được tỏ ra là người tháo vát thông minh, mà phải có phong thái rất thông minh mà trông bộ ngu dần.

Chương II
VIỄN VÀ CẬN

Mâu thuẫn của Viễn và Cận bao gồm hai nội dung : Một là thời gian, một nữa là không gian.

Người ta tiến bước trong hành lang dài của thời gian. Mâu thuẫn giữa Viễn (xa) và Cận (gần) trong thời gian biểu hiện cụ thể thành mâu thuẫn lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài. Nói chung, hiện tại là tương lai đã phân li, tương lai là hiện tại không ngừng tiếp diễn. Nắm được hiện tại là đã nắm được tương đối chắc chắn tương lai. Nhưng hiện tại và tương lai xét đến cũng là hai khái niệm

khác nhau. Nói là nắm được hiện tại là đã nắm được khá chắc chắn tương lai, tiền đề là "Hiện tại" này phải là cái hiện tại đã chứa đựng nhân tố tương lai, từ đó đặt cơ sở tốt cho lợi ích và sự phát triển của tương lai. Như vậy mới coi là nắm được toàn bộ dòng thời gian. "Hiện tại" thành công này sẽ trở thành thử nghiệm của tương lai thành công. Cho nên, vì tương lai, có lúc cần phải hy sinh một phần hiện tại, nó đòi hỏi chủ thể Quyền mưu có khả năng nhìn xa trông rộng, có hoài bão và trình độ "thu gọn cả núi non".

Người ta còn sống trong một không gian nhất định, sống trong một quần thể nhất định của không gian nhất định. Giữa các quần thể khác nhau có quan hệ lợi ích khác nhau. Cho nên không tránh khỏi mâu thuẫn giữa các quần thể, có điều mức mãnh liệt và lớn nhỏ của mâu thuẫn không giống nhau mà thôi. Nói chung, quần thể khác nhau sống trong không gian khác nhau, cho nên mâu thuẫn của Gần và Xa trong không gian có thể xếp vào loại mâu thuẫn giữa các quần thể khác nhau. Trong xã hội đương thời khoa học phát triển cao độ, do việc nâng cao trình độ thông tin hoá mà trái đất khổng lồ cũng trở nên nhỏ bé chật hẹp. Sự xuất hiện của từ ngữ "Địa cầu thôn" chính là phản ánh con người đang tiến vào thời đại thông tin hoá. Mặc dù con người đương thời sống ở các vùng khác nhau trên trái đất đều có cảm giác "xa xôi tận chân trời, gần gụi trong gang tấc" nhưng đừng tưởng khoảng cách của không gian trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều không

đáng kể. Khoảng cách của không gian, trong rất nhiều lĩnh vực, như chính trị, kinh tế, nhất là trong ngoại giao và chiến tranh, vẫn là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước này tới nước khác. Thế cho nên, thời cổ đại Trung Quốc khoa học không phát triển, giao thông không tiện lợi, mâu thuẫn giữa Xa và Gần trong không gian là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao và chiến tranh giữa các quần thể (hoặc quốc gia) khác nhau. Xử lí quan hệ giữa Xa và Gần cũng trở thành vấn đề mà các nhà mưu lược phải đối mặt.

I. CHIÊU NGHĨA HOÀI VIỄN

Nghĩa tức Nghi. Điều nói đến như "Dọc đường thấy bất bình, rút dao giúp nhau", "có thể nhờ cậy đứa trẻ mồ côi cao sáu thước, có thể gửi mạng trăm dặm", đều là viết theo hành động tinh hoa của nghĩa. Nói gọn lại, dũng cảm đương đầu với nguy hiểm, không kể được mất, có thể nhảy vào nước sôi lửa bỏng, thậm chí không tiếc hy sinh tính mạng của mình vì bạn bè, vì tri kỷ, vì một tín ngưỡng hoặc một lý tưởng nào đấy, đó chính là tinh thần cơ bản của nghĩa. "Nghĩa" xưa nay bị coi là phạm trù đối lập với "Lợi". Cái gọi là "Quân tử nói về nghĩa, tiểu nhân nói về lợi", đã nghĩa thì không nói đến lợi, đã lợi thì không có nghĩa, hai thứ đó không dung nhau như nước với lửa. Việc tranh cãi về nghĩa và lợi kể đã hàng ngàn năm nay, cho đến tận bây giờ linh hồn của nó vẫn còn lởn vởn.

Nói ở mức độ cao cấp hơn, nghĩa và lợi chẳng phải không dung nhau như nước với lửa. Trong nghĩa có lợi, trong lợi có nghĩa. "Nghĩa" là "Lợi" đối với người khác, "Lợi" là "Nghĩa" đối với mình, đó là lẽ thứ nhất. Lẽ thứ hai, dù là "Nghĩa" có lợi cho người khác, cũng chẳng phải không có lợi gì đối với mình, huống hồ thường thường mất cái lợi trước mắt lại được cái lợi lâu dài. Chẳng hạn như, thời Chiến quốc, thực khách của Mạnh Thường quân lấy danh nghĩa lệnh trên đốt quyển, lấy nghĩa cảm hoá đất Tuyết. Tuy mất cái lợi trước mắt, nhưng sau này Mạnh Thường quân thôi làm quan quay về đất Tuyết, dân chúng đất Tuyết không những không tỏ ra lạnh nhạt mà còn dìu dắt trẻ, chào đón từ xa, cái nghĩa đã đổi lấy được chẳng phải là lợi hay sao ? Nghĩa đã chinh phục được lòng người thì nó nhất định sẽ mang lại lợi ích cho người ta. Cho nên, lấy nghĩa để cảm hoá kêu gọi, không chỉ là thủ thuật được các nhà Nho chính thống đề xuất mà cũng là thủ đoạn thường được các nhà mưu lược vận dụng trong chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao và các lĩnh vực khác.

Thời Xuân Thu, nước Tấn phái Giản Ngô mang quân đi đánh Tiên Ngu, quân đến Cổ thành (huyện Tấn, Hà Bắc ngày nay), bèn điều đội quân hùng hậu vây kín thành. Cổ thành nguy đến nơi, lòng người hoang mang. Lúc này, trong thành có người nguyện làm nội ứng, phản loạn hàng Tấn. Giản Ngô một mực từ chối. Quân tả hữu nghi hoặc, hỏi : "Giảm bớt nỗi khổ công thành của tướng sĩ, sao lại

không làm? " Giản Ngô đáp : "Ta từng nghe Thúc Hưởng nói : người ở ngôi cao yêu ghét rõ ràng, lời nói việc làm thận trọng thì ít phạm sai lầm, dân chúng mới kính mộ và nương nhờ, quốc gia muôn việc đều nên, thông đồng bén giọt cả. Nếu như có người bán rẻ thành trì của chúng ta, nhất định chúng ta căm ghét họ. Như hôm nay có kẻ muốn bán rẻ thành trì của họ cho chúng ta, chúng ta liền tỏ ra vui mừng, trên thực tế đây là phần thưởng dành cho hành vi mà chúng ta căm ghét. Cho nên, chủ trương của ta là có sức thì tiến, không lực thì lui, không thể dùng biện pháp gian tà bỏ mặc đại nghĩa để đoạt lấy thành trì. Nếu không cái mất đi sẽ còn lớn hơn cái được nhiều ." Tiếp đó đem giao kẻ phản bội cho Cổ thành thi hành án tử hình. Sau ba tháng vây thành, trong thành lại có người xin đầu hàng. Giản Ngô tiếp kiến một số dân trong thành, sau đó nói : " Ta biết trong thành vẫn còn lương ăn, hãy tiếp tục giữ nữa đi !" Cử chỉ này của Giản Ngô càng chọc tức tướng sĩ. Họ nhao nhao chất vấn Giản Ngô : "Có thể lấy được thành ngay thì ông lại không muốn, đóng quân dưới chân thành bỏ phí quá nhiều thời gian, hao người tốn của, sẽ ăn nói thế nào với nhà vua?" Giản Ngô trả lời : "Điều này quá dễ. Lấy được một vùng đất mà dân chúng ở đó có tinh biếng nhác, vậy vùng đất ấy có ích gì? Chi bằng để họ cứ giữ lấy thành trì. Thành trì lấy được một cách dễ dàng thì khó giữ được dài lâu, không đấu tranh quyết tử mà đã giao thành trì cho đối phương cũng chẳng tốt lành gì. Người Cổ thành gắng sức giữ thành là

xứng đáng với vua của họ, ta chưa lấy được thành mà đã được lòng dân thì cũng xứng đáng với quốc vương của chúng ta. Bây giờ chúng ta kiên trì tín nghĩa, lấy được thành xong, dân chúng sẽ biết tín nghĩa ở đâu, sẽ dốc lòng trung thành nghe theo, không dám hai lòng. Làm như vậy chẳng nhẽ không đúng ư?" Về sau, Cổ Thành đã lương hết lực kiệt, Giản Ngô mới chiếm lĩnh Cổ thành. Sau khi vào thành, không mảy may tơ hào, chỉ đưa vua của họ về nước Tấn.

Tôn tử nói: "Quân sự là phép thuật gian giảo". Lại nói: "Quân sự xây dựng bằng sự lừa dối". Tôn Tẫn binh pháp. Tề Uy vương vấn. "Sự lừa dối là để làm cho kẻ địch khốn đốn." Tào Tháo chú : "Quân sự vô thường hình, lấy gian giảo làm phép thuật". Lấy đức làm chính trị, lấy lừa dối làm việc binh cũng như người hiền tài đều có học thức. Thế nhưng, Giản Ngô dùng binh độc đáo và có bản lĩnh, tựa hồ nhà quân sự bỏ qua phép tắc cơ bản : đã hình thành thế hùng binh uy hiếp thành trì, không những không lợi dụng tâm lí hoảng sợ của kẻ địch làm thế chủ động áp đảo đánh thắng, trái lại đem trả cho đối phương chém đầu những kẻ phản bội, qui hàng, giúp kẻ địch thêm ý chí giữ thành. Kế đó, Cổ thành xin hàng. Giản Ngô lại lấy lý do trong thành vẫn còn lương thực để cự tuyệt, làm như bản thân Giản Ngô chính là vì tướng giữ Cổ thành vậy. Chả trách bộ hạ cứ nghi ngại mãi, liên tục chất vấn : bao vây thế mà không đánh, không chịu lấy thành, hao người tốn của, mặt mũi nào gặp nhà vua.

Hành động của Giản Ngô thật khó cắt nghĩa. Nhưng đời sau không ít người đã bắt chước ông ta.

Tam Quốc Thục hậu chủ Kiến hưng năm thứ ba (năm 225 sau công nguyên), Gia Cát Lượng lên án đất Nam trung (vùng Khúc Tịnh Vân Nam ngày nay), Mã Tốc kiến nghị với Gia Cát Lượng : Nam Trung phản nghịch dựa vào địa thế hiểm trở, không theo Thục - Hán đã lâu lắm rồi, thường nay công phá, mai lại phản. Nếu nay thừa tướng dốc sức bắc phạt. Nam Trung phản nghịch biết được Thục trống rỗng, chắc có hành động sai trái. Nếu chém sạch giết sạch bọn họ, đã không hợp với đạo nhân nghĩa, lại không phải là việc ta có thể làm được. Phép dụng binh, công tâm là thượng sách, công thành là hạ sách, xin thừa tướng hãy nghĩ cách thu phục họ. Gia Cát Lượng nghe theo kiến nghị của Mã Tốc, tháng năm vượt sông Lô Thuỷ (tây bắc huyện Bảo Sơn Vân Nam ngày nay), bắt sống thủ lĩnh Nam Trung là Mạch Hoạch. Gia Cát Lượng dẫn Mạnh Hoạch ra trước trận địa hỏi :"Trận địa này bố trí thế nào? "Mạnh Hoạch trả lời :"Trước kia không rõ thực hư nên mới thất bại. Nay được xem xét trận thế thì ra là thế này, không thể đánh thắng được". Gia Cát Lượng cười rồi phóng thích Mạch Hoạch. Bảy lần bị bắt bảy lần được tha, Mạnh Hoạch thán phục :"Thừa tướng uy lực thần kỳ người Nam chúng tôi không dám phản nữa." Nam Trung mới được yên ." Tam thập lục kế" không dám làm phản nữa." Thừa tướng uy lực thần kỳ, người Nam chúng tôi không dám làm phản nữa". Nam trung mới được yên. "Tam

thập lục kế" đánh giá hành động bảy lần bắt bảy lần tha của Gia Cát Lượng : "Vũ hầu 7 lần tha, ý nhằm mở rộng đất đai, dùng Mạnh Hoạch để thu phục các man di, cách này không phải là binh pháp. Nếu luận chiến thì người bắt không thể phục tùng." Bảy lần bắt bảy lần tha, "ý nhằm mở rộng đất đai, dùng Mạnh Hoạch thu phục các man di", đã nói đúng điều cốt yếu, tiếp đó khẳng định bị bắt và phục tùng "không đúng binh pháp", thì không khỏi làm người ta băn khoăn. Đại để ông ta cho rằng mở rộng đất đai, thu phục man di đều thuộc riêng phạm vi chính trị, không có liên quan gì đến việc binh. Thực ra, chiến tranh là hình thức chuyển đổi của chính trị, các thời đại đều không có cuộc chiến tranh thuần tuý tách rời mục đích chính trị." Khổng tử binh pháp" nêu ngay tôn chỉ mục đích : "Quân sự là việc lớn của nước. Đất sinh tử, đạo tồn vong, không thể không xem xét." Tôn tử cho rằng chiến tranh là việc lớn có liên quan đến sinh tử của quân dân, tồn vong của quốc gia. Chưa đến với chiến tranh mà bàn về chiến tranh, làm sao có thể nói rằng mở rộng đất đai, thu phục man di, bảy lần bắt bảy lần tha là không hợp binh pháp? Khổng tử lại nói : "Bách chiến bách thắng không phải là người tài giỏi. Không đánh mà khuất phục được người mới là giỏi" Còn nói : "Trước hết đánh bằng mưu, thứ đến đánh bằng ngoại giao, thứ nữa đánh bằng áp lực quân sự, sau cùng mới công thành" Các cuộc chiến tranh đều phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, văn hoá nhất định, cho nên chiến tranh còn thường hỗ trợ cho thủ đoạn

chính trị, kinh tế, văn hoá và tâm lý, đồng thời chúng hoà nhập với nhau làm một.

Hai bên giao chiến, mỗi bên có chủ ý của mình. Nói về cuộc chiến ở Cổ thành, người đất Cổ thành giữ thành, "Nghĩa" cùng tồn vong với thành, không đánh mà hàng, hổ thẹn với mệnh vua, ấy là vứt bỏ mất Nghĩa. Người nước Tấn đánh Cổ thành, vâng mệnh vua trên, dũng cảm chiến đấu, ấy là Nghĩa. Nhưng trong tình huống thực lực quân Tấn chiếm ưu thế tuyệt đối, phần thắng trong tay, nhưng Giản Ngô không hề do dự đưa trả hàng binh cho địch, kéo dài ý chí giữ thành của người Cổ, làm sáng tỏ cái gốc của Tín Nghĩa, chẳng đáng để người ta suy ngẫm lắm sao? Thử nghĩ: những ngày ấy dân chúng Cổ thành cảm nghĩ như thế nào?

Mạnh Thường quân của nước Tề là một trong bốn công tử lớn thời chiến quốc, trong nhà có hàng ngàn thực khách. Có một lần, ông đem sổ sách chi thu ra, muốn tìm một người thực khách biết tính sổ sách đến đất Tuyết, ấp phong của ông ta đòi nợ. Phùng Huyên hăng hái xung phong. Trước khi đi , Phùng Huyên hỏi Mạnh Thường quân: "Thu xong nợ mua gì về. "Mạnh thường Quân đáp" "Xem trong nhà thiếu gì thì tuỳ mà mua !" Phùng Kiên đến ngay đất Tuyết, bảo quan lại địa phương cho gọi tất cả con nợ đến, bày rượu thịt khoản đãi. Sau khi cộng hết các trái phiếu, Phùng Huyên bèn giả lệnh của Mạnh Thường quân ban cấp cho dân chúng tất cả số tiền nợ và đốt trái phiếu ngay tại chỗ, ngay ngày hôm ấy đánh xe về báo cho Mạnh

Thường quân. Mạnh Thường quân lấy làm kinh ngạc trước sự nhanh chóng của Phùng Huyên, vội vàng sửa sang áo mão tiếp kiến Phùng Huyên, hỏi : "Sao về nhanh thế? Mua gì về?" Phùng Huyên đáp: "Ông bảo tôi mua thứ gì mà trong nhà đang thiếu, tôi nghĩ, trong cung của ngài không thiếu vàng bạc châu báu trong chuồng cũng không thiếu ngựa hay chó lạ, cung tần mỹ nữ vô kể, thiếu chăng chính là lòng nhân ái. Cho nên tôi tự mình quyết định mua cho ông một chữ "Nghĩa" Mạnh Thường quân chưa hiểu ý của ông ta. Phùng Huyên liền giải thích : "Nay ông chỉ mới có một đất Tuyết ấp phong. Ông không biết yếu qui chúng dân trái lại còn dùng thủ đoạn của kẻ thù nặn bóp tiền của dân. Tôi mượn lệnh ngài ban cho họ tất cả tiền nợ, đốt bỏ khế ước mọi người ai cũng nhảy múa hoan hô, cảm kích ân đức của ngài. Đấy chính là cái "Nghĩa" mà tôi mua về cho ngài". Mạnh Thường quân nghe đoạn, trong lòng không vui, nhưng không biết làm thế nào. Một năm sau, Tề Mẫn vương cách chức tướng của Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân đành quay về đất Tuyết ấp của mình. Dân chúng đất Tuyết nghe nói Mạnh Thường quân sắp về, liền dìu già dắt trẻ ra trăm dặm đường đón tiếp. Mạnh Thường quân vô cùng sung sướng, nói với Phùng Huyên : "Cái "Nghĩa" mà ông mua cho tôi cuối cùng hôm nay đã được thấy".

"Thiên hạ ào náo nhiệt đều vì Lợi mà đến, thiên hạ hỗn loạn đều vì Lợi mà đi". Mạnh Thường quân tuy hiền tài, cũng không quên vun vén tích cóp, dặn dò Phùng Huyên

xem trong nhà cái gì thiếu, mua được mua hết. Về điểm này, gọi là hiền nhân quân tử với phàm phu tục tử thì có gì khác nhau? Thế nhưng, Phùng Huyên thông minh tinh đời, nhìn xa trông rộng, đem trái phiếu châm một mồi lửa, tay không bẩm báo, khiến Mạnh Thường quân dở khóc dở cười, nghi nghi hoặc hoặc: mua "Nghĩa" như vậy, có liên can gì tới Lợi ? Ngày sau bãi tướng miễn quan, quay về đất phong, dân chúng từ xa đã reo hò nhảy múa cúi chào, phân biệt nghĩa lợi, chỗ khác nhau của xa gần, đều đã rõ ràng, Mạnh Thường quân mới như tỉnh mộng. Ta thấy, bỏ gần cầu xa, vứt của lấy nghĩa, nếu không phải là hiền nhân thì có làm được không?

Dân chúng đất Tuyết cúi chào từ xa xa, Mạnh Thường quân không ngớt xúc động. Phùng Huyên nói :"Nhắc lại việc ấy làm gì ! Đến nay nơi mà ông có thể an cư chính là đất Tuyết này. Tục ngữ nói "con thỏ quỷ quyệt có ba hang ẩn nấp", ít ra ông phải có ba nơi nương thân thì mới yên lòng. Nếu ông cho tôi một cỗ xe ngựa, cho tôi đi Tần một chuyến, tôi chắc làm cho Tề vương lại sử dụng ông. Lúc bấy giờ đất Tuyết, Hàm Dương (thủ đô của nước Tần), Lâm Truy (đô thành nước Tề) "ba hang" đã thành, ông có thể gối cao ngủ kỹ được rồi". Mạnh Thường quân tất nhiên đồng ý. Không bao lâu, Phùng Kiên từ phía tây vào Hàm Dương, nói với Tần Chiêu vương : "Nay có người tài trí không đến với nước Tần mà lại đến với nước Tề. Người đến nước Tần đều muốn làm cho nước Tần mạnh, nước Tề yếu : trái lại người đến nước Tề lại muốn làm cho

nước Tề mạnh nước Tần yếu. Có thể thấy rằng, Tần, Tề, không đội trời chung, nước Tần không được thiên hạ thì nước Tề có thiên hạ". Tần vương thấy Phùng Huyên chuyện trò ý vị, liền hỏi Phùng Huyên có kế sách gì giúp Tần lớn mạnh. Phùng Huyên hỏi lại Tần vương : "Đại vương cũng đã hay tin Mạnh Thường quân bị Tề vương cách chức rồi chứ?" Tần vương đáp : "Nghe nói rồi". Phùng Huyên nói: "Nước Tề sở dĩ tự cường được trong đám chư hầu là toàn dựa vào công sức của Mạnh Thường Quân, thiên hạ ai cũng thấy rõ. Thế mà nay Tề vương nghe theo lời gièm pha, phế truất Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân vô cùng oán giận Tề vương. Giả sử đại vương nhân dịp này vời Mạnh Thường quân đến, ông ta chắc hẳn xin vì nước Tần mà gắng gỏi. Nước Tề đã mất Mạnh Thường quân, lại còn sợ nó ngày một suy vi sẽ theo về với Tần chăng? Xin đại vương mau mang lễ vật đến ấp Tuyết mời Mạnh Thường quân, nếu không, Tề vương một khi tỉnh ngộ lại sẽ lại dùng Mạnh Thường quân, nước Tề lại phải cùng nước Tần tranh cao thấp, quyết sống mái". Tần vương nghe xong vui mừng hớn hở, quyết định lập tức cử người đánh mười cỗ xe ngựa, mang mấy nghìn lạng vàng đi rước Mạnh Thường quân. Phùng Huyên thấy việc đã đâu vào đấy, liền vội vàng về nước Tề trước, lại đến khuyên Tề Mẫn vương : "Tề, Tần hai nước không đội trời chung, cuộc tranh chấp giữa Tề và Tần xét đến cùng là cuộc tranh chấp nhân tài, ai có được nhân tài thì người đó sai khiến được thiên hạ. Tôi nghe nói nước Tần ngấm ngầm lôi kéo Mạnh Thường quân, hiện nay đã phái sứ thần mang mười

cỗ xe ngựa trăm cân lạng vàng làm hậu lễ đi mời Mạnh Thường quân sang làm tướng cho Tần. Giả như Mạnh Thường quân quả thật sang Tần, điều khiển thiên hạ, thế thì Lâm Truy, Tức Mặc e nguy hiểm". Tề vương nghe xong sốt ruột muôn phần, chốc lát không tìm ra cách nào, đành theo ý kiến của Phùng Huyên, lại sử dụng Mạnh Thường quân lại còn ban thưởng Mạnh Thường quân ấp phong một nghìn hộ. Đồng thời sai người đón tiếp sứ Tần, báo cho sứ giả nước Tần biết Mạnh Thường quân đã trở lại làm tướng, sứ Tần đành phải quay ngựa trở về.

Đây là câu chuyện "Con thỏ quỷ quyệt có ba hang ẩn nấp" nổi tiếng trong lịch sử. Xem cảnh Mạnh Thường quân bãi quan về Tuyết, dân Tuyết ra trăm dặm cúi chào, có thể nói trước rằng trừ phi Mạnh Thường quân mưu phản làm loạn, bị tước mất ấp phong, còn thì ấp Tuyết này như hang đá kiên cố, khỏi lo. Thế nhưng, hai chiếc hang tướng Tần tướng Tề mà Phùng Huyên mới đào cho Mạnh Thường quân e rằng vẫn còn là mối lo nghĩ, không thể coi ngang với cái hang đất Tuyết. Năm thứ 25, Tề Mẫn vương, Mạnh Thường quân sang Tần. Tần Chiêu vương sắp tôn Mạnh Thường quân làm tướng, có người liền nói với Tần Chiêu vương : "Mạnh Thường quân tuy là người tài, nhưng rốt cuộc ông ta là người nước Tề. Để ông ta đến làm tể tướng nước Tần, e rằng ông ta sẽ lo cho lợi ích của nước Tề trước và lo cho lợi ích của nước Tần sau, tiền đồ của nước Tần sẽ trở nên nguy hiểm". Tần vương nghe xong hết sức đồng tình, lập tức từ bỏ ý nghĩ cũ không chút suy tính,

lại còn bắt giam Mạnh Thường quân, đồng thời mưu tính sát hại Mạnh Thường quân. May mắn được sự giúp đỡ của môn khách "Kê minh cẩu đạo", Mạnh Thường quân mới thoát nạn ở Tần. Mạnh Thường quân tuy có tiếng là hiền sĩ, uy danh lừng lẫy chư hầu, nhưng Tần vương vẫn không bỏ qua được lời can gián "Người Tề vì Tề trước vì Tần sau", Mạnh Thường quân xuýt nữa mất mạng, cái gọi là ba hang đã thành, gối cao ngủ kỹ, đâu phải dễ?

Mạnh Thường quân thích dưỡng sĩ, bất luận nho sĩ, lưu nhân hiệp khách, phạm nhân, không phân sang hèn, nhất loạt dung nạp, lại còn chủ khách bình đẳng, không có ngoại lệ. Một lần, Mạnh Thường quân cùng các môn khách dùng bữa tối, vì bị người khác che mất ánh đèn, một môn khách lầm tưởng là ăn uống không công bằng nên nổi trận lôi đình. Mạnh Thường quân liền đứng dậy đem phần của mình so với của ông ta. Ông ta thấy đồng đều, vô cùng hổ thẹn, rút kiếm tự vẫn. Từ đó, kẻ sĩ trong thiên hạ đều theo về với Mạnh Thường quân. Lần này, Mạnh Thường quân gặp nguy ở Tần, may sao có "Cẩu đạo" ăn trộm áo da, "Kê minh" thông cửa ải, Mạnh Thường quân mới biến được nguy thành yên. Mới đầu, Mạnh Thường quân thu dung hai người "Kê minh", "Cẩu đạo" làm môn khách, những môn khách khác coi khinh, mắt nhìn lạnh nhạt. Lần này, Mạnh Thường quân nhờ công sức của "Kê minh Cẩu đạo" thoát được nạn ở Tần, tân khách không ai không thán phục con mắt và lòng dạ của Mạnh Thường quân. Đại khái "Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng", bây giờ

không dùng ngày sau dùng, đâu phải tầm mắt nhỏ hẹp. Cho nên nói "Kê minh Cẩu đạo" là chổ lập thân quả không ngoa.

Có điều, thời này đã thế, thời khác cũng vậy. Cái hang mà Phùng Huyên đào ở Tần cũng không thể vứt bỏ. Phùng Huyên gặp mặt Tần Chiêu vương, từ chuyện Tần, Tề không đội trời chung, nói cuộc tranh đua giữa Tần Tề suy cho cùng là cuộc tranh giành nhân tài, tiếng đó đem việc đi ở của một Mạnh Thường quân liên hệ với sự thịnh suy của hai nước Tần, Tề, đã điểm trúng chổ yếu của Tần Chiêu vương. Tần vương lập tức quyết định đem nhiều xe, mang nhiều tiền mời Mạnh Thường quân sang Tần làm tướng. Cái hang Tần đã xong, Phùng Huyên liền lấy đó làm quả đấm để đe doạ Tề vương, Tề vương không làm gì được, đành khôi phục chức tướng cho Mạnh Thường Quân, còn ban thêm một nghìn hộ. Từ đó mà xét, hang Tần tuy không phải là chốn an thân lập nghiệp, nhưng vẫn được coi là phương tiện để củng cố hai hang Lâm Truy và đất Tuyết. Xét việc Phùng Huyên nói hang Tần đã xong, trở lại đưa tin trước cho Tề vương, khiến Tề vương giữ Mạnh Thường quân lại, không cho sang Tần, phải chăng Phùng Huyên cũng đã ý thức được việc này?

Người ta không biết lo xa, ắt phải lo gần, nhưng lại không được quá hấp tấp. Thế mới gọi là "Thời cơ đến mà hành động, tất sẽ có địa vị, được dịp may mà ra tay tất sẽ nên công tuyệt thế".

Tần Trang Tương vương Tử Sở trước khi lên ngôi, đã làm con tin ở nước Triệu. Vì hai nước Tần, Triệu thường hay giao chiến, cho nên Tử Sở thường chịu sự đối đãi lạnh nhạt ở nước Triệu. Hơn nữa Tử Sở không phải là con trưởng, gửi chư hầu làm con tin, vì thế vật dụng không nhiều, xe cộ cũ nát, sinh hoạt túng thiếu, rất không hài lòng. Lúc này, thương nhân Lã Bất Vi đang buôn bán ở Hàm Đan kinh đô Triệu, thấy tình cảnh ấy, cho rằng Tử Sở "tích trữ hàng quí", sau này có thể làm ăn lớn, vì vậy đến bái kiến Tử Sở trước : "Tôi có thể làm rạng rỡ gia đình ông". Tử Sở ngắm nhìn nhà buôn có bộ mặt khó coi, cười và nói : "Ông hãy tạm làm rạng rỡ gia đình của mình đi đã, khoác lác làm rạng rỡ gia đình ta làm gì". Lã Bất Vi nói : "Ngài chưa được biết gia đình ngài phải được rạng rỡ trước rồi gia đình chúng tôi mới rạng rỡ được". Tử Sở nhận thấy có điều thú vị trong đó, bèn cùng Lã Bất Vi bàn bạc kỹ lưỡng. Lã Bất Vi nói : "Hiện nay Tần vương tuổi đã già, đưa An Quốc quân lên làm thái tử. An Quốc quân vô cùng sủng ái Hoa Dương phu nhân, mà Hoa Dương phu nhân lại không có con trai. Người được lập con nối ngôi, chỉ có Hoa Dương phu nhân. Anh em các ông có hơn hai mươi người, ngài lại thứ bậc ở giữa, chưa hề được nuông chiều, làm con tin ở nước khác mãi, đến khi đại vương qua đời, An Quốc quân nối ngôi làm vua, ngài sẽ rất khó có cơ hội cùng anh cả và các anh em khác đang sớm hôm chung sống với đại vương tranh ngôi thái tử". Tử Sở gật đầu bảo phải, vội hỏi làm thế nào mới được. Lã Bất Vi nói : "Ngài vốn thiếu thốn vật

dụng, lại làm khách ở nước người, không có tiền lôi kéo vương thân, cũng không có tiền kết giao khách khứa. Tôi tuy không được khá giả nhưng xin cho tôi đem một nghìn cân vàng vì ngài mà tây du, thờ phụng An Quốc quân và Hoa Dương phu nhân, lập ngài con thừa tự". Tử Sở cảm kích muôn phần, nói : "Nếu việc thành, nhất định ta sẽ cùng hưởng thiên hạ nước Tần với ông?". Thế là Lã Bất Vi đem năm trăm vàng đưa cho Tử Sở, dành để ông ta kết giao khách khứa ; lại đem năm trăm vàng mua các động vật quý lạ đem sang nước Tần, dâng cho Hoa Dương phu nhân, và mượn cớ du thuyết cho Tử Sở. Hoa Dương phu nhân cuối cùng thuyết phục được An Quốc quân lập Tử Sở làm con thừa tự, sau đó lập tiếp làm Tần Trang Tương vương. Sau khi Tử Sở được lập làm Tần vương, Lã Bất Vi cũng được tôn làm thừa tướng, phong Văn Tín hầu, thực ấp Lạc Dương Hà Nam 10 vạn hộ. Không chỉ có vậy, Lã Bất vi còn hợp với sở thích của Tử Sở, đem người gái nhảy đã mang thai dâng cho Tử Sở, sinh con đặt tên là Chính, về sau nối ngôi vua, chính là Tần Thuỷ hoàng thống nhất Trung Quốc. Lã Bất Vi thương nhân đưa Tần vương Chính lên ngôi báu hoàng đế, bản thân làm thừa tướng, quyền khuynh triều đình và dân gian, tôi tớ vạn người.

Trong tâm trí người thường, thương nhân so đo từng li từng tí, mắt nhìn nhỏ hẹp. Thế nhưng Lã Bất Vi thì trong lòng lại chứa đựng thiên hạ đại sự, lấy ngàn vàng thay đổi ngôi vua, nhờ đó được phong hầu bái tướng, đứng đầu các quan, quyết không phải thương gia nào cũng làm được. Cử

chỉ khảng khái chi vàng không tiếc, tuy xuất phát từ tư lợi cá nhân, nhưng về khách quan, giải thoát Tử Sở khỏi cảnh cùng khốn, cũng không phải hoàn toàn không liên quan gì đến "Nghĩa".

Trong "Trang tử" lại có chuyện thế này:

Nước Tống có một gia đình có phương thuốc bí truyền, đến mùa đông bôi loại thuốc này lên da, không bị lở, không bị nẻ. Gia đình này chính dựa vào phương thuốc bí truyền này đời đời khỏi khổ vì lở loét do lạnh. Có người qua đây, nghe nói phương thuốc bí truyền này, bèn bỏ ra món tiền to một trăm lạng vàng mua lấy. Liền sau đó xuôi xuống phía Nam du thuyết Ngô vương, huấn luyện thuỷ binh đều bôi loại thuốc này lên. Về sau, Ngô Việt đánh nhau, Ngô vương bèn sai người ấy làm thống soái thuỷ quân. Thuỷ binh nước Ngô bôi loại thuốc này, không sợ lạnh, không sinh lở loét, đánh bại quân Việt. Nhờ đó người ấy được công to, được cắt đất phong cho.

Trang tử vô cùng khảng khái nói : Cùng một loại thuốc, có người biết lợi dụng nó được phong hầu bái tướng, nhưng có người lại chỉ có thể đời đời... Sự chênh lệch lớn biết bao!"

Thời Xuân Thu, nước Trần nổi loạn, Hạ Chinh Thư đã mưu sát Trần Linh công. Sở Trang vương lấy cớ xuất binh diệt Trần, bắt giết Hạ Chinh Thư. Các quan đại thần lũ lượt kéo đi chầu lạy chúc mừng, duy có Thân Thúc Thời không nói gì. Sở Trang vương trách vấn : "Hạ Chinh

Thư mưu sát quốc quân, tội đại phản nghịch, chư hầu Trung nguyên không ai dám hỏi han đến, chỉ có ta giữ vững chính nghĩa, đánh dẹp kẻ có tội. Bây giờ nước Sở đất đai mở rộng thêm nhiều, mọi người lũ lượt kéo đến chúc mừng, chỉ có ông chẳng nói năng gì, lẽ nào trong việc này ta sai rồi chăng?" Thân Thúc Thời đáp : "Đâu có, đâu có ! Ấy là vì có vụ án quyết định chưa được dứt khoát, thần muốn thỉnh thị đại vương đấy thôi". Sở vương vội hỏi ngay việc gì, Thân Thúc Thời trả lời: "Có người dắt trâu ngang qua ruộng người khác, dẫm nát cả hoa màu. Chủ ruộng tức giận, không cho người kia biện bạch, giằng lấy trâu, nhất định không chịu trả lại. Nếu giao vụ án này cho đại vương, đại vương sẽ định đoạt như thế nào?" Sở Trang vương trả lời : "Dắt trâu dẫm nát hoa màu của người ta, lẽ đương nhiên phải bị phạt. Chủ ruộng vì thế cướp trâu của người ta cũng quá đáng..." Sở Trang vương nói đến đây bỗng nhiên nhận ra, vừa thẹn vừa giận nói : "Cái ông này chuyện trò cứ rào trước đón sau, ta lập tức trả lại con trâu cho người ta." Sở Trang vương triệu ngay Viên Pha quan đại phu nước Trần bảo ông ta phụ tá Trần Thành công dựng lại nước. Cử chỉ này của Trang vương, tín nghĩa sáng ngời, không những nước Trần cảm ơn ông ta, đồng thời nước Sở còn nhận được lòng kính mộ của các nước chư hầu Trung nguyên, dần dần đặt địa vị bá chủ của nước Sở ở Trung nguyên.

Thời kỳ Xuân Thu, Chu vương thất suy vi, "Lễ Nhạc chinh phạt từ chư hầu mà ra". Các chư hầu mượn tiếng

trị kẻ có tội để đánh chiếm nhau, tranh làm bá chủ thiên hạ. Nhưng tinh thần văn hoá cơ bản "thịnh suy kế tiếp" chưa bao giờ mất, việc trắng trợn đưa quân xâm lấn thôn tính nhau, ngay lập tức làm dậy lên tình cảm "một con ngựa đau cả tàu chè cỏ" giữa các nước chư hầu, hình thành hình thái thiên hạ cùng lên án nó. Dẫu là nước giàu quân mạnh cũng không chống đỡ nổi sức mạnh liên hiệp của các chư hầu, do đó từ bỏ địa vị bá chủ. Con người là động vật giàu tình cảm, dễ dàng chiến thắng người khác, nhưng không dễ chiến thắng được bản thân. Thử nghĩ xem: lấy danh nghĩa đất nước Sở hùng vĩ, trị tội phản nghịch để tiêu diệt nước Trần, quân đi có cớ, thiên hạ làm gì được ta? Riêng Thân Thúc Thời biết lên cao nhìn xa, chẳng tốn công mất sức mà giúp Trần dựng lại nước, cử chỉ này, Gần, được nước Trần cảm ơn, Xa, được chư hầu ngưỡng mộ, không đánh mà được ngôi bá chủ, há chẳng phải Xa Gần đều hợp hay sao?

II. VIỄN GIAO, CẬN CÔNG

"Viễn giao Cận công" là phương kế cơ bản nước Tần dùng để thống nhất thiên hạ cuối thời kỳ Chiến quốc.

Cuối thời kỳ Chiến quốc, nước Tần trải qua biến pháp Thương Ưởng nước giàu, quân mạnh, đứng trên sáu nước ở Sơn Đông. Vì vậy nước Tần bèn coi việc thống nhất sáu nước, nhập thiên hạ làm một là trách nhiệm của mình, không ngừng phát động cuộc chiến tranh nhằm thống nhất

sáu nước. Không còn nghi ngờ gì nữa đây là thử thách gay gắt đối với sau nước Sơn Đông : Đối mặt với ý chí thôn tính của nước Tần hùng cường, làm thế nào chống cự, duy trì đất nước? Sách lược cơ bản của sáu nước Sơn Đông là liên kết lại thành liên minh, viện trợ cho nhau để chống lại cuộc xâm lược của nước Tần. Trong lịch sử gọi đây là "Hợp tung". Sáu nước hợp tung coi mưu sĩ Tô Tần là người đề xướng chính và là người thực thi. Ông ta đã du thuyết thành công sách hợp tung một mình đeo tướng ấn sáu nước, bôn ba đi lại, điều khiển hợp tung, khiến nước Tần mười lăm năm trời không dám đưa quân đến sáu nước.

Nhằm vào liên minh của sáu nước, nước Tần bèn áp dụng kế "Liên hoành" để phá "Hợp tung". "Liên hoành" chính là lợi dụng mâu thuẫn giữa sáu nước, phát triển quan hệ hữu hảo với từng quốc gia trong sáu nước, đồng thời phát động chiến tranh đối với một số quốc gia khác. Làm phân hoá, tan rã liên minh của sáu nước, cách làm cụ thể của "Liên hoành" là "Viện giao Cận công", các nước đánh nhau ; đặc điểm của nó là nắm vững một mảng, công phá một điểm trong đó. Viễn giao cận công do Trương Nghi bạn học của Tô Tần làm người đề xướng chính. Sau Trương Nghi, lại có Phạm Thư đến Tần trình bày tỷ mỉ phương sách viễn giao cận công, nước Tần kiên trì sách lược này, với sự cố gắng của ba đời vua Tần, cuối cùng đã thống nhất Trung Quốc.

Những năm cuối thời Chiến quốc, Phạm Thư nước Ngụy nhiều lần vất vả vào Tần làm quan, hiến dâng cho Tần

Chiêu vương phương sách thôn tính sáu nước Sơn Đông, nói : "Nước của đại vương bốn ải đều kiên cố, Bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu. Nam có Kinh, Vị, bên phải có Lũng, Thục, bên trái có Quan, Bảng, hùng dũng đánh thắng trăm vạn, chiến xa nghìn chiếc, lợi thì tấn công, bất lợi thì cố thủ, đây là đất của bậc vương giả. Dân khiếp sợ với những cuộc ẩu đả, nhưng dũng cảm trong chiến trận, đây là dân của bậc vương giả. Cả hai, đại vương đều có đủ. Nếu lấy tinh thần dũng cảm của lính Tần, số đông của ngựa xe để chinh phục chư hầu, thì dễ như xua chó Hàn Lò cắn nhau với thỏ què. Tuy nhiên, bá vương đã thành, nhưng quần thần chưa được địa vị của mình. Đến nay đã mười lăm năm Tần đóng cửa không dám đem quân đánh Sơn Đông, nguyên nhân chính là Tần Tương vương hầu bất trung với kế sách của nhà vua, mưu kế của nhà vua không thoả đáng". Tần vương liền hỏi kế sách không thoả đáng ở chỗ nào, Phạm Thư nói tiếp : "Nhương hầu đi qua láng giềng Hàn, Ngụy để đánh Cương, Thọ ở xa nước Tề, kế này không thoả đáng : Ra quân ít không đủ làm tổn thương nước Tề, ra quân nhiều thì tổn hại Tần. Thần đoán ý của đại vương, là muốn Tần ra quân ít và mượn quân của Hàn, Ngụy, nhưng Tần chẳng thân thiện với Hàn, Ngụy, vượt qua Hàn, Ngụy để đánh Tề, liệu có trót lọt được không? E rằng sơ hở quá lớn. Trước kia, Tề Mẫn vương từng đánh nước Sở ở phía Nam, phá quân, diệt tướng, đất hoang ngàn dặm, kết quả nước Tề chẳng lấy được tấc đất nào, lẽ nào nước Tề không nghĩ thấu hay sao? Ấy là tình thế không cho phép. Chư hầu thấy sức

Tề hạn chế, vua tôi bắt hoà, bèn cùng dấy binh đánh tan quân Tề. Binh sỹ Tề hổ thẹn, cả nước trên dưới đều oán Tề vương. Người ta hỏi : Ai đã hiến kế này cho đại vương? Tề vương trả lời là Văn tử. Kết quả đại thần làm loạn, Văn Tử ra đi. Sở dĩ nước Tề bại hoại như vậy là bởi vì Tề ra quân đánh Sở nhưng hai nước Hàn, Ngụy lại được lợi chả khác nào ăn chay nhờ kẻ trộm. Chi bằng đại vương viễn giao cận công, được tấc nào là của đại vương tấc ấy, được thước nào là của đại vương thước ấy. Như nay đánh nước xa đi qua nước gần, há chẳng phải bậy bạ lắm sao? Nước Trung Sơn trước kia đất vuông năm trăm dặm, một mình Triệu thôn tính cho riêng mình, kết quả công thành danh toại, lợi ích tự nhiên mà đến, đưa nước Triệu đứng vào hàng các cường quốc. Lại nói ngày nay, hai nước Hàn, Ngụy ở trong thiên hạ và là cầu nối của thiên hạ. Đại vương nếu muốn xưng bá, cần phải thân thiện với Hàn, Ngụy trước, khống chế cầu nối của thiên hạ, lấy đó đe doạ hai nước Sở, Triệu. Nếu Triệu mạnh thì thu phục Sở trước, Sở mạnh thì thu phục Triệu trước. Sở, Triệu đều đã qui phục Tần, bấy giờ nước Tề cũng sẽ nơm nớp lo sợ. Nước Tề khiếp sợ nước Tần tất chịu mình dâng lễ thờ phụng nước Tần. Nước Tề đã quy phục thì có thể nhân đó mà thu phục luôn hai nước Hàn, Ngụy" Tần Chiêu vương nói : "Từ lâu ta đã muốn hữu hảo với nước Ngụy, nhưng Ngụy là nước có nhiều lộn xộn, khó đạt được mục đích. Xin hỏi làm thế nào mới có thể đặt được quan hệ hữu hảo với Ngụy?" Phạm Thư đáp : "Đại vương hãy tạm hạ mình đem hậu lễ giao thiệp với Ngụy, không xong dứt

khoát cắt đất để làm thân ; Lại không xong, đánh đem quân sang đánh". Tần vương vui mừng khôn xiết, tôn Phạm Thư làm khách khanh, bàn tính việc quân. Sau đó, ba đời vua tần kiên trì phương sách này, cuối cùng lần lượt đánh phá sáu nước Sơn Đông thống nhất Trung Quốc.

Phạm Thư từng lấy tài cứu thế tôn thờ Ngụy trung đại Tu Cổ, bị nhục với Ngụy tướng Ngụy tề, bị vứt vào nhà xí, mặc cho người ta đại tiểu tiện, may mà có Trịnh An Bình cứu giúp, sứ giả Tần Vương Kê tiến cử, sang Tần làm quan, hiến phương sách viễn giao cận công, đổi mới bộ mặt ngoại giao của Tần, thuận lợi mọi bề, ba đời vua Tần bền lòng theo đuổi, cuối cùng thống nhất được sáu nước. Phạm Thư, tuy thuộc người hiền tài, nhưng phương sách viễn giao cận công, không phải ông ta là người đầu tiên phát minh. Từ Xuân Thu đến nay, chư hầu đánh nhau, cường quốc tranh bá, tri thật phong phú, sáng ngời sử sách. Thời gần đây Tô Tần hợp tung (mới đầu Tô Tần cũng đề xướng liên hoành, vì thời cơ không chín muồi chưa được Tần vương áp dụng), Trương Nghi liên hoành, chính là sự gợi mở của phương sách viễn giao cận công, chẳng qua không gặp thời mà thôi. Phạm Thư may được thiên thời, khiến phương sách viễn giao cận công được vận dụng đầy đủ, trở thành kỳ công hiếm có trên đời, nước Tần thống nhất thiên hạ.

Thời kỳ Xuân Thu, Tần Văn công, Tần Mục công từng lấy cô nước Trịnh vô lễ, phụ hoạ nước Sở, để liên kết đánh Trịnh. Nước Trịnh nguy đến nơi. Trịnh đại phu Dật

Chi Hồ vào yết kiến quốc vương của mình : "Nếu để Chúc Chi Vũ đi gặp Tần vương, thì vòng vây nước Trịnh lập tức được giải toả". Vua Trịnh theo kế, triệu Chúc Chi Vũ đến, sai Chúc Chi Vũ đi gặp Tần vương. Chúc Chi Vũ từ tạ nói : "Thần khi còn trẻ khoẻ không được như người, nay đã già rồi, cũng khó làm được việc". Trịnh vương xin lỗi nói : "Ta chưa thể tin dùng ông ngay, nhưng nay việc khẩn cấp mới cầu đến ông, đây là lỗi của ta. Nhưng nếu nước Trịnh mất, với ông không có lợi lộc gì." Chúc Chi Vũ nghĩ ngợi chốc lát, bằng lòng ra đi. Thế là đang đêm Chúc Chi Vũ ra khỏi thành, đến gặp Tần vương nói : "Tần, Tấn hợp binh bao vây nước Trịnh, nước Trịnh cũng tự biết sắp mất nước. Có điều, nếu Trịnh mất mà lợi cho Tần, thì xin đại vương hãy cứ tốn công nhọc sức, nhưng sự thực chưa chắc được như ý nguyện của đại vương. Thử nghĩ : nước Trịnh ở phía đông nước Tấn, còn nước Tần thì ở phía tây nước Tấn, Tần có đi qua Tấn để lấy Trịnh được không? Thiết nghĩ chắc đại vương cũng đã biết là không thể được. Trịnh vong Tấn ắt cường mà Tấn lại là hàng xóm của Tần, sự lớn mạnh của nước láng giềng e là điều đại vương không muốn thấy ! Giả thử giữ nước Trịnh làm nước liên minh ở phía đông của nước Tần, đi lại, cung cấp lương thực của cải, tiện lợi biết bao, ít ra vô hại với Tần là điều quá hiển nhiên. Nước Tấn lòng tham vô đáy, sau khi lấy Trịnh ở phía Đông, lại muốn mở rộng biên giới về phía tây, phía tây chỉ có nước Tần, không lấn dần nước Tần thì nói gì đến mở rộng biên giới phía tây ! Như vậy hại Tần mà lợi Tấn, mong đại vương nghĩ lại". Tần

Mục công cảm thấy Chúc Chi Vũ nói có lý, liền rút quân đi, Tấn Văn công không làm sao được cũng đem quân bỏ đi.

Chúc Chi Vũ một lời mà lui được quân Tần, Tấn, sức mạnh thần kỳ ở đâu? Rõ ràng là câu nói "Vượt Tấn lấy Trịnh khó thay" đã làm Tần vương xúc động. Lời nói của Chúc Chi Vũ với : "Viễn giao cận công" có sự diệu kỳ của cách làm khác nhau nhưng cùng hiệu quả. "Cận công" có thể giảm nỗi khổ của việc vận chuyển. "Viễn giao" có thể phá được sự liên minh trong hợp tung. Hơn thiệt, được mất, ai cũng thấy rõ, Tần vương đương nhiên vui vẻ nghe theo. Kẻ du thuyết lâu thông lịch sử, Phạm Thư không thể không biết đến những việc làm của Chúc Chi Vũ.

Những năm cuối thời kỳ Xuân Thu, Ngô vương Phù Sai sau khi có được mỹ nữ Tây Thi, dâm lạc vô độ, thả sức làm càn làm bậy, muốn cậy công lao lên Trung Nguyên, chủ trì, hội minh chư hầu, thay nước Tề làm bá chủ Trung Nguyên. Thái tử Hữu buồn rầu lo lắng biết rằng thẳng thắn can ngăn thì khó lòng đạt được hiệu quả, bèn mượn việc để thuyết lý, mềm mỏng khuyên can. Một buổi sáng thái tử Hữu cố tình làm ướt giày, quần, tay cầm cung tên lúng túng đến trước mặt Phù Sai. Phù Sai ngạc nhiên hỏi tại sao, thái tử Hữu đáp : "Tôi đi bắn chim ở vườn hoa phía sau, nghe tiếng ve mùa thu kêu vang, nhìn về phía tiếng kêu, thấy ve nghển cổ xoè cánh, bình thản cất tiếng kêu, nhưng không biết lúc này có con bọ ngựa đang giơ càng sắp lao về phía nó. Trong khi con bọ ngựa tập trung

sức lực nhảy nhót muốn thử thì có con chim sẻ vàng xếp gọn cánh, đang chăm chắm nhìn, muốn lao đến bắt cho kỳ được con bọ ngựa mới thôi. Tôi nhìn thấy cho chim sẻ vàng, lòng mừng thầm, bèn giương cung lắp tên, đang định bắn thì rơi xuống rãnh nước, mới đến nông nổi này. Khi phụ vương quyết định lên Trung Nguyên cùng Tề tranh bá, phải chăng đã lường trước việc nước Việt sẽ lợi dụng sơ hở xông vào?" Ngô vương vẫn không nghe, còn mắng thái tử Hữu thậm tệ. Từ đó không có ai dám đến khuyên can nữa. Về sau, quả như lời thái tử Hữu nói, khi Ngô vương Phù Sai lên Trung Nguyên, hậu phương trống rỗng, Việt vương Cầu Tiễn đem quân đánh tan nước Ngô.

Bài học đau đớn của Ngô vương Phù Sai đi xa xưng bá để mất nước, làm nổi bật mặt trái của sự cao minh trong sách lược "Chỉ bằng viễn giao cận công, được tấc nào là của nhà vua tấc ấy, được thước nào là của nhà vua thước ấy".

Trước Phạm Thư, Tô Tần đã tây du vào Tần, đề xướng liên hoành, khuyên Tần Huệ vương ra oai ở Quan Đông, thống nhất sáu nước. Hạt nhân trong mưu kế của Tô Tần cũng là "Viễn giao cận công". Mặc dù từ đáy lòng rất hâm mộ phương sách này, nhưng Tần vương vẫn không trọng dụng Tô Tần. Nguyên nhân ở đâu? Bởi vì thời cơ chưa chín muồi. Tần vương trả lời Tô Tần : "Quả nhân nghe nói, con chim không đủ lông đủ cánh

không thể bay cao; con người chưa nên văn chương không thể khiển trách; người đạo đức chưa cao không thể sai khiến dân, kẻ chính giáo bất thuận không thể phiền đại thần. Nay tiên sinh nghiêm trang không quản đường xa nghìn dặm đến có lời với triều đình, xin để khi khác".

Tần vương đâu có muốn thống nhất trung quốc - chỉ vì cả bốn điều kiện chưa chín muồi, cho nên bảo với Tô Tần "Xin để khi khác", bốn chữ giản đơn chính là lệnh đuổi Tô Tần không hiểu lẽ không ngại rắc rối, liên tục mười lần dâng thư lên Tần vương, nhưng đều bặt vô âm tín. Cuối cùng, vàng cạn của hết, áo quần cũ nát, hình dong tiều tuỵ, lúng túng quay về. Tô Tần về đến quê Lạc dương, vợ gặp không thèm chào, chị dâu không cho cơm ăn, đến bố mẹ cũng coi ông ta như người lạc đường. Cảnh ngộ ấy xoáy sâu vào lòng Tô Tần, ông càng quyết tâm gắng sức đọc sách. "Đâu treo xà nhà, dùi đâm vào xương" chính là chuyện về Tô Tần. Ông ta cảm khái than : "Có người nói không thể dùng vàng ngọc gấm vóc mà giành được ngôi khanh tướng, đâu có lẽ thế !" nghe nói ông ta đọc "Thái công binh pháp" hơn một năm, tám dấc nhiều điều, tự cho rằng "có thể được đế vương thời nay" rồi đây, thế là lại ra đi, đến các nước chư hầu du thuyết.

Lần này, Tô Tần không đến Tần đề xướng kế sách "liên hoành" lấy viễn giao cận công làm nội dung trọng tâm, xúi giục Tần phát động cuộc chiến tranh với sáu nước Sơn Đông nữa trái lại chạy đến các nước khu nhỏ bé ở Sơn Đông để xướng quan hệ dọc trong sáu nước, tổ chức

mặt trận thống nhất chống Tần, từ đó cân bằng với phương sách "Viễn giao cận công" của Tần, đạt được mục đích không đánh mà khuất phục được quân của đối phương. Tô Tần tin chắc, nếu nước Tần muốn thống nhất thiên hạ, "Viễn giao cận công" là phương sách duy nhất có thể thực hiện được. Trên thực tế, nước Tần vẫn luôn tuân theo phương sách này, chỉ có sự khác nhau giữa tự giác và không tự giác mà thôi. Cho nên tô Tần du thuyết sáu nước lần này, hạt nhân của nó lấy "Viễn giao Cận công" làm đối thủ, hoặc đúng độ vũ khí hoặc bắt tay giảng hoà, tạo nên kỳ quan trong lịch sử cổ đại Trung quốc. Trước hết Tô Tần nói với Yến vương : "Thiên hạ yên vui vô sự, không có cảnh lật quân giết tướng, trước hết phải nói đến nước Yến. Đại vương có biết nguyên nhân tại sao không? Sở dĩ nước Yến phải chịu nỗi khổ của chiến tranh và nước lớn lăng nhục, là vì nam có nước Triệu làm bức bình phong. Tần, Triệu từng năm lần giao chiến, Tần hai lần thắng, Triệu ba lần thắng, cả hai đều bị tổn thương, nước Yến được lợi. Đó chính là nguyên nhân nước Yến không dính lúi gì đến chiến tranh. Giả sử nước Tần tấn công nước Yến, phải lặn lội đường sá xa xôi, vượt qua Vân Trung, Cửu Nguyên, Đại Thượng Cốc, tác chiến di động hàng nghìn dặm, dù rằng đã hạ được thành trì nước Yến, cũng không thể giữ được lâu dài. Do đó thấy rằng, nước Tần không thể làm nguy hại nước Yến là do địa hình địa lý. Nhưng nếu nước Triệu tiến đánh nước Yến thì tình thế hoàn toàn khác hẳn. Nước Triệu phát hiệu lệnh, chưa đầy mười hôm,

hàng chục vạn đại quân đã đặt chân lên Đông Viên, liền đó vượt Hô Luân, qua Dịch Thuỷ, không đầy bốn năm hôm đã đến sát quốc đô của Yến. Do đó có thể nói rằng, Tần đánh Yến xa ngoài ngàn dặm ; Triệu đánh Yến không ngoài trăm dặm. Nhưng Yến thường coi Lần là mối lo. Không lo vì trăm dặm mà lo vì ngàn dặm, thực là khiến người ta đầm khó hiểu. Vì vậy, tôi hy vọng đại vương làm thân với Triệu, coi như người trong nhà, nước Yến sẽ không còn gì đáng lo nữa.

Yến vương rất đỗi vui mừng, ban tặng Tô Tần ngựa xe vàng bạc gấm vóc là vật cam kết. Tiếp đó Tô Tần du thuyết ở Triệu, Hàn, Nguỵ, Sở, Tề, đều thành công. Đến đây, sáu nước kết thân để đề phòng nước Tần hùng mạnh. Tô Tần một mình đeo tương ấn sáu nước bôn ba đi lại, điều hành hợp tung. "Việc không tốn một đấu lương, chưa phiền đến một người lính, chưa đánh trận nào, chưa đứt một dây cung, chưa mất một mũi tên, các nước chư hầu đã thân nhau như anh em" làm cho Tần mười lăm năm liền chưa dám đem quân đến Quan Đông. Tô Tần dốc toàn lực lượng kêu gọi sáu nước thân thiện với nhau, cũng từ mặt trái chứng minh cái uy lực trong cái sách lược "Viễn giao cận công" mà nước Tần dùng làm trụ cột ngoại giao.

Mới đầu, sau khi xúc tiến thành công sáu nước hợp tung, Tô Tần ngang qua Lạc Dương, ngựa xe quân nhu cuồn cuộn, chư hầu nào nức cử đặc sứ đón đưa, đến cả Chu Hiến vương cũng không thể không cử người ra ngoại

ô đón tiếp uý lạo. Anh em, vợ và chị dâu của Tô Tần ra đường quỳ lạy không dám ngẩng mặt. Tô Tần cười hỏi chị dâu của mình :"Sao trước kiêu căng mà nay cung kính? Chị dâu vội vã đi vào, nhưng lời lẽ không thèm che đậy : "Thấy chú ngôi cao vàng nhiều mà lại". Tô Tần cảm khái trăm chiều :"Với con người này, phú quý thì thân thiện khúm núm, nghèo hèn thì khinh rẻ, huống hồ với người khác !" Đáng tiếc là phú quý mãi không phải dễ, bản lĩnh này của Tô Tần được các chư hầu biết đến, lo ngại phú quý cũng ra đi. Cho nên, sáu nước liên kết lại mới chống được Tần. Đồng thời, cũng cần có đối thủ phá hoại mối liên kết, không có đối thủ, thì không có gì để làm, lấy đâu ra phú quý. Mưu sỹ Tô Tần thấm thía điều này. Cho nên, ngay trước khi thuyết phục Yến, Triệu liên kết thành công, một là ông lo ngại đột nhiên nước Tần đánh Triệu, phá hỏng điều cam kết, hai là khối liên kết đã hình thành, không còn việc gì để làm nữa. Ông ta nghĩ, chỉ có Trương Nghi bạn học của mình chơi Tần trên bàn tay đẩy lui cuộc chiến tranh với sáu nước, tiếp đó trở thành đối thủ của mình. Thế là Tô Tần nghĩ kế xúi giục Trương Nghi đến Tần.

Trước hết Tô Tần sai người nói với Trương Nghi : "Ông với Tô Tần có tình bạn cũ, nay Tô Tần đã có quyền cao chức trọng, sao không đến gặp Tô Tần tìm đường tiến thân. Quả nhiên Tô Tần báo thực khách của mình gây khó dễ với Trương Nghi, đã không cho ông ta vào gặp Tô Tần, cũng không để ông ta bỏ đi, giữ lại mấy ngày

mới cho gặp nhau. Tô Tần thấy Trương Nghi, lờ tịt chuyện bạn học, để ông ta ngồi chờ ở dưới nhà, đem cho ông ta đồ ăn thức uống của đầy tớ, và mỉa mai ông ta :"Tài năng của ông không phải xoàng, ăn chơi đến nông nỗi này, còn mặt mũi nào đến gặp ta ! Ta không muốn dung nạp người không có chí hướng như ông". Trương Nghi vui vẻ mà đến, những tưởng cùng Tô Tần hưởng phú quý, không ngờ phải chịu mối nhục lớn thế này, bất giác nổi giận đùng đùng, quyết chí so tài cao thấp với Tô Tần. Ông ta biết rõ sáu nước Sơn Đông không làm được việc gì, duy chỉ có nước Tần mới uy hiếp được nước Triệu, bèn đến Tần ngay.

Tô Tần được biết Trương Nghi quyết chí đến Tần, bèn nói với thực khách của mình rằng : "Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, không được như ta, có điều ta may mắn được bổ nhiệm trước mà thôi. Nay người điều khiển được Tần, không ai ngoài Trương Nghi, nhưng vì gia cảnh khốn khó, không có tiền của giao du, cung phụng, đến nỗi nay chưa được hiển đạt. Ta lo ông ta ham lợi nhỏ mà không nghĩ đến tiến thủ, cho nên mới mời ông ta đến sỉ nhục một trận, nhằm khích lệ ông ta phấn đấu, ngươi phải bí mật thay ta quan tâm chăm sóc nhiều hơn". Tô Tần được sự đồng ý của Triệu Vương, bỏ ra rất nhiều vàng và ngựa xe sai người đi theo Trương Nghi, cùng ăn, cùng ở, nâng đỡ tình cảm, sau đó mới đưa tặng ông ta ngựa xe, tiền bạc. Nhờ đó Trương Nghi mới được bái kiến Tần Huệ vương. Tần vương tôn Trương Nghi làm khách khanh, tham dự mưu tính việc tấn công chư hầu.

Thực khách của Tô Tần thấy Trương Nghi được việc, bèn đến cáo từ, Trương Nghi nói : "May có ông hết sức giúp đỡ mới được quyền cao chức trọng, đang định báo đáp ân đức của ông, tại sao lại đột nhiên bỏ ra đi?" Thực khách đáp : "Tôi thật không hiểu được ông, hiểu được ông chỉ có Tô Tần. Tô Tần lo ngại nước Tần đánh Triệu làm hỏng giao ước liên kết, cho rằng ngoài ông không ai có thể điều khiển được Tần, cho nên mới cố ý cảm oán ngài, và sai tôi ngầm đem của biếu ngài, tất cả đều do Tô Tần sắp xếp. Nay ngài đã được bổ nhiệm, xin cho tôi về thưa lại với Tô Tần". Trương Nghi vô cùng kinh ngạc : "Thì ra là như vậy ! Ta trúng kế mà không biết, ta không bằng ông Tô ! Ta mới được bổ nhiệm, làm sao có thể mưu tính đánh Triệu? Hãy cho ta gửi lời cảm ơn ông Tô, ông Tô còn, Trương Nghi đâu dám làm điều xằng bậy".

Mồm Trương Nghi nói ông Tô còn thì không dám mưu đánh chư hầu, nhưng có lẽ nào ở vào địa vị ấy mà không mưu tính, chính sự? Mặt khác, không mưu đánh chư hầu thì đến Tần làm gì? Mới đầu Trương Nghi du thuyết chư hầu, từng uống rượu với tể tướng nước Sở. Tướng Sở bị mất viên ngọc bích, môn nhân của ông ta liền nói thẳng cha Trương Nghi nghèo hèn ấy tính nết không đứng đắn, nhất định hắn ta lấy viên ngọc bích. Thế là liền bắt Trương Nghi đánh cho một trận nhừ tử. Trương Nghi về đến nhà, vợ thấy ông ta bị đánh đập, trách mắng ông ta : "Nếu ông không đọc sách, đi du thuyết thì đâu đến nỗi nhục như thế này !" Trương Nghi không nói đến chuyện ấy, hỏi

lại vợ mình : "Mình xem lưỡi của tôi có còn không ? " Vợ đáp : "Lưỡi vẫn con khoẻ mạnh". Trương Nghi nói : "Chỉ cần lưỡi khoẻ mạnh là được rồi". Đó chính là Trương Nghi ! Lần này đến Tần, Trương Nghi vẫn bằng ba tấc lưỡi ấy, chủ trương "Liên hoành" để phá "Hợp tung" của Tô Tần. Chiến lược chung mà ông ta đưa ra cho Tần vương là : "Nâng đỡ Triệu, tiêu diệt Hàn thu phục Kinh, Nguỵ, thân thiện với Tề, Yến để được tiếng bá vương, theo đạo chư hầu bốn bên." và đề ra bản cam kết thi hành quân lệnh với Tề vương : "Đại vương thử nghe thần nói, một trận mà Hợp tung không tan, Triệu không ngẩng đầu được, Hàn không bị diệt, Kinh, Nguỵ không thần phục, Tề, Yến không kết giao, tiếng bá vương không thành, chư hầu bốn bên không theo về, đại vương hãy chém đầu thần để làm gương cho cả nước." Hạt nhân chiến lược của Trương Nghi chính là "Viễn giao cận công", mà sau đó Phạm Thư đã tổng kết được, Đại để ông ta đã nắm chắc chắn mới dám mở miệng nói ngông cuồng, ra công lệnh, nếu không há dám đem tính mạng ra đặt cọc?

Sau khi Tô Tần, Trương Nghi chết, lại xuất hiện một Phạm Thư đến làm quan nước Tần, hấp thu tư tưởng của Trương Nghi, nêu ra một cách lược rõ ràng "Viễn giao cận công" cuối cùng giúp Tần hợp nhất thiên hạ, Cũng chẳng phải là cây không gốc, nước không nguồn, mà có nguồn gốc từ xa xưa vậy !

III. ĐỘN THẾ VÀ NHẬP SĨ

Đời sống xã hội phức tạp và rắc rối là vũ đài hoạt động của người ta ; chỉ trong cuộc đấu tranh với gian khổ, trắc trở và bất hạnh, con người mới thể hiện ra sức sống làm người của mình.

"Hồng hộc bay không nghỉ, thảm thiết bay về đâu. Chàng thử nhìn theo dương nhạn, con nào cũng lo kiếm cái ăn". Về phương thức, tham dự đời sống xã hội, Nho, Đạo có kiểu riêng. Tinh thần nhập thế tích cực do Nho gia chủ trương kêu gọi người ta hãy làm "cột trụ kiên cường", về sau phát triển thành tinh thần không biết sợ sệt "Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách". Còn Đạo gia thì chủ trương thanh tịnh vô vi, noi theo tự nhiên, chẳng thà nói rằng đó là thứ tinh thần "Độn thế" (trốn đời) tiêu cực. Sự hun đúc của tinh thần này đã hình thành tầng lớp giai cấp xã hội đặc biệt - ẩn sỹ. Cái gọi là "Độn thế" của ẩn sỹ không phải là ẩn dật nơi núi rừng, không duyên nợ gì với đời sống xã hội. Với đời sống xã hội, họ có thể nói siêu mà không thoát, xa nhưng không rời, thường gián tiếp tham dự vào đời sống chính trị, đời sống kinh tế và đời sống xã hội thông qua "người phát ngôn" của mình. Họ thường khi ẩn, khi hiện cùng với sự hưng suy của xã hội, chơi vơi bất định, cho nên nhuốm màu sắc thần bí, vì thế bị người đời gọi là ẩn sỹ.

Phần lớn ẩn sỹ đều tài trí hơn người, đạo đức cao thượng, nhưng họ quyết không ra làm quan. Thái độ của họ với triều đình là thái độ không hợp tác. Trong giờ phút then chốt xã hội phát triển, họ cũng có thể thông qua phương thức bồi dưỡng học sinh hoặc nảy ra ý định tìm biện pháp cho nhân vật anh hùng nào đó tiêu biểu cho phương hướng phát triển xã hội, góp một tay cho sự phát triển của thời cuộc, nhưng họ không tính đến danh lợi. Một khi đã đạt được mục đích, liền cao chạy xa bay biệt tăm mất tích. Lòng dạ rộng lớn siêu thoát danh lợi đã giành được lòng kính mộ của người đời, đồng thời làm cho một số người cầm quyền nào đó không bằng lòng, bởi vì họ cần sự hợp tác của những người tài cao đức trọng này - Nhưng những ẩn sỹ này thường dùng thái độ không hợp tác. Với cách nhìn của chúng ta, nếu người cầm quyền thuyết phục được những ẩn sỹ thanh cao ra làm quan, đương nhiên là biểu hiện cụ thể một cái "thánh minh" của người cầm quyền : Nếu không thuyết phục được những ẩn sỹ này ra làm quan, trái lại dùng thái độ dùng thái độ thuận theo lẽ tự nhiên của nó, thì cũng là biểu hiện tấm lòng rộng lớn của người cầm quyền. Nhưng người cầm quyền thời cổ đại đều không nghĩ như vậy, một số người nào đó trong bọn họ không thể chấp nhận thái độ không hợp tác của ẩn sỹ, Khương Thái Công Lã Vọng nổi tiếng trong lịch sử đã giết một ẩn sỹ tên gọi là Hoa Sỹ chỉ vì người này đã không muốn làm bề tôi của thiên tử, cũng không muốn làm bạn của chư hầu. Qua đó ta thấy rằng, không tính đến danh lợi, không tranh đua với đời, cũng không

có nghĩa đã vào vườn đào ngoài đời, không gặp bất kỳ hoạn nạn khốn khổ nào ; đồng thời tư tưởng Đạo gia và ẩn sỹ lấy tư tưởng Đạo gia làm nguyên tắc xử thế, hoàn toàn không vì tấm lòng tốt xấu của người cầm quyền mà thay đổi ý ngyện ban đầu, ẩn sỹ vẫn đời đời bất tuyệt, tôi làm theo ý tôi.

Trốn đời không dễ, nhập thế cũng vậy. Đối mặt với xã hội bao la và phức tạp con người làm thế nào tìm được vị trí xứng đáng của mình trong mạng lưới rộng lớn của xã hội, quả không phải việc dễ, đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai, những người cầm quyền ở trên tất cả mọi người, bề ngoài ra vào nghi trượng, ngạo mạn hách dịch, nhưng những nỗi lo lắng khốn khổ sâu nặng của họ thì người thường không thể có. Bởi vì họ không những đứng trước vấn đề nhập thế của mình (cuối cùng họ cũng là một thành viên của xã hội), mà còn đứng trước vấn đề nhập thế của người khác, hạt nhân của nó là làm thế nào xử lý quan hệ giữa "Đức" và "Tài". Tử Hạ, học trò của Khổng Tử nói : "Đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã". Ông ta chủ trương dùng người phải nhìn cho xa rộng, không thể cầu toàn trách bị. Lệnh cầu hiền "Chỉ cất nhắc người tài" của Ngụy Vũ đế Tào Tháo nổi tiếng cổ kim, ý của ông ta là bất kể kẻ ăn trộm gà, người bắt trộm chó, nếu gặp được ta đều sử dụng, còn lại thì thôi. Ông ta cầu hiền thật như đói khát ăn uống không kén chọn. Nguyên tắc dùng người : "Đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã" tuy nhiên được đa số người có lý trí tiếp thu,

nhưng do tác dụng của tâm lý và tình cảm người ta thường câu nệ ở "Tiểu đức", từ đó rơi vào sự rối rắm của "Đức" và "Tài" không thể thoát ra được. Do vậy "Nghi ngờ nhưng phục chức", "Bổ nhiệm nhưng nghi ngờ" và vì thế bi kịch xảy ra nhiều không kể xiết.

Ngược lại với điều trên đây, những bậc thánh nhân hiền tài nào biết "Đổ nước từ cao"khoe tài giấu dốt, làm cho khách giang hồ có được địa vị của mình, mới không thất bại bởi mánh lới của nhà chính trị lớn.

Thái Công Lã Vọng được phân phong đến Tề làm vua. Nước Tề có người tên là Hoa Sỹ đức hạnh cao cường trong sáng, nhưng ông ta đã không muốn làm bề tôi của thiên tử, nhưng cũng không muốn làm bạn với chư hầu, do đó càng được người Tề ngợi ca. Thái Công từng ba lần sai người mời ông ta ra làm quan, đều bị cự tuyệt. Thái Công không làm gì được bèn sai người giết chết Hoa Sỹ. Chu Công hay tin, không hiểu nổi bèn chất vấn Thái Công : "Hoa Sĩ là cao sỹ của nước Tề, có sao giết chết ông ta?" Thái Công trả lời : "Hoa Sĩ thề không làm bề tôi của thiên tử, cũng không làm bạn của chư hầu. Lã Vọng này còn có thể cho ông ta làm quan và làm bạn với ông ta được chăng? Tôi đã không thể dùng ông ta làm bề tôi , cũng không thể làm bạn với ông ta, ông ta là người bỏ đi : ba lần mời ông ta, ông ta đều không đến, ông ta là kẻ phạm thượng. Nếu còn biểu dương ông ta, lấy ông ta làm tấm gương giáo hoá để cả nước noi theo, thì tôi còn làm vua của ai được?".

Xem ra Hoa Sĩ là một ẩn sỹ, nhưng nói đúng hơn chỉ có thể coi ông ta là bán ẩn sỹ. Ẩn sỹ chân chính triệt để, người ta không thể tìm ra tung tích của ông ta, như Hoàng Thạch Công ông già Bĩ Thượng thầy dạy Trương Lương, rốt cuộc là ai? Không ai biết. Bởi vì ông ta không cần đến cả họ tên, coi thường danh lợi, không để lộ con người thật của mình, cho nên mãi mãi để lại cho đời sau một câu đố. Ẩn là che lấp. Ẩn rồi lại hiện, bỗng chốc vứt bỏ tính mạng, đâu còn là ẩn? Ẩn sỹ chân chính thì không mang danh "ẩn sỹ" ; đã có tiếng "ẩn sỹ" thì chỉ là bán ẩn sỹ. Hoặc nửa sau cuộc đời, hoặc trực tiếp hay gián tiếp can dự vào đời sống thời sự, như Y Doãn, Khương Thượng, Gia Cát Lượng, Vương Mạnh, Chu Điêu, Phạm Văn Trình. Cho nên nhà thơ đời Tống Lục Phóng Ông có thơ phê bình những người bán ẩn sỹ mang danh "ẩn sỹ " : "*Chí sĩ thê sơn hậu bất thâm, nhân tri dĩ thị phụ sơ tâm, bất tu cách thuyết nghiêm quang bối, trực tự Sào Do thổ đáo kim*". Ẩn sỹ nếu không có tên là ẩn sỹ, đương nhiên chúng ta không còn gì để bàn, đáng bàn cãi vẫn là những bán ẩn sỹ mang danh "ẩn sỹ".

Hầu hết ẩn sỹ đều có tu dưỡng đạo đức và học vấn khá cao, có tài tế thế cứu quốc, nhưng không muốn trực tiếp ra làm quan, mà chỉ ở hậu trường gián tiếp can dự vào chính trị quốc gia và sự phát triển của văn hoá, nhờ đó giành được danh dự xã hội cao nhất. Hầu hết ẩn sỹ đều thuộc những nhân vật thuộc Đạo gia. Đạo gia không như Nho gia lấy "Cột trụ kiên cường". "Tri kỳ bất khả vi

nhi vi chi" làm nguyên tắc xử thế. Đạo gia chú trọng dựa theo tình huống khách quan mà đi lên, đặt nó vào chỗ vô hình. Con người phải có khí phách "Cột trụ kiên cường, nhưng có bắt giòng nước sông cuồn cuộn đổ về Đông chảy ngược lại được không ?" Cho nên," Phải dựa theo tình thế" đã trở thành nguyên tắc xử thế của các ẩn sỹ Đạo gia.

Từ đó đã hình thành hiện tượng văn hoá hết sức thú vị trong lịch sử Trung Quốc : phàm là thời kỳ dựng nước mở nghiệp hoặc dẹp loạn khôi phục tình trạng bình thường, những ẩn sỹ Đạo gia này xông ra gánh vác, dũng cảm đương đầu với nguy hiểm, phụ tá chúa thành minh mở ra thời đại lịch sử mới : một khi cách mạng thành công, thiên hạ thái bình, họ lại đem thành quả của thắng lợi này cảm khái giao cho Nho gia chú trọng "Tu tề trị bình", còn bản thân lại lẩn trốn vào núi, vô tung tích.

Khi nhà Hán dựng nước, ẩn sỹ Hoàng Thạch Công tuy không trực tiếp giúp Lưu Bang nhưng dẫn Trương Lương lên cầu, trực tiếp giao cơ nghi. Về sau Lưu Bang dựa vào Tiêu Hà, Trương Lương, Trần Bích... dẹp yên thiên hạ,. Lưu Bang nói Trương Lương có thể "vạch chiến lược quân sự trong doanh tướng, quyết định thắng bại ngoài ngàn dặm" đủ biết vai trò của Trương Lương.

"Văn Trung Tử" Vương Thông nhà Đường, từ thời nhà Tuỳ đã có chí nơi thiên hạ, muốn xuống núi làm việc đại sự một phen. Nhưng sau khi gặp Tuỳ Dương đế, biết là không thể được. Vương Thông bèn lui về dạy học, đào

tạo được rất nhiều học trò. Các quan văn tướng võ thời Đường Thái tông dụng nước như Lý Tĩnh, Từ Thế Tích, Phòng Huyền Linh, Ngụy Chinh đều là học trò của ông ta. Bản thân ông ta tuy chưa ra làm quan, nhưng đã reo những hạt giống lật Tuỳ dựng Đường.

Không thể đánh giá thấp vai trò của mấy ẩn sỹ Đạo gia trong việc Chu Nguyên Chương đánh đổ nhà Nguyên ; hoặc trực tiếp ra làm việc như Lưu Bá Ôn, hoặc giúp trong hậu trường như Chu Điên, Thiết Quán đạo nhân. Mỗi khi Chu Nguyên Chương có điều gì không giải quyết được, họ liền đột nhiên xuất hiện, tài tình thi hành diệu kế rồi lại biến mất. Đặc biệt, Chu Điên lại càng kỳ quái, ông ta không phải là hoà thượng, cũng không phải đạo sỹ, giả ngây giả dại nhưng lại có mưu hay kế giỏi. Ông ta nói với Chu Nguyên Chương, ông ta - Chu Điên không chết được. Chu Nguyên Chương không tin, bèn sai người chưng ông ta trong một cái lồng hấp, vừa mở ra xem, Chu Điên dường như vừa tắm hơi xong, tinh thần rạng rỡ, từ đó Chu Nguyên Chương kính trọng Chu Điên như thần minh, không dám sơ sài.

Ẩn sỹ không màng danh lợi, lời nói có trọng lượng đến thế lẽ nào không khơi dậy lòng hâm mộ của mọi người? Có điều khi họ thấy thời cuộc không còn có thể cứu vãn được thì họ quyết không như Khổng Tử : "Biết là không thể làm được nhưng cứ làm", làm cái việc nhọc nhằn mà vô công. Họ thuận theo lẽ tự nhiên, chờ thời cơ. Trong "Luận ngữ" đã ghi lại một số chuyện ẩn sỹ phê phán Khổng Tử :

Sở Cuồng Tiếp Dư là ẩn sỹ trú danh của Đạo gia, ông ta nhìn thấy Khổng Tử bèn vừa hát vừa đi đến. Ông ta dùng con chim phượng để ví với Khổng Tử : Chim phượng, chim phượng ! Thời đại này đang suy tàn mày ra làm gì? Quá khứ đã sai rồi, nhưng tương lai còn có thể cải chính. Thôi nhé, muốn cứu vãn thời đại này là điều vô vọng, nguy hiểm lắm. Khổng Tử nghe xong, thấy thú vị, xuống xe đến nói chuyện với ông ta. Nhưng ông ta lảng đi ngay.

Hai ẩn sỹ Trường Thư và Kiệt Nịch đang làm ngoài đồng, Khổng Tử đi ngang qua, có lẽ không có dụng ý gì khác, bảo Tử Lộ đi hỏi bến đò qua sông. Trường Thư hỏi lại Tử Lộ : Người trên xe anh là ai thế? Tử Lộ đáp : Chính là Khổng Khâu. Trường Thư lại hỏi : Chính là Khổng Khâu của nước Lỗ phải không? Tử Lộ nói : Chính ông ta. Trường Thư nói : Đã là Khổng Khâu chu du khắp các nước truyền kinh giảng đạo, ông ta hẳn biết con đường phải đi, lại còn đến hỏi ta làm gì ! Tử Lộ biết đã vấp phải tường lại đi hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi : Anh là ai? Tử Lộ trả lời : Tôi tên là Trọng Do. Kiệt Nịch nói: Chắc anh là đồ đệ của Khổng Khâu nước Lỗ phải không? Tử Lộ đáp : Đúng vậy. Kiệt Nịch nói : Khi nước lũ ngập tràn, cả thế giới một vùng mênh mông bát ngát, ai có thể chặn đứng dòng thác lũ ấy? Rồi Kiệt Nịch khuyên Tử Lộ : Chính trị nước Lỗ hỗn loạn, Khổng Khâu sửa đổi không được, đành bỏ đi. Nhưng cả thế gian đều thế cả. Anh với anh kia theo ông ta làm kẻ sĩ lẩn trốn người đời, chi bằng hãy như chúng tôi quên đi cái thế gian này, làm kẻ sĩ trốn

đời. Tử Lộ quay lại kể hết với Khổng Tử. Khổng Tử than rằng : Con chim đang bay trên trời kia đã có lúc đi trên mặt đất ; cũng như họ, chúng ta không làm sao được ; chúng ta ai đi đường ấy thôi. Nếu thiên hạ đã đi vào quĩ đạo, chúng ta cần gì phải biến đổi nó nữa.

Đâu phải Khổng Tử không muốn thoát ra ngoài xã hội, sống cuộc đời du nhàn? Nhưng không làm được. Ông còn cho rằng mục đích của ông với các ẩn sỹ không hề khác nhau, chỉ là không cùng con đường mà thôi. Nhưng các nhà Nho sau Khổng Tử lại kiên quyết phản đối tư tưởng ẩn sỹ. "Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách", không thể lẳng lặng ngồi nhìn ; hơn nữa, có tài tế thế, có sao khoanh tay thờ ơ ! Thế mà cũng chính nhờ vào điểm này mà các ẩn sĩ giành được tiếng tăm xã hội cao hơn hẳn các nhà nho, đồng thời cũng làm cho một số người ghen ghét và công kích. Dù ghét cũng vậy yêu cũng thế, vẫn không thể đánh giá thấp vai trò và địa vị xã hội của ẩn sĩ.

Thời kỳ Tần Hán có bốn ông lão tóc bạc, học vấn giỏi, tài năng cao, nhưng không ra làm quan, được ngợi khen là "Thương sơn tứ hạo". Thời Tần Thuỷ hoàng, làm ẩn sĩ, đến khi Hán Cao tổ Lưu Bang dựng nước, lại mời họ ra, họ vẫn không chịu. Khi Hán Huệ đế làm thái tử, Lưu Bang muốn gạt bỏ, lập thái tử khác. Lã Hậu mẫu thân Hán Huệ đế lo sợ, xin Trương Lương bày mưu. Trương Lương nói : Chỉ cần mời được "Thương sơn tứ hạo" về làm thầy dạy cho thái tử là được. Thế là Trương Lương,

Lã Hậu nghĩ cách để huệ đế mời "Thương sơn tứ hạo" về. Hán Cao tổ kinh hoàng, nghĩ rằng không thể coi thường Huệ đế, khi đã có bè đảng lập tức từ đó bỏ ý định phế truất thái tử. Cuối đời Chiến Quốc. Nước Tề sai sứ thần đến nước Triệu. Nữ vương của nước Triệu là Triệu Uy hậu hỏi sứ Tề : "Vũ Lăng Tử Trọng còn sống không? Ông ta là người : trên, không làm bề tôi cho vua ; dưới không cai quản gia đình ; giữa, không quan hệ với chư hầu, kẻ đầu têu xuất thế vô dụng ấy, có sao đến nay chưa giết đi?" Vũ Lăng Tử Trọng là ẩn sĩ nước Tề. Hành vi của ông ta cũng như Hoa Sĩ thời xưa. Nhớ lại bấy giờ cuối thời Chiến Quốc, chư hầu xâm lấn nhau, luôn sợ nước khác không suy yếu. Triệu Uy hậu lo cho mình còn chưa xong lại còn lo cho nước Tề, xúi bẩy nước Tề giết hại ẩn sỹ Vu Lăng Tử Trọng, hay là lo Vu Lăng Tử Trọng một khi xuống núi sẽ uy hiếp nước Triệu? Chưa biết chừng.

Ẩn sỹ chính là người thế này : học vấn giỏi, tài trí cao, nhưng không muốn ra làm quan, mà càng không ra, tiếng tăm càng cao. Do vậy, đồ đệ của Diêu Toàn, thông qua việc làm ẩn sỹ để nâng cao danh tiếng của mình, từ đó đạt được mục đích làm quan, những việc như thế này khó tránh khỏi. Nghe nói, Lô Tăng Dung thời Võ Tắc Thiên nhà Hán từng tuyên bố muốn ở ẩn ở núi Chung Nam gần kinh đô, kết quả ngược lại, bị gọi vào triều làm quan. Cái gọi là "Chung Nam tiệp kinh" (đường tắt Chung Nam) điển cố thông qua việc làm ẩn sỹ mà đạt được ý đồ làm quan từ đó mà ra, cho nên với những bản ẩn sỹ

này cũng không khỏi bị chê cười. Nghiêm Tử Lăng là bạn tốt thời niên thiếu của Lưu Tú Hán Quang Vũ đế. Lưu Tú tuy đã làm vua, không quên chuyện cũ, tìm kiếm Nghiêm Tử Lăng khắp nơi, nhưng họ Nghiêm đi ẩn không ra. Về sau phát hiện trên sông Phú Xuân ở Triết Giang có một người mặc ngược áo da ngồi câu cá, Hán Vũ đế được tin cho rằng người này chính là Nghiêm Tử Lăng. Lúc bấy giờ mới rước Nghiêm Tử Lăng về kinh thành cùng Lưu Tú tương kiến. Bạn bè tình nghĩa sâu nặng, nhưng quan vẫn không làm. Đời sau ở chỗ Nghiêm Tử Lăng ngồi câu cá dựng lên một miếu thờ để kỷ niệm vị ẩn sỹ không chạy theo thế tục này. Có người học trò đi thi ngang qua đây, đứng trước miếu thờ, lấy làm hổ thẹn, bèn ngẫu hứng đề một bài thơ : "*Ông vì danh lợi mà đi ẩn, ta mà danh lợi mà đi thi. Hổ thẹn mà gặp tiên sinh, nửa đêm qua điếu đài*". Đời Thanh có người không nghĩ như vậy, dùng thơ phê phán Nghiêm Tử Lăng : "*Một lòng với bộ áo da, hư danh còn truyền mãi đến ngày nay. Bấy giờ nếu bỏ áo đi, mênh mang sông nước biết đâu mà tìm*". Ông ta cho rằng Nghiêm Tử Lăng vị ẩn sỹ này mưu đồ lưu danh, nếu quả thật muốn làm ẩn sỹ, hà tất mặc trái áo cho người ta để ý?

Xem ra cũng phải, nếu thật ẩn trốn nơi núi rừng thì phải như Lão Tử. Lão Tử tài ba cái thế vô song. Khổng Tử đến thăm Lão Tử song nói với đệ tử : "Chim, ta biết chúng bay được ; Cá, ta biết chúng có thể bơi lội ; Thú, ta biết chúng có thể chạy. Chạy, có thể sa vào lưới ; bơi

có thể mắc vào dây câu ; bay, có thể bị trúng tên. Còn con rồng ta không biết được, nó cưỡi gió mây mà lên trời. Nay ta gặp được Lão Tử, ông ta như rồng vậy !" Con người vĩ đại có thể "cưỡi gió mây lên trời" này, thấy nhà Chu suy vi, không thể cứu vãn được, bèn bỏ đi ở ẩn, chẳng ai biết cuối cùng ra sao, đến nay vẫn là một dấu hỏi.

Có điều, Hoa Sỹ người bị Khương Thái Công sát hại đại loại không thuộc vào loại người háo danh chuộng tiếng. Nếu mục đích ở ẩn của Hoa Sỹ là làm quan thì khi Khương Thái Công định giết, ông ta vẫn còn có cơ hội thay đổi ý định ban đầu, đáp ứng yêu cầu của Khương Thái Công, nhưng Hoa Sỹ không chịu làm như vậy. Hơn nữa, Khương Thái Công vô cùng sảng khoái nói ra lý do ông ta giết Hoa Sỹ.

Đạo gia, với xã hội hiện thực, chủ trương phải theo thời thế, như dòng nước nhỏ ; so với Đạo gia, Nho gia chủ trương cột trụ kiên cường, Pháp gia chủ trương nhân định thắng thiên, đều nóng vội với cái lợi trước mắt, thế của họ như tảng đá ném sông, sóng to đợt này đến đợt khác. Công tế thế của hai tư tưởng đó khác nhau ở từng thời, không thể gộp chung lại mà xem xét. Nhân vật Đạo gia giành được tiếng tăm của người đời bằng sự siêu thoát rộng lớn, không màng danh lợi, còn đồ đệ của Điêu Toàn nhờ vào "đường tắt Chung Nam", hoá xa thành gần, biến khó thành dễ, sai sót bất ngờ, nên xem xét như thế nào?

Nhân vật Đạo gia nổi tiếng thế gian bằng sự siêu thoát rộng lớn, nếu Khương Thái Công biết dựa theo chiều hướng khách quan mà đi lên, khen ngợi ẩn sỹ thì tấm lòng bác đại vì chính của ông ta không vì thế được người đời ngưỡng mộ hay sao? So với hành vi nóng vội lợi ích trước mắt giết ẩn sỹ để buộc họ hợp tác, ai tốt ai xấu? Khương Thái Công giết hại Hoa Sỹ sợ là mất cái rộng lớn của ông ta.

Những năm đầu Chiến Quốc, Ngụy Văn hầu muốn chiếm nước Trung Sơn, Địch Hoàng tiến cử Lạc Dương làm thống soái. Có người cho rằng, con cả của Lạc Dương làm quan ở Trung Sơn, cho nên Lạc Dương không nên làm thống soái. Địch Hoàng phản bác nói : "Lạc Dương từng giản người của nước Trung Sơn đến mời, có thể thấy rằng bố con không đồng chí, Lạc Dương có khả năng giữ nhiệm vụ quan trọng. Ngụy Văn hầu tiếp nhận kiến nghị của Địch Hoàng, lấy Lạc Dương làm thống soái dẫn binh tấn công nước Trung Sơn. Lạc Dương suốt dọc đường giữ ải chém tướng, thế như chẻ tre, tiến thẳng đến gần đô thành Trung Sơn. Quả nhiên vua nước Trung Sơn dùng Lạc Thư con của Lạc Dương làm con tin, ép Lạc Dương phải lui quân. Lạc Dương một là vì tình cha con sâu nặng, không thể đột nhiên ra tay, hai là bởi vì trong thành sĩ khí đang hăng, đánh gấp không lợi, bèn truyền lệnh vây nhưng không đánh. Tin truyền về nước Ngụy, một số đại thần nhao nhao tấu với Ngụy Văn hầu, có người nói Lạc Dương thông đồng với địch, muốn tách Trung Sơn, độc lập làm vua. Có người nói Lạc Dương vì con làm lỡ việc

quân, tội không khoan dung tha thứ. Ngụy Văn hầu không những phớt lờ những lời tấu đó, mà còn liên tục sai người uý lạo tướng sĩ, bổ sung cấp dưỡng, lại còn mua sắm trước nhà cao cửa đẹp để còn khen thưởng Lạc Dương. Lạc Dương quả không phụ lòng mong đợi của nhà vua, chỉ ra tay là lấy được thành trì, khiến nước Ngụy lừng lẫy uy danh trong các nước chư hầu.

Ngoài ra, "Chiến Quốc sách" có ghi :

Lạc Dương làm tướng nước Ngụy, đánh nước Trung Sơn, còn con ông ta ở Trung Sơn, vua Trung Sơn bèn làm thịt con trai Lạc Dương, gửi cho Lạc Dương mấy bát canh, Lạc Dương ngồi dưới trướng, nén đau thương, một hơi uống cạn. Ngụy Văn hầu được tin không ngớt than văn, khen ngợi với Đổ Sử nói : "Lạc Dương vì ta mà ăn thịt của con mình". Đổ Sư khen lại rằng : "Thịt của con trai mình sinh ra mà còn nuốt trôi thì còn thịt của ai nuốt không trôi?" Lạc Dương thắng trận về nước, Ngụy Văn hầu tuy thưởng công nhưng nghi ngờ tấm lòng của ông ta.

"Bổ nhiệm thì đừng nghi, nghi thì đừng bổ nhiệm", điều đó ai cũng biết. Nhưng những ai đáng bổ nhiệm, những ai phải nghi ngờ, khi thực hiện phải lao tâm khổ tứ. "Thánh triều dĩ hiếu trị thiên hạ"."Hiếu" chiếm vị trí đặc biệt trong nền văn hoá cổ đại Trung Quốc. Từ tình yêu thương của bố mẹ, con cái mở rộng đến anh em, bạn bè, vua tôi, cho đến cả thiên hạ, người nào đánh mất tình thương yêu cha con thì đừng nói đến tình anh em, vua tôi, bạn bè, thậm

chỉ thiên hạ. "Trung thần phải từ hiếu mà ra", đây là quan điểm giá trị chiếm địa vị chủ đạo. Nhưng cũng không hẳn như vậy. Trung hiếu thường khó song toàn. Hiếu mà không trung, trung mà không hiếu thì cũng không coi là người nữa, làm thế nào được? Huống hồ người có hiếu vị tất đều có khả năng giữ địa vị quan trọng. Lạc Dương tuy là người có khả năng giữ trọng trách, bỏ con giữ để tận trung nhưng lại bị Nguỵ Văn hầu nghi ngờ, vừa đáng kính vừa đáng buồn. Nếu lôi Nguỵ Văn hầu từ chốn cửu tuyền lên đối chất, không biết ông ta lấy gì truyền dạy. Người ta không ai chọn vẹn, không thể cầu toàn. Tử Hạ có nói : "Đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã". "Nhàn" chính là phạm vi, Tử Hạ chủ trương chỉ cần không vượt ra khỏi phạm vi của nguyên tắc chung, còn thiếu sót nhỏ thì người hiền không tránh khỏi, không nên chỉ trích quá đáng. Cầu toàn tránh bị, thì thiên hạ không có ai đáng được dùng.

Tô Tần là nhân vật khét tiếng thời kỳ Chiến Quốc, một mình ông đeo ấn tướng sáu nước, du thuyết bôn ba, làm lên thế hợp tung sáu nước, khiến cho nước Tần hùng mạnh mười lăm năm trời không dám khinh xuất tiến về phía đông. Cũng từng bằng sức lực của mình ông bắt nước Tề trả lại mười thành xâm chiếm của Yến. Thế nhưng có người đến dèm pha với Yến vương rằng : "Tô Tần là bề tôi tráo trở bán nước, sắp làm loạn". Tô Tần từ Tề trở về Yến. Yến vương không giao cho Tô Tần làm tướng nữa. Tô Tần bèn vào yết kiến Yến vương, nói : "Thần là

dân áo vải Đông Chu, không chút công lao mà được đại vương tin dùng. Nay thần vì đại vương lui quân Tề lấy được mười thành, cũng chính vì sự tin dùng của đại vương. Nay đại vương không cho thần làm quan, chắc là có người công kích với đại vương thần là người không đáng tin dùng. Nhưng, thần, con người không đáng tin dùng này quả thật là phúc phận của đại vương. Thần nghe nói người lo trung giữ tín chỉ là vì mình, còn người đốc súc tiến thủ lại là vì người khác. Huống hồ, thần du thuyết Tề vương và không lừa dối ông ta. Thần bỏ mẹ già ở Đông Chu là hành vi bỏ danh dự mà lo tiến thủ. Nếu như nay được ba người có hiếu như Tăng Sâm, liêm như Bá Di, tín như Vỹ Sinh đến thờ phụng đại vương, đại vương sẽ cho là thế nào". Yến vương trả lời : "Nếu được như vậy, ta rất hài lòng". Tô Tần nói : "Hiếu như Tăng Sâm, nghĩa là không xa vắng người thân một đêm, đại vương có thể làm sao có thể bắt ông ta đi bộ ngàn dặm đến thờ phụng nước Yến nhỏ yếu và nhà vua đang trong thế trứng để đầu đẳng. Liêm như Bá Dy, nghĩa không làm con cháu của Cô Trúc quân, không chịu làm bề tôi của Vũ vương, không nhận phong hầu và chết đói dưới núi Thú Dương. Kẻ sĩ liêm khiết như vậy, làm sao đại vương có thể ông ấy đi ngàn dặm đến Tề lo việc tiến thủ? Tín như Vỹ Sinh, hẹn gặp người con gái dưới chân cầu, cô gái sai hẹn mà nước lũ đã dồn đến, Vĩ Sinh thủ tín không đi ôm trụ cầu mà chết. Kẻ sĩ thủ tín như vậy, làm sao đại vương có thể khiến anh ta đi ngàn dặm làm lui quân đội hùng mạnh của nước Tề? Tô Tần tôi chính vì trung tín mà mắc tội với đại vương". Yến vương

không hiểu, hỏi : "Ông đã không phải là kẻ sĩ trung tín, lẽ nào lại vì trung tín mà chịu tội?" Tô Tần đáp : "Không phải thế. Thần nghe nói có một người quanh năm đi làm quan ở ngoài, vợ ông ta tư thông với người khác. Chồng sắp về, người đàn ông kia vô cùng lo lắng, vợ ông ta nói : "Không phải lo lắng, tôi đã sắn rượu thuốc đợi ông ta". Ba ngày sau, người chồng trở về, người vợ cả sai cô vợ lẽ dâng rượu cho chồng. Cô vợ lẽ muốn nói trong rượu có thuốc độc, nhưng sợ cô cả đuổi đi. Im lặng không đánh tiếng lại sợ chồng bị giết. Thế là bèn giả vờ bất cẩn ngã lăn, đổ hết rượu thuốc. Người chồng tức giận đánh cô ta năm mươi roi. Cô vợ bé ngã và đổ rượu, trên còn chồng dưới còn vợ, thế nhưng không khỏi bị đòn roi, sự việc là như vậy, lại không thể nói rằng trung tín mà có tội hay sao? Sai lầm của thần chẳng may cũng thuộc loại này". Yến vương bấy giờ mới nhận ra, phục chức cho Tô Tần.

Rốt cuộc Tô Tần là kẻ sĩ có tài hùng biện tung hoành, dùng ba tấc lưỡi không rách nát cố gắng thuyết phục Yến vương, gặp dữ có thể hoá lành, gặp khó hoá dễ. Giả sử Tô Tần là một trung thần ăn nói ngù ngờ, há không bị sai đi Tây Thiên sao?

Trong lịch sử, những nhân vật đã làm nên nghiệp lớn đều có hoài bão "đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã". Hán Cao tổ Lưu Bang dựa vào Tiêu Hà, Trương Lương, Trần Bình, dẹp yên thiên hạ, trong đó Trần Bình đã từng sáu lần nghĩ ra diệu kế cho Lưu Bang nhưng mới đầu ông ta gặp nhiều trắc trở, trước hết thờ Ngụy không

thành, quay về với Hạng vương. Hạng Vũ không khoan dung lại nhờ Nguỵ Vô Tri giới thiệu với Lưu Bang, mới được giao cho trọng trách. Lúc bây giờ Chu Bột Giáng hầu Quán Anh không phục, dâng lời gièm pha Trần Bình với Lưu Bang : "Trần Bình tuy dung mạo đường bệ, nhưng chưa hẳn thật có bản lĩnh. Nghe nói hồi còn ở nhà, Trần Bình ăn trộm của chị dâu ông ta, thờ Nguỵ không xong chạy sang Sở, ở Sở không được lại chạy sang Hán. Nay đại vương cho ông ta làm quan to, lại sai ông ta làm hộ quân, trong quân xôn xao bàn tán. Trần Bình nhận hối lộ của các tướng, người đưa nhiều vàng được chỗ tốt, người đưa ít vàng được chỗ xấu. Trần Bình là loạn thần phản phúc, mong đại vương lưu tâm". Tuy tính tình rộng rãi cởi mở nhưng sau khi nghe nói như vậy, Lưu Bang sinh hoài nghi Trần Bình. Lưu Bang triệu Nguỵ Vô Tri đến trách mắng ông ta không thận trọng tiến cử người. Nguỵ Vô Tri nói : "Điều mà tôi coi trọng là tài năng của con người, thế mà điều hôm nay bệ hạ nói đến lại là phẩm hạnh. Giả sử nay được những người như Tăng Sâm, Vỹ Sinh, họ có ích gì cho sự nghiệp của bệ hạ? Thần tiến cử cho bệ hạ một mưu sĩ tài, bệ hạ chỉ cần xem kế sách của ông ta có lợi cho nước hay không là được. Còn chuyện ăn trộm của chị dâu, nhận vàng, đáng gì mà tranh cãi? " Trần Bình cũng giải thích với Lưu Bang : "Mới đầu tôi thờ phụng Nguỵ vương, Nguỵ vương không thể thu nhận chủ trương của tôi, cho nên mới phải đi nương nhờ Hạng vương. Hạng vương không tin người. Được ông ta tin dùng, nếu không là người họ Hạng thì phải là người họ hàng bên vợ. Dẫu

là kẻ sĩ kỳ tài, nhưng khó được dùng. Dĩ nhiên tôi phải bỏ ông ta mà đi. Nghe nói Hán vương biết người, khéo dùng. Cho nên đi theo. Thần mình trần mình mà đến, không nhận tiền bạc của người khác, kế sách của thần có chỗ nào dùng được thì xin đại vương ghi nhận, nếu không dùng được, thần xin từ quan. Trần Bình tôi đánh xe ra đi ngay". Lưu Bang nghe xong, liền ngỏ ý xin lỗi, hậu thưởng Trần Bình, phong Trần Bình làm Hộ quân trung uý, chuyên lo bảo vệ các tướng soái, bây giờ lời dèm pha mới hết. Đây là chỗ Hán Cao tổ Lưu Bang cao hơn Hạng vương.

Trương Xướng thời Hán Vũ đế là một tài tử, về sau trở thành một danh thần. Tình cảm của ông ta với vợ rất đẹp. Đuôi lông mày của vợ có khuyết tật, sáng nào Trương Xướng cũng sửa cho. Có người đem chuyện này kể với Hán Vũ đế. Một lần Hán Vũ đế hỏi Trương Xướng ngay trước mặt các quan đại thần trong triều. Trương Xướng không tha thứ, trả lời : "Chốn khuê phòng còn có điều thú hơn cả việc sửa lông mày". Ý nói là vợ chồng có việc còn thú vị hơn sửa lông mày, đại vương hỏi thần việc công đã làm xong chưa mới phải, vẽ lông mày hay không, có can hệ gì tới việc triều chính?

Đến thời Tam quốc, sở dĩ Tào Tháo khống chế được thiên tử để sai khiến chư hầu, thiên hạ ba phần ông ta có một, đó là do sự khéo léo lôi kéo người tài của ông ta. Nguyên tắc dùng người của ông là "Chỉ cất nhắc người tài", chỉ cần có điểm trội là đều được dùng, nếu không có thì thôi. Nếu dùng người, trước hết phải biết khoan dung,

Tào Tháo giỏi nhất điểm này. Mới đầu, khi ông ta đánh nhau với Viên Thiệu, quân hai bên quá chênh lệch, quan quân nhiều người hoang mang, nghĩ rằng sẽ thất bại. Thế là họ nước đôi, ngấm ngầm liên lạc với Viên Thiệu chuẩn bị lối thoát. Thư tín đi lại của họ đều bị Tào Tháo thu hết, nhưng giữ kín không lộ ra. Sau khi thắng trận, Tào Tháo đốt hết những thư từ thông đồng với giặc. Có người không hiểu nói chuyện với Tào Tháo, những người ngầm thông đồng với Viên Thiệu này lòng dạ đổi khác, đáng phải truy cứu. Nhưng Tào Tháo nói : "Những người theo ta đi đánh trận, có ai không muốn vì vợ con nhà cửa của mình, tìm lối thoát, tìm đường tiến thủ? Lúc đầu thắng bại chưa thể biết trước, đến bản thân tôi cũng không dám chắc, không đủ niềm tin, làm sao có thể yêu cầu khắt khe người khác được? Nếu cứ truy cứu, e rằng không thể tìm thấy lấy một người trung thành kiên định". Tào Tháo chính là con người có tình có lý, bao dung độ lượng, nhìn xa trông rộng như vậy đấy.

Thời Tấn An đế, đại tướng Lưu Dụ bắt phạt, nội bộ trống rỗng, Quảng Châu Thứ xử Lô Tuần thừa cơ dấy binh phản Tấn, nhanh chóng áp sát kinh thành Kiến Khang. Giang Lăng không được tin tức gì của kinh thành, vì thế quân phản nghịch nổi dậy khắp nơi, người người lo sợ. Quốc vương hậu Thục cũng nhận Tấn lâm nguy cử đại tướng Hoàn Khiêm liên hiệp với quân Tần đánh Tấn. Hoàn Khiêm hạ trại ở Chi Giang. Giang Lăng cáo nguy, chẳng bao lâu nữa sẽ hạ được. Vì vậy, dân chúng, quân lính

Giang Lăng tới tấp gửi thư cho Hoàn Khiêm thông báo tình hình quân đội, và bày tỏ nếu quân Hoàn Khiêm đến dưới chân thành, nguyện làm nội ứng. Thứ sử Kinh châu của Tấn là Lưu Dạo Quy chỉ huy nhanh chóng đánh bại liên quân Tần Thục và thu hết những thư tín của quân dân Giang Lăng gửi cho Hoàn Khiêm. Quân dân Giang Lăng được tin, mơm mớp suốt ngày. Lưu Đạo Quy như không hay biết, đốt hết thư tín, Giang Lăng mới được yên.

Bộ sậu của Tào Tháo thông đồng với địch, Giang Lăng gửi thư làm phản, tuy có điều nghi ngờ "đại đức đu nhàn", nhưng tình ấy, thế ấy chỉ có lấy con mắt nhìn xa trông rộng, thái độ khoan dung, độ lượng làm thượng sách, nếu không thất bại sẽ lớn.

Tầm mắt rộng lớn, thường có chỗ ngược với lẽ thường : chỉ có ngược với lẽ thường mới có cái rộng lớn để nói.

Thời Nam Tống có người giả mạo thư của quyền tướng Tần Khoái đến gặp quận thủ Dương Châu, bị quận thủ Dương Châu phát giác, liền đưa cả người lẫn thư lên kinh thành. Tần Khoái nhìn người ấy, không những không trị tội, mà còn thưởng tiền tiêu, cho làm quan. Mọi người hỏi tại sao, Tần Khoái nói : "Người cả gan mạo thư từ Tần Khoái tôi nhất định không phải người thường, nếu không dùng quan chức để lung lạc anh ta, anh ta không lên Bắc theo Hồ, thì xuống Nam theo Việt, với ta có lợi gì?".

Kẻ loạn thần phản phúc, hạng trộm gà bắt chó, ai cũng coi không phải là người, những bậc trí giả lại có thể

làm cho họ ai được việc nấy, đấy chính là cái lẽ "tín túc dĩ nhất dị, nghĩa túc dĩ đắc chúng".

Nhưng, rộng lượng bao dung, tấm lòng rộng lớn "dùng thì không nghi" đó chỉ là một mặt trong nguyên tắc dùng người. Lòng người như nét mặt, mỗi người một chí, có thể dùng được cho người khác, chưa chắc có thể dùng được cho ta, đó là thứ nhất. Thứ hai, quan điểm giá trị một tôi không được thờ hai chúa, được rất nhiều hiền nhân tri sĩ kính cẩn tôn thờ, nhất là lúc giao thời giữa các triều đại, một số người tận trung thủ tiết, không chịu đổi thay, cho nên chúa mới lên ngôi không thể không xuống lệnh cấm sát sinh. Cái gọi là "nghi tắc vật nhiệm" đâu chỉ là "vật nhiệm" (dùng bổ nhiệm), không biết nó đã đạo diễn lên biết bao bi kịch làm đau lòng người. Hán Vũ đế cuối cùng đã giết chết Kỳ Tử Cẩu Dục phu nhân từng được ông ta yêu dấu, chỉ vì muốn lập con trai của bà lên làm thái tử. Có người hỏi Hán Vũ đế tại sao làm như vậy, Hán Vũ đế nói : "Từ xưa đến nay, sở dĩ nước loạn đều là do đế vương nhỏ tuổi, mẫu hậu có thể can thiệp khéo léo vào công việc triều chính. Ta nay tuổi đã cao, Kỳ Tử này hãy còn trẻ, sau này con trai ta sẽ là hoàng đế, nếu Kỳ Tử can dự triều chính, làm thế nào?" Cho nên Hán Vũ đế dứt khoát giết Cẩu Dục phu nhân. Trong lịch sử sau Hán Vũ đế không bao giờ thiếu vắng những mẫu hậu can thiệp triều chính gây rối loạn quốc gia. Về điểm này, Hán Vũ đế quả là có tầm nhìn xa rộng, kiến thức cao sâu.

Lui về trước nữa. Chu Á phu là danh tướng nhà Hán được coi trọng ở hai triều đại Văn, Cảnh, nhưng cuối cùng Hán Cảnh đế vẫn giết ông, tại sao? Hán Cảnh đế đánh giá Chu Á phu : "Người này vẻ khó chịu, không phải thiếu tinh chủ tớ?" Chu Á phu trung thần tuyệt đối, song chỉ trung với Cảnh đế này, trung với quốc gia. Nhưng ta tuổi đã già sắp qua đời, con trai tuổi còn nhỏ, sau này nó làm hoàng đế, Chu Á phu trong lòng không phục, khó bảo. Cho nên Cảnh đế đành chịu đau vứt bỏ.

Đường Thái tông được gọi là ông vua thánh minh, quả thật cũng có chỗ sáng suốt. Đối với bề tôi trung thành của mình, có thể trở thành bề tôi trung thành của con mình hay không, ông vẫn còn nghi ngại, nhưng ông không ra tay ngay mà tìm cách thử nghiệm lại. Từ Thế Tích cùng Đường Thái tông đánh thiên hạ, chiến công rạng rỡ. Khi sắp mất, Đường Thái tông hạ lệnh để Từ Thế Tích đi trấn giữ biên cương. Đường Thái tông bảo con trai là Đường Cao tông chú ý xem lệnh này sau khi đã truyền đạt, Từ Thế Tích lên đường ra đi như thế nào. Từ Thế Tích cũng biết tổng dụng ý của Đường Thái tông có lẽ chủ tâm như vậy, vừa nhận được lệnh không nói đến câu thứ hai, lập tức lên đường nhận chức. Đường Thái tông sau khi biết được điều này mới yên tâm. Biết chắc sau này ông ta cũng sẽ nghe theo Đường Cao tông. Giả sử Từ Thế Tích do dự hoặc không được vui vẻ, thì kết quả ra sao có thể nghĩ mà biết. Cách xử lý ôn hoà nhất, có lẽ trước hết phải suy ra từ Tống Thái tổ, ông hoài nghi công thần, bèn "lấy

chén rượu xoá binh quyền", để những tướng lĩnh có công trạng này về quê sống cuộc đời an nhàn. Những bậc đế vương rộng lòng khoan dung độ lượng như vậy, tìm trong lịch sử có được mấy người?

Chương III
MINH VÀ ÁM

Minh là công khai, lộ rõ ra ngoài. Ám là bí mật, ẩn dấu không lộ. Minh và Ám làm thành một cặp phạm trù mâu thuẫn, có ở khắp mọi hang cùng ngõ hẻm của cuộc sống xã hội.

Trong lĩnh vực Quyền mưu học, quan hệ giữa Minh và Ám có thể trình bày như sau : 1. Đối lập nhau - cái Minh bài trừ cái Ám, ngược lại, cái Ám cũng bài trừ cái Minh. 2. Dựa vào tồn tại - không có cái Minh thì cũng không có cái gọi là Ám, có cái Minh thì ắt phải có cái Ám. 3. Thẩm thấu vào nhau - cái Minh cũng có thể chứa đựng cái Ám, cái Ám cũng có thể bao hàm cả cái Minh. 4. Chuyển hoá lẫn nhau - trong điều kiện nhất định cái Minh có thể biến thành cái Ám, cái Ám cũng có thể biến thành cái Minh.

Một bộ sử quyền mưu Trung Quốc, minh minh ám ám, ám ám minh minh, không biết làm rối loạn tâm hồn bao người, cũng không biết đã thành bại tiền đồ của bao người, càng không biết đã giết chết tính mạng của bao người.

I. THUẬT QUÂN THẦN CỦA HÀN PHI TỬ

Hàn Phi là nhà tập đại thành của học thuyết Pháp gia Tiên Tần. "Hàn Phi tử" là tác phẩm tiêu biểu tập trung bàn về quyền mưu chính trị (hay gọi quyền mưu Pháp gia). Đối với việc làm thế nào xử lý mối quan hệ giữa vua chúa với bề tôi, đặc biệt là luận bàn làm thế nào vận dụng quyền mưu trong hoạt động chính trị xã hội, nó rất có hệ thống và rất rõ ràng, có thể nói là "tiền bất kiến cổ nhân, hậu bất kiến lai giả". Hàn Phi xuất phát từ lập trường làm vững mạnh chủ nghĩa chuyên chế phong kiến, kiên trì quan điểm cơ bản "Dương quân ức thần", tạo ra lý luận chính trị kết hợp giữa "Pháp" "Thuật" "Thế". Trong đó "Thuật" mà Hàn Phi Tử bàn tới, trước hết là "đế vương chi cụ", tức thuật vua chúa điều khiển bề tôi ; cùng đồng thời tiện thể vạch rõ thuật làm vua của bề tôi. Thuật điều khiển bề tôi và thuật làm vua này hợp lại với nhau, vừa là sự tổng kết quy nạp hoạt động chính trị xã hội trước thời Tần, cũng là sự chỉ đạo cụ thể cho đời sống chính trị xã hội thời Tần về sau, do đó vẫn được coi là một bộ quyền mưu chính trị kế trước mở sau.

Theo cách nhìn của Hàn Phi, thống trị cực quyền của vua chúa là lấy sự phục tùng vô điều kiện của bề tôi bên dưới làm tiền đề, mà muốn bề tôi bên dưới phục tùng vô điều kiện ý chí của vua chúa, thì vua chúa cần phải áp dụng thủ đoạn ràng buộc trách nhiệm cụ thể mà có hiệu quả. "Hàn Phi tử, Nạp trữ thuyết thượng" thông qua một loạt ví dụ thực tế được thống kê, tập trung bàn luận về vấn đề này, nêu lên một cách rõ ràng : "Bảy thuật" mà vua chúa đã dùng : "Một là chúng đoạn tham quan, hai là tất phạt minh uy, ba là tín thưởng tận năng, bốn là nhất thỉnh tránh hạ, năm là nghi chiếu nguỵ sử, sáu là giáp trí nhi vấn, bảy là đảo ngôn phản sự".

Cái gọi là "chúng đoạn tham quan" là chỉ vua chúa phải từ nhiều phương diện nghiệm chứng ngôn từ cử chỉ của bề tôi. Người ta thường nói "nghe đầy đủ thì sáng nghe phiến diện thì tối", "Người trong cuộc thì mê, người ở ngoài thì rõ", là có ý ấy. Hàn Phi cho rằng, vua chúa xem xét nghe ngóng hành vi ngôn từ của bề tôi mà không kiểm chứng thêm, hoặc chỉ tin ở một người thì sẽ bị bề tôi bưng bít ; chỉ có lắng nghe ý kiến rộng rãi từ nhiều phía, tham khảo so sánh, mới có thể rút ra lời phán xét sự vật một cách chính xác.

Thời Xuân Thu Di Tử Hà được Vệ Linh công tin yêu, chuyên quyền hống hách ở nước Vệ. Có ông Thù Nho đến gặp Vệ Linh công nói : "Giấc mơ của tôi đã ứng nghiệm". Vệ Linh công hỏi : "Người mơ gì?" Thù Nho trả lời : "Tôi mơ thấy cái bếp, quả nhiên gặp được ngài !" Vệ Linh công

nổi giận nói : "Ta nghe nói người ta muốn vào gặp vua chúa thì mơ thấy mặt trời, tại sao trước khi ngươi được gặp quả nhân thì lại mơ thấy cái bếp?" Thù Nho trả lời : "Mặt trời kia chiếu khắp thiên hạ, một vật không thể che được ánh sáng của nó. Ánh sáng của đại vương chiếu sáng cả nước, một người không thể che chắn được. Cho nên người sắp gặp đại vương sẽ mơ thấy mặt trời. Cái bếp kia chỉ có thể để một người hơ lửa, người đằng sau anh ta không nhìn thấy lửa được. Bây giờ chẳng phải có một người được nhà vua yêu chiều đến rực lửa đấy sao? Tôi tuy mơ hấy bếp trước rồi mới được gặp ngài, cũng được chứ sao".

Mục tiêu mà Thù Nho thực sự công kích là Di Tử Hà, nhưng không nhắc đến Di Tử Hà ; đối tượng đả kích trực tiếp là Vệ Linh công, nhưng hầu như không nhắc đến sai lầm Vệ Linh công tin yêu kẻ tiểu nhân. Thù Nho từ giấc mơ nói đến cái bếp, từ cái bếp nói đến thái dương, từ thái dương nói đến việc Vệ Linh công bị bưng bít, cho đến khi nói hết lời cuối cùng, người nào suy ngẫm mới có thể hiểu được cái thâm ý của ông ta. Thật là trong Minh có Ám, trong Ám có Minh, lí lẽ cặn kẽ, ẩn dụ khéo léo. Quan niệm truyền thống thường sánh vua với thái dương, còn Thù Nho thì lại ví Vệ Linh công là cái bếp, cái mà người ta có thể che lấp, cố ý chọc tức cho Vệ Linh công nổi giận, sau đó, so sánh bếp lửa với mặt trời dẫn đến vấn đề chính : Vệ Linh công bị bưng bít, che chắn, kẻ che chắn ấy là ai, không nói cũng rõ.

Cái gọi là "sử phạt lấy nguy" là chỉ vua chúa phải tỏ rõ sự uy nghiêm của mình, đối với những kẻ vi phạm pháp lệnh cần phải nghiêm trị không tha thứ. Hàn Phi cho rằng, đối với bề tôi bên dưới cố nhiên phải dùng cả "hai gậy" thưởng, phạt, nhưng nói một cách tương đối, nên chú trọng dùng phạt nhiều hơn. Vua chúa quá nhân từ, thì khó xây dựng uy nghiêm; vua chúa không đủ uy nghiêm, thì bị bề tôi làm hại. Điều này nói rõ việc xây dựng uy nghiêm và việc dùng hình phạt của vua chúa là hai sự kiện phối hợp bổ xung cho nhau.

Nước Lỗ sảy hoả hoạn, ngọn lửa theo gió ào đến, áp sát đô thành Lỗ Ao Công vô cùng hoảng sợ, thân chinh dẫn người đi dập lửa, những người giúp việc đều đuổi theo dã thú. Ngon lửa tiếp tục lan rộng. Lỗ Ai Công vội triệu Khổng Khâu đến hỏi ý kiến. Khổng Khâu nói : "đuổi theo dã thú vừa vui vẻ lại không bị xử phạt : cứu hoả đã gian khổ lại không được khen thưởng. Ấy là nguyên nhân người ta không đi dập lửa. " Lỗ ai Công hỏi làm thế nào được? Khổng Khâu nói :"Việc gấp lắm không kịp bình công khen thưởng; những người cứu hoả đều được khen thưởng cả thì của cải của quốc gia không đủ dùng, xin chỉ dùng hình phạt. "Lỗ Ai công tỏ ý tán thành. Thế là khổng khâu hạ lệnh :"Người không đi cứu hoả, khép vào tội đầu hàng chạy trốn; những người đuổi theo dã thú thì trị theo tội tự ý vào vùng đất cấm." Mệnh lệnh này chưa loan khắp đô thành, ngoạn lửa đã bị dập tắt.

Người ta nói Khổng Khâu là "thánh nhân", "thánh nhân" chỉ có làm theo "đức". Đây thực là sự bịa đặt của các nhà Nho dung tục đời sau. Ở vào thời đại "lễ nhạc hư hỏng", anh hùng tránh vương", mà phải đối mặt và nhìn thẳng vào hiện thực xã hội sống động, huống hồ, ông ta trước sau vẫn mang một nhiệt tình tích cực ra là, tham gia chính trị. Sự kiện. Khổng Khâu giúp Lỗ Ai Công cứu hoả này, chứng tỏ ông ta xem xét tâm lý con người khá sâu sắc và chuẩn xác.

Đối với việc lựa chọn thưởng, phạt thì có tính chất tùy cơ ứng biến. Pháp lệnh quốc gia vốn phải ổn định và nghiêm minh mà nay đến tay Khổng Khâu lại trở thành công cụ thúc dục mọi người cứu hoả. Giả như không phải là một tay cừ khôi đầy mưu mô, quyền uy, trong tình hình bấy giờ liệu Khổng Khâu có thuận tay đưa ra thủ đoạn ứng biến nhanh chóng có hiệu quả này được không.

Gọi là "khen cho khắp", là nói đối với người có công vua chúa phải kịp thời ban thưởng, làm cho thần dân dốc hết khả năng. Hàn Phi cho rằng, khen thưởng nhẹ mà lại không biến thành sự thật, thì thần dân sẽ không nghe theo lời vua chúa sai khiến ; khen thưởng hậu lại được lòng tin thì thần dân sẽ liều mình cống hiến sức lực cho nhà vua. Vì vậy, vua chúa ban thưởng cần phải làm cho kỳ được "nói phải giữ lời hứa, lời hứa phải có kết quả".

Việt vương Câu Tiễn định đem quân đánh nước Ngô, bèn hỏi đại phu Văn Chủng :"Quả nhận định đem quân

đánh Ngô, được không? Văn Chủng trả lời : "Được, thần phải hậu thưởng và giữ lòng tin, xử phạt nặng và phải thi hành. Nhà vua nếu muốn hiểu được điều này, sao không phóng lửa đốt cung thất để làm một cuộc thử nghiệm?" Câu Tiễn bèn sai người bí mật phóng hoả đốt cung thất. Nhưng không một ai đến cứu. Thế là Câu Tiễn hạ lệnh. "Người nào thiệt mạng trong khi cứu hoả được xét khen thưởng như bị hi sinh khi chiến đấu với quân thù. Người nào tham gia cứu hoả mà không bị thương vong, được xét thưởng theo tiêu chuẩn đánh bại kẻ thù. Còn những người không đi cứu hoả, bị xét xử như đầu hàng chạy trốn. " Lệnh vừa ban ra mọi người ào ào khoác lên mình những dụng cụ phóng hoả, mặc quần áo ướt, xông đến đám cháy, phía trái có ba nghìn người, phía phải có ba nghìn người. Qua sự kiện này Câu Tiễn biết rằng đánh Ngô chắc chắn giành được phần thắng, vì vậy quyết định ra quân.

Tục ngữ nói :"Giải thưởng ban ra tất có người dũng cảm." Đó là vì thông qua giải thưởng nhất định, có thể kết hợp lợi ích của người trao thưởng với người nhận thưởng. Bằng hành vi tự đốt cung thất, hậu thưởng người cứu hoả, Câu Tiễn ngầm khảo sát cái điều mà người ta hướng tới, rút ra kết luận lòng dân có thể dùng được. Tương tự như vậy, mệnh lệnh dùng tên bắn của Lý Lý, đưa đến sự quyết đoán đúng sai của tố tụng, để khích lệ dân chúng luyện tập cách bắn tên ; thiết chế của Ngô khởi dùng giải thưởng ban cho người nhắc được càng xe để động viên dân chúng

cướp phá biên giới nước Tần : Thương Ưởng dùng phương pháp "Si mộc lập tín" để giữ vững lòng tin và sự hiểu biết của dân chúng với pháp lệnh mới ban hành, đều là phát huy cụ thể "khen cho khắp" trong những trường hợp khác nhau.

"Hình phạt kịp thời" là chỉ vua chúa phân biệt, nghe ngóng ý kiến của bầy tôi, giám sát hành vi của họ. Hàn Phi cho rằng, vua chúa biết lắng nghe ý kiến của từng bề tôi, thì sẽ không lẫn lộn người ngu đần với người thông minh, nếu vua chúa khéo giám sát bề tôi thì kẻ bất tài không dám đứng lẫn vào hàng của người tài năng.

Tề Tuyên vương thích nghe nhạc, muốn nghe ba trăm nhạc công cùng thổi ống sinh. Nam Quách xử sĩ đến vương cung xin thổi ống sinh liền được cho phép, vì thế cũng được hưởng đãi ngộ của cung thất. Tề Tuyên vương mất, Tề Mẫn vương kế vị, thích nhạc công đơn độc thổi sinh, từng người một diễn tài trước ông ta. Nam Quách xử sĩ vốn không biết thổi sinh, thấy tình hình như vậy, đành lẻn lén bỏ đi.

Đây là câu chuyện mà mọi người đều quen thuộc. Nam Quách xử sĩ rõ ràng không biết thổi sinh, nhưng biết giả dạng lẫn vào đám nhạc công trong vương cung, thực ra là chui vào chỗ hở của Tề Tuyên vương, nghe nhạc "phải có ba trăm người". Tề Tuyên vương lần nào cũng yêu cầu ba trăm nhạc công cùng thổi hoàn toàn không thể phân biệt tài nghệ của từng nhạc công, có lẽ không hề nghĩ đến việ

phân biệt tài nghệ của mỗi nhạc công. Ngu dốt đến như vậy ai mà không biết? So với ông ta, Tề Mẫn vương thích các nhạc công từng người một biểu diễn, mặc dù không hẳn là muốn kiểm tra tài nghệ của từng nhạc công nhưng vô tình đã chặn con đường tiến của Nam Quách xử sĩ. May mà Nam Quách xử sĩ còn có chút sáng suốt, nhân khi chưa đến lượt mình biểu diễn liền chuồn khỏi đám nhạc công, nếu không một khi bị phát hiện không tránh khỏi tội danh "Khi quân vong thượng". Hãy thử ngẫm nghĩ xem, mà biểu diễn quân thần này phải chăng rất thú vị?

"Nghi chiếu nguỵ sử" là chỉ vua chúa không bộc lộ ý đồ chân thật của mình, cố ý ban chiếu lệnh đầy khả nghi, làm cho bề tôi ù ù cạc cạc cảm thấy nhà vua cái gì cũng biết, vì vậy không dám làm điều riêng tư. Hàn Phi bàn kỹ việc vua chúa nhiều lần triệu kiến một số người bảo đứng chờ bên cạnh mà hồi lâu chẳng cho làm việc gì, những phần tử gian tà ấy liền cảm thấy sợ hãi mà chạy mất, vua chúa sai người làm việc hậu sự, lại sai người khác bằng cách riêng của mình giám hộ. Những người ấy không dám ăn gian làm dối.

Đông Chu Quân mượn có bị thất lạc chiếc trâm vàng, sai người giúp việc đi tìm, sau ba ngày vẫn chưa tìm thấy. Đông Chu Quân lại sai những người khác đi tìm, chưa đầy ngày đã tìm thấy, trong ngôi nhà của một gia đình. Đông Chu Quân trách mắng người giúp việc :"Người hầu cận của ta không biết làm việc gì cả ! Tìm một chiếc trâm vàng mà ba ngày không thấy. Ta sai người khác đi tìm,

chưa hết ngày đã tìm thấy. Người giúp việc không hề sợ sệt vì sự thần minh của Đông Chu Quân. Thương Thái tổ sai người hầu cận đi chợ xem xét tình hình, người hầu cận quay về tâu không thấy có vấn đề gì. Thái tổ hỏi anh ta :"Cứ cho là như vậy, rốt cuộc anh đã nhìn thấy những gì? Người hầu cận trả lời : "Ngoài cửa Nam chợ xe trâu rất nhiều, đông đến rồi muốn qua phải lách" Thái tổ dặn anh ta ;"Không được nói với người khác ta đã hỏi anh những gì ". Liền sau đó triệu người quản chợ đến quở mắng :"Ngoài cửa Nam chợ tại sao có nhiều phân trâu đến thế? " Người quản chợ rất lấy làm lạ, làm sao Thái Tổ biết nhanh thế, thế là lo sợ lưu ý đến cương vị công tác của mình.

Trong hai mẩu chuyện quyền mưu này, những việc làm của Đông Chu Quân, Thương Thái tổ không phải là cao minh gì. Đông Chu Quân tự biết chiếc trâm vàng mất ở đâu, sai người đi lấy nó về, có phải tốn công sức gì. Những người giúp việc kia không biết trâm mất ở đâu, đến ba mươi ngày cũng chưa chắc tìm thấy chứ đừng nói đã ba ngày. Qua lời tâu của người hầu cận. Thương Thái Tổ đã biết được ngoài cửa Nam chợ chật ních xe trâu, chỗ ấy làm gì mà chả có những đống phân trâu, đưa vào sự suy diễn giản đơn này để vặn hỏi người quản chợ ; mà ông ta có lỗi làm gì . Người quản chợ không hiểu được tình tiết trong đó, chỉ chĩ rằng Thái tổ đánh giá công việc qua con người, không tôn thờ như bậc thần minh sao được?

"Giáp tri nhi vấn", tức biết rõ chi nên hỏi, là chỉ vua chúa đem việc mình đã hiểu biết hỏi bề tôi, đánh giá cái thật, cái giả trong ngôn ngữ, cử chỉ của họ. Hàn Phi cho rằng đem điều mà bản thân mình đã biết để hỏi lại người khác, thì việc mà bản thân không biết cũng như đã biết, đi sâu tìm hiểu một sự kiện, rất nhiều điều còn mơ hồ, đều trở nên minh bạch rõ ràng.

Hàn Chiêu hầu sai sứ giả đi xem xét huyện thuộc quyền của mình, sứ giả quay về tâu rằng không phát hiện ra vấn đề gì. Hàn Chiêu hầu hỏi sứ giả nhìn thấy những gì, sứ giả trả lời: "Bên ngoài cửa thành Nam có con bê đang ăn mạ bên trái đường cái quan". Hàn Chiêu hầu dặn sứ giả không được hở ra điều ông ta đã hỏi, rồi xuống lệnh cho các nơi : "Trong từng thời kỳ gieo cấy, nghiêm cấm thả trâu bò vào ruộng. Trước khi có lệnh này, một số thư lại không chú trọng điều đó để đến nỗi nhiều trâu bò đã vào ruộng. Mong các địa phương báo cáo lên trên ngay con số này, nếu không sẽ bị xử phạt nặng ". Các thư lại ngoài cửa thành Đông, Tây, Bắc đều rất nhanh chóng báo cáo lên số liệu của mình. Hàn Chiêu hầu nói mọi người : "Còn có nơi chưa báo cáo lên." Vì vậy cử người đi xem xét kỹ lưỡng tình hình thực tế, chẳng bao lâu tìm ra con bê ở ngoài cửa thành Nam. Thư lại các nơi do vậy cho rằng Hàn Chiêu hầu không chỗ nào không để mắt đến, họ đều thật trọng tưng li từng tý mà không dám ăn gian làm dối.

Mẩu chuyện này rất gần với "Thương Thái tể bàn về bãi phân trâu". Hàn Chiêu hầu và Thương thái tể, sứ giả

và người hầu cận, huyện lỵ và chợ búa, con bê và cỗ xe trâu, dường như đối ứng từng đôi một. Chỗ khác nhau là Thương Thái tể được biết xe trâu san sát ngoài cửa Nam chợ, liền suy diễn chỗ xe trâu đỗ có nhiều phân, rồi trực tiếp trách mắng viên quan coi chợ không làm tròn phận sự. Còn Hàn Chiêu hầu biết ngoài cửa thành Nam có con bê ăn mạ, liền để bụng và lấy đó làm chỗ dựa chấn chỉnh việc trâu bò vào ruộng, chờ cho viên thư lại ngoài cửa thành Nam không kịp báo cáo tình hình cụ thể lên, lại đem ra để tiến hành kiểm tra, xác minh, tự nhiên được tiếng xem xét tỷ mỷ.

"Đảo ngôn phản sự" là chỉ vua chúa nói lời ngược với ý thực hoặc làm việc trái với tình hình thực tế để xem bề tôi có trung thành hay không. Hàn Phi cho rằng dùng phương pháp nói lời trái ngược, làm việc trái lại để thăm dò việc mà mình hoài nghi, thì có thể nắm được tình hình xấu.

Tử Chi làm tướng ở nước Yến, một lần ngồi ở chỗ nọ giả vờ nói : " Có con gì chạy ra cửa? Có phải là một con ngựa trắng không? " Những người xung quanh đều nói không nhìn thấy gì. Một người hầu cận vội vã lao ra xem rồi quay lại tâu : "Có". Do đó Tử Chi biết người hầu cận ấy là một người không thành thực.

Vệ Tự công sai người giả dạng làm khách buôn, qua chợ biên giới ra nước ngoài. Viên quan giữ ải cố ý hạch sách người khách buôn. Người khách buôn lấy nhiều vàng đút lót, liền được đi qua. Vệ Tự công gọi viên quan ấy

đến nói : Ngày ấy giờ ấy có người khách buôn đi qua chỗ anh, đưa biếu anh một số vàng, anh liền cho đi." Viên quan nghe xong, rất lấy làm lo sợ, cho rằng Vệ Tự công rất sâu sắt.

Hai mẩu chuyện này phản ánh : những người quyền cao chức trọng lợi dụng thủ đoạn lừa dối, giấu giếm, có thể đạt được mục đích của mình. Tử Chi nói con ngựa trắng, vốn là từ không nói có, nhưng viên hầu cận ấy gắng gượng nói có, tâm lý không thành thật của anh ta hiện ra rất sống động trên mặt giấy, khiến Tử Chi nhìn thấy tận đáy lòng anh ta. Vệ Tự công trách mắng ải quan, vốn là một tay thao túng, nhưng viên quan ấy không rõ nội tình, lại thêm đuối lý, cuối cùng cho rằng Vệ Tự Công đoán trúng như thần, không phấp phỏng vì quá lo sợ được sao? Có điều trong xã hội truyền thống cũng có những ông vua không tán đồng lạm dụng quyền mưu loại này. Đường Thái tông nói : "Vua là ngọn nguồn tôi là dòng chảy. Nước nguồn đục mà muốn dòng chảy trong thì không thể có được. Bản thân nhà vua làm điều dối trá, lấy gì buộc bề tôi sống ngay thẳng ! Trẫm vẫn trị thiên hạ bằng lòng thành thật, thấy đế vương đời trước thích dùng mưu mẹo đối xử với bề tôi, trẫm thường lấy làm hổ thẹn". Nhận thức "Vua nguồn nước tôi dòng chảy" và quan điểm "tự thiên hạ bằng lòng thành thật", so với quyền mưu " Đào ngôn phản sự" Thật là khác nhau một trời một vực.

Trên vũ đài chính trị truyền thống, vua tôi "trên dưới một ngày trăm trận" trở thành hai mặt của quyền mưu.

tất nhiên ai có mách lối riêng của người ấy. Vua chúa có thuật điều khiển bề tôi, bề tôi có thuật làm vua thông qua rất nhiều câu chuyện quyền mưu, Hàn Phi đã chứng minh sáu thủ đoạn ẩn dấu mà bề tôi dùng để lừa bịp vua chúa, làm nguy hại vương quyền : "Một là Quyền tá tại hạ. Hai là Lợi dị ngoại tá. Ba là Thác vu tự loại. Bốn là Lợi hại hữu phản. Năm là Tham nghi nội tranh. Sáu là Cố quốc phế trí".

"Quyền tá tại hạ" là chỉ bề tôi lén lút dùng quyền thế của vua chúa để mưu cầu lợi ích cho mình. Hàn Phi cho rằng, "Quyền thế không thể cho người khác vay mượn", vua chúa mất đi một phần quyền thế, bề tôi sẽ lợi dụng trăm phần. Cho nên bề tôi có được quyền thế thi lực lượng lớn mạnh. Lực lượng lớn mạnh, nội ngoại triều đình sẽ bị anh ta thao túng. Như vậy vua chúa sẽ bị bưng bít.

Người Yến là Lý Quý thích đi xa. Vợ của ông thường ăn nằm với một công tử. Một lần Lý Quý đột nhiên trở về, công tử vẫn đang ở trong buồng, vợ ông vô cùng lo lắng, có người hầu gái nói với bà ta: "Bảo công tử cởi hết quần áo, xoã tóc xông ra khỏi cửa, chúng tôi vờ không thấy". Thế là công tử trốn chạy theo cách của họ. Lý Quý hỏi là ai, mọi người đều nói không có ai vào trong nhà cả. Lý Quý nói : "Thế thì ta đã gặp ma quỷ chăng? "Người hầu gái ấy gật đầu bảo phải. Lý Quý vội hỏi làm thế nào bây giờ, người hầu gái trả lời : "Lấy phân trâu, phân lợn cứt dê, cứt chó, cứt gà để tắm rửa thì có thể đuổi được tà ma". Lý Quý tỏ ý nghe theo rồi làm theo lời người hầu gái.

Chuyện này gọi là "Người Yến tắm phân", nói ra thật buồn cười. Đang lúc mọi người hoang mang lo lắng, người hầu gái lại tỏ ra rất ung dung, lại làm ra vẻ hổ thẹn, khiến Lý Quý nhầm tưởng trúng tà nhập ma, do đó vợ của ông mới thoát tội một cách bất ngờ. Lý Quý uổng phí một con người vào nam ra bắc, đáng lí ra phải có chút đầu óc, thế mà lại ngó nga ngó ngẩn, cuối cùng bị cô hầu gái đánh lừa, rơi vào tình cảnh "lấy phân súc vật "tắm rửa. Ôi ! Tốt ? Xấu? Hàn Phi việc dẫn câu chuyện này, ví người Yến Lý Quý với nhà vua, ví người hầu nữ với bề tôi, dụng ý đã quá rõ ràng.

"Lợi dị ngoại tá" là chỉ do không nhất trí với quyền lợi của vua chúa, bề tôi thường dựa vào lực lượng của nước chư hầu khác để mưu cầu lợi ích riêng. Hàn Phi cho rằng, vua chúa có lợi ích riêng vì vậy bề tôi không trung thành tuyệt đối với vua chúa ; Lợi ích nhất định mà họ có được sẽ bị chua chúa tước mất. Cho nên một số bề tôi rước quân đội của nước thù địch về loại trừ kẻ thù chính trị trong nước, dùng vụ việc ngoại giao để mê hoặc vua chúa, chỉ cần thoả mãn được ham muốn riêng của họ, là họ bất chấp tai hoạ của đất nước.

Tống Thạch làm tướng nước Nguỵ, Vệ Quân làm tướng nước Sở.

Hai nước Nguỵ, Sở đánh nhau, quân đội hai bên do hai người chỉ huy tác chiến. Tống Thạch viết thư cho Vệ Quân nói rằng :"Thực lực quân đội hai nước ngang nhau,

quân kỳ hai bên đối nhau từ xa. Mong rằng không nên đánh nhau, đánh nhau ắt hai bên đều không tồn tại. Đây là việc của vua hai nước, tôi và ông không có thù riêng, cách tốt nhất là hãy lui ra".

Bạch Khuê làm tướng nước Nguỵ, Bạo Khiển làm tướng nước Hàn. Bạch Khuê nói với Bạo Khiển :"Ông hãy dùng lực lượng của nước Hàn giúp đỡ tôi nhậm chức ở nước Nguỵ, tôi dùng lực lượng của nước Nguỵ giúp đỡ ông nhậm chức ở nước Hàn. Cứ như thế, tôi nắm quyền lâu dài ở nước Nguỵ, còn ông thì nắm quyền lâu dài ở nước Hàn".

Hạng người Tống Thạch và Vệ quân, Bạch Khuê và Bạo Khiển, làm tướng ở các nước khác nhau, lẽ ra phải chăm lo lợi ích của nước mình. Nhưng dựa vào quyền lực có trong tay, họ móc nối với nhau làm chính trị, cuối cùng không đếm xỉa đến đại vương của mình. Kiểu móc nối chính trị này không chỉ đặt lợi ích của quốc gia mình sang một bên, mà còn mượn lực lượng đối phương để củng cố thế lực cá nhân. Đó có thể coi là quyền mưu thường dùng trong lịch sử truyền thống mà bề tôi ngấm ngầm lừa dối bề trên để giở trò.

"Thúc vu tự loại", là chỉ bề tôi mượn chuyện tương tự để lừa dối bề trên, đạt được mục đích cá nhân. Hàn Phi cho rằng những chuyện tưởng là đúng mà lại sai ấy thường là nguyên nhân khiến bề trên xử phạt không đúng, còn bề tôi có thể do đó được lợi.

Sở Hoài vương được nàng Nguỵ Nữ, vô cùng yêu thích. Trịnh Tụ phu nhân ghen ghét trong lòng, nhưng làm bộ rất yêu quí . Phàm là quần áo mặc, đồ chơi, đều chọn dùng như của Nguỵ Nữ. Phòng ở, chăn đệm, cũng đều làm theo kiểu Nguỵ Nữ ưa thích. Xem ra Trịnh Tụ còn yêu quý con người đẹp này hơn cả Sở Hoài vương. Sở Hoài vương nói : "Trịnh Tụ biết ta yêu thích Nguỵ Nữ, bản thân nàng còn yêu thích Nguỵ nữ hơn ta. Điều này cùng một lẽ với đứa con có hiếu phụng sự cha mẹ mình, bề tôi trung thành phụng sự bề trên của mình !" Trịnh Tụ biết Sở Hoài vương nghĩ rằng mình không có ý ghen ghét, nên nói với Nguỵ Nữ : "Đại vương yêu quý vẻ đẹp của nàng, tuy vậy lại rất ghét cái nũi của nàng. Nếu gặp đại vương, tốt nhất nàng hãy bịt mũi mình lại."Nguỵ Nữ tin là thật, bèn làm theo lời Trịnh Tụ nói. Sở Hoài vương hỏi Trịnh Tụ :"Người đẹp ấy thấy ta thì bịt mũi mình lại, có sao vậy? " Trịnh Tụ nói :"Tôi biết đâu được, hình như nàng ghê sợ mùi hôi hám trên người đại vương." Sở Hoài vương vừa nghe, xong thẹn quá hoá khùng, lập tức hạ lệnh cắt mũi Nguỵ Nữ, không cho chống lệnh.

Trong câu chuyện này, sự nham hiểm, xảo trá, thâm hiểm, cay độc của Trịnh Tụ và sự u mê hiếu sắc, tàn bạo, bất tài của Sở Hoài vương cơ hồ đều được phơi bày. Đặc biệt Trịnh Tụ trở thành chủ thể quyền mưu, giở trò hai tay mình ám, thì quả là thật "xuất sắc". Mới đầu ngoài mặt Trịnh Tụ rất yêu quý Nguỵ Nữ, bất kỳ cái gì cũng đều làm theo ý thích của Nguỵ Nữ, thực ra làm cho Sở

Hoài vương nhìn thấy, muốn ông ta tin tưởng mình không hề có ý ghen ghét. Sau khi đắc ý với mưu mô ấy, Trịnh Tú lại ra vẻ rất quan tâm, bảo Nguỵ Nữ bịt mũi đi gặp Sở Hoài vương, thực ra là lợi dụng tâm lý Sở Hoài vương có mùi hôi nách lại sợ người khác chê bai, khiến ông ta dùng kế hiểm với Nguỵ Nữ. Đáng thương nàng Nguỵ Nữ ấy bị người khác chi phối, vô tình rơi vào cạm bẫy người ta cố tình sắp đặt, ra bộ như ghê sợ mùi hôi nách, đưa ra cái cớ để Sở Hoài vương lộng quyền quá đáng.

"Lợi hại hữu phản", là chỉ bề tôi thông qua việc ám hại bề trên và người khác để mưu tính lợi riêng. Hàn Phi cho rằng, sau khi sự việc xảy ra, nếu có lợi cho mưu đồ thì nên phù trì nó, nếu có hại nhất định phải quan sát nó từ mặt trái. Cho nên, vua chúa thông minh suy ngẫm vấn đề, quốc gia bị hại thì phải thấy ai nhờ đó được lợi, bề tôi bị hại thì phải thấy người trái ngược hẳn với ông ta.

Tấn Văn công khi còn làm vua, đầu bếp bảo người mang món thịt quay lên, trên đó có buộc một sợi tóc. Tấn Văn công gọi đầu bếp đến, lớn tiếng trách mắng : "Người rắp tâm để ta chết nghẹn ư? Có sao dùng tóc buộc thịt quay?" Đầu bếp vội dập đầu lạy, ra bộ nhận tội nói : "Tiểu thần có ba điều đáng tội chết : Mài dao quá sắc, mới thái thịt đã đứt, nhưng sợi tóc dính trên thịt lại không đứt, đó là điều thứ nhất ; Dùng que gỗ xuyên thịt mà không phát hiện có tóc, đó là điều thứ hai ; Ở bên chiếc lò nóng hừng hực, lửa than cháy đỏ rực, thịt quay đã chín

nhưng không làm cháy được sợi tóc, đó là điều thứ ba. Trong sảnh đường của bệ hạ phải chăng có kẻ phục dịch ghen ghét tiểu thần này." Tấn Văn công nói : "Ngươi nói có lý." Thế là gọi người phục dịch người sảnh đường đến gặng hỏi, quả nhiên có người muốn vu oan giá hoạ đầu bếp, Tấn Văn công liền đem người ấy ra hành quyết.

Đây là một bài tự biện dừng lời ngay nói trái, bề ngoài trách cứ nhưng ngầm phản bác. Để làm rõ duyên do món thịt quay có tóc, người đầu bếp này có thể nói ngay, nói thẳng, cũng có thể dùng lời ngay nói trái, chỉ nhằm tích cực giải thích, có thể khiến Tấn Văn công càng thêm tức giận mà không nghe. Ba điều "tội trạng" mà đầu bếp khai nhận, kỳ thực, từng câu, từng câu đều làm rõ sự thật : Dao thái thịt, sắc là vậy, nhưng thái không đứt sợi tóc vương trên thịt; Thịt nướng trên lửa than tóc vương trên thịt vẫn còn nguyên, đây hiển nhiên là vô lý. Từ đó suy ra sợi tóc vương trên thịt ấy không phải dính vào trong khi đang nướng mà là có người làm rơi vào trong khi bê lên. Sự thật một khi được làm rõ thì bộ mặt thật hoàn toàn lộ rõ. Việc tự giải thích của người đầu bếp có đầy sức thuyết phục.

"Tham nghi nội tranh" là chỉ bề tôi khác nhau về danh phận, đẳng cấp mà vượt quá giới hạn của nhau, từ đó dẫn đến tranh giành quyền lực, tàn sát giết hại nhau. Hàn Phi cho rằng cục diện hỗn loạn danh phận đẳng cấp là nguồn gốc đẻ ra tai biến, cho nên bậc vua chúa phải thận trọng xử lý chúng.

Tề Hiến công yêu chiều Ly Cơ, Ly Cơ nhiều lần nói xấu thái tử Thân Sinh trước mặt Hiến công để làm cho con trai mình được kế thừa ngôi vua. Một lần Thân Sinh cúng mẫu thân của mình xong, theo lễ mang đồ cúng giỗ dâng cho Hiến công. Vừa đúng lúc Hiến công đi săn năm ngày sau mới quay về. Đợi Hiến công trở về, Ly Cơ đem thịt ra ăn. Khi Hiến công sắp ăn, Ly Cơ ngăn lại nói : "Thịt của người ngoài đem biếu, biết có thuốc độc không?" Nói rồi cắt một miếng thịt cho chó ăn, chó vừa ăn xong được một lúc thì lăn ra chết. Thế là Ly Cơ vừa lau nước mắt, vừa nổi giận nói : "Đây là của Thân Sinh đem biếu. Thân Sinh định đầu độc bệ hạ, không gì khác là sợ sau này con trai tôi đoạt mất ngôi vua của nó. Cùng con sau này chết trong tay Thân Sinh, chi bằng chết trước mặt bệ hạ ngay bây giờ. Như vậy, đã làm vừa lòng thái tử, vừa để ông ta khỏi mưu tính giết vua". Tấn Hiến công tưởng là thật, dứt khoát bức Thân Sinh tự sát.

Người ta thường nói : "Đàn bà giận dữ, lấn át đàn ông". Sự thâm hiểm cay độc của Ly Cơ không kém gì Trịnh Tụ đã nói trên. Trịnh Tụ hãm hại Nguỵ Nũ, còn vờ vịt hoà hảo với cô ta, chỉ ngầm bảo cô ta đi vạch chỗ giỏ của Sở Hoài vương ; Ly Cơ hãm hại Thân Sinh, vào đầu đã có sự cố ý rõ rệt, một tay bày ra trò bịp đầu độc Tấn Văn công. Có điều, họ có điểm giống nhau, đó là dựa vào quyền lực của nhà vua, vượt qua danh vị, đạt được sự thành công trên trường quyền lợi.

"Định quốc phế trí", là chỉ vua chúa bị bưng bít, dựa vào ý đồ của nước đối địch để đối xử với quan lại của mình, kết quả bị nước đối địch lợi dụng. Hàn Phi cho rằng, cái mà nước đối địch theo đuổi là làm cho vua chúa quan sát một cách lộn xộn và có giải pháp sai lầm ; vua chúa không hiểu một cách tỉnh tường thì sẽ mắc lừa nước đối địch.

Thời Tây Chu, Tề Hoàn công sắp đánh úp nước Khoái (huyện Mật - Hà Nam ngày nay), trước hết sai người đi thăm thính xem nước Khoái có những văn thần võ tướng nào biện trí, quả cảm, lập thành danh sách, chọn ruộng đất tốt của nước Khoái viết bên dưới tên của họ để chứng tỏ đã thông đồng hối lộ, lại còn viết các loại quan tước dưới tên của họ để chứng tỏ đã bị mua chuộc. Liền sau đó, Tề Hoàn công lập đàn tế thật cao ở ngoài thành, cho danh sách ấy vào trong vại sành chôn dưới đài, thịt gà, mổ lợn, thề nguyền với trời trong nghi thức long trọng, không bao giờ phụ ước. Vua nước Khoái biết được việc này, giật mình hoài nghi bề tôi của mình sắp phản quốc, trong lúc tức giận đã giết hết bọn họ. Thế là Tề Hoàn công tiến vào lấy được nước Khoái nhân khi nước Khoái trống rỗng, không tổn công sức.

Đây là một câu chuyện quyền mưu, mượn lực lượng của kẻ thù làm suy yếu kẻ thù. Tề Hoàn công là chủ thể quyền mưu lấy việc vốn không có làm sự thực để xử lý, trông giong, cờ mở tuyên bố một phen, lại còn cố ý thề nguyền với trời chứng tỏ không bao giờ phụ ước. Vua nước

Khoái bị mê hoặc bởi hiện tượng giả tạo này, không phân trắng, đen, phải, trái, giết hết quần thần của mình, trong chớp mặt đã làm thay Tề Hoàn công một việc đầy khó khăn. So hai vua với nhau, một trí, một ngu, chẳng phải thoáng nhìn đã rõ hay sao?

II. MINH THƯƠNG VÀ ÁM TIỄN

Mọi người đều biết, thời cổ đại, người ra đánh trận không dao chọi dao, giáo chọi giáo, công khai đọ sức, thì là tên bắn lén, pha thuốc độc, giết ngầm. Vì vậy, câu nói "Minh thương Ám tiễn (giáo đánh công khai mũi tên bắn lén) đã ra đời, trở thành thành ngữ. Dùng "Minh thương Ám tiễn" để phân biệt so sánh thủ đoạn mưu mô giành giật bằng công khai và che đậy. Trong các hoạt động xã hội, người ta căn cứ vào khả năng mưu kế ứng biến khác nhau, vừa có thể có sự lựa chọn đơn nhất : hoặc dùng "Minh thương" hoặc dùng "Ám tiễn" ; vừa có thể có sự lựa chọn phức hợp : hoặc lấy "Minh thương" che dấu "Ám tiễn" hoặc lấy "Ám tiễn" hỗ trợ "Minh thương", tiến hành song song để đạt được thành quả cuối cùng bằng một chiến dịch.

Thượng thư lang Thục Hán là Đặng Chi phụng mệnh đi sứ Đông Ngô. Vua Ngô Tôn Quyền nói với ông ta : "Nếu sau này thiên hạ bình yên, đại vương hai nước Ngô, Thục chia nhau mà trị, chẳng vui vẻ lắm sao? " Đặng Chi

đáp : "Trời không có hai vầng thái dương, nước không có hai vua. Nếu tiêu diệt được Tào Nguỵ, đại vương cũng chưa thể hiểu được ý trời, bấy giờ vua của hai nước Ngô Thục sẽ phải nêu cao đạo đức tốt đẹp của mình, bề tôi cũng phải hết lòng trung với vua của mình, các tướng lĩnh sẽ cầm giáo, đánh trống, thế là chiến tranh giữa hai nước sắp bùng nổ". Tôn Quyền nghe xong cười vang, rất lễ phép nói : "Sự thành khẩn của ông phải như vậy !" Thế là hẹn ước liên minh với Thục Hán, biểu thị ý nguyện tăng cường quan hệ hữu hảo giữa hai nước.

Sứ mệnh đi thăm Đông Ngô của Đặng Chi, chủ yếu là củng cố khối liên minh giữa Thục - Ngô. Hai nước Thục Ngô đã kết thành đồng minh trở lại, chỉ có đãi nhau thật lòng thì mới hàn gắn được vết thương cũ. Đặng Chi đã nghĩ kỹ điều đó, cho nên trong chuyến thăm, mỗi lời nói mỗi việc làm đều thể hiện một chữ "thành". Đặc biệt, Tôn Quyền nhắc đến chuyện sau này khi đánh bại Tào Nguỵ, Ngô Thục chia đều thiên hạ, Đặng Chi không giấu giếm đem cục diện lúc ấy bày ra : Nói cho cùng liên minh Thục Ngô là một mặt trận thống nhất nhằm vào Tào Nguỵ, Tào Nguỵ tồn tại một ngày liên minh có sơ cở tồn tại : Tào Nguỵ không tồn tại, thì nó phải kết thúc, bấy giờ cuộc chiến tranh giữa hai nước sẽ lại bùng nổ. Trước sự thẳng thắn của Đặng Chi, ai là người không xúc động? Cho nên Tôn Quyền bằng lòng cùng với Thục Hán nhắc lại tình hữu hảo cũ một lần nữa, là hoàn toàn cùng với Thục Hán nhắc lại tình hữu hảo cũ một lần, là hoàn toàn có tình có lý.

Triệu Khuông Dẫn giành được chính quyền từ "Trần Kiều binh biến" nhưng sau khi thiên hạ gần như bình yên, lại sợ những tướng lĩnh nắm đội quân hùng hậu sẽ phản lại mình. Thế là nhân một lần văn châu, triệu tập tướng lĩnh như Thạch Thủ Tín... uống rượu. Khi uống đến đỏ mặt tía tai, ông ta thở dài não nuột : "Nếu không có sự giúp đỡ của các ông, ta đã không có ngày hôm nay. Nhưng, đã làm thiên tử, ta lại cảm thấy không vui như buổi ban đầu, suốt đêm không sao có được giấc ngủ ngon". Các tướng lĩnh không hiểu ra sao, liền hỏi nguyên nhân. Triệu Khuông Dẫn nói : "Nguyên nhân rất đơn giản, ngôi báu hoàng đế ai không muốn ngồi". Các tướng lĩnh ngạc nhiên, luôn mồm nói rõ đâu dám có dã tâm ấy. Triệu Khuông Dẫn nói : "Ta không nghi ngờ lòng trung thành của các ông, nhưng khi bộ hạ của các ông khoác lên người các ông tấm hoàng bào, thì các ông không thể tự chủ được nữa". Thạch Thủ Tín tạ tội nói : "Hạ thần lấy làm hổ thẹn không nghĩ tới điều này. Xin bệ hạ chỉ giáo cho !" Triệu Khuông Dẫn nói : "Người ta sống ở đời như bóng câu qua cửa. Các ông có thể giao lại binh quyền, góp nhặt thêm ít tiền bạc, mua ruộng tốt, nhà đẹp để lại cho con cháu, nuôi thêm ca kỹ, vũ nữ để hưởng tuổi trời. Ta còn muốn cùng các người kết giao tình thân thích thông gia. Như vậy quân thần không nghi ngờ nhau, trên dưới cùng được yên, chẳng phải là tốt lắm sao?" Bọn Thạch Thủ Tín cảm kích nói : "Bệ hạ nhọc lòng nghĩ cho bày tôi điều này, thật đúng là làm cho người chết sống lại, xương trắng thành người !" Sớm hôm sau, các tướng lĩnh cáo ốm, cầu xin bãi

miễn binh quyền. Triệu Khuông Dẫn chấp nhận lời thỉnh cầu của họ lại còn ban thưởng hậu hĩ.

Trong lịch sử truyền thống, kẻ cướp đoạn ngôi vua thông qua binh biến, lo sợ nhất là người khác làm theo lối cũ lại làm một cuộc "Khoác áo hoàng bào". Vì vậy một ngày còn chiếm giữ ngôi báu hoàng đế, tất phải củng cố địa vị thống trị của mình bắt đầu từ việc tập trung binh quyền. Đối với những công thần cùng mình vào sinh ra tử đánh thiên hạ, không sợ họ hủ hoá tung lạc, chỉ sợ họ binh quyền trong tay mưu tính chống lại. Triệu Khuông Dẫn chính là đang lo ngại điều này nên mới khuyên bảo bọn Thạch Thủ Tín. Ông đã không che dấu sự ngần ngại và nỗi băn khoăn của mình, cũng không giấu giếm ý đồ và mục đích của bản thân, nói toạc ra : nếu các tướng lĩnh không giao lại binh quyền thì ông ta không làm sao "nằm yên chỗ" được. Những tướng lĩnh ấy phần đông xuất thân con nhà võ, trau đồi văn hoá không được cao, nếu nói lời quá mềm mỏng dịu dàng sẽ có người nghe không thấu, thậm chí sinh hiểu nhầm, như vậy không có lợi cho việc giải quyết vấn đề. Vì vậy, lời lẽ của Triệu Khuông Dẫn mặc dù chẳng có gì sắc sảo nhưng lại rất thiết thực, lời lẽ rất trong sáng mạch lạc, sự việc tiến hành dứt khoát gọn gàng, đó là sự lựa chọn tốt nhất lúc ấy.

Mặc dù đã có lời nói việc làm công khai, thẳng thắn trong sáng, cũng phải có thủ đoạn đen tối, làm ra bộ vụng trộm. Sau trận Trường Bình giữa Tần - Triệu, quân Tần tiến thêm một bước bao vây kinh đô Triệu - Hàm Đan,

nước Triệu không có sức chống đỡ đành xin nước Nguỵ cầu viện. Nguỵ An Lý vương sai tướng quân Tấn Bỉ thống soái mười vạn quân đồn trú tại Thang Âm (Thang Âm - Hà Nam ngày nay). Vì sợ hãi quân Tần mạnh, không dám tiến công. Lúc này, Bình Nguyên quân Triệu Thắng viết thư gửi cho Tín Lăng quân Nguỵ Vô Kỵ quở trách ông ta thấy nạn, không cứu, không giữ tình giao hảo, Nguỵ Vô Kỵ không cách gì thuyết phục được An Lý vương xuất quân, bèn muốn thân chinh chạy sang Triệu để bày tỏ lòng thành thật. Hầu Sinh, môn khách của ông ta, biết được tin này, đến hiến kế trước : "Sự tình đã đến nông nổi này, cắm đầu lao vào cái chết thì được tích sự gì? Ngài có ân đức với Như Cơ, Như Cơ được đại vương sủng ái, nhân dịp này bảo Như Cơ đền báo đáp ý nguyện của Ngài. Ngài dặn Như Cơ lén lấy hổ phù dùng để điều binh sau đó đoạt binh quyền của Tấn Bỉ bằng hổ phù, đem quân cứu Triệu. Đây có thể nói là công việc bá vương". Nguỵ Vô Kỵ theo kế mà làm, lấy được hổ phù, sau đó giả mạo chiếu lệnh, đem theo một dũng sĩ, dùng chùy sắt giết chết Tấn Bỉ, đem quân tấn công quân Tần. Bị hai quân Nguỵ - Triệu trong ngoài giáp công, quân Tần lật đật ứng chiến, đại bại bỏ chạy, hơn hai vạn người còn lại đầu hàng nước Triệu.

Câu chuyện này gọi là "Thiết phù cứu Triệu." Hai chữ "Thâu" (ăn trộm, ăn cắp) "Thiết" (ăn trộm), dù nói thế nào đều không thể gây cho người ta ấn tượng tốt đẹp. Nhưng Nguỵ Vô Kỵ vừa muốn cứu Triệu lại không thể

thuyết phục được Ngụy An Lỵ vương, đành bỏ đấy làm trò trộm cắp, còn có cách nào khác? Ngụy Vô Kỵ vốn không nghĩ được điều này, chỉ định một mình sang Triệu, cùng Triệu Thắng chết theo quốc nạn. Thực ra là làm việc theo tình cảm và nghĩa khí nhưng hoàn toàn không phá được vòng vây để cứu Hàm Đan. May mà được Hầu Sinh ở bên chỉ bảo, Ngụy Vô Kỵ nắm được mấu chốt của việc ra quân cứu Triệu, thế là để lại cho người đời sau câu chuyện hay, tình nghĩa cao cả thắm thiết này.

Năm thứ mười bảy (năm 210 trước công nguyên) Tần Thuỷ Hoàng đi khắp nơi xem xét thiên hạ, mắc bệnh nặng ở Sa Khâu (đông bắc Bình Hương - Hà Bắc ngày nay), liền gọi Trung sa phủ sai Triệu Cao viết di chiếu cho con trưởng Phù Tô, nói : " Giao binh quyền lại cho Mông Điềm, về ngay Hàm Dương lo liệu tang ma cho trẫm, sau đó mới cử hành tang lễ." Di chiếu niêm phong xong, chưa kịp giao cho sứ giả mang đi, thì Tần Thuỷ Hoàng đã qua đời. Thừa tướng Lý Tư cho rằng Hoàng đế qua đời ngoài kinh đô, triều đình lại chưa lập xong ngôi thái tử, sợ rằng một số công tử và dân chúng sẽ thừa cơ làm loạn, Lý Tư bèn giữ kín không phát tang, đặt thi thể của Tần Thuỷ Hoàng vào trong xe thoáng mát, sai người thuần tín và hoạn quan đánh xe, đi đến đâu các nơi vẫn dâng đồ ăn thức uống, quần thần vẫn tâu quốc sự như thường, công văn do các hoạn quan phê duyệt trong xe. Triệu Cao, Lý Tư và công tử Hồ Hợi bí mật bàn bạc, ngụy xưng thừa tướng tiếp thu chiếu lệnh của Hoàng đế trước khi lâm chung để lại ở Sa

Khâu, lập Hồ Hợi lên làm thái tử ; ngoài ra làm giả một bức di chiếu gửi cho Phù Tô và Mông Điềm, quở mắng tội trạng của họ, bắt họ phải cùng tự sát. Phù Tô nhận được chiếu giả tưởng là thật, tự sát ngay. Mông Điều bị cầm tù, ít lâu sau cũng uống thuốc độc tự tận.

Ý chí cá nhân của vua chúa phong kiến có hiệu lực siêu pháp luật, vì vậy "tiên đế di chiếu" quan hệ trực tiếp đến vận mạng của người kế vị. Triệu Cao, Lý Tư và Hồ Hợi ngấm ngầm dở trò ma mãnh trong di chiếu, cuối cùng nhẹ nhàng loại trừ đối thủ ngầm Phù Tô và Mông Điềm, trở thành kẻ thắng lợi trong cuộc tranh đoạt quyền chính trị cao nhất. Trái lại, Phù Tô với thân phận con trưởng đáng được kế ngôi vua, Mông Điềm nắm trong tay 30 vạn quân, là nhân vật nắm thực quyền, nhưng chỉ vì nhận được lời quở trách và lệnh ban trong tờ chiếu giả, chết một cách mờ ám. Một "tiên đế di chiếu" nặng trình trịch, thần lực thế nào? Dựa vào trò ranh ma do những kẻ âm mưu lộng quyền ấy bày ra, cuối cùng làm cho một lũ gian nịnh tiểu nhân múa máy trên vũ đài chính trị, còn những chính nhân quân tử kia thì bị hãm hại bừa bãi. Lịch sử chính là sự không công bằng!

So sánh với việc vận dụng đơn thuần "Minh thương" hoặc "Ám tiễn" cách làm của chủ thể quyền mưu lấy "Minh thương" che đậy Ám tiễn" hoặc lấy "Ám tiễn" hỗ trợ "Minh thương", nó tỏ ra phức tạp hơn. "Nói cạnh nói khoé", "giết gà doạ khỉ" và "khua núi đuổi hổ" mà chúng ta thường

nói, chính là mưu kế ứng biến trong Minh có Ám, ngụ Ám trong Minh.

Tề Cảnh công sai Tư Mã Tương Như làm tướng, cầm quân ngăn hai nước Tấn Yến xâm lấn, và dùng sủng thần Trang Cổ làm giám quân. Một ngày trước khi ra quân, Tương Như hẹn với Trung Cổ rằng đúng giờ ngọ đến trại, sau đó tuyên thệ lên đường. Nhưng Trang Cổ hợm mình vì được Tề Cảnh công tin yêu, không để tâm lời dặn của Tương Như, mãi đến chiều mới uể oải tới doanh trại. Tương Như hỏi Trang Cổ tại sao đến muộn, Trang Cử nói ở nhà vì bạn bè thân thích đưa tiễn nên chậm trễ thời gian. Tương Như vừa nghe nổiận đùng đùng : "Kể từ ngày nhận lệnh tướng quân phải quên hết vợ con ; chuẩn bị lâm trận, phải quên hết bạn bè cũ ; xung phong đánh địch, phải quên mình xả thân. Nay quân địch áp sát biên cương, tôi và ông hai người gánh vác trọng trách vận mạng của dân của nước, trong giờ phút khẩn yếu này, ông lại bình chân như vại, vi phạm lời thề quân đội, há không làm lỡ việc lớn của nước?" Nói rồi, theo quân pháp khép Trung Cổ vào tội nên gương xấu cho quân lính, lôi ra chém đầu ngay tại chỗ. Tề Cảnh công nghe được tin này, vội sai quan hầu cận Lương Khâu Cứ mang phù tiết đến giải cứu. Lương Khâu vội đến ngay doanh trại, không những không cứu được Trang Cổ mà còn bị Tương Như xét xử theo tội "Tung hoàng giữa ba quân". Tương Như xét thấy ông ta đã mang lệnh nhà vua đến, bèn tha tội chết cho, chỉ phá hỏng cỗ của ông ta, coi như một sự trừng phạt.

Qua sự kiện này, quân Tề trên dưới nghiêm trang, uy thế quân đội được cải thiện, dựa vào hiệu lệnh đua nhau lao lên trước. Quân đội hai nước Tấn Yến nghe phong thanh đã sợ hết vía, đành phải rút về. Quân Tề thừa thế tiến công, lấy lại được những vùng đất đã mất.

"Tam thập lục kế" giải thích "Nói cạnh nói khoé" là : kẻ lớn mạnh hăm doạ kẻ nhỏ yếu, phải dùng biện pháp canh phòng để khuyên bảo, sự cứng rắn thích đáng có thể được ủng hộ, thủ đoạn quả cảm có thể khiến người ta phục tùng. Tư Mã Tương Như can đảm xiết bao ! Trong chốc lát đã giết mất một sủng thần và xử phạt một quan hầu cận của nhà vua. Đối với Tề Cảnh công mà nói, quả thật có phần mất thể diện : đường đường một đấng quốc vương mà không cứu được sủng thần của mình lại để quan hầu cận cầm phù tiết đi cứu phải chịu phạt. Thế nhưng quân Tề trên dưới qua sự kiện này đã thấy được vẻ uy nghiêm của Tương Như làm tướng, với cận thần của nhà vua mà còn bị xử theo quân pháp, có ai còn dám tuỳ tiện làm trái quân lệnh? Đây có lẽ chính là dụng ý thật của Tư Mã Tương Như khi chém đầu Trang Cổ lúc lâm trận.

Tôn Vũ ở nước Ngô dùng binh pháp do mình soạn ra để luyện tập quân đội cho Ngô vương Hạp Lư. Hạp Lư truyền lệnh tuyển ra một trăm tám mươi cung nữ, giao cho Tôn Vũ. Tôn Vũ biên chế bọn họ thành hai đội, lấy hai ái cơ của Hạp Lư làm hai đội trưởng, tiếp đó bảo tất cả bọn họ cầm kích đứng thành đội ngũ ngay ngắn, rồi ra quân lệnh, nói rõ yếu lĩnh thao luyện và động tác quy

định, không được qua loa, đùa giỡn, nếu không sẽ xét xử theo quân pháp Tôn Vũ giao hẹn xong, liền khua trống làm hiệu, ra mệnh lệnh quay phải cho các cung nữ, chỗ nào chỗ nấy xem chừng họ không những không làm theo lệnh chỉ huy mà còn cười đùa ầm ĩ, trước hết Tôn Vũ tự trách mình không giảng rõ động tác quy định, dùng quân lệnh chưa hẳn giúp người ta ghi nhớ, giảng lại một lần nữa những điều có liên quan, sau đó đánh trống làm hiệu, ra lệnh quay trái, nào ngờ họ vẫn cười ầm ĩ như trước, hoàn toàn không nghe theo lệnh chỉ huy. Lúc này Tôn Vũ vô cùng tức giận, nghiêm giọng nói : "Khi tướng đã giảng giải rõ quân lệnh và làm các động tác quy định, binh sỹ vẫn không làm theo lệnh chỉ huy, đây là lỗi của các ngươi. Dựa vào quân pháp : Kẻ làm trái lệnh, chém. Không thể giết hết được binh sỹ, người chỉ huy đội phải chịu tội". Nói rồi liền chuẩn bị lôi hai người đội trưởng r a chém đầu. Từ trên đài quan sát, Hạp Lư thấy Tôn Vũ sắp chém ái cơ của mình bất giác giật mình, vội vã sai người truyền lệnh, muốn Tôn Vũ thể tình buông tha. Tôn Vũ trả lời một cách hùng hồn đầy lý lẽ : "Thần đã nhận lệnh làm tướng, tướng phải trị quân lính, tự mình phải làm việc theo quân pháp, có thể không chấp nhận một số yêu cầu nào đó của nhà vua ngoài phép tắc !" Thế là đem hai ái cơ chém đầu trước mọi người, lấy hai người đứng đầu hàng của hai đội làm đội trưởng, sau đó lại đánh trống làm hiệu, cả thao trường im phăng phắc, cung nữ hai đội dù là quay trái, quay phải, bước tới, bước lui, ngay ngắn thẳng tắp, nề nếp đâu vào đấy.

"Thảo lư kinh lược" bình luận rằng : "Ấy, đạo trời, tuy mùa xuân sinh sôi mà không giảm bớt được sự tàn lụi của mùa thu ; Đạo làm tướng, há lấy sự nuông chiều che lấp uy thế của ta ! Nếu là người bị trị, phạm pháp phải chịu hình phạt, dẫu gần gũi như anh em cũng phán quyết không thể khoan dung. Giết một người mà kích động tinh thần ba quân, giết, gọi là hình phạt tất phải xem xét. Kẻ trái lệnh tất khiển trách xử phạt, người tuân lệnh càng lo thận trọng giữ gìn. Giết mà dân chúng không sợ hãi, khoan dung mà dân chúng không phục. Lúc lâm trận mà vẫn còn hình phạt nghiêm ngặt, lòng dạ quân lính không biết sợ cũng không dám coi thường. Sợ ta thì khinh thường địch, sợ địch thì coi thường mình. Người làm cho người khác sợ thì sẽ thắng, để cho người coi thường thì bại. Giỏi thay ! Lời người xưa có nói : "Làm tướng phải làm cho ba quân sợ mình và khinh thường địch". Nhìn lại Tôn Vũ "Ngô cung giáo chiến", nhanh chóng huấn luyện một đội cung nữ nhút nhát mềm yếu thành đội quân bước đi đều đặn, chỗ bí hiểm trong đó chẳng phải là ở hình phạt nghiêm khắc, tướng lĩnh ra oai, giết một người răn đe trăm người sao?

Cuối Tấn triều đình không có người điều khiển, xưng hùng xưng bá tranh giành thiên hạ. Bành Việt thường đánh cá ở đầm Cự Dã, làm cả việc của bọn kẻ cướp. Sau cuộc khởi nghĩa Trần Thắng, có một tốp thiếu niên xấu nói với Bành Việt : "Rất nhiều hào kiệt đua nhau lên làm vua, hăng hái chống Tần, sao ông không đứng ra làm theo họ?"

Bành Việt nói : "Hiện nay hai con rồng đang quần nhau chí tử, chúng ta hãy đợi đấy đã !" Hơn một năm sau xung quanh Bành Việt tập hợp hơn một trăm người, họ nhất trí tôn Bành Việt làm đầu lĩnh. Bành Việt trước thì thoái thác, sau do mọi người khăng khăn khẩn cầu, đành nhận lời, giao hẹn sáng sớm hôm sau khi mặt trời mọc thì tập hợp đông đủ, ai đến muộn sẽ bị chém đầu. Hôm sau khi mặt trời mọc, có mười mấy người đến muộn, người cuối cùng mãi trưa mới tới, Bành Việt rất áy náy nói : "Các ngươi muốn ta làm đầu lĩnh của mình, ta đã giao hẹn với các ngươi thời gian tề tựu. Nhưng có rất nhiều người đến muộn, ta không thể giết hết những người ấy, đành chỉ giết người đến muộn nhất". Những người ấy vừa cười vừa nói : "Việc gì phải thế? Sau này không dám đến muộn nữa là được rồi." Bành Việt bước tới tóm lấy người đến muộn nhất, chém đầu, liền sau đó lập đàn cúng tế, ban bố hiệu lệnh, bọn thiếu niên xấu ấy sợ Bành Việt, đến nỗi không dám ngửa mặt lên nhìn. Thế rồi đánh thành, lấn đất, thu gom tàn quân chư hầu, nhanh chóng phát triển thành một đội quân mạnh mẽ.

Câu chuyện quyền mưu này tương tự như hai câu chuyện trên kia. bề ngoài, thấy Bành Việt giết người đến muộn nhất với Tư Mã Tương Như chém đầu Trang Cổ, Tôn Vũ xử trảm hai vương cơ, dường như là gây khó dễ với người bị giết, thực ra hành động quả cảm của họ, đều là muốn hăm doạ chúng nhân. ra oai cho mình. Thử nghĩ đối mặt với bọn thiếu niên xấu, buông tuồng, bừa bãi ấy. Bành

Việt không lấy việc xử phạt nghiêm khắc để rung hồi chuông cảnh tỉnh cho họ, liệu có thể thúc giục họ liều chết xông lên, liều mạng với kẻ thù được không ? Bành Việt giàu lòng đại nghĩa, bắt đầu từ việc quy phục hơn một trăm thiếu niên xấu này, dần dần phát triển thành đội quân hàng vạn người ; đi từ đầm Cự Dã nhỏ bé, dần dần chiếm đoạt vùng đất rộng lớn Trung Nguyên, xứng đáng là một anh hào giữa thời Tần Hán.

Ở đây còn phải bàn đến "Minh tu sạn đạo, Ám độ Trần Thương". Nó là kế thứ tám trong "Tam thập lục kế". Nó có ý nói : Hành động cố ý phơi bày mình, thu hút sự chú ý của kẻ địch, sau đó có bỏ qua khu vực cố thủ của địch, đánh vòng ra sau lưng, tấn công vào chỗ yếu của địch.

Giữa thời Hán - Sở, Lưu Bang đã được phong làm Hán vương, dẫn bộ sậu về nước, sau khi vào hạ trại ở Nam Trịnh (Nam Trịnh Thiểm Tây ngày nay), tôn Hàn Tín làm đại tướng. Hàn Tín nói với Lưu Bang : "Hạng Vũ tấn phong cho các tướng lĩnh có công là vương, chỉ phong cho đại vương đất Nam Trịnh. Đây là sự giáng chức và đuổi đi xa. Tướng sỹ của đại vương phần nhiều là người sáu nước Sơn Đông, ngày đêm mong được về quê. Nhân dịp này có thể dựng nên công nghiệp. Chờ đến khi thiên hạ bình yên, lòng dân ổn định thì không dễ gì kéo đàn kéo lũ. Cho nên chi bằng chọn lấy giải pháp tiến quân về Đông, thống nhất thiên hạ". Lưu Bang tỏ ý tán thành. Tiếp đó, Lưu Bang nghe theo đề nghị của Hàn Tín, trước hết

đem một bộ phận binh sỹ trống giong cờ mở đi sửa lại sạn đạo, làm như sẽ đánh từ trong ra, sai Hàn Tín bí mật thống lĩnh đại quân, theo đường tắt đánh vòng đến Trần Thương (Bảo Khê - Thiểm Tây ngày nay), dùng biện pháp đột kích bất ngờ một trận đánh bại Chương Hàm, tiến tới chiếm lĩnh Quan Trung, mở màn cuộc chiến tranh Sở Hán.

Lần dụng binh này Hàn Tín đã đưa ra cho chiến thuật Trung Quốc một điển hình tươi sáng. "Minh tu sạn đạo" là hành động kín đáo phân tán sự chú ý của đối phương, che đậy việc quân ta bí mật đến Trần Thương : Mục đích vận dụng quyền mưu này chủ yếu là để tránh thực đánh hư. Kỳ thực, Cổ đạo ở phía đông, còn Trần Thương ở phía tây", Minh tu sạn đạo, Ám độ Trần Thương", chính là phiên bản của "Thanh đông kích tây". "Tam thập lục kế" coi "Thanh đông kích tây", là một trong những "thắng chiến kế", lại coi Ám độ Trần Thương" là mọt trong những "địch chiến kế", thật là có mất mới lo.

III. THAO QUANG DƯỠNG HỐI, DANH TRỢ THỰC THỦ

Trong rất nhiều trường hợp quyền mưu, Minh, Ám trong ngoài giống nhau. Danh và thực thường thường là một - Là chủ thể quyền mưu, bề ngoài không tỏ ra sắc sảo, phải ẩn dấu tài năng tung tích, che đậy lí tưởng và ý chí vĩ đại để làm đối phương mất cảnh giác, chờ thời cơ thích hợp,

thực hiện mục đích đã định trước. Thế gọi là "Thao quang dưỡng hối". Còn có một cách khác, về danh nghĩa tỏ ra quan tâm tới đối phương, dùng chiêu bài giúp đỡ đối phương, chờ dịp cài thế lực của mình để khống chế đối phương, tước đoạt quyền lợi chính trị kinh tế của nó. Thế gọi là "Danh trợ thực thủ". Cả hai loại quyền mưu này đều được dùng rất rộng rãi trong lịch sử Trung Quốc, là con đường cơ bản để người ta giữ yên thân mình và mưu đồ tiến thủ.

Quyền mưu Thao quang dưỡng hối, vận dụng vào thực tế, có thể tiến hành che đậy hoặc giấu kín các mặt sinh lý, tình cảm, tài năng và chí hướng. Chủ thể quyền mưu cuối cùng muốn che đậy hoặc giấu kín tình huống chân thật nào đó, hoàn toàn được quyết định bởi mưu kế ứng biến cụ thể và động cơ hành vi của khách thể quyền mưu.

Tôn Tẫn từng học binh pháp với Bàng Quyên. Sau khi xuống núi Bàng Quyên được Ngụy Huệ vương nể trọng, cho làm quan đến chức tướng quân nhưng tự thấy tài năng không bằng Tôn Tẫn. Tôn Tẫn đến nước Ngụy được ít lâu, bị Bàng Quyên làm hại, bị Ngụy Huệ vương xử tội xăm mình. Sau khi chịu hình phạt, Tôn Tẫn vốn nghĩ rằng Bàng Quyên đã cứu tính mạng của mình, vì vậy lập chí đem binh pháp gia truyền viết ra đưa tặng Bàng Quyên. Người hầu của Bàng Quyên sai đến thấy Tôn Tẫn thành thực, và vì nỗi oan mờ ám mà ông ta phải chịu đựng, nên thông cảm sâu sắc, bèn nói cho Tôn Tẫn biết những hành động bỉ ổi của Bàng Quyên. Do đó Tôn Tẫn như tỉnh

mộng, thấy rõ bộ mặt thâm hiểm của Bành Quyên, thế là đành giả điên tự cứu mình, kêu gào la hét, lấy phân, nước giải bôi lên người, lại còn đốt hết binh thư đã viết xong. Bành Quyên thấy cảnh ấy tưởng là Tôn Tẫn điên thật, cũng không thèm để mắt đến nữa. Về say có sứ thần nước Tề sang thăm Ngụy, nhân tiện bí mật đón Tôn Tẫn trở về Tề, Tôn Tẫn mới bắt đầu cuộc sống mới.

Đây là ví dụ thực tế sự che đậy về mặt sinh lý. Trong đời sống xã hội dù bất cứ ai, có người nào lại muốn tính toán chi li với một người điên? Tuy là thâm hiểm cay độc, nhưng nhìn thấy Tôn Tẫn trong dáng bộ điên khùng, Bành Quyên tuy hoàn toàn mãn nguyện, nhưng có lẽ hãy còn có chút tình thương hại. Tôn Tẫn thân chốn lao lung, nhưng vẫn thoát khỏi số phận rúi ro dày vò cho đến chết, duyên do là vì giả điên giả dại làm cho Bành Quyên nhận thấy ông ta không được tích sự gì nữa do đó lơ là cảnh giác, không thèm đề phòng. Ngoài ra theo ghi chép ở "Minh sử kỷ sự bản mạt", Yến vương Chu Đệ vốn có dã tâm ngoi lên địa vị cao, vì vậy hậm hực với Kiến Văn đế, mưu tính giành giật lấy và thay thế. Nhưng sau khi mưu mô bị tiết lộ, Chu Đệ bèn "Giả dại kêu ốm, kêu gào trong chợ, cướp giật đồ ăn thức uống, ăn nói lung tung, có lúc nằm lăn ra đất, mê man suốt ngày", có lúc đang giữa mùa hè lại ngồi ôm lấy lò lửa, người run lập cập, luôn mồm kêu rét. Quả thật là đã dùng hết sách giả điên giả dại.

Cuối thời Tân Mãng, hai anh em Lưu Diễn, Lưu Tú ngang ngược ở Nam Dương, cầm đầu tông tộc khởi binh.

lại thêm bọn lục lâm nhập bọn. Chờ sau khi Lưu Huyền xưng đế, Lưu Diễn làm Đại tư đồ, Lưu Tú làm Thái thường Biên tướng quân. Thành Côn Dương, Lưu Tú cùng quan quân lập công đầu hiển hách, còn Lưu Diễn do hống hách lộng quyền, bị ám hại khi tranh quyền đoạt lợi với Lưu Huyền. Tin tức lan truyền ra mặt trận, Lưu Tú vội vàng từ Phụ Thành (huyện Diệp - Hà Nam ngày nay) quay về Uyển Thành ngay, đến trước mặt Lưu Huyền tạ tội. Quan lại của Tư đồ nghe nói Lưu Tú trở về, đều đến thăm hỏi ông ta, ông ta chỉ cảm ơn đáp lễ, không nói chuyện gì với người nhà. Mặc dù đau thương trước cái chết của Lưu Diễn chăn gối thường đầm đìa nước mắt, nhưng Lưu Tú không để tang như với người anh cả, mà sinh hoạt ăn uống, nói cười cứ như thường. Có người hỏi ông ta chiến sự ở Côn Dương, ông ta tuyệt nhiên không nhận công mình mà chỉ quy công cho các tướng khác. Lưu Huyền thấy tình cảnh này, ngược lại cảm hấy hổ thẹn với lòng mình, vì vậy tôn Lưu Tú làm Phá hổ Đại tướng quân phong Vũ tín hầu.

Đây là một ví dụ thực tế che đậy về tình cảm. Trong một lĩnh vực quyền mưu nhất định, do so sánh lực lượng không lợi về mình, mặc dù chủ thể quyền mưu phải chịu oan khuất, nhưng không thể cắn răng chịu đòn, cố chống cự đến cùng; Cách tốt nhất là vui mừng, không để giận dữ hiện ra trên nét mặt, yêu ghét giấu kín không lộ, tìm cơ hội thích đáng, lại tiến hành phản kích. Lưu Tú vận dụng quyền mưu này, gặp dữ hoá lành chuyển nguy thành

an, không những không bị liên luỵ vì cái chết của bậc đàn anh, mà còn được thăng quan tiến chức, càng được Lưu Huyền nhìn bằng con mắt khác trước. Nhận tước phong xong Lưu Tú phụng mệnh đi tuần Hà Bắc, thế lực cá nhân nhanh chóng lớn mạnh, bèn vứt bỏ mặt nạ bề tôi của người, ngang nhiên đối lập với Lưu Huyền. Lưu Huyền thấy tình hình như vậy, chắc là sẽ vô cùng hối hận vì trước kia diệt cỏ không diệt tận gốc.

Năm thứ ba Hán Kiện An (năm 198), Lưu Bị theo Tào Tháo đến Hứa Đô, được phong làm Tả tướng quân. Để che dấu tài năng của mình, Lưu Bị bèn dọn vườn sau nhà, trồng rau. Một hôm, Tào Tháo sai người đến mời Lưu Bị dự yến tiệc, Lưu Bị không hiểu là có dụng ý gì, lòng thấp thỏm không yên. Giữa tiệc, Tào Tháo bắt đầu nói về anh hùng đương tại, muốn thăm dò ý nghĩ của Lưu Bị. Lưu Bị kể ra Viên Thuật, Viên Thiệu, Lưu Biểu, Tôn Kiên... Tào Tháo lại vỗ tay cười nói : "Gọi là anh hùng nhất định ấp ủ chí lớn, sẵn có mưu hay, sức trùm đất trời, khí nuốt thiên hạ. "Lưu Bị vội hỏi đó là ai?" Không ngờ Tào Tháo lại nói : "Anh hùng thiên hạ chỉ có ông và tôi". Lưu Bị nghe nói như vậy, trong lòng bỗng lo sợ, đánh rơi đũa xuống đất. Vừa lúc ấy một tiếng sấm vang lên, Lưu Bị nhân dịp ung dung nhặc đũa lên, Lưu Bị sợ sệt nói : "Tiếng sấm chấn động một uy gấp ba, thật đáng sợ". Tào Tháo thấy cảnh đó, không khỏi cười thầm, thế rồi thôi không cảnh giác với Lưu Bị.

Đây là ví dụ về sự che đậy tài năng. Tiếng sấm và việc rơi đũa vốn không liên quan gì nhau, nhưng Lưu Bị mượn tiếng sấm chứng tỏ trước mặt Tào Tháo tính khí nhút nhát của mình. Thông minh tháo vát như Tào Tháo, cũng không khỏi bị Lưu Bị đánh lừa. Đến như Quan Vũ, Trương Phi, lại càng không hiểu được ý đồ của Lưu Bị, vì vậy không chút nghi ngại vặn hỏi Lưu Bị sao không quan tâm đến việc lớn trong thiên hạ, mà học kẻ tiểu nhân quanh quẩn trong vườn trồng rau. Lưu Bị đáp : "Việc này hai hiền đệ chưa hiểu ra. Tào Tháo bảo tôi ở Hứa Đô, là để gần gũi khống chế tôi. Tôi làm thế này chính là muốn Tào Tháo biết tôi chẳng tài cán gì, lơi lỏng sự cảnh giác đối với tôi, không làm hại tôi nữa". Sự tự bộc bạch mới dứt khoát làm sao ! Lưu Bị đã che giấu tài năng của mình như vậy đấy, bề ngoài không giám cùng xưng "anh hùng" với Tào Tháo, kết quả tránh được mối nghi ngờ, giữ toàn tính mạng. Ngược lại với chuyện đó Dương Tu làm thừa tướng chủ bạ, tài hoa xuất chúng, và tài năng lộ hết ra ngài, thường đoán trước được đầy đủ quyền mưu của Tào Tháo, nhiều lần khiến Tào Tháo thấy mình yếu kém. Vì vậy Tào Tháo rất căm ghét Dương Tu, sợ thành hậu hoạ về sau, bèn tìm cớ giết Dương Tu. So sánh hai chuyện đó ta thấy Lưu Bị thông minh hơn hẳn.

Ngô vương Phù Sai dốc toàn lực đánh Việt, quân Việt thế thua đã rõ, chỉ có năm nghìn sỹ tốt tử thủ trên núi Cối Kê, đang giờ phút sinh tử tồn vong này. Việt vương Câu Tiễn hạ quyết tâm đầu hàng Phù Sai để đổi lấy con

đường sống, chịu đựng nhục nhã để chờ Đông Sơn nổi dậy. Sau khi hàng thư đã ký xong, Câu Tiễn tạm uỷ thác việc nước cho đại phu Văn Trọng, còn mình mang đại phu Phạm Lãi đến nước Ngô làm tôi tớ cho Phù sai. Câu Tiễn ở trong nhà đá, suốt này đầu bù tóc rối, làm việc vặt cho Phù Sai. Phù Sai ngồi xe đi ra ngoài, Câu Tiễn đi bộ theo sau để nghe sai bảo. Người Ngô tìm mọi cách trêu chọc, nhưng ông vẫn cúi đầu chịu đựng, không hề phản kháng. Về sau Phù Sai lâm bệnh, Câu Tiễn được Phạm Lãi chỉ giáo, đến bên giường Phù Sai thăm hỏi, chúc Phù Sai hồi phục sức khoẻ. Quả nhiên, Phù Sai nhanh chóng thuyên giảm, liền hỏi Câu Tiễn làm thế nào biết được điều đó. Câu Tiễn trả lời : "Thần học được một kỳ xảo, chỉ cần nếm một tý phân là biết được bệnh tình thế nào. Mấy hôm trước phân của đại vương có vị chua và hơi đắng, ấy gọi là (chứng thời khí) cho nên biết được không bao lâu nữa đại vương sẽ khỏi". Phù Sai nghe xong lấy làm cảm động, bèn thả cho Câu Tiễn trở về nước Việt.

Đây là một ví dụ thực tế về việc che giấu chí hướng. Người ngày nay Lý Tông Ngô phát minh "Hậu Hắc học", gọi đó là tiêu bản của "Hậu Hắc cứu quốc". Ông ta phân tích rằng : "Thất bại Cối Kê, Câu Tiễn tự xin làm tôi tớ của Ngô Vương, vợ vào Ngô cung làm thiếp, đây là kế chữ Hậu : về sau đem quân phá Ngô, Phù Sai cứ người khác khóc lóc cầu xin, nguyện đem thân làm tôi tớ, dâng vợ làm thiếp, Câu Tiễn quyết không buông tha, không thể không dồn Phù Sai đến chỗ chết, đó là kế chữ Hắc. Ở

đây từ "Hậu" đến "Hắc", một Minh một Ám, cúi đầu xưng thần, ngẩng đầu làm trẫm, quả thật Câu Tiễn đã đem thủ pháp "thao hối" vào trong gia đình.

Thủ pháp thao hối không chỉ thích ứng với cá nhân, còn thích ứng với cả quần thể. Cái gọi "Năng nhi thị chi bất Năng" "dụng nhi thị chi bất dụng", nghĩa là có thể tiến công mà giả vờ không tiến công, cần đánh mà vờ như không cần đánh, là thủ đoạn cơ bản dùng binh tác chiến. Thời Chiến Quốc, Lý Mục là tướng nước Triệu, đồn trú ở biên cương phía Bắc, phòng ngừa Hung nô xâm lấn. Ông suy xét nhu cầu của tình hình mà phân bổ quan lại, nhập tiền thuế vào kho để chi dùng cho quân đội, hàng ngày giết trâu bò thết quân sỹ thao luyện cưỡi ngựa bắn tên. Ông đề ra cho toàn quân một quy tắc : Phát hiện Hung nô đến xâm phạm phải lui về doanh trại ngay tự vệ ; nếu tự tiện ra ngoài doanh trại bắt tù binh địch, xử trảm. Cho nên mấy năm liền nước Triệu không bị tổn thất gì lớn. Hung Nô cho rằng Lý Mục sợ đánh nhau, Triệu vương cũng cho là như vậy, cho nên triệu Lý Mục về, sai người khác lên tiếp quản công việc. Nhưng mỗi lần giao chiến với Hung Nô, đều không có kết quả, trái lại thương vong nhiều. Triệu vương bất đắc dĩ lại mời Lý Mục xuống núi. Lý Mục về đến doanh trại, pháp lệnh y như trước. Hung Nô không được lợi thế, liền nói Lý Mục kiếp nhược. Quân Triệu trên dưới quanh năm được khao hưởng mà không phải đánh nhau, đều mong được dịp xông trận. Lý Mục thấy thời cơ chín mùi, chọn lấy một nghìn ba trăm

cổ chiến xa, một vạn ba nghìn ngựa chiến, quân sĩ năm vạn người, xạ thủ mười vạn tay, biên chế tất cả, chuẩn bị đánh lớn, với Hung Nô. Hung Nô cậy mình quân mạnh, ngựa tốt, lập tức dốc toàn lực tấn công. Lý Mục trước hết giả vờ thua lui quân, dụ địch vào sâu, sau đó dùng chiến thuật đánh bọc hai bên, một trận đã tiêu diệt hơn mười vạn kỵ binh Hung Nô. Từ đó hơn mười năm liền Hung Nô không dám đến gần biên giới nước Triệu nữa.

Người ta thường nói" Việc ba quân, lấy tính toán nhiều thắng tính toán ít, lấy hữu mưu thắng vô mưu." Lý , Mục là tướng trấn giữ biên cương, đánh không cần chiếm, ra quân thận trọng ; chiến không cần thắng, giao chiến thận trọng, nắm chắc phần thắng mới tiến công, đúng là cái "Thắng minh" của Tôn Vũ. Có người bình luận về đặc điểm dụng binh của Lý Mục "Đối đãi hậu hỹ thì được báo đáp đầy đủ ; khi bị dồn nén cho nên bật ra mạnh. Vì vậy các tướng lĩnh dùng sức lực của quân sỹ liều chết, thường thử một lần mà không thử lại, cũng chỉ thử một lần mà không phải thử lại lần nữa." Lý Mục cực lực chủ trương lấy yếu cố thủ dùng mạnh tấn công, công khai tỏ ra yếu, bí mật chuẩn bị lực lượng, mười năm cố thủ mà không đánh, chờ khi thời cơ chín muồi, đột nhiên ra quân phản kích giành thắng lợi hoàn toàn. Đó chính là một ví dụ điển hình lấy yếu cố thủ tranh thủ thời gian, tạo điều kiện để lực lượng mạnh tấn công. So với "Thao quang dưỡng hối", "Danh trợ thực thử" không phải là ẩn giấu, che đậy năng lực và chí hướng của mình, mà là bề ngoài giúp đỡ

và xúi giục người khác, thừa cơ cài thế lực của mình vào để khống chế hoặc tiêu diệt đối phương. Có điều cả hai cách nói trên có chỗ giống nhau, chủ thể quyền mưu bất luận là ấn giấu, che đậy, hay là giúp đỡ, xúi giục, đều phải lấy lòng tin của đối phương, mà không thể hở ra cho đối phương biết bị lừa dối trở thành hạt nhân của quyền mưu, có ý nghĩa quyết định đối với kết quả việc vận dụng quyền mưu.

Trịnh Trang công lên ngôi, theo thỉnh cầu của mẫu hậu Khương thị, phong cho Cung Thúc Đoạn con trai thứ của bà, đất Kinh. Công tử Lã nói : "Kinh là đô ấp của nước Trịnh. Bầu trời không không có hai vầng thái dương, nước không có hai chúa. Xin giáng cách phong đất nhỏ hơn. " Trịnh Trang công biết mẫu hậu yêu chiều em trai, căm ghét mình, bèn nói :"Mẫu hậu khăng khăng như vậy, không làm theo sẽ không bao giờ có được một ngày yên ổn." Cung Thúc Đoạn được đất phong, diễn binh tập võ đánh lấn bốn bề, cậy mình được yêu chiều, chẳng coi Trịnh trang công ra gì. Công tử Lã thấy vậy, thỉnh cầu Trịnh Trang công xuất binh hỏi tội. Trịnh Trang công vừa cười vừa nói :"Vội gì ! Tội ác của nó chưa rõ ràng, hãy đợi thêm đã, nó sẽ tự diệt vong." Đúng lúc Cung Thúc Đoạn tích cực chuẩn bị dấy binh, công tử Lã mưu tính cho Trịnh Trang công : "Đã lâu đại vương không vào triều kiến Chu thất, chỉ là lo sợ tai hoạ bất ngờ bây giờ đại vương có thể đánh tiếng sang Chu triều kiến, để cho trong nước rỗng không. Cung Thúc Đoạn tất nhiên cậy kết với

mẫu hậu thừa cơ khởi sự. Thần đem binh mai phục trước ở bên ngoài ấp Kinh chờ Cung Thúc Đoạn ra khỏi, thành thừa cơ chiếm ấp Kinh, đúng giờ đại vương dẫn quân nghênh chiếm từ chính diện, thần từ phía sau đánh vòng lại, thành công chỉ còn là sự mong đợi." Trịnh Trang công tiếp nhận kế sách này, ngay lập tức tuyên bố sang Chu thất triều kiến. Khương thị nghe được tin này, liền viết thư cho Cung Thúc Đoạn, hẹn ngày giờ khởi sự. Trịnh Trang công thấy việc lừa dối đã thành công, liền cùng công tử Lã điều động binh mã, chờ Cung Thúc Đoạn ra khỏi ấp Kinh, đột nhiên hai mặt đánh kẹp lại, bống chốc đã dẹp yên cuộc binh biến do Cung Thúc Đoạn đạo diễn. Một bộ sử Xuân Thu, không biết có bao nhiêu câu chuyện như " Trịnh Trang công khắc Cung Thúc Đoạn." Bề ngoài, Trịnh Trang công luôn luôn tuân theo mục đích của mẫu hậu, một mực nhân nhượng mọi hành vi phạm pháp của Cung Thúc Đoạn, giữ nghiêm thái độ của người con có hiếu, người anh hiền từ. Nhưng trên thực tế, Trịnh Trang công có ý thức dung túng Cung Thúc Đoạn đi vào con đường 'Bất nghĩa lắm ắt sát", là lí do chính đáng để diệt tận gốc mối lo canh cánh. Đây thực là lạt mềm buộc chặt, nằm trong dự kiến Cung Thúc Đoạn không nhận rõ Minh ám, cứ dấy binh làm loạn, vừa may rơi vào cạm bẫy Trịnh Trang công dử hắn ra khỏi hang. Trịnh Trang công thấy thời cơ đã chín muồi, giết chết Cung Thúc Đoạn không chút thương xót, rồi đuổi mẹ đẻ ra khỏi cung thất. Một trận tranh đấu quyền lực đã đặt một dấu chấm cho thắng lợi triệt để của Trịnh Trang công.

Cuối Đông Hán, Viên Thiệu đóng quân Hà Nội, vì quân lương thiếu hụt, muốn mượn của Mục Hàn Phúc ở Ký Châu. Mưu sỹ Phùng Kỷ nói với Viên thiệu : "Đại trượng phu dọc ngang thiên hạ, quyết không thể dựa vào người khác cung cấp quân lương. Ký Châu đất phì nhiêu ngàn dặm, lương thảo dồi dào , sao chúa công không nghĩ cướp lấy Ký Châu?" Viêm Thiệu cho rằng chưa được thời cơ tốt. Phùng Kỷ nói tiếp : "Chúa công muốn lấy Ký Châu, phải ngầm liên hệ với Công Tôn Toản hẹn ngày giờ, cùng đánh Ký Châu. Công Tôn Toản vẫn muốn mở rộng thế lực của mình, vừa được tin này, nhất định vội vã ra quân. Hàn Phúc là một người không có bản lĩnh, nghe nói Công Tôn Toản tiến đánh, tất phải xin chúa công cùng lo liệu việc ở Châu Ký. như thế chúa công sẽ cướp được Ký Châu." Viên Thiệu nghe xong, hết sức tán thành, lập tức làm theo kiến nghị của Phùng kỷ. Chẳng bao lâu, Công Tôn Toản đem quân đánh Ký Châu, Hàn Phúc tự biết chống đỡ không nổi, liền cầu xin Viên Thiệu đưa quân vào thành cùng bàn kế chống lại Công Tôn Toản. Vì vậy, Viên Thiệu không phải động dao động giáo, bắt ép Hàn Phúc nhường ngôi, một trận cướp được Ký Châu.

Một bộ sử Tam quốc, cũng không biết có bao nhiêu chuyện như"Viên Thiệu lấy Ký Châu" này. Viên Thiệu vốn xuất thân dòng dõi quý tộc "Tứ thế Vũ công", "Học trò làm quan khắp thiên hạ", sau khi Đổng Trác làm loạn, được những người xưng hùng xưng bá ở Quan Đông tôn làm minh chủ, một thời lừng danh thiên hạ. Nhưng để

giành được mảnh đất đứng chân, tiến tới khuếch trương thế lực của mình, Viên Thiệu bất chấp cả địa vị minh chủ, giở cả trò lừa người, cướp đất. Còn Hàn Phức kia tuy tính nhút nhát, chỉ là một kẻ tầm thường, nhưng cũng nhận thấy được dụng tâm hiểm ác của Viên Thiệu đối với Ký Châu, không sao được đành làm chức quan nhỏ cho họ Viên, cự lại thì không có sức, nhún nhường thì lại được danh, thế là bèn không nghe lời khuyên ngăn của bề tôi, chắp tay nhường Ký Châu cho Viên Thiệu, Viên Thiệu "Danh trợ thực thư", Lấy Ký Châu làm cơ sở . Ai ngờ chưa đầy mười năm lại bị Tào Tháo cướp mất. Đây thật là của thiên trả địa, ác giả ác báo ; thiên hạ việc đã rồi nhưng vẫn chưa xong, tuần hoàn không dứt.

Trước trận Xích Bích, Tào Tháo và Tôn Quyền cách sông đối mặt. Để đánh phá quân Tào, tướng Ngô là Hoàng Cái đến gặp Chu Du, phân tích : "Nay hai quân đối mặt địch đông ta ít, nếu liều chết tiến công quân ta khó giành được phần thắng ; nếu dùng hoả công, một trận chắc thắng. "Chu Du nghe xong, nói mình cũng muốn dùng hoả công vì không có nội ứng, không làm sao tiếp cận được thuyền bè của quân Tào. Hoàng Cái nói :"Muốn có nội ứng chỉ có cách trá hàng . Nhưng nếu không bị buộc ra hàng. Tào Tháo sẽ không tin." Thế là, Chu Du triệu tập các tướng lĩnh lại bàn việc quân, Hoàng Cái cố ý nói nên đầu hàng Tào Tháo. Chu Du giả bộ tức giận, sai quân thị vệ lôi Hoàng Cái ra đánh một trận chí tử. Hoàng Cái sau khi trở về đến doanh trại với thương tích khắp người, lập tức

sai người thân tín đi gặp Tào Tháo hẹn ra hàng. Tào Tháo được tin Hoàng Cái bị Chu Du trừng phạt, nên tiếp nhận đầu hàng. Theo ngày giờ đã định, Hoàng Cái dùng mấy chục chiếc thuyền lớn chở đầy củi khô, tưới sẵn dầu mỡ cho dễ cháy, bên ngoài màn che trướng rủ, bơi về phía chiến thuyền quân Tào. Tào Tháo thấy Hoàng Cái đến đúng hẹn, trong lòng rất vui mừng. Khi hai bên đã kề sát, Hoàng Cái hạ lệnh cho binh sỹ nhất loạt phóng hoả, lao thẳng vào thuỷ trại quân Tào. Chiến thuyền quân Tào đang bị xích sắt khoá chặt, gỡ không ra, sỹ tốt không đường tháo chạy, cả thuỷ trại bỗng chốc biến thành biển lửa. Chu Du thừa cơ đem quân đánh úp, đánh cho quân Tào tan tác, tơi bời, Tào Tháo chỉ mang theo mấy chục kỵ binh lật đật chạy trốn.

Đây là một ví dụ điển hình về "Khổ nhục kế" . Sự kiện này có thật trong lịch sử không? hay là "Tam quốc diễn nghĩa" hư cấu ? Chúng ta hãy tạm không khảo chứng việc này. Dẫu sao vẫn có người nói : "Chu Du đánh Hoàng Cái, một muốn đánh, một muốn chịu đựng". "Tam thập lục kế" giải thích :" Nói chung người ta không tự làm hại mình, bị làm hại đó là chuyện có thật. Ta lấy giả làm thật làm cho địch tin mà không nghi thì có thể đạt được mục đích, lừa dối và ly gián". Hoàng Cái giả hàng thành công, khâu quan trọng nhất là trước khi lừa Tào Tháo phải có sự tự nguyện hy sinh cần thiết. "Nhân bất tự hại" (Nói chung người ta không tự làm hại mình) là chuyện thường tình của con người, anh làm ngược lại, thì cũng giống như

chiếc bóng trong nước, khiến đối phương không nhận ra bộ mặt thật, vì vậy rút ra kết luận ngược với bản chất sự vật. Đây chính là chỗ bí hiểm của "Khổ nhục kế"!

Chương 4
THẬT VÀ GIẢ

Thật và giả là một đôi phạm trù quan trọng trong kế sách học.

Nói về phạm trù thực và giả, phàm là sự vật, nếu không thật là giả, nếu không giả thì hẳn là thật hoặc nửa thật nửa hư. Muốn hiểu rõ chủ thể của kế sách thì trước hết phải làm rõ chân tướng của khách thể, rồi từ đó suy ra : ngược với giả được coi là thật ; ngược với thật được coi là giả, ngược với giả được coi là giả ngược với thật được coi là thật. Ngược với giả được coi là thật để che lấp bảo vệ cái thật ngược với thật coi là giả là để che đậy cái giả ; Ngược với giả được coi là giả là để làm cho kẻ thù không tin là giả ; ngược với thật được coi là thật là để kẻ địch không tin là hư. Thật thật giả giả, giả giả thật thật, không có công thức nào rõ ràng dứt khoát, tất cả đều được xác định bởi những sự thay đổi tâm lý khác nhau của chủ thể và khách thể và trường kế sách tương ứng.

Kế sách lẫn lộn thật thật giả giả là sự đột phát của chủ thể kế sách trong kinh nghiệm thực tiễn lâu dài và sự rèn luyện về mặt lý luận tương đối cao trong trường kế sách xác định đặc biệt. Thậm xưng là sự thần bí trong cái thông thường. Sự tiềm ẩn sâu xa chốc lát.

I. MƯỢN CÁI GIẢ LÀM CÁI THẬT

Lấy cái giả làm cái thật, tức là giả tượng do chủ thể kế sách tạo ra để che lấp sự thật, mê hoặc khách thể, giành sự chủ động trong kế sách.

Lý Quảng là một danh tướng đời Hán, từng dẫn một trăm kỵ binh xáp trận với hàng ngàn kỵ binh Hung nô. Kỵ binh Hung nô thấy quân Hán ít, tưởng rằng dụ binh, vội vàng dàn thế trận.

Tướng sĩ nhà Hán thấy quân Hung nô dàn thế trận quyết chiến thì vô cùng hoảng sợ, muốn quay lui. Lý Quảng điềm nhiên nói với tướng sĩ. "Hiện tại chúng ta cách đại quân hàng chục dặm, nếu bỏ chạy, kỵ binh Hung nô sẽ đuổi theo, e rằng chúng ta khó bề chạy thoát, nhưng nếu chúng ta ở lại quân nhau với chúng, bọn Hung nô sẽ tưởng rằng chúng ta là dụ binh, chắc chắn không dám động đến chúng ta!" Nói đoạn lệnh cho tướng sĩ tiếp tục tiến lên, dừng lại ở nơi cách quân Hung nô chưa tới hai dặm, xuống ngựa, làm ra vẻ cắm trại dựng lều cho ngựa nghỉ ngơi, nhiều tướng sĩ vô cùng lo lắng. Lý Quảng an ủi :"Bọn Hung

nó vốn nghĩ rằng chúng ta sẽ rút ngay, nhưng chúng ta đã cắm lều dựng trại, coi như chẳng có việc gì xảy ra, chúng càng tin chắc rằng chúng ta đang nhử chúng." Bọn kỵ binh Hung nô đâu ngờ, quả nhiên không dám tấn công. Thỉnh thoảng quân Hung nô cho một vị tướng ra xem xét đội tinh quân nhà Hán, Lý Quảng liền dẫn mười mấy tướng sĩ, vừa phi ngựa vừa bắn tên bắn chết tên tướng nọ, rồi quay về doanh trận, xuống ngựa lăn ra ngủ dưới đất. Đến nửa đêm, quân Hung nô cho rằng quanh đó có đại quân nhà Hán đang phục kích, để tránh bị quân nhà Hán tấn công vội vàng tháo chạy. Đến lúc này Lý Quảng mới đưa toán kỵ binh này ung dung quay lại bản doanh của đại quân.

Trong " Tôn tử binh pháp" có nói việc nhà binh là mưu lược. Vốn dĩ cái mình có thể làm được thì tỏ ra mình không biết làm, điều mà mình muốn dùng lại tỏ ra mình chẳng cần, cái ở gần lại tỏ ra ở rất xa, cái xa tít thì lại coi là gần". Tào Tháo chú :"Việc nhà binh là khôn cùng muôn hình muôn vẻ, luôn dùng kế nghi binh nghĩa là, phương thức cầm quân sao cho biến hoá không lường không sao lường trước được". Tôn Tử còn nói : "Điều cốt lõi của việc cầm quân là làm sao cho nó tự biến hoá phi thường, thậm chí dẫn đến vô hình. Cái gọi là vô hình tức là ở trong mà không sao thấu được, kẻ hiểu biết cũng không sao nghĩ ra. Cái gọi là "hành binh", tức là các hoạt động nghi binh trong chiến tranh, các hoạt động nghi binh này làm cho kẻ thù không phát hiện được sự thật đến nỗi không để

lại một dấu vết nào, đương nhiên không hề có một dấu vết nào đúng sự thật thì bè lũ gián điệp của giặc không sao hiểu nổi, cho nên dù cho kẻ địch có thông minh tài cán tới đâu thì cũng đành chịu bó tay.

Lý Quảng đưa trăm kỵ binh bất chợt đụng phải hàng ngàn kỵ binh Hung nô đó là chuyện ngẫu nhiên làm sao đón trước được. Trong tình huống ngàn cân treo sợi tóc, trong giây phút cực kỳ nguy hiểm, làm sao đánh lạc hướng được kẻ thù, đưa thế bị động thành chủ động? Biện pháp của Lý Quảng chỉ là tỏ ra bình tĩnh như thường. Lấy đơn vị nhỏ đánh lừa địch, dân dụ địch, tỏ ra có đơn vị có đơn vị lớn đang đón lõng đang chuẩn bị tiêu diệt hoàn toàn, đó cũng là một cái kế mà nhiều nhà quân sự đã dùng. Dù là các nhà binh nghiệp vẫn thường dùng, hai bên đều biết, đều có thể làm cho người ta cảnh giác, không dễ gì tham bát bỏ mâm mà bộ mắc lừa. Lý Quảng cũng rất nhạy bén nắm bắt được tâm lý của các nhà binh nghiệp này, với sự quả cảm phi thường, trước mặt kẻ thù trong tình huống khốn quẫn quân địch đông còn ta thì ít, vẫn tỏ ra bình thản, do đó vẫn đạt được kết quả mong muốn (địch không dám tham lợi mà bị mắc lừa). Trước mặt đại quân thả ngựa lăn ra ngủ tỏ ra đang cần bẫy đối phương, vẫn đạt được hiệu quả (Địch không giám tham lợi mà mắc bẫy) Hơn nữa, khi đã tin chắc, thì làm cho bằng được, bắn chết tướng giặc, ngọn lửa bùng lên ! Ngọn lửa ấy đã làm cho kẻ thù thêm phần hồ nghi, đâu dám ra tay?

Kẻ cầm quân thì phải quỷ kế đa đoan, mọi nơi mọi

chỗ đều xuất hiện mưu sâu kế hiểm ; đã cầm quân thì phải có mưu kế, lúc nào ở đâu cũng phải tính kế. Đại quân xuất kích để thao túng giặc, đưa giặc vào bẫy. Để đại quân xuất chiến, tiêu diệt hoàn toàn quân địch. Khi một nhóm nhỏ chạm chán với địch, để lẩn trốn, để dụ địch rơi vào thế có lợi cho mình, làn cho địch phải cảnh giác, không dám chặn đánh, từ đó bảo vệ được chính mình. Cho nên không thể có quỹ đạo nhất định. Tính linh hoạt, thiên biến vạn hoá chính là sinh mệnh của kế sách. Cái gọi là "kế sách vô thường quỹ" (không có quỹ đạo thông thường), tức là không hề có loại kế sách nào là bất di bất dịch đặt vào đâu cũng đúng. Cài bẫy đưa địch vào thế có lợi cho mình cũng có thể buộc địch phải ra tay trước, mà cũng có thể làm cho không dám ra tay, phương thức trên chỉ có một nhưng hiệu quả lại là hai hoặc hơn nữa, biết đâu đấy? Nhưng tất cả đều do sự khống chế chủ khách thể và cả điều kiện thời gian mà thôi Cái gọi là "Vi hồ vi hồ, chí u vô hình ; thần hồ thần hồ chí u vô thanh ; cố năng vi địch chi tư mệnh" (nhỏ nhặt vụn vặt thậm chí là vô hình ; nó thiên biến vạn hoá khôn lường, thậm chí không biết gọi là gì" vì vậy, có thể chi phối được kẻ thù) (Tôn tử binh pháp - Thực hư thiên"). Điểm mấu chốt là nắm bắt được tâm lý đối phương và đưa chúng vào thế vô hình.

Hán vương Lưu Bang thoái hiểm ở Vinh Dương cũng là một ví dụ điển hình lấy cái hư làm rối loạn cái thật, đưa vào thế vô hình.

Năm thứ ba đời nhà Hán, năm 204 trước công nguyên, Vua nhà Hán (Hán vương) Lưu Bang bộ Sở vương Hạng Võ bao vây trong thành Vinh Dương, tình thế vô cùng nguy ngập. Lưu Bang chấp nhận đề nghị của bộ tướng Kỷ Tín, nhân lúc đêm hôm đưa bao nhiêu gái đẹp ra trước cửa phía đông thành, theo sau là hai ngàn quân lính. Quân Sở vẫn bất chấp tiếp tục đánh. Quân Hán đã rơi vào thế cùng quẫn. Chính lúc đó, Kỷ Tín mặc vương bào , lên ngự giá, cho người gọi : "Lương thực trong thành đã cạn Hán vương ra hàng !" Lính Sở nghe thấy Hán vương ra hàng reo hò, tung hô vạn tuế "Kéo nhau ra cổng thành phía đông đón xem, để tận mắt chứng kiến cảnh Hán vương ra hàng. Lưu Bang nhân lúc Sở dồn về cổng thành phía đông cùng hàng chục kỵ sĩ trốn thoát qua cổng thành phía tây ; chạy về Thành Cao (nay là huyện Củng, tỉnh Hà nam) Hạng Vũ thấy Kỷ Tín giả Hán vương gặn hỏi Lưu Bang đâu, Kỷ Tín đáp : " Hán vương đã thoát thân từ lâu." Hạng Võ đùng đùng nổi giận, hạ lệnh đem Kỷ Tín đi thiêu sống. Sau khi thoát nạn, Lưu Bang tập hợp lại tàn quân lại, lập căn cứ ở Thành Cao, tiếp tục chống lại Hạng Võ.

Trong cuộc chiến giữa Hán và Sở, Hạng Võ và Lưu Bang đã có trên bảy mươi lần xáp chiến. Trừ trận Cai hạ, trận nào Hạng Võ cũng thắng, trận nào Lưu Bang cũng thua, Lưu bang phải nhẫn nhục cầu hoà nhiều trận. Thế nhưng, tuy liên tục thất bại nhưng Lưu Bang không bị diệt vong. Còn Hạng Vũ vừa bị thua đã bị mất thiên hạ, điều

kỳ lạ đó đáng để người đời suy ngẫm. Hàn Tín nói rằng. Hạng Vương có là kẻ "hùng hổ như anh phu xe ngựa, nhưng có lòng nhân nghĩa của đàn bà". Cái hùng hổ của anh phu xe ngựa thì ai cũng chán ghét. Còn lòng nhân ái của đàn bà thì làm sao làm được việc lớn. Lần vây hãm Lưu Bang ở cô thành Vinh Dương ấy, Lưu Bang cũng phải cầu hoà với Hạng Võ xin cắt phía tây Vinh Dương cho nhà Hán. Nhà Sở và nhà Hán hoà hảo với nhau, Hạng Vương toan chấp nhận. Nhưng Lịch Dương Hầu Phạm Tăng can: "Khi số của Hán vương đã kiệt, nếu tha cho y e rằng sau hối không kịp" Hạng vương bèn cùng Phạm Tăng tức tốc công phá Vinh Dương. Hán vương trở tay không kịp, bèn dùng kế Trần Bình, ly gián Hạng vương với Phạm Tăng. Khi sứ giả của Hạng Vương đến. Lưu Bang bèn sai người đi lo một bữa tiệc to thái lao long yến. Khi gặp sứ giả, Lưu Bang lộ vẻ hoảng sợ :"Ta cứ ngỡ rằng nhà ngươi chính là sứ giả của Á phụ, hoá ra lại là sứ giả của Hạng vương !" Đoạn cho dọn mâm cỗ Thái lao đi, thay vào đó là mâm cỗ xoàng xĩnh. Sứ giả quay về thuật lại với Hạng vương, quả nhiên Hạng vương đã bị đánh lừa ; nghi Phạm Tăng đã tư thông với Hán vương, dần dần tước hết quyền bính của Phạm Tăng. Phạm Tăng vô cùng tức giận : "Mọi chuyện trên đời đã được định đoạt, quân vương tự lo liệu lấy". Đoạn phẫn uất bỏ đi. Đó chính là sự đánh giá và tâm địa của Hạng vương.

Hạng Võ muốn bá chiếm thiên hạ, nên chưa bao giờ chịu một ai. Từ thuở thiếu thời, ông ta đã nhìn thấy cái

oai phong của Tần Thuỷ Hoàng trong truyện Đông du, cứ hễ mở miệng ra là một tấc đến trời, đầy những hảo ngôn tráng ngữ. Còn Lưu Bang ư, lại tỏ ra khiêm nhường nhẫn nhục, chẳng hạn như việc hạ mình ở Hồng Môn, một nỗi nhục của nhà Hán, chạy hết chỗ này đến chỗ nọ, hốt hoảng như chó bị xua đuổi chạy cong đuôi. Cách xử sự khiêm nhường của Lưu Bang, dưới con mắt của Hạng Võ đã trở thành một định kiến, cho nên lần vây hãm Vinh Dương Cơ thành ấy, Lưu Bang binh lực hao hụt, lương thực đã cạn phải giả kế xin hàng, dưới con mắt ngạo mạn chẳng ai hơn mình của Hạng Võ, cũng chỉ là một thứ đã được dự đoán từ trước. Bây giờ chúng ta thử xem xét các kế trá hàng của Lưu Bang, nào đâu trực diện ra hàng, mà chỉ gái đẹp đi trước, kế đến mới là quân sỹ đủ áo giáp, cung kiếm đánh lừa đối phương, rồi mới liều chết phá vây. Còn về binh lính Sở, thấy gái đẹp lòng vẫn không nao núng, vẫn vây chặt bốn phía, khi quân Hán bị chết chìm đã trở thành cái thế không thể đảo ngược được, thì bỗng nhiên xa giá của Hán vương xuất hiện, đồng thời cho người tung hô hàng Sở, dưới con mắt của binh lính Sở, há chẳng phải là chuyện hợp lý đó sao? Quân Hán đã ở vào thế dẫy chết, không thì tất phải chịu diệt vong, đó là tâm lý của binh lính Sở. Lưu Bang đã nắm chắc tâm lý của binh lính Sở, vì thế đã cài thế thoát hiểm một cách tài tình.

Dù là Lý Quảng lừa địch hay Lưu Bang trá hàng, điều cốt lõi là sự quyết đoán trong chớp nhoáng, tổng hợp được các nhân tố không gian, thời gian và con người. Tôn Tử

nói : "Việc binh nghe nói nhanh chóng mà sơ suất, chứ chưa thấy rề rà chậm chạp mà khéo léo. Trù trừ do dự, sẽ mất thời cơ. Khéo cũng hoá vụng, hay cũng hoá dở".

Thời Xuân Thu công tử Củ của nước Tề chạy sang nước Lỗ, công tử Tiểu Bạch chạy sang nước Cử (///). Chẳng bao lâu sau, vua Tề bị giết chết, nước Tề không có vua. Công tử Củ và công tử Tiểu Bạch vội vã quay về nước Tề tranh giành ngôi báu. Cả hai cùng về nước Tề một lúc, hễ ai bước vào cung trước sẽ làm vua, cả hai không ai nhường nhịn nhau. Quản Trọng phụng sự công tử Củ lúc này vội vã giương cung lắp tên nhằm vào công tử Tiểu Bạch. Mũ của tên sắn có móc (ngạch?), công tử Tiểu Bạch vờ bị trúng tên ngã nhào. Quản Trọng ngỡ rằng công tử Tiểu Bạch đã chết, mừng rỡ thưa với công tử Củ : "Công tử, người yên trí bước lên ngôi báu quân vương, công tử Tiểu Bạch đã chết rồi." Chính lúc ấy Bào Thúc, phù tá công tử Tiểu Bạch, nhằm lúc Quản Trọng sơ suất, cho xe đưa công tử Tiểu Bạch vào cung, công tử Tiểu Bạch lên ngôi hoàng đế, ông ta chính là Tề Hoàn Công thứ bá thời Xuân Thu. Xem ra, kế của Công tử Tiểu Bạch chẳng có gì ghê gớm, ngoài chuyện về chết. Nhưng xét cho cùng, cái kế vờ trúng tên ngã gục lại là một chuyện không mấy ai tính nổi. Người bình thường nếu rơi vào cảnh ngộ khốn quẫn như vậy thì hốt hoảng, vô phương xử thế, trong trường hợp này, tên lại có ngạnh, còn sống đã là may tự mình cảm thấy sung sướng quá đỗi rồi, làm sao nghĩ ra được kế vờ trúng tên ngã nhào để đánh lạc hướng kẻ thù, làm

cho kẻ thù tưởng thật mà lơ là, mất cảnh giác. Thông thường, khi rơi vào cảnh ngộ ấy, trong chớp mắt đã ẩn mình là đã đạt đến đỉnh cao của "Thượng binh phạt mưu". Tôn Tử nói : "Cho nên kẻ thiện chiến không cần đến cách đánh hiểm lạ mà chiến thắng, không cần trí mà nổi tiếng, không cần dũng mà lập công". Trương Dự chú rằng : "Mưu kế sâu xa sẽ giành được chiến thắng từ chỗ vô hình, thiên hạ không nghe nói có tài trí dự đoán tình hình địch mà giành được chiến thắng, không thấy cảnh chém tướng nhổ cờ". Há chẳng phải ông ta đã nói về Hoàn công đó sao?

"Không nghe nói có tài trí dự đoán tình hình địch mà giành được chiến thắng, không thấy cảnh chém tướng nhổ cờ" mới thật là cái tinh tuý nhất của mưu quyền. "Tính kế trong lều quyết giành thắng lợi từ xa vạn dặm". Thật không hổ thẹn với các hào kiệt, trong khoảnh khắc nguy cấp ấy mà tìm được lối thoát từ trong cái vô hình thì quả là đáng quý. Cái trước là loại mưu mô tính sẵn từ trước, cái sau là kế tức thời không chuẩn bị trước, càng cho ta thấy gốc rễ của mưu kế.

Mùa xuân năm thứ ba mươi ba, Lỗ Hy công (năm 627 trước CN) Mãnh Minh, tướng nhà Tần đưa quân, tiến về phía Đông, mưu toan chiếm lấy nước Trịnh không hề phòng hộ. Huyền Cao, là thương nhân nước Trịnh muốn đi đến vương thành Đông Chu buôn bán. Khi đến bên ngoài cửa Bắc thành Lạc Dương thì chạm phải cánh quân tướng nhà Tần mới đến đánh Huyền Cao. Sau khi biết ý đồ của quân Tần, lập tức cho người mang thư về nước cấp báo cho

Trịnh Mục công, còn tự mình đóng giả là sứ thần của nước Trịnh, điềm nhiên, hào phóng, cho chọn bốn tấn da thuộc, mười hai con bò uý lạo tướng sĩ quân Tần. Huyền Cao gặp Mãnh Minh, liền thưa : "Quốc quân chúng tôi nghe nói quý quân sắp đến thăm Trịnh quốc, liền sai hạ tuần đến đây thăm hỏi các ngài. Nước Trịnh tuy không được giàu có cho lắm. Nhưng thấy các ngài đường xa vất vả, có rất muốn cung cấp phương tiện. Nếu quý quân trụ lại, các ngài cần gì, Trịnh quốc sẽ lo chu tất, nếu quý quân xuất chinh, đêm đầu tiên, quân Trịnh sẽ tuần tra canh phòng cho quý quân." Trịnh Mục công được tin quân tướng Tần sắp đánh Trịnh quốc, lập tức bố trí lực lượng, chuẩn bị nghênh chiến. Quay lại kể tiếp, Mạnh Minh sau khi nghe Huyền Cao nói một thôi một hồi, vô cùng kinh ngạc, nói với các khanh tướng : "Nước Trịnh đã chuẩn bị sẵn sàng đánh bây giờ sẽ không đánh nổi vây thành thì không có viện binh. Thôi cho rút". Thế là Mạnh Minh sau khi đưa quân tiêu diệt nước nhỏ Hoạt quốc, vội vã kéo quân quay lại nước Tần.

Rất mưu trí và cũng rất tự nhiên, Huyền Cao đã tỏ ra rất bài bản, rất nhũn nhặn, nhưng trong cái nhũn nhặn ấy vẫn có cứng rắn, làm cho tướng nhà Tần Mãnh Minh bó tay, không biết phải làm gì. Thử nghĩ xem, Mãnh Minh vốn đã muốn tập kích bất ngờ như "sấm xuân không kịp bịt tai" vậy, không ngờ người nước Trịnh lại nhanh tai nhanh mắt đến thế, đã tóm được quân cơ. Lại còn cho người "uý lạo" dọc đường, dụng ý gì đây? Phải chăng giữa đường sẽ

được "đón bằng những trận phục kích? Cũng chưa biết chừng ! Cho nên, tạm lui quân lúc này là sáng suốt là biện pháp duy nhất.

Cái trí của người thương nhân đó quả là siêu phàm. Thời Xuân Thu, Phạm Lãi phò tá Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô rửa cái nhục Hội Kê. Trong bữa tiệc mừng công ông ta linh cảm thấy cái thần thái khác thường của Câu Tiễn dứt khoát treo mũ bỏ đi. Theo đuổi nghề buôn bán. Ông ta áp dụng một phương sách đặc biệt : "Người chê thì ta nhận, người cần thì ta cho". Trong vòng 10 năm liền thì đã có 3 lần được hàng ngàn lạng vàng, giàu có như một vương hầu. Thương nhân Lã Bất Vi buôn bán càng lớn hơn, đã leo lên tới chức tướng. Huyền cao độ 4 tấm da trâu, mười hai con trâu để tránh cho nước Trịnh không phải gánh chịu binh đao. Về mặt trí tuệ như nhau điều đáng quý là ứng phó kịp thời, nào đâu cứ là kẻ buôn bán hay quan lại nắm quyền !

Năm thứ năm Long An Tấn An Đế (Sau công nguyên năm 401), lãnh tụ phong trào nông dân nổi dậy Tôn Ân cầm quân đánh chiếm Hải Diêm (nay là huyện Hải Diêm tỉnh Triết Giang). Tấn Bắc phủ Lưu Dụ xây thành cố thủ. Tôn Ân liên tục công phá, tình thế vô cùng bất lợi. Nhưng Lưu Dụ thừa biết rằng, trong thành quân ít. Khó lòng chống chọi lâu dài. Một đêm, Lưu Dụ hạ lệnh cuốn cờ dấu quân, vờ như không còn binh lính nữa. Trời vừa sáng, lệnh mở cửa thành, cho người già yếu bệnh tật, tàn phế lên thành

nhìn ngóng xung quanh. Tướng sĩ của Tôn Ân nhao lên nghe ngóng ra, một người trả lời : "Nhân đêm tối đã bỏ chạy hết", quân Tôn Ân tưởng thật, như đàn ong xông vào. Ngay lúc đó, quân Tấn từ bốn phía vùng dậy, gào thép vang trời. Quân Tôn Ân bị bất ngờ hốn hoảng, không biết xử lý ra sao bỏ chạy tán loạn. Tôn Ân đành phải cho rút lui.

Theo binh pháp : "Có mười thì vây, có năm thì công, có gấp đôi thì đánh, ngang sức nhau thì chia nhỏ ra, ít hơn thì giữ, không được thì tránh".

Tôn Ân rốt cục có bao quân lính, sử không còn lưu lại, nhưng chắc chắn ông ta đủ năng lực thắt chặt vòng vây công phá Hải Diêm. Quân lính ít ra cũng gấp 5 lần quân Tấn, cho nên Lưu Dụ vườn không nhà trống, bỏ ngỏ thành, cho rút quân, điều đó dưới cách nhìn của Tôn Ân cũng hợp lý thôi. Lưu Dụ binh lực tuy ít, nhưng cũng đã nhiều lần quấy phá Tôn Ân, sĩ khí cũng tương đối. Tôn Ân dựa vào ưu thế về binh lực, đang háo hức giành phần thắng, nghe tin Lưu Dụ bỏ thành chạy trốn, sướng quá, nào ngờ Lưu Dụ rắp tâm đánh phục kích bằng một nhóm quân nhỏ. Đến khi quân phục kích của Lưu Dụ từ bốn phía nổi lên, quân Tôn Ân đã bó tay, binh lực tuy còn khó nói, nhưng ý chí thì đã tiêu tan, không thể tiếp tục chiến đấu được nữa, đành phải tháo lui. Mưu kế của Lưu Dụ là ở chỗ tạo ra giả tượng, làm mê hoặc đối phương, hiệu quả là đánh bất ngờ đối phương trở tay không kịp.

Năm thứ bảy Hậu Lương Trinh Minh (năm 915 sau công nguyên). Tướng lĩnh nhà Hậu Lương là Lưu Tầm được tin nhà Hậu Tấn tập kết quân chủ lực ở Nguỵ Châu (nay thuộc phía đông huyện Độc Danh tỉnh Hà Bắc), bỏ trống Tấn Dương (nay thuộc Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) bèn quyết định tập kết bất ngờ vào Tấn Dương. Lúc bấy giờ Lưu Tầm đang đồn trú ở Huyện Thuỷ (nay thuộc phía tây huyện Đại Danh Hà Bắc), nếu công khai đưa quân đến Tấn Dương, sẽ bị quân Tấn chặn đánh. Trên tường thành nơi Lưu Tầm đồn trú có xây nhiều tường thấp hình răng cưa, gọi là "điệp". Thường thì lính canh vác cờ đi lại tuần tra trên đó. Quân Tấn chỉ cần nhìn thấy lính canh và cờ xí, biết ngay người cai quản hiện đang có mặt. Để che mắt địch, cho dắt mấy con lừa lên bức tường thành hình răng cưa ấy, huấn luyện cho chúng cứ đi đi lại lại trên đó như là có lính canh, buộc trên lưng lừa hình người nộm được bó lại bằng cỏ, cắm cờ lên, những con lừa cứ đi đi lại lại, giống như vẫn có lính canh. Quân nhà Lương được sự yểm hộ của những con lừa, cấp tốc rút khỏi Huyện Thuỷ, tiến thẳng vào đất Tấn. Đến khi quân Tấn biết được đầu đuôi ngọn ngành, là quân nhà Lương đã biệt tăm biệt tích. Không còn bóng dáng nữa.

Che mắt địch, đâu phải là chuyện gì khó khăn lắm, bố trí vài người già yếu, bệnh tật đi lại trên tường thành hình răng cưa ấy là đủ, nhưng khi địch phát hiện ra, thì chúng tức điên lồng lộn, tóm được ai là đâm chém cho hả giận là chuyện khó tránh khỏi. Lưu Tầm không gài lại

bất cứ một ai, nên không mất một người lính nào. Mượn bóng lửa để rút quân, quả thật là một màn tuyệt diệu và mới lạ.

Thuật đánh lạc hướng bằng cách lấy cái giả làm cho đối phương tưởng là thật, không những thường xảy ra khi hai nước giao chiến với nhau. Mà cũng thường gặp ngay trong cả các cuộc tranh giành quyền bính trong nội bộ cung đình.

Thời Tam quốc, sau khi Ngụy Minh Đế chết, ấu chúa Tào Phương lên ngôi kế vị. Đại tướng quân Tào Sảng và Thái uý Tư Mã Ý cùng phụ chính. Tào Sảng lợi dụng điều kiện có lợi là chính bản thân mình thuộc tông tộc họ Tào, cận kề thần tín, vô hiệu hoá Tư Mã Ý. Tư Mã Ý thấy vậy, đã tránh mũi dáo chĩa vào mình của Tào Sảng, cáo ốm không ngự triều, ngấm ngầm chờ dịp thời cơ giành lại triều chính. Một hôm triều đình bổ nhiệm Lý Thắng làm Kinh Châu Thích sử, Tào Sảng gọi ý Lý Thắng tới chào Tư Mã Ý. Nhân đó dò xét thái độ Tư Mã Ý. Tư Mã Ý quả không bình thường. Khi tiếp Lý Thắng, Cho hai tỳ nữ dìu hai bên, mặc quần áo cũng không tự làm lấy được, mấy lần đánh rơi xuống đất ông ta lại đưa tay chỉ vào mồm, tỏ ý khát nước thị tì vội vàng bê một bát cháo loãng. Tư Mã Ý vừa uống vừa ăn làm vương vãi, ngực ướt mềm cháo vãi, làm cho Lý Thắng kìm lòng không đành cũng oà lên khóc. Một lát sau, Tư Mã Ý thở hổn hển: "Ta già cả, lắm bệnh tật, chỉ sống nổi ngày một ngày

hai, nếu người đến nhậm chức ở Tịnh Châu, ở đó liền với đất của người Hồ, phải lo liệu sao cho ổn thoả... Ta e rằng khó lòng gặp lại được nhà ngươi một lần nữa... !" Lý Thắng vội vàng cải chính : "Tôi vừa về tới bản châu để nhậm chức, chức không phải Tịnh Châu đâu !" Tư Mã Ý vẫn cố tỏ ra lẩm cẩm : "Khi mới đến Tịnh Châu hãy gắng giữ mình" Lý Thắng nói : "Tôi phải đi Kinh Châu, chứ đâu phải Tịnh Châu". Tư Mã Ý như chợt tỉnh ngộ : "Ta tuổi già lẩm cẩm, không hiểu nổi lời của ngươi. Ngươi sẽ làm quan Thích Sự ở chính châu này. Tu nhân tích đức, hãy lập công lớn. Sau lần gặp gỡ này, e khó gặp lại, mong nhà ngươi tầm sư học đạo, chiêu dụ anh em bè bạn, thưa lại với họ chút lòng mọn của ta". Nói đoạn nước mắt nước mũi trào ra, thở hổn hển. Lý Thắng thấy Thái uý ngôn từ lảm nhảm, chẳng đâu vào đâu, không thể nói tiếp gì hơn, vội vã cáo từ, thưa lại cho Tào lãng hay : "Thái phụ lời ăn tiếng nói đã tới mức lẩn lộn lẩm cẩm, mồm không ngậm nổi cái cốc, chỉ nam nói bắc, hết phương cứu chữa, thật đáng thương". Tào lãng nghe thấy thế thở phào nhẹ nhõm, không phải cảnh giác Tư Mã Ý nữa. Chẳng bao lâu sau, Tào Sảng theo Tào Phương đi viếng lăng Cao Bằng. Tư Mã Ý nhân cơ hội này dấy binh chiếm kho vũ khí, buộc anh em nhà Tào Sảng bãi binh, rồi tống giam giết chết, nắm giữ triều chính mở đường đưa họ Tư Mã lên thay họ Nguỵ.

Thảm thương thay bộ mặt Tư Mã Ý ! Già nua tiều tuỵ quần áo cũng không tự mặc lấy được nữa ; mồm không

húp nổi bát cháo, nói năng không còn minh mẫn nữa, nước mắt nước mũi dàn dụa... đến mức chẳng mấy nỗi sẽ lìa đời. Chỗ thân tình, ai ai cũng ngậm ngùi. Con người coi như đã bỏ đi ấy sức lực đâu mà lo chuyện đấu đá trong cung đình, cho nên Tào Sảng coi thường, mất cảnh giác đối với Tư Mã Ý là hợp lý, có gì là lạ. Điều cần phải nói là Tư Mã Ý chắc chắn, phi thường. Những ngón đòn Tư Mã Ý biểu diễn trước mặt Lý Thắng, thì ngay cả diễn viên chuyên nghiệp thì cũng phải lạo tâm khổ tứ, dồn hết tâm sức mới nhập cuộc được như thế. Mà Tư Mã Ý trọn đời binh nghiệp chính trường nhất thế, trăm công ngàn việc, kỹ xảo tuyệt diệu ấy không biết ngài học được từ bao giờ?

Những màn kịch này đâu phải dòng họ Tư Mã sáng tác ra ! Từ thời Chiến quốc đã có tiền lệ. Như chuyện Tôn Tẫn giả điên để lừa Bàng Quyên đã nhắc tới trong chương III chẳng hạn. Trong "Thuyết uyển, Quyền mưu" Lưu Hướng có viết : "Mưu có hai mặt, một mặt để tri mệnh, một mặt kia để tri sự". "Tri mệnh" là dự kiến trước nguồn gốc của mọi chuyện hoạ, phúc, tồn, vong; biết trước khả năng thịnh, hưng, suy, phế, ... để đề phòng mọi khả năng khi đang còn trong trứng nước, tránh được những tai hoạ vô hình. Nếu ai đó, sống thời loạn lạc mà không hại ai, thì khi sống trong thời thiên hạ thái bình tất sẽ nắm được quyền bính trị vì thiên hạ. Những người hiểu biết như vậy cũng đáng được coi trọng, thấy sự việc xảy ra, mà đoán biết được việc được, mất, thành, bại, kết cục cuối

cùng sẽ ra sao, từ đó tránh được sạt nghiệp khuynh gia bại sản. Khổng Tử nói : "Đáng được dùng cho đạo, chưa thể dùng cho quyền". Ấy, không phải là người biết tri mệnh tri sự thì làm sao có thể có được thuật quyền mưu". Từ đó cho ta thấy. Tuy Tư Mã Ý không nói lên được : "Đề phòng ngay từ lúc còn trong trứng nước, tránh được hậu hoạ vô hình". Nhưng lại có thể "Sống trong thời loạn lạc, mà không hại ai, thì đến lúc thái bình yên ổn, tất sẽ nắm được quyền trị vì thiên hạ". Còn về câu "biết phân rõ được mất, thành bại", "không khuynh gia bại sản" thì chẳng có gì đánh tranh cãi nữa. Họ Tư Mã thay Nguỵ dựng lên triều Tấn, thống nhất toàn Trung Quốc, tạc vào sử xanh vẫn còn ngời sáng.

Còn về Tôn Tẩn cả thời thiên tài xuất chúng. Nhưng luôn bị Bàng Quyên chèn ép, không những thế, còn bị án xử chặt đứt bàn chân. Oan khốc không kêu ai cho được. Rất có thể, cứ một lần vấp ngã dạy cho người ta khôn ra, sau này khi Tề Nguỵ đánh nhau, Tôn Tẩn chơi lại Bàng Quyên như trở bàn tay, dồn Bàng Quyên tới bức đường cùng phải chết, đến lúc này Tôn Tẩn trù liệu công việc như thần như thánh, làm cho người ta loé mắt. Khác hẳn với sự giả ngây giả ngô, giả điên giả dại trước đây. Tài trí của ông ta cứ như một trời một vực.

Lưu Hướng còn nói rằng : "Mưu quyền cũng có chính có tà. Mưu quyền của kẻ quân tử là chính trực, thì mưu quyền của kẻ tiểu nhân là gian tà. Người chính trực, thì

kế sách mưu quyền của họ là đúng đắn, công bằng, luôn thành tâm với trăm họ : còn kẻ gian tà, háo tư thượng lợi, luôn tìm cách lừa dối mọi người. Lừa đảo thì sẽ loạn, thành tâm thì sẽ yên ổn" Lưu Hướng phán đoán rằng tiêu chuẩn của giá trị chính hay tà của mưu quyền là sự lừa lọc hay chân thành đối với mọi người. Từ đó suy ra, Tư Mã Ý dùng cách nói năng lấn thấn để đánh lừa Tào Sảng, ngụ ý là : Trước hết giữ mình, giữ trọn vẹn cho gia tộc, sâu xa thì họ Tư Mã sẽ thay Ngụy, mưu này là chính hay tà? Khi hai nước xảy ra binh đạo, vờ như thân thiện với nhau, cài gián điệp vào nhau, ai làm chủ người ấy, thì chính tà phân định thế nào? Phàm là mưu mô thuộc vào họ quỷ kế, có liên quan gì tới "chính", sao lại phân định chính tà ở đây ! Mưu mô bao giờ cũng là những thủ đoạn người ta dùng nó để đạt được một mục đích nhất định nào đó. Những mục đích đó, đặt trước cái thước đo giá trị về luân lý hay chính trị, sẽ lập tức chia ra chính hay tà, hoặc công minh chính đại, hoặc vì lợi ích riêng, hoặc thành tâm vì trăm họ hoặc lừa dối mọi người. Nhưng những thủ đoạn đó lại có thể vượt hẳn lên trên chính và tà. Chẳng hạn như con dao, vừa có thể dùng nó để thái, làm thức ăn ngon, nhưng cũng có thể dùng nó để chém giết. Dùng để làm món ăn ngon hay dùng để giết chóc, mỗi cách dùng đều có luận thuyết đạo đức luận lý riêng, còn bản thân con dao ư, chẳng có gì đáng nói, mọi người chỉ vì con dao ấy đã từng được dùng để giết người mà oán giận căm ghét sự sắc ngọt của nó.

Ngược lại, cái mà người ta đáng quan tâm tới chính là con dao đó có sắc hay không, cũng giống như người ta thường quan tâm tới mức độ lớn nhỏ công dụng của mưu kế. Lượng hiệu quả của mưu kế mới là tiêu chuẩn để xác định mức độ hay dở. Hoặc là chỉ thích hợp nhất thời, hoặc có tác dụng lâu dài : mưu kế nào chỉ có tác dụng nhất thời thì gọi là hạ thừa, có tác dụng lâu dài thì gọi là thượng thừa.

Quyền tướng Tần Khoái thời Cao Tông Nam Tống, do mưu hận tướng chống nhà Kim là Ngạc Phi nên bị đóng đinh lên cây cột sỉ nhục của lịch sử, đã để lại nỗi ô nhục muôn đời. Hãy tách riêng công và tội của lịch sử không bàn tới ở đây, thì sự thông minh sắc sảo tinh ranh sáng dạ này sinh ra bột phát trong khi làm việc, không để lại dấu vết gì, của con người ấy sao mà diệu kỳ đến thế.

Trong Tần tướng phủ có một cây lựu. Cái cây này không biết nhận được linh khí từ đâu, mà quả thì to, dáng đẹp, ruột ngọt, vì vậy mà Tần Khoái rất quý. Mỗi khi đến vụ thu hái, hàng ngày, mỗi buổi tối Tần Khoái đều cất công tìm đếm từng quả. Một buổi sáng Tần Khoái phát hiện thiếu một quả, vừa hoảng hốt vừa tức giận, nhưng không lộ thần sắc. Ông ta cho gọi toàn bộ người ăn người ở trong nhà lại, dặn người quản gia : "Cái cây này ta chẳng cần nữa, cho loại bỏ nó đi". Một kẻ đầy tớ vội vàng bước lên khuyên can : "Xin đừng phá nó đi, quả cây lựu này rất ngon !" Tần Khoái bật cười ha hả, hỏi người đầy tớ

nọ : "Thế thì chính mày đã ăn vụng lựu của ta? " Tên đầy tớ cúng họng không sao chối cãi được, ngoan ngoãn thừa nhận.

Đó là một câu chuyện dí dỏm nho nhỏ trong cuộc sống. Tần Khoái trong hoạt động quốc gia không thiếu gì những mưu ma chước quỷ, nhưng chỉ thích hợp với cái trước mắt. Khó mà có được những kế hay mang tính lâu dài, to lớn.

Khi Tần Khoái đang nắm quyền, có một thời gian rất hiếm tiền mặt, đến nỗi hàng họ không sao mua bán được. Không khí thật căng thẳng. Phủ doãn Hàng Châu Tào Vinh lo lắng lắm, vội vàng đến tìm Tần Khoái. Tần Khoái nói : "Rất dễ ! Có gì là khó". Lập tức cho gọi Văn tư viện quan đến, dặn : "Vừa mới nhận được thánh chỉ. Chuẩn bị đổi tiền : nhà ngươi căn cứ tỷ lệ trộn lẫn giữa vàng và thiếc đúc một xâu (mỗi xâu 1000 đồng xu) trình lên để quyết định. Tiền giấy sẽ loại bỏ hoàn toàn. Trưa mai phải đúc xong tiền mẫu". Sau khi Viên quan lĩnh dụ lập tức cho đúc suốt ngày đêm. Các nhà quyền quý, giàu có nghe tin, đổ xô đem tiền ky cóp được đi vơ vét hàng hoá, làm giá cả cứ tăng vùn vụt tiền mặt đầy ngập thị trường. Sau khi Văn tư viện quan đem tiền mẫu mới trình lên xong, sẽ không gì để viết tiếp nữa (ý nói chuyện đổi tiền không xảy ra nữa)

Loại mưu kế biến giả thành thật, việc vận dụng vào đời sống chính trị và kinh tế của một nước và việc vận

dụng vào chiến tranh, hiệu ứng của nó trên toàn cục có những khác biệt rõ ràng. Khí vận dụng vào chiến tranh có thể mang về hiệu quả nhất thời, hoặc đạt được ý đồ lâu dài. Chẳng hạn như việc Lý Quảng lừa kẻ thù, Lưu Bang trá hàng, hiệu quả nhất thời của nó là bảo toàn được bản thân mình. Còn hậu quả lâu dài, gây cho đối phương một cái ấn tượng hoang mang, lúc giả lúc thật, không sao lường trước được. Mà đó chính là mục tiêu mà các nhà quân sự hằng mong muốn đạt được. Việc nhà binh thường là thiên biến vạn hoá (không có quỹ đạo bình thường) ví thử như : thuỷ chiến là việc rất kiêng kỵ, nhưng lại được các nhà cầm binh hay dùng. Trong đời sống chính trị và đời sống kinh tế thì lại khác ; luôn đòi hỏi sự ổn định, lấy chữ tín làm đầu. Các kế tung tin đổi tiền của Tần Khoái, tuy được cuộc ngay lúc đó, nhưng sự bị mất uy tín và danh dự suốt đời, cái hậu quả xấu của nó về sau chúng ta thấy một cách rõ ràng. Còn cái kế giả điên dại ngây ngô của Tôn Tẫn và Tư Mã Ý, chúng ta cũng chẳng cần bàn thêm. Việc đấu tranh trong nội bộ cung đình cũng đại loại như cái cuộc giao tranh giữa hai đội quân, một mất một còn, cái điều cốt lõi đáng quý cốt sao bảo vệ được mình, có bảo vệ được mình mới có thể có cái hiệu quả lâu dài được.

Những mưu mô lừa bịp trong các cuộc đấu tranh chính trị không phải hoàn toàn không dùng được, điều cốt lõi là làm được bỏ được, nói năng tròn trĩnh, lý luận thông suốt.

Năm thứ sáu nhà Hán (năm 201 trước công nguyên) có người dâng sớ lên triều đình, tố cáo Sở vương Hàn Tín mưu phản. Lưu Bang hỏi Trần Bình phải xử lý như thế nào. Trần Bình hỏi lại : "Việc này có người nào khác biết?" Lưu Bang trả lời "Không". Trần Bình lại hỏi : "Hàn Tín có biết không?" Lưu Bang đáp "Không biết". Trần Bình lại hỏi : "Tinh binh của Cao đế, so với nước Sở ra sao? " Lưu Bang đáp : "Không bằng Sở". Trần Bình lại hỏi "Tướng lĩnh của bệ hạ cầm quân đánh nhau có giỏi giang hơn Hàn Tín không?" Lưu Bang trả lời : "Không sánh nổi với Hàn Tín !" Trần Bình phân tích thêm : Quân lính của Bệ hạ không tinh nhuệ bằng Hàn Tín, tướng lính cũng chẳng phải là đối thủ của Hàn Tín, nếu dấy binh thảo phạt, buộc Hàn Tín phải ứng chiến. Thần cho rằng bệ hạ sẽ cảm thấy không yên ổn". Lưu Bang vội hỏi : "Thế thì phải làm thế nào?" Trần Bình đáp : "Thời xưa, thiên tử có nghi lễ tuần hành thiên hạ, gặp gỡ các chư hầu. Ở miền Nam có đầm Vân Mộng (Vân Mộng trạch), Bệ hạ chỉ cần vờ xuất du Vân Mộng trạch, gặp gỡ các chư hầu ở Trần Châu. Trần Châu ở phía tây ranh giới nước Sở ; Hàn Tín nghe tin thiên tử vui vẻ xuất du, tất chẳng chút nghi ngờ gì sẽ ra khỏi thành đón bệ hạ. Khi bái yết bệ hạ, bệ hạ nhân đó cho bắt Hàn Tín. Đó chẳng qua chỉ là việc của một vô sỏ phải làm mà thôi". Lưu Bang dẫn đo suy nghĩ, rồi cho thực hiện theo kế đó. Khi Lưu Bang chưa tới Trần Châu, Hàn Tín quả nhiên đã lên đường đi đón, tự cho đầu vào rọ.

Sự cao kiến của Trần Bình là ở chỗ đưa Hàn Tín vào cái bẫy không thể không theo, tự dấn thân vào thòng lọng. Thiên tử tuần du đến đất Sở, Sở vương Hàn Tín sao dám không đi đón thiên tử? Đó là điểm thứ nhất, còn điểm thứ hai, thiên tử xuất du là một cử chỉ vui vẻ tốt lành, chuyện bắt bớ, chém đầu phải chọn ngày khác, đó là lẽ thường phải vậy. Hàn Tín trí dũng song toàn nhưng phải chịu thua Trần Bình. Lưu Bang tuy dùng kế đánh lừa để bắt Hàn Tín, nhưng do Hàn Tín muốn làm phản, điều đó tựa hồ như không có gì đáng chỉ trích. Giả dụ Lưu Bang tuyên bố dấy binh đi thảo phạt Hàn Tín, thì thiên hạ mới yên bình, binh hoả lại nổi lên, dân chúng lầm than, có lợi gì cho nước cho dân? Cho nên, kế Vân Mộng tuy là kế đánh lừa, nhưng dân lại không cho là vậy, vẫn tỏ ra sáng suốt hợp lẽ đời.

II. CÁI THẬT MẠO LÀM CÁI GIẢ

Lấy cái thật mạo làm cái giả là loại mưu kế mà chủ thể của mưu kế lấy cái đích thực mạo là cái giả, lấy cái đúng mạo là cái sai, từ đó mê hoặc khách thể của mưu kế, giành thế chủ động về mình.

Chú của Tấn Nguyên đế là Tư Mã Ý bị Thành đô vương Tư Mã Đĩnh bức hại, bí mật trốn thoát, chạy đến bờ sông bị Tân lại (ông quan trong nom việc giữ đê) chặn lại. Tuỳ tùng Tông Điển của ông ta đuổi kịp, thấy Tư Mã

Ý bị chặn lại liền dùng roi ngựa quất nhẹ lên người Tư Mã Ý, nói : "Xá trưởng (xá : xưa cứ 30 dặm, mỗi dặm 500 m gọi là một xá. Xá : cũng chỉ là nhà ở của chính mình với ý khiêm tốn) quan phủ thì kiểm soát quý nhân, còn người là kẻ vô danh tiểu tốt mà tự nhiên cũng bị kiểm soát ư? " Nói đoạn, hai người nhìn nhau cười ha hả, quan Tân lại nghi hoặc ngần ngại nhưng rồi cũng cho qua, thế là Tư Mã Ý thoát thân.

Đó là một kiểu lấy thật làm giả, lấy cái đúng vờ cái sai, vận dụng nó đúng giờ, đúng chỗ, đúng lúc, nhỏ thì có thể tai qua nạn khỏi, giữ được an toàn cho bản thân mình, lớn thì bảo toàn được lực lượng, làm cho đất nước yên bình.

Năm thứ 4 đời nhà Hán (năm 203 trước Công nguyên). Hán vương Lưu Bang và Sở Bá vương Hạng Vũ xây thành đắp luỹ chống chọi nhau hàng tháng. Sở Hán giao tranh, binh hoả hết năm này qua năm khác, nhân dân điêu đứng lầm than. Hạng vương không sao kiềm chế được nữa muốn đơn phương thách đấu với Hán vương bèn khích Hán vương : "Thiên hạ vì hai chúng ta binh hoả liên miên mà rối rắm hỗn loạn đã hàng năm trời, ta cam nguyện một thân một mình thách đấu với ngươi một phen sống mái : chớ để thiên hạ trăm họ vì hai chúng ta mà cam chịu cảnh thống khổ do chiến tranh loạn lạc." Hán vương đáp lại : "Ta chỉ có thể đấu trí chứ không đấu nhau bằng sức mạnh". Tiếp đó kể ra 10 cái tội lớn của Hạng Vũ. Hạng Vũ tức giận lắm

dương cung bắn trúng Hán vương. Hán vương bị dính tên ở ngực, nhưng lại lấy tay ôm bàn chân gào : "Tên vua ngố ngược Hạng Vũ đã bắn trúng chân ta !" Lưu Bang không sao chịu nổi đau đớn, nằm lăn trên giường. Trương Lương đến Lưu Bang dậy ra động viên tướng sĩ, Hán vương tuy bệnh tình nặng thêm, nhưng quân tình lại được ổn định.

Theo "Sử ký", Lưu Bang, tính tình tác phong có phần vô lại. Hạng Vũ một mình đứng ra thách đấu với ông ta, ông ta không chút hổ thẹn chỉ đấu trí, không đấu lực". Lúc thoạt tiên bị quân Sở đuổi theo giết chết, thấy xe chạy quá chậm, Lưu Bang liền xô con trai của chính mình xuống xe. Đằng Công không đành lòng, thường xuống xe kéo lên đến 3 lượt. Dằng Công chất vấn Lưu Bang : "Tình thế thì nguy cấp thực, nhưng tại sao lại nhẫn tâm thế? " Lưu Bang trả lời ra sao, sử sách không chép lại. Có lẽ là không tiện nói ra. Đại để là Tư Mã Thiên khi viết "Sử ký", về Cao tổ nhà Hán không thể không tránh né. Lần đọ sức ấy, Lưu Bang ở bên trong tường cao kiên cố không ló mặt ra, Hạng Vũ không có cách gì dụ cho được Lưu Bang ra được bèn đem bố của Lưu Bang đặt lên trên một cái bệ trên cao (nguyên văn : đặt lên trên cái thớt trên cao. Cái thớt để thái thịt thái rau, hoặc là cái mâm để bày đồ tế lễ), doạ Lưu Bang "nếu không chịu xuống quyết đấu, ta sẽ đem Thái công (bố Lưu Bang) xào nấu làm thức ăn". Lưu Bang trả lời : "Ta và Hạng Vũ đã cùng thụ mệnh với Sở Hoài vương, thề với nhau kết nghĩa anh em. cho nên cha ta cũng là cha người, nếu nhà ngươi nhất

quyết đem bỏ nhà ngươi ra làm thịt thì nhớ để phần ta một bát canh". Vì thế mà không quyết chiến, nhưng cũng chẳng chịu giảng hoà, bất hiếu bất thuận. Cuối cùng khi đạt được sự nghiệp lớn, mỗi người một cõi, đâu phải là chuyện ngẫu nhiên.

Những cuộc phân tranh về đạo đức luân lý ấy khó mà có mọi định thuyết nào, nhưng có điều là tài ứng khó khôn lường của Lưu Bang quả là bậc siêu nhân. Thử nghĩ xem, mũi tên sạt qua ngực, thì phản xạ tự vệ tự nhiên của mọi cơ thể sống ắt là phải lấy tay ôm lấy ngực, nhưng sự mẫn cảm của Lưu Bang, ngay trong khoảnh khắc đó đã chiến thắng cái phản xạ tự vệ tự nhiên vô ý thức hầu như khó ai vượt qua được độ. Vết thương thì ở ngực nhưng cứ mặc kệ, lại ôm lấy bàn chân, gào : "Tên vua ngố ngược kia đã bắn trúng bàn chân ta !" Thật đáng khâm phục biết dường nào ! Từ đó có thể hiểu được dù rằng Lưu Bang chỉ chụp lên đầu cái mũ trí thức, nhưng các bậc kẻ sĩ trí thức có năng lực đều cam lòng phục vụ ông ta ; Sở và Hán đánh nhau trên 70 trận, Lưu Bang bị bại trận nhiều lần, nhưng không bị mất nước, còn Hạng Vũ thì đã bại trận là mất luôn thiên hạ. Điều kỳ lạ đó, tự nó đã nói nên lên cái nguyên nhân sâu xa của nó. Bởi Hạng Vũ là con người nông nổi. Cũng chính vì vậy, Hạng Vũ cho đến khi chết vẫn chưa tỉnh ngộ ra, còn nói : "Trời làm hại ta, làm cho ta thất bại chứ đâu phải là do chiến tranh !" Đối với việc này, Tư Mã Thiên cũng vô cùng cảm khái : ông vô cùng tiếc rẻ cho Hạng Vũ. Ông phá lệ làm "bản kỷ" cho Hạng

Vũ, không những thế, còn đặt "Hạng Vũ bản kỷ" trước cả "Cao tổ bản kỷ", vẫn chưa thoả mãn, trong "Hạng Vũ bản kỷ", ông còn bình thêm :

Ta nghe Chu Sinh nói : "Mắt vua Thuấn có hai con ngươi", lại nghe nói Hạng Vũ cũng có hai con ngươi. Phải chăng Vũ là con cháu của ông ta? Sao là nổi lên nhanh chóng như vậy ! Nhà Tần làm hỏng mất chính sự, Trần Thiệp đầu tiên khởi nghĩa, hào kiệt nổi lên như ong, tranh giành nhau không thể kể xiết. Hạng Vũ trong tay không có quyền hành gì, thừa thế nổi lên nơi hoang dã, trong ba năm liền đem năm nước chư hầu để tiêu diệt Tần, phân chia thiên hạ, phong các vương hầu, ban ra chính lệnh và tự xưng là "bá vương", địa vị tuy không trọn vẹn nhưng từ tận cổ đến nay chưa có người nào như thế. Đến khi Vũ bỏ Quang Trung, nhớ đất Sở, đuổi Nghĩa đế để tự lập, thế mà lại trách các vương hầu phản mình thì thực cũng khó vậy. Tự khoe khoang công trạng, chỉ dùng cái trí của mình mà không chịu bắt chước người xưa, nói rằng có thể lấy vũ lực dẹp yên thiên hạ, dựng nghiệp bá vương, nhưng chỉ được năm năm thì mất nước, xác ở Đông Thành, thế mà còn chẳng tỉnh ngộ, không tự trách mình, thật là có lỗi. Lại còn có câu "Trời hại ta chứ không phải đánh không giỏi, há chẳng lầm sao !".

Tư Mã Thiên đã đúc rút ra mấy sai lầm lớn của Hạng Võ "Lưng Quan công, lòng nước Sở, lưu đày Nghĩa đế và tự lên ngôi", "Tự cho mình là tài giỏi, làm theo ý mình

mà không chịu theo gương người xưa". "Muốn dùng vũ lực chinh phục bá chiếm thiên hạ". Tất cả những điều đó lại tô đậm thêm tài năng lãnh đạo trác việc của Lưu Bang. Chẳng hạn như việc bị tên ở ngực mà lại ôm lấy bàn chân kêu, tuy đó chỉ là cái cơ trí mẫn cảm tức thời, nhưng cứ chỉ trong khoảnh khắc đó, không những phải thắng cái đau vì bị thương, mà còn phải thắng nổi cái phản xạ tự vệ vô ý thức theo quy luật sống của sinh vật, cho nên không thể nào cào bằng cùng với những sự nhanh trí láu cá khác được. Phàm là những loại mưu kế lấy cái đúng thay cho cái không đúng, lấy cái thật làm rối loạn cái giả, dù rằng chủ để giải nguy tại chỗ, tức thời, ngay lúc đó nó đã chứa không biết bao điều mới, việc trù đi tính lại thì cũng chẳng có liên quan gì.

Đại tướng Tây Ngụy Bắc Triều Vũ Văn Thái trong một trận giáp chiến với Đông Ngụy chẳng may bị tên bay đạn lạc trúng phải từ trên mình ngựa ngã lộn nhào. Tướng sĩ dưới quyền thấy chủ soái ngã ngựa, không biết vì có gì vô cùng hoảng loạn, ùn ùn kéo nhau tháo chạy, chỉ còn lại một mình Lý Mục. Lúc đó, quân Ngụy đã đuổi đến Lý Mục vội vàng lấy cán roi ngựa gõ vào đầu tướng Vũ Văn Thái, quát : "Ngươi thật vô dụng, chủ soái của nhà ngươi đâu? Sao lại bỏ rơi nhà ngươi ở đây? !" Quân Ngụy nghe thấy thế tưởng thật, thả họ ra. Quân Ngụy vừa đi khỏi, cả hai người cùng lên một con ngựa tháo chạy. Bị trúng tên, quân lính đã bỏ chạy hết, liều mạng chống lại thì

không thể được, xin xỏ thì cũng chỉ uổng công, chỉ còn cách đáng lộn sòng biến chủ thành tớ, tớ thành chủ là thượng sách. Khi hiểm nguy ập đến, việc bảo toàn sinh mạng mà thực hiện được, công đức ấy sẽ ghi lại muôn đời.

Nhà đại thư pháp thời Đông Tấn là Vương Hi Chi, lúc còn nhỏ rất được danh tướng Đông Tấn, Kinh Châu mục Vương Đôn yêu quý, vì vậy thường hay ngủ lại nhà Vương Đôn. Một lần, Vương Hi Chi cùng Vương Đôn và Tiền Phượng uống rượu đêm. Qua ba tuần rượu liền xin phép đi ngủ trước vì say. Vương Đôn và Tiền Phượng bàn về việc dấy binh lật đổ triều đình. Lúc ấy, Vương Hi Chi còn chưa ngủ, nghe lỏm được câu chuyện của hai người, lấy làm kinh ngạc lắm; nhận thấy cảnh ngộ của mình giờ đây rất nguy hiểm, liền nôn mửa ra làm dây bẩn cả đầu vờ như ngủ quá say. Vương Đôn đang thao thao bất tuyệt, bỗng dưng sực nhớ ra Vương Hi Chi còn ở trong phòng, bọn chúng hoảng hốt, định giết chết Vương Hi Chi để bịt đầu mối. Nhưng khi hai người vén màn lên xem thấy Vương Hi Chi nôn mửa tung toé, và đang ngủ rất say, thì yên tri và bỏ ý định giết anh ta để bịt đầu mối. Sáng hôm sau Vương Hi Chi, lấy cớ còn về bái vọng bố là Vương Thư, xin phép Vương Đôn ra về. Về đến nhà, Vương Hi Chi bèn thưa lại âm mưu của Vương Đôn và Tiền Phương với bố. Vương Thư và Vương Đạo lập tức biểu tấu lên triều đình, để triều đình nắm chắc giành thế chủ động.

Vương Hi Chi không những có bản lĩnh lấy cái giả vờ như thật, mà còn giỏi biến cái thật hoá mù thành cái giả nữa.

Thái uý nhà Tấn Khích Giám rất mực yêu quý con gái của mình, quyết kiếm cho cô ta một tấm chồng xứng đáng. Nghe nói con trai của Tư đồ Vương Đạo và lũ cháu của ông ta khí độ bất phàm, bèn nhờ một cậu học trò làm mối giúp. Người học trò này đến nhà Vương Đạo, sau khi nói rõ lý do, Vương Đạo liền mời ông ta đến sương phòng phía đông để xem mặt. Người học trò này xem mặt xong quay về nói với thầy giáo mình là Khích Giám : Mấy cậu ấm nhà họ Vương đều khá giả, nghe tin ngài cho tôi tới xem mặt. Người học trò này xem mặt xong quay về nói với thầy giáo mình là Kích Giám : Mấy cậu ấm nhà họ Vương đều khá, nghe tin ngài cho tôi tới xem mặt chọn rể hiền, thì người nào người nấy không ai bảo ai đều ra sức giải toán số để tỏ rõ phong độ của mình. Nhưng chỉ có một người khác với mọi người nằm ềnh bụng ở giường phía đông chỉ chăm chú vào thức ăn của anh ta, không cần để ý đến ai khác !". Khích Giám chăm chú lắng nghe, đợi cho cậu học trò kia nói xong, phấn khởi nói : "Chính cái cậu ấm nằm phơi bụng đó là người mà ta cần chọn làm chàng rể !" Khích Giám vẫn chưa yên lòng, lại đích thân đến xem mặt, quả nhiên mãn nguyện, vui vẻ gả con gái cho anh ta. Cậu ấm ấy chính là cháu của Vương Đạo, tên là Vương Hi Chi.

Khích Giám đích thân đi xem mặt Vương Hi Chi, có phải là để so sánh mấy cậu ấm nhà họ Vương với nhau hay không?. Sách sử không ghi rõ. Việc nằm phơi bụng của Vương Hi Chi làm người ta trố mắt, nhưng lại để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng Khích Giám. Lần ấy vì vội vàng đi xem mặt Vương Hi Chi, để mục sở thị, nhìn tận mắt, e rằng không để tâm xem mặt mấy người khác được ! Sự cao minh sáng suốt của Vương Hi Chi chính là ở chỗ này đây. Tiêu chuẩn chọn chàng rể đâu phải như thi thư pháp, cũng chẳng giống như đua tài, thơ phú, đồng trang đồng lứa, đều là những cậu ấm tuấn tú thông minh, tại sao Hi Chi lại lấn át được mọi người? Chi bằng hãy tỏ ra ngược ngạo, mọi người thì tỏ ra "chân" còn ta thì tỏ ngược lại, có vậy mới làm cho người ta để mắt tới. Giả dụ như Vương Hi Chi cũng biểu hiện mình như mọi người : nghiêm túc, khăn áo chỉnh tề để tỏ ra ta là người có phong độ thì chắc gì đã nhanh chân hơn người khác, mà còn có thể khiến người ta còn nghi ngại. Từ đó suy ra, khi cần biểu thị "chân tướng" của mình thì lại cho người ta thấy cái "giả tướng" cũng có công hiệu đặc thù của nó. Đương nhiên, nếu là họ mót của người khác, muốn làm rể người ta mà cứ nằm ngửa phơi bụng ra đó mà chờ, mà đợi, e rằng rồi cũng thất bại mà thôi.

Thời Đường Hiến Tông, Lý Tố phụng mạng cầm quân thảo phạt Ngô Nguyên Tế. Mới đầu Lý Tố điểm quân nhận thấy tinh thần quân sĩ hoang mang, sĩ khí thấp, bèn

nói: "Thiên tử thấy ta nhu nhược, mới cho ta đến đây, nếu nói về đánh nhau phải giành thắng lợi, thì lực ta e bất cập, các anh chỉ cần giữ yên cương thổ, thì cũng đủ để ta báo mệnh trời rồi". Tất cả tướng sĩ nghe vậy cứ tưởng là thật, an tâm nhận lệnh. Lý Tố đi kiểm tra binh sĩ, động viên cổ vũ họ, không tỏ ra khe khắt. Có người khuyên Lý Tố, cần phải lấy việc người tiền nhiệm trị quân bất nghiêm làm gương, phải nghiêm khắc huấn luyện quân sĩ. Lý Tố trả lời : "Tiền nhiệm là thượng thư họ Viên, trị quân bất nghiêm, cho nên sự cảnh giác của quân địch cũng bị buông lỏng theo. Nếu chúng biết, ta mới về thay, chưa nắm được đầu đuôi xuôi ngược thế nào, nhất định chúng sẽ tăng cường phòng bị. Nhưng nếu ta cứ để nguyên nhất nhất như thời tiền nhiệm, ổn định được địch tình làm cho chúng sơ hở, không lo phòng bị, có thể bất ngờ tấn công ta mới giành được thắng lợi !". Ngô Nguyên Tế thấy Lý Tố không hề có biểu hiện gì khắt khe với binh sĩ, chỉnh đốn lại quân đội, thì thỏ phảo nhẹ nhõm, không để ý gì tới Lý Tố nữa. Chính lúc ấy, Lý Tố chiêu hiền đãi sĩ tăng cường rèn luyện binh sĩ, và cho người sang phía Ngô Nguyên Tế trinh sát nắm tình hình quân Ngô Nguyên Tế khá tường tận. Nửa năm sau. Lý Tố thấy tinh thần sĩ khí đã khá, bèn dâng sớ xin triều đình cho thảo phạt nước Ngô. Lý Tố càng đánh càng thắng. Uy thế ngày một cao.

Người ta thường bảo : "Tân quan thượng nhiệm tam ba hoả" (quan mới thường đốt ba ngọn đuốc), ý là cũng

cố quyền uy, khích lệ ý chí chiến đấu. Riêng Lý Tố thì lại khác, lặng lẽ, chẳng nhóm lên bó đuốc nào cả : nói trắng ra là chỉ mềm dẻo nhẹ nhàng, đối với tướng sĩ quan tâm chăm sóc, có thể nói, về mặt này ông đã tận tâm tận lực. Người tiền nhiệm của ông quản lý quân không nghiêm, đến lượt ông thay thế, bản thân điều đó đã đủ làm cho đối phương cảnh giác đề phòng ; nếu khuếch trương thanh thế, quản quân chặt chẽ hơn nghiêm khắc hơn, há chẳng phải là làm cho địch thủ sẵn sàng xung trận cứ như sắp đánh nhau với đại quân địch? Binh pháp có câu : "Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị" (ra tay vào lúc bất ngờ đánh vào lúc địch thủ không chuẩn bị trước). Khi mà đối phương đã cảnh giác, sẽ ra sức đề phòng, từ cọng cỏ ngọn cây cũng sẽ đều là lính, thì làm gì có chỗ bất ngờ để đánh, có chỗ sơ hở để "công"? Cái tin của Lý Tố, chỉ mình ông biết (độc lập độc hành), không hề lộ ra ngoài, đối xử với binh sĩ chân thành, tuy có nghiêm nhưng rộng rãi, giữ nguyên tính tư duy của đối phương tạo thành cái thế : "xuất quân bất ngờ, địch không sao chuẩn bị đề phòng kịp", vì thế thắng hết trận này đến trận khác, khiến giặc trố mắt đứng nhìn, ù tai mất vía. Hãy quay lại bàn về chủ thể của mưu kế, cư xử với binh sĩ chân thành dù tỏ ra không có uy cũng thành như có "uy", tỏ ra mình yếu để làm lơi lòng địch. Không mạnh thì cũng mạnh. Thực hiện mưu kế này đơn giản, nhưng cấu tứ có phần nhiều khi khó hiểu, nếu không phải là người tài hoa, thì khó lòng lấp lánh ánh linh quang như vậy.

III. LẤY CÁI GIẢ LÀM RỐI LOẠN CÁI GIẢ

Dùng cái giả để làm rối loạn cái giả là sự thực sự cầu thị lấy cái giả làm khách thể của mưu kế, làm cho khách thể của mưu kế không tin đó là mưu kế đánh lừa.

Năm Nguyên Hưng thứ hai của Tấn An đế (năm 403 sau công nguyên), đại tướng Hoàn Huyền xưng đế chống lại nhà Tấn. Năm Nguyên Hưng thứ ba, bộ tướng Hoàn Huyền là Hà Đam Chi cùng tướng lĩnh Thảo Huyền là Hà Vô Kỵ, Lưu Đạo Quy chạm trán ở châu Tang Lạc. Chiếc thuyền mà thường ngày Hà Đạm Chi vẫn đi "vũ nghi lâm tập" cờ xí rợp trời. Hà Vô Kỵ thấy vậy, nói với các bộ tướng : "Chắc chắn tướng giặc Hà Đam Chi không đi trên thuyền này, đây chỉ là cái kế trá hình mà thôi. Chúng ta chớ để lỡ thời cơ, phải tấn công ngay thuyền này.

Các tướng lĩnh không sao hiểu nổi, hỏi lại : "Tướng giặc đương nhiệm không đi trên chiếc thuyền ấy, thì công phá chiếc thuyền ấy để làm gì?" Hà Vô Kỵ trả lời : "Địch thì đông, ta thì ít, chúng ta phải hiệp sức đánh ngay nếu không, thì đừng hy vọng toàn thắng. Hà Đạm Chi tuy không đi trên thuyền này, ắt sức chiến đấu quân sĩ trên thuyền này cũng yếu, ta lấy thế mạnh đánh yếu, thuyền địch tất sẽ tan ; mà thuyền này đã bị đánh bại, sẽ làm nhụt sĩ khí giặc, động viên được sĩ khí quân ta, khí sĩ khí quân ta

được nâng lên thì hiện địch tuy đông nhưng rồi sẽ yếu, ta hiện tuy ít nhưng rồi sẽ mạnh lên, lấy mạnh đánh yếu, tất sẽ tất thắng, là lẽ đương nhiên. Các tướng lĩnh gật gù cho là phải. Tiếp đó cho quân tinh nhuệ tấn công thuyền và hô to : "Hà Đạm Chi đã bị bắt !" Quân sĩ Hà Đạm Chi hoảng hồn kinh hãi, sĩ khí tiêu tan, không còn tâm sức tiếp tục chiến đấu. Còn quân lính Hà Vô Kỵ lại tràn đầy lòng tin, quân uy đại chấn, thừa thắng truy kích, càng đánh càng mạnh. Quân Hà Đạm Chi tan rã hoàn toàn.

Hà Đạm Chi dụng lên chiếc thuyền chở chủ soái làm kế nghi binh, ý là đánh lạc hướng đối phương làm cho đối phương mất phương hướng và vì thế mà rơi vào thế bị động. Nhưng không ngờ rằng chính cái kế ấy cũng có thể nghi binh địch mà cũng có thể làm địch nghi ngờ. Hà Vô Kỵ tương kế tựu kế, quyết định đánh thuyền "chủ soái" ấy và đồng thời loan tin "Hà Đạm Chi đã bị bắt sống !", từ đó gây hoang mang tinh thần quân sĩ, làm nhụt sĩ khí địch. Đó chính là "lấy cái giả làm rối loạn cái giả" theo tình thế lúc bấy giờ, quân của Hà (Vô Kỵ), Lưu (Đạo Quy) quân số ít địch sao lại số đông, chính như Hà Vô Kỵ đã khẳng định : "Phải đồng tâm hiệp lực đánh ngay, mới có hy vọng dành toàn thắng". Trong "Binh pháp" (của Tôn Tử) có câu : "(lực lượng) Có mười thì bao vây, có năm thì tập kích, (đánh nhanh rút nhanh) có gấp đôi thì đánh (giáp chiến), ngang sức nhau thì xé lẻ, phân hoá địch ra, nếu (quân số) ít thì giữ (thế thủ), nếu không địch nổi thì phải tránh". Từ đó ta thấy : Hà (Vô Kỵ), Lưu (Đạo

Quy) có công chèo lái, lãnh đạo chứ không đủ thực lực để giáp chiến. Quân số hai bên đã dàn thế trận, làm gì phân hoá xé lẻ địch ra được nữa, mà làm gì có đường lẩn tránh trong lúc này, làm thế nào để đánh thắng? Cũng may mà óc quan sát của Hà Võ Kỵ rất thính nhạy, ông ta phán đoán ngay Hà Đạm Chi không đi trên thuyền chủ soái, (lực lượng) ở thuyền chủ soái đó tất nhiên là không mạnh, đã yếu nhưng lại sơ hở không đề phòng. Trong "binh pháp" có chép : "Công nhi tất thủ giả, công kỳ bất thủ dã" (nếu đánh để mà chiếm lấy thì phải đánh vào chỗ sơ hở (không giữ, không đề phòng). Hà Võ Kỵ quyết đoán hạ lệnh đánh thuyền đó; đánh ngay làm cho địch trở tay không kịp ; đánh ngay lập tức vào thuyền đó, sơ hở (không lo giữ) ; thì các thuyền khác cũng không giữ được. Tại sao? khi thuyền chủ soái đã bị đánh tan, thì (quân giặc) như bầy rồng không có con chúa, ý chí chiến đấu tiêu tan. Cuộc chiến ấy sẽ thành một "binh lâm kỳ quan" (một trận chiến tuyệt đẹp).

Ngược lại, Hà Đạm Chi đã chiếm ưu thế tuyệt đối, nên đang dương dương tự đắc, nếu như định đi bằng chính cái thuyền chủ soái đó để chỉ huy, thì hà tất phải "vẽ rắn thêm chân" hoa hoè hoa sói, dựng nên thuyền chủ soái giả. Lừa người không xong, trái lại còn bị chơi khăm lại, tự chuốc vạ vào thân có lẽ sẽ ôm hận suốt đời.

Nam Yến Vương Mộ Dung Bị Đức mở tiệc khoản đãi quần thần, qua ba tuần rượu. Mộ Dung Bị Đức hỏi : "Trẫm so với các bậc đế vương khác thuộc loại nào?" Thanh Châu

Thích sử Cúc Trọng trả lời ngay : "Bệ hạ là bậc trung hưng thánh chủ, có thể sánh cùng Thiếu Khanh, Quang Vũ". Mộ Dung Bị Đức nghe những lời quá lố ấy liếc nhìn xung quanh, quần thần vẫn im lặng. Mộ Dung Bị Đức lập tức đặn đò ban thưởng cho Cúc Trọng một ngàn tấm mành tơ. Cúc Trọng ngạc nhiên quá, thấy nhà vua ban thưởng quá hậu, tìm cách từ chối không dám nhận. Mộ Dung Bị Đức cười rằng : "Nhà ngươi châm chọc ta rất thiện nghệ, lẽ nào ta lại không trêu chọc lại nhà ngươi được hay sao? Nhà ngươi nói quá sự thật, cho nên ta cũng đùa lại để trả đũa ấy mà !"

Một mảnh đất hẹp cát cứ thành một nước nhỏ Nam Yến, mà tâng bốc lên nào là "Trung hưng thánh chủ" ! Cúc Trọng gọi Mộ Dung Bị Đức là trung hưng thánh chủ, công lao có thể sánh cùng Thiếu Khanh, Quang Vũ. Tuy nói quá lên, nhưng Mộ Dung Bị Đức vị tất đã thích nghe, huống hồ chi lại được xưng vương nhất thời, hùng chiếm một phương cũng chẳng có gì là lạ. Nhưng nhìn trước ngó sau, quần thần im bặt, như thế, sự tâng bốc ấy khác xa sự suy nghĩ của các quần thần : lòng tự trọng của nhà vua bị tổn thương, đó là một pha làm người ta ngượng chín mặt ! Mộ Dung Bị Đức quả xứng đáng là một người chủ của một nước, trí lực quả siêu phàm, ông ta lựa sóng xô thuyền, ông ta đã vò thưởng một ngàn tấm rèm tơ để xỏ lại Cúc Trọng, mà cũng nhờ đó, ông đã thoát khỏi pha khốn quẫn đó, quả là tài ba, nhanh trí, mà cũng rất tự nhiên !

Mặc dù, Mộ Dung Bị Đức, bề ngoài đã trả đũa được Cúc Trọng, bằng cách trừng phạt kẻ nói dối, kẻ thổi phồng, nhưng trong thâm tâm e rằng vẫn nghĩ ta vẫn là Trung Hưng Thánh Chủ, nếu không thì tại sao lại đắc tri hỏi các quần thần về vấn đề ấy?

Đại tướng Đông Tấn Lưu Dụ đưa quân lên phía Bắc thảo phạt Nam Yến. Quân Nam Yến yếu, không địch nổi, từng chặng một đều phải chịu thất bại. Lui đến Quảng Cố, hiện là vùng tây bắc huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông, bị quân Đông Tấn bao vây, tình thế rất nguy ngập. Quốc vương Nam Yến vội cho người đến cầu viện Hậu Tần. Quốc Hậu Tần là Diêu Hưng lập tức cho sứ giả đến uy hiếp quân Lưu Dụ : "Tần và Yến là hai nước láng giềng hữu hảo với nhau. Nay, nếu quân Tấn áp sát biên giới, nước Yến có nguy cơ mất nước nay mai, thì nước Tần quyết không dũ áo khoanh tay đứng nhìn. Nhà Tần đã cho mười vạn thiết kị đồn trú ở Lạc Dương, nếu quân Tấn không rút về phương Nam, Tần quốc tất sẽ đánh thúc vào, một sống một còn cùng nước Yến" Lưu Dụ trả lời đối chọi như thách thức sứ giả : "Hãy về nói lại với Diêu vương, sau khi ta đánh Yến quốc, sẽ cho binh sĩ nghỉ ngơi ba năm sau đó sẽ tiến thẳng lấy đất Quan Lạc. Nếu nhận rõ thế cơ, thì hãy mau chóng xin hàng, xin nhà Tấn cho xưng thần". Sứ giả nhà Tần thấy uy không xong, phẫn trí bỏ đi. Nước Hậu Tần do quốc vận khó khăn, mãi đến khi Tấn diệt Nam Yến, cũng không thể xuất quân cứu Yến.

Thoạt tiên, mưu thần Lưu Dụ là Lưu Mục nh ận được tin Lưu Dụ nổi giận lôi đình với sứ giả nhà Tần thì rất ngạc nhiên, hỏi Lưu Dụ "thường ngày, dù việc lớn việc nhỏ người đều cho phép ha thần tham gia ý kiến, nay việc có liên quan với nước Tần cần thiết phải sử lí một cách thận trọng, sao người lên thịnh nộ như vậy? Doạ dẫm uy hiếp không những không làm sao moi gan moi mật được chúng, mà có khi còn làm cho địch từ chỗ bị mất mặt hổ thẹn chuyển thành con phẫn uất nổi khùng thì khốn. Nếu không thể tấn công ngay vào Quảng Cố. Đại quân Tần tới tiếp viện, thì biết làm sao?" Lưu Dụ bật cười ha hả : "Cơ mưu của nhà quân sự, đâu phải ai cũng hiểu được. Thử nghĩ xem, việc quân cơ quan trọng hơn cả là cái thần tốc. Nếu quả thật quân Tần có thể tiếp cứu được. Thì phải giữ bí mật không để lọt tin ra ngoài, lẽ nào lại còn cử sứ giả đến báo tin cho ta, để ta chuẩn bị trước? Quân Tần đã ngấm ngầm chuẩn bị từ lâu, nay mà tiến hành bắc phạt, thế tất không gì cản nó. Quân Tần như con chim đang bị nhằm bắn, e khó giữ nổi thân mình, hơn nữa Tần Hạ vương Lưu Bột Bột đã nổi dậy chống nhà Tần. Thủ trong giặc ngoài, rối như canh hẹ, việc trong nhà còn lo chưa nổi, còn lo cho người khác? Cho sứ giả liều mạng đến đây chẳng qua cũng chỉ để phô trương thanh thế mà thôi !. Lưu Dụ sau khi phân tích thấu đáo đã đoán chắc chuyện nhà Tần xuất binh cứu Yến là giả, việc uy hiếp doạ dẫm là thật, cho nên Lưu Dụ mới dám mạnh mồm, trấn áp sứ giả trà Tần.

Kiểu lấy cái giả để làm rối loạn cái giả khác, lấy cái giả để đối phó lại cái giả đó không những được sử dụng trong đấu tranh chính trị quân sự. Mà ngay trong cuộc sống thường ngày êm ấm cũng thường gặp làm phong phú, điểm tô cho cuộc sống càng thêm lý thú.

Nguyên Phù thời Bắc Triều, sinh hoạt thông minh, người lùn đầu trọc thích uống rượu. Chu Văn đế đặt trong phòng mười chum rượu, trên chum kê cái đầu, trên đầu đội thêm cái mũ, Chu để muốn mượn cái hình dáng đó để ví với người trọc tức Nguyên Phù, Nguyên Phù bước vào phòng, nhìn thấy thế nói : "Người anh em của tôi ơi, sao lại vô lễ thế, tại sao lại lén vào vương thất, sao lại dám ngồi đối diện thế này về đi thôi". Nói xong, cầm lấy chén rượu ra về. Chu Văn đế phủi tay cười ha hả.

Thật là trong trò chơi khăm này lại có trò chơi khăm khác lồng vào đó. Lý thú là ở chỗ đó. Chu Văn đế dựng mười chum rượu ý trêu chọc Nguyên Phù. Trong sự trêu chọc mỉa mai lại mang màu sắc nghiệt ngã, trong cái đùa vui lại chứa cái đắng cay. Rơi vào cảnh ngộ như vậy, nếu là mình chắc bạn cảm thấy vô cùng khó chịu như ăn phải con nhặng xanh.

Nhưng Nguyên Phù thì lại hoan hỉ như điên, tự coi mình như cái chum kia phá tan cái không khí căng thẳng tạo thành cái tự nhiên, nhẹ nhàng, thoải mái, thế rồi trên tay dắt con dê, bê chén rượu bỏ về. Vừa cười mở thoải mái tự nhiên mà cũng rất dí dỏm. Chu Văn đế làm sao

không bật cười? Cách xử sự tuyệt diệu mà cả hai phía vua tôi đều có thể chấp nhận được đó quả là ý nhị thâm thuý. Chu Văn đế cười người không xong mà còn bị người cười cho; Nguyên Phù cười ha hà tưởng như tự cười mình thì lại chính là cười người. Hiệu ứng tâm lý như vậy có cái hay là hiểu thế nào cũng được, vì thế tiếng đồn cứ lan ra mãi.

Thời Nam triều Tống Văn đế có lúc đi câu ở Thiên Trì câu mãi mà chẳng được gì, đã thấy chán nản. Vương Cảnh Văn ở gần đấy thấy chúa thượng không vui liền pha trò : "Người đi câu thanh bạch quá thì làm sao hấp dẫn được kẻ háu mồi". Văn đế vô cùng vui vẻ.

Vương Cảnh Văn tỏ ra thông cảm, vui vẻ, an ủi Văn đế : "Chớ nên chán nản, ngày mai lại đi câu, chắc là sẽ được nhiều hơn".

Nếu nói : "Cá đâu có ngu như lợn" cũng là một cách an ủi, nhưng nếu nói như vậy, sẽ làm cho Văn đế từ chán nản chuyển thành tức giận, khi về cung biết đâu phải giết mấy kẻ đầy tớ đôi đòi gai mắt mới yên, cũng thật khó nói chắc. Đối xử với người ta thanh bạch đơn giản và câu chẳng được cá là hai chuyện râu ông nọ cắm cằm bà kia, có liên quan gì tới nhau đâu. Vương Cảnh Văn không hề lấp liếm, nói dối nhưng nhận ngay là nói dối, lại đạt được hiệu quả. Tuy Văn Đế, về lý trí không bị mắc lõm, nhưng tình cảm không bị xúc phạm, Nguyên nhân nào vậy? Là con người chứ đâu phải là cái cây ngọn cỏ ai mà chẳng

có tình cảm. Khi tình cảm bị xúc phạm, thì con người dễ bị sinh ra khó tính, thường hay suy diễn, hiểu nhầm, kẻ phàm phu tục tử thế đã đành, mà dẫu có hiền nhân quân tử đi nữa, cũng chẳng làm sao tránh được, huống hồ Tống Văn đế?

Thời Tề Cảnh công con ngựa được Tề Cảnh công yêu quý nhất tự nhiên lăn đùng ra chết. Tề Cảnh công tức giận lắm, ra lệnh xử trảm người trông ngựa. Lúc ấy, Yến Tử đang chầu, ung dung nói : "Người trông ngựa có tội đáng chết, nhưng cần phải cho anh ta biết rõ anh ta chết vì tội gì ? xin cho phép thần điểm lại những tội của anh ta rồi sau đó có đem anh ta đi xử trảm cũng không muộn." Tề Cảnh Công nói : "Được thôi". Yến Tử lại gần người trông ngựa nói : "Nhà người có ba tội. Thứ nhất ngươi chăn ngựa cho nhà vua không chu đáo, đến nỗi ngựa đột nhiên lăn đùng ra chết. Thứ hai, làm cho nhà vua vì bị chết ngựa mà phải giết người ; Thứ ba, nhà vua chỉ vì một con ngựa mà giết người. Mọi người nghe luận tội xong chắc chắn sẽ oán trách nhà vua, các chư hầu sau khi nghe luận tội xong tất sẽ khinh miệt nhà vua. Còn bây giờ thì phải trị tội nhà ngươi" Tề Cảnh công vội vàng nói : "Thôi, hãy tha ngay nó ra, nếu không ta sẽ mang tiếng bất nhân"

Yến Tử là một biện sĩ nổi tiếng thời Chiến quốc, nghệ thuật ngôn ngữ của ông ta thu phục được tất cả các chư hầu ; lừng danh khắp thiên hạ. Lần ấy, Tề Cảnh công vì tiếc ngựa, không kiềm chế được nổi cơn thịnh nộ. Nếu Yến Tử phạm thượng trực tiếp can gián thì khác chi lửa

cháy thêm dầu, hậu quả thế nào chẳng cần nói thì mọi người cũng rõ. Nhưng không thể không can ngăn được làm thế nào? Tề Cảnh công thì đang nổi giận đùng đùng, thần kinh đang căng thẳng cao độ cho nên việc làm giảm nhẹ sự căng thẳng tâm lý là khâu đột phá để can gián nhà vua. Yến Tử đã lần mò ra điều mấu chốt, nói: "Người trông ngựa đáng chết". Câu nói này đã làm Tề Cảnh công tưởng là mình đã giành được sự đồng tình ủng hộ từ đó giải toả được sự căng thẳng về tâm lý. Tiếp đó, dẫn dắt để rồi dẫn tới điều ngược lại. Tề Cảnh công dù vẫn còn hậm hực, nhưng đã bị những lời nói dí dỏm ý nhị của Yến Tử làm cho tiêu tan hết, đến lúc này dù muốn cũng không sao nổi cáu được nữa.

IV. LẤY CÁI THẬT LÀM RỐI LOẠN CÁI THẬT

Lấy cái thật làm rối loạn cái thật là loại mưu kế mà chủ thể mưu kế "thực sự cầu thị", lấy sự thật gán cho khách thể của mưu kế rồi từ đó mê hoặc khách thể của mưu kế, làm cho họ không tin rằng chính họ là thật.

Năm thứ hai Kiến Vu Tề Minh đế thời Nam triều (năm 405) đại tướng Bắc Ngụy Thạc Bạt tung quân ở vùng Hán Trung khu nhà Tề. Đánh thắng liên tục tiến thẳng áp sát Nam Trịnh. Lương Châu Thích sử Tiên Ý cố thủ trong Anh thành. Thạc Bạt Anh vây hãm thành, hàng chục ngày. Sau đó, Hiếu Văn đế nước Ngụy lệnh cho tất cả quân sĩ đang đánh về phía Nam phải rút quân về miền

Bắc. Thạc Bạt Anh ra lệnh cho quân sĩ già yếu bệnh tật, thương binh rút trước, còn bản thân mình dẫn quân trinh nhuệ đi đằng sau cùng đồng thời cho sứ giả vào thành từ biệt Tiên Ý. Tiên Ý ngạc nhiên chẳng hiểu ra làm sao, sinh nghi, cho rằng Thạc Bạt Anh đang chơi kế nghi binh : tiếng là bỏ vây, nhưng thực là dụ ta ra khỏi thành. Vì vậy, cho bố trí nhiều trạm đi thăm dò tin tức, đóng cửa thành không đánh nhau. Một ngày sau khi quân ngụy lui quân : Tiên Ý vẫn đóng cửa thành im ỉm. Hai hôm sau, mới chợt nghĩ ra vội vàng cho truy kích, thì Thạc Bạt Anh đã đi xa, không sao đuổi kịp, đành phải thu quân.

Thông báo quân cơ cho đối phương, quả là chuyện hiếm thấy từ xưa tới nay ! Dám nói dám làm, không dấu diếm che đậy cho mọi người biết rõ điều cơ mật đối với các nhà binh lược quả là chuyện lạ ! Chẳng trách mà Tiên Ý đâm nghi, không tin. Cuối cùng bằng lối tư duy chính hướng truyền thống mới đoán ra Thạc Bạt Anh đã lộ rõ quân cơ làm kế trá binh. Đo ngược chiều với thực tế, làm sao biết được Thạc Bạt Anh đã vận dụng phép tư duy ngược chiều, mục đích của việc "lộ rõ quân cơ" là để làm cho đối phương không tin, để rồi từ đó giữ kín được điều cơ mật. Sự cao thủ của Thạc Bạt Anh chính là buộc Tiên Ý phải cài gián điệp vào quân Bắc Ngụy để khoá mồm đối phương lại.

Đó chính là cho người ta biết cái thật. Nhưng lại làm cho người ta không tin là "thật" đôi khi lại cho người ta biết cái thật, để làm người ta tin là "thật"

Danh Tướng nhà Hán là Trần Bình, đã từng lâm vào cảnh trên đường tháo chạy mang theo bảo kiếm, qua sông người lái thuyền thấy Trần Bình bề ngoài đường bệ, lại chỉ đi một mình, nghi rằng ông ta là tướng lĩnh chạy trốn, lưng lại dắt đầy của quý, vàng, ngọc châu báu, bất giác nổi máu tham nên nhìn trộm Trần Bình luôn, định giết Trần Bình người cướp của Trần Bình nhìn thấu tâm can người lái thuyền, liền cởi áo, vai trần, chèo giúp người lái đò, sự e ngại của người chèo thuyền mới tiêu tan.

Khi quần áo đã cởi ra, thì thật, giả, hư, thực, thực đều phơi bày ra đó, thật thì không phải là giả, đã thực thì không hư, điều đó không có gì có thể nghi ngờ được. Trong đấu tranh chính trị, hoặc đấu tranh quân sự thì lại không hẳn là thế, tỏ ra là giả, vị tất đã là giả, tỏ ra là thật thì chắc gì là thật ; Thật nhưng làm cho người ta không tin là thật, đưa ra cái giả nhưng làm cho người ta không tin đó là giả, thiên biến vạn hoá, ai mưu cao người ấy sẽ thắng.

Thời Đông Tấn, Đại tướng quân Vương Đôn chuyên quyền nắm giữ triều chính. Việc trong triều cũng như ngoài triều đều không qua mặt ông ta, Tấn Minh đế bổ nhiệm Ôn Kiểu làm Trung thư lệnh. Vương Đôn nhận thấy Ôn Kiểu không cùng vây cánh với mình chuyển ông ta sang làm Tả tư mã, Ôn Kiểu tuy không muốn cùng hội cùng thuyền với Vương Đôn, nhưng lo là Vương Đôn có quyền thế, nên bề ngoài tỏ vẻ vâng dạ, lo tròn bổn phận, đối

khi còn hiến kế và làm những gì mà Vương Đôn muốn, lại tìm cách kết thân với mưu sĩ của Vương Đôn là Tiền Phượng, tán dương Tiền Phượng được giao trọng trách là rất xứng đáng, Ôn Kiểu vốn biết (Tiền Phượng) thích được cất nhắc liền khích lệ bằng những tên đẹp, vì vậy Tiền Phượng vô cùng vui sướng, liền kết thân với Ôn Kiểu may gặp dịp khuyết chức Đôn Dương doãn, Ôn Kiểu bèn thưa với Vương Đôn : "Đôn Dương là yết hầu của kinh sư, triều đình dùng người vị tất phải vừa lòng tất cả mọi người mong quan trên đích thân hỏi thử xem sao" Vương Đôn cũng đồng cảm, hỏi Ôn Kiểu: "Theo ngươi", thì chọn ai? "Ôn Kiểu không cần suy nghĩ : "Tiền Phượng rất xứng đáng". Tiền Phượng lại tiến cử Ôn Kiểu. Vương Đôn muốn giao cho Ôn Kiểu, nhưng Ôn Kiểu. Lấy lý do không đủ năng lực, nhiều lần từ chối, nhưng chính vì vậy càng làm cho Vương Đôn thêm quyết tâm, đưa Ôn Kiểu lên làm Đôn Dương doãn, đồng thời trực tiếp giao nhiệm vụ, dặn dò Ôn Kiểu luôn nghe ngóng động tĩnh trong triều đình. Ôn Kiểu lo sau khi được bổ nhiệm, Tiền Phượng sẽ gây sự trước mặt Vương Đôn bèn mượn bữa tiệc tiễn đưa do Vương Đôn tổ chức uống nhiều rượu đến say xin mới thôi.

Giữa tiệc rượu, Ôn Kiểu nâng ly tiến tới chỗ Tiên Phương vờ say, không chờ Tiền Phượng nâng ly, làm rơi khăn của Tiên Lương xuống đất, rồi nghiêm giọng : "Tiền Phượng nhà ngươi là người gì vậy, Ôn Thái Châu (Ôn Kiểu tự là Thái Châu) đích thân mời rượu mà cả gan dám không

uống !" Vương Đôn thấy Ôn Kiều đã say đích thân đứng ra giải hoà, mới xong chuyện. Một dịp khác Ôn Kiều nước mắt mũi ràn rụa, ra ra vào vào, tình cảm quyến luyến ấy đã làm người ta cảm động. Sau khi Ôn Kiều đi nhận chức, quả nhiên Tiền Phượng tới mách với Vương Đôn : "Ôn Kiều có quan hệ mật thiết với triều đình, chớ xem thường". Vương Đôn không tin, nói : "Ôn Thái Châu hôm qua bị say rượu, có hơi thất lễ với quý ông, nhưng hà tất vì cái chuyện cỏn con ấy mà dèm pha người khác?" Sau khi Ôn Kiều đến Kiến Khang (nay là Nam Kinh) kinh sư, liền tố giác mưu đồ của Vương Đôn, cùng Dũ Lương vạch kế hoạch thảo phạt Vương Đôn. Vương Đôn nghe tin phẫn uất lắm : "Ta đã bị tên tiểu nhân ấy lừa gạt".

Ôn Kiều đã dùng cái kế cho đối thủ biết sự thật nhưng lại làm cho đối thủ không tin đó là thật ở chỗ ông khéo léo vận dụng tác dụng của rượu. Rượu vào lời ra, mà rồi cũng hoá chuyện thường, hiền nhân học giả có từ ai. Nhưng trong tiệc rượu mà bị lăng nhục thì cứ ôm nặng canh cánh trong lòng, ai cũng vậy thôi. Ôn Kiều chớp lấy cái hiện tượng rất bình thường trong cuộc sống thường nhật đó để lấy cớ đổ lỗi : sở dĩ có chuyện ông chẳng bà chuộc đó là do Vương Đôn và Tiền Phượng gây nên. Nếu Tiền Phượng có nói sau lưng cái gì đó, rất tự nhiên Vương Đôn sẽ liên hệ tới chuyện xấu của Tiền Phượng trong bữa tiệc, từ đó sẽ khinh rẻ Tiền Phượng và sẽ khắc ghi thành ấn tượng sự nói xấu sau lưng ấy.

Mưu kế của Ôn Kiều sao mà kỳ diệu thế!

Thời Thành Đế nhà Đông Tấn, Tô Tuấn lấy danh nghĩa diệt Dữ Lương, người họ hàng phía ngoại, tiến quân vào kinh sư, cả gia tộc họ Dữ bỏ chạy tan tác. Lúc bấy giờ, Dữ Băng làm thái thú quận Ngô, chỉ trốn chạy một mình, như chó cụp đuôi, không chỗ dung thân, có một người lính dấu ông ta trên thuyền, đưa ông ta ra cửa sông Tiền Đường. Lúc ấy Tô Tuấn đã treo thưởng cho ai bắt được Dữ Băng, tất cả các quân sĩ ven đường đều kiểm tra lục soát nghiêm ngặt. Người lính ấy uống một ít rượu, vờ say, đợ mái chèo nhảy múa lung tung : "Các anh đi những đâu tóm bắt Thái thú? Ông ta đang ở trên thuyền ta đây này !" Dữ Băng đang nấp trên thuyền, nghe thấy thế thì hoảng sợ lắm nhưng biết làm gì được, chỉ đành cầu trời khấn phật. Bọn lính đi tuần thấy kẻ chèo thuyền là một tên say, và lại thuyền thì bé, hàng họ thì chẳng có gì, nên chỉ khám qua loa rồi cho đi. Sau này, khi loạn Tô Tuấn được dẹp yên, Dữ Băng nhớ cách tìm người lính đã cứu mình thoát nạn năm nào, hỏi anh ta cần gì, người lính đó trả lời : "Chẳng cần gì sất, chỉ cần rượu thôi". Dữ Băng đã làm nhà cho anh ta, tặng cho anh ta rất nhiều nô tì, còn rượu thì hết đâu có đó, cho mãi trọn đời.

Cái kỳ diệu mà người lính ấy đã đưa ra cho mọi người biết là sự thật, nhưng lại làm cho người ta không tin đó là sự thật ấy chính là rượu. Kẻ say thì thường lảm nhảm, ai mà tin cho được ! Huống hồ đây lại là kẻ tội phạm

chạy trốn để tránh bị giết cả họ, việc giữ kín đã là khó làm gì có chuyện la lớn gào thét như thằng điên thế kia ! Đó là cách suy nghĩ của nhiều người. Nhưng, mưu kế của mưu kế lại chính là ở cái tầm thường không ai ngờ tới đó. Mỗi một mưu kế đều phải nhằm đúng vào cái chỗ mà không ai ngờ tới, có vậy mới thu được hiệu quả phi thường. Cái gọi là "dĩ kỳ thế thắng" (lấy cái lạ, cái bất ngờ để tạo ra thắng lợi) chữ "kỳ" tức là không tuân theo thường luật, làm cho người ta không lường trước được.

Đại tướng quân dẫn quân Nam chinh thời Bắc Ngụy là Mạc Dung Bách Diệu từng đưa năm vạn kỵ binh xâm nhập biên giới nhà Tống cướp phá Hành quân đến thành Vô Diêm (nay là bên trong ranh giới huyện Đông Bình tỉnh Sơn Đông). Mạc Dung Bách Diệu đột nhiên, ngược với lệ thường, quyết định công thành. Nhiều bộ tướng cho rằng các loại vũ khí thiết bị công thành không đầy đủ, hoàn bị, không thể liều mạng hành sự, Tả Tư mã Lê Phạm hiểu rõ thâm ý của chủ soái, nói : "Quân ta cần gọn nhẹ nhưng lại đi xa, không thể đánh dây dưa kéo dài, tướng đang giữ Vô Diêm tất sẽ cho rằng chúng ta mạo hiểm đến đây để chiếm đất chứ không phải công phá thành, vì thế sẽ không canh phòng cẩn mật. Nếu ta tập kích bất ngờ, không theo lẽ thường, bỏ đất mà đánh vào thành, chắc chắn sẽ là đòn bất ngờ trời giáng". Các tướng lĩnh nghe song mới vỡ lẽ, chỉ huy công thành, thành vỡ.

Khinh quân viễn tập (quân trong bị gọn nhẹ, đi tập kích nơi xa) thì lấy việc chiếm đất là mục tiêu chính, chuyện

công phá thành quách là thứ yếu, đó là lệ thường của quân Hồ ở phía Bắc quấy phá Trung Nguyên. Vì thế, người vùng Trung Nguyên cũng hình thành một cách tư duy tương ứng, cố định. Lần ấy, chính do quân Nguỵ đã phá lệ, bỏ đất, công phá thành quách, mới tạo được thế bất ngờ, phá được thành thu được đất.

Từ đó, ta thấy việc nhà binh là không có cái gì là thông lệ, nếu nói có thông lệ, thì chính cái thông lệ đó là cái không tuân theo một quy tắc nhất định

Chương 5
MẠNH VÀ YẾU

Mạnh và yếu bao gồm sự nhiều hay ít về số lượng và mức độ tốt xấu về chất lượng.

Phạm trù mâu thuẫn này, được biểu hiện trong các hoạt động xã hội bằng nhiều mặt, nhiều tầng nhiều lớp. Đối với cá nhân, nó được biểu hiện mức độ mạnh hay yếu của sức mạnh vật chất và sự mạnh hay yếu của sức mạnh tinh thần. Sức mạnh vật chất là các loại thế năng tham dự vào các hoạt động của xu hướng tương tự, trình độ văn hoá và tố chất tâm lý của con người. Nhân tố của con

người chính là sức mạnh và vật chất và sức mạnh tinh thần hoặc là sự thống nhất hữu cơ giữa tâm và lực. Đương nhiên, muốn khảo sát mức độ mạnh hay yếu của chủ thể mưu kế, còn phải chú ý đến mấy mặt sau : 1 cái hiển hiện và cái tiền ẩn ; 2 trạng thái động và trạng thái tĩnh 3 : Cái tự thân và cái đối tỷ (so sánh). Bởi sự mạnh hay yếu không những được biểu lộ ra ở vẻ ngoài dễ nhận thấy, mà còn tiềm ẩn bên trong không dễ gì cảm nhận thấy được ; không những thuộc vào trạng thái ổn định tương đối, mà được phát triển biến đổi không ngừng ; Không những là sự đối tỷ về sức mạnh của bản thân chủ thể mưu kế, mà còn là sự so sánh lực lượng giữa hai bên. Cho nên, phải thông qua khảo sát toàn diện mới có thể nắm chắc một cách chuẩn xác mức độ mạnh hay yếu và tỷ trọng của nó.

Cán cân so sánh mạnh yếu của hai đối tượng của mưu kế là một loại tồn tại khách quan. Dù là chủ thể của mưu kế hay khách thể của mưu kế đều có chỗ mạnh chỗ yếu, ưu thế và không có ưu thế. Điểm mạnh ưu thế là cái mạnh, nhược điểm, chỗ yếu là yếu điểm.

Chủ thể của mưu kế nếu muốn xử lý tốt quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu thì phải trên cơ sở nhận thức cái mạnh, cái ưu thế, điểm yếu, nhược điểm của bản thân và của đối phương, lựa chọn một cách chính xác, áp dụng những hành động có hiệu quả, làm cho cái mạnh đã mạnh càng mạnh thêm, nếu là nhược điểm thì chuyển hoá thành ưu điểm tiến dần đến mục đích dự kiến phải đạt được.

I. NÓI THÌ CÓ NGẮN CÓ DÀI LỜI THÌ CÓ KHÔN CÓ DẠI

Tục ngữ có câu "Nước ót đem chấm đậu phụ, gắp miếng nào trượt miếng đó"

Vạn vật trên đời đã có dài thì phải có ngắn, có mạnh thì phải có yếu, vậy thì, nếu bản thân mà mạnh, thì có thể hạn chế được chỗ yếu, duy trì cái mạnh thì có thể thắng cái yếu. Gốc gác từ nguyên nhân này, chủ thể mưu kế, khi xử lý quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu, trước hết phải nhận thức được điểm mạnh điểm yếu, ưu điểm khuyết điểm của bản thân mình. Bất giác làm cho tôi chợt nhớ đến bài thơ Cố Tự Hiệp từ đời nhà Thanh

"Tuấn mã năng lịch hiểm
Lực điền bất như ngưu
Kiên xa năng tải trọng
Độ hà bất nhu chu
Xá trường dĩ tụu đoản
Trí giả năng vị mưu
Sinh tài quý thích dụng
Thiên vật đa hà cầu
(Tuấn mã có thể vượt qua được đường hiểm
Dù là lực điền cũng chẳng bằng trâu

Xe chắc có thể chở nặng
Qua sông không gì hơn là thuyền
Tham gắn bó dài
Dù là kẻ tài trí cũng khó có mưu kế gì
Của cải thì giá trị của nó là công dụng của nó
Thận trọng thì chớ đòi hỏi nhiều)

Bài thơ này chẳng qua mượn điểm mạnh điểm yếu của con tuấn mã, con trâu cày, xe và thuyền để nói lên sự đời. Con người là động vật cao cấp nhất trên thế gian, vì thế là thể tập hợp mọi ưu nhược mạnh yếu. Nếu chỉ nói về tính cách con người, thì có thể chia thành hai loại hình lý trí và tình cảm ; cũng có thể chia thành hai loại là nội khuynh và ngoại khuynh, mà cũng có thể chia thành hai loại là thuận tòng và độc lập. Những người thuộc loại hình lý trí, trong các hoạt động xã hội luôn lấy lý trí làm thước đo cho tất cả. Những người thuộc loại hình tình cảm, thì từng hành vi cử chỉ đều dễ bị tình cảm chi phối, có mầu sắc tình cảm nồng hậu. Những người thuộc loại hình nội khuynh thì thường tập trung vào các hoạt động nội tâm hay hoang tưởng ít giao thiệp. Những người thuộc loại ngoại khuynh thì luôn cởi mở, hoạt bát, đặc biệt giỏi giao tiếp. Những người thuộc loại thuận tòng thì dễ dàng chấp thuận ý kiến người khác, luôn luôn chấp thuận quyền thế của người khác đối với mình, thiên về chấp hành chỉ thị của người khác mà chẳng cần phân tích, suy nghĩ. Những người thuộc loại hình độc lập thường có tính kiên định theo ý niệm cá nhân, có những quyết định mang tính độc

lập, thích buộc người khác làm theo ý mình. Từ cách phân loại trên đây, có thể nhận thấy, những người thuộc từng loại tính cách, tự nhân họ đều có những điểm mạnh và điểm yếu nhất định, đều có những ưu điểm và khuyết điểm nhất định. Cũng có nghĩa là có những cái mạnh và những cái yếu chủ thể của mưu kế chỉ có thể xuất phát từ điều kiện đặc biệt của bản thân, phát huy cái mạnh, hạn chế cái yếu mới có thể phát huy đầy đủ hiệu lực của kế sách.

Không những thế, cả hai phía đối tượng của kế sách vẫn tồn tại cán cân so sánh mạnh yếu nhất định, cho nên chủ thể kế sách muốn xử lý các quan hệ mạnh yếu, cần phân tích tỉ mỉ điểm mạnh điểm yếu của khách thể kế sách, đồng thời trên cơ sở đó lấy cái mạnh bổ sung cho cái yếu, vì yếu phải dùng cái mạnh. Trong "Quỷ Cốc tử - quyển thiên" cho rằng "người tài trí thì không sử dụng cái yếu của mình, mà sử dụng điểm mạnh của kẻ ngu, không sử dụng cái vụng dại của mình, mà sử dụng cái mà người vụng làm ra được, có vậy thì mới thuận lợi". Đó là vì nhược điểm của kẻ khôn không thể bằng ưu điểm của kẻ ngu ; cái vụng của kẻ khôn không hơn được cái khéo léo của kẻ khờ, cho nên người khéo biết phải biết lợi dụng cái khéo léo của kẻ khờ, người hiểu biết thì luôn luôn có thể sẵn sàng vứt bỏ cái khờ khạo cái nhược điểm của chính mình, tiếp thu cái mạnh, cái hay, cái khéo của kẻ khờ dại, nên khi xử thế, làm việc gì, bao giờ cũng thuận buồm xuôi gió.

Ai cũng vậy, từng người đều có cái hay, cái dở, cái khéo cái vụng của mình, vì thế dùng người quý ở chỗ biết phát huy ưu điểm, khắc phục tránh né khuyết điểm, sử dụng cái khéo léo bù cho cái dại khờ. Phát huy ưu điểm, có thể khơi dậy phát huy đầu đủ trí năng của họ. Khắc phục điểm yếu có thể giảm nhẹ trắc trở, khúc mắc của họ. Trong thời đại truyền thống, đối với một ông vua thức thời cởi mở nếu thực sự thực hiện được phát huy điểm mạnh, tránh được cái yếu kém, đem cái khéo léo bù đắp cho cái vụng về thì có thể làm cho quần thần ai nấy đều phát huy thế mạnh của mình, ai nấy đều tận tâm tận lực. Về ý nghĩa này, Đường Thái Tôn đã chỉ rõ : Thuật dùng người của một minh quân (nhà vua) cũng giống như người thợ mộc khéo léo làm đồ gỗ. Gỗ thẳng thì dùng làm trục, gỗ cong thì đem làm bánh xe, gỗ dày thì dùng làm xà nhà, gỗ ngắn thì dùng làm vòm, làm góc. Dù là gỗ cong, gỗ thẳng, gỗ dài, gỗ ngắn, mỗi loại đều có cách dùng riêng của nó. Nhà vua anh minh dùng người thì cũng thế thôi. Người tài thì sử dụng cái mưu mẹo của họ, kẻ vụng vì kém cỏi thì sử dụng sức lực của họ, kẻ mạnh gan góc thì sử dụng cái uy của họ, người biết lo thì sử dụng cái tinh thận trọng của họ, kẻ mất trí kẻ ngu dần, kẻ nhát gan, kẻ hùng hổ, tuỳ trường hợp mà sử dụng, vì vậy lương thần không có thứ bỏ đi. Nhà vua sáng suốt thì làm gì không có quân sĩ đắc dụng [1].

---

(1) "Đế Phạm", "Tùng thư tập thành", loại thứ 927

Đó là một tá chứng hùng hồn của "Nhân tài công cụ luận". Mặc dù nhân tài và đồ mộc là hai thứ khác nhau, mặc dù việc dùng người, và làm đồ mộc là có sự khác biệt, nhưng người thì có khôn, dại, cam đảm, và hèn nhát, cũng giống như gỗ thì có cong, có thẳng, có ngắn có dài. Việc dùng người thì cũng tương tự như việc làm đồ mộc vậy. Trong Hán ngữ hiện đại có câu "Lượng tài lục dụng" nghĩa là căn cứ vào tài năng từng người mà giao việc thích hợp, "Lượng sức mà làm" là căn cứ theo sức mình mà làm, không nên khiên cưỡng làm quá sức, "Lượng nhập vi xuất" là căn cứ vào mức độ thu vào để xác định mức độ chi ra, "Lượng thể tài y" là căn cứ vào cơ thể cao, thấp, gầy, béo, để cắt quần áo. Điều đó được dùng làm tư tưởng chỉ đạo của kế sách. Chủ thể của kế sách trong trường kế sách đặc định, cần phải phát huy đầy đủ những điểm mạnh của chính mình, lấy cái khéo léo bù đắp cho cái dại khờ, chứ đừng trách mắng là đồ bất tài vô dụng. Có như vậy thì dù rằng đó là những người học làm gà gáy học giả chó kêu nhưng nếu biết sử dụng họ thì vẫn được việc, vẫn có thể thu nhận họ đi trừ nguy giải nạn được.

Mạnh Thường quân đi sứ nước Tần. Tần Chiêu vương ngưỡng mộ danh tiếng của ông ta, định mời ông ta làm tướng quốc nhưng nghe các hạ thần dèm pha lại lo ông ta bỏ về nước e bất lợi cho nhà Tần nên giam lỏng ông ta. Mạnh Thường quân liền cầu cứu Kinh Dương quân, người mà trước đây đã bị làm con tin ở nước Tề. Kinh Dương quân lại thông qua Phàn Cơ người được Chiêu vương

sủng ái. Phàn Cơ đòi một chiếc áo da chồn trắng, sản phẩm của nước Tề. Mạnh Thường quân chỉ mang theo một chiếc và đã dâng cho Chiêu Vương vì thế lúng ta lúng túng chẳng biết làm thế nào. Đúng lúc đó, môn khách nói rằng anh ta có thể kiếm giúp cho một chiếc áo cầu lông chồn trắng đúng như vậy. Điểm mạnh của anh ta là anh nhanh nhẹn, lại có thể giả tiếng chó sủa. Đêm đó, quả thật anh ta đã giả tiếng chó sủa để đánh lừa gây rối loạn mọi người trong cung đình, rồi lấy trộm chiếc áo cầu lông chồn trắng đó. Phàn Cơ thưa chuyện với Chiêu vương, Chiêu vương đồng ý thả Mạnh Trường quân. Mạnh Trường quân lo ngại sẽ sảy ra chuyện lôi thôi, liền thu xếp hành trang lên đường, đến nửa đêm thì đến Hàm Cốc quan. Theo lệ lúc bấy giờ, gà gáy thì mở cửa quan. Mạnh Trường quân đang lúc lòng như lửa đốt, thì một môn khách bỗng dưng giả tiếng gà gáy, làm cho tất cả các con gà ở đó tranh nhau gáy theo. Quan trông coi cửa cứ tưởng là trời sắp sáng, liền mở cửa cho mọi người qua lại. Khi Tần Chiêu vương tỉnh ngộ, phát hiện ra, cho người đuổi theo đến Hàn Cốc Quan, thì Mạnh Trường Quân đã vượt qua biên giới, sang nước khác rồi.

Câu chuyện này, qua hơn một ngàn năm sau, Vương An Thạch phê:

"Mạnh Trường quân phải dựa dẫm tiếng gà gáy, tiếng chó sủa để cùng cố tinh thần sao xứng danh là kẻ sĩ?' Nếu không sánh nổi với sức mạnh với nước Tề thì cũng tỏ ra mình là một kẻ sĩ chứ, nước Tề đang án ngữ phía Nam

khống chế nước Tần, sao lại nhờ vào sức mạnh của gà gáy và tiếng chó sủa?". Xét từ thực tế lịch sử, lời phê của Vương An Thạch đâu phải vô lý. Nhưng trong tình huống đặc thù lúc bấy giờ, Mạnh Thường quân đang muốn chạy thoát thân khỏi nước Tần, không có sự hỗ trợ của chó sủa, gà gáy, có lẽ xảy ra nhiều chuyện rắc rối khác nữa. Người ta thường nói : "Dù là ngọn tre, hay ngọn cây cũng đều có ích". Những người trộm cắp đã lấy được áo cầu, mở được cửa, há chẳng đã phù hộ cho Mạnh Thường quân đó sao? Vì vậy, nhiều người sau này bình luận về sự kiện này, cũng có người chống lại ý kiến của Vương An Thạch : "Tục nho đem chuyện gà gáy chó sủa ra kê kích Điền văn, quả là không biết người biết ta. Thử hỏi nếu không có tiếng chó sủa gà gáy thì làm sao thực hiện được".

Năm Kiến An thứ hai mươi, Đời nhà Hán (215) Tào Tháo đưa quân đánh Hán Trung, gửi thư cho Trương Liêu, Lý Điển, Lạc Tiến đang đồn thủ ở Hợp Phì, và ghi chú : "Giặc đến mới mở". Chẳng bao lâu sau, Tôn Quyền đưa mười vạn người, đến vây đánh Hợp Phì. Trương Liêu, Lý Điển, Lạc Tiến bóc thơ ra xem, trong thư viết : "Nếu Tôn Quyền tấn công tới, thì hai tướng quân Trương và Lý xuất chiến, Lạc tướng quân giữ thành". Ba vị tướng quân làm theo sự phân công trước đó của Tào Tháo. Trương Liêu, Lý Điển nhân lúc quân Ngô còn chân ướt chân ráo, chưa ổn định, chọn tám trăm người khoẻ mạnh, đột nhiên xông thẳng vào doanh trại của Tôn Quyền, làm cho quân Ngô trở tay không kịp, sau đó phá vòng vây cố sức giữ Hợp

Phì, sĩ khí tinh thần phấn trấn. Tôn Quyền xuất quân không thuận lợi, nhuệ khí bị tổn hao nhiều, bao vây thành hơn mười ngày nhưng không đánh được, đành phải rút lui.

Đó là một minh chứng do việc dùng người của Tào Tháo. Tôn Thịnh một nhà sử học đời Tấn bình luận về chiến dịch này như sau : "Việc giữ Hợp Phì, đường xa sức kiệt, không có tiếp viện, người phụ trách dũng cảm thì hiếu chiến như bệnh hoạn, kẻ phụ trách mà e dè thì e rằng khó giữ được, và lại họ thì đông còn ta thì ít, tất sẽ sinh ra chán nản : dùng quân dũng mãnh đánh lũ bạc nhược thì ắt thắng : thắng rồi lo phòng thủ thì tất sẽ được vững vàng. Thế là dùng Nguỵ Vũ, Cừ Phương Viên mỗi người một việc khác nhau, ngầm bảo cho họ biết nhưng không nói nhiều về ích lợi của nó. Việc đến thì dùng, nếu tất cả đều phù hợp thì thật là tuyệt diệu". Dây rõ ràng cho rằng Tào Tháo biết chọn người giao việc là một nguyên nhân quan trọng nhất để Hợp Phì được cố thủ trong tình hình lực lượng địch ta mạnh yếu khác nhau.

Con người có thể chia làm hai loại : quần thể và cá thể. Dù cho những người được gọi là cá thể cũng có ưu, có khuyết, có điểm mạnh yếu, thế thì, những người trong quần thể cũng vậy, có ưu, có khuyết, có mạnh có yếu. Mạnh hay yếu vốn dĩ chẳng có gì tuyệt đối, mà là tương đối. Trong một xã hội truyền thống, dân phố thì nhanh nhẹn hoạt bát giỏi giao tiếp tạc thù, nhưng lại xảo trá gian giảo không đáng tin, còn bà con ở quê thì ít hiểu biết, nhưng đôn hậu rề gần. Kẻ làm quan thì học rộng biết

nhiều nhưng hay bè phái đấu đá nhau, nhất là đấu chọi trong chuồng trong ổ nhà mình, còn đối với sự cực nhọc lao khổ của dân chúng thì mặc xác, cam phận làm tên đày tớ giữ của. Vì vậy dù là kẻ thống trị, hay người bị thống trị, đối mặt với dòng người trăm màu ngàn vẻ ấy, nếu muốn quan hệ với họ thì phải nhào nặn, gọt dũa tỉ mỉ cái đạo lý lấy cái khéo bù đắp cho cái vụng. Trong "Thảo lư kinh lược" khi bàn về tuyển chọn sĩ tốt có nói: "Những người cần tuyển chọn khi chưa qua huấn luyện, hoặc vì võ nghệ, hoặc vì sức khoẻ, hoặc vì lòng dũng cảm cũng có khi là tử tướng mao, nhưng nên sử dụng những tráng đinh xuất phát từ các làng quê, không nên chọn dân phố gian manh. Những người tráng đinh nông thôn này làm việc chính bằng sức mình mà tính tình lại chất phác, làm việc thì cần cù, tính tình chất phác thì biết giữ gìn kỷ luật và thực hiện nghiêm túc các mệnh lệnh, dễ được cảm hoá bởi sự thành tâm ân ái gắn liền với họ (nguyên văn : chẳng khó khăn gì nhận được tên bắn của ta : tên bắn ở đây chỉ sự cảm hoá), mà không so đo tính toán bởi thuật thay đào lại của ta. Còn thị dân thì chơi bời, giảo hoạt, không quen vất vả, không sợ luật pháp. Những người đó mà trong quân ngũ thì thường giỏi tìm cách lẩn trốn, ngấm ngầm tung ra các luận điệu xằng bậy, lời lẽ kéo cánh, loại ấy chớ nên dùng. Nhưng trong tầng lớp thị dân cũng có nhiều người võ nghệ tinh thông, vóc dáng rắn rỏi, gan góc hơn người, không bàn tới ở đây". Đoạn phân tích trên đây xuất phát từ những tập tính của dân thôn quê và thị dân chơi bời giản xảo để nói rõ tố chất hợp lý cấu

thành quân đội trong thời bình : có thể nói là tương đối chuẩn xác. Từ đó cho ta thấy trong thời đại truyền thống một số các sĩ quan quân đội có đầu óc, khi chiêu binh mãi mã, những tráng đinh thôn dã là đối tượng đối tuyển chọn hàng đầu, chứ thường không chọn thị dân và dân du mục. Đó chính là do nguyên có họ nhận thức được và biết lợi dụng các tập tính khác nhau giữa hai quần thể này.

Xã hội truyền thống Trung Quốc còn có một vấn đề được xem trọng, đó chính là hai nền văn minh và hai loại hình xã hội của các dân tộc làm nông nghiệp ở Trung Nguyên và các dân tộc miền Bắc sống du mục đã hình thành khác nhau do phương thức sản xuất và sinh hoạ. Các dân tộc làm ruộng ở Trung Nguyên sống bằng nghề nông, đàn ông thì cày bừa, phụ nữ thì canh cửi, ít dịch chuyển chỗ ở, tổ chức xã hội tương đối nghiêm chỉnh, có tâm lý xã hội vững chắc. Còn các dân tộc du mục ở, miền Bắc thì lấy chăn nuôi làm nghề chính, bạt cỏ san đồi mà lấy chỗ ở, tổ chức xã hội tương đối phân tán, mang nặng màu sắc quân sự. Sự khác biệt của những dân tộc này là ở chỗ sự giao du qua lại của hai bên, đặc biệt là trong chiến tranh thì biểu hiện càng thêm rành mạch rõ ràng. Vì vậy trong lịch sử có một số người hiểu biết đứng trên lập trường của các vương triều Trung Nguyên, để chống lại những cuộc xâm lược bạo lực của các dân tộc du mục miền Bắc, luôn để ý đến việc nghiên cứu tiếp thu các ưu điểm, thế mạnh của các dân tộc du mục để bổ cứu cho các nhược điểm của các dân tộc chuyên nghề làm ruộng.

Thời Tần Hán đại thể lấy Vạn lý trường thành làm ranh giới. Các dân tộc du mục miền Bắc do Hung Nô đứng đầu liên kết lại thành một "dẫn cung chi quốc" hùng mạnh. Chúng thường tràn xuống phương Nam cướp bóc, tạo thành một cái nạn dịch mà các triều đình Trung Nguyên phải bó tay. Đối mặt với sự xung đột mâu thuẫn giữa các dân tộc du mục miền Bắc và vương triều nhà Hán có nhà chính trị sắc sảo tên là Chiêu Thác từng là thượng thư của Hán Văn đế thông qua phân tích ưu khuyết cái được cái mất của việc dùng binh của cả hai bên : nhà Hán và Hùng Nô, đưa ra sách lược quân sự : "dùng di công di", ông cho rằng:

Hung Nô, về mặt địa hình và kỹ nghệ đều khác Trung Quốc : trên dưới đồi núi mấp mô, có nhiều khe suối. Ngựa cũng chẳng giống ; đường sá hiểm trở nhiều đèo dốc, vừa đi vừa bắn tên. Kỵ binh Trung Quốc không giống vậy ; Mưa gió không thấy vất vả, đói khát không ngại ngùng, người Trung Quốc không được thế. Đó là những cái mạnh của người Hung Nô. Nhưng nếu đất lạ bằng phẳng, đánh đột kích bằng kỵ binh và xe cộ nhẹ nhàng thì Hung Nô cũng kém, dễ bị rối loạn. Cung nỏ, mâu dài, bắn thưa nhưng xa, thì Hung Nô không đạt được. Giáp cứng kiếm sắc bén, nhiều loại dài ngắn khác nhau, cung nỏ di động tới lui, dàn cả phía trước thì quân Hung Nô không thể làm gì được. Người ngựa xe cộ cùng xông lên, cùng nhằm một đích thì quân Hung Nô không gì chống đỡ nổi. Xuống

ngựa đánh nhau, kiếm đấu với giáo, xông lên xáp trận thì đôi chân của Hung Nô không chịu được. Đây là chỗ mạnh của Trung Quốc. Do đó thấy rằng Hùng Nô có ba chỗ mạnh, Trung Quốc có năm. Thuộc hạ man di đã qua hàng Hồ Nghĩa Cừ nay theo về đông kể đến hàng nghìn, ăn uống như Hung Nô, đáng được cấp áo bông áo giáp, cung khoẻ tên nhọn, bổ sung cho các đội kỵ binh giỏi của quân huyện biên cương. Sai minh tướng thạo tập tục của họ và thấu hiểu tâm lý của họ, nói cho họ biết những luật lệ của nhà vua ban ra. Dù gặp khó khăn hiểm trở nhỏ đó vượt qua ; đất bằng đường thông thì đi bằng xe. Hai đạo quân dựa vào nhau, dùng mặt mạnh của mình, luôn cân nhắc đánh giá để ngày một tốt hơn, ấy là sách lược vẹn toàn.

Đoạn trên trích từ "Ngôn binh sự sơ" của Chiêu Thác. Đại thể chỉ là quân Hán và quân Hung Nô, về mặt kỹ năng tác chiến, mỗi bên đều có chỗ mạnh chỗ yếu khác nhau. Muốn thắng quân Hung Nô thì tất phải nắm vững và biết lợi dụng điểm mạnh của quân Hung Nô. Ngược lại chỉ cần nắm chắc và biết lợi dụng những điểm mạnh của quân Hung Nô, thì quân Hán mới có thể nắm phần thắng trong tay.

Nhưng không loại trừ ngoại lệ, một danh tướng nhà Tống là Ngô Lân. Khi bàn về điểm mạnh điểm yếu của hai bên Tống và Kim cho rằng : Người Kim có bốn cái mạnh. Ta thì có bốn cái yếu, những cái yếu của ta thì phản lại ta, nhưng lại hạn chế cái mạnh của đối phương.

Bốn cái mạnh của quân Kim là bắn tên, là kiên nhẫn, là áo giáp dày, là cung tên. Tôi xin nêu những điểm mạnh của quân Hán và ngoại bang, để học và sử dụng, để chia thành nhóm bắn tên, chế ngự kỵ binh ; lấy việc đánh ngay vào lúc địch xả hơi để đối phó lại điểm mạnh là sự kiên nhẫn của địch ; để đối phó lại giáp dày của đối phương thì cần phải có cung nỏ khoẻ; để đối phó kiềm chế cung nỏ của đối phương, thì phải lấy xa mà khắc phục cái gần, lấy cái mạnh chế ngự cái yếu. "Cái gọi là"Cái gần" và "Cái xa" cuối cùng ấy, ý chỉ cung nỏ của quân Tống có thể bắn xa, còn cung nỏ của quân Kim thì chỉ có thể bắn gần ; Cái gọi là "cái mạnh" "cái yếu" ý chỉ cung nỏ của quân Tống khoẻ, cung nỏ của quân Kim yếu. Đó chính là phiên bản của thuật "dĩ di công dĩ" mà Chiêu Thác đã nêu trong điều kiện lịch sử ở giai đoạn mới. Mãi đến thời kỳ cận đại, cánh cửa khoá chặt đã lâu của Trung Quốc, bị cái cường quốc Châu Âu đập phá, xã hội truyền thống nền văn minh cận đại tấn công mãnh liệt, cái địa vị "Thiên triều đại quốc" trước đây đã rơi xuống vực thẳm. Đối mặt với những nguy cơ biên giới và dân tộc ngày càng thêm sâu sắc và nặng nề, thì tiếng kêu "sư di chi trường kỹ dĩ chế dĩ" [1] của Ngụy Nguyên, một nhà yêu nước đứng trên giao điểm giữa nền văn minh truyền thống và cận đại há chẳng phải là thuật "dĩ di công dĩ" được phát trên một lần nữa trong xã hội mới.

(1) Dĩ di công di : Lấy cái của giặc (người nước ngoài) để chống lại giặc.

II. "KHÍ" CỐT LÕI CỦA VIỆC TỰ TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH CHO CHÍNH MÌNH

Thông thường, chúng ta nói vũ khí bị phê phán không thể thay cho sự phê phán vũ khí. Sức mạnh vật chất đòi hỏi phải được xoá bỏ bằng sức mạnh vật chất. Nhưng bên trong một trường kế sách nhất định nào đó, sức mạnh tinh thần có thể làm biến đổi mức độ mạnh hay yếu của sức mạnh vật chất, trở thành một nhân tố quyết định kiến công lập nghiệp của chủ thể kế sách. Trong xã hội truyền thống Trung Quốc, "Khí" là một loạt sức mạnh tinh thần rất được coi trọng trong nhiều mặt của xã hội. Có cái "khí" của Nho học, có cái "khí" của Đạo học, có cái "khí" của Y học, có cái "khí" của Võ thuật. "Khí" không đơn độc một mình bằng mọi cách tấn công vào từng xó xỉnh của xã hội, mà với những nội hàm khác nhau quán xuyến trong cả các nhà học thuyết. Xét từ mặt kế sách, chúng ta cho rằng "khí" là tổng hoà các nhân tố tinh thần như tình cảm, khí phách, thái độ... mà con người biểu hiện ra khi đứng trước một vấn đề nào đó, là một mắt xích quan trọng mà chủ thể kế sách trong một hoàn cảnh nhất định nào đó tự tăng cường sức mạnh của chính mình để chiến thắng kẻ địch.

Thời Xuân Thu, quân hai nước Tề và Lỗ đánh nhau ở Trường Thược (nay là vùng Đông Bắc Khúc Phụ tỉnh

Sơn Đông) Lỗ Trang công, thoạt tiên nóng vội không muốn chờ cho quân Tề mệt mỏi đã nổi trống dục quân xuất kích liền bị Tào Quệ khuyên can:

Chờ đến khi quân Tề ba hồi trống trận Tào Quệ mới cho biết là có thể xuất kích. Quân Lỗ với sĩ khí dâng trào, nhanh chóng mạnh mẽ ào lên, đánh bại quân Tề. Lỗ Trang công nhìn thấy quân Tề thua chạy, định cho quân truy đuổi theo, lại bị Tào Quệ khuyên can. Tào xuống xe, xem xét vết bánh xe, leo đứng lên trên ngai để tay của xe nhìn ra xa, rồi sau đó mới bảo Lỗ Trang công cho lệnh truy đuổi. Kết quả việc truy đuổi quân Tề rất thành công. Sau trận đánh Lỗ Trang Công hỏi về nguyên nhân thắng lợi, Tào Quệ trả lời: "Đánh nhau là phải dựa vào dũng khí của quân sĩ trống thúc quân lần đầu, sĩ khí đang dâng trào. Trống thúc trận lần thứ hai, sĩ khí ít nhiều đã suy giảm. Trống thúc lần thứ ba, sĩ khí của quân lính đã suy kiệt. Sau ba hồi trống trận của quân Tề, quân ta mới xuất kích, sĩ khí quân Tề đã kiệt, còn sĩ khí quân ta đang thịnh, nên có thể đánh thắng quân Tề. Tề là một nước lớn, tình huống không dễ gì phán đoán, e dễ bị mai phục. Ta xem xét thấy vết bánh xe của quân Tề hỗn loạn, cờ xú vứt lung tung vương vãi, chứng tỏ chúng đã tháo chạy, mới chủ trương cho truy kích"

Mọi người đều biết, đoạn văn này gọi là "Tào Quệ luận chiến", rút từ trong "Tả truyện", là một thiên luận đoán uyên thâm về "khí" trong thực tiễn chiến tranh. Cũng như đã một con người thì không thể thiếu chí khí vậy, sự

lớn mạnh của một quần thể cũng không thể thiếu sức sống "khí thực tắc đấu, khí đoản tắc tẩu" (1) "Tam quân khả dĩ đoạt sái thất phu bất khả đoạt chí" (2). "Khí" trong nhiều mặt, nhiều tầng thứ của các hoạt động xã hội đều có tác dụng rất to lớn. Trong "Uý hiếu tử" có nói. "Những người có khả năng chiến đấu của một nước, ấy là dân ; cái có thể chiến đấu của một người dân, ấy là "(chí) khí". Đó là nói về cái "khí" của dân chúng. Trong "Ngô tử" nói : Dưới ba quân, cứ một trăm vạn là một sư. Chặt chẽ hay lỏi lỏng, nặng hay nhẹ, đều ở một người gọi là "khí cơ", ấy là nói về tướng lĩnh. Tôn tử nói : "Sáng sớm thì "khí" sắc nhọn (nhuệ khí) ban ngày thì "khí" lười nhác ban đêm thì "khí" bỏ đi. Kẻ dùng binh giỏi thì "tị kỳ nhuệ khí, kích kỳ đoạ quy" (biết chánh nhuệ khí, biết kích chọc tức cái đoạ quy). Đó là nói về chiến thuật và chiến lược. Tào Quệ ra trận và luận về quân đội cũng bàn về "khí" là trước hết. Lấy cái nhuệ khí sát thương giặc khích lệ sĩ khí của quân lính, làm điều kiện cơ bản của tác chiến. Ở đây, thiên về quan sát và lợi dụng hành động của địch, chờ đợi thời cơ là điều mấu chốt làm nhụt sĩ khí quân thù.

Muốn nắm chắc "khí", không những phải căn cứ vào tình hình cụ thể của khách thể kế sách để lựa chọn hành động, đôi khi cũng đòi hỏi chủ thể của kế sách dựa vào

(1) Nếu tinh thần, ý chí có thừa thì sẽ đánh nhau, nhưng nếu mất ý chí thì chắc chắn là phải bỏ chạy.

(2) Ba quân thì có thể mất tướng, nhưng ý chí của từng người không thể để mất.

những trường kế sách nhất định để khích lệ binh sĩ thuộc quyền có quyết tâm chiến đấu dù phải liều chết. Một người chỉ huy thông minh khi lực lượng của mình không đủ nhưng phải đương đầu với kẻ thù mạnh, thường đặt mình vào chỗ chết, đoạn tuyệt tất cả những con đường sống, xem ra thì rất hoang đường, nhưng trên thực tế chính trong khoảnh khắc một mất một còn đó đã mang lại một khí thế không gì địch nổi, đó chính là điều động toàn bộ năng lực tiềm ẩn của bản thân mình : tạo điều kiện cho việc danh thắng lợi cuối cùng.

Tần Mạt, Chương Hàm thống lĩnh quân Tần sau khi đánh phá Hạng Lương, vượt sông Hoàng Hà tiến nên phía Bắc, tấn công vào đất Triệu, chẳng mấy chốc quân thần nước Triệu bị bao vây ở bên trong thành Cự Lộc. (Nay là Bình Hương Hà Bắc) lúc này Hạng Võ được lệnh của Sở Hoài Vương, để cứu nước Triệu, đưa quân lên phía Bắc qua đò Chương Thuỷ, tiến thẳng về Cự Lộc. Sau khi toàn bộ binh lính nước Sở qua đò Chương Thuỷ xong, Hạng Võ ra lệnh phá toàn bộ thuyền, dìm xuống đáy sông, đập vỡ toàn bộ nồi và các loại đồ gốm sứ dùng để đựng thức ăn, đốt toàn bộ lều lán quân dụng, giữ lương khô ăn trong ba ngày, và tuyên bố trước toàn quân, nếu không đánh thắng thì chỉ còn một con đường chết, tuyệt không còn đường sống trở về. Tướng sỹ quân Sở từ đó kiên định ý chí quyết thắng. Sau khi xáp chiến, họ dũng mãnh chưa từng có. Không ai không lấy một chọi mười, đã đánh là thắng, quân Tần đã bại trận. Trên các nẻo đường binh lính các chư hầu đứng tràn lên khắp các tường thành ngắm

nhìn, họ thấy cái cảnh tiếng hô thét chấn động bầu trời, họ thấy vô cùng kinh hãi. Sau khi đại phá quân Tần, Hạng Võ triệu kiến tướng lĩnh các chư hầu. Họ kéo đến Viên Môn không một ai không quỳ gục xuống đất, đi bằng đầu gối, không dám ngẩng đầu nhìn lên. Từ đó uy danh Hạng Võ vang lừng khắp thiến hạ.

Người đời có câu "Ngàn người đồng lòng sẽ có sức của ngàn người cộng lại; Vạn người không chung lòng cũng chẳng bằng một người". Mọi người không đồng lòng đùn đẩy nhau, tiến khoái lưỡng nam, nên vào trận tất thua ; vạn người như một, đồng tâm hiệp lực, tiến thoái có nhau, nên nhất định thắng. Cho nên, làm thế nào để tướng sĩ một lòng ? Đó là cả một vấn đề lớn mà các nhà quân sự luôn quan tâm tới "Tư Mã pháp" nói: "Khí nhân tâm nhất". "Tôn Tử" :"Tế dũng nhược nhất" ; "Tam lược" "Sĩ chúng dục nhất", "Lục thao" lấy "nhất" để nói thành "độc văng độc lai chi binh" ; "Uý liêu tử" thì coi chữ "nhất" ấy chính là độc xuất độc nhập chi binh". Cái gọi là "nhất" ấy chính là chỉ "toàn quân từ trên chí dưới đồng lòng hợp sức chiến đấu đến cùng". Trận Cự Lộc, Hạng Võ lấy ít đánh nhiều, lừng danh khắp các chư hầu, nguyên nhân căn bản nhất là từ tướng lĩnh đến binh sĩ quân Sở thông qua việc phá thuyền, dìm thuyền, cắt đứt đường rút, chỉ để lại một con đường duy nhất : tiến lên và đoàn kết một lòng, dũng cảm liều mình một mất một còn với địch. Đương nhiên, làm như vậy không thể tách rời cơ sở vật chất cần thiết. Nếu trang bị võ khí của quân Sở không đủ tinh luyện, tướng

sĩ lại là một lũ khiếp nhược vô dụng, thì sẽ xô đẩy họ tới chỗ chết, thì chắc chắn là "thịt chó nhét vào mồm hổ đói", hy sinh vô ích.

Đầu Hán, Hàn Tín được lệnh của Lưu Bang, đưa quân tấn công nước Triệu. Đại tướng nước Triệu là Trần Dư được tin cho toàn bộ quân chủ lực của nước Triệu tập trung ở cửa ải Tỉnh Hình, định cho quân Hán một trận phủ đầu. Hàn Tín biết tin vô cùng vui mừng, liền mạnh dạn tiến quân vào con đường rừng vừa dài vừa hẹp ấy, đến cách cửa ải Tỉnh Hình chưa đầy ba mươi dặm thì cho quân cắm trại. Đến nửa đêm, Hàn Tín cho lệnh đột kích, lựa chọn hai ngàn kỵ binh nhẹ mỗi người mang theo một lá quân kỳ nhà Hán màu đỏ men theo đường mòn tiến đến một ngọn đèo, từ đó có thể quan sát động tĩnh của quân Triệu thì dừng lại nguỵ trang ẩn nấp tại đó, đợi thời cơ và hiệu lệnh. Tiếp đó Hàn Tín cắt cử một vạn lính làm quân tiên phong, dựng trại đối mặt với quân Triệu, phía sau là dòng sông, dàn trận thế Quân Triệu nhìn thấy quân Hán chỉ có đường tiến mà không có đường lui, thế cùng đường, thì cười ngạo nghễ. Mãi cho đến sáng, đích thân Hàn Tín dẫn một đơn vị nhỏ mở đường hẻm qua ải Tỉnh Hình. Quận Triệu mở cửa doanh trại đón đánh quân Hán. Hai bên hỗn chiến hồi lâu, Hàn Tín vờ thua vứt bỏ cờ trống chỉ huy, nhanh chóng lui về trận địa ven sông. Quân Triệu dồn toàn lực tràn ra giành giật nhau cờ trống của quân Hán, truy kích binh mã Hán Tín. Hán Tín hội nhập với bộ đội ở ven sông đánh nhau một mất một còn

với quân Triệu. Hai ngàn kỵ binh nhẹ đã mai phục sẵn, thấy quân Triệu đổn hết quân ra khỏi sào huyệt, theo lệnh của Hán Tín, nhanh chóng tràn vào dinh luỹ của quân Triệu, nhổ cờ của nước Triệu, dựng lên hai ngàn lá cờ của quân nhà Hán. Quân Triệu không còn cách nào trong chốc lát đánh gục quân của Hán Tín, đánh nhau bất kể trên cạn dưới nước, nhưng nhìn thấy trên dinh luỹ của mình toàn là cờ đỏ của quân Hán thì cho rằng quân Hán đã bắt sống Triệu vương và các quan chức của mình, lúc đó trận địa náo loạn : kẻ thì trốn, kẻ thì tháo chạy, như ong vỡ tổ, không gì cản ngăn được. Lúc ấy quân Hán từ hai phía trước và phía sau kẹp chặt, đại phá quân Triệu, chém đầu Trần Dư.

Đó là một thiên chuyển thế bất lợi thành thế có lợi, lấy trí lực để giành thắng lợi. Hán Tín chuyển thế yếu thành thế mạnh, lấy lực lượng yếu để thắng kẻ địch hùng mạnh, xem ra thiên biến vạn hoá, rối rắn trăm chiều, đến mức nhiều tướng lĩnh cũng chẳng hiểu ra làm sao cả. Trong lễ mừng công đã nêu thắc mắc : "Binh pháp có nói bên phải, sau lưng dựa vào núi đồi, đằng trước, bên trái là sông nước. Nay tướng quân sai chúng tôi dựa lưng vào sông nước mà dàn trận, nói rằng phá xong quân Triệu sẽ ăn cơm, bọn tôi không phục. Nhưng rồi cuối cùng đánh thắng, thế là mưu thuật gì vậy?" Hàn Tín giải thích : "Điều này có trong binh pháp, chẳng qua các ông không xem xét kỹ mà thôi, chẳng phải binh pháp có nói : Hãm vào đất chết thì sau nó mới sống, đặt vào chỗ mất thì sau nó

mới còn, đó sao? Và chăng Tín không phải có những tướng sĩ đã từng được huấn luyện. Đấy cũng như người ta nói là kéo những người ngoài chợ bắt họ đi lính. Tình thế này nếu không đặt họ vào nơi đất chết, khiến cho người nào cũng vì mình mà chiến đấu thì không được. Nếu như ta để cho họ vào nơi đất sống thì họ đều bỏ chạy, ta còn làm sao dùng họ được nữa?".

Các tướng lĩnh nghe xong, vô cùng thán phục "Hãm chi tử địa" 'trí chi vong địa" vốn là đại hoạn trong dụng binh. Nhưng Hàn Tín làm như vậy, lấy tình thế khách quan" tật chiến tắc tồn", bất tật chiến tắc vong" để khơi dậy quyết tâm chiến đấu hết mình của toàn quân, vì thế đã nâng cao sức chiến đấu của quân Hán, lại cộng thêm Hàn Tín đã chỉ đạo chính xác vận động tác chiến kết quả tự nhiên có thể trút sự nguy hiểm cho giặc, chuyển tai họa thành thuận lợi, giành được chiến thắng.

Cuối thời Đông Tấn, Vương Trấn Ác được lệnh của Lưu Dụ cầm quân bắc phạt Hậu Tần. Từ sông Hoàng Hà đi ngược dòng sông Vị, quân Tấn đi bằng một loại thuyền nhỏ bịt kín, người cầm chèo ngồi trong khoang. Người Quan Trung xưa nay vốn đi thuyền nhưng thấy loại chiến thuyền này đi liên tục không người, bên ngoài không nhìn thấy một bóng người, không ai không thấy làm lạ, cho là chuyện thần kỳ. Sau khi đến cầu sông Vị, hạ lệnh tướng sĩ dừng lạo ăn uống xong, bỏ chiến thuyền thả trôi theo dòng nước. Lúc bấy giờ quốc chủ Hậu Tần là Diêu Hoằng đồn binh dưới thành Trường An lực lượng còn đến hàng vạn binh

mã. Vương Trấn Ác Vương Trấn Ác động viên tướng sĩ : "Quê hương chúng ta ở Giang Nam, ở đây lại là bên ngoài cửa Bắc thành Trường An, cách xa nhau hàng vạn dặm, hơn nữa chiến thuyền, lương thực đều đã trôi theo dòng nước, lẽ nào lại còn cách nào khác để xin bảo toàn tính mạng? Nay xem ra chỉ còn một cách là liều chết một phen, mới lập được công đầu, nếu không, chúng ta sẽ mất sạch". Thế là, Vương Trấn Ác tự mình đi đầu cùng quân sĩ dũng mạnh tiến lên. Tướng sĩ ai nấy đều biết rõ là không có đường rút lui, cũng đều hăng hải xông lên, ra sức diệt địch, vì thế chẳng mấy chốc công hàm thành Tràng An

Đó là một cảnh chiến đấu Đông Tấn bắc phạt Hậu Tần. Sở dĩ Vương Trấn Ác có thể dùng binh lực thế yếu, đánh địch có ưu thế hơn, quả là có cái kế dựa vào chuyện bỏ thuyền để khích lệ sĩ khí, làm cho tướng sĩ thuộc quyền kiên định quyết tâm liều chiết. Điểm này đều có cái hạt nhân bên trong của kế sách tương tự như kế phá và đánh đắm thuyền của Hạng Võ, đánh thuỷ chiến của Hàn Tín. Lúc bấy giờ cảnh ngộ của quân Tấn vô cùng nguy hiểm. Diêu Hoằng có hàng vạn binh mã, vốn không dễ gì đánh nổi, nếu tập trung quân ở Vị Kiều (Cầu sông vị), đón quân Tần ở Bối Thuỷ, hoặc dốc toàn lực vào Trường An chờ đối phương ở cái thành kiên cố, đều chẳng có gì là thất sách cả. Nào ngờ đâu Diêu Hoằng cho phân tán lực lượng, chặn đứng quân quân Tần ở bên ngoài thành Tràng An, qua lần tử chiến của Vương Trấn Ác, một chỗ bị sa

cơ, toàn tuyến tan vỡ, đến nỗi thành bị mất, nước cũng chẳng còn.

Năm thứ mười Thiệu Hưng thời Nam Tống (năm 1140) quân Kim ào ạt tràn xuống phía Nam, áp sát Thuận Xương nay là Phụ Dương tỉnh An Huy). Tướng đứng đầu Thuận Xương là Lưu Kỳ thấy trong thành còn lương thực đủ để chờ giặc, quyết tâm bảo vệ Thuận Xương. Để tỏ lòng quyết tâm cố thủ Thuận Xương, Lưu Kỳ hạ lệnh đục hỏng rồi cho đánh đắm tất cả thuyền bè, để tỏ rõ không để lại đường rút lui ; và chất củi trước cửa nhà, tỏ rõ lúc tình thế bất lợi sẽ tự thiêu mà chết. Dân chúng Thuận Xương vô cùng cảm kích, chẳng mấy chốc xuất hiện không khí chống Kim rầm rộ " Nam tử bị chiến thủ, phụ nhân lệ đạo kiếm" (đàn ông thì chuẩn bị đánh nhau, đàn bà thì lo mài gươm giáo). Chẳng bao lâu sau, quân Kim bao vây Thuận Xương, phát lệnh mãnh công. Lưu Kỳ lãnh đạo quần chúng đồng tâm hiệp lực, lợi dụng triệt để những nhược điểm như quân Kim không quen chịu nắng rát, mưa gió, bệnh tật hoành hành. Khích lệ động viên, thay nhau tập kích làm cho quân Kim không thể đánh phá tường thành chóng được, mà cũng không thể vây hãm mãi. Sau khi bị thương vong nặng, buộc phải rút quân.

Đó là một trận phòng ngự thành ấp lấy yếu thắng mạnh nổi tiếng. Quân Tống với chưa đến hai vạn quân đã đánh trả sự tấn công của mười vạn bộ binh và kỵ binh quân Kim. Một trong những nguyên nhân chủ yếu giành

được thắng lợi, chính là toàn dân đồng lòng hợp sức, có ý chí thề chết chiến đấu đến cùng. Loại ý chí chiến đấu này, cố nhiên bắt nguồn từ ý chí căm thù quân Kim xâm lược, đồng thời có liên quan mật thiết tới thái độ trong sáng của Lưu Kỳ đánh đắm thuyền, tích củi, thề cùng sống chết với thành trì. Giả dụ đổi một vị tướng lĩnh tham sống sợ chết, trong tình huống kẻ địch mạnh áp sát biên giới, thì ngoài việc đầu hàng ra thì không bỏ dân mà tháo thân một mình mới là chuyện lạ? Xem ra quân dân Thuận Xương có chống đỡ nổi những trận công kích của quân Kim hay không, cũng khó mà khẳng định được.

Hạng Võ, Hàn Tín, Vương Trấn Ác và Lưu Kỳ trong giờ phút lâm nguy một sống một chết biết vận dụng một loại hành vi khác thường để khêu gợi khích lệ quyết tâm của thuộc hạ xả thân liều chết diệt địch, từ đó hun đúc thành khí thế khó lòng ngăn cản được. Chỉ có điều là, chủ thể của kế sách đôi khi có thể thông qua việc làm nhụt sĩ khí đối phương, để tăng cường sức mạnh của chính mình. Điểm yếu này khi đã được tăng cường sẽ đặt nền móng vững chắc cho thành công của việc thực thi kế sách.

Cuối thời Chiến Quốc, nhiều nước Yến, Triệu, Sở, Ngụy liên kết nhau đánh nước Tề, nước Tề chỉ còn vùng Cử (nay là huyện Cử Tĩnh, Sơn Đông), Tức Mặc (nay là Đông Nam Bình Độ, tỉnh Sơn Đông) là chưa bị đánh chiếm. Điền Đơn có thù Tức Mặc, để đánh bại quân Yến, đã ém chặt quân tinh nhuệ lại chỉ để ông già, trẻ con, phụ nữ

lên thành canh gác, đồng thời cho sứ giả đến gặp quân Yến xin đầu hàng lại còn thu góp được một ngàn dật [1] vàng, cho những kẻ giàu có ở Tức Mặc đem dâng cho tướng quân Yến. Do vậy quân Yến càng thêm chán nản. Thế là Điền Đôn cho tập trung hơn một bên con trâu trong thành, cho trâu mặc áo lụa đỏ, bên trên vẽ hình con rồng ngũ sắc, trên sừng trâu có buộc dao nhọn. Dùng cói nhúng qua dầu buộc vào đuôi trâu, Đợi đến đêm khuya thanh vắng, đào mười cái hang dưới chân tường thành ; đốt cói ở đuôi trâu, thả trâu cho chạy ra bên ngoài thành cho năm ngàn tráng sĩ theo sau mở đường máu xông ra. Đuôi trâu bị cháy nóng, trâu chạy thục mạng lao vào doanh trại quân Yến. Tướng sĩ quân Yến dưới ánh lửa nhìn thấy đàn trâu năm màu rực rỡ xông đến hoảng hốt cuống cuồng. Năm ngàn tráng sĩ quân Tề xông vào đâm chém tán loạn, phía sau mọi người phất cờ hò hét, kinh trời động đất. Quân Yến bị đánh tơi bời, bỏ chạy như chó cụp đuôi. Điền Đôn thừa thắng xốc tới truy kích địch, đuổi quân Yến ra khỏi biên giới ; thu hồi lại hơn bảy mươi thành đã mất trước đây.

Thắng lợi phản công phục quốc của Điền Đôn, cố nhiên là có nguyên nhân từ nhiều mặt. Nhưng sự chỉ đạo tác chiến chính xác là điều căn bản. Trước khi bắt đầu phản

(1) dật : một đơn vị đo lường cổ. Có sách nói là tương đương với 20 lạng, có sách ghi tương đương với 24 lạng (lạng xưa của Trung Quốc : 1 cân 16 lạng, 1 lạng = 37,5g

công. Điền Đơn đã nhằm đúng vào chỗ yếu là sự mất cảnh giác của tướng quân nước Yến, nhằm đúng vào tâm lý của quân Yến từ trên xuống dưới đều mong muốn sớm kết thúc chiến tranh. Dùng thủ đoạn trá hàng, mua chuộc gây cho địch sự ảo tưởng, làm cho chúng tê liệt, chùng gân. Sau khi bắt đầu phản công. Điền Đơn nhờ uy lực của đàn trâu lửa một mạch đánh bại ý chí chiến đấu của quân Yến, phối hợp với năm ngàn tráng sĩ bất ngờ phá vòng vây của quân Yến. Chớp một trận then chốt của thời kỳ phản công sơ kỳ. ở đây làm tan vỡ sĩ khí quân địch, tăng cường chi chiến đấu của mình chính là mạch suy nghĩ cơ bản trong chỉ huy tác chiến của Điền Đơn

Việt vương Câu Tiễn chịu tang bố cả nước buồn đau. Ngô vương Hạp Lu thừa cơ cho quân tiến công. Điều này là vi phạm lễ nghi truyền thống giữa các nước thời bấy giờ. Để giữ nhà giữ nước, Câu Tiễn đánh trả. Quân lính hai bên Ngô Việt giáp chiến nhau ở Tuy Lý (nay là phía Tây Nam Gia Hưng tỉnh Triết Giang). Câu Tiễn hai lần xuất kích, đều không thành. Khi hai bên tiếp tục đối đầu một lần nữa, Câu Tiễn buộc hơn 3 trăm tên tử tù, giả dạng như binh lính của nước Việt, lưng trần cầm gươm, xếp thành ba hàng. Nhất tề bước đến trước quân Ngô tự sát. Tướng sĩ quân Ngô kinh hãi trợn tròn mắt, mồm câm như hến, ý chí bị lay động, nhuệ khí suy giảm. Việt quân thừa thế xông lên, đánh bại quân Ngô. Hạp Lư bị thương rồi chết.

Ba trăm người tự sát tập thể ! Dù nói kiểu gì thì đó cũng là một sự kiện lớn lao ghê rợn. Sức bức xúc trói buộc do quân Ngô vốn bất chấp lễ nghi truyền thống thừa cơ người ta có tang để đánh tập hậu chiếm nước người đã là điều nhục nhã. Giờ đây tận mắt chứng kiến cái sự kiện lớn lao nghĩa hiệp đến rợn người này, cái hăng hái hùng dũng lúc mới đến, không thể không vì đó mà tiêu tan. Ngược lại, Câu Tiễn trong lúc cả nước đang lâm vào cảnh bị thương, tang gia bối rối, nhưng vẫn có sức giữ nhà cứu nước, thì càng được dân chúng đồng lòng ủng hộ. Qua cái việc thực thi cái kế sách này về mặt đạo nghĩa đã tạo nên một khí thế áp đảo quân Ngô. Sức mạnh tinh thần của cả hai bên đã biến đổi như vậy. Cán cân thắng bại trong chiến tranh tất nhiên sẽ nghiêng về phía Câu Tiễn cách làm "ai binh cương địch" này của Câu Tiễn, e khó tìm được một câu chuyện tương tự trong lịch sử chiến tranh.

Cuộc chiến giữa Sở và Hán sắp kết thúc. Hạng Võ bị Lưu Bang vây hãm ở Cai Hạ (nay là Cổ Trấn tỉnh An Huy), tạo nên một tình thế ngoan cường chiến đấu ở Khúc Phục. Để phá tan sĩ khí của quân Sở, Trương Lương đã soạn ra một khúc Sở ca ai oán uyển chuyển, cho binh lính luyện tập rồi đi đến gần doanh trại quân Sở xướng hoạ ở cả bốn phía : tiếng cao tiếng thấp, câu dài câu ngắn, tất cả không có một chữ nào là không ai oán não nề, không có câu nào là không bi thảm, khích động làm cho binh lính Sở nhớ nhà, lần lượt thi nhau bỏ trốn. Ngay cả tướng Sở là Chung Ly Muội, Lý Bố đã theo Hạng Võ bao năm

trời, cũng đã lánh mặt bỏ chuồn. Chỉ còn lại hơn tám trăm lính thân cận, thủ vệ bên ngoài cổng trại, không chịu chống lại Hạng Võ. Hạng Võ ở trong lều, nghe từng lời Sở ca vọng tới, hết sức ngạc nhiên nghe kỹ, thì đó là tiếng ca được truyền đến từ phía quân Hán, thì càng thêm kinh ngạc, vội hỏi bọn thị vệ: "Quân lính nhà Hán đã lấy hết đất Sở rồi hay sao? Tại sao trong trại lính quân Hán lại có nhiều người Sở đến vậy?" Bọn thị vệ liền tâu lại chuyện hàng loạt tướng sĩ bỏ trốn, chỉ còn lại hơn tám trăm kỵ binh đang còn trong trại. Hạng Võ nghe xong hoảng sợ, lập tức chỉ huy lính thân cận đột phá vòng vây chạy về phía Nam. Sau cùng, trong tình thế bị quân Hán truy kích gắt gao, buộc lòng phải tự sát chết.

Mọi người đều biết, đó là câu chuyện "Tứ diện Sở ca" ("Từ bốn phía đều nghe thấy tiếng Sở ca"). Trương Lương lĩnh xướng "Tứ diện Sở ca", khi đã chiếm được ưu thế, vị trí chủ động, làm tiêu tan sĩ khí quân Sở, là một loại chiến thuật tâm lý đánh kết hợp với quân sự. Thế thì Hạng Võ vốn xưng bá với các chư hầu anh hùng nắm ba quân, không bao giờ thất bại, đến lúc này, thấy cảnh chúng phản thân ly, bị bao vây tầng tầng lớp lớp, đặc biệt nhất là nghĩ đến chuyện quân Hán đã lấy hết đất nước của Sở thì sao tránh được hoảng hốt, kinh sợ, ngỡ ngàng. Việc làm ấy của Trương Lương, công lớn đến dường nào !

Cuối thời Tây Tấn. Lưu Côn, tổng lĩnh quân sự ba châu Tịnh, Kế, U. Các dân tộc du mục phía Bắc Trấn Phủ có một lần, ông bị kỵ binh quân Hồ bao vây ở Tấn

Dương, trong thành thì thiếu lương thực dự trữ, quẫn bách hết cách, chỉ còn một sớm một chiều. Thế là nhân lúc trăng sao đầy trời ; đồng không mông quạnh, trèo lên thành lâu, cất giọng hát ai oán lúc trầm lúc bổng. Quân Hồ lắng nghe kìm lòng không đặng bặt lên những tiếng than thở. Đến nửa đêm, ông lại thổi hồ già [1] binh lính Hồ không kìm lòng nổi nữa, giải vây bỏ về.

"Nguyệt hạ thổi già" của Lưu Côn, và "Tứ diện Sở ca" tương tự nhau nhưng vẫn có chỗ khác nhau. Chúng đều thuộc loại khi bản thân rơi vào thế yếu, thế bị động, sử dụng chúng để làm suy sụp tinh thần binh sĩ đối phương. Đó là một thủ pháp phi thường không tấn công mà khuất phục được binh lính giặc. Tuy rằng hai trường kế sách không giống nhau, nhưng Lưu Côn và Trương Lương đều đã nắm bắt được nhược điểm tâm lý của đối phương là tình cảm thương nhớ quê hương. Vận dụng những hành động tương ứng, giải thoát cục thế bị động cho chính mình, làm tan biến cái ưu thế của đối phương vào cõi vô hình, từ đó giành được toàn thắng.

III. PHƯƠNG THỨC TRỊ LỰC

Trên bề mặt của tầng sức mạnh vật chất, chuyển yếu thành mạnh, lấy mạnh thắng yếu, từ xưa tới nay vẫn là

(1) Già, hồ già : Một loại nhạc cụ cổ xưa dân tộc miền Bắc Trung Quốc, tương tự như cây sáo hiện nay

(2) Tứ hương khúc : Bản nhạc (bài hát) nhớ quê

một vấn đề mà nhiều nhà kế sách hằng quan tâm. Trên đại thể, lấy mạnh thắng yếu, là mục tiêu chuyển yếu thành mạnh, chuyển yếu thành mạnh là điều kiện để lấy mạnh thắng yếu. Trong một trường kế sách nào đó, kết cục của việc thực hiện kế sách, tất nhiên là được quyết định bởi cán cân lực lượng của hai bên. Nhưng, cán cân lực lượng này chẳng có gì là bất biến, người ta mượn một thủ đoạn, một kế sách nhất định để có thể dựa theo ý nguyện của chính mình, thúc đẩy nó chuyển hoá, vì thế vấn đề chủ thể kế sách xử lý yếu hay mạnh, yêu cầu cơ bản nhất là ở chỗ tích cực thúc đẩy cán cân so sánh mạnh hay yếu đó chuyển hoá về phía có lợi cho mình ; nhất là khi thiếu lực lượng hay rơi vào thế yếu, thì càng cần phải tập trung sức chú ý vào sự chuyển hoá cán cân so sánh mạnh hay yếu.

Trong lĩnh vực ngoại giao truyền thống "hợp tung" "liên hoành". Có thể nói đó là hai sách lược lớn để xử lý quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu. Hai sách lược lớn này được hình thành từ thời Chiến quốc, là sản phẩm của việc chiến tranh triền miên kéo dài. Tình thế lúc bấy giờ là : sau sự đổi luật Thương Yên (Thương Yên biến pháp) [1], nước

(1) Thương Yên : Nguyên có tên là Công Tôn Yên, người nước Tề đề xướng pháp trị chủ tướng quý tộc cũng như dân thường đều phải chịu sự quản lý của pháp luật như nhau. Khuyến khích phát triển nông nghiệp, khai khẩn đất hoang. Tân pháp của ông đã làm cho nước Tần trở thành một trong những nhà nước giàu có nhất lúc bấy giờ. "Thương quân thư" (Còn gọi là "Thương tử") gồm 26 thiên truyền thế mang tên ông nhưng đó là về sau người đời mượn tên ông để viết.

giàu dân mạnh, tướng sĩ hiếu chiến, có ý đồ thôn tính "Lục quốc" ở Sơn Đông. Nền chính trị của Lục quốc ở Sơn Đông hư bại, kinh tế kém cỏi nghèo nàn lại hay nghi kỵ công phạt lẫn nhau. Vua các nước đó nhận thấy rõ, nếu cứ tiếp tục như vậy thì chỉ có lợi cho quân Tần, sẽ xô đẩy các nước hướng về phía Tây xưng thần [1], vì vậy vô cùng lo lắng. Đồng thời cũng e ngại nhà Tần sẽ gây sức ép với chính mình nên thi nhau khom lưng cúi gối hướng về phía Tây chỉ mong sao tai qua nạn khỏi. Chính trong điều kiện xã hội như vậy, một loạt các nhà "tung hoành" mà đại diện là Tô Tần và Trương Nghi, lần lượt sử dụng sách lược "hợp tung", "liên hoành". Đạo diễn nên một màn kịch lịch sử được mọi người thán phục.

"Hợp tung" chỉ sáu nước ở tỉnh Sơn Đông, từ Yến đến Sở tạo thành một dải dài từ Nam tới Bắc, hiệp lực nhau chống lại nhà Tần. Đó là một sách lược tự bảo vệ mình để tồn tại bên cạnh nước Tần hùng mạnh luôn nhìn ngó chực ăn sống nuốt tươi. Tô Tần vốn là một thư sinh cùng khốn thất thế do cùng đường tiến thủ, bất mãn vì không thành đạt, cha mẹ thì không coi là con, thê thất thì không tương xứng, không có con đường nào khác, đành ngồi nhà suy ngẫm thời cuộc, về sau bỗng nhiên một hôm chợt bật ra kế sách "hợp tung" : thế là khăn gói chu du các nước Yến, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở để thuyết khách. Ông ta

(1). Ý chỉ xưng thần với nhà Tần, nhận mình là chư hầu của nhà Tần

đề cập đến từ núi non sông suối hiểm trở của các nước, từ binh lính, quan lại, từ các sản phẩm của từng nước cho tới vấn đề nước Tần ngày càng cường thịnh, sự nghiệp của nước Tần đối với các nước khác, tiến thêm một bước nữa, ông đề ra biện pháp cụ thể liên kết nhau lại để chống Tần. Cuối cùng lần lượt thuyết phục được cả vua của cả sáu nước, làm cho các nước liên kết lại thành một mặt trận thống nhất chống Tần. Còn bản thân ông ta cũng từ đó theo dấu ấn của "Lục quốc", danh truyền khắp thiên hạ một thời. Sáu nước ở Sơn Đông do liên kết chống Tần, trong một quãng thời gian dài đã ngăn chặn có hiệu quả cái thế mở rộng về phía đông của nước Tần.

Đối lại với "hợp tung" là sách "liên hoành" do Trương Nghi chủ xướng. Tôn chỉ của nó là : lấy nước Tần làm trung tâm, lần lượt liên kết với một nước nào đó ở Sơn Đông, từng bước phá vỡ sự liên kết giữa các nước ở Sơn Đông của Lục quốc , để rồi cuối vùng thống nhất được thiên hạ. Người ta nói rằng Trương Nghi và Tô Tần có cùng học một thầy, đều cùng theo Quỷ Cốc tiên sinh, học thuật trường đoản tung hoành. Khi Tô Tần lừng danh thiên hạ, thì còn chưa ai biết tới Trương Nghi. Để làm cho sách "hợp tung" có đích đương cung, Tô Tần tìm đến giúp Trương Nghi, bằng cái sách "liên hoành" có thể làm chúa nước Tần. Trước tình huống đó, Trương Nghi xuất du Tần quốc, buộc nước Ngụy cắt nhượng Thượng Quận, phá bỏ liên minh Tề Sở, giành lấy khu Hán Trung của nước Sở. Điều

này đối với việc phá vỡ sự liên kết giữa sáu nước vùng Sơn Đông, đẩy nhanh các bước đi đến thống nhất toàn Trung Quốc của nhà Tần có tác dụng rất to lớn.

Về mặt cầm quân "Tôn Tử" nêu rõ : "Người giỏi cầm quân, phải biết tránh nhuệ khí của nó, đánh vào đoạ quy của họ, có vậy mới trị khí được. Lấy "trị" đối phó lại "loạn", lấy cái tĩnh để đối phó cái ồn, đó là trị tâm. Lấy cái gần để đối phó với cái xa, lấy việc nghỉ ngơi để đối phó với sự vất vả mệt nhọc, lấy no đối phó với cái đói, đó là trị lực. Cờ đang phất thì không giữ lại, không đánh vào quân chỉnh trực, đó là trị biến (dẹp loạn). Nội dung của đoạn văn trên là những yếu lĩnh về mặt xử lý các quan hệ giữa mạnh và yếu trong thực tiễn chiến tranh. Cái gọi là "nhuệ khí" và "đoạ qui", "trị" và "loạn" "tĩnh" và "ồn ào", "xa" và "gần", "nghỉ ngơi" và "vất vả", "no", "đói" "cờ đang phất", quân chỉnh nghĩa, tất cả đều là sự phản ánh khác nhau của sự so sánh mạnh và yếu. Cái gọi là "trị khí", "trị tâm", "trị lực", "trị biến" chính là chỉ phối sĩ khí hai bên địch và ta, kế hoạch chiến đấu và sức chiến đấu, và cả những phương pháp phải thay đổi theo địch, đều là những con đường cơ bản thực hiện việc chuyển hoá giữa mạnh và yếu. Nếu chỉ lấy sức mạnh vật chất ra để bàn , trên cơ sở "Tôn Tử", có người đã vạch ra có tính chất tổng kết : " Lấy quân ở gần đánh quân ở xa đến, lấy quân đã sẵn sàng đánh quân đang mệt mỏi, lấy quân no đủ đánh quân đang đói khát, đem lời phỉnh dụ nói với kẻ chạy lại, lấy sự bình tĩnh chọi với sự nóng vội, lấy sự thận trọng đối chọi

với sự khinh nhờn, lấy quân đội nghiêm minh đánh quân đội kỷ luật lỏng lẻo, lấy quân thịnh trị để dẹp loạn quân, lấy thế thủ chống lại thế công, ấy là chín phép trị lực của người cầm quân vậy". Quân ở xa, kẻ chạy lại, thế công, là nói về khách. Quân ở gần, lời phủ dụ, thế thu, là nói về chủ. Quân chủ nhà ngồi yên mà hơn người, cho nên quân đã sẵn sàng, quân no đủ, sự bình tĩnh, sự thận trọng, quân đội nghiêm minh, thái bình, thường thuộc về chủ. Khách binh thì kém người, cho nên quân đội mệt mỏi, quân đói khát, sự nóng vội, sự khinh nhờn, quân đội kỷ luật lỏng lẻo, quân làm loạn, thường nói về khách. Thế cho nên kẻ thiện chiến thì hơn người chứ không để người khác hơn mình.

Để giải thích rõ ràng hàng loạt các phương thức trị lực này, chúng ta cần chọn một số ví dụ sinh động để giải thích thêm cho rõ !

Sẵn sàng và mệt mỏi là một loại phản ánh trực tiếp của mạnh và yếu. Nghỉ ngơi (dật) có thể dưỡng tinh trữ nhuệ [1]; "lao" là vất vả, mệt mỏi. Vì vậy, là chủ thể của kế sách trong trường kế sách nhất định, phải tìm cách hạ thủ đối phương, làm cho cán cân so sánh chuyển hoá lệch về phía có lợi cho mình. "Liêu trai chí dị" có một câu chuyện ngụ ngôn như sau :

---

(1) Dưỡng tinh trữ nhuệ : tinh thần được bù đắp đầy đủ, sức mạnh được tích luỹ lại càng thêm mạnh.

Có hai chú mục đồng đi vào rừng sâu, chui vào hang sói, nhìn thấy hai con sói con. Hai chú mục đồng mỗi chú bế một con, rồi lần lượt trèo lên hai cây to, cây nọ cách cây kia chừng mười bước chân. Một lát sau, sói mẹ quay về cho con bú, thấy mất con, sục sạo tìm kiếm. Một chú mục đồng bịt tai con sói con, làm nó kêu thét lên. Sói mẹ nghe thấy lao tới, tức tối sủa ầm ĩ. Chính lúc ấy, chú mục đồng ở cây khác cấu đau nhói vào đùi con sói con kia, làm cho nó kêu tướng lên, sói mẹ lại chồm đến... Thế là sói mẹ gầm gừ lao đi lao lại giữa hai gốc cây, dể đến trên chục lần, cuối cùng mệt quá đứt hơi thở mà chết.

Trong câu chuyện ngụ ngôn này, hai chú mục đồng kia vừa nhanh trí vừa dũng cảm, phối hợp chặt chẽ với nhau, buộc sói mẹ phải chạy đi chạy lại nhiều lần, đến nỗi cuối cùng đứt hơi, tắc thở mà chết, trong đó then chốt là "dật năng lao chi". "Dật năng lao chi" : mình thì nghỉ ngơi nhưng lại làn cho đối phương mệt mỏi, lấy sự nghỉ ngơi đó để đối phó với sự nhọc nhằn vất vả, trong cuộc sống thực tế còn biết bao ví dụ sinh động khác

Tào Vĩ là một danh tướng thời Bắc Tống, đưa quân xuất chiến đánh Đảng Hạng. Quân Đảng Hạng ngay từ đầu đã bị thua, vì muốn chờ thời nên đã chủ động rút lui. Tào Vĩ không cho quân đuổi theo truy kích mà chờ cho quân địch đã đi xa, cho bộ đội đuổi theo thu thặt trâu, bò, dê và đồ quân nhu rồi từ từ quay về, từ tốn ung dung, chẳng ra vẻ đánh nhau. Quân Đăng Hạng đã đi xa mấy chục dặm, nhưng được tin quân Tống hôi của, đội

ngũ toán loạn, vội thừa cơ quay lại đánh trả. Tào Vĩ nghe tin cũng chẳng tỏ vẻ lo lắng, ra lệnh cho cấp dưới hãm tốc độ lại mãi cho tới khi đã hành quân tiến đến một nơi có địa thế thuận lợi mới dừng lại, chỉnh đốn đội ngũ chuẩn bị xông trận. Khi tiếp cận địch, Tào Vĩ cho người nói với thủ lĩnh Đảng Hạng: "Các anh từ xa tới chắc mệt mỏi vất vả lắm, chúng tôi không muốn nhân cơ hội này mà quật ngã các anh. Các anh hãy nghỉ ngơi chút ít rồi chúng ta sẽ quyết chiến với nhau !" Thủ lĩnh Đảng Hạng nghe xong rất vui mừng, lập tức cho quân sĩ thuộc hạ nghỉ tại chỗ. Họ nào ngờ rằng, sau phút chốc nghỉ ngơi đó, gân cốt được thả lỏng, nhuệ khí suy giảm. Khi Tào Vĩ đưa quân, quân Đảng Hạng bị đánh tơi bời không còn một mảnh giáp.

Lấy "dật đãi lao" (lấy việc nghỉ ngơi để đối phó với sự mệt mỏi), trong việc chỉ đạo tác chiến là chỉ việc dựa vào địa hình thuận lợi mới dưỡng tinh thần, tích trữ nhuệ khí, chờ cho kẻ tấn công mệt mỏi, sĩ khí giảm sút mới tấn công. Nó đòi hỏi chủ thể của kế sách phải tích cực điều động kẻ địch, chi phối một cách năng động sự phát triển cục thế, tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt địch. Tào Vĩ chính là đã tuân theo cách suy nghĩ cơ bản ấy, dụ cho quân Đảng Hạng vốn đã định rút lui quay lại, rồi tiếp đó là lợi dụng thời cơ mà quân Đảng Hạng từ xa đi bộ tới vô cùng mệt mỏi, chỉ một nhát, đánh tan quân Đảng Hạng. Sau trận này, các tướng lĩnh đến hỏi về bí quyết thắng lợi. Tào Vĩ giải thích: "Quân địch đã rút lui, ta lại gây ra giả tướng tham lam vơ vét của nả, dụ chúng quay

lại mới đánh. Chúng đã đến, đã đi, giờ quay lại, liên tục hành quân gần trăm dặm đường, đã mệt mỏi quá đỗi, nhưng lại phải giao chiến ngay nhưng dù sao vẫn còn ít nhiều nhuệ khí. Chúng ta muốn giành thắng lợi, vẫn còn phải trả giá đắt. Mọi điều người biết, người đi đường xa, chỉ cần nghỉ ngơi chốc lát, sẽ cảm thấy hai chân tê mỏi, đau lưng, đầu nhức, sĩ khí còn lại sẽ tiêu tan hết chính vào lúc này. Nhưng chính ngay lúc đó mà ta tấn công, thì quân ta lại như con hổ vồ mồi vậy". Cách phân tích này rất phù hợp với phản ứng sinh lý của mọi người, cho nên, những mưu kế được xác lập trên cơ sở ấy thì có khả năng sẽ thành công.

No và đói, cũng là một loại phản ứng của hoạt động sinh lý của con người. Tục ngữ có câu : "Dân dĩ thực vi thiên" (1), "quốc vô lương tắc hoang quân vô lương tắc vong" (2). Trong các tình hướng thông thường, có khả năng cung cấp đầu tư lương thực hay không, luôn luôn là điều then chốt quyết định việc dùng binh tác chiến thành công hay không. Vì thế, cả hai bên đối địch nhau không bên nào về mặt cung cấp lương thực lại chịu thua nhau, lấy cái no để lo cho khi đói (lấy cái no để đối phó với cái đói), cuối cùng đạt được mục đích tiêu diệt được địch, bảo vệ được mình.

---

(1) Dân dĩ thực vi thiên : Dân thì lấy cái ăn coi là trời

(2) Nước mà thiếu lương thực thì tất đổ ; quân mà không có lương thực thì tất sẽ thua.

Việc phản loạn 7 nước Ngô Sở nổ ra, Chu Á Phu nhờ Đặng Đô Uý phân tích : "Quân Ngô khí thế đang lên, khó lòng địch nổi. Quân Sở thì nóng vội, không sâu sắc, không thể lâu bền. Tình hình này không gì hơn là, đưa quân về phía đông, đồn trại chủ yếu ở Xương ấp (là tỉnh tây Bắc Kim Hương tỉnh Sơn Đông, xây tường cao cố thủ ; cho một cánh quân khinh kỵ ra Hoài Tứ Khẩu (nay là Tây Tứ Hoài Âm Giang Tô, sông đổ vào Hoài Khẩu) cắt đứt đường vận chuyển lương thực của quân Ngô ; đợi cho đến khi quân Ngô tinh thần mệt mỏi, lương thực cạn kiệt, thì cho quân chủ lực bấy nay lương thực đã lo đủ, và lại cũng đã được nuôi dưỡng nghỉ ngơi xuất kích đánh quân Ngô đang đói rét mệt mỏi ; thì chắc chắn hễ đánh là thắng". Ý kiến này, hoàn toàn là trùng hợp với suy nghĩ của Chu Á Phu. Thế là Chu á Phu đưa quân chiếm cứ Xương Ấp, đào hào sâu, đắp luỹ cao, cự tuyệt không đánh nhau với liên quân Ngô Sở. Liên quân Ngô - Sở vừa mới vây đánh Lương vương Lưu Vũ. Lưu Vũ nhiều lần cho người đến cứu viện nhưng Chu Á Phu đều án binh bất động, chỉ cắt một tốp kỵ binh nhỏ đưa đi cửa Hoài Tú, vu hồi đến phía sau lưng liên quân Ngô Sở ; cắt đứt đường tiếp tế của chúng. Liên quân Ngô Sở vây đánh đã lâu nhưng không đạt được hiệu quả, đường tiếp tế bị cắt đứt, không có cách gì bảo đảm lương ăn trong hoàn cảnh lương thực đã cạn kiệt, quân lính đã quá mệt mỏi, lại bỏ ngũ nhiều, không thể không cho rút lui. Chu Á Phu thừa thế dốc toàn lực truy kích.

đại phá liên quân Ngô Sở, nhanh chóng bình định cuộc phản loạn này.

Quân Xích Mi bỏ thành Trường An và đang quay về theo hướng Đông ; thì gặp Phùng Dị, Đặng Vũ Bộ của quân Hán ở Hoa Âm (nay thuộc phía Đông Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây). Đặng Vũ do nhiều lần bị quân Xích Mi đánh bại, nhân cuộc Tây Chinh chẳng được tích sự gì, định thử đọ sức một phen, may mà thắng được chăng ! Thế là liền giao hẹn với Phùng Dị cùng xuất kích. Bộ tướng của ông ta là Đặng Hoằng đầu tiên đưa quân tấn công quân Xích Mi. Quân Xích Mi đánh trả tí chút, rồi chủ động rút lui, đồng thời cho 1 bộ phận mang vác nặng nề làm con mồi để nhử. Trên các túi chứa đầy bùn đất phủ lên một ít đậu vàng. Quân Hán đã bị thiếu lương ăn lâu ngày, xô đẩy tranh nhau. Quân Xích Mi vòng lại phản công, chẳng mấy chốc đánh cho quân Hán tan tành. Phùng Dị lấy cớ quân lính đói khát cực khổ, chủ trương đình chiến cho binh sĩ nghỉ ngơi. Đặng Vũ không nghe, hai bên lại giao chiến cho binh sĩ giao chiến một lần nữa. Quân Xích Mi lại thắng. Đặng Vũ chỉ còn lấy hai mươi tư con ngựa cụp đuôi chạy trốn.

Có người giải thích rằng: "Phàm là quân địch từ xa đến, việc tiếp tế lương thực gặp nhiều khó khăn : địch thì đói mà ta thì no ; Ta có thể dựng tường cao cố thủ mà không cần đánh ; đánh kéo dài, cắt đứt đường tiếp tế. Nếu chúng rút lui, phải bí mật cho quân đón đường phục kích. Đồng thời cho quân đuổi theo, nhất thiết phải diệt

cho bằng được. Đó chính là "Dĩ bảo đãi cơ" (lấy việc (quân ta) no đủ để đối phó với (quân địch đói) [1]. Trong hai ví dụ dẫn trên, cái "tuyệt kỳ lương đạo" (Cắt đứt đường tiếp tế lương thực) là một thủ đoạn hữu hiệu buộc liên quân Ngô Sở phải rút lui, còn liên quân Ngô Sở bỏ cuộc chiến, tự rút lui đã tạo ra một thời cơ thuận lợi cho Chu Á Phu cho quân truy kích. Quân Xích Mi cố tình cho một đơn vị đi vận tải cũng là một thủ đoạn hữu hiệu làm cho quân Hán rối loạn, còn sự hỗn loạn nơi chiến trận, sự tiêu tan ý chí chiến đấu của quân Hán đã tạo cho quân Xích Mi một thời cơ có lợi để phản kích giành thắng lợi. Hai cách làm "lấy việc (quân ta) no để đối phó lại (quân địch) đói dù rằng về mặt truyền thống có nhiều điểm khác biệt, nhưng mục đích thì hoàn toàn nhất trí, đó chính là làm cho cán cân so sánh lực lượng giữa hai bên nghiêng về phía có lợi cho chính mình.

Bình tĩnh và nóng vội cũng là một đối mâu thuẫn, là biểu hiện đột phát về mặt tâm lý của con người. Khi hai bên của kế sách rơi vào tình thế của trường cạnh tranh, đâm chém nhau bình tĩnh mà có trật tự thường đại diện cho bên mạnh, nóng vội mà vô trật tự thì đại diện cho bên yếu. Một chủ thể kế sách thông minh, một khi tự thấy mình hoảng hốt, bồn chồn lo lắng thì trước hết phải dùng những biện pháp có hiệu quả để xoay chuyển tình thế làm cho chính mình bình tĩnh lại, ngược lại mỗi khi nhận thấy

(1) "Bách chiến kỳ lược. Bảo chiến"

đối phương có triệu chứng hoảng hốt, sợ hãi, cuống cuồng thì phải ngay lập tức dùng những thủ đoạn mạnh, quyết đoán để tạo được những cú đấm chí mạng.

Thời Đông Hán, Trương Hoán là Trung lang tướng của Hán Hung Nô, Tướng Đô Các Bộ và tướng Ô Hoàn của Hung Nô câu kết nhau, cùng chống lại triều đình, phá rẫy đốt rừng, khói lửa rợp trời. Quân Hán từ trên chí dưới hoảng hốt lo âu, nhiều binh sĩ tìm đường tháo chạy. Trương Hoán nắm được tình hình này, ngồi yên trong lều vải đọc kinh cùng tử đệ, ung dung tự tạo như mọi người khác. Vì thế tình hình bộ đội dần dần ổn định lại. Sau đó Trương Hoán cho người thuyết phục dụ Ô Hoàn, Tư Hạ và Ô Hoàn giảng hoà. Thủ lĩnh Độ Các được tin, lập tức cho quân tấn công Ô Hoàn. Quân Hán thừa cơ nhanh chóng bình định Hung Nô, và nhiều nơi khác của Ô Hoàn.

Đại tướng Bắc Ngụy Thạc Bạt Anh đưa quân đánh Hán Trung, Lương Châu thích sử Nam Tề là Tiêu Ý, cử Doãn Thiệu Tổ, Lương Quý Quần đưa hai vạn quân xây dựng cứ điểm năm tầng luỹ để phòng thủ. Thạc Bạt Anh phá vỡ từng cái một từ xa nhanh chóng áp sát, trên đường lại đánh bại quân Nam Tề Khương Tu Bộ. Quân Ngụy liên tục đánh nhau, nên đã quá mệt mỏi đang lúc chuẩn bị rút quân thì bỗng dưng vấp phải viện quân của Tiêu Ý vì vậy từ tướng cho tới lính vô cùng hoang mang đang lo bỏ chạy. Thạc Bạt Anh thấy thế cố ý hãm đốc độ lại, làm như không có gì xảy ra, leo lên cao quan sát địch tình, tựa như đang nghĩ ra kế gì đó hay lắm. Sau đó chỉnh

đốn lại đội ngũ, tiến bước từ tốn, quân Nam Tề thấy thế cho rằng sẽ có mai phục, không dám giao chiến với quân Ngụy, trù trừ đôi chút rồi rút. Thế là, Thạc Bạt Anh tóm được cơ may, ra lệnh quay ngựa lại phản kích. Quân Nam Tề trở tay không kịp, tháo chạy tán loạn.

Tục ngữ có câu : "Thiên quân dịch đắc, nhất tướng nan cầu" (1). Đó là vì, cái đạo làm tướng vừa phải có dũng, phải có mưu, văn võ song toàn, lại phải đòi hỏi đầu óc luôn minh mẫn sáng suốt. Trong những giây phút gay go nhất vẫn có thể đưa ra những biện pháp có sức thuyết phục. Thử nghĩ xem, Trương Hoán, trong tình huống lúc bấy giờ, nếu hốt hoảng, hành động cử chỉ thất sách, thì quân tướng thuộc quyền làm sao ổn định được, huống chi đến chuyện dẹp yên bọn Hung Nô, Ô Hoàn? Thạc Bạt Anh, khi đứng trước một kẻ thù mạnh, nếu không bình tĩnh tự tin, biết cách chỉ huy, thì quan lính thuộc quyền thế tất bỏ chạy hết, mà lại chỉ cần trở lòng bàn tay đã chiến thắng quân Nam Tề? Từ đó ta thấy, đã làm một người chỉ huy thì cần phải : khi lâm nguy không sợ hãi, khi hiểm nghèo không rối trí, cử chỉ đàng hoàng, thù tạc thoả đáng, là một điều kiện quan trọng để chuyển bại thành thắng, hoá hiểm nguy thành yên hàn.

"Trọng và Khinh "(nặng và nhẹ) thể hiện ý thức quyết sách của chủ thể kế sách. "Trọng" là thận trọng, chín chắn

(1) Một ngàn quân còn dễ kiếm, nhưng chỉ một người tướng thôi cũng khó tìm được.

không khinh suất. "Khinh" là khinh cuồng manh động, không thận trọng, không chín chắn. Trong "bách chiến kỳ lược" có ghi "khinh chiến" "trọng chiến" cho rằng đánh nhau với giặc, cần phải "tường thẩm nhi hậu xuất binh" nhược bất kế nhi tiến, bất mưu nhi chiến, tắc tất vi địch sở bại" (1). Cần phải thận trọng chín chắn, "kiến lợi tắc động, bất kiến lợi tắc chỉ, thận bất khả khinh cử dã" (2). Từ đó suy ra, lấy cái thận trọng để đối phó với cái khinh suất, không thận trọng, chính là khi chưa thẩm tra rõ tình hình địch, thì cần phải coi trọng kẻ thù, không thể coi thường sự tìm hiểu về tình hình địch. Khi chưa giao chiến với địch, thì cần phải "bất động như sơn" mà không thể coi thường, khinh suất, manh động. Về mặt chỉ đạo tác chiến, cần phải suy xét xem phải chăng có lợi cho mình để làm chuẩn tắc hành động, để tránh khỏi việc tự mình xô mình vào thế bị động.

Vương Chính đời Tần cho quân đánh Sở, hỏi đại tướng Lý Tín cần bao nhiêu binh mã? Lý Tín nói : Cần hai mươi vạn. Lại hỏi lão tướng Vương Tiễn, Vương Tiễn nói : Không đủ sáu mươi vạn là không xong. Ông ta nghĩ rằng những

(1) Tường thẩm nhi hầu xuất binh, nhược bất kế nhi tiến, bất mưu nhi chiến, tắc tất vi địch sở bại : Sau khi thẩm tra kỹ mới xuất quân nếu không tính toán kỹ mà tiến, đánh mà không có mưu kế, thì tất sẽ thua địch.

(2) Kiến lợi tắc động, bất kiến lợi tắc chỉ, thận bất khả khinh cử dã : Thấy có lợi thì làm, không có lợi thì dừng làm, cần phải thận trọng, không thể khinh suất được.

người lớn tuổi rốc cục lại nhát gan : liền bái Lý Tín làm thống soái, đưa hai mươi vạn binh mã hành quân về phương Nam. Mới nhập cuộc thì Lý Tín rất được việc tiến thẳng một lèo, chẳng bao lâu sau vấp phải trận phục kích lớn của đại tướng nước Sở là Hạng Yến, thất bại nặng nề, thất thểu quay về. Tần vương Chính nổi giận, lập tức cách chức Lý Tín rồi tự mình gặp Vương Tiễn, xin lỗi ông ta, để nghị ông ta cầm binh xuất chinh. Vương Tiễn kiên trì ý kiến mình : "Không đủ sáu mươi vạn binh mã là không xong". Tần vương Chính hỏi lại : "Từ xưa tới nay trận mạc mấy khi dùng đến mười vạn người, giờ tuy binh mã có thể tăng thêm, nhưng làm gì cần tới sáu mươi vạn người? " Vương Tiễn giải thích : "Hiện giờ vây và đánh một toà thành, có lẽ phải mất mấy năm trời, giành được thành xong phải cắt cử người đồn giữ, mấy chục vạn người làm gì đủ phân phối? Hơn nữa, nước Sở đất rộng người đông, chỉ cần vua Sở ho he một tiếng, động viên một trăm vạn binh mã cũng chẳng khó khăn gì. Tôi cho rằng sau mươi vạn e rằng vẫn chưa thấm tháp vào đâu ấy chứ ! Nếu ít hơn, khó lòng làm được". Tần vương Chính nghe xong khen rối rít nhiều kinh nghiệm, kiến thức rộng, vui vẻ làm theo. Vương Tiễn đưa đại quân với sau mươi vạn đến Thiên Trung sơn (nay là Nhữ Dương tỉnh Hà Nam) cho dựng trại. Vua Sở nghe tin báo, lập tức sai Hạng Yến, Cảnh Kỳ mỗi người hai mươi vạn binh mã nghênh chiến. Vương Tiễn hạ lệnh cho tướng sĩ trong toàn quân gia cố hầm hào thành luỹ, khi đã cơm no rượu say thì rèn luyện thân thể : Nhảy dài, nhảy cao, ném đá. Còn việc quân Sở khiêu

chiến, thì kẻ đấy không cần để ý tới. Qua một thời gian dài, Hạng Yến cảm thấy có thể quân Tần kéo đến đây là để phòng thủ, liền xem thường không coi trọng các hành động của quân Tần nữa. Khi quân Sở lơi lỏng phòng vệ, Vương Tiễn lập tức chỉ huy quân Tần với khí thế như dời non lấp biển tổng tấn công vào quân Sở. Quân Sở vội vàng chống trả, nhưng bị đánh tơi bời tơi tả, không còn manh giáp. Kết quả Hạng Yến, Cảnh Kỳ phải tự sát.

Vua Sở Phụ Sô bị bắt sống Vương Tiễn nhanh chóng chiếm lĩnh cả nước Sở, về triều trong tư thế chiến thắng.

Cuộc chiến giữa Tần và Sở là một cuộc chiến với quy mô tương đối lớn trong chiến tranh Tần thống nhất Lục quốc. Sau khi Tần vương Chính thôn tính Hàn Việt, lập lại nước Yến, vội vàng tìm cách diệt nước Sở, mà xao lãng tình hình thực tế : nước Sở đất rộng người đông khó mà đánh nhanh thắng nhanh được, đã khinh suất quyết định đưa hai mươi vạn binh mã tấn công nước Sở, kết quả là thất bại. Qua lần thất bại này, Tần vương Chính thừa nhận sự thất sách của chính mình, chấp nhận kế hoạch tác chiến của Vương Tiễn muốn đánh Sở phải tập trung ưu thế binh lực. Vương Tiễn là một vị thống soái, trong quyết sách chiến lược đâu chỉ chân thành, chín chắn : nếu cái thắng không cầm chắc trong tay thì không xuất chiến, mà hơn thế nữa, về mặt chiến thuật, không vội vã gì ra mặt liều mạng với quân Sở. Đảo ngược tình thế khách thành chủ, dụ quân chủ lực của Sở tham chiến. Khi quân Sở khiêu chiến không được thì tất cả các nhược điểm đã bộc lộ ra

hết, thực thi truy kích chiến liên tục, chẳng bao lâu đã diệt xong nước Sở.

Ở đây chúng ta hãy bàn đến kế liên hoàn. Đây là một trong ba mươi sau kế, hàm nghĩa chủ yếu của nó là : nếu phía địch nhiều binh nhiều tướng, thì không thể cố liều mạng với chúng được, cần phải buộc chúng phải tự kiềm chế để làm suy kiệt lực lượng của chúng. Trong hồi thứ bốn mươi bảy của "Tam quốc diễn nghĩa" "Bàng Thống xảo thụ liên hoàn kế" (Bàng Thống khéo léo trao kế liên hoàn), đã miêu tả cho chúng ta một đoạn chuyện rất hấp dẫn, cũng rất có thể đó là nó bắt nguồn của "kế liên hoàn"

Năm thứ mười ba Hán Kiến An (năm 208) Tào Tháo đích thân đưa đại quân tràn xuống phia Nam sau khi chiếm được Kinh Châu, đinh tiêu diệt luôn liên quân Tôn Lưu. Nhưng tướng sĩ người miền Bắc không quen đánh thuỷ chiến. Trong sóng nước Trường Giang, chiến thuyền chòng chành không đứng yên, đánh nhau rất khó, Tào Tháo vô cùng lo lắng. Đúng lúc đó, mưu sĩ của Lưu Bị là Bàng Thống trá hàng Tào doanh, hiến kế với Tào Tháo : "Người miền Bắc giỏi cưỡi ngựa, người miền Nam lại giỏi chèo đi thuyền. Nay thừa tướng quân đông, nhưng binh lính lại không quen thuỷ chiến. Chỉ có cách đem thuyền lớn dùng xích sắt nối lại với nhau, mấy chục chiếc thuyền nối vào nhau thành một hàng cái lớn cái nhỏ phối hợp nhau, đồng thời trên mặt thuyền lát những tấm gỗ rộng, như vậy mở rộng được thêm thuyền, lại chống được chòng chành. "Tào Tháo nghe, thấy có lý, nhưng vẫn chưa hết lo, nếu liên

quân Tôn Lưu tấn công thuyền bằng lửa thì không còn cách gì thoát thân được". Bàng Thống nói tiếp :"Phàm là dùng hoả công, nhất định phải dựa vào gió. Hiện giờ đang giữa mùa đông, phần lớn gió từ hướng Tây Bắc thổi về. Quân ta ở phía Tây Bắc, liên quân Tôn Lưu dùng lửa công thuyền, hoá ra là tự thiêu cháy mình hay sao? "Thế là, Tào Tháo chấp nhận đề đạt của Bàng Thống hạ lệnh nối liền tất cả thuyền lại với nhau. Chẳng bao lâu sau, một hôm gió đông nổi lên, liên quân Tôn Lưu dùng lửa tấn công Tào Tháo. Quân Tào Tháo do tất cả chiến thuyền đều dùng xích sắt nối chặt lại với nhau thành hàng, nên không để gì tách ra được, nên tách ra rất vất vả và khó khăn và rất chậm, đã bị thất bại thảm hại. Đến lúc này Tào Tháo bỗng dưng tỉnh ngộ ra, thở dài than thở : "Ta nhầm ta đã trúng kế liên hoàn của Bàng Thống mất rồi". " Trên một sợi dây thừng buộc hai con châu chấu - chẳng con nào bay được". Câu tục ngữ này muốn nói tới ý liên hoàn kiềm chế. Bàng Thống xui Tào Tháo dùng xích sắt nối liền các thuyền lại với nhau, bề ngoài là giúp Tào Tháo khắc phục nhược điểm không quen thuỷ chiến. Nhưng thực tế lại làm cho những chiến thuyền này mất khả năng hành động tự do, không có cách gì tháo chạy kịp thời, trở thành cái bia chết cho liên quân Tôn Lưu thực thi hoả công. Bắt đầu từ kế sách này, đến việc Hoàng trá hàng, lửa thiêu Xích Bích. Về phía Tôn Lưu đã tạo ra một chuỗi xích kế sách hoàn chỉnh cho trận đại chiến Xích Bích.

Chương 6
HƯ VÀ THỰC

Hư, trống rỗng, không có thực, hư không, giả tạo. Thực, chắc chắn, có thực, thực tại. Không hư và kiên thực được liên hệ với nhau cùng mục đích mạnh hay yếu, hư nguỵ và thực tại thì là lại nhất trí với nhau về thật và giả. Chủ thể của kế sách xử lý phạm trù mâu thuẫn này cũng giống như thúc đẩy sự chuyển hoá giữa mạnh và yếu, làm trò ảo thuật giữa thật và giả, chủ yếu là xoay quanh mục đích của mình để tiến hành biến đổi giữa hư và thực.

Từ xưa đến nay bàn về vấn đề biến đổi hư thực hay nhất phải kể đến "Thảo lữ kinh lược". Bộ sách này đại để được hoàn thành vào hậu kỳ triều Minh. Đối với vấn đề chuyển hoá hư và thực đã lật đi lật lại nhiều lần trong đó viết : Người cầm quân giỏi, tất thường làm cho ta cảm thấy đã thực thì không phải là giả, sau đó lấy cái thực của ta để chống lại cái giả, tựa như chẻ tre, đập vỡ trứng, làm gì có quả trứng nào lại không vỡ ! Nếu hư hay thực ở phía địch, tất là phải thẩm tra để biết rõ rồi trách cái thực đó, đánh vào cái giả. Nếu thực hay giả là ở phía ta,

điều quan trọng là có thể đánh lừa địch: hoặc là giả mà làm cho người ta ngỡ là thực, hoặc là thực mà làm cho người ta hiểu đó là giả ; hoặc là giả mà làm cho người ta nghi rằng giả, làm cho địch nghi ngờ coi ta là thực ; hoặc thực mà làm như thực, buộc địch nghi ngờ ta, cho rằng đó là giả.

Đoạn văn trên, tối thiểu cũng bao gồm ba tầng ý. 1. Hạt nhân biến đổi giữa thực và hư, đối với chủ thể của kế sách, thì chính ở chỗ làm cho khách thể hiểu nhầm, tạo điều kiện thuận lợi cho ta lấy cái thực để nhằm đánh vào cái hư. 2. Nếu cái thế của hư và thực được quyết định bởi phía chủ thể của kế sách, thế thì sự biến đổi giữa hư và thực sẽ có 4 hình thức: Giả mà làm như thực, thực nhưng làm như giả, giả mà làm như giả, và thực nhưng cũng tỏ ra như thực. 3 . Nếu như cái thế của hư và thực được quyết định bởi phía khách thể của kế sách, thì sự biến đổi giữa hư và thực sẽ tương đối đơn giản hơn, chủ yếu là thủ đoạn mượn cái giả để "luồn lách" cũng có nghĩa là lợi dụng cái khó khăn nguy hiểm, kẽ hở, mâu thuẫn xung đột và các khâu yếu của khách thể kế sách để tấn công, hoặc là từ đó có thể thu được một khoản lợi nhuận nào đó.

I. HƯ MÀ THỰC, THỰC MÀ HƯ

Chúng ta trước hết hãy bàn đến bốn hình thức cơ bản biến đổi giữa hư và thực trong điều kiện "hư thực tại ngã" (hư hay thực là do ta).

Cái gọi là biến cái thực thành cái giả, chỉ chủ thể của kế sách trong tình huống lực lượng của chính mình tương đối sung túc, lấy cái nhiều để biểu thị cái ít, lấy cái mạnh để chỉ cái yếu, có ý tỏ ra các dáng vẻ yếu đuối, thiếu thốn, để tạo cho khách thể của kế sách một cái cảm giác sai lầm, từ đó lợi dụng cái cảm giác sai lầm đó, nắm chắc thời cơ thích hợp, cho khách thể kế sách một đòn chí mạng.

Thời Chiến quốc : Ngụy Huệ vương sai Bàng Quyên mang quân tấn công Hàn quốc. Hàn quốc nhận thấy khó bề chống đỡ nổi, cầu viện Tề quốc. Tướng Tề là Điền Kỵ tuân lệnh xuất chiến, chiều theo ý kiến của quân sư Tôn Tẫn, tiến thẳng đến kinh đô nước Ngụy là Đại Lương quấy phá. Bàng Quyên nhận được tin vội vàng đưa quân về để tự cứu. Tôn Tẫn nắm được rằng Bàng Quyên kiêu binh khinh địch, trong binh pháp mê tín cái gọi là lời răn điều răn : bách lý nhi thú lợi giả quệ thượng tướng, ngũ thập lý nhi thú lợi giả quân bán chí," liền mách nước giờ đây quân ta đã lọt vào trung tâm nước Ngụy, nên tỏ ra yếu thế để dụ quân Ngụy. Vì thế phải ra lệnh cho toàn quân ngay hôm nay phải làm mười vạn cái bếp, ngày mai chỉ để lại bảy vạn, ngày kia chỉ để lại còn năm vạn. Cứ thế quân Ngụy tất sẽ cho rằng quân ta đang rút lui bỏ chạy, vì vậy chúng sẽ túc trực ngày đêm để truy kích. Chờ cho đến lúc chúng truy đuổi đã quá mỏi mệt, chúng ta sẽ tìm cách ăn sống nuốt tươi chúng một cách nhẹ nhàng, bắt sống Bàng Quyên. Điền Kỵ làm theo kế ấy, quả nhiên

Bàng Quyên bị mắc lừa, chỉ đưa một đơn vị bộ đội với trang bị nhẹ vội vàng truy kích quân Tề. Tôn Tẫn căn cứ vào hành động của quân Ngụy tính toán, quyết định phục kích ở quãng đường núi Mã Lăng (nay là Đại Danh, Hà Bắc), chờ Bàng Quyên đến nơi, thì bỗng dưng hàng vạn mũi tên được bắn ra, rồi sau đó từ bốn phía xáp vô, tiêu diệt hoàn toàn quân Ngụy.

Trận đánh này Tôn Tẫn chỉ huy rất xuất sắc, biểu hiện ở chỗ : giảm số lượng bếp đi để tỏ ra ta suy yếu, nhử địch vào bẫy phục kích. Vốn dĩ trước đó Tôn Tẫn cùng học binh pháp với Bàng Quyên, nên thái độ kiêu căng ngang ngược và tài chỉ huy của ông ta, Tôn Tẫn chẳng lạ lắm gì. Tôn Tẫn tóm đúng điều là quân Ngụy luôn khinh thường quân Tề. Và đặc điểm hiếu thắng của Bàng Quyên, vận dụng "binh pháp, "Tôn Tử" năng nhi thị chi bất năng [1] không vội vã quyết chiến sớm với quân Ngụy, tránh né cái nhuệ khí của quân Ngụy, chủ động rút lui ; rồi lại dùng thủ đoạn giảm bếp, tạo thành ảo ảnh quân lính hoang mang dao động, nạn đào ngũ bỏ chạy nghiêm trọng, dụ lực lượng tinh nhuệ của quân Ngụy vào vị trí dễ phục kích, biến nhân tố bất lợi thành nhân tố có lợi, tạo điều kiện thuận lợi để giành chiến thắng. Đường sá ở Mã Lăng hẹp, địa hình hiểm yếu và lại kề sát với nước Tề, tiện cho việc bổ sung, tiếp tế, mặt khác lại dễ bề phong toả tin tức, cho nên có thể thu được hiệu quả cao hiếm thấy. Đường

(1) Có thể nhưng làm ra vẻ không thể

nhiên, Tô Tần đã tính toán rất chính xác hành trình địch tiến ta lui, phán đoán chính xác quân Nguỵ sẽ tiến đến đường rừng Mã Lăng vào lúc mặt trời đã lặn, đồng thời cũng tạo cho quân Tề có thể giáng cho quân Nguỵ những đòn bất ngờ tại một địa điểm và thời gian thuận lợi đạt được mục tiêu diệt địch. Đây có thể coi là một ví dụ điển hình "thực nhi hư chi" (1) trong thực tiễn chiến tranh.

Cái gọi là 'hư như thực chi" (2) là chỉ chủ thể của kế sách, trong tình huống lực lượng tự thân vẫn còn mỏng và yếu, lấy số ít địch lại số nhiều, dùng cái yếu để tỏ ra mình mạnh, cố ý tỏ ra là ta có lực lượng hùng hậu, tạo cho khách thể của kế sách một loại ảo giác, sau đó lợi dụng ảo giác đó, áp dụng các hành động thích hợp để đạt được mục tiêu mong đợi.

Thời kỳ Đông Hán. Tạng Cung nhận lệnh phạt Thục, đóng quân ở Lạc Việt. Lúc bấy giờ đại tướng quân chinh nam Sầm Bành đánh nhau với tướng Thục Điền Nhung, Nhiệm Mãn, nhiều lần thất thế. Vì thế người Việt định phản Hán quy Ngô. Do thiếu binh lực, Tạng Cung không có gì ngăn cản nổi hành động của người Việt đâm ra buồn chán, may sao gặp được hàng trăm xe từ các địa phương tiếp tế lương thực. Thế là, ông ta cho người nhân trời tối

(1) Thực nhưng làm ra vẻ không thực
(2) Giả nhưng làm như thực

cưa đứt cổng thành, ra lệnh cho các xe ấy cứ ra ra vào vào, diễu võ dương oai trông rất có thanh thế. Chờ đến trời sáng, do thám của người Việt nghe thấy tiếng xe ngựa không ngớt, lại còn đẩy nhau làm gãy cả cổng thành, liền chạy toán loạn khắp nơi khảo nhau rằng triều đình nhà Hán cho đại quân tới. Thủ lĩnh Lạc Việt được báo cáo lên, vội vàng đem trâu, dê, rượu thịt dâng lên, uý lạo quân lính. Vì thế Tạng Cung cho mở hội tướng sĩ, giết trâu lo rượu khao thưởng toàn quân. Người Việt thấy thế không dám làm phản nữa, cam phận chịu sự quản lý của Tạng Cung.

Đây là một câu chuyện nhanh trí cơ cảnh, giỏi xử lý tình huống, biến cái hư, cái ảo thành cái thực. Thủ lĩnh Lạc Việt lúc bấy giờ định làm phản nhưng quân Hán thì không đủ sức chế ngự, làm cho Tạng Cung đau đầu buốt óc. Nếu không có hàng trăm xe tiếp tế của địa phương, thì chẳng biết Tạng Cung phải dùng đối sách nào cho được? Nếu dùng số binh lực ít ỏi để trấn áp Lạc Việt ư, thì không những chắc gì đã giành được thắng lợi? Đó là một vấn đề, không những thế, mà còn có thể làm cho mâu thuẫn giữa hai bên phát triển thành xung đột bạo lực, bất lợi cho toàn bộ kế hoạch phạt Ngô. Tạng Cung thấu hiểu quan hệ lợi hại trong đó, cho nên mượn đội vận chuyển lương thực đêm đến cứ hết ra lại vào, lượn đi lượn lại từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong thành, tạo thành ảo giác đại quân từ xa đang tới. Thủ lĩnh Lạc Việt không biết lấy giả làm thật đành phải đi giết trâu mổ bò chuẩn

bị rượu thịt uý lạo quan binh. Tạng Cung tới lúc này mới tránh được sự manh động.

Ngu Hủ thời Hán An đế được bổ nhiệm làm Thái thú Vũ Đô (nay là huyện Thành, Cam Túc) để bình định những cuộc gây rối của người Khương ở địa phương. Trên đường đi nhận chức, Ngu Hủ cùng các lại thuộc đến gần Trần Thương, Hi Cốc (nay là phía đông Bảo Kê, Thiểm Tây) thì bị hàng ngàn người Khương chặn đánh. Ngu Hủ vội ra lệnh dừng lại, nói là phải trình thư lên trên xin thêm quân, chờ viện quân tới mới đi tiếp về phía tây. Người Khương nghe thấy vậy, tin là thật liền phân tán thành nhiều nhóm nhỏ, đến các vùng lân cận cướp bóc. Ngu Hủ thừa cơ vượt qua, rồi vội vàng lao về phía trước. Đi suốt ngày đêm được hai trăm dặm, đồng thời cứ mỗi chỗ trú chân, lệnh cho lại sĩ lập 2 bếp, sau một ngày số lượng tăng đôi. Người Khương vì để Ngu Hủ tẩu thoát, đuổi theo, nhưng nhìn thấy số lượng bếp của Ngu Hủ ngày một nhiều , nên không dám đuổi theo nữa. Ngu Hủ và mọi người vì thế mà đến Vũ Đô sớm hơn.

Ngu Hủ cho tăng lượng bếp lên là để tỏ ra ta mạnh, ngược với Tôn Tẫn, giảm số lượng bếp đi để tỏ ra là mình yếu. Dụng ý khác nhau hoàn toàn. Giảm số bếp đi chứng tỏ mình yếu là để dụ nhử địch tiến lên, tăng số bếp lên để tỏ ra là ta mạnh, tức là để doạ, buộc địch rút lui. Hầu loại kế sách này đều được nghĩ ra và vận dụng trong trường kế sách đặc thù, vì vậy chủ thể của kế sách nếu không có được cái tài năng đặc thù thì cũng khó lòng thực hiện

được. Ngu Hủ dùng biện pháp tăng số lượng bếp lên để đe doạ buộc người Khương phải rút lui, những người tuỳ tùng theo ông không hiểu nguyên do, vì thế sau khi đến Vũ Đô mới hỏi Ngu Hủ: "Ngày xưa Tôn Tẫn hành quân cứ sau một ngày thì giảm bếp, nay tướng công sau một ngày lại tăng bếp. Trong binh pháp nói rằng mỗi ngày hành quân không quá ba mươi dặm để phòng những chuyện khó lường trước hết được, nay tướng công cho hành quân mỗi ngày hai trăm dặm tại sao vậy?". Ngu Hủ trả lời : "Giặc đông còn ta thì ít, đi chậm dễ bị chúng đuổi theo, hành quân nhanh, chúng không sao quan sát biết được tình hình của ta. Bọn giặc Khương thấy bên ta số bếp ngày một tăng thêm, tất chúng phải cho rằng ta được tăng viện, sẽ không dám đuổi theo. Xưa Tôn Tẫn giảm số bếp là để cho địch ngộ nhận thế của mình yếu. Tình thế bây giờ lại khác. Đối với giặc Khương thì phải tỏ ra mình mạnh, mới có thể buộc chúng rút lui không dám truy kích." Những phân tích ấy chứng tỏ kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của Ngu Hủ vô cùng cao siêu.

Thời Lưu Tống Nam triều, Đàn Đạo Tế được lệnh phạt Nguỵ. Đánh nhau với quân Nguỵ hơn ba mươi sáu trận, luôn có tin thắng trận. Khi quân Tống đánh tới Lịch Thành (nay là huyện Sóc tỉnh Sơn Tây) quân Nguỵ tấn công đường tiếp tế quân lương của quân Tống bằng khinh kỵ, đốt lương thảo. Đàn Đạo Tế thấy việc cung ứng lương thảo không được thường xuyên liên tục, thì đành phải chuẩn bị rút quân. Lúc ấy, có một người lính chạy sang hàng

quân Nguỵ. Đem chuyện quân Tống hết lương thực nói cho tướng lĩnh quân Nguỵ biết. Tướng lĩnh quân Nguỵ lập tức cho truy kích. Quân Tống biết tin vô cùng hốt hoảng, nhân tâm thất tán. Trong giờ phút nguy cấp đó, Đàn Đạo Tế nghĩ ra một kế lập tức lệnh cho quân lính nhân lúc trời tối dùng đấu đong cát vừa đong vừa đếm, cố ý làm cho mọi người đều nghe thấy, sau đó đem một ít lương thực còn giữ lại được rắc lên các bao cát đã đong xong, rồi đặt ven đường. Chờ trời sáng, quân Nguỵ phát hiện ven đường có nhiều lương thực, liên tưởng đến những tiếng hô đong đếm tối qua, nhận định quân Tống đâu thiếu lương thực, tên lính Tống xin hàng kia bị ngộ nhận là làm gián điệp, lập tức bị xử trảm, đồng thời cho ngừng truy kích, chỉ quan sát từ xa hướng địch chuyển của quân Tống. Thế là Đàn Đạo Tế một mặt hạ lệnh cho tướng sĩ khoác áo giáp, cầm kiếm, vũ trang đầy đủ : mặt khác, bản thân ông ta đắc chí ngồi trên chiến xa, nói cười vui vẻ từ tốn đưa quân Tống hành tiến. Nguỵ quân thấy vậy, ngỡ rằng Đàn Đạo Tế đang tổ chức mai phục, càng không dám lại gần. Thế là quân Tống rút lui an toàn.

Đàn Đạo Tế hiểm nguy không sợ hãi, sao mà ung dung tự tại ! Cả hai bên địch ta xáp gần trong gang tấc, nếu đánh nhau thì quân Tống không có cách nào chống đỡ nổi. Giả dụ như không nhân đem tối nghĩ ra chuyện đong cát, thì quân Nguỵ có thể tấn công ngay sáng hôm sau. Giả dụ như khi quân Tống, rút lui quân lính kinh hoàng tháo chạy. Quân Nguỵ nếu biết được đâu là hư là

thực, thì cũng có thể vội vàng đuổi theo, buộc quân Tống không làm sao rút lui êm thấm được. Đàn Đạo Tế tinh thông chiến thuật tâm lý, nên dùng động tác giả để làm rối loạn nhịp điệu tác chiến của quân Nguỵ.

Qua ba ví dụ trên, chúng ta có thể nhận thấy, trong thực tiễn chiến tranh, bên thiếu lực lượng nhưng cố tình tỏ ra mình có thực lực lớn, vẫn có thể đe doạ kẻ thù để bảo vệ hành động của mình. Đặc biệt là trong điều kiện không có lực lượng thì càng cần phải cố ý tạo thanh thế khi không có ý định hành động, nhưng lại làm ra vẻ sắp hành động, khi không đủ lực lượng lại tạo ra ảo tượng, tỏ ra thừa sức, lực lượng có dư, hoặc làm trận địa giả, nhiễu loạn hành động của địch. Đó là các kiểu biểu hiện "hư nhi thực chi" (hư mà cứ như là thực).

Cái gọi là " hư nhi hư chi"là chỉ chủ thể của kế sách trong tình huống lực lượng tự thân tương đối yếu mỏng, nhưng vẫn cố làm ra vẻ không dấu diếm gì, tạo ra cảm giác sai lầm cho khách thể, sau đó lợi dụng cái ảo giác sai lạc đó, hoặc là dùng một hành động nhất định nào đó để đạt được mục đích mong đợi.

Gia Cát Lượng lần đầu tiên Bắc phạt, đưa mười vạn đại quân, liên tục tấn công ba quận là Thiên Thuỷ, Nam An, An Định của quân Tào Nguỵ. Nhưng vì Mã Tốc đi đầu đã bỏ mất Nhai Đình (nay là Tân An Cam Túc) một vị trí chiến lược quan trọng, quân Thục buộc phải rút lui. Gia Cát Lượng còn ở Tân Thành chưa kịp lên đường thì

Tư Mã Ý kéo quân tới. Lúc bấy giờ, ở Tân Thành chỉ còn để lại mấy ngàn lính già và mấy chục nữ quan, khó lòng chống lại, tình thế vô cùng nguy cấp. Gia Cát Lượng phân tích tâm lý dùng binh của Tư Mã Ý xong, quyết định bỏ trống thành và bố trí nghi binh. Ông hạ lệnh cho quân sĩ bỏ hết cờ xí trên thành, mở toang cửa thành ở bốn phía, vẩy nước, quyết dọn đường sá, còn bản thân mình thì ngồi trên gác, đốt hương, đánh đàn, tỏ vẻ an nhàn tự đắc. Tư Mã Ý đến chân thành, từ xa đã nhìn thấy Gia Cát Lượng điềm tĩnh, tự tin, tiếng đàn không loạn nhịp, nghi rằng ở cửa thành có bố trí lính mai phục, bèn hạ lệnh cho toàn quân rút lui. Gia Cát Lượng dẫn bộ chúng hội họp với Triệu Vân, rồi ung dung rút về.

"Không thành kế" do Gia Cát Lượng đóng vai chính thuộc loại hư cấu văn học của "Tam quốc diễn nghĩa", nhưng trong lịch sử vẫn tồn tại một cách chân thật câu chuyện dùng "không thành kế" để tự bảo vệ mình hay làm đại bại kẻ địch mạnh.

Thời Lưu Tống thuộc Nam triều, Bắc Ngụy đưa quân đánh Tế Nam. Thái thú Tế Nam của nhà Tống là Tiêu Thừa Chỉ đưa một trăm người giữ thành. Quân Ngụy người đông thế mạnh, ém sát chân thành. Tiêu Thừa Chỉ lệnh cho quân lính tháo cờ, im tiếng trống, mở rộng cửa thành. Mọi người lo lắng thắc mắc. Quân địch hùng mạnh đang ở ngay trước mặt, giặc đông còn ta thì ít, tại sao lại coi thường địch thế? Tiêu Thừa Chỉ giải thích: "Trước mắt thì

chúng ta đơn thương độc mã giữ cùng thành, sự thế đã đến mức vô cùng nghiêm trọng, nếu mà để lộ ra tình hình thực tế, tất nhiên sẽ bị kẻ thù bắt giết hết, cho nên làm ra vẻ chẳng dấu diếm điều gì, làm cho kẻ địch cho rằng chúng ta rất mạnh nên không dám liều lĩnh công thành.

Quân Nguỵ nhìn thấy sự bố trí sắp đặt của Tiêu Thừa, nghi rằng ngay ở cửa thành có bố trí mai phục, nên không công thành nữa mà rút lui.

Đường Khai Nguyên năm thứ mười lăm (năm 727), người Thổ phiên tấn công Qua Châu (nay là An Tây tỉnh Cam Túc), thủ tướng Vương Quân Hán bị bắn chết, triều đình uỷ nhiệm Trương Thư Khuê làm Qua Châu thích sử, sau khi nhiệm chức Trương Thư Khuê lập tức tổ chức dân chúng xây dựng tường thành tăng cường chuẩn bị. Thế nhưng tường thành chưa kịp xây xong người Thổ phiên đột ngột kéo đến đánh. Lúc này mọi cư dân trong thành vô cùng hoảng sợ, Trương Thư Khuê cho mời các thuộc hạ lại, phân tích cho họ: "Địch thì đông mà ta thì ít. Không thể dùng tên sắc, bẫy đá để cố đánh trả, phải dùng mưu mẹo kế sách buộc bọn Thổ phiên phải rút quân". Và thế là ông ra lệnh cho quân sĩ chuẩn bị rượu thịt, tìm nhạc công thổi sáo đánh đàn, rồi đích thân ông cùng binh lính uống rượu vui chơi, đồng thời mở toang cửa thành. Thủ lĩnh quân Thổ phiên nhìn thấy thế nghĩ rằng trong thành thế nào cũng có quân mai phục, không dám coi thường, liều lĩnh vào thành đánh cho rút quân.

Những đoá hoa của tín tuệ thường nở ở những nơi nguy hiểm, những chiến công thần kỳ thường xuất hiện vào những giây phút căng thẳng gay cấn nhất. Khi mà quân Nguỵ và quân Thổ phiên đã ém chặt dưới chân thành,, Tiêu Thừa Chỉ, Trương Thủ Khuê hoàn toàn nhận thức được rằng lực lượng của mình quá mỏng, quá yếu, nhưng chẳng hề lo phòng bị, việc làm đó đòi hỏi một sự can đảm nhất định. Đương nhiên, nếu chỉ dựa vào sự can đảm thôi thì sao đủ ! Ở đây Tiêu Thừa Chỉ, Trương Thủ Khuê đã biết lợi dụng đặc điểm tâm lý của đối phương, đối phương nghĩ rằng ta không thể mạo hiểm đến thế, còn ta thì phá tan cái thông lệ tập quán xưa nay, dùng những hành động mạo hiểm để mê hoặc đối phương, đó chính là biểu hiện của sự cao tay vậy !

"Không thành kế" là một loại chiến thuật tâm lý mà hạt nhân của nó lại chính là chữ "nghi". Loại kế sách dùng chữ "nghi" để tạo ra chiến thắng ấy không những có thể dùng chiếm giữ thành trì của mình mà cũng có thể vận dụng trong các trận tao ngộ chiến (1) ở thế địch quân đông còn ta thì quân ít.

Phi tướng quân (2) nhà Hán là Lý Quảng khi đánh nhau với Hung nô đã có lúc sử dụng hơn một trăm kỵ binh chống chọi với mấy ngàn kỵ binh Hung nô. Quân

1. Tao ngộ chiến : Trận đánh phát sinh khi quân của hai bên đối địch nhau chạm trán nhau trong quá trình vận động.
2. Phi tướng quân : tướng quân bay.

Hung nô cho rằng họ là dụ binh, rất ngạc nhiên hoảng hốt, kéo nhau lên núi dàn trận thế. Còn quân sĩ nhà Hán thì vô cùng sợ hãi định quay ngựa bỏ chạy. Lý Quảng thấy thế, vội vàng khuyên nhủ rồi hạ lệnh tiến lên. Khi đã đến một địa điểm cách trận địa quân Hung Nô chưa đầy hai dặm thì dừng lại, lệnh cho mọi người tất cả phải xuống ngựa, tháo yên, nghỉ tại chỗ. Một số binh sĩ cảm thấy rất nguy hiểm, Lý Quảng giải thích "Quân Hung nô vốn cho rằng chúng ta sẽ rút lui, bây giờ mọi người đều tháo yên ngựa, chứng tỏ chúng ta không bỏ đi, chúng sẽ tin chắc rằng chúng ta là dụ binh". Cứ thế, kỵ binh Hung nô quả thật là không dám liều lĩnh tấn công. Thình thoảng Lý Quảng lại thấy một thủ lĩnh quân Hung nô xuất trận giám hộ. Lý Quảng dẫn mười mấy kỵ binh, vừa phóng ngựa vừa bắn tên, bắn chết người thủ lĩnh đó, rồi quay lại chỗ cũ, tháo yên ngựa ra, thả ngựa ra, nằm vật ra ngủ. Mãi cho tới lúc hoàng hôn, Kỵ binh Hung nô từ đầu tới giờ vẫn cảm thấy nghi ngờ, nên không dám liều lĩnh xuất kích. Đến nửa đêm, chúng nghĩ rằng quân Hán cho đại quân mai phục gần đó, sợ bị tập kích đánh bất ngờ, nên rút lui. Lý Quảng ung dung đưa quân về đại bản doanh từ lúc sáng tinh mơ hôm sau.

Năm thứ 24 Hán Kiến An (năm 219) vào mùa xuân. Tào Tháo đưa đại quân từ Tràng An tiến sát Hán Trung. Quân Thục dựa vào chỗ địa thế hiểm yếu cố thủ, không giao chiến có một hôm. Hoàng Trung thấy lương thảo của

quân Tào Thái được dồn tích lại dưới một quả núi, liền bàn với triệu Vân đi cướp, đồng thời hẹn giờ rút về. Hoàng Trung xuất phát không bao lâu thì bị quân Tào bao vây, dù tả xung hữu đột cũng không sao thoát được. Triệu Vân thấy đến giờ hẹn mà không thấy Hoàng Trung quay về, liền đưa hơn chục con ngựa đi đón. Lúc ấy là lúc Hoàng trung đang bị tấn công. Triệu Vân một mình một ngựa xông tới, lọt vào trong cứu được Hoàng Trung ra. Vừa đánh vừa rút lui, mãi cho đến khi về tới doanh trại. Tào quân đuổi riết ở phía sau, cũng đến thẳng trước cửa doanh trại của Triệu Vân. Triệu Vân thấy tình thế địch thì đông mà ta thì ít, khó chống đỡ nổi, liền mệnh lệnh cho cấp dưới cố ý mở rộng cửa doanh trại, cuốn cờ, thôi đánh trống tạo ra cảnh giả như không hề có sự mai phục nào. Tào Tháo tốc cổng trại, nhìn thấy trong doanh trại trống trơn tuồn tuột, nghi rằng bên trong có lính mai phục, không dám khinh thường liều lĩnh đánh vào. Nhưng khi quân Tào rút đi, Triệu Vân cho quân sĩ nổi trống la hét, hàng vạn mũi tên lao ra. Quân Tào lúc ấy hoảng hồn bỏ chạy, dẫm đạp lên nhau, thương vong không sao kể xiết. Hôm sau, Lưu Bị đến doanh trại của Triệu Vân xem xét, không kìm nổi sự thán phục, khen : "Cả đời Tử Long cũng đến thế mà thôi !".

Lý Quảng và Triệu Vân đều là những kẻ có gan có mật có mưu có kế trong tâm mắt mình, đối mặt với một kẻ địch mạnh, nếu đánh thì tất sẽ bị tiêu diệt, nếu lui thì

cũng chẳng còn, làm thế nào? Tục ngữ có câu: "Nhân tại nguy nan tu phóng đảm"(1). Nếu thiếu can đảm, không cả gan thì chẳng có cách gì ứng phó cục diện ấy; nhưng nếu chỉ dựa vào sự can đảm mà thiếu kế sách, thì cũng chẳng ứng phó nổi cái cục diện này. Cho nên, sau lần Lý Quảng chạm trán với kỵ binh Hung nô, điều đầu tiên nghĩ ra được là : Chỉ cách đạo quân mấy chục dặm đường, nếu bỏ chạy về, quân Hung nô đuổi bắn tên theo có lẽ chẳng ai chạy thoát ; nhưng nếu ở lại, không bỏ chạy, thì kỵ binh Hung nô tất sẽ cho rằng, họ chính là những người đi trước làm dụ binh cho đại quân đang ở phía sau, vì thế không dám tấn công vào họ. Cách phân tích tâm lý như vậy vô cùng xác đáng. Quay lại chuyện Triệu Vân bị quân Tào Tháo truy kích, có lẽ cũng trăn trở suy nghĩ như vậy, nếu họ quay lại đâm chém nhau với quân Tào Tháo, sẽ bị tiêu diệt không còn một mống. Nếu cố thủ trong doanh trại, chống trả quân Tào Tháo, thì cũng chắc chẳng được bao lâu ; ngược lại, nếu mở rộng cửa doanh trại, cuốn cờ im tiếng trống, sẽ làm cho Tào Tháo nghi ngờ, làm cho quân Tào không dám coi thường liều lĩnh đánh vào. Lý Quảng Triệu Vân từ nhận thức phân tích riêng của chính mình, trong tình huống lực lượng yếu, mỏng, tạo ra một biểu tượng trống không hoàn bị, cuối cùng buộc địch phải rút lui, che dấu được hành động của mình.

(1) Người ta khi gặp nguy nan thì phải dám làm (cả gan).

Trong các hình thức chuyển đổi giữa hư và thực, thì "hư nhi hư chi" được coi là một hình thức đầy thi vị. Đối với một người bình thường sự trực quan cảm tính rất dễ bị ảnh ảo của sự vật làm mê hoặc. Những định kiến mang tính chất kinh nghiệm cũng rất dễ lái sự phán đoán theo hướng lầm lạc. "Không thành kế" chính đã lợi dụng được cái khiếm khuyết này trong trí tuệ con người. Tuy nó là sản phẩm của thực tiễn chiến tranh truyền thống, nhưng những chiến thuật tâm lý mà nó bao quát được, cho đến ngày nay vẫn còn sức sống nhất định.

Cái gọi là "thực chi thực chi" là chủ thể của kế sách khi chính bản thân mình rơi vào điều kiện có ưu thế, vẫn tỏ ra đã được chuẩn bị sẵn sàng từ trước, tạo cho khách thể của kế sách một cảm giác sai lệch, sau đó lợi dụng chính cái cảm giác sai lầm ấy. Với những biện pháp nhất định, đạt được mục tiêu định sẵn.

Hồi thứ 50 của "Tam quốc diễn nghĩa" Gia Cát Lượng tính toán Hoa Dung đạo" đã miêu tả một câu chuyện về kế sách "Thực nhi thực chi"

Tào Tháo bị thua ở trận Xích Bình xong, cùng tàn quân chạy về Nam Quận. Nửa đường phải đi qua Hoa Dung đạo, hoặc là phải đi tránh bằng một con đường lớn khác. Đường lớn này tương đối bằng phẳng, nhưng xa hơn trên năm mươi dặm. Hoa Dung đạo núi non hiểm trở, đường hẹp nhưng gần hơn năm mươi dặm. Tào Tháo cho người leo lên núi trinh sát hư thực động tĩnh về báo cáo

lại : "Ven con đường nhỏ, nhiều nơi có khói bay lên trên đường lớn lại hoàn toàn yên ắng". Thế thì, nên đi đường nào bây giờ? Các tướng lĩnh đều cho rằng : "Nơi có khói bay lên, tất có binh mã" Nhưng một con người thông hiểu binh pháp như Tào Tháo, lại căn cứ tập quán dùng binh thường lệ "hư nhi thực chi" thực nhi hư chi" phân tích : "Gia Cát Lượng túc trí đa mưu, cho nên sai lính leo lên núi nhằm nơi vắng vẻ hẻo lánh đốt lửa, làm cho chúng ta không dám đi trên con đường đó. Ông ta sẽ bố trí mai phục ở con đường lớn. Chúng ta quyết không bị ông ta lừa". Thế là lệnh đi theo đường Hoa Dung đạo. Kết quả, chẳng những đi được bao xa đã liên tục chạm trán quân mai phục của Gia Cát Lượng, bị đánh cho tan tành. Tào Tháo thì suýt nữa bị Quan Vũ bắt sống.

Câu chuyện này tuy thuộc diện hư cấu, nhưng hợp với lý thông thường . Bố trí tác chiến của Gia Cát Lượng không những phải tính đến thiên thời, địa lợi mà còn suy xét xem đối phương đã đánh giá về phía mình ra sao. Nhất là nhằm đúng vào đặc điểm Tào Tháo thuộc binh pháp làu làu, đa mưu, giỏi phán đoán, mà lại dụng binh theo tập quán bình thường, thu được hậu quả mà kẻ địch chưa tính tới, lấy bàn toán của địch để tính. Cho nên hậu thế có người tổng kết kinh nghiệm tác chiến, đã chỉ rõ : "Nếu tướng giặc thuộc lòng binh pháp của tiền nhân, thế thì để đối phó lại phải dùng ngược binh pháp cổ".

II. NHƯNG, TÌM RA TỔ KIẾN THÌ LẠI LÀM ĐÊ VỠ

Con đê dài hàng trăm dặm phải vỡ vì một tổ kiến, lâu đài cao vạn trượng sập đổ vì gỗ mục.

Hư mà thực, thực mà hư, hư mà hư, thực mà thực, có 4 kiểu tất cả, chủ yếu là do sự mạnh yếu, tốt xấu của tự thân chủ thể kế sách mà nẩy sinh ra. Thế nhưng "hư thực tại địch", lại là chủ thể của kế sách, vận dụng kế sách thì phải chú trọng dẫn đo cân nhắc từ phía nội bộ khách thể của kế sách. Lấy khách thể của kế sách làm điểm xuất phát, thấy có chỗ trống thì bước vào, trên tay thì dắt nghé, thấy nhà cháy thì lấy của chơi, thấy nước đục thì mò cá, đã trở thành thủ đoạn mà chủ thể kế sách thường dùng. Hạt nhân của loại kế sách này là ở chỗ lợi dụng sự nguy hiểm, sự trống rỗng, sự mâu thuẫn xung đột và những mắt xích yếu nhất của khách thể kế sách, dùng những biện pháp thiết thực có hiệu quả để đạt được cái mục đích mà lẽ ra bình thường khó lòng đạt được.

Năm thứ 38 thời Chu Kính vương(năm 482 trước công nguyên) vào mùa xuân. Ngô vương Phù Sai vì muốn xưng bá trung nguyên, đích thân đưa ba vạn lính tinh nhuệ, tiến về Hoàng Trì ở phía Bắc (nay là Tây nam Phong Khâu Hà Nam) để phối hợp với đồng minh, chỉ để lại binh lính già yếu một vạn người. Thái tử nhà Ngô là Hữu Trấn giữ

Cô Tô (nay là Tô Châu, Giang Tô) Việt vương là Câu Tiễn thấy dịp may đã đến, nhân Phù Sai vừa rồi khỏi quốc đô, địch đưa quân đi đánh nước Ngô. Đại phu Phạm Lãi cho rằng thời cơ chưa chín mùi, phân tích : "Ngô vương xa giá lên phương bắc gặp các chư hầu ở Hoàng Trì, tinh binh đi theo vua, trong nước trống rỗng, binh lính già yếu ở phía sau, thái tử lưu giữ, lính (tinh nhuệ) vừa xuất cảnh chưa được bao lâu, chưa đi được bao xa, nếu nghe tin nước Việt nhân cơ hội ấy tràn vào thấp chỗ trống, thì chuyện cho quân quay lại không có gì là khó cả." Rồi khuyên Câu Tiễn hãy tạm gác lại, chưa xuất quân vội. Chừng 1 tháng sau, dự đoán quân Ngô đã đến Hoàng Trì, Câu Tiễn liền điều tập năm vạn binh mã, chia ra làm hai nhánh, tiến thẳng về Cô Tô. Ngô thái tử Hữu soái bộ chặn đánh sự tấn công của Việt quân. Không địch nổi số đông. Cuối cùng bị bắt sống. Việt quân nhanh chóng chiếm lĩnh Cô Tô. Phù Sai ở Hoàng Trì nghe tin, cố giành được địa vị bá chủ, sau đó quay về để cứu. Nhưng do viễn chinh lâu ngày, quân mệt mỏi dân thì khốn đốn, trong nước trống rỗng, phản kích Việt quân không chắc thắng được, nên giữa đường cho người cầu hoà với Câu Tiễn. Câu Tiễn tự nhận thấy không đủ sức diệt Ngô, liền chấp nhận, rút quân về nước.

Đó là bước đầu trên Việt vương Câu tiễn trừ diệt nhà Ngô Sở dĩ quân Việt ra quân và giành được một số chiến thắng, nguyên nhân chủ yếu là lợi dụng Phù Sai kéo quân lên phía Bắc lôi kéo đồng minh ở Hoàng Trì, thời cơ trong

nước trống rỗng. Từ tình hình thực tế lúc bấy giờ mà xét, binh lực của nước Việt so với nước Ngô vẫn ở thế yếu. Trừ phi nhân lúc trong nước trống rỗng tràn vào lấp chỗ hổng, không thể không thể tạo thành cái ưu thế nằm bên trong một thế xấu khác được. Nhưng nếu tấn công sớm thì tất dẫn tới việc Phù Sai bỏ dở cuộc hành quân quay lại, sẽ nổ ra trận quyết chiến chủ lực sẽ đưa quân Việt đến chỗ thất bại nặng nề. Mà khi đã thất bại, nước Việt sẽ rơi vào thế bị diệt vong. Cái may là ở chỗ Câu Tiễn còn biết nghe theo lời khuyên can của Phạm Lãi. Chờ cho đến khi Phù Sai đã đến được Hoàng Trì thì hãy tấn công nước Ngô thì tự nhiên cán cân lực lượng giữa hai bên, quân Việt sẽ giành được ưu thế. Vì vậy, nói rằng đánh vào chỗ hổng, tiện tay thì cướp đê. Là một sự chỉ đạo chính xác, Câu Tiễn đánh Ngô giành được chiến thắng trong trận này.

Khi Nguỵ Huệ vương con ở trên ngôi, sai tướng quân Bàng Quyên đưa tám vạn quân tấn công nước Triệu. Vây chặt thủ đô Triệu là Hàm Đan. Nước Triệu cho người đến cầu cứu nước tề. Tề Uy vương giao cho Điền Kỵ làm chủ tướng, Tôn Tẫn làm quân sư đưa quân cứu viện nước Triệu. Điền Kỵ muốn tiến thẳng đến Hàm Đan liên hiệp với quân Triệu để tấn công. Tôn Tẫn thì cho rằng, không nên làm như vậy, và phân tích cho Điền Kỵ : "Hiện tại bộ đội tinh nhuệ của nước Nguỵ, tất cả đều tập trung dưới chân thành Hàm Đan bên trong bỏ trống. Nếu chúng ta đánh thẳng vào thủ đô Nguỵ là Đại Lương (nay là Khai Phong Hà

Nam). Chiếm cứ huyết mạch giao thông của chúng, thực thi các hoạt động tập kích rộng. Nguỵ quân tất sẽ bỏ bao vây Hàm Đan. Rút lui để tự cứu. Lúc ấy, chúng ta có thể nhân cơ hội Nguỵ quân mệt mỏi rã rời, lấy dĩ dật đãi lao, chặn đánh giữa đường thì chắc chắn sẽ thắng." Điền Kỵ chấp nhận ý kiến đó. Cho khinh binh nhuệ tốt tiến thẳng vào ngoại ô Đại Lương để điều động Bàng Quyên hồi viện, và đưa quân chủ lực tập kết vào một vùng để chờ thời cơ, chuẩn bị đánh chặn quân Nguỵ. Bàng Quyên được tin thủ đô nguy cấp, vội vã bỏ việc đánh Triệu, đưa quân đi suốt ngày đêm về cứu Đại Lương. Khi Nguỵ quân về đến Quế Lãng (nay là vùng đông bắc Hà Trạch Sơn Đông). Thì bị quân Tề đã cài sẵn ở đó chặn đánh. Quân Nguỵ do một thời gian dài phải đánh Triệu, sức lực đã bị tiêu hao khá nhiều, cộng thêm phải hành quân thâu đêm suốt sáng, tiếp tế không đầy đủ, quân sĩ vô cùng mệt mỏi, nên gần như bị tiêu diệt hoàn toàn.

Đó chính là lối thoát của kế "vây Nguỵ cứu Triệu". Tôn Tử binh pháp cho rằng : "Ta muốn đánh, thì dù địch có luỹ cao hào sâu, cũng không thể không đánh nhau với ta, đánh vào chỗ buộc phải cứu". Trận Quế Lãng, Tôn Tẫn đã lấy "có đánh chúng thì mới buộc chúng phải tự cứu, làm tư tưởng chỉ đạo, buộc quân Nguỵ rơi vào thế bị động. Đại Lương là trung tâm chính trị, kinh tế của nước Nguỵ , không còn nghi ngờ gì nữa là cần thiết phải cứu. Quân Nguỵ vây đánh Hàm Đan, phải điều động binh nhuệ tốt của chúng ra bên ngoài. Đại Lương sẽ trống rỗng

không còn gì, là cái bẫy bỏ trống mà quân Tề có thể lợi dụng được Quân Tề cấp tốc hành quân về Đại lương, tất nhiên sẽ điều động quân Nguỵ trở về để tiếp cứu, làm cho quân sĩ mệt mỏi mà tháo chạy, sức chiến đấu sẽ giảm sút nhiều. Quân Tề bí mật chọn Quế Lăng làm điểm giáp chiến, cắt đứt đường về của quân Nguỵ, đó là điều mà Bàng Quyên không sao ngờ tới được. Quân Tề lấy dật đài lao (lấy sự nghỉ ngơi đầy đủ để lấy sức của quân ta đối phó với (quân địch đang mệt mỏi rã rời). Điều động quân Nguỵ vào trạng thái vận động để rồi bất ngờ đánh úp cho nên chỉ cần một chút là đã giành được thắng lợi. Cái kế sách quân sự điển hình mang tính chất tổng hợp này, từ giờ trở đi đã trở thành một sách lược tốt thường dùng của các nhà quân sự ở nhiều thời đại để chuyển đổi cục thế chiến trường, đồng thời trên cơ sở đó, biến hoá thành một loạt các chiến thuật mới như vây thành đánh viện (quân). Công thành đánh viện...

Thời đầu Đông Hán. Lưu Tú cắt cử đại tướng Cảnh Yêm đánh Tề vương đang cát sứ Sơn Đông là Trương Bộ. Trương Bộ lệnh cho Phó Ấp, đóng quân tại Lịch Hạ (nay là vùng Tây Lịch thành tỉnh Sơn Đông) cùng cự lý (nay là Đông bắc Lịch Thành Sơn Đông) hợp thành cái thế sừng trâu. Vừa vào trận Cảnh Yên đã báo tin chiến thắng, đánh tiếp tới Cự Lý. Sau khi quân Hán đến Cự Lý. Cảnh Yêm ra lệnh lập tức chuẩn bị chiến cụ để công thành, ba ngày sau thì đánh chiếm thành, bí mật thả một số tù binh, để chúng truyền đạt lại cái mệnh lệnh kia cho Phó Ấp.

Phó Ấp được tin, quả nhiên đúng ba hôm sau đích thân mang ba vạn tinh binh đến cứu thành Cự Lý. Cảnh Yêm mừng ra mặt, nói với các thuộc tướng :"Chúng ta sở dĩ chuẩn bị chiến cụ công thành chính là để dụ Phó Ấp xuất hiện. Nếu không đánh tan được bộ đội chủ lực của hắn, thì làm sao đánh được thành? "Thế là, Cảnh Yêm cho ba ngàn người vây giữ Cự Lý, còn bản thân mình thì đưa đại quân đến một ngọn núi kề sát Cự Lý bố trí trận địa phục kích, đón Phó Ấp đến, từ trên cao xông xuống, đại phá quân Tề, chém đầu Phó Ấp. Quân Hán mang đầu Phó Ấp về treo dưới chân thành Cự Lý. Binh lính (của Phó Ấp) lập tức tan rã. Thành Cự Lý mặc dù không đánh mà vẫn thắng.

Trận đánh này của Cảnh Yêm đã phát triển và làm phong phú thêm nghệ thuật cầm quân "vây Ngụy cứu Triệu". Bao vây và đánh Cự Lý là một thủ đoạn "công kỳ tất cứu" (đánh vào họ thì tất họ phải lo để tự cứu mình)

Chặn đánh Phó Ấp là phương pháp "dĩ dật đãi lao" (lấy sự nghỉ ngơi chuẩn bị đầy đủ (của quân ta) để đối phó lại với (quân địch) mệt mỏi. Cự Lý vốn hợp với Lịch hạ tạo thành cái thế sừng trâu, quân Hán tấn công vào, đương nhiên Phó Ấp không thể phủi tay mặc kệ ! Cảnh Yêm bao vây Cự Lý. Chặn đánh Phó Ấp, là lấy việc đánh thành chỉ là nguỵ trang, là giả, mà đánh chặn viện mới là thực, biến công kiên chiến thành vận động chiến, tiêu diệt địch ngay trong lúc chúng đang vận động. Như vậy, vốn

là một khúc xương khó gặm đã biến thành một miếng thịt béo ngon ăn.

Hán Kiến An năm thứ hai mươi bốn (năm 219) Quan Vũ đưa quân chủ lực tấn công Phàn thành (nay là Tương Phàn Hồ Bắc) không chống chọi nổi với quân tướng Tào Phủ Tướng nhà Ngô là Lã Mông cho rằng đây là thời cơ có lợi để Đông Ngô giành lại Kinh Châu, lần vờ ốm nặng, cho Tôn Quyền công khai triệu đòi về Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh - Giang Tô). Cử Lục Tốn, một người chưa nổi tiếng, nhưng không bị Quan Vũ đố kỵ lên thay. Sau khi Lục Tốn nhận chức, liền viết thư cho Quan Vũ, tự cho mình là một là một kẻ thư sinh bất tài, ra tâng bốc uy tin quân sự của quan vũ, có thể sách ngang hàng với Tống Văn công, Hàn Tín để tăng thêm vẻ cao ngạo. Quan Vũ được tin Đông Ngô thay tướng, rồi lại nhận được thư của Lục Tốn liền bị mê hoặc bởi hành vi lừa dối của Đông Ngô. Quả nhiên từ Nam Quận (Giang Lăng , Quận Trị) cho quân tấn công Phàn Thành, không lưu ý cảnh giác với Đông Ngô nữa. Tôn Quyền nhận được tin, lệnh Lã Mông làm đại đô đốc, đưa quân tập kích Giang Lăng. Lã Mông đưa quân men theo dòng sông, tiến đến Tầm Dương (nay là đông bắc Quảng Tế Hồ Bắc), dấu tinh binh trong khoang thuyền, cho lính chèo mặc quần áo trắng, nguỵ trang thành thương nhân, đi suốt ngày đêm. Sau khi vào bên trong đất Thục, quân Ngô thừa cơ địch không đề phòng, đã dọn sạch các điếm canh ven sông của quân Thục, làm cho Quân Vũ mất hết tai mắt, không biết được rằng quân Ngô đang

tiến về hướng Tây. Thủ tướng quận Nam Thục vốn bất mãn với Quân Vũ, lúc ấy thấy quân Ngô kéo đến tấn công thì vội mở cửa thành xin hàng. Lã Mông chiếm được Nam Quận mà lính không hề mất một giọt máu nào. Sau khi Quan Vũ mất đứt hậu phương, không còn sức lấy lại được, đành bỏ Phàn thành, rút lui về phía Tây Nam, kết quả bị quân Ngô bắt rồi đem giết chết. Quân Ngô nhanh chóng chiếm lĩnh các quận vốn do Quan Vũ cai trị ở Kinh Châu.

Đó là chiến dịch "áo trắng qua đò" lừng danh. Lã Mông, Lục Tốn nắm được ý đồ Quan Vũ dốc toàn lực tấn công Phàn Thành. Thời cơ hiếm có xuất hiện : hậu phương bỏ ngỏ, Lã Mông và Lục Tốn nhanh chóng bất ngờ chiếm lấy Giang Lăng đến nỗi làm cho Quan Vũ rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Trong vở kịch đầy lý thú này, quân thần Đông Ngô diễn xuất rất xuất sắc. Bên ngoài thì tỏ thái độ hoà khí, bên trong đầy quỷ kế, không lộ rõ ý đồ ra ngoài, nhưng bên trong ngấm ngầm nguy hiểm, bỡn cợt Quan Vũ như đặt Quan Vũ trong lòng bàn tay, để rồi cuối cùng, nhằm lúc bất ngờ, mất cảnh giác tung quân ra giáng những đòn chí mạng. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, hậu phương của Quan Vũ bị bỏ trống, đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho Quan Vũ thất trận thiệt thân. Lã Mông thấy sơ hở thì tấn công là kinh nghiệm cơ bản Lã Mông thu phục Kinh Châu. Điều đó há chẳng phải điều mà các bậc tướng ngẫm nghĩ hay sao?

Năm thứ tư Cảnh Nguyên thời Tào Nguỵ (năm 263) đã động viên binh lực toàn quốc đánh Thục. Thông qua sự sắp xếp của đại đô đốc Tư Mã Chiêu, Chung Hội thống soái bộ đội chủ lực, chia làm ba cánh hành quân đến Hán Trung. Đặng Ngải, Gia Cát Tự, mỗi người hơn ba vạn lính để kiềm toả Thục tướng Khương Duy ở Dạp Trung, (nay là vùng phía bắc Huyện Văn Cam túc). Quân chủ lực Nguỵ vượt qua Tần Lĩnh không vấp phải một trở ngại nào, đột nhập vào Hán Trung, đi đến đâu cũng đánh thành, chiếm đất. Cho đến khi chiếm được quan khẩu Dương An (nay là phía bắc Kiếm Các, Tứ Xuyên) rồi tiến sát Thành Đô. Khương Duy được tin, đánh nhau với Đặng Ngải một trận kịch chiến, rồi vòng qua hợp với Gia Cát Tự, dựa vào những tay kiếm ở Kiếm Các lập phòng tuyến cố thủ. Chung Hội tấn công không được, giằng co mấy tháng trời. Lúc đó Đặng Ngải quyết định xuất phát từ Am Bình (nay là phiá tây bắc Văn Huyện, Cam Tú). Đích thân đưa hơn vạn quân tinh nhuệ đó trước mở đường, hai vạn người còn lại gùi lương vác dáo theo sau. Quân Nguỵ đi trên những con đường nhỏ, hẻo lánh, "hành vô nhân chi địa thất bách lý, tạo sơn thông đạo, tập tác kiều các" vô cùng gian khổ, nhất là khi tới Mã Các sơn. (nay là đông năm Bình vũ tình tứ xuyên) do đường không thông. Đặng Ngải bỏ xe ngựa lại, đo làm trước cho binh lính làm theo : gói gém hành trang, lúc đẩy lúc lôi, cả tướng lẫn quân leo cây, đi men theo mép đá, từng người một, vượt qua vách núi cheo leo... mãi cho tới giang dầu (nay là phía bắc Giang Dầu

Tứ Xuyên). Sau đó quân Ngụy từ xa kéo tới đánh bại sự đề kháng của quân Thục Gia Cát Chiêu, nhanh chóng công chiếm Liêm Trúc (nay là Đức Dương, Tứ Xuyên) buộc hậu chúa Thục là Lưu Thiền phải đầu hàng. Khương Duy trong tình huống bất đắc dĩ, cũng phải đầu hàng Chung Hội. Chính quyền Thục Hán đến đây là bị diệt vong.

Chiến tranh giữa Ngụy và Thục lấy mốc Ngụy thắng Thục vong là kết thúc. Về mặt chỉ đạo tác chiến, chỗ thành công của phía quân Ngụy là vận dụng đầy đủ phương châm lấp đi chỗ trống. Đất của Thục Hán thuộc Ba Thục, Hán Trung. Sông núi hiểm trở dễ giữ nhưng khó tấn công.

Dù cho lực lượng quân Ngụy từ xa đến thẳng Thục, nhưng Tư Mã Chiêu lại chưa bao giờ vì thế mà đánh gượng ép, mà đánh địch từ hai phía, phối hợp với quân chủ lực từ xa tới. Vùng đất Hán Trung vốn dĩ rất trống trải, lại cộng thêm Khương Duy bị Đặng Ngải, Gia Cát Tự kiềm chế, bộ đội chủ lực của Chung Hội có được điều kiện thuận lợi nam tiến lấp lỗ hổng, đó là một trong những nguyên nhân mà quân Ngụy chỉ một nhát đã chiếm lĩnh được Hán Trung. Bí mật qua đò Âm Bình cũng là một phương thức tác chiến chen chân vào chỗ trống, nó biểu hiện tiềm năng chỉ huy linh hoạt cơ động, bất ngờ đã giành thắng lợi và ý chí chiến đấu ngoan cường không ngại khó khăn nguy hiểm của Đặng Ngải. Đặng Ngải trong tình thế bất lợi, chủ lực quân Ngụy vấp phải sự trở ngại, toàn cục

bị động, có trí quyết đoán, thông qua con đường nhỏ hẻo lánh ở An Bình, xuất hiện bất ngờ, xông vào sào huyệt địch, đánh bại binh lực cơ động chiến lược duy nhất của Thục - Hán là Gia Cát Chiêu... hoàn toàn làm thay đổi cục diện bị động, cuối cùng buộc Lưu Thiền đầu hàng. Điều đó chứng tỏ, lợi dụng sơ hở bí mật vượt đồ Âm bình đó là một cái kế mang tính then chốt, chuyển từ thế bị động sang thế chủ động giành thắng lợi của quân Nguỵ.

Lấp chỗ hổng, thuận tay bắt dê là lợi dụng sơ hở và mắt xích yếu của khách thể kế sách. Căn cứ theo sự giải thích của "36 kế" : Khi xuất hiện lỗ dò nhỏ cũng phải biết kịp thời lợi dụng, phát hiện ra những lợi ích bé nhỏ cũng phải cố mà đành lấy, biến sự sơ xuất của đối phương thành thắng lợi của ta". Gọi là "trên tay dắt dê" hơi khác với nó một chút, là "nhân cháy nhà thì ta ăn trộm" "nước đục mò cá" là lợi dụng cái nguy nan, tai nạn, xung đột mâu thuẫn của khách thể kế sách. Căn cứ theo sự giải thích của 36 kế: quân địch gặp khó khăn nguy hiểm, nhân cái dị ấy mà chọn chỗ tốt, thì gọi là: "Nhân cháy nhà thì ta ăn trộm". Nhân kẻ địch phát sinh ra sự hỗn loạn, lộn xộn, do sự suy yếu của chúng mà không có chủ kiến buộc chúng phải theo ta, thì gọi là "đục nước thì mò cá". Hai loại thủ đoạn này, trong các tình huống thông thường người ta coi là những hành vi thiếu đạo đức, nhưng khi rơi vào trong trường kế sách nhất định lại có cái gì gọi là nhân nghĩa đạo đức kiểu thông thường tống tương đáng bàn? Trong "Tôn Tử, kế thiên", nói "loạn nhi thủ chi" nhân cháy nhà

thì ta lấy . nước đục thì ta mò cá, há chẳng đều nói về nhân người gặp nạn, mượn thế để dành phần hơn đó sao?

Năm thứ bốn mươi hai Chu Kính vương (năm 478 trước công nguyên), nước Ngô bị hạn hán nặng nề, lương thực chẳng được thu hái, kho lẫm thì trống rỗng, người đói nhiều phải ra bờ bụi kiếm ăn. Đồng thời bởi Ngô vương Phù Sai thực hiện biện pháp "tức dân tán binh" (1), việc phòng vệ trong nước bị buông trôi, có nhiều sơ hở địch có thể lợi dụng, đại phu nước Việt là Văn Chủng cho rằng, đây là thời cơ tốt để tấn công nước Ngô. Nếu vua Phù sai ra quân quyết chiến, nước Việt có thể đánh bại được nước Ngô, chiếm đất nước Ngô. Nếu vua Phù Sai không đánh mà cầu hoà, thì cũng có thể giành được những món lợi lớn để quay về. Câu Tiễn chấp nhận ý kiến này, lập tức cho ra lệnh động viên trên toàn quốc, tuyên truyền ầm ĩ cho việc đánh Ngô Phù Sai đưa quân nghênh chiến, bị đánh tan ở Lạp Trạch (nay thuộc phía nam Tô Châu tỉnh Giang Tô). Quân Việt thừa thắng truy kích, lại một lần nữa đánh bại quân Ngô, vây chặt vua Phù Sai trong thành Cô Tô. Trải qua một thời gian dài vây hãm, quân Việt lại tấn công vào thành. Phù Sai thế cùng lực kiệt, buộc phải tự sát. Cuối cùng Câu Tiễn thôn tính được nước Ngô.

Cuộc chiến tranh Ngô Việt được kết thúc bằng sự kiện Việt thắng, Ngô bị tiêu diệt. Điều đó cố nhiên là có lợi

(1) Miễm sưu thuế, phân tán quân cho quân binh sĩ về nhà.

cho Câu Tiễn vì diệt Ngô mà đã dồn bao công sức chuẩn bị lâu dài, chu đáo và toàn diện, đồng thời liên quan chặt chẽ tới việc nhân nước Ngô gặp tai hoạ, quân Việt thừa tràn vào cướp phá. Trước đó, Câu Tiễn cũng đã có lần đánh Ngô, đã từng lợi dụng lúc Phù Sai đi Hoàng Trì để lôi kéo đồng minh, đây là lần thứ hai đánh Ngô, tức là lợi dụng cơ hội nước Ngô đang dùng chính sách "tức dân tán binh", khắp nơi đói kém. Bởi thiên tai vô cùng nghiêm trọng, tiềm lực của nước Ngô giảm sút suy kiệt. Để khôi phục sức mạnh của cả nước. Phù Sai buộc phải thực hiện biện pháp "Tức dân tán binh". Trong kho nước Ngô trống rỗng, dân đói kém khắp nơi phân tán mỗi người một nơi. Không tập trung, thiếu sức mạnh, tạo thời cơ cho quân Việt dễ bề lợi dụng. Vì thế mà Câu Tiễn Văn Chùng nhận thấy thời cơ tấn công Ngô đã nắm chắc trong tầm tay. Điều đó cho ta thấy họ rất túc thời.

Trận Quan Độ, Viên Thiệu ỷ thế quân đông, lương thực nhiều, đã đánh nhau với Tào Tháo hàng tháng trời. Tào Tháo chấp nhận kiến nghị từ lâu của một mưu sĩ trước đây đã xin hàng, đích thân đưa cả bộ binh lẫn kỵ binh tổng cộng là năm ngàn người tiến về Ô Sào (nay là phía đông nam Diên Tân Hiệu của Viên Thiệu, dùng hàm mai (1) khoá mõm ngựa lại, từng người may theo những bó cỏ và củi, lợi dụng ban đêm khó thấy, rón rén lặng lẽ

(1) Hàn mai : Thời xưa, khi hành quân, để bảo đảm bí mật, không được nói. Người ta dùng hàm mai để khoá mõm lại. (hình dạng giống như đôi đũa)

vượt qua phong tuyến đêm của Viên Thiệu rồi vờ là bộ đội Viên Thiệu cứ đi tăng viện cho hậu phương nên lọt qua khá dễ dàng tiến đến xung quanh Ô Sào.

Thế rồi lửa được đốt lên từ bốn phía, bốc cao ngút trời. Các tướng sĩ trông coi kho lương thực của Viên thiệu trong đêm tối chỉ thấy có ánh lửa mà không rõ thực hư thế nào, bỗng dưng náo động. Tào Tháo chỉ huy quân sĩ thừa thế tấn công, đại phá quân trông coi, chém đầu tướng Thuần Vu Quỳnh thiêu huỷ toàn bộ lương thảo.

Trận Tào Tháo cướp lương thực ở Ô Sào, trên toàn trên cục trận đánh ở Quan Độ gọi là sách "dập lửa đáy nồi". Chỉ nói về hành động cụ thể tập kích ban đêm lần này, thì cũng chính là cái kế "mò cá nhân nước đục" Thử nghĩ mà xem. Quân Tào Tháo cả bộ binh kỵ binh tất cả năm ngàn, nếu không nhân đêm tối dùng cờ Viên Thiệu để giả làm quân Viên Thiệu, thì làm sao vượt qua được phòng tuyến một cách thuận lợi? Nếu không mạo nhận mình là quân Viên Thiệu phái đi tăng viện cho hậu phương, làm sao thoát ra khỏi sự khám xét của lính gác một cách dễ dàng? Nếu không nhân cái thời cơ hỗn loạn phát hiệu lệnh công kích vào Ô Sào thì làm sao ăn sống nuốt tươi được đại quân của Viên Thiệu rất có năng lực chiến đấu được Hàng loạt những biểu hiện đó, kế sách mò cá lúc nước đục là một bảo pháp kỳ tập Ô Sào thành công của Tào Tháo.

Năm thứ 14 Tuỳ Đại Nghiệp (năm 618). Vương Thế Sung thống lĩnh hơn hai vạn binh đánh nhau với quân Ngoã Cương ở Bắc Manh sơn (nay là ngoại thành Lạc Dương Hà nam) Sau trận đầu. Vương Thế Thống cho hơn hai trăm năm kỵ binh nhân đêm tối tiềm nhập hang núi Bắc Manh sơn bố trí mai phục, ngay sáng sớm hôm sau đưa bộ đội chủ lực xuất kích toàn diện. Quân Ngoã Cương vội vây ứng chiến, trận thế còn chưa dàn xong, đã bị đánh tơi bời. Tiếp đó, quân phục kích ở Bắc Manh sơn thiêu cháy doanh trại của quân Ngoã Cương rồi từ phía sau lưng đột nhiên tập hậu, quân Ngũ Cương bị đánh cả hai mặt. Giữa lúc hai bên đang kịch chiến, Vương Thế Sung đưa ra một người hình dáng giống như Lý Mật đã được chọn từ trước, trói chặt ngay tại trận, ra lệnh cho quân sĩ hô to : " Đã bắt được Lý Mật" Quân Ngoã Cương tưởng thật, phút chốc hỗn loạn tan vỡ. Lý mật thấy rằng không sao cầm cự được nữa, vội vã cho rút lui. Vương Thế Sung cho quân thừa thế truy kích, diệt và bắt sống kể cả người phục vụ phía sau tất cả hơn mười vạn.

Trận này, số lượng binh mã của Vương Thế Sung, so với quân Ngoã Cương, tỏ ra yếu thế hơn nhưng cuối cùng vẫn giành được chiến thắng. Một nguyên nhân quan trọng là, về mặt tác chiến, Vương Thế Thống tính toán lo liệu kỹ càng. chủ động tấn công, quân Ngoã Cương chưa dàn xong trận thế đã phải vội vã ứng chiến, lấy cái hỗn loạn của mọi người để đối phó với quân chính quy nghiêm túc, kết quả thì khỏi phải bàn. Đặc biệt là màn kịch "bắt sống

Lý Mật" do Vương Thế Sung đạo diễn. Dụng ý rất chua cay, kịch tính cũng khá cao chẳng tránh được làm cho người ta coi chiến tranh là một trò đùa "một nước tính sai, cả ván cờ bỏ đi". Sau khi Ngoã Cương quân vấp phải thất bại lần ấy, mỗi người mỗi phách tự tìm lấy lối thoát cho riêng mình, đến nỗi tình thế không sao cứu vãn nổi cuối cùng đi đến chỗ tan vỡ hoàn toàn. Điều ấy lẽ nào không đáng để từng người chỉ huy để công nghiền ngẫm?

III. VÍ DỤ VỀ SỰ CHUYỂN ĐỔI GIỮA HƯ VÀ THỰC

Trên đại thể, những điều mà trong tiết : "Hư mà thực, thực mà hư" bàn đến chính là thủ đoạn ứng biến trong điều kiện "hư hay là thực là do ta". "Thừa hư đạp khích" lại là thủ đoạn ứng biến trong điều kiện 'hư thực là ở kẻ địch" Hai thứ đó đều có một điểm chung : tuy rằng cái thế của hư và thực bao giờ cũng lệch về một phía, nhưng mục đích sử dụng nó của chủ thể kế sách đều rơi vào né tránh "cái thực" mà đánh vào "cái hư". Cái hư và cái thực này, trong nhiều trường hợp biểu hiện cán cân lực lượng giữa hai bên kế sách ; là tổng hoà giữa lực lượng vật chất và sức mạnh tinh thần. Nhưng, trong một số trường kế sách đặc thù, chủ thể của kế sách để né tránh cái thực, đánh vào cái hư, còn phải sử dùng kế sách được diễn biến từ những thủ đoạn ứng biến như trên đã nêu, như hư trước

thực sau hoặc thực trước hư sau, dương đông kích tây, cố tạo ra sự huyền hoặc.

Năm cuối cùng thời Chiến quốc. Tướng nhà Tần là Hồ Dương, đưa quân vượt qua nước Hàn tấn công vào Ứ Dữ của nước Triệu (nay là Sơn Tây và Thuận Tây). Triệu Huệ Văn vương phân vân không biết có nên cứu viện hay không, liền hỏi Liêm Pha, Lạc Thừa họ đều cho rằng núi cao, đường xa, địa thế hiểm ác, cứu viện khó khăn. Khi hỏi đến Triệu Xa Triệu Xa nói : "Hai bên đối mặt đâm chém nhau, cũng giống như hai con chuột cắn nhau ở trong hang, ai dũng cảm, người ấy sẽ thắng." Triệu Huệ Văn vương được sự cổ vũ đồng tình ấy, liền lệnh cho Triệu Xa đưa quân đi cứu viện. Triệu Xa vừa đi cách Hàm Đan ba mươi dặm liền cho cắm trại, rồi ra lệnh: "Việc quân sự, ai can gian, xử trảm (chém đầu)". Trong hàng quân bỗng dưng có một người lên tiếng nói rằng gọi là đi cứu viện Ứ Dữ, nên phải hành quân gấp. Triệu Xa mang anh ta ra chém. Quân Tần nghe thấy vậy thì vô cùng sung sướng, cho rằng quân Triệu khiếp chiến (sợ đánh nhau). Cứ như vậy hai hai mươi tám ngày liền. Sau khi quân Tần bị tê liệt. Triệu Xa ra lệnh toàn bộ binh mã gọn nhẹ hành quân gấp, chỉ 1 đêm 1 ngày là đến một nơi cách Ứ dữ 50 dặm thì dừng lại. Quân Tần vội vàng kéo đến, chuẩn bị tác chiến. Lúc ấy, Triệu Xa cho một vạn người chiếm cứ phía bắc ngọn núi, dành được điểm khống chế tầm cao của cả mặt trận. Chờ quân Tần kéo đến giành lại điểm cao này.

Triệu Xa lại ra lệnh cho bộ đội chủ lực tấn công quân Tần từ phía chính diện. Quân Triệu giáp công từ hai phía, đại phá quân Tần.

Đó là một ví dụ thích hợp về "trước hư sau thực". triệu xa xuất quân cứu viện cho Ứ Dữ, ra khỏi quốc đô 30 dạm thì dừng lại cắm trại, không tiến quân nữa, đó là "dục công như thủ" (muốn tấn công nhưng lại thủ) làm cho quân Tần khiếp sợ. Về sau chỉ cần 1 ngày đêm hành quân cấp tốc đã xuất hiện ngay dưới mũi quân Tần, quả là thần tốc làm đối phương không kịp chuẩn bị. Về trận này, lúc thì trú quân lúc thì tiến, là sự chuẩn bị tất yếu để phát động công kích. Trú lại là hư, tiến mới là thực, cả một quá trình hành động là lấy cái hư để dấu cái thực.

Lại bàn thêm về quá trình tác chiến Triệu Xa chia quân ra, một bộ phận chiếm điểm khống chế độ cao ở phía bắc ngọn núi, là một dấu hiệu giả để nhử quân Tần kéo đến. Quân Tần vốn có thể "dĩ dật đãi lao" (lấy sự nghỉ ngơi và chuẩn bị đầy đủ của quân ta để đối phó lại quân địch đã mệt mỏi quá đỗi) nhưng qua hành động "xỏ mũi trâu" này của Triệu Xa lại phải rơi vào thế bị động. Khi quân Tần dốc hết lực lượng ra cố chiếm cứ nơi địa hình có lợi, Triệu Xa lập tức tung chủ lực ra tấn công từ phía chính diện. trên thực tế, đối với quân Tần là một đòn hiểm hóc. Sự chỉ đạo tác chiến lúc thì hư, lúc thì thực, đã biểu hiện một cách đầy đủ tài năng cầm quân trác việt của Triệu Xa.

Trước hư sau thực, ở đây chỉ chủ thể của kế sách trước thì lấy cái mạnh để biểu thị cái yếu, về sau thì lấy cái yếu để biểu thị cho cái mạnh, hoặc là một phương thức chuyển đổi giữa hư và thực, trước thì lấy thủ thay cho công, về sau chuyển thủ thành công. Khác với điều đó, trước thực sau hư, trong trình tự chuyển đổi thì hoàn toàn ngược lại, là trước thì lấy cái yếu để biểu thị cái mạnh còn về sau lấy cái mạnh để biểu thị cái yếu. Hoặc là trước thì lấy công thay cho thủ, về sau thì chuyển công thành thủ. Sự vận dụng hai loại phương thức này được quyết định bởi tình hình cụ thể của trường kế sách, thể hiện năng lực và kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của chủ thể kế sách.

Cái gọi là "đương đông kích tây" là một loại kế sách lấy những động tác hư giả để tạo ra cảm giác sai cho địch. Để ngụy trang cho phương hướng tấn công của mình, trong lĩnh vực chiến tranh hay thông thường là sử dụng những hành động cơ động linh hoạt : nói là kích đông, nhưng thực tế lại là kích tây, không đánh mà biểu thị ra đánh; đánh mà biểu thị ra ngoài là không đánh, giống như có thể làm mà lại không làm, giống như không thể làm mà lại làm. Phía địch thuận tình mà suy lý, ta thì do thế mà dùng mưu, nhằm vào chỗ bất ngờ mà giành thắng lợi.

Giữa Sở và Hán, ở Vinh Dương, Lưu Bang cùng Hạng Võ chống chọi nhau đã lâu. Để loại bỏ sự uy hiếp của Dực Trắc, tiến vào và khống chế hành động của quân Sở :

Cho Hàn Tín từ Quan Trung đưa quân đến tấn công và xâm chiếm đất Ngụy. Ngụy Vương họ Báo sau khi biết tin, vội vã tập trung một lực lượng lớn quân đội, đóng giữ Bồ Phản (nay là phía tây Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây), cắt đứt đường giao thông với Lâm Tấn (nay là phía đồn Đại Lệ Thiểm Tây) để chặn đường qua sông của quân Hán. Hàn Tín nhận được tin tình báo này một mặt tập kết thuyền bè, cố ý tạo ra dư luận sẽ qua đò vượt sông ở Lâm Tấn, một mặt bí mật điều quân từ Hạ Dương (nay là tây nam Hàn Thành Thiểm Tây) dùng anh phẫu (1) một loại thùng bằng gỗ miệng nhỏ bụng to) để vượt sông. Sau khi quân Hán vượt sông thì tập kích thẳng vào hậu phương quân Ngụy, Ngụy Báo hoảng hốt ứng chiến, thua trận bị bắt làm tù binh. Hàn Tín nhanh chóng chiếm giữ đất Ngụy.

Trận này, Hàn Tín đã dương đông kích tây, với cách đánh úp bất ngờ nên đã giành được chiến thắng. Điều này có hồ như hoàn toàn đồng nhất với cách suy nghĩ trước đây của ông ta." Ngoài thì bắc cầu khỉ vượt sông, nhưng lại bí mật qua đò Trần Thương" ! Có điều là, trong quá trình tác chiến đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yến, Tề. Hàn Tín đã ba lần đánh giáp mặt với sông nước, mà cách đánh mỗi lần mỗi khác. Vượt sông đánh Ngụy, lần này làm động tác giả vờ như đánh Bồ Phản nhưng lại bí mật qua đò Hạ Dương, đột nhiên quân xuất hiện sau lưng quân Ngụy rồi đánh bại Ngụy ; lần thứ hai, đánh Triệu, dàn quân đánh thuỷ chiến dụ địch xuất kích, dùng kỳ binh đánh tập hậu chiếm doanh trại, làm cho quân Triệu không còn đường

lui quân, dẫu đến đại bại. Lần thứ ba, đánh Tề : đắp đập, chặn sông nước, chặn đường quân Sở ủuy kích, thu quân tiếp tục phản kích giành chiến thắng. Những điều đó chứng tỏ nghệ thuật cầm quân cao siêu của Hàn Tín.

Đầu thời Đông hán, Lưu Tú cho đại tướng Cảnh Yêm tấn công Trương Bộ. Trương Bộ lệnh cho em ông ta là Trương Lam đưa hai vạn tinh binh chiếm giữ Tây An (nay là phía tây Truy Bác tỉnh Sơn Đông), mặt khác, hơn một vạn binh lính địa phương do các quận thú phụ thuộc đứng đầu chiếm giữ Lâm Truy (nay là Trung Bác Sơn Đông). Hai nơi cách xa nhau hơn 40 dặm. Quân Hán tiến đến điểm giữa của hai nơi đó. Sau khi xem xét trận địa, Cảnh Yêm phát hiện ra là thành Tây An nhỏ, nhưng lại kiên cố, dễ giữ ; Lâm Truy tuy lớn nhưng dễ công phá. Thế là lập tức truyền lệnh cho toàn quân, 5 ngày sau sẽ đánh Tây An. Trương Lam được tin ngày đêm lo phòng thủ. Sau 5 ngày, Cảnh Yêm lại nhân đêm tối trời lặng lẽ bí mật đưa quân tiến đến dưới chân thành Lâm Truy. Sau đó chỉ mất nửa ngày đã đánh vào thành nội. Trương Lam bàng hoàng, bất đắc dĩ bỏ Tây An chạy trốn.

Đây cũng là một ví dụ về sự thành công của việc đương đông kích tây điển hình. Về sự sắp đặt bố trí tác chiến của Cảnh Yêm, một số tướng lĩnh nhà Hán không sao hiểu được, họ cho rằng đánh vào Lâm Truy, tất Trương Lam sẽ cứu viện, quân Hán sẽ rơi vào thế khốn cùng, bị tấn công từ hai phía, vì thế chi bằng tấn công Tây An trước, tìm thời cơ tiêu diệt quân chủ lực của địch. Cảnh

Yêm giải thích: "Không đúng. Hiện nay Trương Lam đang lo đề phòng và chống đỡ quân ta tấn công ; tăng cường phòng thủ suốt ngày đêm, lo âu cho sự an toàn của chính bản thân mình, hơi đâu mà lo đi cứu viện cho người khác? Dù rằng biết tin quân ta đã áp sát Lâm Truy, cũng sẽ cho rằng chúng ta dương đông kích tây. Còn về Lâm Truy, làm sao ngờ được rằng chúng ta thả con săn sắt bắt con cá rô, bỏ cái nhỏ để lấy cái lớn hơn, tấn công chúng. Một khi chúng tá đã tấn công, thì chúng chắc chắn sẽ hoang mang hỗn loạn chẳng mấy chốc bị chúng ta công phá. Đã công phá Lâm Truy thì Tây An bị cô lập, trương Lam thế tất sẽ bỏ thành mà chạy. Đó chính là một mũi tên mà được hai đích, một công đôi việc". Sự phân tích như vậy của Cảnh Yêm thật sâu sắc, thật tuyệt vời, rất có cơ sở... đến nỗi cả quá trình tác chiến, kết quả và sự tính toán, dự đoán của ông ta hầu như là hoàn toàn trùng hợp.

Ngược với kết quả đó, có người chơi trò dương đông kích tây, nhưng vì khách thể của kế sách có kiến thức uyên thâm, sâu rộng, phòng vệ kịp thời, vốn dĩ muốn né tránh sự thực, khích bác cái hư nhưng kết quả lại phản lại, như vấp phải cái đinh cứng rắn.

Thời Hán Cảnh đế, Ngô, Sở bảy nước nổi lên chống lại, Chu Á Phu được lệnh của triều đình, đưa quân đi dẹp loạn. Khi liên quân Ngô Sở cấp tập tấn công vào Tuy Dương (nay là phía nam Thương Khâu tỉnh Hà Nam), Chu Á Phu cho kỵ binh nhẹ vu hồi luồn về phía sau lưng chúng, chặn đường tiếp tế, đồng thời cho quân chủ lực tiến đến

Hạ Ấp (nay là Đăng Sơn An Huy) Liên quân Ngô Sở không hạ nổi Tuy Dương, rút lui bị uy hiếp nên vẫn phải cố chuyển tấn công Hạ Ấp quyết chiến với quân chủ lực nhà Hán. Chu Á Phu đào luỹ sâu, xây thành cao cố thủ, không đánh. Liên quân Ngô, Sở muốn đánh cũng chẳng được, liền tách ra một bộ phận vờ như tấn công vào góc đông nam của thành trì quân Hán, để đánh lạc hướng rồi dùng lực lượng chủ lực đáp cấp tập vào hướng tây bắc. Chu Á Phu hiểu ngay ý đồ của chúng, khi liên quân Ngô Sở tấn công vào góc đông nam, tăng cường phòng vệ kịp thời góc tây bắc. Vì thế, liên quân Ngô, Sở đánh phá Hạ Ấp gặp trắc trở, lại cộng thêm không tiếp tế được, quân lính rã rời mệt mỏi, không thể rút lui. Chu Á Phu thừa thế cho truy kích, đại phá liên quân Ngô, Sở nhanh chóng dập tắt cuộc nổi loạn này.

Bạn thử nghĩ xem, Chu Á Phu là người như thế nào ! Thoạt tiên ông định cho cắm trại ở Tế Liễu, ngay cả Hán Cảnh đế đến thăm hỏi binh sĩ, cùng phải tuân theo nội quy của trại. Ông là một người cầm quân khá nổi tiếng. Trong tác chiến dẹp loạn lần này, kế hoạch tác chiến của ông ta là : lấy tường cao cố thủ làm tổn thương nhuệ khí của bên quân Ngô Sở. Phục kích đánh địch từ phía sau hay một bên sườn để chặn đường tiếp tế của liên quân Ngô Sở, sau đó thừa cơ phản kích ồ ạt đánh đến cùng, đánh mạnh, cho đến khi tiêu diệt hoàn toàn liên quân Ngô Sở mới thôi. Đây là một chuỗi kế hoạch tác chiến

sát thực tế, tương đối tỉ mỉ. Ngược lại liên quân Ngô Sở, đánh vào đây là điều bất lợi, liền quay ra chuyển đánh nơi khác. Đúng trước Chu Á Phu, chúng cũng giở trò dương đông kích tây, há chẳng phải là múa rìu qua mắt thợ, tự chuốc vạ vào thân đó sao? Nghệ thuật của chiến tranh bao giờ cũng thiên vị kẻ tài trí, còn kẻ ngu đần thì làm gì có duyên có phận ! Cái đạo làm tướng, có kẻ sáng người ngu. Ngay tại đây cũng đã rõ, đó là chuyện bình thường.

Khác với dương đông kích tây, phô trương thanh thế, đơn giản hơn. Bên trên, khi chúng ta bàn tới "hư nhi thực chi" cũng đã tiếp xúc với vấn đề này. Bây giờ chuyển sang một góc độ khác, tức là dùng phương thức truyền đạt để bổ xung nói rõ hơn. Trong nhiều trường kế sách, phô trương thanh thế là một thủ đoạn có hiệu quả nhất lấy yếu thắng mạnh, lấy ít thắng nhiều . Lẽ đương nhiên sự thành đạt của từng loại kế sách đều hỏi phải có cơ sở vật chất nhất định, nhưng nếu vận dụng việc phô trương thanh thế một cách thoả đáng, đều thu được hiệu quả, sẽ tự nhiên tăng cường sức mạnh của chính mình, làm rối loạn suy nghĩ và hành động của đối phương, tiến tới thực hiện được mục đích của mình. Vì thế, "Thảo kinh lược", lấy "nghi binh" làm đầu đề, nói một cách rõ ràng là : "Việc nhà binh, thường lấy việc nghi binh để dành chiến thắng, tất cả là phô trương thanh thế, làm cho địch mới nhìn đã khiếp sợ. Khiếp sợ là thành quách không dám công phá, quân sĩ thì không dám tấn công, có đường sá mà không dám đi qua,

trù trừ do dự thì sẽ nhỡ việc. Chớp ngay tình thế này bất ngờ giành lấy, cho quân tinh nhuệ xông lên, quân địch ắt kinh sợ, tan rã mà thua chạy. Còn về việc làm thế nào để vận dụng một cách cụ thể thủ phô trương thanh thế ư? Phương pháp thường gặp nhất trong thời đại truyền thống, chính là "Ban ngày thì treo thật nhiều cờ xí, ban đêm thì đốt nhiều lửa, khua trống liên hồi ; hoặc tiệc tùng khao thưởng linh đình, hoặc dàn thế trận hó hênh ; hoặc kéo chà tung bụi, hoặc đổi thay sắc phục ; hoặc dương cờ lấp ló núi rừng hệt như trận địa mai phục ; hoặc khua trống rúc tù và suốt đêm buộc địch xây tường đắp luỹ như doanh trại ; hoặc bện cỏ làm hình nhân, thật giả khó biết, bày khắp nơi như nhiều lắm ; hoặc mở cửa thành chờ địch, vờ như nhàn hạ vô sự ngay trước mắt chúng !"

Tất cả những điều đó đều là những phương thức truyền đạt xuất phát từ việc cầm quân tác chiến dùng để nói về phô trương thanh thế. "Nhân sinh giai như chiến trường" (cuộc sống con người ta cũng giống như một chiến trường). Trong các hoạt động xã hội hằng ngày, vận dụng thủ đoạn ứng biến như thế nào, có không ít các ví dụ có thể đưa ra để đàm đạo được.

Cuối Đông Hán, Tôn Kiên là một nhân vật anh hùng trí dũng song toàn. Năm ông ta mười bảy tuổi, đi thuyền theo cha đến Tiền Đường (nay là Hàng Châu, Triết Giang), đi ngang qua mười mấy tên hải tặc cướp của của các nhà buôn, đang chia chác nhau trên bờ. Thuyền bè và người

đi bộ, qua lại đều không dám xem thường, đi qua. Lúc này, Tôn Kiên nói với cha: "Những tên cướp biển này có gì là đáng sợ một mình con cũng bắt được chúng." Thế là vung đao nhảy lên bờ, lớn tiếng quát mắng bọn hải tặc, nói rằng chúng đã bị bao vây, đồng thời vờ là đang chỉ huy những người qua lại trên đường từ hai phía đông tây ép sát chúng. Bọn hải tặc cho rằng quân lính đã tới bắt chúng, vội vã vứt những gì chúng cướp bóc được, hoảng hốt bỏ chạy, Tôn Kiên đuổi theo, bắt giết một tên, bọn còn lại thấy không có cách gì thoát được liền quỳ xuống xin tha. Tôn Kiên lập tức trói chặt chúng lại, giải tới quan phủ. Vì thế cái tên Tôn Kiên lừng danh khắp cả Giang Đông.

Trong "Ba mươi sáu kế" có một kế gọi là "Cây nở hoa". Nghĩa gốc của nó là : đem lụa kết thành những đoá hoa, gắn lên cành cây để tạo ra một hình tượng giống như thật, để cho người ta nếu nhìn thoáng qua cứ ngỡ là chính những cái cây đó nở đầy hoa tươi. Nghĩa bóng của nó là : "Cây ra hoa", đòi hỏi chủ thể của kế sách trong trường kế sách đặc định nào đó, khéo léo tạo ra tình huống giả, dàn thế mê hồn trận, để uy hiếp đối phương, còn bản thân mình thì cứ thản nhiên yên ổn làm công việc của mình.

Sở dĩ Tôn Kiên một mình có thể bắt sống mười mấy tên cướp biển là do hoàn toàn đó là kết quả của việc vận dụng phô trương thanh thế, cây nở hoa tươi. Vốn dĩ lúc ấy bên mình làm gì có quân lính nào, nhưng lại làm ra

vẻ chỉ huy quân lính từ hai phía xáp lại, bọn cướp biển không biết hư thực ra sao, ngõ thật, nên Tôn Kiên không bó tay, bắt được chúng? Ở đây đã mang ít nhiều màu sắc cố ý huyền hoặc.

Tào Tháo vốn là một con người xảo trá đa nghi. Sau khi tự xưng là thừa tướng, nắm công việc triều chính của nhà Hán lo sợ sẽ có ai đó đâm chết, không một giây phút nào là không lo đề phòng, dù đó chính là những thị vệ của chính mình, cũng luôn cảnh giác. Ông ta nói với các thị vệ của mình rằng : "Khi ta đi ngủ, chớ lại gần ta, nếu ai đó lại gần ta, ta rất có thể tưởng rằng như trong cơn mơ, vùng dậy giết người. Các người hãy cẩn thận đấy ! "Một hôm Tào Tháo đang nằm trên giường, vờ như đang ngủ say rơi chăn xuống đất, có một tên thị vệ định kéo chăn đắp lại cho ông ta, vừa mới lại gần, Tào Tháo bỗng vùng dậy giết chết luôn, rồi lại nằm xuống ngủ. Khi cho ông ta thức dậy, còn cố tỏ vẻ kinh ngạc hỏi : "Ai đã giết chết kẻ thị tùng của ta? !" Câu chuyện trên một khi được lan truyền ra ngoài, không ít người cứ ngỡ rằng Tào Tháo có thể giết người trong khi mơ ngủ ! Một lần khác, Tào Tháo nói :" Nếu ai đó định đâm chết ta, ta cũng có thể nhận biết được". Để chứng minh cho điều đó, ông ta chỉ thị cho một thị vệ: "Nhà ngươi hãy lén mang theo dao đến gần ta, ta sẽ bảo là ta bị kích động, cho người mang nhà ngươi đưa đi xử tội, nhà ngươi cứ lặng im không nói năng gì, ta đảm bảo nhà ngươi sẽ không bị giết chết, mà

còn được trọng thưởng." Người thị vệ đó làm y như lời dặn của Tào Tháo, khi hành hình người đó cũng im lặng, không nói năng gì, cho đến khi bị xử tử. Mọi người đâu biết nội tình bên trong đều nghĩ rằng Tào Tháo quả thật là có thể nhận biết được ý nghĩ bên trong của người khác, cho nên chẳng ai dám liều lĩnh đi đâm chết Tào Tháo.

Trên sân khấu hý kịch truyền thống, hình tượng Tào Tháo chẳng lấy gì là tốt đẹp cả, phải chịu bao sự xuyên tạc, bóp méo, cái còn lưu lại trong tâm chí mọi người Tào Tháo là một gian thần mặt trắng bạch. Tên gian thần mặt trắng bệch này, qua sự gia công của nghệ thuật, tập hợp bao điều xấu xa : gian hùng, thâm hiểm, tàn bạo.. Bạn thử nghĩ xem, trong màn kịch vừa nêu trên, Tào Tháo đã đem lời đường mật trống rỗng ra đe doạ người thị vệ của mình, sau đó mượn máu tươi của hai người thị vệ đó để kiểm chứng cho những lời nói suông trống rỗng của mình. Đứng trước loại ngôn hạnh như vậy, người tin thì cho đó là thần thánh, người không tin thì chắc đã mấy ai dám hé răng ? Nên đó chẳng qua chỉ là những điều huyền hoặc cố tình nhào nặn nên để đe doạ người khác. Tào Tháo tâm địa nham hiểm hư hư thực thực, nói rồi cũng như không, không thể không làm cho người đời thán phục đó sao?

Chương 7
TIẾN VÀ LÙI

Con người ta không thể không biết tiến và lui.

Khi mà bạn trở thành một vị tướng lĩnh cầm quân ra trận, hoặc là một người lái xe, khi bạn trở thành một võ sĩ bước lên vũ đài vung tay múa chân, hoặc là một nhà mưu lược "Sở ngày đem Hán", chỉ cần là đang vận động, bạn sẽ không thể không hiểu hàm nghĩa của tiến và lui. Dù là trên vũ đài chính trị đầy sóng to gió cả hay ở chiến trường máu lửa đan xen, dù là ở vị trí ngoại giao đầy bí hiểm, hoặc ở một vương quốc kinh tế do một bàn tay vô hình xui khiến, chỉ cần bạn có ý thức phấn đấu, thì bạn không thể không coi trọng bí quyết giữa tiến và lui. Cũng như vậy tiến và lùi, không còn nghi ngờ gì nữa, là một phạm trù mâu thuẫn mà mọi người đều quen thuộc, hoặc cần phải hiểu rõ nó.

Sự hình thành giữa tiến và lui, có ba nhân tố : 1 Nguyên nhân - Tại sao tiến? Tại sao lui ? 2. Tốc độ - quá trình tiến và lui được diễn biến nhanh hay chậm? Xảy ra trong một khoảng thời gian dài hay trong một khoảng thời gian

ngắn? 3. Mục tiêu : - Tiến đến đâu ? Lui đến đâu? Chủ thể của kế sách có khả năng xử lý tốt quan hệ giữa tiến và lui hay không? Tự giác nhận thức ba yếu tố trên là vô cùng cần thiết không thể coi thường bỏ qua.

Trong các hoạt động xã hội, hình thức biểu hiện giữa tiến và lui cũng rất đa dạng. Có một hướng, có đối hướng, trong không gian của hành vi, phân biệt bình diện và lập thể ; trên đường đi của hành vi, phân biệt giữa thẳng và cong trong hành vi thân thể, phân biệt giữa chủ động và bị động ; về mặt kết quả của hành vi có sự phân biệt giữa thúc tiến và vọt tiến, dẫn dụ và hồi tị. Những thứ đó chúng ta đều phải suy nghĩ đến khi nghiên cứu đến vấn đề tiến và lui.

I. THẤY ĐƯỢC THÌ TIẾN BIẾT KHÓ THÌ LUI

Là chủ thể của kế sách, trong một trường kế sách nhất định, nên tiến hay lui? Xuất phát từ quan điểm chiến tranh, trong "Bách chiến kỳ lược" đã đề cập đến khá tinh tế.

Phàm là đánh nhau với địch, nếu xét thấy kẻ địch ấy ta có khả năng thắng được, thì tấn công với tốc độ thích hợp thì không thể không chiến thắng, gọi là thấu được thì tiến, nhưng nếu địch đông mà ta ít, địa hình lại không

thuận lợi, sức không sao địch nổi, thì phải lui để tránh né, bảo toàn lực lượng, gọi là biết khó thì lui.

Đó là sự khái quát cao độ cái gọi là : tiến chiến va thoái chiến. Nếu chuyển đổi thành ngôn ngữ hiện đại, "thấy được thì tiến" tức là : khi có khả năng chiến thắng kẻ địch thì phải tấn công với tốc độ nhanh. "Biết khó thì lui" tức là khi xét thấy khó lòng thắng nổi địch, thì cần mau chóng rút lui. Tiền đề của "tiến" là "có thể được" (được) . "Có thể được" là thời cơ có thể chiến thắng quân thù. Tiền đề của "lui" là "khó", khó là điều kiện khó mà chiến thế nổi kẻ thù.

Nói rộng ra sự hình thành của mỗi loại kế sách đều phải có cơ sở vật chất nhất định nào đó. Vũ khí phê phán không thay thế nổi sự phê phán vũ khí, sức mạnh vật chất phải dựa vào sức mạnh vật chất để tiêu huỷ: "Cái được" (có thể) "cái khó" mà chủ thể kế sách phải đương đầu, quyết không bao giờ là cái gì đó trống rỗng vô căn cứ mà trước hết phải là sự so sánh lực lượng vật chất của hai bên của kế sách.

Cuối thời Xuân Thu. Công Du Bàn chế tạo thang lên mây cho nước Sở (vân thê) chuẩn bị đánh Tống Mặc Tử được tin, từ nước Tề vội vã sang thủ đô nước Sở gặp Công Du Bàn : Ở phía bắc có người định lừa tôi, tôi xin anh hãy giúp tôi khử người ấy đi. Nếu anh có nhã ý giúp tôi, tôi xin tạ ơn một ngàn lạng vàng". Công Du Bàn trả lời : "Từ xưa tới nay lấy nghĩa làm gốc, nào biết chuyện giúp

người khác giết người !". Mặc Tử cúi thấp người xuống thi lễ, nói : "Thôi được, thế thì ta hãy nói chuyện với nhau về chữ "nghĩa". Nghe đồn rằng ông đang làm vân thê ... Chuẩn bị tấn công nhà nước Tống. Nước Tống có tội gì vậy? Đất đai nước Sở dư thừa, thiếu dân, hy sinh nhân dân, đi dành đất điều đó không thể coi là sáng suốt được. Ngài là trọng thần của nước Sở, biết rõ mọi điều mà không can gián được, thì gọi là bất trung ; có khuyên gián mà không thể ngăn cản được thì gọi là bất năng. Ngài nói rằng ngài lấy nghĩa làm gốc mà không hỗ trợ người khác tiêu diệt kẻ bất nghĩa, đã thế lại dính líu vào chuyện đánh Tống, thì làm sao ngài giải thích được !". Công Du Bàn cứng họng không biết nói thế nào, nhưng sực nhớ đến chuyện mình" đã chấp nhận làm cho Sở vương chiếc Vân thê", không thể đừng được nữa, bèn đưa Mặc Tử ra gặp Sở vương. Gặp Sở vương, Mặc Tử nói "Có một số người như thế này, xe của mình đẹp, tốt mà không đi, mà lại đi ăn trộm xe hỏng của người khác. Quần áo tốt lành của mình thì vứt đi, lại đi ăn trộm những chiếc áo vải rách nát của kẻ khác. Cơm nhà mình, cao lương mỹ vị, của ngon vật lạ thì vứt đi, đi ăn vụng cơm nhạt, trà lá già của nhà hàng xóm, tại làm sao vậy?". Sở vương trả lời : "Nhất định người đó mắc bệnh thèm ăn trộm". Mặc Tử nói tiếp :"Nước Sở rộng năm ngàn dặm. Tống chỉ có năm trăm dặm, nếu đem so sánh với nhau, cũng giống như so sánh giữa một bên là cỗ xe trang trọng có rèm che, một bên là chiếc xe chở hàng rách nát. Nước Sở có hồ Vân Mộng lớn, mê (còn

gọi là con đà lộc, to hơn trâu bò, lông màu nâu đỏ, sừng to, đuôi ngắn, hươu, cá tôm nhiều vô kể, Còn Tống ư, có gì ngoài mấy con thỏ, trĩ nếu đem so sánh thì khác nào gạo ngon với tào khang (tào khang : Tào là bã rượu, khang là vỏ trấu, chỉ những thứ vứt đi mà người khốn cùng phải ăn để đỡ đói lòng). Ở nước Sở thì cây tùng, cây long não đâu chẳng có, cây nam tử mọc thành rừng. Nước Tống thì lắm núi hoang, đồi trọc, đất cằn cỗi chả cây cối gì mọc được, nếu cận so sánh thì cũng tựa như là đem gấm thêu mà so với vải gai. Các ngài từ vua cho tới quần thần đòi đánh Tống, há chẳng như người mắc bệnh thèm ăn trộm đấy sao? làm như vậy chỉ tổ tổn hại tới thanh danh của chính mình, chứ được gì?". Sở vương cho rằng Mặc Tử nói có lý, xong có điều là đã nhờ làm chiếc thang mây " Vân thê" thì cứ phải đánh Tống. Để đánh tan cái ý định đánh Tống của Sở vương, Mặc Tử liền bàn định với Công Du Bàn so sánh về các thuật công và phòng, một mặt cởi giải áo ra để làm tường thành, một mặt lấy những khúc gỗ để làm vũ khí. Hai người lần lượt chín lần thay đổi phương pháp công thủ. Công Du Bàn đã dùng hết vũ khí đánh vào thành ; nhưng phương pháp phòng thủ của Mặc Tử vẫn chưa cần dùng hết. Bất đắc dĩ Công Du Bàn phải lên tiếng :" Tôi biết cách làm thế nào để công phá ngài, nhưng bây giờ thì không dùng." Mặc Tử cũng nói :"Tôi cũng thừa biết ngài sẽ sử dụng phương pháp gì, nhưng giờ đây thì không nói vội". Vua Sở hỏi điều mà họ nói có nghĩa là gì? Mặc Tử trả lời :"Ý của Công Du Bàn, chẳng

có gì khác, cho rằng nếu giết được tôi, thì có thể công phá Tống thành. Thực ra ba trăm đệ tử của tôi đã sử dụng phương pháp của tôi, ở Tống thành thế trận đã bày sẵn chờ đón các ngài. Ông ta rất có thể giết được tôi, nhưng rồi chẳng có cách gì công phá được Tống thành !" Trong tình huống như thế này. Vua Sở đành phải âm mưu đánh Tống.

Câu chuyện trên thường được gọi là "Bàn công Mặc thủ". Mặc Tử lấy tư thế phòng thủ, để làm thất bại sự tấn công của Công Du Bàn , buộc vua Sở từ bỏ kế hoạch đánh Tống, trước hết, về mặt thuyết lý, vạch trần những lời nói hoang đường "lấy nghĩa làm trọng" (làm gốc) của Công Du Bàn, và cả chân tướng vua Sở như mắc phải "bệnh thèm ăn trộm" làm cho quân thần nước Sở phải chịu sự chỉ trích về đạo nghĩa. Đương nhiên, chỉ có sự khiển trách về mặt đạo nghĩa thôi thì chưa đủ. Mặc Tử khuyên can : Sự thành bại của việc Sở quốc quân thần đánh Tống còn chủ yếu được quyết định bởi nước Tống có được phòng bị đầy đủ hay không. Bên dám đánh có thể cầu hoà, nhưng cầu hoà tất là phải chuẩn bị khả năng đánh lại. Giả sử như Mặc Tử không có biện pháp gì để đối phó lại sự tấn công của Công Du Bàn, thì sẽ không nói ra rằng các đệ tử của ông đã giúp Tống chuẩn bị sẵn sàng việc phòng ngự, thì cũng khó mà ngăn chặn sự xâm lược của Sở vương đối với nước Tống. Từ đó ta thấy, dù là tấn công hay phòng ngự, đều phải có cơ sở vật chất

nhất định. Không có sức mạnh vật chất nhất định làm cơ sở, một khi chiến tranh bùng nổ thì trước mắt, của bên phong ngự kiên cường vẫn e khó lòng tránh khỏi thua thiệt.

Nếu so sánh tiến và lui với nhau, "tiến" là vị trí số một, "lui" ở vị trí thứ hai. "Tiến" là thủ đoạn cơ bản để chủ thể kế sách đạt được mục đích của mình, "lui" phải chịu sự chi phối của "tiến", đồng thời cũng là khâu chuẩn bị để "tiến".

Trong tiết "Gần và xa" đã dẫn, Thái tử nước Ngô đã mượn chuyện "bọ ngựa bắt ve sầu, con sẻ vàng theo sau" để can gián vua Phù Sai tiến quân lên phía bắc tranh thủ đồng minh. Qua câu chuyện đó, chúng ta có thể nhận thấy, dù rằng chỉ là một cá thể hay một quần thể, một khi thiếu thận trọng đều có thể đưa tới những phản ứng liên quan, bị người khác chớp lấy thời cơ mà lợi dụng. Sự thất bại của Phù Sai, chính là ở chỗ chỉ biết dốc toàn lực để tấn công mà không chú ý tới việc phòng ngự ở hậu phương. Khi Câu Tiễn ra quân thì không thể quay về kịp để ứng phó. Dù rằng tìm mọi cách để tạo điều kiện thuận lợi cho chính mình ở chỗ này, xong cũng phải chịu thất bại chua cay ở chỗ khác. Đó là một ví dụ điển hình về việc vét đến người lính cuối cùng đẩy ra trận mạc, chỉ lo tấn công mà lơ là phòng thủ. Trên thực tế, trong cuộc sống vô cùng rộng lớn thì sự hiếu thắng phô trương, không khiêm tốn thiếu thận trọng, cái kim trong bọc lâu ngày rồi cũng phải lòi ra. Không suy nghĩ chín chắn, không cân nhắc kỹ càng

cũng sẽ là những nguyên nhân quan trọng xô đẩy người ta tới chỗ khúc mắc khó khăn. Nếu nói rằng con bọ ngựa mà bắt con ve sầu, làm sổng ra, rồi lo tìm quanh, chỉ lo để ý phía trước mà không để ý phía sau, con sẻ vàng bắt con bọ ngựa, ấy là nhân sơ hở đánh vào chỗ bất ngờ. Xem ra, chủ thể của kế sách khi áp dụng tiến hay lui, đều phải chuẩn bị sẵn đất chen chân dự phòng, cần thiết. Tiến cũng phải chuẩn bị cho thế lui, lui cũng là thế dựa để tiến. Có thế mới có thể thực hiện được tiến thì cũng phải đạt được cái gì đó, lui cũng có chỗ để mà dựa. Tóm lại, luôn giữ ở thế không thể thất bại.

Để ngay khi "tiến"đạt được mục đích, chủ thể kế sách không những cần phân tích so sánh lực lượng của hai bên, mà còn phải đặc biệt để tâm vào sự xung đột mâu thuẫn có thể phát sinh trong nội bộ kẻ địch. Khi mà không khí đố kỵ nhau trong nội bộ khách thể của kế sách này càng bộc lộ rõ, thì chủ thể kế sách lại không nên nóng vội tấn công, nóng vội tấn công thường làm cho đối phương tạm thời hoà hoãn với nhau, liên kết lại, để tăng cường sức chống trả của đối phương. Hành động có hiệu quả phải là : cố ý nhún nhường lùi một bước, đợi cho mâu thuẫn trong nội bộ đối phương tiếp tục phát triển theo xu hướng đối kháng, dẫn tới cục diện tự tàn sát đâm chém lẫn nhau, như vậy sẽ đạt được hiệu quả ngay.

Năm Kiến An thứ năm của nhà Hán (năm 200) trận Quan Độ. Tào Tháo một mặt vờ tấn công hậu phương của Viên Thiệu, mặt khác cho quân tập kích Ô Sào, đốt

cháy sạch lương thảo của quân Viên Thiệu, làm cho quân lính Viên Thiệu nháo nhác rối loạn từ trên xuống dưới. Tào Tháo thừa cơ xuất kích, giết chết và bắt sống mười vạn quân của Viên Thiệu. Chẳng bao lâu sau Viên Thiệu ốm chết, con trai Viên Thiệu là Viên Thượng, Viên Hy không chống đỡ nổi sự tấn công của quân Tào Tháo, đưa mấy ngàn binh mã chạy tới Liêu Đông với Công Tôn Khang.

Công Tôn Khang tuy trong lòng không muốn để họ dừng chân ở Liêu Đông, nhưng nghĩ đến chuyện Tào Tháo sẽ đánh Liêu Đông, bản thân mình thì thế cùng lực kiệt, thân cô thế cô, bèn giữ họ lại. Mãi đến khi Tào Tháo chinh phục được Ô Hoàn, áp sát Liêu Đông, có người đề nghị đánh ngay Liêu Đông, bắt anh em nhà họ Viên, loại trừ hậu quả từ bên trong. Tào Tháo căn cứ theo tình thế lúc bấy giờ, phân tích : "Trước mắt thì quân ta đã áp sát Liêu Đông, đối với Công Tôn Khang và anh em họ Viên, nếu đánh ngay thì họ sẽ liên kết với nhau, nếu ta hoãn công, thì chúng sẽ chống nhau. Ta chờ Công Tôn Khang giết chết anh em nhà họ Viên rồi sẽ hay, việc gì phải làm ầm ĩ cho mệt". Vốn dĩ, Công Tôn Khang vô cùng lo lắng, Tào Tháo lấy cớ thảo phạt anh em nhà họ Viên để đánh Liêu Đông, nhưng thời gian trôi qua đã lâu, thấy Tào Tháo không có ý định đánh Liêu Đông, chuyển sang đâm lo anh em nhà họ Viên sẽ làm tổn thương địa vị của mình, ngấm ngầm quyết kế giết chết Viên Thượng, Viên Hy mang đầu họ đưa đến doanh trại của quân Tào. Như vậy, Tào Tháo

đã trừ khử được cái ung trong ruột (hậu hoạ) mà không hề tốn công mất sức.

Đọc hết câu chuyện này, nửa đầu đối với Viên Thiệu và Ô Hoàn, Tào Tháo vận dụng sách lược chủ động tấn công. Đoạn sau đối với Công Tôn Khang và anh em nhà họ Viên thì lại dùng thái độ khoanh tay đứng nhìn nhà cháy bên kia sông. Tào Tháo khoanh tay đứng nhìn nhà cháy (bên kia sông) nhưng lại rất thành công, một mặt là vì trong trận đánh chiếm Ô Hoàn của chính mình, ông đã tạo ra được oai phong áp đảo, làm cho Công Tôn Khang khiếp đảm, mặt khác hai anh em nhà họ Viên đã ở Liêu Đông lâu ngày , làm cho Công Tôn Khang xuất hiện cảm giác thấy sự nguy hiểm kiểu chim cưu chiếm tổ chim khách, nuôi hổ có ngày hổ ăn thịt. Trong tình huống ấy, nếu Tào Tháo tấn công Liêu Đông, Công Tôn Khang sẽ liên kết với anh em họ Viên, để cùng hợp sức chống lại. Vì thế. Tào Tháo sử dụng thái độ khoanh tay nhìn nhà cháy. (Bên kia sông). Chú "lui" ở đây đã phát huy tác dụng đặc biệt của nó. Không những thế, là một chủ thể của kế sách, khi mà so sánh lực lượng hai bên nảy sinh sự biến đổi kịch liệt. Vì để không tạo thời cơ cho đối phương được, trong tình huống cần phải lùi thì luôn luôn phải tỏ ra đang tích cực chuẩn bị mà không hề có dấu hiệu gì là sẽ lui cả. Lấy cái tĩnh để chế ngự cái động, loại bỏ kịp thời những nhân tố bất lợi xoay chuyển tình thế bất lợi của chính mình. đứng vào vị trí không thể thất bại được.

Thời Tam quốc Tôn quyền xuất quân đánh Hợp Phù. Lục Tốn, Gia các Cẩn đưa một đơn vị trực thuộc làm lực lượng kiềm chế tấn công Tương Dương. Hai bên Ngô và Ngụy cầm cự nhau khá lâu, nhưng không phân thắng bại. Lục Tốn cho người thân tín là Hàn Biển đi chuyển thư cho Tôn Quyền đề nghị cho rút quân. Tôn Quyền chấp nhận đề nghị của Lục Tốn. Để Hàn Biển mang thư trả lời sau đó dẫn quân rút lui. Trên đường về, Hàn Biển bị quân Ngụy bắt, làm cho quân cơ bị lộ. Gia Cát Cẩn được tin vội vang báo cho Lục Tốn biết, và yêu cầu Lục Tốn rút lui hoả tốc. Lục Tốn qua phân tích, không những không rút lui cấp tốc, mà ngược lại, cho quân lính trồng rau quanh doanh trại. Còn bản thân mình thì ngồi đánh cờ với các đồng liêu, không có biểu hiện gì là sắp rút lui. Gia Cát Cẩn thấy thế, càng sốt ruột hơn, tự đích thân đến tận trại của Lục Tốn giục ông ta rút quân. Lục Tốn giải thích: "Quân Ngụy đã biết chúa công rút về, có thể dồn sức tấn công chúng ta. Nếu chúng ta hoảng hốt rút quân, quân Ngụy sẽ truy đuổi nhanh chóng. Còn bây giờ thì phải tỏ ra là ta không rút quân, rất có thể làm chúng sinh nghi". Gia Cát Cẩn nghe xong vô cùng thán phục. Chẳng mấy chốc kỵ binh trinh sát về báo tin : Quân Ngụy đã dàn sẵn sàng trận thế, nhưng không dám liều lĩnh xuất quân.

Lục Tốn sao mà ung dung bình thản vậy ! Lâm nguy không hề sợ hãi, lấy cái tĩnh đó để chế ngự cái động, tỏ ra là vị đại tướng mẫu mực. Cũng đúng như ông ta đã

phân tích. Lực lượng của địch và ta mỗi bên một khác, quân Ngô nếu như hốt hoảng rút lui, sẽ dẫn đến quân Nguỵ cấp tập truy kích, và như thế quân Ngô sẽ tổn thất nghiêm trọng. Ngược lại, quân hai bên cả Nguỵ lẫn Ngô đã từng có một quãng thời gian ở vào thế giằng co. Hiện nay nếu vẫn như thường ngày, không có chuyện rút lui, thì quân Nguỵ không dễ gì dám xuất kích. Điều đó chỉ rõ một người chỉ huy thông minh, khi xử lý quan hệ tiến hay lui, thì việc nắm chắc thời cơ tiến hay lui, có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

"Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách" . Câu này đâu có nghĩa là trong 36 kế, kế rút lui là hơn cả, mà chính ra nói là : khi đương đầu với một đối thủ mạnh đâu nhất thiết cứ phải cố đánh, để làm vật hy sinh vô nghĩa ; phải thông qua việc tạm thời rút lui để tạo điều kiện tốt cho những trận phản công sau này. Chúng ta thường nói : "Thắng nổi thì đánh, không thắng nổi thì chuồn cho sớm", đó chính là hàm nghĩa cơ bản của "tẩu vi thượng sách". Xuất phát từ quan điểm của kế sách học, chủ thể của kế sách, trong trường kế sách bất lợi cho mình, để tránh một mất một còn với đối thủ, hoặc cuối cùng lật ngửa con bài, sử dụng thái độ nhân nhượng tạm thời, chủ động rút lui có kế hoạch, trên thực tế bao hàm nội dung tích cực, chứ đâu phải là sự lẩn trốn tiêu cực đơn thuần.

Năm thứ sáu Kiến Hưng thời Thục - Hán, năm 228). Gia Cát Lượng đến Kỳ Sơn ở phía bắc, sau khi đánh bại Tào Chân, vội vàng hạ lệnh cho toàn quân nhổ trại rút

lui. Trưởng sử Dương Nghĩa không hiểu tại sao, hỏi Gia Cát Lượng :"Trước mắt thì quân ta đại thắng. Làm thất bại nhuệ khí quân Nguỵ, tại sao lại rút lui." Gia Cát Lượng giải thích :"Quân ta thiếu lương thảo, thuận lợi là đánh nhanh quyết định nhanh. Tào Chân lúc mới đầu thì bất lợi, phải cố thủ ở nơi hiểm yếu, điều đó rất bất lợi cho ta. Nếu quân Nguỵ bất ngờ cho quân phục kích, cắt đứt đường tiếp tế lương thực của ta, chúng ta sẽ khó bề rút lui được nữa. Vì vậy, chúng ta phải nhân chuyện Tào Chân vừa thất bại xong, không dám liều lĩnh xuất kích, bất ngờ rút lui". Thế là tướng sĩ quân Thục cấp tốc rút lui. Khi Tào Chân phát hiện tình hình này, Gia Cát Lượng đã rút lui được hai ngày rồi. Đó là một ví dụ điển hình "chắc thắng thì đánh, không chắc thắng thì chuồn. " Gia Cát Lượng mang quân đi Bắc phạt, xét trên toàn cục thì lại là thất bại. Nguyên nhân thất bại chủ yếu là, lực lượng của hai nước Thục và Nguỵ quá chênh lệch nhau. Thục có chín mươi tư vạn dân, ít hơn Nguỵ những hơn ba trăm vạn. Quân có mười vạn, so với số quân mà Nguỵ dùng để tấn công lại, còn ít hơn mười vạn. So sánh lực lượng giữa hai bên là như vậy, dù Gia Cát Lượng có tài giỏi đến đâu, thì cũng khó lòng giành được thắng lợi trên toàn cục. Nhưng nếu xét cục bộ trận Bắc phạt lần này, Gia Cát Lượng giỏi nắm chắc thời cơ tiến và lui, áp dụng thái thế công thủ tích cực, làm cho quân Thục luôn ở thế chủ động từ đầu đến cuối. Nếu Gia Cát Lượng không nhìn thấy vấn đề lương thảo thiếu hụt, nếu sau trận thắng đó mà không chủ động kịp thời rút lui, chắc chắn là phải đương đầu với

những trận phản công toàn lực của quân Nguỵ, mà lúc đó thì đường rút lui đã bị cắt đứt, quân Thục sẽ mất chỗ tiến, chỗ lùi, và có vào tình thế bị tiêu diệt hay không, ai dám chắc được !

Ngoài ra, còn một kiểu rút lui khác, gọi là hạ cánh an toàn hay rút lui đúng lúc (cấp lưu dũng thoái). Đó kiểu rút lui đó là khi đang ăn nên làm ra, để tránh sự sa đà, chuốc vạ vào thân mà kịp thời rút lui đúng lúc. Trong xã hội truyền thống. Những người có công được trọng vọng, có quyền có thế, muốn tự củng cố uy tín và danh dự, không thể không suy tính đối với các cách xử thế thông thường. Trên đời lập được công đã là khó, nhưng đã lập được công mà giữ được tiếng tăm thì lại càng khó hơn. Đó là vì, khi mà thế gian điên đảo, anh hùng hào kiệt là chỗ dựa của quốc gia, mạnh mẽ hổ như trong rừng, làm gì có chuyện tự phá tường thành để cho quân thù chúc tụng nhau thăng quan tiến chức? Nhưng chờ cho đến khi thiên hạ thái bình, thì loại người quyền cao chức trọng, cậy quyền cậy thế đó, dần dần sinh ra lắm chuyện. Hoặc là vì quyền cao chức trọng mà ngang ngược, hoặc dựa vào quyền thế mà phóng túng chơi bời thoả sức. Không hiểu rõ đại nghĩa biết dừng đúng lúc, không hiểu được đạo lý tự giữ mình. Thế là, bao công danh sự nghiệp đều biến thành một thứ môi giới cho việc đâm chém nhau tội lỗi. Nếu so sánh với tình hình trên Đào Chu Công Phạm Lãi. Hán Lưu Hầu Trương Lương có thể coi là một tấm gương

biết lùi giữa dòng xoáy (biết dừng đúng lúc). Họ hiểu rõ rằng "Cao điểu tận, lương cung tàng : giảo thỏ tử, tẩu cẩu phanh" (Chim bay hết, đem cung nỏ cất đi, con thỏ gian xảo chết, chó săn làm thức ăn), họ thấm nhuần cách xử thế "biết dừng lui giữa giòng xoáy". Kiến thức chính trị và hành vi của họ, quả là cao hơn người.

Khi mà quyền lực cá nhân đạt tới đỉnh điểm, Phạm Lãi từ quan, bỏ đi buôn. Trương Lương nguyện theo Xích Tòng Tử chu du thiên hạ. Họ đều lừng danh bốn biển. An hưởng tuổi già, đến mức trên vũ đài chính trị truyền thống không thể trống vắng hai nhân vật tầm cỡ này. Những cái đó, trong tiết "Lớn và nhỏ" đã đề cập tới. Nhưng đa số trong cái vũ đài chính trị với họ đó, cũng có không ít người không hiểu rõ cái bí hiểm của việc "lui chân giữa dòng xoáy" (biết chọn điểm dừng, hạ cánh an toàn, biết dừng đúng lúc). Chẳng hạn như đại phu Văn Chủng, phò tá Câu Tiễn làm nên bá nghiệp với tất cả sức lực của mình, nhưng rồi cũng phải rút kiếm tự sát. Những anh hùng hào kiệt đầu Hán như Hán Tín, Anh Bố, Bành Việt đã lập nhiều chiến công hiển hách để lập nên nhà Hán, nhưng rốt cục rồi từng người một lần lượt trở thành "khách" của mũi gươm Lưu Bang. Sai một li đi một dặm. Cho nên, những người đời sau bàn về Phạm Lại, Trương Lương :"Hai nhân vật này đều có trí hiểu biết rộng, dụng ý rút khoát rõ ràng, (nhưng cũng vì thế) mà kết thúc cuộc đời cũng bằng công danh. Như tiếng thơm vẫn truyền mãi ngàn đời"

II. XƯƠNG SỐNG CỦA THUẬT NGHI BINH

"Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý" (Tấn công vào chỗ địch không đề phòng, ra quân vào lúc địch không ngờ tới) đó là điều cốt lõi thuật nghi binh" của Tôn Tử.

Từ Tây Chu đến cuối thời Xuân Thu, diễn biến của lý luận chiến tranh truyền thống trải qua ba giai đoạn :"nhân nghĩa chi binh", "tiết chế chi binh", "quyền trá chi binh". Cái gọi là "quyền trá chi binh" là dựa vào chiến lược và chiến thuật nhất định để tiến hành chiến tranh. Việc thành bại của chiến tranh được quyết định bởi sự vận dụng chiến lược và chiến thuật trên một trình độ rất lớn. Từ quan điểm của kế sách học, chúng ta thấy: "chủ thể của kế sách, để buộc đối phương tấn công vào mình, không hề đề phòng, sẽ nảy sinh ra kẽ hở về tư tưởng nhất định nào đó, đôi khi cần thiết phải lợi dụng các hoạt động chính trị, ngoại giao để yểm trợ. Có lúc đòi hỏi phải lợi dụng sự chênh lệch về thời gian và không gian, áp dụng những hành động dũng cảm và kiên quyết, có lúc cũng cần phải đoạ trước, hỗ trợ sau, đương đông kích tây, làm cho địch không làm sao lần ra sự thật để phòng bị". Phàm là những loại đó chỉ rõ : "Đánh vào chỗ địch không đề phòng, xuất quân vào lúc địch không sao ngờ tới. Sự tê liệt của một bên thực sự được giải toả, thống nhất hữu cơ với hành động đột biến của phía bên kia."

Khi Hán Vũ đế còn trên ngôi, thường đưa quân độ đánh Hung nô. Y Trĩ Tà Đơn Vu quân Hung nô đi tuần thú trên sa mạc phía bắc, nghe theo lời suy đoán của Tín Hấp hầu Triệu Tín, cho rằng ở cách xa triều đình nhà Hán lại có sa mạc ngăn trở, chắc sẽ không bị Hán tấn công. Vì thế không chú ý đề phòng. Hán Vũ đế nắm được tình hình như vậy, triệu tập các tướng lĩnh lại, nói : Tín Hấp hầu Triệu Tín là người lập ra kế sách cho Đơn Vu cho rằng quân Hán không thể vượt qua sa mạc rộng lớn, thâm nhập và ở lâu được. Bây giờ triều đình đại phát binh mà thế tất tiêu diệt quân chủ lực của Hung nô" . Thế là cho tập trung binh lực tiến sâu vào sa mạc phương Bắc. Phương châm tác chiến là tìm diệt quân chủ lực của Hung nô. Đồng thời tổ chức thành hai tập đoàn kỵ binh lớn, mỗi tập đoàn có năm vạn binh mã, lệnh cho Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh thống lĩnh xuất binh. Sau khi Vệ Thanh rời doanh trại, biết được nơi đóng quân thực sự của Y Trĩ Tà Đơn Vu, liền huy động quân chủ lực bắc tiến hơn ngàn dặm, tiến thẳng đến trước vương đình của Hung nô, kịch chiến với kỵ binh Hưng nô, Y Trĩ Tà Đơn Vu thấy quân Hán số lượng đông, tự lựa sức không thể địch nổi, bèn dùng hơn một trăm kỵ binh mạnh phá vây bỏ chạy. Hoắc Khứ Bệnh sau khi lên đường, tiến về phía bắc hơn hai ngàn dặm, thì trạm trán với Tả Hiền vương bộ của Hung nô, giao chiến giành được thắng lợi, bắt sống hơn bảy vạn quân Hung nô, từ đó về sau Hung nô không còn đủ sức vượt qua sa mạc tiến đánh về phía nam, hình thành cục diện."Hán nam Vô vương đình".

Chiến dịch này thể hiện nghệ thuật cầm quân của Hán Vũ đế. Hán Vũ đế căn cứ vào phán đoán sai lầm của Đơn Vu quân Hung Nô, cho rằng : Quân Hán không thể vượt sa mạc khinh lưu, thông qua việc chuẩn bị đầy đủ, với binh lực chiếm ưu thế tuyệt đối, từ hai hướng tiến đánh cho quân chủ lực Hung nô những đòn chí mạng. Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, tiến quân hàng ngàn dặm, trong binh pháp có nhắc đến lệ "uỷ lạo quân viễn chinh", nhưng trên thực tế, tất cả các trận viễn chinh đó đều giành được chiến thắng. Nếu truy tìm nguyên nhân, chẳng có gì khác, chỉ có hai điều : một là Vệ Thanh, Khoắc Khứ Bệnh tập trung binh lực, cơ động thần tốc, tạo ra được tính bất ngờ đột nhiên, làm cho Đơn Vu, Tả Hiền vương của Hung nô khi xáp chiến vẫn không rõ lực lượng quân Hán mạnh yếu ra sao! Hai là lực lượng chủ lực của Hụng nô thả lỏng việc canh phòng, lơi là cảnh giác, ngay đến khi quân Hán đã tấn công vẫn chưa hề cảnh giác ; thậm chí mãi đến khi quân Hán đã tiến đến nơi đồn trú của quân Hụng nô, quân Hung nô đến lúc ấy mới dàn trận thế chuẩn bị ứng chiến. Xuất phát từ điểm này chúng ta thấy, Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh giành được chiến thắng và thất bại của Đơn Vu, Tả Hiền vương quân Hung Nô, tất cả đều nằm trong khuôn khổ tinh lý, hợp với lô gíc.

Một danh tướng đời Đường là Lý Tố xuất quân đánh Ngô Nguyên Tế Hoài Tây. Ngô Nguyên Tế lập trấn ở Thái Châu, nay là Nhữ Nam, Hà Nam) được chúng dân ủng hộ, xưng bá một phương. Lý Tố đưa quân đánh chiếm một

số điểm ở ngoại vi Thai Châu, riêng chỉ ở Lạng Sơn (nay là Xác Sơn Hà Nam) là bị quân Hoài Tây cả trong lẫn ngoài giáp kích, ít nhiều bị tổn thất. Tướng lĩnh cảm thấy chán nản, nhưng Lý Tố, tuy thua nhưng đâu đã cam chịu. Chẳng bao lâu sau, quân Đường bất ngờ đánh chiếm ngoại thành Ngô Phòng, (nay là Tuy Bình Hà Nam), quân Hoài Tây cố thủ trong thành. Các tướng lĩnh đề nghị thừa thắng đánh tiếp vào thành nội, Lý Tố không chấp nhận. Ông ta nhận thấy bộ phận tinh nhuệ của quân Hoài Tây bố phòng ở ngoại vi Thái Châu, còn chịu trách nhiệm thủ vệ sào huyệt chúng chỉ là những tên lính gầy còm ốm yếu, nên quyết định nhân lúc bất ngờ đánh thẳng vào Thái Châu, trước hết là bắt sống Ngô Nguyên Tế, sau rồi bình định Hoài Tây. Thế là, trong một ngày trời âm u gió tuyết, Lý Tố đưa quân về Thái Châu để giữ nghiêm bí mật, ra lệnh hành tiến về hướng đông, quân lính thuộc quyền không biết mình sẽ đi tới đâu. Đi về hướng đông được 60 dặm, đánh chiếm Thôn Trương Sài nay thuộc phía Tây Nhũ Nam Hà Nam diệt bọn binh lính canh giữ ở đây. Lý Tố lệnh cho tướng sĩ tạm nghỉ ngơi đôi chút, giữ lại một bộ phận đón đánh quân Hoài Tây quay về cứu Thái Châu. Còn bản thân ông ta đưa một bộ phận lập tức nhân đêm tối, đội tuyết xuất quân, đồng thời tuyên bố nhiệm vụ hành động là : vào Thái Châu bắt Ngô Nguyên Tế. Đêm đó trời rét, tuyết to, nhiều người cũng như ngựa bị chết cóng, nhưng vẫn phải hành quân liên tục, cấp tốc những 70 dặm, đến Thái Châu, trời vẫn chưa sáng. Bên ngoài thành Thái Châu có ao thả ngỗng, vịt. Lý Tố ra lệnh đánh chúng, cho

chúng kêu ầm ĩ lên phân tán sự chú ý của linh gác, yểm hộ cho hành động của mình. Thành Thái Châu ba mươi năm dòng nay không hề có chiến sự, nên việc cảnh giác rất lơi lỏng, ngay cả khi quân Đường leo lên thành, mà lính giữ thành vẫn chưa phát hiện được. Trời sáng, tuyết ngừng rơi, có người bẩm báo với Ngô Nguyên Tế : quân Đường đã vào thành, Ngô Nguyên Tế vẫn không tin, cho rằng quân Đường đã bị bắt làm tù binh đang gây rối, hoặc là lính bộ binh rét quá về thành xin áo bông. Mãi về sau khi nghe hiệu lệnh của quân Đường, Ngô Nguyên Tế mới hoảng hốt leo lên thành để đánh trả. Quân Đường được sự hỗ trợ giúp đỡ của trăm họ trong thành, chẳng bao lâu đã hạ được thành nội, bắt sống Ngô Nguyên Tế. Chẳng bao lâu sau, các bộ phận của binh tướng Hoài Tây đều quy thuộc triều đình, cả vùng Hoài Tây được yên ổn.

Đó là một trận bôn tập cấp tập mà chu đáo ! Nếu như coi đó là một thiên văn chương, chúng ta có thể thấy được, cái đặc sắc chính là ở chỗ : chỉ một mạch, mạch suy nghĩ cứ tuôn trào, thông suốt từ trước đến sau, mấp mô sóng gợn. Lý Tố chỉ huy tác chiến, không những có phẩm chất thắng không kiêu, bại không nản, mà còn có thể căn cứ vào tình hình địch thực hư ra sao, để xác định kế hoạch tác chiến chính thức. Hơn thế nữa, để đạt được sự bí mật và bất ngờ về việc đánh vào Thái Châu, Lý Tố đã lợi dụng triệt để yếu tố khí hậu khắc nghiệt, không tránh sự ngăn trở của tuyết rơi gió nổi, thực hiện hành quân cấp tập đầy gian khổ khó khăn. Chẳng trách mà có

tướng lính không sao hiểu nổi những lệnh tác chiến đó? Sau khi chiến tranh kết thúc. Họ hỏi Lí Tố : "Tại sao bị thua ở Lạng Sơn mà không hề lo lắng. Thắng ở Ngô phòng mà không chiếm giữ. Mặc gió to tuyết dày mà không dừng lại. Cô độc chỉ một cánh quân thâm nhập mà không sợ hãi, rút cục lại thành công, là tại làm sao?" Lý Tố giải thích một cách kỹ càng : "Chúng ta thua ở Lạng Sơn, cũng vừa đủ để cho Ngô Nguyên Tố coi thường chúng ta, mà không lo tăng cường phòng bị, có thể làm tê liệt ý thức cảnh giác của đối phương. Ở Ngô Phòng ta thắng mà không chiếm giữ, là để buộc binh lính ở Hoài Tây không bỏ thành mà chạy, ra sức cố thủ Thái Châu, điều đó có thể làm cho lực lượng của Ngô Nguyên Tế bị phân tán. Cho nên, trong những ngày trời âm u gió tuyết, bôn tập Thái Châu, là do trong điều kiện thời tiết như vậy, dù đốt đuốc lên cũng khó nhìn thấy gì, nên binh lính Hoài Tây khó thể thông báo kịp thời các tin quân ta đã kéo đến ; cho nên dù chỉ riêng lẻ một mình cánh quân ta xâm nhập, vẫn có thể làm cho quân ta ai nấy cùng quyết đánh đến cùng một mất một còn, dũng khí tăng lên bội phần. Xem xét thấu suốt diễn biến của toàn bộ chiến dịch, há chẳng phải là triển khai một cách thuận lợi ý đồ tác chiến của Lý Tố đó sao?"

Tại danh giới giữa Hán và Sở, sau khi Hán Tín đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yến. Để ngăn trặn quân Hán tấn công. Tề vương Điền Quảng, đưa một lực lượng lớn tới đóng binh ở Lịch Hạ (nay là Tế Nam tỉnh Sơn Đông), chuẩn

bị chống đỡ. Để Đinề Quảng ủng hộ mình, Lưu Bang cho Lệ Thực Kỳ tìm đến thuyết phục Điền Quảng quy thuận nhà Hán. Lệ Thực Kỳ lấy chủ đề : "Thiên hạ đại sự giai quy Hán vương" (Những chuyện lớn trên đời này đều quy vào Hán vương). Điền Quảng tin lắm, cho rút lui điểm phòng thủ ở Lịch Hạ, suốt ngày uống rượu cùng Lệ Thực Kỳ làm vui, lại cho sú giả đi báo lại cho Lưu Bang biết. Hán Tín biết được tình hình như vậy, lập tức mang quân vượt qua sông Hoàng Hà, nhanh chóng công phá Lịch Hạ, rồi chiếm đánh Lâm Truy (nay là Truy Bác tỉnh Sơn Đông). Điền Quảng nghe nói đột nhiên quân Hán kéo tới, cho rằng Lệ Thực Kỳ đã bán đứng mình, liền đem giết ông ta xào nấu làm thức ăn. Sau đó lui về giữ Cao mật (nay là Cao Mật tỉnh Sơn Đông) cầu cứu Hạng Vũ. Hạng Vũ đưa quân tiến lên phía Bắc, hội nhập quân Tề ở Cao Mật. Nhưng chẳng bao lâu sau, liên quân Tề Sở cũng bị quân Hán đánh tan. Hàn Tín thừa thắng truy diệt tàn binh, bắt sống Điền Quảng, thôn tính hoàn toàn nước Tề. Chiến công ở chiến dịch này của Hàn Tín, thực chất là dựa vào các kế sách thừa nhân vô bị, đột nhiên tập kích (nhân lúc người ta không đề phòng, tập kích bất ngờ). Nếu như Điền Quảng cho quân ở Lịch Hạ chém giết nhau với quân Hán, thì dù Hàn Tín có thắng đi chăng nữa, nhưng làm sao thoát khỏi cái kết cục "Giết địch ba ngàn, thì mình cũng mất tám trăm". Số Lệ Thực Kỳ phụng mệnh Lưu Bang, thuyết phục Tề đã thành công, vốn có thể coi đó là một chiến công đặc biệt, nhưng lại bị Hàn Tín lợi dụng , chỉ

trong nháy mắt, từ chỗ ngồi của thượng khách đã biến thành "thịt trong nồi". Chuyện thế gian kiểu như vậy xoay vần kể sao cho xiết. Hàn Tín về sau xưng vương nước Tề, nổi danh thiên hạ nhưng do mắc tội làm hại Lệ Thực Kỳ, nên đến khi chết mặt không xanh mà cũng chẳng trắng, quả là oan gia.

Danh tướng thời Đường là Lý Tịnh là đại tổng quản hành quân Định Tương đạo, đưa quân đánh Đột Quyết. Đột Quyết Hiệt Lợi khả hãn lưu giữ Thiết sơn, cho sứ vào triều tạ tội, thỉnh cầu cho cả nước quy phụ. Triều đình giao cho Lý Tịnh phụ trách đón tiếp. Hiệt Lợi khả hãn tuy đã biểu thị triều yết, nhưng trong lòng vô cùng nghi ngại. Thông qua quan sát và xét đoán, nhận thấy điều đó. Lúc ấy triều đình cử Hồng Lư Khanh Đường Khiệm làm sứ tiết, đi trước ban bố dụ chiếu lệnh cho Hiệt Lợi khả hãn. Lý Tịnh triệu kiến phó sứ Trương Công Cẩn nói : "Triều đình chiếu sứ đến Thiết Sơn, Đột Quyết nhất định sẽ rút quân canh phòng. Nếu cho một vạn kỵ binh mang theo lương thảo cho 3 ngày, bất ngờ đột kích Đột Quyết. Thì chắc chắn sẽ thành công". Trương Công Cẩn hơi e ngại hỏi lại : "Triều đình đã chấp nhận việc xin hàng của Hiệt Lợi, Đường Kiệm thì đang ở chỗ ở của Đột Quyết thì làm thế nào? " Lý Tịnh trả lời : "Thời cơ không thể để mất. Sở dĩ Hàn Tín có thể thắng Tề chính là ở chỗ thời cơ có lợi. Người như Đường Kiệm thì có gì để mà tiếc cơ chứ". Thế là Lý Tịnh kéo quân cấp tốc về Thiết Sơn. Sau khi Hiệt Lợi khả hãn hội kiến với Đường Kiệm.

rất phấn khởi vì thế giảm trừ trạm canh phòng thường ngày. Đội quân tiên phong của Lí Tịnh, nhân sương mù dày đặc, nhanh chóng kéo đến chỗ ở của Đột Quyết, chỉ còn cách nha trướng của khả hãn sáu bảy dặm. Hiệt Lợi khả hãn phát hiện ra quân Đường, chưa kịp dàn thế trận đã bị đánh tơi bời. Trong chiến dịch này, quân Đường sẽ chém đầu trên một vạn, bắt sống mười vạn. Chẳng bao lâu sau, bắt sống được cả Hiện Lợi khả hãn.

Trận tập kích bất ngờ này cũng tương tự như trận Hàn Tín đánh bại quân Tề, như cùng một mẹ đẻ ra. Trong tình huống Đột Quyết đã xin quy thuận triều đình nhà Đường. Sự suy tính bắt nguồn từ mục đích chiến tranh của Lý Tịnh, xá chi các hoạt động ngoại giao đang được xúc tiến, thừa lúc Hiện Lợi khả hãn lơi lỏng cảnh giác, bỏ canh giữ, Lý Tịnh đã giáng cho một đòn chí mạng. Điều đó đã tỏ ra một cách đầy đủ nhất cái bí ảo của "quyền trá chi binh" (động tác giả), cũng có thể coi đó là sự kế thừa và phát triển nghệ thuật cầm quân của Hàn Tín. Một điều hay hơn cả là đang tiến hành công việc của một vị sứ giả, Đường Kiệm không xấu chơi cố ý làm hại người khác như Lệ Thực Kỳ, nhân lúc hỗn quân hỗn quan đã chuồn về được.

Còn về cách đánh "Kinh tiền yểm hậu, dương đông kích tây" (Cách đánh đoạ phía trước yểm hộ phía sau, (dương đông kích tây), cũng có thể tìm thấy nhiều ví dụ thực trong lịch sử.

Đầu đời Đường, Lý Thế Dân đánh nhau tới với Đậu Kiến Đức ở Hổ Lao (nay là phía tây bắc Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Đậu Kiến Đức có mười vạn quân linh dàn thế trận ở bờ đông sông Phiếm Thuỷ phía chính diện trải dài hơn hai mươi dặm. Cho dàn trận thế tấn công Hổ Lao, Lý Thế Dân đã sẵn sàng, làm cho đối phương nơm nớp lo sợ (không lúc nào là không có khả năng bị đánh). Quân Đậu dàn quân từ giờ thìn đến giờ ngọ, quân linh đói và mệt phần lớn ngồi bệt xuống đất, tranh nhau đi uống nước, quân ngũ lộn xộn không còn ra thể thống gì cả. Lý Thế Dân thấy thế, trước tiên kiểm tra lại thế trận, rồi đích thân dẫn kỵ binh xuất kích, bộ độ chủ lực theo sau, lao thẳng vào đại bản doanh quân Đậu. Lúc ấy, Đậu Kiến Đức đang triệu tập quần thần để bàn bạc, quân Đường ào ào ập đến, các quần thần đều xô đẩy nhau lẩn trốn ở chỗ Đậu Kiến Đức, đến nỗi làm cho kỵ binh điều động để đi đánh trả quân nhà Đường bị cản đường không còn lối đi, Đậu Kiến Đức ra lệnh cho các quần thần lui ra để tránh đường cho kỵ binh, nhưng do quân Đường đã xông vào, không thể không rút chạy về hướng đông. Lý Thế Dân thừa thế tấn công mạnh quân Đậu, truy kích xa hơn ba mươi dặm, bắt sống hơn năm vạn người.

Đây là một dẫn chứng về một trận đánh lừng danh lấy ít thắng nhiều. Đối mặt với thế trận mạnh, to lớn do Đậu Kiến Đức dàn binh. Lý Thế Dân không hề khiếp sợ, ngược lại, thông qua phân tích cụ thể, nắm chắc và lợi dụng nhược điểm của quân Đậu. Ông ta cho rằng: "Quân

Đậu chưa bao giờ đánh lớn, nay đánh nhau ở ngay căn cứ của mình, chắc chắn là sẽ coi thường ta, hơn nữa, ngay lúc lâm trận mà kỷ luật lại buông lơi. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng, chờ cho chúng mệt mỏi, chán nản mới tiến đánh, thì giành được chiến thắng đâu có khó khăn gì. Theo cách suy nghĩ đó, nhân lúc thế trận quân Đậu bị nhiễu loạn, Lý Thế Dân dốc toàn lực tấn công, tuyển chọn bộ đội tinh nhuệ, chọc thẳng vào phía sau lưng, xông thẳng vào bội chỉ huy của quân Đậu đến nỗi Đậu Kiến Đức trở tay không kịp, chỉ huy mất tác dụng phải bỏ chạy trong lúc hỗn loạn. Từ đó cho ta thấy, thắng lợi của Lý Thế Dân, chủ yếu là dựa vào sự "xuất kỳ bất ý" (bất ngờ), đó là hậu quả của việc đánh thẳng vào trung tâm ngay từ lúc mở màn.

Năm Thuận Trị thứ 18 triều Thanh (năm 1661), Trịnh Thành Công quyết tâm tiến quân ra Đài Loan. Sau khi chiếm lĩnh giải đảo Bành hồ, đứng trước những khó khăn không lúc nào thuận gió, sóng to, lương thực không đủ, Trịnh Thành Công vẫn ngang nhiên đưa hạm đội, đội gió mưa vượt qua eo biển, nhanh chóng áp sát bên ngoài Lộc Nhĩ môn, chờ con nước, chờ gió để vào. Cảng Lộc Nhĩ môn này, bình thường luồng lạch cạn, người Hà Lan lại dùng xác tàu hỏng để chắn, vì thế chỉ khi nào có con nước (nước lên) mới qua lại được. Quân Trịnh đến bên ngoài Lộc Nhĩ môn chưa được bao lâu, quả nhiên con nước lên, tất cả các chiến hạm từ lớn đến bé vào cảng thuận lợi, phân bố ở giữa Đài Giang. Quân Hà Lan đóng trên thành

Đài Loan cho rằng hạm đội Trung Quốc nhất định sẽ tấn công từ hướng chính diện, cho nên chỉ chuẩn bị đầy đủ pháo lớn dọc bờ theo đường hàng hải phía nam. Trịnh Thành Công tránh lưới phong toả hoả lực của quân Hà Lan, cứ tiến thẳng vào Lộc nhũ môn, đến nỗi làm cho quân Hà Lan không kịp điều chỉnh lại pháo lớn, thấy hành động ngoài dự kiến của chúng đâm ra hoảng hốt, nghĩ rằng "binh tự thiên giáng" (việc quân cơ do trời định), còn bây giờ thì đánh bó tay. Cho nên, quân Trịnh chỉ mất hai tiếng đồng hồ đã đổ bộ lên đóng trại trên cảng Hoà Liêu. Sau đó, Trịnh Thành Công đích thân đôn đốc binh sĩ vây đánh Xích Khâm Lâu và thành Đài Loan, buộc quân Hà Lan phải đầu hàng, từ đó kết thúc ách thống trị ba mươi tám năm của người Hà Lan ở Đài Loan.

Cuộc chiến đấu mà Trịnh Thành Công lấy lại Đài Loan, là một trận chiến đấu trên bờ lấy trang bị yếu để thắng trang bị mạnh, cự ly xa, quy mô lớn trong lịch sử hải chiến Trung Quốc. Thắng lợi của cuộc tác chiến trên bờ lần này là nhờ và tài chỉ huy xuất sắc của Trịnh Thành Công, đặc biệt là ông ta biết lợi dụng nhân đêm mưa to gió lớn, đột nhiên vào cảng Lộc Nhũ Môn, làm cho người Hà Lan vô cùng hoảng hốt.

Lẽ ra, mưa bão và đêm tối mà lên bờ thì vô cùng bất lợi, nhưng lại chính cái điều kiện khí hậu bất lợi đó lại giúp tạo ra nhân tố bất ngờ, xuất kỳ bất ý. Trịnh Thành Công đã mạnh dạn lợi dụng điều kiện khí hậu ác hiểm đó để đưa quân lên bờ tác chiến. Xem ra thì rất mạo

hiểm, nhưng thực ra vì mưa bão đã mấy ngày liền, gió đã có chiều giảm bớt, hơn nữa ấy lại là đầu tháng triều cường, là thời cơ cho tàu khởi hành tốt nhất. Cho nên Trịnh Thành Công vừa phải công phá sự cản ngăn do gió bão gây nên, lại gặp dịp triều cường có thể lên bờ dễ dàng, chính những thứ đó đã đặt nền móng cho việc thu phục toàn bộ đảo Đài Loan.

"Công kỳ vi bị, xuất kỳ bất ý" (đánh vào chỗ địch không đề phòng, xuất quân vào thời điểm mà quân địch không ngờ tới), cái hạt nhân của kế sách này, trong lĩnh vựa chiến tranh, từ xưa tới nay, vẫn được khai thác triệt để.

III. LÙI ĐỂ MÀ TIẾN, CHUYỂN THẾ THỦ THÀNH THẾ CÔNG

Trong mảnh vườn kế sách học, quan hệ giữa tiến và lùi, có thể biểu hiện như sau: 1_ Tiến và lùi luôn luôn nằm trong mâu thuẫn. Xét từ cách nhìn của chủ thể kế sách, loại mâu thuẫn này lấy cùng chung tính chất làm gốc. Cả hai cùng thúc đẩy lẫn nhau, bổ sung cho nhau. 2_ Nếu xét chung cho hai phía của kế sách : mâu thuẫn giữa tiến và lùi, lấy tính chất đấu tranh làm chủ, bên này tiến thì bên kia lùi, bên này tấn công thì bên kia thế thủ, và ngược lại. Hai bên đối lập nhau thì sẽ bài xích nhau. 3_ Tiến và lui đều phân biệt chủ động và bị động. Cái tiến cái lùi chủ động có lợi cho sự chuyển hoá giữa tiến

và lui ; cái tiến, cái lùi bị động lại bất lợi cho sự chuyển hoá giữa tiến và lui. Thông qua sự tiến, sự lùi chủ động, chủ thể của kế sách có thể giành được ưu thế rõ ràng trong trường kế sách. 4_ Cái tiến chủ động và cái lui bị động, giữa hình thức và nội dung luôn nhất trí nhau, lùi chủ động và tiến bị động thì khác, giữa hình thúc và nội dung không nhất trí. Căn cứ theo quan hệ giữa nhất trí và không nhất trí này, chủ thể kế sách có thể thúc đẩy một cách có hiệu quả sự chuyển hoá giữa tiến và lui.

Những người đã đọc qua "Tam quốc" và "Thuỷ Hử" đều có thể lĩnh hội được một trường cảnh như sau : Sau khi hai bên dàn xong thế trận, mỗi bên một chiến tướng bước ra khỏi hàng, giao phong. Họ họp nhau tại một chỗ, đao thương qua lại, ngựa chạy vòng tròn, đánh nhau mấy hiệp, một người bỏ chạy người kia không hiểu kế, đuổi theo. Khi sắp đuổi kịp, người vờ thua bỏ chạy, đội nhiên quay lại, bổ, chém, đâm, bắn tên hoặc ném phi tiêu, người đuổi theo thét lên một tiếng rồi ngã ngựa, toi mạng. Đó là trò cá nhân đấu nhau vờ thua dụ địch rồi bất ngờ giành thắng lợi. Những "hội mã thương", "tán thủ giản" "lưu tinh chuỳ" "đà đao kế" mà thường mọi người vẫn hay nhắc tới đều là những ứng dụng khác nhau trong những điều kiện khác nhau của thủ đoạn này.

So sánh với đấu võ cá nhân, thi đấu tập thể tuy không thể nói là sự giản đơn của nó được tăng cường thêm, nhưng trên một ý nghĩa nào đó có thể được coi là sự hữu hạn của nó được mở rộng. Trong đấu tranh quần thể, chủ thể

kế sách của lãnh tụ quần thể cũng thường dùng biện pháp vờ lui để dụ địch, bất ngờ giành chiến thắng. Trong đó, tình hình cơ bản nhất là : một bên thực thi việc rút lui có mục đích, có kế hoạch, dụ đối phương lao sâu vào tình thế bất lợi, đối phương không hiểu rõ chân tướng, quả nhiên cứ mải miết đuổi theo, rốt cục là bị sa bẫy chịu thua.

Trước khi Tấn Văn công Trọng Nhĩ chấp chính - Có thời gian đã từng lưu lạc ở nước Sở. Sở Thành vương cư xử với ông ta về lễ tiết như với một chư hầu. Khi Trọng Nhĩ rời nước Sở, Sở Thành vương hỏi ông ta, lấy gì để báo đáp. Trọng Nhĩ trả lời : "Nếu như tôi về được nước Tấn rất mong muốn có quan hệ tốt đẹp với quý quốc để cho trăm họ ở hai nước được sống thái bình. Nhưng nếu vạn nhất chiến tranh xảy ra, thì tôi chỉ có thể lùi tránh ba xá (một xá là ba mươi dặm), coi đó như là sự báo đáp ân tình của đại vương." Sau đó Trọng Nhĩ về nước chấp chính. Hai nước Tấn và Sở bùng nổ chiến tranh ở Thành Bộc (nay là Bộc Dương Hà Nam). Nguyên soái quân Tấn là Tiên Chẩn vừa thấy quân Sở tiến sát đến, định lập tức đánh trả. Nhưng Hồ Yển Khuyên : "Trước kia chúa công đã nói với Sở vương rằng, nếu như hai nước đánh nhau, quân Tấn tình nguyện làm tam xá chúng ta không nên để thất tín." Các tướng lĩnh đều phản đối. Tấn Văn công thì tán đồng ý kiến của Hồ Yển, lệnh cho quân Tấn rút sâu vào 90 dặm. Quân Sở muốn đánh, nhưng không được, sĩ khí bị ảnh hưởng. Chẳng bao lâu sau, Tấn và Sở lại quyết

chiến, Quân Tấn nhằm đúng chỗ yếu của quân Sở, áp dụng chiến thuật trước yếu sau mạnh, vờ lui dụ địch, tấn công một góc, hai mặt giáp công, lần lượt đánh bại hai cánh tả hữu của quân Sở, buộc chúng không đánh mà phải lui.

Đó là một trận nổi tiếng đã xảy ra vào thời Xuân Thu. Trước khi quyết chiến xảy ra, Tấn Văn công lùi tránh 3 xá. Bề ngoài là thực hiện lời hứa, nhưng thực tế là để tranh thủ dư luận, tránh cái mũi nhọn của quân Sở, làm lơi lỏng sĩ khí quân Sở... và nhiều mục đích khác. Cũng giống như Hồ Yển đã phân tích : "Chúng ta lùi tránh ba xá, không những chỉ tỏ ra là ta đã giữ tín nghĩa với thiên hạ. Nếu như chúng ta lui quân, quân Sở cũng lui, thì hai nước có thể giảng hoà. Nếu chúng ta lui, quân Sở vẫn đuổi theo, thì chúng quả quá thể. Nếu vậy, quân chúng ta sẽ chẳng phải kiêng nể gì. Mà nếu quân Sở vẫn tự cao tự đại, hai bên đánh nhau, sẽ có lợi cho ta". Xét từ quan điểm kế sách lược, những kiến giải của Hồ Yển là tương đối chín chắn, rất đáng được những người vận dụng thủ đoạn lùi một bước để tiến hai bước nhấm nháp suy đi ngẫm lại.

Ý nghĩa của các nhóm từ : "muốn tiến thì hãy tạm lui" "muốn bắt được thì hãy lỏi lỏng ra", "muốn được thì phải biết cho"... tương tự gần giống nhau. Chủ yếu chỉ chủ thể kế sách trong lúc nhuệ khí của đối phương đang thịnh, cố ý né tránh đánh nhau, nhân nhượng nhau, làm cho đối

phương này sinh ra tính kiêu căng, muốn nghỉ ngơi lơ là mất cảnh giác, rồi sau đó thừa cơ thực hiện ý định của mình. Chữ "tiến" ở đây là chỉ mục đích, "lui" là chỉ thủ đoạn, biện pháp. "Thủ đoạn", "biện pháp" là để phục vụ cho mục đích. Cho nên "lui" dâu phải là "bị động", "mù quáng" mà lại là chủ động, có mục đích, tức là lùi có mức độ, đến mức thích hợp thì dừng lại, tiếp tục tập trung lực lượng giáng cho đối phương một đòn sấm sét.

Thời Xuân Thu, người nước Dung thừa lúc nước Sở bị đói kém mà phản loạn. Mê Nhân tập hợp được một trăm kẻ tôi tớ được mọi người ủng hộ. Thế là nước Sở cho quân tấn công Dung quốc. Giao phong lần đầu, quân Sở bị bại. Tử Dương Song trốn thoát khỏi tay người Dung, chủ trương dốc toàn lực tấn công một lần nữa. Sư Thúc nói : "Không ổn đâu, nếu chúng ta tiếp tục giao chiến với người Dung, chắc chắn rồi cũng thất bại. Phải rút lui. Điều đó sẽ làm cho chúng càng thêm kiêu căng ngang ngược, nhưng chúng ta sau đó lại dốc sức ra phản công một lần nữa, thì chắc chắn sẽ giành được thắng lợi." Sở vương nghĩ rằng Sư Thúc nói có lý, liền liên tục giao chiến với người Dung lui đi lui lại đến bảy lần. Người Dung vốn thiếu tính tổ chức, mà lại liên tục giành được chiến thắng, cho rằng quân Sở sẽ không chịu đựng nổi, nên buông lỏng đề phòng. Sở vương thấy thế chia quân thành hai cánh, tấn công mãnh liệt, diệt ngay nước Dung.

Kiêu hãnh và khiêm nhường là sự phản ánh giữa tiến và lui. Về mặt tâm lý, kiêu hãnh ngang ngược có quan hệ

với coi thường địch, nóng nảy ; khiêm nhường thì nhất trí với ôn hoà, cẩn trọng, bền bỉ. Về mặt hành vi thì kiêu hãnh có quan hệ với liều lĩnh, phóng túng ; còn khiêm nhường thì nhất trí với tiết chế ổn định vững vàng. Người Dung mất nước chính là hậu quả của việc "thắng thì kiêu, mà kiêu thì sẽ coi thường địch".

"Khiêm thụ ích, mãn chiêu tổn". (Khiêm tốn thì có lợi, tự mãn thì mời gọi sự tổn thất). Tướng kiêu thì tất bại đã trở thành một điều luật mà người ta hay dẫn ra trong cuộc sống để làm điều răn. Trong lịch sử, Tào Tháo viết bài thơ "Hoàng Sóc phú thi", ngược lại vấp phải thảm bại ở trận Xích Bích ; Phù Kiêu viết : "Phủ đầu trên đoạn lưu" (ném pháo làm đứt dòng), không có tai hoạ nào lớn hơn cái tai hoạ coi thường địch". "Ngô Tử" cũng răn đe người đời sau "Bước ra khỏi cửa lúc nào cũng như gặp địch".

Mạo Đốn Đan Vu Hung nô lúc mới lên ngôi, vua Đông Hồ ỷ thế mạnh cho sứ giả sang gặp Hung nô đòi thiên lý mã. Mạo Đốn hỏi ý kiến tả hữu mọi người xung quanh. Những người tả hữu xung quanh bảo là không được. Mạo Đốn nói : "Lẽ nào lại tiếc một con ngựa với người sát nách mình !?" Thế là ông tặng cho Đông Hồ vương một con ngựa thiên lý . Chẳng bao lâu sau vua Đông Hồ cho là Mạo Đốn sợ mình. lại cho sứ giả sang đòi một người về làm vợ. Mạo Đốn lại hỏi những người tả hữu xung quanh. Những người tả hữu xung quanh vô cùng tức giận. yêu cầu đòi một phen sống mái với Đông Hồ vương. Mạo

Đốn nói : "Lẽ nào lại tiếc một người đàn bà với người hàng xóm !?"Thế là liền đem vợ thứ, người vợ sủng ái nhất đem dâng cho vua Đông Hồ. Vua Đông Hồ ngày càng tỏ ra ngang ngược tai ác. Chẳng bao lâu sau lại cho sứ giả sang yêu sách đòi Mạo Đống giảm đất trống giữa hai nước. Mạo Đốn lại hỏi ý kiến các quan tả hữu, có người bảo rằng giải đất bỏ hoang, có thể cắt nhượng cho vua Đông Hồ. Mạo Đốn tức giận lắm quát: "Đất đai là cái căn bản nhất của một nước, làm sao có thể cho ông ta được !?" Thế là động viên toàn bộ người ngựa tiến đánh Đông Hồ. Đông Hồ vương rất coi thường Mạo Đốn nên chẳng phòng bị gì. Cho nên khi Mạo Đốn tràn tới tiến đánh bại, tiêu diệt vương quốc Đông Hồ, mở rộng thế lực của mình.

Từ đó ta thấy, kiêu căng bạo ngược như vua Đông Hồ, quả đã đánh giá lực lượng của mình quá cao, không hề suy tính đến sức mạnh của đối phương, bốc lên là mù quáng liều lĩnh chỉ biết cứ việc đòi hỏi, mà không thể sử lý thoả đáng các quan hệ láng giềng, dưới con mắt tham lam thèm thuồng như hổ đói của kẻ mạnh, đã mất cảnh giác, thả lỏng không đề phòng, vì thế đã tạo cho đối phương một kẽ hở có thể lợi dụng . Nếu đem so sánh, Mạo Đốn Đơn Vu quả là một tay kế sách cao thủ biết tiến, biết lui. Ông ta xuất phát từ điều kiện bản thân, nhẫn nhục, thoả mãn các yêu sách vô lý của vua Đông Hồ là có ý chiếm đoạt lấy tâm trí, làm rối loạn mưu đồ của ông ta, làm cho đối phương bị rơi vào thế coi thường xem nhẹ, buông lỏng

sự đề phòng, tạo cho mình thời cơ thuận lợi chắc chắn thành công.

Để thực hiện được mục đích mong đợi, con người ta dù ở trong trường kế sách nào, đều phải giữ cho đầu óc tỉnh táo, trầm tĩnh, không để cho sự xung động nhất thời làm nhiễu loạn việc vận dụng kế sách. Một khi bị một tình huống nào đó làm mê hoặc sẽ bị mất lý trí, làm những việc mà lẽ ra không nên làm, tạo cho đối phương cái thời cơ để lợi dụng. Chính vì vậy , nên những nhà chính trị, những nhà quân sự lừng danh từ xưa tới nay khi phải đương đầu với sự nhạo báng nhục mạ của địch thủ, đều phải lấy chữ "Thượng nhẫn" (coi trọng sự nén chịu, nén lòng chịu đựng) để tự kiềm chế, để giữ sự sáng suốt. Bình tĩnh trong đầu óc, tìm thời cơ, đánh bại mọi sự khiêu khích của đối thủ.

Thái phó nhà Tuỳ là Dương Nghĩa Thần, đi hỏi tội Trương Kim Xứng. Đưa quân đến mương Vĩnh Tế thì cho hạ trại, cách Trương Kim Xứng chỉ bốn mươi dặm, hào sâu luỹ cao không đánh. Trương Kim Xứng đưa quân ra khiêu khích, Dương Nghĩa Thần kiềm chế binh sĩ, chỉ dàn thế trận chiếu lệ nhưng không chịu ứng chiến. Cứ lặp đi lặp lại như thế nhiều lần. Trương Kim Xứng cho rằng quân Tuỳ khiếp sợ, nên nhiều lần đưa quân ém sát doanh trại quân Tuỳ chửi bới Dương Nghĩa Thần. Dương Nghĩa Thần cho người ra nói với Trương Kim Xứng : "Mời ngài sáng mai hãy đến, ta sẽ quyết một phen sống mái". Trương Kim Xứng vốn đã khinh thường quân Tuỳ nên mất cảnh giác

không buông lơi cảnh giác phòng bị. Thế là Dương Nghĩa Thần chọn hai nghìn lính tinh nhuệ, lặng lẽ bí mật, nhân đêm tối đi vòng ra phía sau chờ cho Trương Kim Xứng ra khỏi doanh trại, phát lệnh tập kích, thu toàn bộ dinh luỹ. Trương Kim Xứng biết tin quay về ứng cứu, bị quân Tuý đánh giáp công từ hai mặt, tiêu diệt hoàn toàn.

Trong "Thảo Lô kinh lược" đã từ đó viết ra kết luận : "Từ xưa tới nay thất bại của các nhà cầm quân thường là do nóng vội, hiếu thắng, thích trổ tài. Tính cách ấy dễ bị kích, dễ bị nóng, dễ bị dụ lừa, dễ bị quấy nhiễu mà trở nên mệt mỏi, dễ bị lung lạc, dễ bị trêu chọc, dễ sai khiến, dễ mắc bẫy của ta mà không hay biết, đó không phải là cái cần có. Cái mà tướng quân cần phải có là bớt cứng rắn để mềm dẻo, giảm mạnh làm yếu, bị khích bác mà không nóng giận, bị dụ mà không lay chuyển, bị nhục mà không hổ thẹn, bền gan vững chí, mưu kế khôn lường, không nghi ngờ lời bàn của mọi người, và người bất địch làm theo để lừa, chớ để chúng phòng bị, hễ địch có sơ hở là ra quân, tuỳ cơ hành động, đột nhiên bất ngờ, không ai có thể chống cự được, chỉ một trận mà nên công trọn vẹn. Làm được như vậy là do người đó trước hết có cái nhìn cực kỳ sáng suốt, có ý đồ vô cùng lớn lao, không thèm tới vặt vãnh mà thôi". Câu nói này, trong một trường kế kế sách nhất định, đối với mọi người, mượn lùi để tiến, chuyển thế thủ thành thế công có rất nhiều điều gợi mở.

Đương nhiên dù là tiến hay là lùi, đều có một vấn đề tiên quyết : (ra tay) trước và (tạm lùi) hành động sau. Ra

tay trước chỉ chủ thể kế sách lợi dụng ưu thế của chính mình, ra tay trước để kiềm chế đối phương. Nói một cách tương đối : tạm lùi một bước, chỉ chủ thể kế sách, sau khi đối phương đã ra tay trước ; nắm chắc thời cơ có lợi để phản kích, khống chế lại đối phương. Nói một cách khái quát : ra tay trước được vận dụng rộng rãi hơn, tạm lùi một bước thì lại càng làm cho người ta tìm kiếm cách ra ta trước hơn nữa.

Ra tay trước thì sử dụng cái "dương". Cái gọi là "dương" ở đây chính là nhuệ khí, là sở trường là ưu thế, tóm lại là cái gọi là cái mạnh, thế mạnh. Chủ thể của kế sách lấy "cái mạnh" của chính mình, áp dụng thủ đoạn tập kích đột nhiên, có thể giáng cho đối phương một đòn mạnh mẽ. Trong các hoạt động xã hội, những điều này có thể tìm nhiều thí dụ thực tế. Để bảo đảm chắc chắn ra tay trước có hiệu quả, thì phải chú trọng hiệu quả ra quân đầu tiên, đòi hỏi làm sao chỉ giải quyết vấn đề một cách dứt điểm trong một lần. Muốn làm được điều đó không những đòi hỏi phải tập trung toàn bộ sức mạnh ưu thế tuyệt đối, mà còn phải nắm chắc thời cơ thích hợp, còn đòi hỏi phải đạt được hành động nhanh, đột biến. Nếu không thực hiện được điều này, thì lẽ ra là phải ra tay trước nhưng nếu nhỡ thời cơ, thì chắc rằng sẽ vấp phải khó khăn trở ngại.

Tống Tương công tranh bá với Sở, dẫn đến quân đội hai nước đánh nhau ở Hoằng Thuỷ (Nay là Gia Thành tỉnh Hà Nam) Quân Tống đã sẵn sàng thế trận. Khi quân

Sở còn chưa kịp tập kết hết qua sông, Tư Mã Mục Di nói với Tống Tương công : "Quân Sở đông, quân ta ít, nhân lúc chúng còn một bộ phận chưa kịp qua sông, ta nên tấn công ngay". Tống Tương công từ chối với lý do : "Quân tử bất thừa nhân chi nguy" (Đã là quân tử thì không nên tấn công nhân lúc đối phương gặp nạn hiểm nguy). Chờ cho đến lúc quân Sở đã sang sông xong nhưng chưa dàn xong trận thế, Mục Di lại đòi xuất kích, Tống Tương công vẫn khăng khăng : "Đã là quân tử thì không tấn công lúc địch chưa dàn xong trận thế". Mãi đến khi quân Sở đã dàn xong trận thế, quân Tống mới được phép xuất kích, kết quả là bị quân Sở đánh cho thất bại nặng. Tống Tương công bị trọng thương, chỉ còn một nhúm tàn quân bỏ chạy về Tống.

Tống Tương công chỉ huy tác chiến, quả là đáng để mọi người thương hại tạ thán. Nhưng, bản thân ông ta lại không nhìn thấy tận cội nguồn gốc rễ sự ngu muội xuẩn ngốc của chính mình. Sau khi về nước, còn tìm đủ mọi cách biện hộ cho mình : "Là quân tử, khi đánh nhau không giết người bị thương nặng, không bắt người già yếu làm tù binh, thậm chí lấy làm sỉ nhục nếu đánh thắng địch mà nhờ địa thế sông núi hiểm yếu. Ta tuy là thế hệ sau của một ông vua mất nước, nhưng không bao giờ tấn công trước khi quân địch chưa dàn xong thế trận". Vốn dĩ là một hành động ngu ngốc thì sao tránh khỏi bị người đời chê cười, mà nay lại biện hộ, bào chữa cho những hành động ngu xuẩn đó, thì lại càng thêm hoang đường, đáng

hổ thẹn. Chẳng trách được, người ta coi Tống Tương công là một nhân vật điển hình "xuẩn trư thức" (ngu kiểu con lợn) trong lịch sử loài người.

Điểm then chốt của tạm lùi một bước là khi dùng thái thế phòng ngự : một mặt phải làm rõ nhược điểm của đối phương, mặt khác phải ngấm ngầm chuẩn bị lực lượng, chờ và tạo ra thời cơ có lợi, thông qua phản kích, giáng cho địch những đòn tổn thất chí mạng.

Cuối thời Tây Tấn, Thạch Lặc chiếm cứ nhiều châu quận phía bắc sông Hoàng Hà. Sau đó tính đến chuyện thôn tính nốt Vương Tuấn đang cắt cứ U Châu. Ông ta nắm được tâm lý Vương Tuấn đang lo chuẩn bị cho việc xưng đế, trước hết mình sẽ tỏ ra quy phụ Vương Tuấn, làm ra vẻ ủng hộ sự tự lập của ông ta. Chờ thời khi Vương Tuấn cho xứ giả đến cám ơn, Thạch Lặc cố ý điều quân tinh nhuệ và tướng tài ra bên ngoài thành : chỉ giữ lại tàn binh già yếu ở lại trong trại, để tỏ ra mình thiếu thực lực chả làm nên trò trống gì được, đồng thời cho treo chiếc phất trần mà Vương Tuấn cho tặng ông tổ phòng khách, mỗi ngày ba lần vái lạy, tỏ rõ sự trung thành của mình. Khi người sứ giả nọ lên đường về, Thạch Lặc lại cho người thân tín đi cùng để chuyện trò có bạn, đề nghị khi Vương Tuấn lên ngôi, cho phép ông ta đến dự lễ. Vì thế Vương Tuấn rất tin Thạch Lạc. Sau này Thạch Lặc đưa quân tấn công U Châu, Vương Tuấn không những không lo đề phòng, mà còn cảnh cáo các tướng lĩnh : "Tướng quân họ Thạch

đối với ta rất trung thành, nay đưa quân đ để giúp ta diễu nó dương oai, phô trương thanh thế, ai còn khuyên ta đem quân ra chống đỡ, ta giết !" Chẳng bao lâu sau quân Thạch Lặc đã đến dưới chân thành Tô Châu, tướng sĩ giữ thành e chậm trễ có lỗi với Thạch Lặc sẽ bị chịu tội, liền vội vàng mở cửa cổng thành. Thạch Lặc ra lệnh xua đuổi hết hàng ngàn trâu, để mang đến dâng cho Vương Tuấn nhân lúc lên ngôi báu vào thành, chật ních phố to ngõ nhỏ, sau đó cho quân bao vây cung thất của Vương Tuấn. Đến lúc này, Vương Tuấn mới tỉnh cơn mê, mới biết mình đã tự chui vào vòng treo cổ của Thạch Lặc.

Một dãy những hành động, ẩn hình dấu bóng để phát về sau, lúc đầu thì tỏ ra trung thành, và sau đó cướp ngôi của Thạch Lặc là chuyện đã rắp tâm từ trước. Việc tạm lùi, việc thần phục đâu phải là chạy theo đối phương, mà là xỏ mũi đối phương. Từ bỏ cái độc lập về danh nghĩa đâu phải là sự mất mát vĩnh cửu, mà chính là muốn thu được nhiều hơn và thành công nhanh hơn.

Điều cốt lõi của việc ra tay trước là quyết định nhanh, đánh thắng nhanh. Còn tạm lùi một bước, thì cái lợi của nó ở chỗ hoãn binh, chờ thời. Cho nên các bậc tiền hiền xưa, khi bàn về chiến tranh, về quân đội thường răn đe mọi người : "Thấy mà không quyết ngay, thì làm sao ra tay trước được ; ra tay mà không sắc sảo mẫn cán, thì kẻ khác được lợi. Thời cơ khó gặp mà cũng dễ bị mất, nên (khi gặp thời cơ) thì phải thực hiện ngay!".

Đồng thời còn khuyên răn : "Khí thế không đủ sức đánh ngay, thì có thể kéo dài. Nếu thế địch mạnh, lực lượng của ta không đủ thì chờ cho chúng mệt mỏi, lơi lỏng. Quân địch đông, lực lượng ta ít, không đủ thì phải chờ cho chúng tan rã ; Điều động chưa đủ, thì phải lo cho đủ ; phần bổ sung thêm chưa thoả đáng thì phải làm sao cho thoả đáng ; kế sách chưa song thì cũng phải chờ cho chín, rõ ràng : Thời điểm chưa thể đánh, tạm thời chưa tham chiến, cũng được coi là hay vậy". (1)

Việc nhà binh thì quý ở chỗ thần tốc, cơ hồ như đã trở thành câu châm ngôn của tất cả những nhà thống lĩnh quân đội, đối lại với câu ấy còn có câu "hoãn binh đãi thời" (hoãn binh chờ thời) cũng là một kế sách thường dùng khi cầm quân tác chiến.

Thái thú Tân Thành là Mạnh Đạt thời Tào Nguỵ, bí mật liên kết với Thục Ngô mưu phản. Tư Mã Ý lúc bấy giờ đang đồn trú ở đất Uyển (nay là Nam Dương tỉnh Hà Nam) hay tin liền cho quân chỉnh phạt. Theo chế độ Tào Nguỵ, Tư Mã Ý cho quân dẹp loạn, trước hết phải báo cáo với triều đình, chờ khi nhận được chiếu chỉ mới có thể xuất quân. Nhưng, từ Uyển thành dâng sớ lên triều đình, vừa đi vừa về phải mất nửa tháng ròng. Từ Uyển thành tới chỗ Mạnh Đạt đóng quân là Thượng Dung (nay là Trúc Sơn Hà Bắc) cũng phải đi mất hơn mười ngày đường. Nếu đợi triều đình hạ chiếu rồi mới xuất quân đi

(1) "Binh kinh bách thiên".

bình phản, thế thì quân Nguỵ sau khi Mạnh Đạt khởi sự một tháng sau mới có thể đến được Thượng Dung. So sánh binh lực giữa quân Nguỵ và quân Mạnh Đạt. Về mặt số lượng là 4 so với 1. Thế nhưng lương thực mà quân Nguỵ hiện có chỉ đủ cung ứng trong vòng một tháng, còn lương thực dự trữ của quân Mạnh Đạt là một năm. Tư Mã Ý biết rõ điều đó, trước khi nhận được chiếu chỉ của triều đình, ngấm ngầm cho cấp tập hành quân. Mỗi ngày phải đi một quãng đường gấp đôi lúc bình thường, chỉ trong tám ngày đã hành quân đến chân thành Thượng Dung, Mạnh Đạt vốn nghĩ rằng mình có thừa thời gian để chuẩn bị, không kìm lòng được, thốt lên : " Ta định khởi sự vào ngày mồng tám, nhưng chúng đã đến ngay dưới chân thành rồi, sao mà thần tốc vậy." Thành Thượng Dung do công sự chưa chắc chắn, chuẩn bị chưa đến nơi đến chốn, cộng thêm quân lính thuộc quyền của Mạnh Đạt ra hàng nhiều, chẳng mấy chốc bị quân Nguỵ công hãm. Tư Mã Y chỉ cần nửa tháng thôi, đã dập tắt cuộc phản loạn chưa kịp phát động một cách toàn diện.

Hơn mười năm sau , Tư Mã Ý đưa mấy vạn quân, chinh thảo Công Tôn Uyên cắt cứ Liêu Đông. Công Tôn Uyên cứ thủ Tương Bình, binh lực thì nhiều hơn quân Nguỵ, nhưng lương thực thì thiếu. Quân Nguỵ lương thực đầy đủ ; sung túc nhưng việc chuẩn bị đánh vào thành chưa xong. Cộng thêm mưa to liên miên, đất ngập nước hàng thước (mỗi thước bằng 0,33m), thời tiết lại không thuận cho việc công thành, thế là Tư Mã Ý không vội

đánh nhau, mà cũng chẳng chuyển trại giải vây, chờ thời cơ. Hai bên gầm ghè chờ đợi hơn một tháng trời. Sau khi hết mưa, trời quang mây tạnh, Tư Mã Ý hạ lệnh cho toàn quân đắp nền đất, đào địa đạo, chuẩn bị cung nỏ, suốt ngày đêm công thành trên quy mô lớn.

Chính lúc đó, trong thành lương thực đã cạn, phải ăn thịt lẫn nhau, người chết nhiều vô kể. Công Tôn Uyên nhận thấy không còn cách nào cứu vãn được nữa, đành phá vây, kết quả bị quân Ngụy tiêu diệt hoàn toàn ở bên ngoài thành.

Trên đây là hai chiến dịch vận dụng cách đánh khác nhau. Trận thứ nhất, Tư Mã Ý dùng cách đánh cấp tập, để né tránh vấn đề thiếu lương thực, phát huy tác dụng của binh lực ưu thế. Mạnh Đạt do lúng túng, ưu thế lương thực đầy đủ không thể phát huy tác dụng, thế yếu về thành trì kém vững chắc, thiếu binh lực cũng không sao bổ khuyết được. Giá trị thực tiễn của "binh quý ở chỗ thần tốc" chính là ở chỗ này. Trong trận sau, Tư Mã Ý lấy cái sách viện binh để đánh đổ Công Tôn Uyên. Điều mấu chốt là lợi dụng sự hoà hoãn bề ngoài, để phá vỡ ý chí chiến đấu của giặc, ngầm tăng cường gấp rút chuẩn bị công thành. Trong tình hình lúc đó, nếu quân Ngụy phát động công kích sớm, hòng tốc chiến tốc thắng, sẽ buộc Công Tôn Uyên dựa vào ưu thế về binh lực, phấn đấu liều chết, phá vây bỏ chạy. Ngược lại Tư Mã Ý công thành kéo dài, lương thực trong thành cạn dần, quân của Công

Tôn Uyên sẽ hoang mang, còn quân Nguỵ thì tính đâu có ngu mà ái lợi lại là trọn vẹn.

Cũng là đều Tư Mã Ý cả, là chủ thể của kế sách, đánh nhau với Mạnh Đạt, dùng phương châm binh quý ở chỗ thần lốc để chỉ đạo, dẫn tới thành công. Đối với Công Tôn Uyên thì dùng sách lược chờ thời, đã giành toàn thắng. Xứng đáng là một người chỉ huy nắm chắc thời cơ giỏi về xử lý quan hệ tiên phát hay hậu phát. Từ đó ta thấy họ Tư Mã lên thay Nguỵ thì lấy ai bày mưu tính kế cho mọi người nữa?.

Chương 8
CƯƠNG VÀ NHU

Lúc cương lúc nhu, đó là phép đối nhân xử thế nói mãi không hết. Dù trong quan hệ vua tôi, bạn bè, xóm giềng, đồng hành, chung sống hoặc giao chiến với hai nước, đấu tranh trong cung đình, đạo cương nhu đâu đâu cũng thấy : hoặc lấy cương chế nhu, hoặc lấy nhu chế cương, hoặc lấy cương chế cương, hoặc cương nhu song song. Trong khi vận dụng, có thể không có sự tư duy lý tính, song không thể không có ý thức.

Bàn luận một cách hệ thống về đạo cương nhu sớm nhất phải kể đến Lão Tử. Hạt nhân của tư tưởng Lão Tử là nhu yếu thắng cương mạnh. Qua quan sát đời sống con người và cây cỏ, ông phát hiện : Hài nhi và cây non tuy yếu mềm, song chúng vẫn có thể lớn lên trong yếu mềm, lớn rồi lại đi đến tử vong. Ông nói : "Con người sinh ra cũng mềm yếu, khi chết lại cứng rắn. cỏ cây cũng vậy, khi chết thì khô cứng, cho nên nói : cứng rắn đi đến chỗ chết, yếu mềm thì sống, binh cương không thắng, gỗ cứng tất gãy ; do đó mạnh ở dưới, còn yếu ở trên vậy". Từ đây đi đến một kết luận là "nhu thắng cương, yếu thắng mạnh. Lão Tử còn lấy nước làm thí dụ : "Nước xem ra rất mềm yếu, song bất cứ thứ gì dù cứng rắn đến đâu cũng không thắng nổi nước". Quan sát lịch sử và hiện thực, trong nhiều mặt của đời sống thực tế, ta đều thấy bằng chứng về luận đoán nhu yếu thắng cương mạnh của Lão Tử. Còn tư tưởng cương chế cương hoặc cương nhu song hành cũng có thể dẫn chứng ở nhiều nơi trong đời sống thực tế. Điều đó có nghĩa là tư tưởng nhu yếu thắng cương mạnh của Lão Tử cũng có khi không đúng, chứng tỏ tư tưởng ấy không mãi mãi bất biến, không phải là pháp bảo vạn linh. Nơi về của sự sống là chết, nơi về của "nhu giòn" là "khô héo", nơi về của "nhu yếu" là "cứng rắn" ; dù là "cứng rắn đi đến cái chết, yếu mềm thì sống", bất cứ ai cũng không thể suốt đời ở dạng nhu yếu, vì nhu yếu nhất định phải thay đổi, nhu yếu cương mạnh đều phải dựa vào tồn tại của đối phương mình mà tồn tại. Bản thân điều đó đủ nói rõ

tác dụng của cương mạnh là đâu rồi. Chứng tỏ, thuyết của Lão Tử cũng có chỗ sai lệch không đúng.

Trên cơ sở học thuyết của Lão Tử, Hoàng Thạch Công đời Tần Hán đề ra tư tưởng "nhu yếu cương mạnh đều có ích dụng, tuỳ cơ ứng biến", từ đó hình thành một hệ thống học thuyết tương đối hoàn chỉnh về cương nhu.

I. HỌC THUYẾT CƯƠNG NHU CỦA HOÀNG THẠCH CÔNG

Hoàng Thạch Công là người đã rao sách cho Trương Lương ở đất Kỳ. Ông lấy tên Hoàng Thạch để tự ví, sự tích cụ thể không khảo cứu được, xem ra ông là vị ẩn sĩ có tư tưởng chống nhà Tần. Ẩn sĩ phần lớn thuộc nhân vật Đạo gia, họ thường lúc ẩn, lúc hiện, phiêu du bất định, thần bí khôn lường, song họ không hoàn toàn là "thánh nhân siêu phàm", không có dính lứu đến đời sống hiện thực ; trái lại, họ rất chú ý theo dõi sự phát triển của xã hội, bất quá không có thái độ "trụ đá giữa dòng", hoà mình vào dòng xoáy của đời sống xã hội như Nho Gia mà thôi. Đối với hiện thực xã hội, ẩn sĩ có thể coi là "Siêu mà không thoát, xa mà không rời" thường họ đứng trong hậu trường thông qua người phát ngôn của mình để tham gia vào hiện thực xã hội, như kiểu Hoàng Thạch Công trao sách cho Trương Lương vậy. Ẩn sĩ tài trí cao siêu,

nhưng lại coi danh lợi như phù vân, không một tấc đất phong, không mũ giáp, cung kiếm mà lại có công cứu nước, giúp vua. Vì vậy, trong lòng thường dân họ trở thành biểu tượng của trí tuệ và sức mạnh. Do đó, đời sau nhiều người mạo danh ẩn sĩ để viết sách, sáng lập thuyết nọ thuyết kia làm tăng sức hấp dẫn của thuyết đó. Sách Tam Lược của Hoàng Thạch Công là một trong "Kinh thất thư" liệu có phải là trước tác của chính Hoàng Thạch Công, là cuốn sách đã trao cho Trương lương hay không , còn là điều nghi vấn. Có người cho rằng, "Hoàng Thạch Công tam lược" là do ẩn sĩ tinh thông binh pháp, nắm vững sự tích Trương Lương viết cuối đời Tây Hán. Hãy tạm gác xuất xứ cuốn sách trên ra, "Tam lược" rõ ràng được các đời xưa coi trọng và được đời Tống liệt vào võ kinh, hiển nhiên sách có vị trí và ý nghĩa đặc biệt. "Tam lược" đúc kết tinh hoa của chúng dân, thế trút nước lũ cao xuống, chú trọng bàn về dùng binh về mặt chiến lược, trong đó có phần "Nhu yếu, cương mạnh" vốn của Hoàng lão, cũng không chỉ của Hoàng lão, quan điểm rõ ràng, luận thuyết đầy đủ, khiến người ta thán phục.

"Hoàng Thạch Công tam lược" : "Cương là tặc, nhu là đức". Theo Hoàng Thạch Công, "nhu" là cảm hoá đạo đức, là mỹ đức ; "cương" là thủ đoạn cưỡng ép, là nguồn gốc của tai hoạ. Ông cho rằng: "Nhu có thể chế cương, yếu có thể chế mạnh". Bởi lẽ "người yếu sẽ được người đời giúp, kẻ mạnh sẽ bị người đời oán, chống lại". Về điểm này không khác thuyết của Lão Tử.

Lấy tĩnh chế động, lấy nhu chế cương là tinh hoa của tư tưởng Lão Tử. Lão Tử nói : "Thiên hạ không có gì mềm yếu như nước, nhưng không gì thắng nổi nước, lấy cái không có để thay đổi nó". Lão Tử chú trọng cảm hoá đạo đức, ông nói : "Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên". (Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên). Trời đất có gì để người ta bắt chước? Ông nói : "Thiên trường, địa cửu, thiên địa sở dĩ trường cửu vì nó không tự sinh ra nên có thể trường sinh". Người ta thấy tấm lòng vô tư của trời đất : "Vạn vật đều sinh ra nhưng không có danh vị, sống như không có, làm mà không cậy, công thành mà không lấy đó làm công". Điều khiến Lão Tử kính phục là trời đất không tự tư, có tấm lòng quảng đại bác ái, không tham vọng vụ lợi. Phép biện chứng là chúa tể chi phối thế giới, tất cả đều hướng tới mặt trái của nó. Chính vì đất bác ái vô tư nên Lão Tử nói : "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng". Đã trở thành tấm gương để loài người cùng vạn vật sinh linh noi theo. Cũng như "sông biển sở dĩ là vua của hàng trăm hang động vì biết chảy xuống, nên trở thành vua của hàng trăm hang động". "Trong trời đất bao la, đạo của ta thường cũng mênh mông". Đạo lý tự nhiên này không thay đổi theo ý trí con người. Vì vậy, Lão Tử mới nói : "Nhu thắng cương, yếu thắng mạnh" vậy.

Tư tưởng nhu yếu thắng cương mạnh của Lão Tử đã vạch ra quy tắc chung của vạn vật trong vũ trụ, là nói

trên thế chung, nên có tính ứng dụng rộng rãi. Có tính ứng dụng rộng rãi không có nghĩa là "bốn bể chỗ nào cũng đúng", thích ứng trong mọi thời gian, không gian và hoàn cảnh. Thử tưởng tượng : hai bên đối trận, gươm giáo sáng loá, bên nào cũng muốn tiêu diệt địch thủ mà lại lấy nhu yếu cảm hoá đối phương tất sẽ bị diệt ; lại nữa, hai bên đã nổi can qua rồi còn nói gì đến cảm hoá đạo đức? Chính biến trong cung đình, đầu rơi máu đổ, nếu nhu yếu, ắt sẽ bị tống vào ngục tối. Sa trường đối trận, có thể tỏ ra yếu, song phải lấy cương chống lại ; đấu tranh nơi cung đình như vậy. Do đó, nhu yếu cương mạnh mỗi mặt đều có tác dụng, có điều là phải biết tuỳ người, tuỳ nơi, tuỳ thời mà ứng biến. Đó cũng là chỗ khác nhau giữa Hoàng Thạch Công và Lão Tử. Sách "Tam lược" của Hoàng Thạch Công có viết : "Nhu có thể xây, cương có thể thi thố, yếu có thể dùng, mạnh có thể tăng thêm. Được bốn điều ấy thì sẽ chế ngự được mọi điều cần thiết".

Lại viết : "Vừa nhu vừa cương, quốc gia sáng chói ; vừa yếu vừa mạnh, quốc gia nổi bật ; thuần nhu thuần yếu, quốc gia bị tước gọt, thuần cương thuần mạnh, quốc gia tiêu vong". Luận thuyết thâm uyên, lý lẽ uyên bác.

Vận dụng thuyết nhu yếu cương mạnh vào đời sống xã hội, khi thì như dòng nước lững lờ, lúc thì như sóng dữ vỗ bờ, khi thì như huyết mạch tuần hoàn, lúc thì sôi sục bừng bừng, thiên biến vạn hoá.

Đại thần Bắc Ngụy tên Cổ Bật là người cương trực, dám thẳng thắn khuyên can vua. Thời Thái Vũ đế Thác Bạt Đạo có vườn thượng uyển chiếm đất quá rộng, phương hại tới việc canh tác của dân. Cổ Bật đã nhiều lần tâu xin cắt đất một nửa phân cho dân nghèo cày cấy mà không được chuẩn tấu. Một lần, ông vào cung để tường trình vua việc trên một lần nữa. Lúc đó, Thái Bạt Đạo đang cùng cấp sự trung Lưu Thụ chơi cờ. Vua đang say cờ nên không để ý gì đến xung quanh. Cổ Bật ngồi đợi hồi lâu, hoàng thượng vẫn không hay biết. Không thể đợi lâu được nữa, ông bèn nghĩ ra một kế : bỗng đứng dậy, túm đầu Lưu Thụ dúi xuống giường, rồi một tay xách tai, một tay đấm mạnh vào lưng Lưu Thụ, miệng quát mắng : "Triều đình chểnh mảng quốc sự, hoàn toàn do tội của nhà ngươi !" Thác Bạt Đạo thất kinh, mặt biến sắc, vội vứt quân cờ, khuyên giải : "Không nghe trình tấu là lỗi ở trẫm, Lưu Thụ có tội gì, hãy mau tha cho hắn !" Cổ Bật buông tha Lưu Thụ và trình tấu ý nghĩa của việc cắt đất. Thác Bạt Đạo trong lòng vốn sợ sẵn bèn chuẩn tấu ngay. Cổ Bật vô cùng sung sướng liền tâu : "Bầy tôi dám có hành động vô lễ trước hoàng thượng, thần thật đắc tội !" Nói xong, Cổ Bật bỏ mũ mão, khấu đầu chịu tội. Thác Bạt Đạo đỡ Cổ Bật dậy và nói : "Trẫm đã nghe nói công trình ấy làm khổ dân, làm tổn hại đất nước, khanh đã làm tròn chức phận, thật là phúc trời cho, sao lại có tội? Phàm những việc ích nước hại dân phải dốc tâm dốc sức, không nên dẫn đo suy nghĩ gì cả". Cổ Bật nghe xong, đội mũ và mãn nguyện cáo lui.

Nếu Thác Bạt Đạo biết rõ vườn thượng uyển chiếm đất làm khổ dân, hại nước đã phải sớm trả lại đất cho dân, sao lại để Cổ Bật dâng sớ lên tâu nhiều lần mà không chuẩn tấu? Lần này lại vui vẻ chuẩn tấu ngay, mà lời lẽ ôn hoà, chẳng phải vì thái độ giận dữ, ra tay của Cổ Bật đó sao? Thái độ của Cổ Bật thật kinh hoàng. Thử nghĩ : thiên tử uy nghiêm, lẫm liệt không ai dám xúc phạm, điều đó đã hình thành thế vững bền trong lòng thiên tử và thứ dân. Người dám thẳng thắn can ngan vua thì thật quí hiếm ; như Cổ Bật lại còn đánh cả Lưu Thụ càng không bao giờ thấy. Kỹ xảo quyền mưu của Cổ Bật là ở chỗ không để ý tới uy thiên tử, xuất hiện với thái độ cực cương, nhằm lúc vua đang say mê cờ, bất ngờ công kích kỳ thủ của vua, làm vua hoang mang. Ý Cổ Bật rất rõ : Hoàng thượng đáng đánh đòn, song vì lẽ vua tôi, nên chỉ đánh nô tài để răn đe. Hành động động cực cương chưa từng có của Cổ Bật Hoàng thượng hoàn toàn không ngờ, do đó tất hoang mang ; một khi đã hoang mang tất sẽ yếu. Đó là chỗ tuyệt diệu của mưu Cổ Bật. Đợi khi hoàng thượng không thể không tỏ ra nhu yếu, chuẩn tấu xong, Cổ Bật lại tỏ ra cực nhu, bỏ mũ áo, đi chân đất, cúi đầu chịu tội. Quả là hai thái cực vậy ! Điều này làm hoàng thượng cũng bị bất ngờ. "Người yếu được người giúp", lòng khẩn thiết đền ơn nước đã làm hoàng thượng cảm động, khiến người chỉ còn cách khen ngợi và an ủi.

Thái độ lúc cương, lúc nhu này của Cổ Bật tự nhiên mà có, so với những lời nói thao thao bất tuyệt để thuyết phục chúa thượng còn mạnh gấp bội phần.

Kinh đô Bình Thành Bắc Nguỵ (nay là phần đông bắc Đại Đồng, Sơn Tây) khí hậu giá buốt, tháng mưa tuyết, thường có gió cát. Hiếu Văn đế Thái Hoà năm thứ 17 (493 Công nguyên) muốn dời đô về Lạc Dương, nhưng lại lo chúng thần không theo, nên nói thác đi là xuất binh phạt Nam Tề để di dân về phía nam, tạo thành thế không muốn cũng không được. Trước hết lệnh Thái thường khanh bói quẻ xem ý trời. Kết quả được quẻ "Cách". Hiếu Văn đế vui mừng khôn xiết, nói : "Cách mệnh đời Thang Vũ hợp ý trời nên thuận lòng người cũng không may mắn thuận lợi như lần này". Quần thần im lặng. Thượng thư Thác Bạt Trừng bèn phá tan bầu không khí nặng nề, tâu : "Cho dù có tiến lệ cách mạng văn vũ, vị tất đã thuận lợi may mắn". Hiếu văn đế ngắt ngay lời Thác Bạt Trừng, nghiêm nghị nói : "Đại nhân hổ biến tại sao lại nói không may mắn thuận lợi?". Thác Bạt Trừng đáp : "Bệ hạ dựng nghiệp đã lâu, có sao tới ngày nay mới hổ biến !" Hiếu Văn đế càng giận : "xã tắc là của trẫm, khanh định làm giảm nhuệ khí của mọi người sao?". Thác đáp : "Xã tắc tuy là của bệ hạ, song thần là bày tôi của xã tắc, sao thấy nguy mà không nói !". Hiếu Văn đế giận không nói lên lời, hồi lâu mới nói : "Đại thần các khanh hãy tự do ni, không phải dằn do suy nghĩ gì.". Sau chuyện trên không lâu. Hiếu Văn đế lại triệu Thác vào cung. khác thái độ uy nghiêm lần

trước, Hiếu Văn đế vui vẻ nói : "Hôm nay trẫm muốn cùng khanh bàn kỹ chuyện nam phạt. Lần trước lâm triều, sở dĩ trẫm có thái độ nghiêm nghị cốt để de nẹt quần thần, tránh lời nói bất cẩn làm hỏng kế lớn của trẫm>". Kế đó, lệnh tả hữu lui ra, rồi nói với Thác : "Hành động hôm nay quả không dễ dàng. Song quốc gia ta hưng khởi tại Mạc Bắc, dời về Bình Thành, nơi đó chính là đất dụng võ, quyết không phải là nơi răn trị. Nếu muốn thay đổi thói quen tập tục, cố thủ nơi đây, tất đi lại sẽ khó khăn ; vì vậy trẫm muốn dời đến trung nguyên, ý khanh thế nào?". Thác đáp : "Bệ hạ muốn dời về trung thổ để mưu tính bốn bể, quả là đường lối Chu, Hán hưng thịnh." Hiếu Văn đế hỏi : "Người Bắc lưu luyến cố thổ, kế nay ban ra, triều đình và dân chúng hoang mang thì làm sao?" Thạc đáp : "Hành động phi thường chỉ những người phi thường biết, chỉ cần bệ hạ quyết đoán thì những người khác đành phải chịu vậy.". Vua nói : "Khanh quả xứng đáng là Trương tử Phòng của trẫm đó".

Hiếu Văn đế muốn mượn danh cất đại binh phạt Tề để đưa dân di về phía nam, không ngờ đầu tiên đã vấp phải sự phản đối của quan đại thần triều đình Thác Bạt Trừng. Lẽ ra điều kiện Nam phạt chưa chín muồi, việc ấy có liên quan tới sự tồn vong của xã tắc, nên Thác Bạt Trừng đã lấy cương đối cương, liều mạng can ngăn khiến vua hết đường nói. Song Hiếu văn đế quả xứng ngôi vị thánh chủ trung hưng, cương không thành liền chuyển sang nhu, với cương vị chí tôn hoàng đế đối xử nhún nhường

với bày tôi, bất chấp lễ vua tôi, trong không khí thân mật lạ thường, đem ý định dời đô bàn bạc với Thác Bạt Trùng, nên được Thác đồng tình. Song thái độ của vua đối với các đại thần khác và chúng dân vẫn là cương.

Hiếu Văn đế đã vượt qua muôn vàn trở lực, thống lĩnh 10 vạn đại thần Nam tiến, tới Lạc Dương, trời tối sầm mưa không ngớt, vua vẫn ra roi thúc ngựa lệnh các cánh quân tiến gấp ; quần thần lại qui trước ngựa, ngăn đường. Hiếu Văn đế hỏi : "Việc lớn đã định, đại quân sẽ tiếp tục Nam tiến, các khanh có gì cần nói?". Thượng thư Lý Xung Đẳng tâu : "Việc Nam tiến, công khanh đại thần, thứ dân đều không muốn, riêng mình bệ hạ thấy bức thiết, thần tôi không rõ bệ hạ cứ làm theo ý mình nhằm mục đích gì. Thần xin bệ hạ thu hồi lệnh đã ban, tội đáng chết muôn lần cũng không dám từ chối." Hiếu Văn đế nổi giận : "Ta đang muốn tổ chức thiên hạ, mong thiên hạ thống nhất mà lũ nho sinh các ngươi nhiều lần nghi hoặc kế lớn của ta, quân pháp tại thượng, không nhiều lời nữa !" Dứt lời, liền thúc ngựa tiến, quần thần khóc can ngăn lại. Vua lại nói : "Lần này huy động thần dân xuất quân, khí thế bừng bừng mà không tiến được một bước, biết nói gì với người đời sau? Trẫm vốn sinh sống tại Mạc Bắc (vùng sa mạc phía Bắc), nay muốn dời về Trung Nguyên, nếu không Nam phạt tất phải đóng đô tại đây. Vương công nghĩ sao? Những ai muốn dời đô hãy đứng sang trái, không muốn dời đứng sang bên

phải.". Nam An vương Thác Bạt Trinh bước lên tâu : "Người thành đạt lớn, không cần bàn đến chúng dân. Nếu bệ hạ bỏ ý định Nam phạt, chỉ dời đô đến Lạc Dương, đó cũng là ý nguyện của chúng thần". Lúc này quần thần đều tung hô vạn tuế. Tuy mọi người vẫn luyến tiếc đất xưa, không muốn vào Trung Nguyên, nhưng lại sợ Nam phạt nên đành vậy, không dám nói nữa. Kế hoạch dời đô của Hiếu Văn đế cuối cùng đã được thực hiện.

Đạo cương nhu của Hiếu Văn đế thực sự có hiệu quả mới lạ. Nếu nói thẳng ra là dời đô về phương nam tất sẽ gặp phải sự chống đối của các quan đại thần, mà xuất binh phạt Tề thì thời cơ chưa chín, càng không được văn võ đại thần đồng tình. Hiếu Văn đế liền sửa lại bằng thủ đoạn cực cương, soái lĩnh đại quân buộc phải Nam tiến, hộ giá thân chinh, văn võ bá quan không thể không hộ tống. Đại quân tiến đến Lạc Dương, Hiếu Văn đế càng có chỗ dựa không lo, liền tỏ vẻ quyết cùng nam Tề một phen sống mái ; khi quần thần quỳ trước ngựa, kêu khóc can ngăn thì vua lại chuyển cương thành nhu và lấy việc chấp nhận dời đo về Lạc Dương làm điều kiện ngừng nam phạt. Nam phạt thì ắt sẽ bại, mà dời đô thì nước vẫn còn, đem so sánh, quần thần chỉ còn một con đường là dời đô. Chẳng khác gì chuyện mua bán : Người bán đòi 1 đồng, người mua trả 6 hào. Hiếu Văn đế đã dùng cách nên yêu cầu quá khích để có được kết quả phù hợp, tức là từ cương sang nhu.

Hiếu Văn đế có tài chuyển nhu sang cương :

Hiếu Văn đế muốn thay đổi tập tục cũ về mọi mặt ngôn ngữ, ăn mặc, sinh hoạt liền triệu tập quần thần lại hỏi : "Các khanh nói chung đều muốn trẫm tôn sùng Trương, Chu, chữ không mong muốn trẫm không sánh kịp với Hán, Tần phải không ?" Hàm Dương vương Thác Bạt Hy đáp : "Quần thần đều mong bệ hạ vượt xa các tiên vương". Hiếu Văn đế tiếp : "Vậy thì nên thay đổi tập tục hay vẫn theo tập tục cũ? " Thác lại đáp : "Mong thánh thượng đổi mới". Vua lại hỏi : "Mong thay đổi chỉ trong đời ta hay lưu truyền mãi tới đời con, đời cháu mai sau?" Thác đáp : "Mong truyền tới muôn đời sau". Vua nói : "Đã như vậy thì phải cải cách, các khanh không được phản đối". Thác đáp : "Lệnh trên ban ra, dưới phải phục tùng, ai mà dám chống". Hiếu Văn đế nói tiếp : "Danh bất chính, ngôn bất thuận, lễ nhạc không thể hay. Từ nay trở đi phải từ bỏ các ngôn ngữ của các chủng tộc phương Bắc, lấy ngôn ngữ Hoa làm chuẩn. Đối với những người tuổi trên 30, thói quen đã lâu thì thay đổi dần, tuổi dưới 30 nhất luật không được nói tiếng cũ ; các đại thần trong triều không được nói tiếng cũ, ai vi phạm sẽ bị mất chức. Các vị công khanh hầu xem có được không ?" Thác Bạt Hy đáp : "Nguyện tuân thánh chỉ".

Mỗi dân tộc đều có một phương thức sinh hoạt riêng, thay đổi phương thức ấy còn khó hơn việc dời đô. Hiếu Văn đế hiểu rõ, bắt tay vào chấn chỉnh, sửa sang, từ chỗ tuân theo tiên vương tới vượt tiên vương ; từ bước vượt

tiên vương đến thay đổi tập tục, từ từ khuyên dụ, lô gích tất đạt được ý định thay đổi phương thức sinh hoạt. Đã muốn, không thể theo cái cũ. Đạo lý rõ ràng, Hiếu Văn đế thay đổi thái độ từ nhu sang cương, hạ lệnh phế bỏ ngôn ngữ, trang phục cũ, kết hợp với hình phạt tương ứng, thành thế "thuận ta được nêu danh, ngược ta thì vong". Dù cho một số đại thần trong lòng ý khác nhưng việc cải cách danh chính ngôn thuận, có lý do gì đứng ra phản đối?

Tiên chủ Lưu Bị mến tài Mã Siêu, phong Mã Siêu làm Bình Tây tướng quân, phong Dĩ Hưởng hầu. Mã Siêu thấy tiên chủ hậu đãi, dương dương tự đắc, có thái độ thất lễ vua tôi, nói với tiên chủ thường tuỳ ý gọi tên. Quan Vũ rất bất bình, định giết Mã Siêu, nhưng tiên chủ không cho phép. Trương Phi nói với Quan Vũ : 'Đã như vậy càng phải cư sử theo lễ nghi". Hôm sau, tiên chủ đại hội chủ tướng, Quan vũ, Trương Phi xách dao đứng hầu, Mã Siêu đến, không nhìn thấy Quan Vũ, Trương Phi, an vị ngay, sau nhìn thấy hai vị xách dao đứng yên liền thất kinh. Từ đó về sau, Mã Siêu tôn kính Lưu Bị, không dám có thái độ phạm lễ, vượt chức như trước.

Vốn ưa cương như Trương Phi và Quan Vũ lại có thái độ nhu yếu như vậy để cảm hoá con người cậy tài khinh người như Mã Siêu thì thực khó và đáng quý. Nhưng trong hành động tưởng như nhu yếu ấy lại toát lên ý cương ghê người : Quan Vũ và Trương Phi có địa vị quan trọng mà không chịu ngồi, đó là nhu, 2 dũng tướng xách dao đứng

trên là hầu tiên chủ, dưới là uy hiếp quần thần, vậy là cương. Trong cương có nhu, trong nhu có cương, hoà thành một.

Đạo gia đề xướng lấy nhu chế cương cố lấy đạo chính để cảm hoá, ở điểm này nho đạo gặp nhau.

Tử Lộ đeo kiếm sắc bên mình, khổng tử không hiểu liền hỏi "Trọng Do, ông mang thứ này bên mình để làm gì?" Tử Lộ đáp :" Đối với những ai tuân thủ lễ nghi, chức phận, không uy hiếp sự an toàn của ta, tự nhiên là ta đối xử tốt với họ ; ngược lại, ta có thể dùng nó để tự vệ" Khổng Tử nghe xong, không cho là vậy, liền nói: "Quân tử lấy trung thành làm chất, lấy nhân nghĩa để tự vệ, chân không bước ra khỏi nhà mà vẫn nghe xa ngàn dặm. Đối với những lời lẽ, hành vi không tốt thì lấy chữ trung cảm hoá, đối với kẻ bạo ngược thì lấy nhân để chống, hà tất phải mang kiếm sắc?"

Thời Xuân Thu, nhà Chu suy vi, các chư hầu xâm chiếm lẫn nhau, Tề Hoàn công quy trị được 9 chư hầu, làm bá chủ Xuân Thu, quốc phú binh cường, không cần phải nói, song nhân nghĩa suy đồi, đạo đức suy vi.

Tề Hoàn công từng bắc phạt Sơn Nhung thị, phải qua đất nước Yên. Vua nước Yên nghe tin Tề Hoàn công sẽ qua đất mình bèn thân chinh ra ngoài biên giới nghênh tiếp quân Tề. Tề Hoàn công hỏi Quản Trọng : "Chư hầu gặp nhau, theo nghi lễ có phải ra ngoài biên giới đón không?" Quản Trọng đáp : "Không phải thiên tử thì không

ra." Tề Hoàn công bàng hoàng lo sợ, nói : "Vậy là vua nước Yên vì sợ nước Tề mà không kể đến nghi lễ, thực tế là quả nhân không có đạo, khiến vua Yên phải thất lễ." Tề Hoàn công bèn khẳng khái cắt phần đất của vua Yên cho nước Yên. Các chư hầu nghe tin, đều suy tôn nước Tề làm bá chủ thiên hạ.

Tư tưởng "vi chính dĩ đức" (làm chính trị dùng đức). của nhà Nho khi trình bày cụ thể có lúc dường như khó tiếp thu ; song tôn chỉ cơ bản là người đắc nhân tâm được thiên hạ, kẻ thất nhân tâm mất thiên hạ vẫn là chân lý bất biến từ xưa. Quá cương, quá mạnh trong Nho, Đạo không nhắc đến. Quá cương, quá mạnh tuy nhất thời có thể có kết quả, song không có lợi lâu dài, chuyện binh gia cũng vậy.

Thời Chiến quốc, trong trận chiến Trường Bình giữa Tần và Triệu, nước Triệu bại trận, 40 vạn tướng sĩ đầu hàng Tần. Tướng Tần là Bạch Khởi bội nghĩa đã chôn sống toàn bộ 40 vạn hàng binh nước Triệu. Như vậy là quá cương, mà quá cương sẽ là nguồn gốc của tai hoạ. Hành động ấy của Bạch Khởi đều bị những người hiểu biết các đời khinh bỉ. Trong sách của người đời sau chép rằng, có anh đồ tể giết lợn, cạo lông xong trên lưng lợn hiện ngay ra 2 chữ "Bạch Khởi". Sự báo oán nhân quả đời đời của những người bị Bạch khởi giết hại có thực hay không, tạm chưa bàn đến, nhưng hành động chôn sống ấy đã gây nên sự căm phẫn của dân chúng đương thời và các đời sau là điều không còn phải bàn cãi.

Hà Ấn người nước Ngụy đã bàn luận tường tận về thảm kịch Trường Bình. Ông nói rằng, Bạch Khởi chôn sống 40 vạn hàng binh Triệu là 1 trò đại bịp, lẽ nào chỉ có lên án về mặt tàn bạo không thôi? Đứng trên bình diện chiến lược mà xét cũng là thất sách lớn. Giả thử tướng sĩ Triệu biết được rằng hàng cũng chết, họ tất sẽ gắng sức đánh, dù là tay không cũng đáng sợ, huống hồ 40 vạn quân gươm giáo đầy đủ. Các nước chư hầu nhìn thấy các tướng hàng Tần như đâm đầu vào núi, sĩ tốt quy Tần xương chất thành gò thì về sau giao chiến họ nhất định loại trừ tận gốc ý nghĩ mơ hồ, quyết 1 phen sống mái với Tần, còn ai chịu đầu hàng nữa? Hành động của Bạch Khởi giết hại được 40 vạn quân Triệu, nhưng kết quả ngược lại là đã làm tăng quyết tâm đoàn kết chống Tần của các nước chư hầu. Muốn có được kết quả nhất thời, nhưng lại buộc thiên hạ phòng bị. Đứng về hình thái của toàn cục chiến mà xét, trên đường khải hoàn trở về Bạch Khởi đã làm suy giảm uy thế của mình ; thắng lợi bề ngoài về quân sự, trái lại đã làm tắc con đường chính trị, ngoại giao của nước Tần, dẫn tới làm chậm tiến trình thống nhất thiên hạ. Tại sao nói như vậy? Nước Triệu tuy bại trận ở Trường Bình, song chưa mất nước. Nếu chỉnh đốn lại binh mã, tiếp tục cuộc chiến, nước Triệu sẽ lại xuất hiện 1 vị đại nguyên soái như Mã Phục quân và kết cục ai thắng ai bại, e rằng không thể như xưa được. Sau bi kịch Trường Bình, liệt quốc trữ lương luyện binh, ra sức chuẩn bị chiến đấu tất làm chậm tiến trình binh thiên hạ của Tần. Về sau sở

dĩ nước Tần không dám tiến đánh Hàm Đan, không chỉ vì nước Triệu mời Bình Nguyên quân làm thống soái, mà cái chính là Tần sợ các nước chư hầu liên kết lại cứu Triệu. Vua Tần rất kỵ điều này chỉ không nói ra mà thôi.

Cái gọi là nhu có thể chế cương, yếu có thể thắng mạnh, vì nhu có thể sinh ra cương, yếu có thể sinh mạnh ; nhu mà cương, yếu mà mạnh, chứ không phải nhu để mà nhu, yếu để mà yếu. Như Hoàng Thạch Công nói : " Vừa cương vừa nhu, quốc gia sáng chói ; vừa yếu vừa mạnh, quốc gia nổi bật ; thuần nhu thuần yếu, quốc gia bị tước gọt: thuần cương thuần mạnh quốc gia tiêu vong." Quý ở chỗ cương nhu hỗ trợ, mạnh yếu bổ xung cho nhau, không thể chỉ đơn thuần 1 mặt. Rất rõ ràng, nói cương nhu hỗ trợ không có nghĩa chia đôi cương và nhu ra hai phần riêng rẽ, lúc thuần cương, lúc thuần nhu. Cương nhu là một chỉnh thể, là thể thống nhất của 2 mặt đối lập ; nếu tách 2 mặt ra là không đúng. Hàn Tín, người đã phải chịu nhục chui qua háng, sau khi được Hán vương Lưu Bang vời làm đại tướng, đã trình bày với Lưu Bang về Hạng Vũ là người thế nào, đã phân tích tâm lý dân chúng chư hầu, tính cách dũng của kẻ thất phu, nhân của đàn bà, lúc thì thuần cương, lúc thì thuần nhu của Sở Bá vương Hạng Vũ một cách sắc sảo, từ đó khẳng định Hạng vương sẽ mất thiên hạ, Hán vương sẽ được thiên hạ.

"Sử ký - Hoài Âm hầu liệt truyện " đã ghi lại việc Lưu bang phong Hàn Tín làm đại tướng quân như sau :

Tín bái lễ xong, lên ngồi. Vua nói : "Thừa tướng nhiều lần nói về tướng quân. Tướng quân có kế sách gì dạy bảo quả nhân?"Tín cảm tạ rồi hỏi : "Ngày nay ở miền đông tranh quyền thiên hạ, chẳng phải Hạng vương là tà đó sao?" Hán vương đáp :"Phải" - "Đại vương tự xét dũng, nhân, cường ai bằng Hạng vương? Hán vương trầm ngâm hồi lâu, đáp : "Không bằng." Tín lại bái lạy nói tiếp :" Riêng Tín cũng cho rằng đại vương không bằng. Bày tôi phải thờ vua, nay xin nói Hạng vương là người thế nào. Hạng vương quát tháo luôn miệng, phế truất hàng nghìn người, như vậy không thể thuộc hàng tướng giỏi, đó là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Hạng vương gặp người thì cung kính, thân ái, thấy người đau ốm thì rơi lệ, cho ăn cho uống, ai có công thì phong tước. Đó là cái nhân của đàn bà. Hạng vương tuy làm bá thiên hạ, không ở Quan Trung mà đóng đô ở Bành Thành, bội nghĩa ước hẹn với đế, thân vương, khiến chư hầu bất bình. Chư hầu thấy Hạn vương đưa Nghĩa đế về Giang Nam, đều quay về theo chúa của mình, như thế vua được đắc địa. Sai lầm của Hạng vương là tàn sát sinh linh, thiên hạ oán giận, muôn dân xa lánh, chỉ sợ quyền uy mà thôi.

Danh nghĩa tuy là bá, thực tế không được lòng thiên hạ, nên nói mạnh thành yếu. Nay đại vương rất có thể chống lại hắn, đảm nhận trách nhiệm vũ dũng trong thiên hạ, sao chẳng diệt được! Lấy thành ấp thiên hạ phong cho công thần, ai chẳng phục ! Tuyển nghĩa binh là những người muốn về hướng đông thì làm gì không tan rã ! Và lại Tam Tần vương làm tướng Tần, giúp con em Tần bao

năm trời, số người bị giết không đếm xuể, lừa dân chúng hàng chư hầu, tôi Tân An Hạng vương chôn sống hơn 20 vạn binh Tần, duy chỉ có Hàm, Hân, Ế sống sót. Cha anh Tần oán 3 người này tận xuống tuỷ. Nay Sở mạnh là dựa vào uy vương của 3 người này, dân Tần chẳng ưa. Đại vương vào Vũ quan, không chút hại gì, trừ bỏ phép tắc hà khắc của Tần, ước hẹn với dân Tần, lập pháp 3 chương, dân Tần không thể không mong đại vương làm vua nước Tần. Ước hẹn với chư hầu, đại vương mất chức ở Hán Trung, dân Tần căm giận. Nay đại vương cất quân sang đông, đối với tam Tần có thể truyền hịch" Hán vương cả mừng, tự thấy được Tín có phần muộn. Theo kế của Tín, Hán vương sắp đặt chư tướng, xuất binh. Hạng vương cương nhu đều có, song đó là cái dũng của kẻ thất phu, cái nhân của đàn bà, lúc thuần cương, lúc thuần nhu, không biết kết hợp 2 mặt một cách hữu cơ, rút cuộc mất thiên hạ. Về sau bại trận ở Cai Hạ, cự tuyệt vượt sông, rút kiếm tự vẫn. Khí phách thuần cương của Hạng có thể nói là kinh thiên động địa, song không có lợi gì cho sự nghiệp.

II. NHƯỜNG HỌ 3 THƯỚC ĐẤT PHỎNG CÓ HẠI GÌ

Con người sống trong sự giao tiếp qua lại. Trong đời sống nhân quần, nói chung không mang màu sắc chính trị như đồng hành, xóm giềng với nhau, dù là hiền nhân quân tử hay phàm phu tục tử, hoặc vì danh vì lợi, vì được, vì

mất, va chạm là chuyện thường, mâu thuẫn khó tránh. Nếu hỏi không vừa ý là hầm hầm hoặc lạnh nhạt, thậm chí ẩu đả, kết quả là thiệt người, thiệt của, danh lợi cũng mất. Nếu lấy đạo đức trên hết, nhu yếu làm đầu, kết quả không mất hoà khí, danh dự được toàn vẹn, của cải càng không phải nói. Triết học "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng của Lão Tử đem ứng dụng vào quan hệ nhân quần, công dụng rất lớn không thể kể xiết. Còn trong quan hệ tôi đối với vua, đạo nhu yếu càng không thể thiếu.

Khang Hy đời Thanh, niên hiệu Ung Chính, các lão Trương Đình Ngọc khi xây tường phủ ở Đồng Thành quê nhà, do 3 thước đất mà xảy ra tranh chấp lên huyện đường. Quản lý nhà họ Trương liền viết thư báo cáo lên tướng gia ở kinh thành, đồng thời hy vọng Trương đình Ngọc sẽ có lời với tri huyện để giúp đỡ. Xem xong thư, sau 1 thoáng suy nghĩ, ông đề mấy câu thơ vào tờ thư rồi gửi nguyên bức thư ấy về. Thơ rằng : "Thiên lý cầu thư vi đạo tường, nhượng tha tạm xích hựu hà phương. Trường thành vạn lý kim do tại thuỳ kiến đương niên Tần Thuỷ hoàng " Đọc xong thư, quản lý nhà họ Trương liền nhượng ra 3 thước đất cho nhà bên. Nhà bên thấy nhà họ Trương bỗng nhường 3 thước đất cũng thấy khó nói, nên cũng lùi lại 3 thước đất. Hai nhà cùng nhường được 6 thước đất thành ngõ, được mọi người đặt tên là "Ngõ 6 thước".

Đó là lấy nhu chế cương. Vận dụng mưu kế lấy nhu chế cương đòi hỏi người mưu kế cần phải có tấm lòng sâu kín. Trương Tịch Lộ, người đời Đường, khi qua ngôi nhà

cũ ở Phần Dương vương xúc động đề thơ : "Phần Dương cựu trạch kim vi tự, do hữu đương niên ca vũ lâu. Tứ thập niên lai xa mã tán, cổ hoè thâm lạng mộ thiền sầu". (Tạm dịch: Nhà cũ ở Phần Dương nay đã là ngôi chùa, lầu ca vũ năm xưa vẫn còn đây. 40 năm rồi ngựa xe thất tán, cây hoè cổ trong ngõ sâu có tiếng ve buồn lúc hoàng hôn). Phần Dương vương Quách Tử Nghi là danh tướng đời Đường trung hưng, "loạn Yên Sử", triều đình Đường suy vi, Quách Tử Nghi rong ruổi chốn sa trường, cố cứu vãn tình thế rối ren. Vì vậy, sau khi ông cáo lão về nghỉ, vua đã cấp cho một vương phủ ở Phần Dương. Khi khởi công, nhân rỗi ông ra công trường, nhắc nhở thợ xây móng cho chắc. Một người thợ xây nói với ông: "Tổ tông ba đời nhà tôi, đều làm thợ xây ở Tràng an, không rõ đã xây bao nhiêu dinh phủ, chỉ thấy đổi chủ chứ chưa thấy nhà đổ bao giờ. "Kẻ nói vô tình, người nghe hữu ý". Quách Tử Nghi nghe nói, chống gậy đi, không nghe không hỏi thêm gì nữa.

Đông đảo chúng sinh không phải vì lợi mà đến, mà lại vì lợi mà đi. Một khi đã thông hiểu sự đời, sẽ không tính chuyện được, mất nữa. Cho dù có xây vương phủ như thành vàng hào nóng thì về sau chẳng phải là "Cổ hoè thâm hạng mộ thiền sầu"sao?

Những câu thơ họ Trương viết cho nhà cũng chứa đựng tấm lòng sâu xa rộng lượng xét riêng về lời văn, tuy bắt nguồn từ xúc cảm qua câu thơ "Trường thành vạn lý kim do tại, bất kiến đương niên Tần Thuỷ hoàng", nhưng về mặt khách quan lại đạt được một kết quả ngoài ý muốn.

Chỉ vì 3 thước đất 2 nhà phải kiện lên quan, tất nhiên không ai chịu, cho dù huyện quan có nể quyền uy họ Trương mà cho họ được kiện, nhà kia chưa chắc đã chịu ; huống hồ nhà ấy đã dám kiện lên tướng phủ, đương nhiên chẳng phải thua kém gì, ai thua, ai thắng khó biết được. Ở vào tình trạng khó phân xử như vậy, cách giải thoát tốt nhất là chảy mạnh rút nhanh, lấy nhu chế cương. Lão Tử nói : "Muốn thu hẹp phải bành trướng; muốn yếu phải mạnh ; muốn phế bỏ phải phát triển ; muốn lấy phải cho đi". Đó là điều rõ ràng.

Đó là phép tắc chung trong đối nhân xử thế. Mọi sự vật đều là tương đối, đều có thể chuyển sang hướng ngược lại. Trương Đình Ngọc nhường mà lại được cũng là lý ấy.

Hải Ngu Nghiêm Tướng công muốn xây một khuôn viên trong thành. Đợ xong, lại có một nhà dân vào ở nhằm trên đất ấy, khiến toà nhà họ Nghiêm không được vuông vắn. Nhà nọ sống bằng nghề bán rượu và đậu phụ. Người quản lý tìm mọi biện pháp mềm dẻo, hậu đãi xin họ chuyển đi, nhưng họ cương quyết cự tuyệt. Nghiêm tướng công thần sắc thản nhiên, bảo người quản lý :"Không sao, cứ xây 3 mặt kia đã". Sau khi khởi công, Nghiêm tướng cộng ra lệnh số rượu và đậu cần hàng ngày nhất nhất đều phải mua của nhà nọ, đồng thời đặt tiền trước. Nhà no vốn ít, người hiếm làm không kịp bán. Nghiêm mộ người giúp - Công nhân xây dựng ngày một đông, nhà kia lãi cũng ngày một

nhiều. Lương thực và nguyên vật liệu chất đầy nhà không hết. Do buôn bán phát tài, nhà nọ rất biết ơn Nghiêm tướng công, hối hận về chuyện đã gây khó khăn cho họ Nghiêm, tha thiết xin chuyển đi. Nghiêm tướng công bèn đổi cho ngôi nhà tương đối rộng rãi gần đó. Nhà nọ mừng khôn siết và nhanh chóng dọn đi.

Trong "Trí nang" (cẩm nang trí tuệ) của Phùng Mộng Long người Minh có viết về chuyện này như sau : "Dùng thế không được thì dùng ân huệ mà lấy, ta không tốn phí mà người lại ca ngợi công đức do họ không rõ thuật của ta, tuyệt lắm thay !" Ý định của Nghiêm tướng công rất rõ ràng, tính ích lợi cực mạnh thật tương đồng với tinh thần chí công vô tư "sinh ra như không có danh vị" do Lão Tử đề xướng. Do xuất hiện hình thức ban tặng nên đã đạt được kết quả mà dùng cưỡng đoạt thật khó đạt. Đó là sự vận dụng cụ thể phép "muốn lấy thì phải cho" vậy. Câu "dùng thế không được thì dùng ân huệ mà lấy" "ân huệ" chỉ là thứ biểu hiện trên bề mặt, nhà bên xấu hổ mới lả tinh thần cam lòng nhường người, do một chút ân huệ tạo nên. Tinh thần ấy là cái gốc "sông biển là vua của hàng trăm hang động" của Lão Tử đề xướng vậy.

Sau khi Tiền Yên hoàng đế Mộ Dung Vĩ qua đời, với chức tể tướng, Mộ Dung Khác phụ tá ấu chủ, Mộ Dung Vĩ nắm triều chính. Mộ Dung Khác tuy giữ trọng trách trong triều, song chưa hề lạm dụng chức quyền, phạm vào nghi lễ triều đình ; gặp việc trọng yếu cùng các đại thần khác thương nghị ; tuy danh nghĩa là nắm triều chính, nhưng

thực chất không phải chuyên quyền. Ông hết lòng đãi sỹ, tư vấn điều thiện, tuỳ tài bổ dụng. Các quan văn võ trong triều có gì sai trái ông không làm to chuyện, mà chỉ điều giữ chức khác để răn đe, không giáng chức. Sĩ tốt sai phạm, ông thông cảm. Vì vậy ai ai cũng lo làm tốt chức phận, không dám phạm điều cấm. Có sai sót nhỏ đều tự trách : "Lẽ nào lại muốn quan tể tướng thay người khác sao?"

Phàm những người có cảm giác thị phi và xấu hổ một khi phạm sai lầm thường lo sợ không yên như đi trên lớp băng mỏng, đợi chờ sự trừng phạt của chính nghĩa. Khi bị trừng phạt, về lí trí tuy nhận thấy sự trừng phạt là phải, nhưng về tình cảm lại không vui. Nếu hình thức trừng phạt quá nặng hoặc không thoả đáng, mất sự tôn nghiêm minh thì từ chỗ hối hận ban đầu, tâm lý tự trách có thể trở thành chống đối dẫn tới tình trạng có chỗ dựa không lo, càng nghiêm trọng hơn. Như vậy trước hết sự trừng phạt mất đi và ý nghĩa nguyên bản răn đe của nó gần như mất hết. Tâm lý tự trách, áy náy là động lực tâm lý cơ bản để nhận thức sai lầm và sửa chữa sai lầm. Chỗ cao siêu của mưu Mộ Dung Khác là ở chỗ ra sức bảo vệ và nuôi dưỡng tâm lý này của người mắc sai lầm. Khi người mắc sai lầm tự thấy không thể tránh được sự trừng phạt, thì ông không làm to chuyện, cũng không giáng chức mà chỉ điều sang chức vụ khác. Làm như vậy có như có ý nói : "Tôi hiểu rõ sai lầm của anh. Tôi không làm rùm beng, cũng chẳng giáng chức anh, anh liệu mà làm !" Với lòng khoan dung đại lượng như thế, đến trái tim đá cũng phải xúc động.

Mộ Dung Khác dùng đạo như để chấp chính cũng thật kì diệu độc đáo thay !

Thời Tây Hán, có Hồ Thường ở Thanh Hà, Đinh Phương Tiến ở Nhữ Nam, cùng theo đuổi Kinh học. Hồ Thường tuy từng trải hơn Địch, nhưng danh tiếng không bằng Địch, nên trong lòng rất không vui. Mỗi lần nói chuyện với ai về Địch, Hồ đều có ý phê bình kín đáo. Địch biết chuyện vẫn thản nhiên như không, không giải thích. Khi Hồ giảng bài cho môn sinh, Địch thường phái học sinh của mình đến lớp của Hồ xin Hồ giảng cho những ý khó và ghi chép cẩn thận. Sau một thời gian dài, Hồ tỉnh ngộ, hiểu rằng Địch có ý đề cao mình, nên suy nghĩ nhiều và cảm thấy áy náy. Từ đó về sau, trong giới đại sĩ phu, Hồ Thường luôn tán dương tác phong cao thượng, khí tiết trong sáng của Địch Phương Tiến.

Địch Phương Tiến tôn trọng người nên được người tôn trọng, như Lão Tử đã nói : "Không tranh với người, nên thiên hạ không ai tranh với mình được".

Lại xem chuyện Liêm Pha, Lạn Tương Như :

Lạn Tương Như vốn là nho sinh áo vải vì đem ngọc lành trả cho vua Triệu. Không thấy nhục vì sứ mệnh, lại cùng vua Triệu tới Mãnh Trì hội kiến với vua Tần khiến vua Tần không dám lấy thế vua nước mạnh làm nhục vua Triệu, nên được vua Triệu phong chức Thượng khanh đứng trên danh tướng nước Triệu là Liêm Pha. Liêm Pha rất không phục nói : "Ta là tướng nước Triệu, có công lớn

trong công chiếm thành đã chiến, còn Lạn Tương Như chỉ ỷ vào cái lưỡi lắt léo lại đứng trên ta . Hơn nữa , Lạn Tương Như vốn là kẻ đê tiện, sao ta có thể chịu xếp dưới hắn được? " Đồng thời tuyên bố : "Nếu gặp Tương Như, ta nhất định sỉ nhục hắn". Tương Như nghe nói vậy không chịu gặp Liêm Pha. Tương Như thường cáo ốm không vào chầu, không muốn tranh ngôi thứ cao thấp với Liêm Pha. Một lần, Tương Như đi du ngoạn, nhìn thấy Liêm Pha, vội đánh xe né tránh. Gia nhân Tương Như thấy vậy vất bất bình, liền nói : "Sở dĩ chúng thần rời bỏ quê hương, người thân đến hầu hạ tướng quân chính vì ngưỡng mộ ân cao, nghĩa lớn của đại nhân. Nay tướng quân đã đứng cùng hàng với Liêm Pha, Liêm Pha lại có lời công kích tướng công, mà tướng quân lại e sợ như vậy, dù là kẻ tôi tớ cũng thấy hổ thẹn, huống hồ một danh tướng ! Chúng thần không thể kiềm chế nổi tình cảm, xin cho phép chúng thần cáo từ !" Tương Như cố níu giữ, hỏi : "Các ngươi xem, so sánh Liêm tướng quân với vua Tần thì ai đáng sợ hơn?" Chúng thần đáp : "Tất nhiên Liêm tướng không bằng Tần vương". Tương Như lợi thế nói : "Với sự uy nghiêm của Tần vương, ta còn dám quát mắng triều đình Tần, nhục mạ quần thần họ, lẽ nào chỉ sợ mình Liêm tướng quân? Ta cứ nghĩ, cường quốc Tần sở dĩ không dám diễu oai trước nước Triệu, vì Triệu đang có ta và Liêm tướng quân. Nếu 2 chúng ta không ai nhường ai, 2 hổ quyết đấu, ắt khó vẹn toàn cả hai. Sở dĩ ta nhân nhượng như vậy không vì lý gì khác, ngoài việc đặt nguy cơ của đất nước lên trên hết, ân oán cá nhân xuống dưới mà thôi." Liêm

Pha nghe biết, mình trần, mang roi gai, cùng bạn đến phủ Tương Như tạ tội, nói : "Tôi thật quá nông cạn, không nghĩ tới tấm lòng rộng lượng của tiên sinh vậy". Từ đó 2 người trở thành 2 người bạn sống chết có nhau.

Tư Mã Thiên ca ngợi : "Tương Như phấn đấu hết lòng, uy tín nơi nước kẻ thù, nhún nhường trước Liêm Pha, danh tiếng tựa Thái Sơn, trí, dũng song toàn !" Lạn Tương Như lấy dũng chống địch, lấy nhu hoà hiếu với bạn, vì lợi ích quốc gia, cam chịu dưới người. Khiến soái lĩnh ba quân Liêm Pha tướng quân không thể không xin chịu tội. Từ đó danh tiếng càng bay xa, cũng có thể thấy được lòng người ủng hộ hay phản đối. Lão Tử nói : "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng" là thế.

Đạo nhu yếu tuỳ người mà vận dụng ; đối với bọn hôn quân vô đạo thì không thể hy sinh một cách vô nghĩa.

Cuối đời Tần, Trần Thắng phất cờ khởi nghĩa, mong trừ bạo Tần làm chấn động cả nước. Tần Nhị thế phong thanh biết tin bèn triệu tập nho sinh bác học hỏi : "Bọn phu phen người Sở kia tập kích huyện kỳ, đánh vào trận địa, các khanh hãy nói thế là thế nào?" Nho sinh bác học hơn 30 người đều tâu : "Là người quân tử vì tư lợi mà có được quần chúng. Một khi có được quần chúng là muốn làm phản. Loại người như thế phải xử tội chết, không dung tha. Xin bệ hạ mau mau xuất quân tiêu diệt bọn Trần Thắng !" Nhị thế nghe xong, giận biến sắc mặt. Thúc Tôn Thông vội bước ra nói : "Những điều các vị vừa nói quả

là hồ đồ. Như ngày nay thiên hạ thống nhất, phá thành lấp hào, nung bỏ vũ khí để chứng tỏ thiên hạ không còn phải dùng binh nữa. Hơn nữa, trên có minh chủ, dưới có pháp lệnh khiến người nhất nhất tuân theo, 4 phương hoà hợp, đâu có ai dám làm phản ! Bọn Trần Thắng chẳng qua chỉ là bọn đạo tặc ăn cắp con gà, con chó mà thôi, hà tất phải suy nghĩ. Quận huyện đã phái uý quan đi tróc nã, khỏi bận tâm." Nhị thế nghe xong, từ giận dữ chuyển sang mừng vui, tấm tắc khen. Tiếp đó Nhị thế còn hỏi thêm các nho sinh, người nói là mưu phản, người nói là đạo tặc, không thống nhất. Tần Nhị thế lệnh ngự sử điều tra những người nói là mưu phản, còn những người nói đạo tặc thì vô sự. Nhị thế còn ban thưởng Thúc Tôn Thông lụa 20 tấm, quần áo 1 cân, đồng thời chính thức phong Thúc hàm bác học. Khi Thúc ra về, các nho sinh đều không hài lòng, chất vấn : "Sao tiên sinh lại nói những lời a dua (phụ hoạ) như vậy ?". Thúc đáp : "Có điều các vị chưa biết, tôi bất quá chỉ để thoát khỏi miệng hùm mà thôi." Nói rồi bỏ chạy, qua bao trắc trở, cuối cùng quy phục Hán vương Lưu Bang và trở thành danh nho một đời.

Văn hoá nho gia coi trọng tận trung thủ tiết, Thúc Tôn Thông mang danh nho sinh, lý ra phải thẳng thắn khuyên can thức tỉnh Nhị thế, thì lại a dua theo Nhị thế, dưới lừa các nho sinh, liệu có "trung" không? Nói đi thì thế, nhưng nói lại thì Tần Nhị thế hôn quân vô đạo, có dựa vào 1 nho sinh Thúc Tôn Thông e rằng cũng không thể cứu vãn được sự sụp đổ của bọn ngông cuồng, bỏ điều

nghĩa để cần sống. Tác giả "Hậu Hán thư" cho rằng, chuyên vì điều nghĩa sẽ phương hại đến sự sống, chuyên vì sự sống sẽ làm cho nghĩa bị tắc, nếu nghĩa được coi trọng hơn sự sống thì có bỏ sự sống được ; nếu sự sống trọng hơn nghĩa, có thể giữa trọn vẹn sự sống". Tư Mã Thiên cũng không đồng tình với lời chê trách của một số người nói chung đối với việc Thúc Tôn a dua với Nhị thế, ông nói : "Thúc Tôn cùng Hy Thế chế ra nghi lễ, tiến thoái tuỳ theo thời thế và cuối cùng trở thành tôn chỉ của nho gia nhà Hán. (Quá thẳng giống như sự vụng về, đạo giống như rắn lượn) là để nói điều đó chăng?

Tư Mã Thiên đứng trên độ cao của sự cống hiến của Thúc đối với toàn bộ nền văn hoá xã hội để bàn về trung nghĩa, không bó hẹp trong một triều một vua. Thúc Tôn Thông quý ở chỗ "Tiến lui biến hoá tuỳ thời" chứ không phải chỉ một đường đi tới cái xấu. Một đường đi thẳng tới cái xấu sẽ mất đạo cương nhu. Thúc sau khi quy phục Hán vương, càng thể hiện rõ bản lĩnh "quá thẳng giống sự vụng về, đạo như rắn lượn" vậy. Lưu Bang rất ghét nho sinh, dùng mũ của nho sinh làm dụng vụ vệ sinh. Nhưng Thúc đã xác định Lưu Bang có thể làm nên đại sự, nên đã không ngại vứt bỏ trang phục nho sinh, mặt trang phục ngắn để Lưu Bang vui lòng.

Khi Thúc quy hàng Hán vương có hơn trăm con em nho sinh đi theo. Sau khi được Hán vương tin dùng, Thúc không tiến cử con em họ mà chỉ tiến cử những nhóm tráng sĩ đã phạm tội đạo tặc. Các con em trên trách mắng :

"Chúng tôi đã theo tiên sinh bao năm trời, lại có may mắn đi theo báo đáp công ơn Hán vương, mà không tiến cử chúng tôi, ngược lại, tiến cử bọn xảo quyệt ấy, không hiểu là đạo lý gì". Thúc nghe xong liền giải thích : "Hán vương mong dùng sự nguy hiểm của tên của đá để tranh thiên hạ, liệu các ngài có thể dùng mũi tên, hòn đá ngoài sa trường chăng ? Do đó ta tiến cử các tráng sĩ dám chém tướng nhổ cờ kia trước, các người tạm chờ đợi, ta quyết không quên các người". Hán vương khởi nghiệp, tất cả đều theo, đưa quân vào Quan, phế bỏ luật lệ hà khắc của triều Tần, ước định ba chương quy pháp cho dân. Sau khi xưng đế, nghi lễ trong triều rối ren, quần thần uống rượu tranh công, người la hét huyên náo, kẻ rút kiếm chém cột. Lưu Bang là người phao tin sẽ lấy ngay được thiên hạ, bài xích thơ sách cũng tỏ ra lo lắng nhiều. Lúc này, Thúc nhận thấy thời cơ thực hiện ý đồ lớn của mình đã đến, liền nói với Lưu Bang : "Nhà nho khó có thể có được cái mới, mà có thể giữ được cái vốn có, hãy cho thần mời chư sinh nước Lỗ và con em của thần cùng soạn ra nghi lễ triều đình. "Nghi lễ triều đình do Thúc soạn thảo, Lưu Bang xem, quả nhiên rất uy nghiêm. Lưu Bang nói : "Ngày nay trẫm vẫn thấy mình là của quý của hoàng đế". Lúc ấy, Thúc mới tâu : "Các con em nho sinh đã theo thần một thời gian dài, cùng thần soạn ra nghi lễ triều đình, cầu xin bệ hạ ban cho họ chức quan tương xứng". Lưu Bang đang lúc đắc ý, vui vẻ ban phong trước cho tất cả. Chư sinh đều hi hả, nói :"Thúc tôn Thông quả là thánh, biết rõ mọi việc quan trọng đương thời."

III. PHÁ CƯƠNG LÀM NHU, CHỊU NHỤC KHÔNG THẸN

Xem trong lịch sử có hàng loạt hiền nhân quân tử cương chính không a dua, vì tín ngưỡng của mình không tiếc sát thân thành nhân, lòng gang dạ thép kinh động thiên hạ, quỷ khốc thần sầu, người người bái phục. Trong tình huống nghịch cảnh, có thể phá cương làm nhu, chịu nhục không sợ hổ thẹn, đợi thời cơ có lợi mở rộng tầm nhìn, khiến càng quý, người người cảm phục. Như Quản Trọng bị giam dưới thềm, Hàn Tín chịu chui qua háng, Quý Bố cạo râu làm người ở... chính là tấm lòng rộng rãi, chịu nhục không sợ hổ thẹn, nên mới lập nên sự nghiệp hiển hách.

Đại tướng triều Hán là Hàn Tín. Khi còn là dân thường, gia cảnh nghèo khó và cũng chẳng có phẩm chất gì đáng ca ngợi, do đó không đủ tư cách làm một chức quan nhỏ địa phương ; cũng không có khả năng buôn bán để sinh sống, chỉ sống nhờ bờ dậu, xin cơm ăn... Một số trẻ trong những gia đình mổ lợn ở địa phương thường bắt nạt, làm nhục Tín, "Anh tuy cao to, thích mang dao đem kiếm, kỳ thực nhát như thỏ đế !" Chúng công khai làm nhục Tín : "Tín à, nếu anh không sợ chết, hãy dùng kiếm của anh đâm vào tôi đi ; nếu sợ chết, hãy chui qua háng tôi đây này." Hàn Tín nhìn hắn một lúc lâu rồi bò xuống đất và

chui qua háng hắn. Cả phố cười riễu Tín nhát như một chú thỏ con. Sở, Hán tranh hùng, Hàn Tín theo Hạng Lương. Sau khi Hạng Lương bại, Tín theo về với Hạng Vũ đều bị bỏ lại gác trên giá cao. Khi Hán vương vào đất Thục, Hàn Tín bỏ Sở theo Hàn làm chức quan nhỏ, âm thầm không lên tiếng. Hàn Tín nhiều lần luận bàn đại cục trong thiên hạ với thừa tướng nhà Hán là Tiêu Hà nhiều lần tiến cử mình với Lưu Bang dẫn quân đi Nam Trịnh, trên đường nhiều chủ trương bỏ trốn. Hán Tín thấy Tiêu Hà Tiêu Hà giật mình kinh ngạc, coi Hàn Tín là bậc kỳ tài. Khi Lưu Bang nhưng không được trọng dụng, không chút do dự rời bỏ Hãn Vương. Tiêu Hà được tin, không kịp thỉnh báo, đêm tối đuổi theo Tín. Một hai ngày sau, Tiêu Hà bái Lưu Bang. Lưu Bang vốn nghĩ là Tiêu Hà cũng đã bỏ trốn, bỗng thấy Tiêu Hà, vừa giận vừa mừng mắng : "Người tại sao chạy trốn?" Tiêu Hà đáp : "Thần không dám trốn mà đuổi theo người chạy trốn." Lưu Bang hỏi : "Người đuổi theo người nào?" Tiêu Hà đáp : "Hàn Tín" Lưu Bang lại mắng : "Hàng chục chủ tướng bỏ trốn, người không đuổi theo mà chỉ đuổi một mình Hàn Tín. Nói dối !" Tiêu Hà tâu : "Chủ tướng dễ, có còn Hàn Tín là kẻ sĩ có một không hai trong nước. Nếu đại vương muốn ở lì tại Hán Trung thôi thì có thể không cần trọng dụng Hàn Tín. Nếu muốn tranh hùng thiên hạ, chỉ cần một Hàn Tín là có thể đại sự mưu thành". Lưu Bang nói : " Đương nhiên trẫm muốn dành thiên hạ ở phía đông, sao có thể ru rú ở chốn này được?" Tiên Hà nói : "Đại vương đã

quyết tranh thiên hạ ở phía đông nếu trọng dụng Hàn Tín, Tín sẽ ở lại, nếu không được dùng Tín tất phải ra đi. " Lưu Bang vội nói : "Trẫm phong Tín làm tướng". Tiêu Hà nói : "Tuy phong tướng, Tín cũng nhất định không ở lại." Lưu Bang nói : "Trẫm cho hắn làm đại tướng vậy". Tiêu Hà nói : "Thế thì còn gì bằng". Lưu Bang định triệu Hàn Tín lại để phong đại tướng. Tiêu Hà ngăn lại tâu : "Đại vương xưa nay vốn ngạo mạn, không kể lễ nghi, nay phong đại tướng làm như gọi một đứa con nít thì đó sẽ là nguyên nhân Tín bỏ đi. Nếu đại vương thành tâm phong Tín làm đại tướng thì phải chọn ngày lành tháng tốt, ăn chay, tắm rửa sạch sẽ, lập đàn, tiến hành theo đúng nghi lễ phong đại tướng". Lưu Bang chấp nhận. Tin ấy truyền đi, chủ tướng đều mừng, ai cũng nghĩ rằng mình sẽ được phong đại tướng. Kết quả Hàn Tín thụ phong đại tướng, trong quân chấn động. Sau đó, Hàn Tín soái lĩnh tướng sĩ nhổ cờ, giết tướng, đánh đâu thắng đó : vượt Hà Tây bắt, Ngụy Vương, cầm Hạ Thuyết; dẫn quân xuống Tỉnh Hình, giết Thành An quân; đánh Triệu, uy hiếp Yên, ổn định Tề; phía nam đánh tan 20 vạn quân Sở; phía đông giết Long Thả, báo tin thắng trận lên Hán vương, vương triều nhà Hán, công không phải hai người, mưu lược không phải do thời thế tạo ra. Một vị anh hùng cái thế so với chàng thiếu niên chui qua háng người khác xa nhau biết nhường nào ! Khi được phong làm vua nước Sở, Hàn Tín đã tặng người đã cho mình cơm lúc cơ hàn là bà Phiếu mẫu 1000 cân vàng, phong cho chàng thiếu niên đã làm nhục mình chui

qua háng làm trung uý và nói với chư tướng Sở : "Người này xứng đáng làm tráng sĩ. Khi hắn làm nhục ta, đâu phải ta nhát gan, không giám giết hắn? Giết hắn ta không thể công thành danh toại. Vì vậy ta phải chịu nhục vậy". Đó là tấm lòng của Hàn Tín.

Tư Mã Thiên khi viết truyện đã khen : "Ta đến đất Hoài Âm, người Hoài Âm nói với ta rằng Hàn Tín tuy là dân áo vải, nhưng trí khác người đời. Mẹ chết, nghèo không tiền làm tang, vẫn đưa mộ mẹ lên chỗ cao đất đẹp, bên cạnh đó có thể xây được vạn nhà. Ta xem mộ mẹ ông ta thấy quả là tốt".

Hàn Tín mang trí cứu thế nên đành chịu nhục chui qua háng, không thèm tranh cao thấp với bọn thiếu niên tầm thường, cũng không quên nỗi nhục, không để mất bản sắc anh hùng ngoài nhu trong cương.

Lại xem chuyện Quý Bố.

Quý Bố người nước Sở, là danh tướng nhà Hán. Đất Sở có câu ngạn ngữ : "Trăm cân vàng không bằng một lời hứa của Quý Bố". Một người anh hùng hào hiệp, nghĩa khí, hứa là làm, được mọi người ngưỡng mộ. Thật khó tưởng tượng, khi vị anh hùng đội trời đạp đất này thất bại, không những không thể "sát thân thành nhân", mà cam chịu làm tôi đòi, chịu đủ đường áp bức và lăng nhục.

Quý Bố nổ tiếng đất Sở bởi lòng nghĩa hiệp, dũng cảm. Sở Hán tranh hùng, giành giật Trung Nguyên, Quý

Bố trảm tướng nhổ cờ, nhiều lần làm Lưu Bang khốn quẫn, suýt nữa giết được Lưu Bang. Cai Hạ, Hạng Vũ tự vẫn, Lưu Bang treo giải thưởng nghìn vàng bắt Quý Bố, ai che giấu sẽ bị tru di tam tộc. Chu Thu người huyện Bộc Dương liều dấu Quý như ngồi trên lửa, nói với Quý Bố : "Hán vương đang truy nã tướng quân rất gấp, sắp tới nhà tôi rồi. Nếu tướng quân chịu nghe theo tôi, tôi sẽ nghĩ cách cho tướng quân, bằng không tôi sẽ tự vẫn trước." Quý Bố đành nghe theo. Chu Thu gọt tóc Quý Bố, đeo gông và cùng hơn 10 gia nô bán cho nhà họ Chu nước Lỗ. Họ Chu thoạt nhìn đã nhận ra Quý Bố liền thu nạp và cho làm ruộng, đồng thời dặn các con : "Công việc đồng áng phải theo theo tên nô này, cùng ăn với anh ta, không được lạnh nhạt". Họ Chu đi ngay Lạc Dương đến gặp Nhữ Dương hầu Đằng công, ở lại đó mấy hôm và hỏi Đằng công : "Quý Bố phạm trọng tội gì mà hoàng thượng truy nã gấp vậy?" Đằng công đáp : "Quý Bố theo Hạng Vũ mấy lần vây khốn hoàng thượng nên hoàng thượng nhất định bắt bằng được để báo oán xưa". Họ Chu lại hỏi : "Ngài xem Quý Bố thuộc hạng người nào?" Đằng công vẻ suy nghĩ đáp : "Tất nhiên là hiền tài giỏi giang phi thường." Họ Chu nói : "Làm bày tôi ai cũng có chủ, Quý Bố được Hạng Tịch sử dụng, đó là chức phận của ông ta. Lẽ nào có thể giết sạch bày tôi của Hạng? Nay hoàng thượng vừa giành được thiên hạ, vì thù oán riêng mà tróc nã Quý Bố, lòng dạ hẹp hòi của hoàng thượng sẽ phơi bày trước thiên hạ. Hơn nữa, hoàng thượng tróc nã ráo riết như thế, Quý Bố

không còn cách nào khác, không lên bắc theo Hồ thì cũng xuống nam theo Việt ; chẳng lẽ lại đuổi một tráng sĩ cái thế cho địch quốc sử dụng sao? Ông có thể khuyên hoàng thượng được chăng?" Đằng công nghe xong biết họ Chu hào hiệp đang giấu Quý Bố liền nhận lời. Không lâu, Đằng công đã trình ý của họ Chu lên hoàng thượng. Quả nhiên Lưu Bang xá tội cho Quý Bố và phong chức lang trung.

Tư Mã Thiên ghi lại chuyện Quý Bố, ông vô cùng cảm kích viết : "Về chí khí có Hạng Vũ, dũng có Quý Bố nước Sở, đã bao lần cầm quân cầm cờ, có thể nói là tráng sĩ. Khi bị hình phạt làm đầy tớ người khác mà không dám chết, đâu có phải là kém cỏi ! Người ấy tự thấy mình có tài nên chịu nhục mà không hổ thẹn, muốn dùng được cái mà mình còn thiếu, nên cuối cùng trở thành danh tướng Hán. Bậc hiền tài đều coi trọng cái chết của mình, còn kẻ tiện nhân cảm khái tự sát, đó không phải là dũng, chẳng qua là không có kế sách mà thôi." Mấy lời ngắn ngủi của Tư Mã Thiên mà tình cảm sôi sục, cao ngất. Vừa ca ngợi chiến công nhổ cờ trảm tướng, mấy lần vây Khốn Hán vương nơi sa trường của Quý Bố, vừa cảm thông cảnh ngộ cạo đầu lẩn trốn, chịu làm nô bộc cho người. Tiếp đó, ngòi bút ông chuyển hướng, cả quyết Quý Bố tự thấy mình có tài, chỉ là tìm không đúng chủ, công danh sự nghiệp không thành, nên không toại nguyện. Vì vậy phá bỏ cương làm nhu chịu nhục mà không xấu hổ, cuối cùng trở thành danh tướng đời Hán. Còn như những người hễ gặp trắc trở liền cảm khái tự sát, bề ngoài tựa nghĩa dũng, thực

tế chỉ là hành động của bọn tỳ thiếp tầm thường. Nói cho cùng, là kẻ bên sông tài tận, vô phương vãn hồi mà thôi.

Nghĩ lại, Tư Mã Thiên đường đường một đấng nam nhi, vì án Lý Lăng mà chịu tội : dù bị nhục mạ vẫn không quên nỗi đau thương ban đầu, nỗi chí cha tay không ngừng bút, cuối cùng trở thành "Sử gia tuyệt xướng" (Sử gia có một không hai). Vì vậy ông vô cùng cảm khái trước sự nghiệp của Quý Bố. Phải chăng đó là tình cảm của người cùng chung số phận? Trên thực tế, phàm những hoàn cảnh bỏ cương chuyển sang nhu Tư Mã Thiên đều tỏ cảm tình đặc biệt và đều miêu tả tường tận.

Quản Trọng là danh tướng nước Tề thời Xuân Thu. Khổng Tử ca ngợi ông, viết : "Hoàn công hợp được 9 nước chư hầu không cần đến binh mã, đó nhờ sức của Quản Trọng." Lại nói hiền tài của Quảng Trọng người bình thường không thể hiểu nổi. Nếu không có Quản Trọng, chúng ta ngày nay e rằng vẫn còn dũng ở thời đại man dã. Có thể thấy sự cống hiến của Quản Trọng đối với quá trình phát triển văn hoá của Trung Quốc là rất lớn. Quản Trọng sở dĩ lập nên sự nghiệp huy hoàng như vậy, một là, nhờ sự mưu trí biến hoá linh hoạt và phép bỏ cương chuyển sang nhu của bản thân ; hai là, nhờ sự tương trợ bạn bè hiếm có của Bào Thúc Nha. Như đã nêu ở trên, Quảng Trọng ban đầu theo công tử Cử, trong cuộc đấu tranh với công tử Bạch (sau là Tề Hoàn công). Công tử Cử thất bại, Quản Trọng tự nhiên thành tù nhân. Quản Trọng không thể "sát

thân thành nhân", nhờ Bào Thúc Nha tiến cử lại được Tề Hoàn công dùng và lập nên sự nghiệp lớn. Quản Trọng cảm khái nói :

"Khi tôi gặp khó, thường cùng Bào Thúc buôn bán, tôi được chia lãi nhiều. Bào Thúc không tham vì biết tôi nghèo. Tôi thường Bào Thúc mưu sự nên càng nghèo khó. Bào Thúc không coi tôi là ngu dốt mà biết thời thế lợi hay không lợi. Tôi thường 5 lần 7 lượt thăng quan giáng chức. Bào Thúc không cho tôi là kém vì biết tôi không gặp thời. Tôi thường 3 lần đánh 3 lần bỏ chạy, Bào Thúc không cho tôi là hèn nhát, biết tôi có mẹ già. Công tử Cứ bại, Thiệu Hốt chịu chết, tôi bị giam cầm chịu nhục. Bào Thúc không cho tôi là vô sỉ, biết tôi không hổ thẹn chuyện nhỏ mà hổ thẹn vì công danh chưa thành. Cha mẹ sinh ra tôi còn Bào Thúc thì hiểu tôi".

Hãy xem, Quản Trọng danh tiếng một đời là người như thế đó ? buôn bán với Bào Tử thì tham nhiều lừa bạn ; mưu sự cho người càng làm họ thêm khốn ; phụng sự vua thì lên lên, xuống xuống ; vác gươm ra trận thì 3 trận đánh, 3 lần chạy ; bị giam cầm chịu nhục, 2 lần đổi chủ. Hành động của Quản Trọng dường như người quân tử không thèm đếm xỉa tới. Nhưng giả thử Quản Trọng "sát thân thành nhân", làm người quân tử khiêm tốn thì lấy đâu sự cống hiến to lớn của ông đối với nền văn hoá lịch sử Trung Quốc. Quản Trọng lấy lẽ "không hổ thẹn về chuyện nhà mà hổ thẹn về công danh không thành trong

thiên hạ để làm người". Do đó Khổng Tử nói về Quản Trọng là : "Việc làm của Quản Trọng đâu có giống bọn thất phu thất phụ".

Phàm những bậc kỳ tài đều biết làm nên những việc mà một số người thường khó lý giải. Quản Trọng là bậc kỳ tài hiếm có trên đời. Giả thử mọi nơi, mọi chỗ đều hợp thói thường thì kỳ tài đâu ra? Tư Mã Thiên nói : "Người đời làm chính trị giỏi ở chỗ biến hoạ thành phúc, chuyển bại thành thắng, không kể xiết". Lại bàn tiếp :

"Quản Trọng được người đời coi là hiền thần. Riêng Khổng Tử coi thường. Đâu phải cho rằng đạo nhà Chu suy vi mà Hoàn công là bậc tài giỏi lại không phế bỏ mà lại cho làm vua xưng bá được? Có lời nói rằng : giúp thêm cái đẹp, cứu cái ác, cho nên trên dưới có thể thân nhau được", há chẳng phải nói Quản Trọng sao?"

Tư Mã Thiên dựa trên lời nói của Khổng Tử, phát triển thêm : "Tuy Quản Trọng được tôn là tôi hiền, song mức độ tài đức còn hạn hẹp. Chu suy vi, Tề Hoàn công lại là vua hiền cứu thế, sao không khuyên vua lập nghiệp đế mà chỉ làm bá chủ các nước chư hầu? Những việc Quản Trọng làm không ngoài phát huy cái đẹp của dân, cứu quốc gia khỏi cái ác, làm cho vua tôi, thần dân tương thân mà thôi". Trong khi ca ngợi, Tư Mã Thiên có ít nhiều thương tiếc xót xa.

"Không hổ thẹn về việc nhỏ mà hổ thẹn vì công danh không thành trong thiên hạ" Cương ư? Nhu ư?

Quản Trọng công trạng lưu truyền sử xanh thì Bào Thúc Nha tiến cử Quản Trọng cũng để lại tiếng thơm trong lịch sử. Tử Cống từng hỏi Khổng Tử: "Trên đời hiện nay ai đáng được tôn là tôi hiền?" Khổng Tử đáp : "Trên đời hiện nay còn chưa thấy. Nếu nói ngày xưa thì nước Tề có Bào Thúc, nước Trịnh có Tử Bì, đều là người hiền". Tử Lộ ngơ ngác không hiểu sao, hỏi : "Lẽ nào nước Tề không có Quản Trọng, nước Trịnh không có Tử Sản sao?" Khổng Tử lắc đầu đáp : "Người chỉ biết một mà không biết hai về họ. Người thấy người tiến cử người có tài năng là tôi hiền, hay người dùng sức?" Tử Cống đáp : "Tất nhiên là người hiền tài". Khổng Tử nói : "Vậy thì ta chỉ nghe nói Bào Thúc tiến cử Quản Trọng, Tử Bì tiến cử Tử Sản chứ chưa nghe nói Quản Trọng, Tử Sản tiến cử ai bao giờ." Qua đó, ta thấy, đi đôi với việc ca ngợi sự công hiến của Quản Trọng đối với nền văn hoá lịch sử Trung Quốc, ông đồng thời càng tỏ ra kính trọng cao độ Bào Thúc, người đã tạo điều kiện để Quản Trọng thể hiện tài năng của mình.

IV. PHẪN NỘI CỦA THIÊN TỬ VÀ PHẪN NỘI CỦA NGƯỜI ÁO VẢI

Thiên tử và người áo vải chênh lệch biết bao !

Thiên tử là uy của 1 nước ; đối ngoại, chỉ trong phút chốc là có thể điều binh ngoài chiến trường, lại có thể bắt

tay giảng hoà ; đối nội, vừa có thể làm cho muôn dân vất vả đó đây, quyền sinh sát, chiếm dụng đều nằm trong tay thiên tử. Giới áo vải liệu có được thế không ?

Trong trường hợp nhất định, giới áo vải có thể nhờ khí phách Cương của mình khiến đường đường một đấng thiên tử cúi đầu, lắng tai, răm rắp tuân theo. Trường hợp nhất định ấy là cuộc mưu quyền đặc biệt do giới áo vải sáng tạo nên.

Thời kỳ Huệ Văn vương nước Triệu, quân Tần bao vây thành Hàm Đan nước Triệu. Triệu vương vội cử Bình Nguyên quân đi sứ sang nước Sở cầu viện binh, hy vọng hợp tung với Sở, chống Tần. Bình Nguyên quân quyết định chọn trong đám thực khách môn đệ của mình 20 người văn võ song toàn, để lên đường. Ông nói với các môn đệ : "Nếu dùng phương thức ôn hoà hoàn thành được nhiệm vụ thì không gì bằng. Nếu không được, ngay trong cung của vua Sở, trước văn võ bá quan ta phải bức Sở vương uống máu ăn thề, nhất định phải ký kết được minh ước hợp tung mới trở về. 20 vị đoàn viên không cần tìm người ngoài mà chọn ngay trong số thực khác của chúng ta cũng đủ". Chọn đi chọn lại chỉ được 19 người, thiếu một người, số còn lại đều không vừa ý. Bỗng trong đám môn đệ có một thực khác tên Mao Toại đi đến trước mặt Bình Nguyên quân, tự giới thiệu : "Tôi nghe nói ngài sắp dẫn đầu đoàn đi sứ sang Sở, cùng Sở liên minh chống Tần, các đoàn viên là thực khách môn đệ, không lấy người ngoài. Hiện đang thiếu một người, mong ngài cho tôi bổ sung vào xuất

khuyết ấy để có thể sớm lên đường". Bình Nguyên quân không hiểu ra sao cả, liền hỏi : "Tiên sinh ở trong môn đệ tôi bao lâu rồi?" Mao đáp : "Đã 3 năm rồi." Bình Nguyên quân nói : "Một hiền tài xuất thế giống như chiếc dùi sắt trong bị, mũi dùi sẽ đâm lòi ra ngay. Tiên sinh ở đây đã 3năm mà trong đám thực khách không ai ca ngợi ngài, tôi cũng chưa nghe nói về ngài, rõ ràng ngài chắc không có tài năng gì, vậy xin ngài hãy ở lại cho." Toại nói : "Hôm nay tôi xin ngài hãy bỏ tôi vào bị đi. Nếu Toại tôi sớm được bỏ vào bị, tôi có thể thoát vỏ ra, đâu chỉ có mũi dùi mới lồi ra được !" Bình nguyên quân cảm kích trước lòng thành của Toại, bèn đồng ý tuyển. 19 vị kia đưa mắt nhìn nhau, cười riễu cợt. Nhưng trên đường đi sứ, Toại luận đàm đâu vào đó, các vị kia mới thán phục kiến thức của Toại. Đến Sở, Bình Nguyên quân và Sở vương đàm phán hợp tung chống Tần từ sáng tới trưa vẫn không có kết quả. 19 vị xui giục Toại : "Ngài lên nói xem sao." Mao Toại tay giữ kiếm sắc, bước lên nói với Bình Nguyên quân : "Hợp tung chống Tần, lợi hại được mất rõ như ban ngày. Hợp tung hay không chỉ 2,3 câu là xong, như các ông sáng nói tung, trưa lại không quyết, thế là tại sao?" Sở vương hỏi Bình Nguyên quân : "Đó là ai vậy? " Bình đáp : "Là môn khách của tôi." Sở vương lập tức quát : "Ra ngoài đi ! Ta nói chuyện với chủ ngươi, việc gì tới nhà ngươi !" Mao Toại giữ kiếm, vọt tới trước mặt Sở vương, nói : "Đại vương, ngài sở dĩ dám quát mắng Mao Toại ta, chỉ là do ta đang ở trong nước Sở ngài, người đông, thế mạnh mà thôi. Nhưng giờ đây, trong cự ly 10 bước chân, đại vương

sẽ chẳng có cách gì nhờ cậy vào uy thế hùng mạnh của nước Sở nữa đâu. Mạng sống của ngài đang nằm trong tay của Toại tôi. Chủ tôi đang ở trước mặt ngài, ngài quát mắng như vậy để làm gì? Ta nghe nói Thương Thang với 70 dặm mà làm vua thiên hạ, Chu Văn vương chỉ có 100 dặm đất mà thần phục chư hầu, phải chăng là do họ đất rộng, người đông? Chẳng qua là họ nhờ có tình mà thuận thế, phát huy được uy của mình mà thôi. Còn ngày nay, đất Sở hàng nghìn dặm, quân 100 vạn, đó là vốn mạnh để làm bá vương thiên hạ. Sự hùng mạnh của Sở, các chư hầu trong thiên hạ không ai sánh kịp. Bạch Khởi tướng Tần chỉ là một quân tiểu tốt, không hơn, lại dẫn hàng vạn quân giao chiến với Sở, một trận hạ thành Yên, Sinh, hai trận đối phá sạch lăng tẩm, ba trận làm ô nhục tổ tông ngài. Nước Sở chịu cực kỳ nhục nhã, thật là thâm thù đại oán ngàn đời không quên. Cả đến nước Triệu cũng thấy hổ thẹn thay cho nước Sở ngài, vậy mà ngài là vua thừa kế nước Sở vẫn không chút hổ thẹn. Ngài cần thấy rõ, hợp tung chống Tần hoàn toàn là vì lợi ích nước Sở chứ không phải vì nước Triệu. Trước mặt chủ nhân tôi, ngài quát mắng tôi như thế để làm gì? " Sở vương nghe xong, ôn tồn nói : "Phải ! Phải ! Tiên sinh nói chí phải ! Ta sẽ dốc toàn lực nước Sở hợp tung cùng Triệu chống Tần". Mao Toại vội hỏi : "Việc hợp tung như thế là quyết định rồi chứ?" Sở vương đáp : "Quyết định". Mao Toại liền quay sang bảo những người đứng 2 bên tả hữu Sở vương : "Hãy mang máu gà, chó, ngựa ra đây !" Rồi Toại bưng đĩa máu, quỳ xuống, dâng lên vua Sở và nói : "Mời Đại vương nhấm

máu để chứng tỏ hợp tung đã quyết, rồi đến chủ nhân tôi, sau đó là tôi". Như vậy việc hợp tung đã hoàn thành ngay tại đại điện nước Sở. Mao Toại tay trái cầm đĩa máu tay phải vẫn gọi 19 vị kia và nói : "Các vị cũng phải nếm máu ngay tại đại đường này. Đúng là các người nhờ người mà thành công đó".

Đây là mẩu mực về cương chế cương. Nói chung, khách thể của mưu quyền là lấy "Cương" để đối phó ; là chủ thể của quyền mưu, nếu dùng cương đối cương cũng phải có thực lực hùng hậu, nếu không cương cũng sẽ mất gốc. Bình Nguyên quân không nề hiểm nguy dẫn 20 quân đi sứ sang nước Sở hùng mạnh cầu viện binh, nơm nớp lo sợ còn nói gì đến "Cương". Vậy mà Mao Toại với tư cách nhỏ bé là một thực khách dám quát mắng Sở vương, khiến nước Sở cũng phải chấp nhận chủ trương hợp tung chống Tần vô điều kiện. Hành động dũng cảm ấy khiến Bình Nguyên quân uy danh chấn động chư hầu cũng thấy thua kém rõ rệt. Đạo lý ở đâu?

Trước hết là Mao Toại khéo tạo và lợi dụng môi trường quyền mưu mới, khiến lực lượng so sánh giữa hai bên chủ và khách thể quyền mưu đã thay đổi. Mao Toại xách kiếm bước lên điện, đối mặt với Sở vương, nếu Sở vương không thuận, Mao Toại vung kiếm là đầu rơi, cho dù Sở vương có trăm vạn hùng binh liệu làm gì được Mao Toại. Nếu khuôn trong phạm vi nước Sở thì Sở có trăm vạn binh hùng, còn Triệu chỉ có 20 vị sứ giả ; nhưng nếu khuôn trong phạm vi điện vua thì một dũng sĩ mang kiếm trước

một ông vua yếu hèn. Đó là nơi quyền mưu mới do Mao Toại tạo nên. Ở môi trường quyền mưu mới này Sở vương hoàn toàn rơi vào địa vị bị động.

Liền sau đó, Mao Toại gợi lại nỗi nhục của Thương Đường, Chu để kích vua Sở : sơn hà năm nghìn dặm, trăm vạn hùng binh, không những không thể ra lệnh chư hầu, lại còn khiếp sợ nước Tần. Đứng trước kẻ thù lớn thì ngày đêm nơm nớp lo sợ. Thật là một lũ quần tướng nhu nhược ! Mao Toại vẫn chưa thôi, riếu cợt cuộc chiến Tần Sở : một trận Sở mất thành Sính, huyện Yên, hai trận lăng tẩm bị đốt phá sạch, ba trận làm nhục tổ tông. Sau đó xúc động than : cực kỳ nhục nhã như vậy cả đến nước Triệu cũng cảm thấy hổ thẹn nhục lây. Là ông vua kế vị nước Sở, sao không thấy sót thương? Tiếp đó Toại lại biến khách thành chủ nói lên việc hợp tung chống Tần hoàn toàn vì lợi ích nước Tần. Nghiễm nhiên thành ưu thế của đấng chủ cứu thế. Sở vương dù mồm mép thế nào đi nữa, song việc Tần Sở giao tranh, Sở ba trận đánh, ba lần thất bại, sử sách rành rành, ngụy biện sao nổi ! Mao Toại không những ở thế trên cao nhìn xuống làm cho vua Sở nhục muốn chui xuống đất, đồng thời còn khơi dậy sự phẫn nộ bừng bừng của nước Sở, từ đó kiên định quyết tâm hợp tung chống Tần của Sở vương. Hơn kẻ thù lớn đang nhìn trừng trừng dữ tợn (nước Tần), kẻ thù nhỏ (Mao Toại) kiếm tuốt, cung trương, tính mạng gắn liền nhau, không hợp tung liệu còn lối thoát nào khác?

Huệ Văn vương nước Triệu được báu vật ngọc bích Hoà Thị của Sở. Được tin Tần Chiêu vương liền viết thư cho Triệu vương, bằng lòng đổi 15 thành lấy ngọc bích. Vua Triệu bằng lòng đổi, song sợ Tần lừa ; không đồng ý lại sợ Tần cất binh chinh phạt, nên do dự chưa quyết và muốn tìm người đi sứ sang Tần thương thuyết. Hoạn quan Mẫn Hiền tiến cử môn khách của mình là Lạn tương Như. Triệu vương bèn triệu Tương Như đến và hỏi : "Tần vương muốn đổi 15 thành lấy ngọc bích, có đổi được không?" Lạn tương Như đáp : "Tần mạnh còn Triệu thì yếu, nếu không thuận không xong." Vua Triệu nói : "Giả sử họ lấy ngọc bích của ta mà không giao thành thì sao?" Tương Như đáp : "Tần nếu đổi thành lấy bích, nếu Triệu không ưng thì lý sai ở Triệu. Triệu đã giao bích mà Tần không trả thành thì lý sai ở Tần. Hai bên tương đương. Chi bằng ta đồng ý để Tần gánh chịu tội danh không trao đất". Triệu vương lại hỏi : "Ai có thể đảm đương nổi nhiệm vụ này?" Tương Như đáp : "Nếu đại vương chưa chọn được người phù hợp, thần dám xin mang ngọc sang Tần. Thành trao cho Triệu thì ngọc ở lại Tần ; nếu không trao thành, thần bảo đảm mang ngọc nguyên vẹn về Triệu". Triệu vương liền phái Tương Như mang ngọc sang Tần. Tần vương tiếp kiến Tương Như tại Chương đài. Tương Như cung kính dâng ngọc lên. Tần vương vui mừng khôn tả, đưa ngọc cho các mỹ nhân và các đại thần tả hữu xem, sung sướng hoa chân mua tay, để mặc Tương Như đứng trơ một bên, không một lời nói tới việc trao thành. Tương Như thấy Tần vương không có ý muốn trao thành liền

nói : "Trên viên ngọc này có vết đưa thần chỉ đại vương xem". Vua Tần trao ngọc sang tay Tương Như. Tương Như lùi ra sau, đứng dựa vào cột, nổi giận đùng đùng nói với Tần vương : "Đại vương muốn có ngọc Hoà Thị đã biên thư cử người đưa Triệu vương. Triệu vương đã triệu các văn võ đại thần thảo luận về việc này. Mọi người đều nói : "Vua Tần lòng tham không đáy, ỷ vào sức mạnh nước lớn, lấy lời hứa suông để lừa cướp ngọc bích, e rằng không lấy nổi 15 thành". Vì vậy đã quyết nghị không đổi ngọc. Riêng thần cho rằng, giữa những người áo vải còn chẳng lừa nhau, huống hồ giữa các nước lớn có trao đổi sứ thần. Hơn nữa, chỉ vì 1 viên ngọc khiến nước Tần không vui thì cũng là chuyện nhỏ nhặt mà mất lớn. Nên Triệu vương đã trai giới 5 ngày, tôi phụng mệnh đi sứ sang Tần, trình quốc thư tại đại điện. Để làm gì? Nếu không phải là tôn trọng sự uy nghiêm của đại quốc các ngài nhằm làm cho quan hệ hữu hảo giữa 2 nước càng thêm hoà thuận. Thế nhưng, như hôm nay đây thần tới quý quốc, đại vương lại tiếp thần tại quán xá tầm thường, nghi lễ ngạo mạn. Cầm được ngọc bích thì chuyền tay mĩ nữ xem ngắm để riễu cợt ta. Ta thấy Đại vương không có thành ý, do đó lấy ngọc lại. Nếu đại vương bức hiếp ta, ta sẽ đập đầu lẫn ngọc vào chiếc cột này". Nói đoạn, Tương Như tay cầm ngọc, mắt nhìn chằm chằm vào cột như định lao vào cột. Tần vương sợ Tương Như đập vỡ ngọc thật bèn xin lỗi và mong Như bớt giận, đồng thời lệnh quan chủ sự mang bản đồ ra, chỉ chỉ trỏ trỏ nói : "Từ đây trở đi 15 thành đều giao về nước Triệu." Tương Như nhìn mắt thấy vua Tần giả tạo, chỉ là

sự lừa bịp, liền nói : "Ngọc Hoà Thị thiên hạ đều công nhận là trân bảo, Triệu vương tôi vì sợ uy của Tần quốc nên đành phải đổi. Trước khi mang ngọc đi, vua tôi đã trai giới 5 ngày. Vậy đại vương cũng phải trai giới 5 ngày. Phải lập cửu tân lễ tại đại điện, tôi mới dám dâng ngọc." Tần vương biết cưỡng đoạt không xong bèn chấp nhận trai giới 5 ngày. Tương Như phân tích thấy vua Tần tuy chấp thuận trai giới, nhưng nhất định sẽ không chịu giao thành, nên đã cử người cùng đi hoá trang, đi đường tắt mang ngọc về trước trao lại Triệu vương.

Đây lại là một mẫu mực nữa về sự khéo sáng tạo và lợi dụng môi trường quyền mưu mới, biến bị động thành chủ động, từ đó dùng cương chế cương. Nếu nói Mao Toại giận dữ mắng Sở vương và dùng dao kiếm uy hiếp bức vua Sở phải chấp nhận chủ trương hợp tung chống Tần, không thiếu những lời hiểm nghi vô đạo lý trong thủ đoạn của Toại. Trong khi Lạn Tương Như trách mắng triều đình Tần, mang được ngọc vẹn toàn trả lại Triệu, hệ thống công phòng của Như kín kẽ không chê vào đâu được. Theo lý luận của Mao Toại : Nước Triệu tôi cử người sang nước Sở các ngài để bàn chuyện hợp tung chống Tần hoàn toàn là vì lợi ích của Sở (Thực thế Triệu đã bị khốn ở Đán Tịch), nếu không chấp thuận, ta sẽ chém đầu Sở vương các ngươi tức khắc. Thế là lô-gích gì vậy? Tương Như lại không như vậy. Việc đổi 15 thành lấy ngọc Hoà Thị là do nước Tần nêu ra trước. Tương Như được nước Tần mời mang ngọc sang. Vua Tần được ngọc lại bội ước. Trong

hoàn cảnh đó Tương Như đã dùng tiểu thuật lấy lại ngọc quý, tiếp tục đấu lý, trách mắng hành động thất ước, bất nghĩa của Tần. Nước Tần tuy mạnh, nhưng lí gian, sao mà công kích được? Nếu Tần cố tình chiếm đoạt thì Tương Như đã tựa lưng vào cột, chỉ trong nháy mắt có thể đập vỡ viên ngọc, làm tan vỡ ý muốn có ngọc của vua Tần. Trong hoàn cảnh ấy, Tương Như tiến có thể công, thoái có thể thủ, hệ thống công phòng chặt chẽ, nên mới có thể lấy cương chế cương, trả lại ngọc nguyên vẹn về Triệu.

Sau khi ngọc quý đã an toàn về tới Triệu, Tương Như càng có chỗ dựa, không lo sợ phê phán Tần, từng bước áp đảo, đẩy vua Tần vào thế bị động.

Sau khi vua Tần trai giới 5 ngày, quả nhiên một nghi lễ cửu tân đã được tổ chức tại đại điện. Vua phái người đi mời Lạn tương Như - sứ giả nước Triệu. Tương Như lên đại điện, nói với Tần vương : "Quý quốc từ Mân Công tới nay đã qua hơn 20 đời vua, nhưng chưa có 1 quân chủ nào giữ đúng minh ước. Thần thực sự lo ngại bị bệ hạ lừa khiến phụ lòng uỷ thác của Triệu vương, nên đã cho người mang ngọc về nước rồi. Bất quá Tần mạnh, Triệu yếu nên trước đây Đại vương chỉ phái sứ giả sang Triệu, Triệu vương đã lập tức cử thần mang ngọc sang đây. Nay, nếu bệ hạ thực sự cắt 15 thành giao trước cho Triệu, lẽ nào nước Triệu lại dám không trả lại ngọc để mắc tội với đại vương? Thần biết mình đã lừa đại vương, tội đáng chết, mong bệ hạ áp dụng đại hình, chỉ mong đại vương cùng các đại thần đắn đo, suy tính." Tần vương và các vị đại thần nghe

xong, nhìn nhau, không giữ nổi sự kinh ngạc. Một số đại thần đòi hành quyết, Tần vương ngăn lại nói : "Dù có giết Tương Như cũng không lấy được ngọc, mà còn tổn thương quan hệ hữu hảo giữa 2 nước Tần, Triệu, chi bằng dùng hậu lễ đối xử, thả hắn về. Triệu vương lẽ nào vì 1 viên ngọc mà lừa nước Tần ta sao?" Cuối cùng y lễ tiếp kiến Tương Như rồi tiễn Tương Như về Triệu.

Tần vương trai giới 5 ngày, Tương Như sẽ dâng ngọc. Đó là lời hứa của Tương Như. Nhưng lúc đó ngọc đã được đưa về nước. Để chuyển từ bị động thành chủ động, Tương Như đã đi từ xa đến gần, từng bước, từng lớp để rồi bản thân ở vào vị trí không thể bại.

Trước hết Tương Như vạch ra tính cách xấu xa bội ước của các quân chủ nhiều đời của nước Tần, nên để tránh không bị lừa, ông mới đưa ngọc về nước. Tiếp đó ông nêu lên dẫn chứng thực chứng minh nước Triệu giữ ước : trước tiên Tần vương phải sứ giả sang Triệu. Triệu vương lập tức cử người mang ngọc sang. Bây giờ bệ hạ quả thực có thành ý thì hãy cắt thành cho Triệu trước, Triệu sao dám vì một viên ngọc mà phạm tội trước nước Tần? Cuối cùng, Tương Như biết đã bảo toàn được ngọc quý rồi, thì không chắc có thể bảo toàn được tính mạng, bất khuất vì nghĩa lớn, ông xin chịu tội. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận. Tương Như từng câu đều có lý, từng điều đều có căn cứ. Tần vương sao có thể bất chấp danh bất chính mà giết Tương Như? Hơn nữa ngọc quý đã mất, giết Tương Như phỏng có ích gì?

Hai nước Tần, Triệu luôn có giao tranh, lúc chiến, lúc hoà. Một lần, Tần vương phái sứ giả đến gặp Triệu vương, hy vọng hoà hiếu với Triệu, đồng thời mời Triệu vương đến Mãnh Trì phía nam Tây Hà cùng Tần vương hội kiến. Vua Triệu sợ Tần, không muốn đi. Lạn Tương Như và Liêm Pha khuyên : "Nếu đại vương không đi chỉ càng thể hiện thế nước Triệu bạc nhược, vua hèn nhát." Triệu vương đành phải lên đường đi Mãnh Thì, Lạn Tương Như đi cùng. Vua Triệu và vua Tần hội kiến tại Mãnh Trì. Tần vương khi rượu đã ngà ngà liền nói với Triệu vương : "Quả nhân nghe nói Triệu vương thích âm nhạc, xin mời dạo 1 khúc cho vui tiệc rượu." Triệu vương dạo xong, sử quan nước Tần bước lên ghi rằng: "Ngày x tháng x năm x Tần vương và Triệu vương hội kiến, ra lệnh Triệu Vương chơi đàn". Lạn Tương Như thấy vua mình bị làm nhục, lập tức bước tới trước mặt Tần vương nói : "Triệu vương nghe nói Tần vương rất sành diễn tấu âm nhạc nước Tần, tôi xin gõ nhịp, mời bệ hạ diễn tấu để bày tỏ sự hoà đồng." Tần vương rất bực và rứt khoát cự tuyệt. Lạn Tương Như tiến gần lại một bước, ôm bộ gõ, quỳ xuống mời, Tần vương vẫn không chịu. Lạn Tương Như nghiêm giọng nói : "Nếu bệ hạ không biểu diễn, thần sẽ lấy máu nóng ngực này vẩy lên mình bệ hạ đó." Tả hữu vệ sĩ của Tần vương đều vung đao muốn giết Tương Như. Tương Như mắt trợn tròn, nghiêm giọng chửi mắng, khiến bọn họ cứ lùi dần. Tần vương không còn đường nào khác, miễn cưỡng gõ vài nhịp. Lại Tương Như quay đầu gọi sử quan nước Triệu lại ghi : "Ngày x tháng x năm x Tần vương đã gõ phách cho Triệu

vương nghe". Quần thần nước Tần hô to : "Hãy dùng 15 thành của nước Triệu để chúc thọ Tần vương !" Lạn Tương Như liền nói : "Hãy lấy Hàm Dương để chúc thọ Triệu vương !" Cho tới khi tiệc rượu kết thúc, từ đầu tới cuối nước Tần vẫn không chiếm được thế thượng phong. Cộng thêm sự chuẩn bị chiến đấu nghiêm ngặt nên bên Tần cũng không dám tuỳ tiện manh động.

Đây vẫn là lấy cương chế cương. "Cương" sao có thể chế "Cương"? Phải trong trường hợp so sánh giữa hai bên cùng "Cương", nhưng một bên "Cương" hơn. Bên "Cương"hơn không chiếm ưu thế toàn cục mà chỉ cục bộ, 2 bên riêng biệt. Hãy lấy cuộc hội kiến Mãnh trì làm thí dụ : tiềm lực nước Tần mạnh, quân đội hùng hậu, quần chúng ủng hộ, điều mà nước Triệu không thể bì. Song Lạn Tương Như luôn giữ được ưu thế giản cách giữa mình và vua Tần chỉ trong gang tấc, trong nháy mắt khi vua Tần đang đắc ý bắt vua Tần diễn tấu. Đứng về ưu thế chỉ trong phút chốc có thể uy hiếp được tính mạng Tần vương của Lạn Tương Như mà xét, há chẳng phải nước xa không cứu được lửa gần, hoàn toàn biến thành không mất tác dụng sao? Trong tình huống toàn cục hoàn toàn ở vào thế yếu vẫn hiên ngang bất khuất, lấy cương đối cương, đó là sự mưu trí tuyệt vời của Lạn Tương Như.

Tấn Thuỷ hoàng từng phái sứ giả đến gặp An Lăng quân, nói :"Tần vương muốn dùng 500 dặm đất để đổi lấy An Lăng, bệ hạ có ủng hộ không ?". An Lăng quân nói :"Đại vương thành tâm lấy to đổi nhỏ, thật hiếm có. Tuy vậy,

ta thừa kế đất đai của tiên vương để lại, nguyện mãi mãi giữ lấy, không dám tuỳ tiện đổi chác cho người." Sứ giả về báo cáo Tần vương. Tần vương rất khó chịu. An Lăng Quân liền cử Đường Thả đi sứ Tần để giải thích thêm. Tần vương bảo Đường Thả :"Quả nhân muốn đổi 500 dặm đất lấy An lăng mà An lăng quân lại không thuận, nguyên nhân làm sao? Tần đã diệt nước Hàn, tiêu vong Nguỵ. An Lăng quân chỉ có 50 dặm còn lại là do ông ta là hậu duệ nhà Chu, là trưởng, nên ta không để tâm. Nay ta dùng diện tích gấp 10 lần để mở rộng bờ cõi của nước người, thế mà An Lăng quân vẫn cự tuyệt. Phải chăng coi thường quả nhân?" Đường Thả đáp :"Không đúng, không có ý ấy. An Lăng quân thừa hưởng đất đai của tiên vương để lại, dù 1000 dặm cũng không đổi huống hồ 500 dặm". Tần vương cả giận nói :"Ngươi có nghe nói ra sao khi thiên tử nổi giận không ?". Đường Thả đáp: "Chưa!". Tần vương nói :"Một khi thiên tử nổi nóng có thể khiến trăm vạn thây phơi, máu chảy ngàn dặm." Đường Thả nói : "Đại vương có nghe nói ra sao khi người dân áo vải nổi giận không ?" Tần vương đáp :"Dân áo vải nổi giận bất quá là đầu trần, chân đất, vô kế khả thi, đập đầu xuống đất mà thôi". Đường Thả nói :"Đó là người tầm thường chứ không phải là hiệp sĩ. Bệ hạ không thấy Chuyên Chư đâm Vương Liêu, huệ tinh tập nguyệt (sao chổi công kích mặt trăng) : Nhiếp Chính đâm Hàn Khôi, trường hồng quán nhật (cầu vồng lớn xuyên mặt trời) : Yên Ly đâm Khánh Kỵ, thương ưng phốc đào điện hạ (chim ưng xanh vồ hoàng thân). Ba người này đều dân áo vải. Họ khi bực nhưng chưa nổi

giận, điềm lành từ trên trời rơi xuống, hôm nay sẽ có thêm một vị hiệp sĩ nổi giận. Hôm nay nếu ta nổi giận thì 2 người sẽ bỏ mạng, máu chảy dài 5 thước, cả nước đều bận tang phục, bây giờ đã đến lúc rồi." Nói xong rút kiếm đứng lên. Vua Tần tái nhợt, thất kinh run cầm cập, quỳ xuống, luôn mồm xin lỗi :"Mời tiên sinh ngồi, mời ngồi ! Sao lại đến cơ sự này? Hôm nay quả nhân đã hiểu rồi : Hàn, Ngụy tuy lớn mà bị mất, trong khi An lăng chỉ có 50 dặm mà vẫn tồn tại là vì có tiên sinh vậy".

Đây là dạng lấy cương cục bộ đối cương toàn cục. Nhưng cái cương toàn cục trong môi trường quyền mưu nhất định đã mất tác dụng, do đó cục bộ mới có "cương" được. Tần vương uy nước lớn uy hiếp Đường Thả : "Một khi thiên tử nổi nóng có thể khiến trăm vạn phơi thây, máu chảy ngàn dặm" Y muốn nói : Nếu anh không chấp thuận điều kiện của tôi, tôi sẽ làm anh mất nước, mất giống. Song Đường thả đã dựa vào điều kiện có lợi là ngồi đối mặt với vua Tần, không hề tỏ ra yếu hèn, tương kế nói : "Cái giận của hiệp sĩ tôi tuy không thể khiến trăm vạn thây phơi, nhưng lại có thể khiến nhà ngươi - Tần vương ngạo mạn đơn độc trong nháy mắt mất mạng, dân cả nước ngươi phải mặc tang phục, uy thiên tử của ngươi còn đâu nữa mà ra oai? " Nói xong, đứng lên, rút kiếm tỏ ý nói là làm. Trong hoàn cảnh này dù Tần vương uy phong lẫm liệt chấn động thiên hạ cũng chỉ còn cách tỏ ra hèn yếu mà thôi.

Chương chín
THẲNG VÀ CONG

Bất luận lúc nào, con người cũng có hành vi nào đó, tất nhiên đều theo một đường hướng nhất định. Đường hướng đó có thể phân ra 2 loại : Thẳng và cong. Thẳng là đường trực tiếp, cong là gián tiếp. So sánh 2 loại, đường lối trực tiếp được ứng dụng rộng rãi hơn, song đường lối gián tiếp lại càng có ý vị sâu xa hơn.

Chúng ta đọc "Đạo đức kinh" của Lão Tử, thấy có đoạn đáng chú ý sau : "Tương dục hấp chi, tất cố tương chi ; tương dục nhược chi, tất cố cường chi ; tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Thị vị vi minh. " Đối với đoạn văn trên giải thích thế nào đây? Trong giới nghiên cứu Lão học từ trước đến nay vẫn tồn tại những lí giải khác nhau. Một bên cho rằng chính trị, nhân sinh quan của Lão Tử có hàm ý đối trá. Bên khác lại cho rằng, tự nhiên, vũ trụ quan của Lão Tử mục đích nhằm vạch ra quy luật "vật cực tất phản" (sự vật phát triển đến cực điểm sẽ chuyển hoá theo hướng ngược lại). Chúng tôi tán thành ý kiến trước. Đại ý câu nói trên của Lão Tử là : muốn thu lạ

thì tạm thời phải khuyếch trương lên ; muốn làm yếu đi thì tạm thời làm cho mạnh lên ; muốn phế bỏ thì tạm thời làm cho hưng thịnh lên ; muốn giành lấy phải tạm thời cho đi. Đó là mưu kế sắp sẵn thâm sâu. Do đó có thể thấy, dùng đường lối gián tiếp lấy cong làm thẳng giống như "nhu yếu thắng cương mạnh", "Vô vi nhi vô bất vi" (Không gì cả mà cái gì cũng làm được) đều là tinh hoa về chính trị, nhân sinh quan của Lão Tử.

Vấn đề cốt lõi của đường lối gián tiếp là ở chỗ chủ thể quyền mưu thông qua hành động vòng vo nhất định để phá vỡ tính ổn định nội tại của khách thể quyền mưu. Tính ổn định này nhiều tầng lớp, không những biểu hiện trên tầng mặt của vật chất, mà còn biểu hiện trên tầng mặt tinh thần. Vì vậy chủ thể quyền mưu dù áp dụng hành vi gì đều phải có tính định hướng rõ ràng. Chỉ có như vậy mới có thể làm cho khách thể quyền mưu bị suy yếu nào đó về vật chất, hoặc xảy ra dao động nào đó về tinh thần, để cuối cùng tạo điều kiện thuyết phục hoặc chinh phục khách thể quyền mưu. Qua sự phân tích cụ thể dưới đây, chúng ta sẽ rất dễ dàng hiểu được đạo lý này.

I. NỐI LIỀN TÂM LINH : CẦU

Trên thế gian đa dạng muôn màu của chúng ta có một bộ phận quyền mưu được thường xuyên sử dụng. Về phương thức truyền đạt có khi khúc khuỷu quanh co, không thể nhìn xuyên tới đáy được. Thoạt nhìn, lời nói hành động

này với lời nói hành động kia không liên quan gì với nhau ; trên thực tế giống như 1 chiếc cầu nối liền tâm linh của con người, nối liền những hành vi vốn bị nước ngăn cách. "Mọi con đường đều dẫn tới La Mã", không đi đường này thì đi đường kia. Người có đầu óc thông minh đứng trước vấn đề khó khăn nan giải, thường thông qua con đường gián tiếp đạt đến kết quả như dự kiến.

Yên Chiêu vương muốn chiêu một hiền sĩ trong thiên hạ, đến xin ý kiến Quách Quỳ. Quách Quỳ bảo : "Vị quân vương lập được nghiệp đế đối xử với hiền sĩ như đối với thầy dạy ; quân vương lập nghiệp vùng đối với hiền sĩ như bè bạn : quân vương lập nghiệp bá đối với hiền sĩ như bầy tôi ; quân chủ vong quốc thì coi hiền sĩ như tôi tớ. Đại vương có thể tuyển chọn hiền sĩ rộng rãi trong nước, tự thân chinh đi bái kiến, hiền sĩ thiên hạ biết tin sẽ lục tục kéo đến quy phục Yến quốc". Chiêu vương vội hỏi nên bái kiến người thế nào trước. Quách Quỳ đáp : "Thần nghe nói ngày xưa có một ông vua bỏ 1000 vàng mua 1 con ngựa, nhưng 3 năm vẫn không mua được. Một viên hầu cận xin đi tìm mua : 3 tháng sau mất 500 tiền mua về 1 bộ xương ngựa chết. Ông vua nọ nổi giận nói : "Ta cần là cần 1 con thiên lí mã. Nhà ngươi mua đống xương ngựa này về làm gì?" Người hầu cận đáp : " Mua bộ xương ngựa mà tốn 500 tiền, thiên hạ nhất định hiểu rằng đại vương cần ngựa là thực tâm. Thiên lí mã sẽ có ngay được. "Quả thực trong vòng 1 năm đã mua được rất nhiều thiên lí mã. Ngày nay, đại vương chiêu mộ hiền sĩ xin hãy bắt

đầu từ thần đây. Một người như thần mà còn được trọng dụng thì những người tài giỏi hơn thần ắt sẽ không ngại đường xa nghìn dặm tìm đến nước Yên". Chiêu vương bèn xây cung thất cho Quách Quỳ và coi Quách Quỳ là thầy trong cư xử. Sau khi tin này bay tới các nước chư hầu, Trâu Diễn, Kịch Tân lần lượt từ Tề, Triệu về quy phục nước Yên. Còn có nhiều hiền sĩ khác cũng thi nhau tìm đến Yên.

Trong xã hội truyền thống, nhân tài là công cụ của đế vương phong kiến dùng để trị quốc yên dân, nên thường được ví là "thiên lý mã". Chuyện kể của Quách Quỳ gợi ý cho chúng ta một điều : chỉ cần thực tâm thành ý làm sẽ có được sự tín nhiệm và danh dự, chỉ cần có được lòng tin và danh dự mới có thể đạt được như ý. Mất 500 tiền mua về 1 bộ xương ngựa, từ đó có được rất nhiều thiên lý mã. Đó thực sự là ném vàng đổi lấy ngọc chứ không phải là ném gạch lấy ngọc (thả con săn sắt bắt con cá sộp). Yên Chiêu vương trong thâm tâm hiểu rõ : đối xử với Quách Quỳ như thầy là con đường gián tiếp chọn nhân tài. Ai trong số hiền sĩ thiên hạ không ước ao đãi ngộ của Quách Quỳ? Liệu có ai không ngưỡng mộ và tôn kính sự anh minh như thần của Yên Chiêu vương? Vì vậy, về tâm linh họ đã nối liền được với Chiêu vương, ào ạt về với nước Yên. Không lấy làm lạ khi có người bình luận : "Quách Quỳ thông tỏ thuật tập hợp tri sĩ, có khí phách bậc đại thần hiển hách, xứng đáng là chủ soái thiên hạ".

Sở Trang vương mở yến tiệc khoản đãi quần thần. Vua lệnh với mỹ nhân được sủng ái ở hậu cung ra tiếp rượu. Đêm xuống lại đốt nến uống tiếp, quần thần ai ai cũng vui mừng, phấn khởi. Bỗng một trận gió thổi tới làm nến tắt cả, phòng tiệc tối như mực. Một mĩ nữ trong khi tiếp rượu, trong bóng đêm bị ai đó kéo tay áo. Kêu không ra tiếng, nàng liền giơ tay giật đứt dải mũ người ấy rồi đến khóc, tố cáo với trang vương. đề nghị thắp nến xem ai bị dứt dải mũ để xử tội. Trang vương thầm nghĩ : để chứng tỏ trinh tiết của một phụ nữ mà làm nhục một đại thần của mình trước cả văn võ bá quân, e rằng không thoả đáng. Nhân lúc còn tối đèn, vua nói với quần thần : "Chư vị nhất thiết phải vui cho thật thoải mái, say mới thôi. Lúc đó mũ ai còn dải là uống chưa đạt". Các số đại thần muốn cho mua vui, nên đã dứt đứt dải mũ của mình. Đến khi nến thắp lên, vị đại thần đã có hành động cợt nhả với mỹ nữ tự nhiên đã được bảo vệ.

Sở Trang vương nhanh trí biết bao ! Trong thời gian đợi thắp sáng, bằng đôi lời mời rượu mà giải thoát được vị đại thần nọ. Thử nghĩ, vị đại thần kia nếu lúc đó chưa say thì trong lòng nhất định rất hổi hộp, dải mũ bị giật mất, có lẽ không cần phải đợi mỹ nữ tố cáo, cũng sẽ tự nhận tội trước trang vương. Sở vương không muốn để chuyện khó chịu đó ảnh hưởng đến không khí buổi tiệc rượu đã khuyến ngay mọi người vui thoả thích, đồng thời lấy việc dải mũ còn mất làm tiêu chuẩn đánh giá uống rượu đạt hay không. Đây là kế sách của Trang vương. Để đạt tiêu

chuẩn uống đủ, mọi người náo nức dứt bỏ dải mũ của mình. Làm như vậy thì vị đại thần nọ mới giấu nổi hành vi thô thiển của mình. Thật là vàng thau lẫn lộn, lấy số đông che cho thiểu số. Việc làm của Sở vương khiến vị đại thần nọ vô cùng cảm kích. Nghe đâu về sau quân Sở đánh nước láng giềng, vị đại thần kia hăng hái đi đầu, 5 trận giết 5 tướng, khiến quân địch nghe tiếng đã khiếp đảm, lập chiến công cho nước Sở.

Cuối thời kỳ Xuân Thu, vùng đông bắc là chiến trường Ngô Việt tranh hùng. Trước là nước Ngô đánh bại Việt, sau là nước Việt thôn tính nước Ngô. Lúc đánh lúc hoà, kéo dài mấy chục năm. Việt vương Câu Tiễn đã mang nhục vong quốc, bản thân phải làm nô bộc của Ngô vương. Để không quên nhục mất nước, Việt vương đã diễn màn "Nằm gai nếm mật", ra sức phấn đấu để vươn lên giàu mạnh. Để nước giàu binh mạnh, ông lại đạo diễn màn "10 năm sinh tụ, 10 năm giáo huấn". Cuối cùng, để khích lệ quân Việt đánh bại cừu địch, ông còn diễn màn "Trọng ếch có khí phách, khích lệ ba quân".

Nước Việt trải qua 10 năm sống đoàn tụ, nước cường thịnh, tinh thần chúng dân phấn chấn, nên Câu Tiễn quyết định xuất quân phạt Ngô. Quân Việt vừa ra khỏi kinh thành, Câu Tiễn nhìn thấy trên mặt đường một con ếch lớn, mắt tròn xoe, da bụng căng như trống, rất giống người lúc giận dữ. Câu Tiễn nghĩ ra một kế : tay chống thành trước xe, đứng dậy làm ra vẻ tự thấy kính phục, chào ếch. Tả hữu không hiểu, vội bước lên hỏi. Câu Tiễn nói : "Các

người nhìn con ếch đang giận dữ kia, giống như một dũng sĩ khát khao chiến đấu, khiến ta thương xót kính chào". Toàn quân trên dưới biết chuyện này náo nức truyền nhau : "Đại vương kính trọng một con ếch giận dữ như vậy, đủ biết tâm trạng căm giận Ngô vương của Người. Đời ta được nuôi dưỡng, giáo dục hơn 10 năm trời há lại không bằng một con ếch sao?". Lúc đó vợ tiễn chồng, bố dặn dò con, cả nước trên dưới đồng tâm hiệp sức. Tướng sĩ động viên nhau hăng hái, dũng cảm chiến đấu nên nhanh chóng diệt xong Ngô.

Đây vốn là một chuyện nhỏ, có lẽ không có tác dụng lớn đến thế. Song đối với tướng sĩ đi theo, vô tình gây nên một ảnh hưởng nhất định. Câu Tiễn dùng hành động kính chào ếch để khích lệ quân Việt là đường lối gián tiếp. Quân sĩ Việt ví mình với ếch, nảy sinh một cách tự nhiên quyết tâm chiến đấu vì Câu Tiễn. Chỗ dựa của hành vi vì cái này với cái kia không phải là sự tăng giảm lực lượng vật chất mà là sự nối liền về mặt tâm linh với nhau giữa mọi người, chính là dựa trên cơ sở nối liên tâm linh của mọi người. Câu Tiễn qua một cử chỉ nho nhỏ của mình, khiến ý chí chiến đấu từ trên tới dưới trong quân Việt bỗng nhiên tăng cao.

Thời kỳ Chiến quốc là thời đại biến đổi, cải cách lớn. Để thúc đẩy sự biến cách xã hội, đẩy nhanh quá trình nước giàu binh mạnh, giai cấp thống trị các nước tương kế tiến hành hàng loạt hoạt động biến đổi luật pháp. Về cơ bản mà nói, biện pháp có thành công hay không, không

những tuỳ thuộc vào các chính sách, biện pháp có phù hợp với nhu cầu của xã hội hay không, bệnh nào thuốc nấy mà còn tuỳ thuộc vào dân chúng có hiểu được, có tin cậy và ủng hộ những chính sách, biện pháp đó hay không. Nếu dân không hiểu, không tin cậy và ủng hộ thì bất cứ chính sách, biện pháp nào cũng khó thực hiện được triệt để. Vì vậy một số nhà chính trị có tầm nhìn xa ngay thời kỳ đầu triển khai hoạt động biến pháp, đều phải tìm phương nghĩ cách tranh thủ sự lý giải, tin cậy và ủng hộ của dân để thực hiện các chính sách, biện pháp một cách thuận lợi.

Tần Hiếu công năm thứ 12 (350 năm trước công nguyên). Thương Ưởng thân làm đến tả thứ trưởng và thực hiện biến pháp nước Tần. Trước khi công bố tân pháp, ông dựng một cột gỗ cao 3 trượng ở cửa Nam kinh đô Hàm Dương, ra lệnh ai mang được cột sang cửa Bắc sẽ thưởng 10 dật (mỗi dật bằng 20 lạng) vàng. Cáo thị dán xong, người xem rất đông, xong không ai đi cột cả.. Thương Ưởng tăng tiền thưởng lên 50 dật. Người xem càng hoài nghi, không rõ nhằm ý đồ gì. Duy có một người cậy có sức khoẻ, lấy sức bê được cột sang cửa Bắc. Thương Ưởng được tin liền mời người đó đến, khen anh ta đã tin mệnh lệnh phủ quan và lập thưởng đủ số vàng. Tin này không cánh mà bay, nhanh chóng truyền tới mọi nơi trong nước. Dân chúng đều nói : "Tả thứ trưởng nói là làm, chúng tôi đã tinh sẵn rồi". Do đó sau khi Thương Ưởng công bố tân pháp, mọi người tuy có đôi chút giật mình, xong tin tưởng tân pháp sẽ thực hiện được.

Chuyện này thường có tên gọi là "Đổ mộc lập tín". (tay không vác cột để xác lập lòng tin). Thực ra chuyện tay không chuyển cột và việc thay đổi luật pháp chẳng có chút liên quan gì, nhưng ở đây lại có liên hệ kỳ diệu với Thương Ưởng. Tay không vác cột thực ra là chuyện vặt, chỉ là chuyện nhỏ mà Thương Ưởng trọng thưởng nhiều vàng, khiến dân chúng thấy kinh ngạc và coi cáo thị của phủ quan là trò đùa. Nhưng rồi có người đã vác được cột sang cửa Bắc, chỉ một chút công mà đổi lại được 50 dật vàng. Điều này làm mọi người càng kinh ngạc. Từ đó không dám coi cáo thị của phủ quan là trò đùa nữa. Như vậy là Thương Ưởng về mặt tâm lí xã hội đã xác lập được lòng tin của dân đối với phủ quan, đồng thời cũng giành được sự lí giải và ủng hộ rộng rãi của xã hội trong việc tiến hành thuận lợi chính sách, biện pháp mới. Đó là nguyên nhân quan trọng giúp Thương Ưởng biến pháp thành công.

Đầu đời Hán, Lưu Bang bình định thiên hạ và bắt đầu bình công khen thưởng. Hơn 20 người có công tương đối lớn đều được phong đất, số còn lại còn đang tranh cãi công ai to, ai nhỏ, nên không có cách nào phong thưởng được. Một hôm, Lưu Bang từ trên lầu nam quan Lạc dương nhìn thấy chư tướng tụm năm tụm ba ngồi trên bãi cát thầm thì bàn tán rất ý hợp tâm đầu, liền hỏi Lưu hầu Trương Lương : "Họ đang bàn gì vậy?" Trương Lương đáp : "Bệ hạ không biết sao? Họ đang bàn làm phản đó !" Lưu Bang lại hỏi : "Thiên hạ vừa mới yên bình, sao lại làm phản? " Trương Lương đáp : "Bệ hạ xuất thân dân thường

dùng số người này lấy thiên hạ, đến nay những người được phong thưởng đều là những người mà thân cận được bệ hạ ưa thích như Tiêu Hà, Tào Tham, trị tội đều là những người bệ hạ thù hận. Vì vậy các tướng lĩnh trong quân vẫn lo bệ hạ không khen thưởng tất cả, sợ truy cứu sai phạm trước kia, cuối cùng sẽ bị giết, nên họ tụ tập nhau lại bàn cách làm phản đó !" Lưu Bang nghe đoạn, thất kinh, hỏi Trương Lương nên làm thế nào cho phải. Trương Lương hỏi lại : " Thuở bình sinh ai là người bệ hạ ghét nhất mà mọi người đều biết? " Lưu Bang đáp : "Ung Sĩ với ta có thù cũ, nhiều lần làm ta khốn đốn. Nhiều lần ta muốn giết đi, xong nghĩ hắn có nhiều công lao nên vẫn không nỡ". Trương Lương tiếp : "Nay bệ hạ hãy nhanh chóng phong thưởng Ung Sĩ để tỏ rõ cho các chủ tướng hiểu. Mọi người thấy Ung Sĩ cũng được phong sẽ an tâm". Lưu Bang liền mở tiệc liên hoan chiêu đãi quần thần, trong buổi tiệc phong Ung Sĩ là Thập Phương hầu, đồng thời thúc thừa tướng, ngự sử nhanh chóng bình công khen thưởng. Các tướng lĩnh ra về đều hể hả nói : "Ung Sĩ còn được phong hầu, chúng ta còn gì phải bận tâm nữa".

Tư Mã Quang đời Tống bình : "Trương Lương là mưu thần của Cao đế, được coi là tâm phúc, chả trách biết gì đều nói cả. Nghe tin chư tướng mưu phản, phải đợi khi Cao đế tai nghe mắt thấy, sau đó mới nói ra chăng? Khoảng thời kỳ đầu Cao đế lấy được thiên hạ, nhiều lần dựa vào sự yêu ghét để thưởng phạt cũng có khi hại tới việc công, quần thần thường có tâm lý oán trách, lo sợ cho mình.

Lương nhân việc ấy tỏ tấm lòng trung để thay đổi ý kiến đế, khiến bề trên không a dua với chuyện riêng tư, dưới không sợ bị hại, quốc gia không lo lắng, lợi cho hậu thế.

Đó là biện chứng do sự thực lịch sử tạo nên với mục đích nêu lên bộ mặt vốn có của lịch sử. Chúng ta đứng về mặt quyền mưu học mà xét, Trương Lương khuyên Lưu Bang phong cho Ung Sĩ hoàn toàn là sự suy nghĩ xuất phát từ sách lược riêng của mình. Ung Sĩ vốn là kẻ thù của Lưu Bang, Lưu Bang vẫn muốn cho về cõi chết. Nay do tình thế bức bách, lại phải phong hầu cho Ung. Đây là sự chuyển biến lớn trong lòng Lưu Bang. Lại xét về những tướng lĩnh ồn ào kia, họ vốn cho rằng việc luận công khen thưởng của Lưu Bang không quang minh chính đại, nay lại thấy Lưu Bang phong thưởng cả cho kẻ thù của mình thì tự nhiên cảm thấy có hy vọng được phong nên cũng chẳng xôn xao làm gì nữa. Qua đó, thấy Lưu Bang và chư tướng đều có chuyển biến về mặt tâm lý, là sự phong riêng cho Ung Sĩ đến triển khai đồng bộ. Kết quả của sự chuyển biến này khiến sự vướng mắc giữa Lưu Bang và chư tướng được giải quyết, sự biến cố khả năng xảy ra hoàn toàn tiêu tan.

Thời Đông Hán, quan thứ sử Kinh Châu là Độ Thượng nhận lệnh triều đình dẫn quân đội ngầm những người tộc Tông của mình đi dẹp bọn phiến loạn Bộc Trở, Phan Hồng. Trong quá trình chiến đấu một bộ phận sĩ tốt cướp được rất nhiều của cải, trong người quần hàng vạn quan tiền, ý

chí chiến đấu giảm sút. Độ Thượng phát hiện, bụng nghĩ : trước mặt là kẻ thù mà sĩ khí giảm sút ắt sẽ thất bại. Nghĩ vậy, Đỗ Thượng liền lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi, vào rừng săn bắn, quân sĩ mừng rỡ, náo nức rời doanh trại đi chơi. Lúc ấy Độ Thượng sai một số binh sĩ thân tín đóng giả lính địch tập kích doanh trại, đốt sạch những của quý mà binh sĩ cất dấu. Đi săn về thấy của quý mất hết, binh sĩ khóc không thành tiếng, căm uất vô cùng. Đỗ Thượng liền phát tiền trợ cấp, động viên sĩ tốt : "Căn cứ của bọn Bộc Trở, Phan Hồng của cải châu báu vô vàn, chỉ cần chúng ta đoàn kết một lòng, đánh chiếm được doanh trại bọn chúng, chúng ta sẽ trở về chẳng thiếu thứ gì. Hôm nay mất một số thứ vặt vãnh, có gì phải bận tâm ca thán". Quân sĩ nghe xong, sĩ khí bừng bừng, quyết phen sống mái. Độ Thượng phát động tổng công kích, nhanh chóng đánh chiếm được doanh trại của Bộc Trở và Phan Hồng.

Sách "Thảo lư kỉnh lược" gọi hành động này là "ngu chúng", cho rằng "phàm những điều hay trong công thủ nên dựa vào ba quân để làm, không để ba quân biết" "Cái gọi là việc quân giữ cho bí mật, cốt sĩ tốt có mắt như đui mù, khiến họ không sợ địch, hoặc kích động họ phấn chấn, hoặc dụ họ theo mình : khen thưởng không theo luật khiến kẻ tham quên mình ; ra lệnh không theo chính trị khiến bọn nhát gan mạnh dạn theo, phần lớn làm lung lạc nhân tâm, cổ vũ sĩ khí ba quân, như xua đàn dê, xua đi, xua lại, không biết đâu mà lần.

Những điều phân tích rất hữu ích đối với chúng ta trong việc nhận thức động cơ hành vi dùng quyền mưu để "ngu dân" ngu binh "của những người thống trị trong thời đại truyền thống.

Khi Hán Linh đế còn trị vì, hoạn quan nắm trong triều chính, tuỳ ý bổ nhiệm, miễn nhiệm quan chức nhiều người muốn một bước lên quan đều ra sức xu nịnh họ. Trung thường thị Trương Nhượng quyền uy hiển hách, trong nhà rất nhiều gia nô giúp việc, nhận hối lộ. Có nhà phú hào tên Mạnh Đào gia tư giầu có, nhưng không có ấy một nửa chức quan. Vì muốn quan hệ với Trương Nhượng, trước hết hắn mua chuộc lấy lòng gia nô họ Trương, hối lộ chúng nhiều thứ. Bọn gia nô rất cảm kích, hỏi ông ta có cần giúp đỡ gì. Mạnh Đà đáp : "Tôi chỉ mong đến lúc nào đó các người lạy ta một lạy thôi". Không lâu sau, Mạnh đến xin gặp Trương Nhượng thấy rất nhiều khách cũng đang đợi ở đó, liền đến thẳng tới chỗ bọn gia nô. Bọn gia nô vừa nhìn thấy Mạnh đến vội vàng tiến ra và cùng quỳ lạy bên đường, sau đó cùng Mạnh đánh xe vào cổng. Những người khách đang đứng đợi thấy thế đều nghĩ là Mạnh rất thân với Trương liền tranh nhau biếu Trương của ngon vật lạ. Có được quà biếu, Mạnh biếu Trương một số. Trương nhận được trọng lễ rất vui, liền bổ nhiệm Mạnh giữ chức Thứ sử Lương Châu. Trong chuyện có hai nhân vật Mạnh Đào và Trương Nhượng, một là người xin chức, một là kẻ đương quyền. Nhân cách của cả hai đều rất ti tiện. Trương Nhượng thân phận hoạn quan, toan tính ăn hối lộ, tuỳ ý

mua quan bán chức, tạo cơ hội cho Mạnh Đà lên hàng quan chức. Mạnh Đào tự biết trực tiếp kết giao với Trương rất khó, nên đã chọn con đường vòng : trước hết để mắt đến bọn gia nô, vì có được sự trọng vọng của chúng mới được chúng khách chầm trồ nhìn theo ; lại nhờ sự thi nhau nịnh bợ của chúng khách mới có được cái vốn lớn hơn trước Trương Nhượng. Cuối cùng được đền bù như ý nguyện. Quả là tiểu nhân khéo dụng tâm, vừa được của lại được quan, quyền mưu không phụ kẻ hữu tâm vậy.

II. MƯỢN NGƯỜI THỨ 3

Sức lực một người là nhỏ bé không đáng kể, song nếu khéo lợi dụng sức của người thứ 3 thì có thể thắng hết đối thủ này đến đối thủ khác, đạt mục đích này đến mục đích khác. Gọi là "Giả tá" (mượn) với tư cách hạt nhân của quyền mưu là ở chỗ lợi dụng đầy đủ sức mạnh của người thứ 3. Trong tiếng Hán hiện đại có một số thành ngữ như : "mượn dao giết người" (ném đá giấu tay), "Cáo giả oai cọp", "mượn hoa dâng phật" (của người phúc ta), "mượn xác hoàn hồn (mượn danh người khác để thể hiện mình), "Giả đạo phạt Quắc" (mượn đường đánh nước Quắc) đều bao hàm lớp nghĩa này. Người thứ 3 có thể là người, cũng có thể là vật, là một hành động hoặc sự việc. Chủ thể quyền mưu muốn áp dụng phương thức "mượn" để đạt mục đích của mình, trước hết phải tìm người thứ 3 đứng ngoài 2 bên quyền mưu.

"Mượn dao giết người" là một trong "36 kế". Giải thích theo nghĩa của từ là nhờ bàn tay người khác giết kẻ thù của mình. Trên thực tế, sức lực mà người ta nhờ cậy có từ bao nhiêu nguồn : có thể là sức bạn bè, hoặc là sức của kẻ thù, có thể là sức của cá nhân hoặc là sức của tập thể. Trong từng môi trường quyền mưu khác nhau, chủ thể quyền mưu tuỳ tình tình huống cụ thể có thể linh hoạt vận dụng.

Thời Xuân Thu, Vệ Quốc công Châu Hưu thông đồng với Thạch Hậu giết Vệ Hoàn công khi ông này chuẩn bị đi hội triều với thiên tử nhà Chu rồi tự lập mình làm công. Thạch hậu làm Thượng đại phu. Dân nước Vệ biết tin, tỏ ra bất phục. Thạch Hậu nghĩ cha mình là Thạch Tích, là thượng khanh thời tiên vương, vốn được dân trong nước tin phục, liền chuẩn bị lễ vật rất hậu để Châu Hưu mang đến biếu, mời Thạch Tích ra giúp triều chính. Thạch Tích cáo bệnh, kiên quyết không nhận. Thạch Hậu bèn đến hỏi ý kiến cha về sách lược trị quốc an bang. Thạch tích thầm nghĩ : Châu Hưu giết vua tự lập chức, con mình thì giúp Trụ làm việc áo ; nếu không trừ khử thì loạn thần tặc tử sẽ theo nhau gây tội ác. Thế là ông bày cho Thạch Hậu cách nhờ nước Trần nói với Chu thiên tử chính thức sắc phong là xong. Thạch hậu nói với Châu Hưu, y vỗ tay khen hay. Sau đó không lâu, cả hai mang theo lễ vật sang nước Trần. Thạch Tích và đại phu nước Trần là Tử Trâm vốn thân quen, nên đã viết một bức huyết thư nhờ Tử Trâm trình lên Trần Hoàn công. Trong thư nêu nhiều

tội trạng của bọn loạn thần tặc tử đại nghịch, xin vua Trần giúp dân nước Vệ trừ khử bọn này. Vì vậy khi Chu Hưu và Thạch Hậu tới nước Trần đã bị Trần Hoàn công bắt giữ và ít lâu sau đã bị chém đầu tại đó. Thạch Tích cùng các quan đại phu nước Vệ lập vua mới, từ đó bảo đảm được an toàn cho nước Vệ.

Đây là chuyện về quyền mưu nhờ sức của bạn bè trừ giết phản nghịch. Khi Thạch Tích bày cách cho con đã bắt đầu đem một chiếc lưới mượn dao giết người. Vua tôi nước Trần chính là dây lưới. Châu Hưu và Thạch Hậu là những con chim sẻ nằm trong lưới. Cho dù là con sẻ tinh khôn nhất, một khi đã bay khỏi tổ mà rơi vào lưới giăng của người khác cũng đành chịu bắt và bị giết thịt. Huống hồ Châu Hưu, Thạch Hậu mới nghe lời người khác nói đã như nhặt được vàng, hành động không suy nghĩ thì quả là những con chim sẻ hụng dữ, ngu xuẩn. Hành động giết con vì đại nghĩa tiết của Thạch Tích đã tấu lên một bài tráng ca kích động lòng người.

Thời Tam quốc, Gia Cát Lượng để củng cố chính quyền Thục Hán đã tự soái lĩnh ba quân xuống Nam Trung (nay là vùng nam Yên Nam, Qui Châu và Xuyên), bình định bọn phản loạn Ung Khải và Chu Bao. Trong trận đánh đầu tiên với thủ lĩnh dân tộc Di ở Việt Tê là Cao Định đã bắt được nhiều tù binh. Trên cơ sở "công tâm vi thượng", Gia Cát Lượng có ý thả bọn tù binh về và bảo họ :"Chúng ta biết Cao Định là một vị trung nghĩa, bất quá bị Ung Khải mê hoặc, nên mới dấy binh chống lại triều đình. Nếu

ông ta hối cải, chúng ta sẽ không bắt tội". Cao Định nghe nói lại, cố ý hối cải, bèn mở tiệc chiêu đãi Ung Khải rồi giết đi, mang đầu lâu dâng Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng quyết tâm lập mưu lợi dụng Cao Định giết Chu Bao. Ông viết một bức thư giả mạo rồi nói với Cao Định: "Chu Bao có gửi tôi một bức thư nói Ung Khải và ông là bạn sống chết có nhau, nhất định ông không giết Ung Khải, thủ cấp đó là giả. Nếu ông thực tâm qui phục nhà Hán, xin hãy mang đầu Chu Bao tới đây thì tôi mới tin". Cao Định đọc xong thư, đắn đo hồi lâu, tưởng là thật. Sau đó không lâu quả nhiên giết Chu Bao. Gia Cát Lượng đã lợi dụng sức của Cao Định như vậy, đã khử được hai tên phiến loạn ở Nam Trung.

Đó là chuyện quyền mưu mượn dao của kẻ địch khử kình địch. Gia Cát Lượng trước khi xuất chinh Nam Trung đã xác định phương châm chỉ đạo là "Công tâm sĩ thượng". Phương châm này quyết định chính quyền Thục Hán dùng binh dẹp loạn Nam Trung lấy việc yên lòng dân tộc thiểu số địa phương làm mục tiêu chính. Trong số các thủ lĩnh Nam Trung, có người cắt cứ trợ thủ, có người lưỡng lự theo cả hai. Chính là căn cứ vào từng đặc điểm riêng của họ và mối quan hệ giữa họ với nhau, Gia Cát Lượng đã chọn người dễ dao động là người thứ ba, lấy Ung Khải, Chu Bao lập trường ngoan cố làm đối tượng công kích, đã thực hiện thành công quyền mưu mượn dao giết người. Việc đó đã tạo điều kiện cơ hội để cuối cùng dẹp yên phản loạn ở Nam Trung, Yên định dân tộc thiểu số ở Tây Nam.

Hơi khác nói phương thức mượn dao giết người. Giả Thủ Vu Nhân mượn tay người là nhờ người thứ 3 làm một việc gì đó để đạt tới mục đích của mình. "Mục đích" ở đây không nhất thiết là giết người, mà bao gồm cả sự mưu cầu giá trị về cá nhân, chính trị, xã hội và các mặt khác, chỉ là chủ thể quyền mưu trong quá trình hành động mưu cầu một giá trị nào đó, cần chọn được một người thứ 3 làm một việc nào đó. Việc làm của người thứ 3 là tự giác hay không tự giác đều thể hiện dụng tâm của chủ thể quyền mưu, hỗ trợ chủ thể quyền mưu đạt tới mục đích.

Khi Hán Tuyên đế còn trị vì, Trương Thưởng là kinh triệu doãn, tổng quản sự vụ kinh thành Tràng An. Trên đường phố Tràng An kẻ cắp rất nhiều, chuyện trộm cướp thường xảy ra, những người buôn bán luôn phàn nàn, lo lắng. Trương Thưởng nhận chức xong, liền đi thăm hỏi người già trên phố và được biết mấy tên cầm đầu trộm cắp cửa nhà êm ấm, khi ra ngoài có người hầu đi theo, bà con khối phố đều coi như bậc đàn anh. Trương Thưởng bèn cho người gọi những tên đó tới. Sau khi nghiêm khắc quở trách, tạm hoãn truy cứu tội, chỉ yêu cầu họ ở lại phủ quan và lệnh cho bọn trộm cắp đến tự thú nhận tội. Những tên cầm đầu cho rằng chúng đang ở trong phủ quan mà bắt bọn trộm cắp đến tự thú sẽ làm chúng lo sợ, chi bằng cho họ làm việc ấy ngoài phủ quan. Trương Thưởng nghe có lý bèn cho bọn cầm đầu làm thuộc hạ rồi tha họ về. Những tên cầm đầu mở tiệc rượu tại nhà, khoản đãi những tên trộm cắp đến chúc mừng. Đợi khi

chúng đã say mềm liền nhẹ nhàng đánh dấu vào áo mỗi đứa. Phủ quan phái quan tuần bổ đến ngồi ở cửa ra vào phòng, thấy tên nào áo có dấu thì bắt. Chỉ trong một ngày bắt được mấy trăm tên trộm cắp. Trương Thưởng ra lệnh nghiêm trị tất cả bọn tội phạm, khiến trật tự trong kinh thành được cải thiện rõ rệt. Trương Thưởng quản lý phố xá Tràng An rất có nghề. Tân quan mới đến nhậm chức vị tất đã tìm hiểu tình hình trật tự phố phường. Còn Trương Thưởng thì đi sâu xuống đường phố, thăm hỏi người già, nắm rõ tông tích những tên cầm đầu bọn trộm cắp. Đó là một bước quá trình quản lý. Căn cứ vào phẩm chất, thói quen và ảnh hưởng xã hội của chúng, Trương Thưởng dùng phương pháp lung lạc, phong chức để họ làm cho phủ quan, chuộc lại lỗi lầm xưa. Đây là bước thứ 2. Dựa vào sự phối hợp tích cực của bọn này phủ quan tổ chức lực lượng nhanh chóng một mẻ bắt gọn mấy trăm tên trộm cắp và nghiêm trị. Đó là bước 3. Biện pháp 3 bước này liên kết chặt với nhau, bước nọ tiếp bước kia, tự nhiên thu được kết quả quản lý tốt.

Cuối thời Đông Hán, Tào Tháo tiến về Hoài Nam, đánh Viên Thuật. Viên Thuật cố thủ Thọ Xuân (nay là huyện Thọ tỉnh An Huy) không chịu quyết chiến, khiến 2 bên giằng co mấy tháng trời. Quân Tào xa hậu phương, vận chuyển khó khăn, lương thảo trong quân cũng đã sắp cạn. Để ổn định lòng quân, Tào Tháo đã không để lộ thực trạng cho cấp dưới biết, chỉ cho gọi viên quan phụ trách kho lương là Vương Hậu đến và ra lệnh cho y dùng

đấu nhỏ phát lương để gỡ nguy cơ nước ngập đến chân. Nhưng chỉ được ít hôm, do khẩu phần lương không đủ nên quân lính bất bình trực tiếp ảnh hưởng đến sự ổn định lòng quân. Tào Tháo thấy vậy, lại gọi Vương Hậu tới và nói muốn mượn y một thứ để ổn định lòng quân. Vương Hậu vội hỏi thứ gì thì Tháo nói là cái đầu của y. Nói xong, không đợi Vương Hậu nói lại, Tháo gọi thị vệ vào, chặt đầu Vương bêu ra ngoài cho quân sỹ thấy, đồng thời thông cáo toàn tướng sỹ rằng :"Vương Hậu cố ý bớt xén khẩu phần lương thực của binh sỹ, kiểm tra xác thực, nay đã bị xử trảm". Tướng sỹ như trong hũ nút, không rõ sự tình, đều cho Tháo là chính trực vô tư, thưởng phạt phân minh, mọi nỗi oán hận tiêu tan hết. Từ đó Tháo ổn định được lòng quân, tranh thủ thời gian, lương thảo chuyển đến rất nhiều . Cuối cùng đánh bại Viên Thuật.

Đây là một đoạn trong sách,"Tam quốc diễn nghĩa". Nhiều người nói Tháo gian trá, xảo quyệt, đây cũng là một bệnh. Vương Hậu làm theo lệnh Tào Tháo mà mắc hoạ chém đầu, còn chịu tội danh "cố ý bớt xén khẩu phần lương thực ", thật oan uổng vô cùng. Tào Tháo vừa muốn chân tay giúp việc chi dùng lương thực để đảm bảo quân không thiếu lương, vừa muốn áp dụng biện pháp cần thiết để làm dịu sự bất bình của quân sỹ vì bớt khẩu phần lương, nên không thể không tìm ra một người thứ 3 có thể lợi dụng được trong số nhân viên chủ quản lương thực. Thế là quan coi kho Vương Hậu đã trở thành hình nhân thế mạng, trở thành một vật hy sinh để Tháo dẹp sự phẫn

nộ, oán trách của quân sỹ. Tào Tháo đã thông qua con đường gián tiếp để vừa củng cố duy trì việc phân phát khẩu phần lương, vừa để lại trong lòng quân sĩ hình ảnh đẹp về đức chính trực vô tư, thưởng phạt phân minh. Quả là nhất cử lưỡng tiện (một công đôi ba việc).

Kế thứ 24 trong "36 kế" là "Giả đạo phạt Quắc". Được giải thích là : "Lưỡng đại chi gian, địch hiếp dĩ tòng, ngã giả dĩ thế " nghĩa là :"Nước nhỏ ở giữa 2 nước lớn ta và địch, khi địch uy hiếp buộc phải khuất phục thì ta phải lập tức xuất quân cứu viện, nhân cơ hội khuyếch trương thế lực của mình". Đây rõ ràng là loại quyền mưu địch uy hiếp, ta chi viện. Khuyếch trương sự thâm nhập. Có điều là dựa vào những tài liệu lịch sử chúng tôi khảo sát một về "Giả đạo phạt Quắc" phát hiện sự giải thích (36 kế) và ý nghĩa gốc của loại quyền mưu này còn có sự chênh lệch không nhỏ. Xin tạm nêu ra đây một vài dẫn chứng :

Thời Xuân Thu, Ngu (nay là Bình Lục tỉnh Sơn tây) và Quắc (nay là huyện Thiểm tỉnh Hà Nam) là 2 nước láng giềng với nước Tấn, có quan hệ như môi với răng. Khi Tấn Hiến công còn trị vì, muốn thôn tính 2 nước nước nhỏ đã theo kế sách của đại phu Tuân Tức, trước dùng ngựa quí, bảo ngọc mua Ngu công. Ngu công đồng ý cho quân Tấn mượn đường đánh Quắc và còn cử quân làm đội đi đầu quân Tấn. Không tốn phí bao nhiêu quân Tấn đã chiếm được Hạ Dương (nay là đông nam Bình Lục tỉnh Sơn Tây). Hai, ba năm sau Tấn Hiến công lại mượn đường

nước Ngu chinh phạt Quắc. Quan đại phu nước Ngu là Tri Kỳ lấy đạo lý "dựa vào lưng nhau môi hở răng lạnh" khuyên Ngu công nên liên minh với Quắc cự Tấn, không nên làm cái việc cho mượn đường khờ dại nữa. Ngu công không nghe ra, một lần nữa đồng ý cho Tấn mượn đường. Lúc ấy Tri Kỳ đã tiên đoán : "Ngu và Quắc đều tận số, không đến cuối năm sẽ diệt vong", rồi mang theo gia quyến chạy ra nước ngoài. Quả nhiên ngay cuối năm đó, sau khi diệt xong Quắc, khải hoàn trở về, đóng tại nước Ngu. Thừa lúc Ngu không đề phòng, quân Tấn bất ngờ tập kích và dễ dàng diệt xong Ngu.

Đó là xuất xứ của thành ngữ "Giả đạo phạt Quắc". Xem chi tiết "Tả truyện" Lỗ Hi năm thứ 2, ý chính là chỉ một quốc gia khi chinh phục một quốc gia khác, lấy lòng tin của một nước nhỏ nằm ở giữa hai bên, nhằm thừa thế đưa thế lực của mình thâm nhập vào, khống chế đối phương, sau đó bất ngờ tập kích, chỉ một trận thôn tính xong. Tấn Hiến Công lấy cớ phạt Quắc để mượn đường nước Ngu và cuối cùng thôn tính cả hai. Ngu công vì ham lợi mà bị lừa, phút chốc bị người ta tiêu diệt. Chủ khách thể của quyền mưu này là : một khôn một ngu, một sáng một tối, rất dễ thấy. Song về phần nước Ngu, chủ trương "dựa lưng và nhau, môi hở răng lạnh" của quan Tri Kỳ đã vạch trần ý đồ thật cái gọi là "Giả đạo phạt Quắc" của Tấn đã trở thành tư tưởng quan trọng đối với hậu thế, đó là các nước nhỏ yếu liên hợp lại phòng chống nước lớn.

Thời sơ Hán, Tào Tham là tướng quốc nước Tề. Ông lễ người hiền tài, cúi mình trước kẻ sĩ, rất trọng Khoái Thông. Có người bảo Khoái : "Đất Tề có hai vị ẩn sĩ tên gọi Đông Quách, Lương Thạch Quân, trên thế gian không ai bì kịp. Tiên sinh phò tá Tào tướng quốc, nhặt của rơi, vạch cái sai, tiến cử hiền tài, tại sao ngài không tiến cử họ rồi tướng quốc?" Khoái Thông đáp : "Chính phải. Bên hàng xóm tôi có một người đàn bà, sống với mẹ Chu người đồng hương rất tốt. Gia đình chị ta một đêm nọ bị mất miếng thịt, bà mẹ chồng cho chị ta là ăn cắp liền đuổi đi. Sáng hôm chị ta ra đi, qua nhà mẹ Chu và kể chuyện mình. Bà Chu bảo chị : "Con đi chầm chậm thôi, mẹ sẽ gọi người nhà con đuổi the gọi con về". Rồi bà lấy một túm giây đay đến nhà chị ta xin lửa và nói bóng nói gió với bà mẹ chồng : "Con chó nhà tôi tối qua tranh nhau miếng thịt với chó nhà bên bị nó cắn chết. Bà cho tôi tí lửa để về làm thịt". Bà mẹ chồng nghe xong vội gọi người nhà đi ngay tìm cô con dâu về. Rõ ràng bà Chu kia không phải là thuyết khách, xin lửa không phải là duyên cớ đón cô còn dâu về, mà chỉ là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu vậy. Tôi sẽ đến tướng quốc xin lửa". Đến gặp Tào Tham, ông nói : "Trong số phụ nữ, có người chồng mới chết 3 hôm đã tái giá, có người âm thầm ở vậy thờ chồng, không ra khỏi cửa. Giả thiết tướng quốc kén vợ thì lấy người nào? Tào Tham đáp : "Lấy người ở nhà không ra khỏi cửa". Khoái Thông nói tiếp : "Việc tuyển quan chức cũng vậy. Đông Quách tiên sinh và Lương Thạch Quân đều là những người tuấn kiệt, ẩn sĩ và chưa bao giờ mưu

cầu hoạn lộ một cách ti tiện. Xin tướng quốc cho người lấy lễ tiếp đãi họ". Tào Tham nghe xong liền cử người đến cầu 2 vị ấy và đãi họ như thượng khách.

Truyện trên thường được người đời gọi là "bó đay xin lửa". Người đàn bà kia có ăn cắp thịt hay không ta khỏi cần bàn, có điều là mẹ chồng nghi ngờ chị ta. Duy có việc làm lời nói của bà già nọ là phù hợp với đạo lý thực hành quyền mưu. Bà cầm túm đay đi xin lửa, không chỉ giấu được ý định thật của mình trước người khác, mà còn rất tự nhiên tìm được cơ hội nói chuyện với người muốn nói. Thông qua một chuyện bình thường, bà đã khéo léo nhẹ nhàng báo cho đối phương một "tin sét đánh" : Thịt bà bị mất bị mấy con chó tranh nhau ăn. Điều ấy tự nhiên nói lên rằng bà đuổi con dâu đi là rất oan. Nghe vậy, bà mẹ chồng kia liệu có thể không hối hận vì đã hiểu lầm người tốt sao? Liệu có thể không cho người đi tìm ngay con dâu về không? Khoái Thông dựa vào quyền mưu được phản ánh trong đời thường này liền tiến cử Đông Quách tiên sinh và Lương Thạch Quân. Tào Tham ở vào vị trí của bà mẹ chồng nọ quả nhiên chấp thuận lời tiến cử của Khoái Thông.

Trong bộ "Chiến quốc sách" có ghi chép 70 chuyện ngụ ngôn, trong đó không ít chuyện thuộc loại "Mượn". Dưới đây xin tạm dẫn một đoạn :

Sở Tuyên vương hỏi quần thần : "Trẫm nghe nói các nước ở phía bắc đều sợ Chiêu Hề Tuất (đại thần nước

Sở), vậy có thật không?" Quần thần im lặng, chỉ có Giang Ất đứng lên đáp : "Hổ tìm các loại dã thú ăn thịt, tìm được một con cáo. Cáo nói : "Ngươi không dám ăn thịt ta đâu ! Thượng đế phái ta xuống làm thú linh của muôn loài. Nay nếu ngươi ăn thịt ta là ngươi chống lại mệnh lệnh của trời. Nếu ngươi không tin ta, ngươi sẽ đi sau theo ta, xem có muông thú nào thấy ta mà không chạy trốn không? "Hổ thấy cáo nói có lí, bèn đi theo sau cáo. Quả nhiên, các loài thú trông thấy đều chạy trốn hết. Hổ không biết là chúng sợ mình, vẫn tưởng là sợ cáo. Nay đất nước của đại vương dọc ngang 5000 dặm, hàng trăm vạn quân loại một, giao quyền cho Chiêu Hề Tuất chỉ huy. Vì vậy các chư hầu phía bắc sợ Chiêu, kỳ thực là sợ binh hùng tướng mạnh của đại vương, cũng như muông thú sợ cọp vậy".

Mọi người, đều biết, câu chuyện trên được gọi là "Cáo già oai cọp". Hình ảnh bề ngoài và ý nghĩa bên trong toát ra qua câu chuyện nhìn qua là thấy ngay Cáo và Chiêu Hề Tuất, bách thú và chư hầu phương bắc, cọp và binh hùng của đại vương, từng cặp đối xứng, khiến người ta ngầm hiểu được. Điều đó chứng tỏ tài nghệ đối đáp cao siêu của Giang Ất. Song điều làm ta chú ý hơn nữa là sự ứng biến của cáo. Con cáo xảo quyệt mượn oai cọp hù doạ các dã thú khác, sau đó lấy cái oai lừa được đó lừa lại cọp. Uy cọp mọi loài thú đều khiếp sợ, nhưng đứng trước cáo gian ngoan lại trở thành người thứ 3 quyền mưu mà cáo sử dụng. Người ta thường nói "Cáo mượn oai hùm" có lẽ cũng từ câu chuyện này.

Cuối thời Đông Hán gặp loạn Đổng Trác, Hán Hiến đế lưu lạc nay đây mai đó, bách quan văn võ triều đình không chỗ yên thân. Tào Tháo đang ở Diễn Châu biết tin đó, muốn giả danh phò Cần vương để ức hiếp thiên tử. Quân tướng phần lớn đều cho rằng Sơn Đông chưa ổn định không nên tuỳ tiện xuất quân. Duy chỉ có Tuân Hoặc tâu : "Ngày xưa Tần Văn công thu nạp Tương công, sau thành nghiệp bá Hán Cao tổ cử hành tang lễ cho Nghĩa đế, thiên hạ quy phục. Gần đây, Đổng Trác ức hiếp thiên tử, hoàng tộc lâm nạn. Tướng quân xuất binh, chỉ vì Sơn Đông còn chưa yên, nên không thể tới Quan Trung được. Nay thiên tử sẽ tới Đông Kinh (Lạc Dương), nghĩa sĩ nhớ nhà Hán, chúng dân nhớ chuyện xưa, nếu nắm được thời cơ, trên thờ đế vương, dưới theo ý dân đó là đại thuận : bên trong theo lẽ cộng bằng, bên ngoài thu phục hào kiệt, đó là đại lược : trước hết duy trì nhân nghĩa, nơi nơi chiêu mộ anh hùng, đó lã đại đức. Thiên hạ tuy có phản nghịch, có gì nguy hại? Nếu để mất thời cơ này, người khác giành trước thì sau này hối hận không kịp". Tào Tháo nghe xong, lập tức cấp quân nghênh đón Hán Hiến đế tới Lạc Dương, không lâu sau lại di về Hứa Đô (nay là Hứa Xương Hà Nam). Từ đó về sau, Tào Tháo một mình nắm quyền thao túng triều đình, bắt đầu phát lệnh cho chư hầu khắp nơi.

Cuối thời Đông Hán, trong phái quân phiệt ở khắp nơi, Tháo là người có viễn kiến chính trị hơn cả. Lần này cùng Tuân Hoặc quyết định nghênh đón Hán Hiến đế về cố đô, mở ra một phương thức mới : "Giữ thiên tử để

khống chế chư hầu". Thiên tử nhà Hán đương thời, tuy không binh, không tốt, bị người khống chế, song không mất tác dụng là ngọn cờ có sức hiệu triệu xã hội. Tào Tháo và Tuân Hoặc đều nhận thức được điều này.

Sự phân tích tình thế và từ đó nêu lên kiến nghị của Tuân Hoặc có thể nói là cương lĩnh thực tiễn chính trị thời kỳ đầu của Tào Tháo. Tào Tháo giành lại được lá cờ thiên tử nhà Hán, không những về chính trị có địa vị chính thống, mà còn được sự ủng hộ của các tầng lớp xã hội rộng rãi. Như vậy, trong quan hệ với các phái quân phiệt các địa phương, Tào Tháo chiếm thế có lợi. Không lạ gì trong "Long Trung đối" Gia Cát Lượng đã viết: "100 vạn binh, giữ thiên tử để khống chế chư hầu", khuyên Lưu Bị tạm thời không tranh được thua với Tào Tháo.

Có khác với "Cáo giả oai cọp", "Mượn đề phát huy" là nhờ vào một đề mục nào đó viết để bày tỏ chủ trương chân chính của mình. Nói cách khác, là lấy một sự việc nào đó làm cái cớ rồi dùng hành động thiết thực để đạt đến mục đích dự định. Trong một môi trường quyền mưu nhất định, chủ thể quyền mưu vận dụng thủ đoạn mượn đề phát huy, trước hết cần chú ý là "đề" mượn phải có lợi cho hành động của mình, chí ít là không trở ngại tới hành động của mình. Chỉ có như vậy, chủ thể quyền mưu mới có thể phát huy đầy đủ tác dụng năng động chủ quan của cá nhân.

Thời kỳ sơ Hán, Lữ hậu chấp chính, những người họ Lữ nắm quyền. Chu Hi hầu Lưu Chương mới 20 tuổi, võ nghệ cao siêu và khoẻ, mỗi lần tôn thất mất địa vị thì tỏ ra bất bình. Một hôm, Lưu Chương vào cung hầu tiệc Lữ hậu. Lữ hậu giao cho Lưu ghi chép buổi tiệc (tửu sử) và giám sát bàn tiệc. Lưu xin Lữ hậu cho phép dùng quân pháp để làm nhiệm vụ và được chuẩn tấu. Lúc đó đã ngà ngà say, Lưu múa hát dâng Lữ hậu, hát rằng : "Cày cho sâu, trồng cho dày, mạ mọc phải thoáng xốp, cỏ dại khác giống phải dùng cuốc cuốc sạch đi. " Nghe xong, Lữ hậu lặng lẽ không nói gì. Một lúc sau, một người trong số người họ Lữ say rượu bỏ ra ngoài, Lưu Chương liền đuổi theo, rút kiếm chém, sau đó báo cáo Lữ hậu : "Có một người trốn tránh uống rượu đã bỏ chạy. Thần y theo quân pháp đã chém đầu hắn rồi. Lữ hậu tuy hơi ngạc nhiên, nhưng đã cho phép áp dụng quân pháp, nên không thể trị tội Lưu được.

Trong bữa tiệc rượu buồn lắng này, Lưu đã 2 lần mượn để phát huy : một khúc ca, một vụ giết người, đủ khiến những người họ Lữ không lạnh mà run. Bài ca dao cày ruộng bề ngoài là hát cho Lữ hậu nghe, nhưng thực tế là ám chỉ những người họ Lữ, ví họ như : "cỏ dại khác giống". Vụ giết người này bề ngoài là chấp hành quân pháp trong bữa tiệc, kì thực là thể hiện sự bất mãn cực độ của Chương đối với những người họ Lữ, dẫn đến cố ý giết người. Việc làm này của Chương là hơi quá, song vì Lữ hậu đã cho quyền trước đó, nên những người họ Lữ đành chịu.

Tư Mã Tương Như và Trác Văn Quân yêu nhau, nên đã bỏ Lâm Cùng (nay là Cùng Lai Tứ Xuyên) trốn đi. Là một đại phú hào, Trác Vương Tôn vô cùng tức giận, cho con gái mình uổng bướng, nên không cho một chút của hồi môn nào. Hai vợ chồng Tương Như về Thành Đô, nhà bốn bức tường trống, không lấy gì để sống, lại phải trở về Lâm Cùng. Để làm xấu mặt Trác Vương Tôn, Tương Như bán hết phương tiện đi lại, mở một quán rượu ở đầu phố. Văn Quân đứng bán, như cùng người làm thuê dọn dẹp, cố ý rửa chén bát ngay trước nhà cho mọi người để ý tới. Trác Vương Tôn biết, cảm thấy mất mặt, lại sợ gặp bạn bè, nên không dám bước ra khỏi nhà một bước. Một số người trong họ, bậc bề trên khuyên Trác : "Nay ông chỉ có 1 trai 2 gái, cái thiếu không phải là tiền của ; Văn Quân dù sao cũng là vợ Tương Như rồi tuy hắn nhà nghèo khó, nhưng cũng là nhân tài đáng tin cậy, hà tất phải coi khinh người ta như thế." Trác Vương Tôn nghe theo lời khuyên của mọi người, bất đắc dĩ chia cho Văn Quân hơn 100 kẻ hầu hạ, hàng 100 vạn lạng tiền và rất nhiều thứ lặt vặt khác.

Rất nhiều người biết chuyện về mối tình của Tương Như và Văn Quân, nhưng không ngờ tới họ làm chuyện như vậy để có được chia một phần tài sản của Trác Vương Tôn. Tương Như và Văn Quân trở về Lâm Cùng mở quán rượu, rõ ràng chỉ là bày tỏ tấm lòng thành thật của mình mà tạo ra "đề mục". Từ đó họ luôn làm cho Trác Vương Tôn khó chịu. Người có mặt, cây có vỏ. Trác là phú hào

số 1, số 2 ở Lâm Cùng, sao có thể chịu nổi sự chê cười của người đời. Do đó không thể không thay đổi thái độ đối xử với vợ chồng Tương Như. Có được của cải Tương Như đóng quán rượu, đưa Văn Quân về Thành Đô, mua nhà, tậu ruộng, chẳng bao lâu sống một cuộc đời giàu có.

"Di hoa tiếp mộc" là một loại quyền mưu tương đối điển hình ngoài "36 kế". Ý là : lấy cành của cây có hoa ghép vào cây khác. Ý này thường dùng để so sánh với việc ngấm ngầm thay đổi người hoặc sự vật. Chủ thể quyền mưu dùng thủ đoạn này vừa phải tiến hành theo trình tự "Di", "Tiếp", vừa phải giữ kín để không lộ ý đồ thực của mình. Nếu không sẽ bị thất bại, chịu tai hoạ còn nặng hơn.

Khảo Liệt vương nước Sở không có con nối nghiệp. Tượng quốc Xuân Thân quân Hoàng Yết rất sốt ruột lo lắng. Lý Viên người nước Triệu muốn tiến em gái là Yên Yên cho Khảo Liệt vương, nhưng lại sợ không có con, đã tìm cách đưa vào dinh Hoàng Yết và dâng cho Hoàng Yết. Sau khi Yên Yên mang thai, theo lời dặn của người anh, Yên Yên đã tương kế nói với Hoàng Yết : "Sở vương rất kính trọng chàng thân hơn cả anh em ruột thịt, nên đã để chàng làm tướng quốc chúng ta 20 năm nay. Nay Sở vương không có người nối dõi, 100 năm sau tất sẽ truyền ngôi cho em trai. Lúc đó, vua mới ắt phải trọng dụng thân tín của mình, liệu chàng có còn được yêu quý trong triều nữa không? Hơn nữa, chàng làm việc thời gian lâu như vậy tránh sao được có lúc thất lễ với anh em vua, một

khi ngôi vua thay đổi, rất có thể mang họa chết người. Vậy thì bây giờ thiếp đã có thai và cũng chẳng ai biết, chàng hãy mang thiếp tiến vào cung, Sở vương chắc sẽ vui lòng và nhận làm thiếp. Sau này nhờ trời sinh con trai, tương lai người làm vua nước Sở cũng sẽ là con của chàng. Một là lấy được nước Sở, hai là mang hoạ vào thân, chàng thử xem cái nào tốt hơn?" Hoàng Yết vui vẻ theo kế. Về sau Yên Yên sinh con trai và được lập làm vương hậu. Sau khi Khảo Liệt vương qua đời, cậu con trai đó đã kế vị lên ngôi vua. Lý Viên sợ Hoàng Yết tiết lộ bí mật thuê kẻ giết người, thừa lúc lo tang lễ Khảo Liệt vương, giết Hoàng Yết và cả gia thất. Cuối cùng với tư cách quốc cữu, (cậu vua) Lý Viên thao túng triều chính nước Sở.

Trong câu chuyện quyền mưu này, màn diễn độc ác xấu xa của 2 anh em họ Lý chỉ vì hám quyền khiến lòng dạ đen tối, vô cùng nhục nhã. Còn Hoàng Yết trước đó được người đời xếp vào hàng 1 trong "bốn công tử thiên hạ" nay đầu óc u mê, vô đạo cũng chuốc lấy cái chết, thực cũng đáng tiếc thay. Điều đáng kinh ngạc hơn là cách vận dụng quyền mưu này không chỉ thấy một lần độc nhất. Thời Tần, Lã Bất Vi cho rằng "hàng hiếm có thể đầu cơ" đã cho ra đời Tần Thuỷ hoàng, đến nay vẫn là một ẩn số khó tìm ; thời đầu nhà Thanh cũng có chuyện "Cáo đổi thái tử" nên có Càn Long cũng còn là nghi án treo đó. Những câu chuyện như thế nghe rợn người. Song ai là người có thể bình luận được ba ý nghĩa đó.

III. UYỂN CHUYỂN KHUYÊN CAN

Từ cổ xưa các đế vương thường đa nghi, bạo ngược, buông thả ; bầy tôi tài hoa xuất chúng thì sợ mình kém cỏi ; bầy tôi đức cao được trọng vọng thì sợ âm mưu cướp ngôi ; bầy tôi có binh mạnh thì sợ cát cứ phản loạn. Vì vậy đối với bầy tôi đều có theo dõi, thử thách, nô dịch và đánh đập. Bầy tôi thấy đế vương có gì không hay hoặc lời nói hành động vô lý, không dám nói thẳng, ra sức khuyên can, mà chỉ dùng thủ đoạn uyển chuyển, nghĩa là đi đường vòng để diễn đạt lời mình muốn nói hoặc việc mình muốn làm, để đế vương phần nào tỉnh ngộ, tiến tới hối cải và chuyển biến.

Thời Xuân thu, Yến Anh là một lão thần phục vụ ba đời vua nước Tề : phò tá Linh, Trang và Cảnh công, có nhiều công lao trong giải quyết việc triều chính. Đối với thiếu sót hoặc hành vi sai trái của vua, Yến Anh đều tìm được thời cơ thích đáng, thủng thẳng, qua loa đôi lời không để lộ ý định khuyên can mà lại đạt được mục đích khuyên can.

Tề Cảnh công có chính sách tàn khốc, lạm dụng hình phạt, dẫn đến ngoài đường phố có bán đầy chân giả. Yến Anh thấy vậy rất băn khoăn lo lắng, định góp ý với vua. Đúng lúc Tề Cảnh công lo nhà ở của Yến Anh gần chợ ồn ào, có ý định dời chỗ ở cho Yến Anh. Yến Anh cảm

tạ, đáp : "Bầy tôi trước của quân vương đã ở đây, nay thần không đáng kế thừa sự nghiệp tổ tông, ở thế này cũng là quá rồi. Hơn nữa gần chợ mua bán thuận tiện, đâu dám phiền nhờ bà con xây nhà mới cho thần." Tề Cảnh công cười hỏi : "Ở gần chợ, khanh có nắm được vật giá hiện nay không?" Yến Anh đáp : "Ra vào thuận tiện thế này sao lại không biết !" Tề Cảnh công lại hỏi : "Cái gì đắt? Cái gì rẻ? " Yến Anh thoáng suy nghĩ rồi trả lời : "Chân giả đắt, giầy dép rẻ". Tề Cảnh Công biết là nói mình lạm dụng hình phạt, làm cho phạm nhân tàn phế, nên đã lệnh giảm nhẹ hình phạt.

Yến Anh thật là người có tâm. Thông qua vài ba câu nói đã đề cập đến cả chỗ ở, thị trường, vật giá và hình phạt cùng một lúc. Tề Cảnh công tuy kính trọng Yến Anh, nhưng trong lúc vua đang quan tâm đến bản thân mà Yến Anh khuyên can ngay vua không nên lạm dụng hình phạt, e rằng trong lòng hai vua tôi sẽ không thoải mái, không khéo có thể làm cho Tề Cảnh công nổi nóng, lòng tốt chẳng bõ. Yến Anh đã không phạm tội "dốt" : Trong khi vua tôi đối thoại, ông nói "Chân giả đắt, giày dép rẻ" là muốn ám chỉ dân chúng bị xử quá nặng, hiện tượng bị chặt chân quá nhiều, hành vi lạm dụng hình phạt cần bãi bỏ. Tề Cảnh công là ông vua có kế sách lẽ nào lại không hiểu được ẩn ý trong câu nói của Yến Anh?

Phàm khi trong lòng vua thanh thản, bầy tôi khuyên can điều gì còn dễ. Khi vua tâm trí bất an mà khuyên can không phải dễ. Con người ta khi nóng giận, thường

mất lý trí, tự ý làm, không nghe lời khuyên can của người khác, rất dễ hiểu lầm người khuyên can, thậm chí cái xẩy nẩy cái ung, chuyện nhỏ thành chuyện lớn. Tề Cảnh công mắc bệnh ghẻ lở, một năm trời chữa không khỏi, trong lòng rất bực dọc, liền triệu các cận thần tới và nói : "Vì mắc bệnh trẫm đã cử 2 viên quan tới Sơn Xuyên tông miếu tế thần ; đồ lễ mang đi còn nhiều hơn tiên quân ; hàng năm tế lễ so với tiên quân, cũng nhiều hơn một lần. Nhưng bệnh không những không thuyên giảm, ngược lại còn nặng hơn. Trẫm định giết những viên quan ấy đi để trời vui và ban phúc. Các khanh thấy có được không? " Yến Anh nghe thấy thất kinh, lặng thinh không nói gì. Tề Cảnh công lại dục nói ; Yến Anh đã có chuẩn bị, lên tiếng hỏi lại : "Bệ hạ thấy cúng tế có lợi gì không?" Tề Cảnh công gật đầu, nói có. Yến Anh nói tiếp : "Nếu cho là có lợi, thế thì chửi mắng sẽ có hại. Trước mắt, người trong nước trách oán bệ hạ, người nguyền rủa bệ hạ, lên tới trời rất nhiều, mà chỉ có 2 người cúng lễ cho bệ hạ. Dù là người rất sành cúng lễ cũng không có cách nào thắng nổi số người nguyền rủa nhiều như vậy. Lại nữa, khi cúng mà nói thẳng nói thật là phải phỉ báng bệ hạ ; nếu dấu diếm nói lầm là lừa dối trời. Nếu trời linh thiêng thì không thể lừa được. Nếu trời không có tri giác thì cúng lễ cũng vô ích. Mong bệ hạ suy nghĩ cho kỹ." Tề Cảnh công nghe xong, bỗng tỉnh ngộ, thân chinh đội mũ lễ phục cho Yến Anh và giao chính sự nước Tề cho Yến Anh.

Những lời nói trên thật có sức mạnh. Yến Anh lấy việc Tề Cảnh công thừa nhận cúng lễ có lợi làm tiên đề, nêu ra quan điểm nguyền rủa là có hại một cách hết sức tự nhiên, so sánh giữa cúng lễ và nguyền rủa để nói rõ người phụ trách cúng lễ quá ít, lại không thể đem tình hình thực tế tâu trời, do đó có làm gì đi nữa cũng đều vô dụng. Nói vậy có ý là 2 viên quan nọ không có tội. Những lời nói trên, Yến Anh đã suy nghĩ kỹ. Mục tiêu là giải thích vấn đề cúng lễ nhưng phải nói nhiều về sự nguyền rủa để đối chiếu ; muốn bào chữa cho 2 viên quan nọ lại phải nói tới số người nguyền rủa rất nhiều. Thực tế là trong thẳng có cong, trong cong có thẳng. Có lẽ chỉ có như vậy mới dễ dàng khiến Tề Cảnh công bỏ được lối nghĩ sai lầm của mình, tránh được một vụ thảm sát.

Có một người nước Tề do bất cẩn đã làm Tề Cảnh công nổi giận. Do nhất thời mất bình tĩnh Tề Cảnh công lệnh tả hữu trói người kia đưa đến trước điện, đánh 8 trượng cho hả giận.

Chúng thần không ai dám ra khuyên can, chỉ có Yến Anh bước ra, tay trái túm tóc phạm nhân, tay phải cầm dao. Ông một mặt mài dao làm ra vẻ giận dữ như muốn tự tay mình chém, một mặt như có điều suy nghĩ, ngửa mặt lên trời thở dài rồi nói với Tề Cảnh công : "Hình phạt này thánh vương cổ đại hình như cũng hay dùng, rốt cuộc được bắt đầu sử dụng từ triều đại nào? " Tề Cảnh Công nghe xong, hiểu ý, biết Yến Anh thấy mình nhất thời bực bội, không dám nói thẳng mà dùng cách này để

phúng dụ mình, liền huỷ bỏ lệnh đánh 8 trượng và tha người nọ.

Yến Anh có trí biết bao ! Một câu hỏi đã kéo được Tề Cảnh công ra khỏi cơn giận dữ, cứu được tính mạng người nọ như cá đã nằm trên thớt. Trong khi đó chúng thần khiếp sợ trước sự giận dữ của Tề Cảnh công, muốn nói cũng không dám hé răng. Chỉ có Yến Anh dám xuất đầu lộ diện, khuyên can Tề Cảnh công, thể hiện sự dũng cảm mưu trí. Song mấu chốt sự việc Yến Anh khuyên được Tề Cảnh công huỷ bỏ lệnh là ở chỗ thuận với tinh thần và tâm lý của Tề Cảnh công. Ông một mặt làm ra vẻ giận dữ, về bề ngoài cũng giống Tề Cảnh công : mặt khác dựng lên lá cờ của thánh vương cổ đại, nói chuyện vốn không có thành "hình như cũng hay dùng". Khiến Tề Cảnh công rơi vào tình trạng có muốn làm thánh vương hay không. Tề Cảnh công không ra khỏi được vòng tròn ấy, đã muốn thể hiện sự anh minh như thánh trước mặt quần thần thì không thể không huỷ bỏ lệnh. Yến Anh không trực tiếp minh oan cho phạm nhân, mà hỏi nguồn gốc của hình phạt để gián tiếp bênh vực phạm nhân. Chiêu này xem ra cũng có hiệu quả. Về chuyện này có người bình luận nói : "Khuyên can của Yến Anh bóng gió nhiều mà nói thẳng ít, gần như ông tổ hoạt kê vậy."

Có lẽ sớm hơn trước Yến Anh một chút, ở nước Sở có một kép hát nổi tiếng tên gọi Ưu Mạnh, người cao 8 thước, nói hay làm giỏi. Anh ta bắt chước kỹ xảo diễn

kịch, thường dùng lối phóng dụ khuyên can những người hay giận dữ, là một trong những nhà hoạt kê nổi tiếng nhất đương thời.

Sở Trang công rất quý ngựa, đã từng may áo thêu hoa cho 1 con ngựa quý mặc, ở nhà tráng lệ, nằm giường đệm, nuôi bằng mứt táo. Về sau con ngựa béo quá chết. Sở Trang vương lệnh quần thuân tổ chức tang lễ cho ngựa, quan quách như quan đại phu. Các quan đại thần tả hữu khuyên ngăn Sở Trang vương không nghe, ra lệnh : "Ai còn dám khuyên can trẫm sẽ chịu tội chết". Ưu Mạnh biết chuyện liền vào cung, ngửa mặt lên trời khóc lớn. Sở Trang vương rất kinh ngạc bèn vội hỏi tại sao lại khóc. Ưu Mạnh nói : "Con ngựa này là vật yêu quý của đại vương, đường đường nước Sở việc gì mà chẳng làm được ; đám ma ngựa mà chỉ dùng nghi lễ mai táng 1 đại phu thì quả là thấp quá, nhạt nhẽ quê mùa quá. Xin bệ hạ dùng nghi lễ quân vương vậy". Sở Trang vương hỏi : "Mai táng thế nào? " Ưu Mạnh đáp : "Dùng ngọc thạch đẽo quan tài, gỗ tế tử làm quách, võ sĩ mặc giáp trụ đào mồ, mời quan khách nước Tề, nước Triệu bồi tế, bậc khanh, khách Hàn, Nguỵ đứng sau ; sau đó theo như nghi lễ tế thái miếu, dùng trâu, dê, lợn làm tế phẩm, rồi lệnh vạn hộ trông nom nhà ngựa, để ngựa quanh năm được hưởng hương khói cúng lễ. Các chư hầu biết tin này họ sẽ hiểu đại vương coi thường người, coi trọng ngựa đến mức nào." Sở Trang vương nghe xong, thấy hơi hổ thẹn, nói : "Sai sót của trẫm nghiêm trọng đến thế ư? Vậy làm thế nào? " Ưu Mạnh đáp :

"Theo thần thì cứ theo cách làm đối với gia súc thông thường. Dùng bếp lửa thay quách, máng đồng làm quan tài, cho thêm giềng hoa mộc lan, thêm hút gạo, lửa thay quần áo, rồi táng vào bụng mọi người cho xong việc". Sở Trang vương liền gọi người mang ngựa giao cho nhà bếp. Thật là một chàng kép hát linh hoạt, mưu trí, đối đáp có kế sách, nói rõ trắng đen vượt cả quần thần trong điều kiện lệnh vua đã ban, không được phép thay đổi, Ưu Mạnh khuyên can qua 3 bước : trước hết, ngửa mặt lên trời khóc tại cung điện để thu hút sự chú ý của Sở Trang vương. Đây là bước tranh thủ cơ hội để khuyên can. Một kép hát muốn khuyên can vua mà không có hành động khác thường thì không ai để ý tới. Ưu Mạnh hiểu rất rõ điều này. Tiếp đó Mạnh trình bày rõ nguyên nhân khóc là dùng nghi lễ mai táng đại phu là quá thấp, chỉ bằng dùng nghi lễ táng vua để phát tang ngựa yêu. Đây thực chất là thủ đoạn tách nhập "Muốn thu hẹp phải bành trướng" "Muốn phá bỏ phải dựng lên". Vua Sở tuy yêu quý ngựa, nhưng dùng nghi lễ đối với vua để chôn ngựa, xem ra là quá đáng. Nước lên thuyền lên, Ưu Mạnh đã đẩy mệnh lệnh chôn ngựa của vua vốn đã hoang đường lên mức hoang đường hơn, mà nghĩ lại Sở Trang vương cũng không tán thành. Sau khi vua đã nhận ra chỗ sai của mình, Ưu Mạnh tiến thêm bước nữa nêu rõ tại sao không thể dùng nghi lễ đối với đại phu để chôn ngựa : chư hầu qua việc làm coi trọng ngựa, coi thường người của vua tất sẽ chê cười. Phải thấy rằng, Sở Trang vương là người có hoài bão lớn, vẫn muốn

làm bá Trung Nguyên sao chịu để các chư hầu chê cười. Vì vậy, qua lời khuyên can của Ưu Mạnh, Sở Trang vương chỉ còn cách thay đổi ý định cũ.

Dưới ngòi bút của sử gia, trong màn kịch hoạt kê của Ưu Mạnh, ngoài tích "Khóc ngựa" ra, còn có một tích khác cũng để lại nhiều dư vị. Màn kịch này ghi trong "Hoạt kê liệt truyện". Chúng tôi xin dẫn lại :

Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn nước Sở, đã phò tá Sở Trang vương giành được ngôi bá chủ, rất được triều đình kính trọng. Nhưng sau khi ông qua đời, người con là Tân An từ quan về quê làm ruộng sinh sống ; đời sống thiếu thốn đến manh áo lành cũng không có. Ưu Mạnh biết tin, trong lòng rất không phục, liền học cách ăn mặc, ngôn ngữ, cử chỉ của Tôn Thúc Ngao lúc sống, tập đi tập lại. Đương nhiên ông đã đóng giả Tôn Thúc Ngao như thật. Một hôm, Sở Trang vương mở tiệc trong cung đình, đòi Ưu Mạnh vào giúp vui. Ưu Mạnh tươi cười nói : "Hôm nay bầy tôi xin diễn 1 tiết mục mới hầu đại vương". Nói xong, ông cho vai diễn đóng vai Sở Trang vương ra sân khấu. Diễn viên này làm vẻ tưởng nhớ Tôn Thúc Ngao, cảm khái nói : "Tôn Thúc Ngao, khanh đến lúc nhắm mắt vẫn không quên đất nước, thật hiếm có, chỉ phải trẫm không có phúc phận, để trời cướp mất khanh, đáng tiếc biết bao !" Sở Trang vương nghe không cầm nổi nước mắt. Lúc này Ưu Mạnh đóng giả Tôn Thúc Ngao bước ra. Sở Trang vương thoạt nhìn đã lên ngay sân khấu không kể lễ nghi, túm, kéo Ưu Mạnh. Ưu Mạnh vội giải thích là

mình đóng giả. Song Sở Trang vương vẫn nói : "Dù giả hay thật, trẫm phong khanh làm đại phu". Ưu Mạnh từ chối và nói nếu làm thì làm quan ăn bẩn (ý nói tham ô, hối lộ. Sở Trang vương rất ngạc nhiên hỏi : xem thế là thế nào. Lúc này Chu Mạnh mới cởi bỏ mũ mã, hát : "Tham quan ô lại thật vinh hiển, con cháu không nghèo túng, hưởng không hết mỡ, thịt dân lành. Vì việc quên chuyện riêng là chết dở. Chỉ cần nhìn lệnh doãn Tôn Thúc Ngao, khổ hạnh một đời, chết đi gia cảnh tiêu điều, con cháu khổ cực, không chỗ nương thân, không người nương tựa. Ta khuyên người không cần làm quan thanh liêm, hãy làm tham quan ô lại tốt hơn !" Sở Trang vương nghe xong, khổ tâm, liền sai Ưu Mạnh tìm Tôn An tới, theo di chúc của Tôn thúc Ngao, phân đất cho Tôn An.

Nói lên sự bất bình của người khác vốn là chuyện phiền phức, khó có kết quả. Nhằm vào vua nói lên sự bất bình của người khác lại càng khó có kết quả, thậm chí còn có nguy cơ mất đầu. Ưu Mạnh nói lên sự bất bình của Tôn An trước mặt vua, xem ra cũng mất nhiều tâm sức. Ông đã phải tập luyện hàng trăm lần, chuẩn bị một tiểu phẩm tuyệt mỹ với sự xuất hiện cả vua lẫn tôi trên sân khấu. Sau khi vai vua than vãn xong, Sở Trang công đã bị vai diễn thu hút. Ưu Mạnh vừa ra sân khấu, do hoá trang và địa bộ giống Tôn Thúc Ngao như thật, làm cho Sở Trang vương tưởng thật, nhất quyết đòi phong quan cho Ưu Mạnh, từ đó đẩy vở diễn tới cao trào Ưu Mạnh không để mất thời cơ, mượn ý "Làm quan ăn bẩn", một

mạch kể chuyện Tôn Thúc Ngao làm quan thanh liêm chỉ dẫn tới kết cục là con cháu nghèo túng không ai giúp đỡ, nêu lên hoàn cảnh bất hạnh hiện tại của Tôn An. Đến lúc này, ta thấy một người sáng suốt như Sở Trang vương, mắt thấy chuyện cũ diễn ra trước mắt, rất khổ tâm, sao có thể không tiếp thu những lời phúng dụ của Ưu Mạnh, quan tâm tới hậu duệ của Tôn Thúc Ngao?

So sánh với phúng dụ khuyên can, tự mình cảnh giác, sáng suốt giữ mình cũng không phải là việc dễ. Phàm những người chỉ biết làm quan, sao cho vinh quang phú quý uy phong mọi chốn, khi gặp ông quan to hơn thì cũng trở thành nô tài, vò tai cúi đầu mà thôi. Trên vũ đài chính trị truyền thống, các đế vương phong kiến là vị quan tối cao, thao túng quyền lực giết, hành tội, cướp đoạt của bầy tôi. "Vua lệnh bầy tôi chết, bầy tôi không thể không chết" cũng như "Cha bảo con chết, con không dám không chết", tất cả đều trở thành quy phạm thép mọi người phải tuân thủ trong một thời kỳ dài. Từ cổ chí kim, rất nhiều bầy tôi khi còn sống được triều đình ưu ái, nhưng khi chết, không được một câu ca ngợi ; nhiều khi sống được phong chức vượt 3 châu 4 bể công thành, khi chết không được 1 vốc đất ; thậm chí nhiều người có công lập nghiệp đế, ngược lại, bị tai hoạ khôn lường. Lịch sử luôn lặp lại, để lại không ít tấm gương soi. "Bầu bạn với vua như bầu bạn với hổ". Về sau mỗi hành động, lời nói của bầy tôi đều phải thận trọng, cẩn thận nghiêm túc, "như đứng trước vực sâu, như đi trên băng mỏng." Trong những trường hợp đặc

biệt, họ muốn được đế vương phong kiến thông cảm, tín nhiệm và trọng dụng, không thể không suy nghĩ, tìm cách nọ kiểu kia. Chính lúc này là lúc vận dụng quyền mưu, nhưng không nên quá lộ liễu, mà phải vòng vo, uyển chuyển mới có thể bày tỏ được ý định của mình.

Vương Chính nước Tần muốn thống nhất thiên hạ đã tập trung 60 vạn đại quân, giao cho đại tướng Vương Tiễn làm thống soái đi đánh Sở. Trước khi xuất quân, Vương Tiễn xin Doanh Chính thưởng cho mình điền trạch hào hạng gần Lạc Dương. Doanh Chính ưng thuận. Quân Tần vừa tới Hàm Cốc quan, Vương Tiễn lại cử người về xin Doanh Chính cấp vườn uyển. Bộ tướng Mông Vũ cho là quá đáng, khuyên Tiễn không nên. Vương Tiễn khẽ bảo Mông Vũ : "Đại vương ngang ngược mà đa nghi, nay giao cho ta thống soái 60 vạn quân Tần, trên thực tế là giao vận mệnh quốc gia cho ta. Sở dĩ ta xin nhiều điền trạch, vườn uyển, một là, thêm tài sản cho con cháu, hai là, giảm bớt sự nghi kỵ của đại vương đối với ta ; nếu không e rằng rất nguy hiểm". Doanh Chính thấy Vương Tiễn xin nhiều điền trạch và vườn uyển, vui vẻ thoả mãn yêu cầu của Tiễn, và càng yên tâm hơn đối với Tiễn. Vương Tiễn xin ruộng để làm tiêu tan sự nghi ngờ, có thể vi thông tuệ như thần. Không chỉ có Vương Tiễn, trong giai đoạn lịch sử thời kỳ đầu nhà Hán, Tiêu Hà muốn được Lưu Bang hiểu và tín nhiệm, đã nhiều lần diễn lại vở Vương Tiễn. Cũng như Vương Tiễn, Tiêu Hà suy nghĩ rất nhiều, thậm chí còn hơn thế.

Thời Sở Hán, Tiêu Hà được Lưu Bang giao trách nhiệm tổng quản mọi việc chính sự ở Quan Trung. Khi Lưu Bang và Hạng Vũ giằng co gay gắt tại Huỳnh Dương, Lưu Bang nhiều lần phái sứ giả đến uý lạo Tiêu Hà. Có người tên Bào Sinh nói với Tiêu Hà : "Hán vương ăn ở ngoài dã ngoại mà vẫn thường xuyên cử người về thăm hỏi ông là có ý hoài nghi ông đó. Chi bằng ông xem trong số bà con họ hàng có ai có thể đi trận được, đưa hết lên tiền phương chiến đấu. Như vậy, Hán vương sẽ càng tin ông hơn." Tiêu Hà nghe theo lời khuyên của Bào Sinh, đưa con cháu, anh em mình đi theo Lưu Bang chiến đấu. Từ đó Lưu Bang đã bỏ được mối nghi ngờ đối với Tiêu Hà.

Trong câu chuyện này, Tiêu Hà và Bào Sinh đều là chủ thể quyền mưu, một người có kế sách, biết suy tính, 1 người sáng suốt nhận ra lí lẽ, xử thế có chủ kiến. Hai người hợp lại thành một đã lừa được Lưu Bang túc trí đa nghi.

Thời Sở Hán, Lưu Bang đang trên đường chinh phạt Trần Hi, nghe nói Hoài Dương hầu Hàn Tín mưu phản không thành, bị Tiêu Hà và Lữ hậu diệt, liền cử sứ giả về phong Tiêu Hà làm tướng quốc, quản 5000 hộ, đồng thời cử 1 viên đô uý chỉ huy 500 lính làm đội bảo vệ tướng quốc. Trần Bình nghe tin liền nói với Tiêu Hà : "Hoạ của ông là khởi đầu từ đây. Hoàng đế chỉ huy quân ở ngoài, ăn ở ngoài trời, còn ông ở nhà giữ kinh thành, không biết mũi tên hòn đạn là gì, thế mà lại phong sắc cho ông, lại có cả đội bảo vệ. Đó là do chuyện Hàn Tín mưu phản

không thành, làm cho hoàng thượng hoài nghi ông. Tôi mong ông khước từ phong sắc, cố đem tài sản trong nhà ra quyên giúp binh sĩ. Làm như vậy hoàng thượng mới vui." Tiêu Hà nghe Trần Bình. Quả nhiên đổi lại được niềm vui của hoàng thượng.

Câu chuyện này và câu chuyện trước gần giống nhau, khác là ở đây Tiêu Hà ở vào hoàn cảnh bất lợi hơn : Lưu Bang trực tiếp cử người giám sát và bảo vệ thay cho việc theo dõi ngầm trước đó. Vai trò chủ thể quyền mưu đã thay đổi : Trần Bình thay Bào Sinh ; thủ đoạn đối phó Lưu Bang của Tiêu Hà cũng khác : dốc hết hầu bao nguyện giúp quân sĩ, thay cho việc gửi anh em, con cháu đi chiến đấu. Dù có 3 điểm khác, song hành động, động cơ và kết quả của 2 phía quyền mưu gần như hoàn toàn giống nhau.

Lưu Bang sau khi bình định bọn phản loạn không lâu, lại đi tiễu phạt Kình Bố. Trên đường tiến quân, Lưu nhiều lần cử sứ giả về Tràng An thăm hỏi Tiêu Hà đang làm gì. Tiêu Hà ở hậu phương phủ dụ dân chúng, tận lực dốc của cải chi viện quân đội như khi Lưu Bang đi tiễu trừ Trần Hi. Có vị thuyết khách thấy vậy, nói với Tiêu Hà : "Không lâu ngài sẽ bị giết cả họ. Ngài là tướng quốc, công lao hàng đầu, lẽ nào lại có thể bị gia hình nữa sao? Từ khi tiến vào Quan Trung, ngài đã chinh phục được lòng dân, nay vẫn tận tuỵ làm việc, không biết mệt, khiến dân chúng đều tin phục. Hoàng thượng đã nhiều lần dò hỏi hành động của ngài, sợ uy tín ngài quá cao dân chúng Quan Trung cảm phục. Do đó, sao ngài không dùng phương

pháp bắt dân bán giá rẻ, thu mua điền thổ để huỷ hoại thanh danh mình? Làm như vậy hoàng thượng sẽ yên tâm." Tiêu Hà làm theo. Quả nhiên Lưu Bang hay tin, rất phấn khởi.

Lời nói của thuyết khách đã bộc lộ một mặt quan hệ vua tôi trong đời sống chính trị truyền thống : bầy tôi mà công tích quá cao, có khả năng bị tai hoạ thảm khốc. Tiêu Hà là người hết lòng vì dân, cẩn trọng, sau khi nghe thuyết khách nói, trong lòng lo sợ như lửa đốt, nên không thể không theo con đường tự làm hoen ố thanh danh để tự cứu, khiến tiếng thơm bao năm để lại trong lòng dân phút chốc tan biết. Xem ra, đây là thủ đoạn sáng suốt giữ mình, là bi kịch cá nhân khiến người đời phải suy nghĩ kỹ.

Trong hàng tể tướng trong lịch sử Trung Quốc, về mặt chính trị thì Tiêu Hà nổi trội hơn, biểu hiện xử lý trong quan hệ vua tôi cũng tương đối nổi. Vì vậy, chúng tôi không tránh được sự ngờ vực, khi dẫn ra 3 mẩu chuyện phản ánh cách xử lý vướng mắc trong lòng trong quan hệ giữa Tiêu Hà với Lưu Bang. Từ đây có thể rút ra một điều chung là : bầy tôi tuy bị nghi kị cũng không thể trực tiếp thanh minh tại chỗ được, vì càng muốn thanh minh rõ, càng thanh minh không rành mạch. Cho nên bầy tôi thông minh chỉ còn cách vòng vo, dùng phương thức gián tiếp để bày tỏ lòng trung thực của mình trước vua. Điều đó chứng tỏ làm bầy tôi phải được vua thông cảm và tín nhiệm nên không trải qua khổ tâm tính toán thì khó mà đạt được, vì vậy chúng tôi nói : 1 bộ sử chính trị truyền

thông Trung Quốc, nói ở khía cạnh chính, chỉ có thể coi là 1 bộ sử về quan hệ giữa đế vương khanh tướng các triều đại.

Chương 10
THUẬN VÀ NGHỊCH

Thuận tức là thích ứng, thuận theo ; Nghịch là chống đối, phản lại, không theo. Hai mặt này cấu thành hiện tượng thống nhất đối lập, tương đối phổ biến trong mọi hoạt động con người, mọi nơi mọi lúc đều có. Vì vậy chúng tôi coi nó là một trong những phạm trù mâu thuẫn cơ bản nhất của quyền mưu.

Đại để cùng có ích thì thân, cùng tổn hại thì sơ nhạt, cùng có lợi thì hoà hợp, cùng có hại thì gây gổ. Trong một môi trường quyền mưu nhất định, là chủ thể quyền mưu muốn xử lý tốt quan hệ thuận nghịch, phải tự giác nhận thức rõ điểm này, tiến tới hiểu rõ đặc điểm và xu hướng của khách thể quyền mưu. Đó là tiền đề vận dụng quyền mưu. Căn cứ đặc điểm và xu hướng khác nhau của khách thể quyền mưu, chủ thể quyền mưu dù áp dụng thủ đoạn thuận hay nghịch đều có thể đối xử tuỳ đối tượng

và có mức độ. Hoặc quan hệ qua lại trên cơ sở đạo đức, hoặc học thuật, hoặc bè đảng, hoặc tiền tài, hoặc sắc đẹp. Vì những điểm này, phù hợp với phẩm cách, tu dưỡng và ý muốn của khách thể quyền mưu, nên chủ thể quyền mưu dù làm một việc gì, bàn luận điều gì có thể "muốn vào thì vào, muốn ra thì ra, muốn thân thì thân, muốn sơ thì sơ, muốn ở thì ở, muốn đi thì đi", đạt tới hiệu quả làm chơi ăn thật.

I.THUẬT PHÁT NGÔN CỦA QUỶ CỐC TỬ

Tương truyền Quỷ Cốc Tử là ông tổ của Tung hoành gia. Sách "Quỷ Cốc tử" là trước tác kinh điển của Tung hoành gia. Cuốn sách chủ yếu thảo luận về những hoạt động du thuyết, hiến kế. Quỷ Cốc tử nhằm vào đặc điểm bản thân của hoạt động du thuyết, hiến kế và những vấn đề mà ông gặp, nêu ra và luận giải rõ ràng "Thuật lượng nghi phát ngôn"

"Nghi" là gì? Theo Quỷ Cốc tử, đó là thời cơ và trường hợp có lợi cho mình nhờ "lượng quyền" và "suỷ tình". "Lượng quyền" tiến hành trên nhiều mặt : "tính toán to nhỏ, mưu cầu nhiều ít, cân nhắc của cải có hay không , bao nhiêu người, địa hình hiểm trở hay không, phân biệt sự thân sơ giữa vua tôi, xem hoạ phúc trời đất." Tóm lại, khảo sát khách thể quyền mưu nhất thiết phải tỉ mỉ, chu đáo. Còn "suỷ tình" là "khi người ta vui nhất phải đáp ứng mong muốn của họ ở mức cao nhất, người ta có mong muốn thì

không thể giấu được tình cảm ; khi người ta sợ hãi nhất : thì đáp ứng cao nhất cái xấu của họ, người có ý xấu thì không thể cho giấu được tình cảm". Tình hình mỗi người đều thay đổi tuỳ theo tâm trạng. Do đó, chỉ khi nào tâm trạng người ta bộc lộ đầy đủ, chủ thể quyền mưu mới hiểu hết tính tình thực của họ.

Nội dung "Thuật lượng nghi phát ngôn" tương đối phong phú. "Nguỵ Cốc tử" có bàn nhiều về điểm này. Thí dụ nói : "Thuyết phục vua phải nói điều mới lạ, với bầy tôi phải nói tới tư lợi". Đó là vì nói điều mới lạ với vua có thể lập nên công trạng lớn ; nói tới tư lợi với bầy tôi, có thể bảo toàn tính mạng. Lại như : "Chớ gáp ép cho người điều người ta không muốn, chớ dạy điều người ta không biết" vì 2 cách làm này trái với lẽ thường tình cảm của con người, nên khó đạt được mục đích dự định. Lại nữa, "Nói với bậc trí giả, dùng lời lẽ uyên bác ; nói với bậc uyên bác, dùng biện luận ; nói với nhà biện luận, dùng những điều cốt lõi ; nói với kẻ quyền thế, dùng thế ; nói với kẻ giàu sang dùng sự cao thượng ; nói với người nghèo, dùng lợi ; nói với kẻ hèn, dùng khiêm nhường ; nói với người dũng cảm, dùng can đảm ; nói với người có chí tiến thủ, dùng sự sắc bén". Hầu như đã khái quát hết những yếu lĩnh tiến hành hoạt động du thuyết, khuyên ngăn.

Quan niệm, truyền thống cho rằng "Trong chiến tranh trước phạt mưu, thứ đến phạt giao". Thực ra, "phạt giao" cũng là "phạt mưu". Trong chiến tranh thông qua "phạt giao" làm tan rã phân hoá đồng minh quân sự của kẻ thù,

làm sao xử lý tốt quan hệ thuận và nghịch, mới có thể thành công mỹ mãn.

Thời Xuân Thu, 2 nước Tần và Tấn liên kết đánh nước Trịnh, tiến gần chân thành, nước Trịnh rất nguy ngập. Trịnh Văn công bèn xử Chúc Tri Vũ đi thuyết phục Tần lui quân. Chúc lợi dụng đêm tối tụt xuống tường thành, chạy đến trước trại quân Tần, khóc rống lên. Tần Mục công vội cho người bắt giữ lại. Chúc Chi Vũ vào trại quân, thôi khóc, trịnh trọng bẩm Tần Mục công : "Lão thần khóc Trịnh cũng là khóc Tần, bởi lẽ, nước Trịnh bị diệt vong là khó tránh, không có điều gì đáng tiếc, mà là tiếc cho nước Tần !" Vua Tần có phần không hiểu. Chúc nói tiếp : "Tần Trịnh 2 nước xa nhau hàng nghìn dặm, ở giữa có nhà Chu và nước Tấn nay bệ hạ và Tấn quốc hợp binh định diệt Trịnh, xin hỏi quý quốc được lợi gì? Có thể nhảy qua nhà Chu và Tấn quốc để chiếm lấy 1 tấc đất của Trịnh chăng? Hơn nữa, 2 nước Tần Tấn sức lực tương đương, nay nếu Tấn chiếm được phần đất nào của Trịnh thì sức mạnh sẽ vượt Tần. Nước Tấn xưa nay nói không thể tin được, đã mở đất về phía đông để diệt Trịnh thì cũng có thể mở đất về phía tây để đánh Tần. Bệ hạ không thấy kinh nghiệm lịch sử Giả đạo phạt Quắc đó sao? Tần mục công nghe xong, bừng tỉnh, liền liên kết ngay với Trịnh, cử 3 tướng sang giúp Trịnh giữ thành, rồi lặng lẽ rút quân về nước. Quân tướng Tấn thấy vậy, tự thấy 1 tay vỗ khó kêu, đành bãi bỏ bao vây Trịnh, rút quân về nước.

Chúc Chi Vũ khóc lui được quân Tần, khéo nắm bắt mâu thuẫn cơ bản về lợi ích giữa 2 nước Tần Tấn, bắt đầu từ sự quan tâm tiền đồ nước Tần, thừa thế dễ dàng kéo đồng minh của Tấn về phía nước mình. Trong tình hình ấy mà Chúc Chi Vũ lại cầu xin quân Tần thì chỉ chứng tỏ sự hèn yếu của Trịnh, không chịu nổi một đòn ; nếu trách mắng gay gắt quân Tần sẽ làm cho đối phương nổi giận, khiến họ càng ra sức đánh Trịnh. Xem ra, cách ứng xử của Chúc vẫn là lối thoát duy nhất có thể áp dụng. Đứng về quyền mưu học mà xét, Chúc Chi Vũ không khóc thì Tần Mục công sẽ không để ý tới ; không có sự phân tích của Chúc thì Tần Mục công sẽ không thay đổi ý định, rút quân về nước. Ở đây Chúc Chi Vũ đã hoàn toàn kết hợp phương thức truyền đạt và nội dung truyền đạt của quyền mưu làm một, lời nói, cử chỉ đều không để lộ dấu tích thực hiện quyền mưu, có thể nói kín như bưng vậy.

Thời Chiến quốc, các đại phu nước Tấn xảy ra tranh chấp, Tri Bá bức 2 nhà Hàn Ngụy đánh Triệu. Triệu Tương Tử giữ Tấn Dương (nay nà nam Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) chống lại 3 nhà Trí, Hàn, Ngụy đã hơn 1 năm. Trí Bá dẫn nước làm ngập thành, uy hiếp tới tính mạng họ Triệu. Trong hoàn cảnh nguy cấp, Triệu Tương Tử, sau khi phân tích kỹ, cử Trương Mạnh Đàm nửa đêm ra khỏi thành, đến thăm trại Hàn và Ngụy. Trương gặp Hàn Khanh Tử trước, trình bày rõ lợi hại, nói : "Trí Bá bức các vị đánh Triệu, ý đồ rất thâm độc, một khi hạ xong thành Tấn Dương, sớm muộn sẽ chuyển sang đánh các người.

Đó là cách bẻ từng chiếc. Nay các ngài và Triệu tàn sát lẫn nhau, môi hở răng lạnh, cuối cùng rồi các ngài cũng chẳng may mắn gì. Vì vậy chi bằng các ngài liên minh với Triệu, thừa lúc Trí Bá không đề phòng, ta phá đê cho nước chảy ngược vào trại quân họ, rồi thúc quân đánh vào ắt đại phá họ Trí. Sau đó 3 nhà chúng ta cùng phân chia đất của họ, há chẳng phải thượng sách sao? Hàn Khang Tử ngẫm nghĩ cho là phải và chấp thuận. Tiếp đó cũng lí do ấy Trương đến thuyết phục Nguỵ Hoàn Tử. Cuối cùng đê bị phá nước tràn ngập đại doanh họ Trí. Triệu cùng 2 nhà Hàn và Nguỵ tiêu diệt Trí Bá, chia nhau đất đai, từ đó hình thành cục diện "3 nhà chia đất Tấn".

Trong chuyện này, cũng như Chúc Chi Vũ, Trương Mạnh Đàm cũng nắm vững lợi ích chung của 3 nhà Triệu, Hàn, Nguỵ và sự xung đột mâu thuẫn giữa họ với họ Trí để thuyết phục Hàn Khang Tử và Nguỵ Hoàn Tử. Hàn, Nguỵ và Triệu đã là quan hệ "như môi với răng" thì 2 nhà Hán, Nguỵ có lý do gì mà theo Trí Bá tiến đánh Tấn Dương. Đã rõ ý đồ của Trí Bá là muốn thôn tính dần 3 nhà Triệu, Hàn, Nguỵ thì Hàn, Nguỵ phải đứng về phía họ Triệu để tiêu diệt kẻ thù chung. Giữa Hàn Khang Tử và Nguỵ Hoàn Tử với Trí Bá vốn đã có dạn nứt, lại bị Trí Bá bức đánh Triệu, nay nghe Trương Mạnh Đàm nói, liền liên kết với Triệu Trương Tử, đó là lẽ đương nhiên.

Thời Xuân thu, Yến Anh là nhà ngoại giao xuất sắc, từng sang thăm nước Sở. Trong thời gian ở Sở, đứng trước những trường hợp gay cấn do vua tôi nước Sở cố ý bày

đặt ra, Yến Anh vẫn ung dung tự tại, đẩy những vấn đề có tính chất hoang đường do đối phương nêu ra lên tới mức cực hoang đường, rồi cuối cùng lại quay về bàn nói chuyện đạo lí, khiến vua tôi nước Sở lần nào cũng tự chuốc lấy phiền muộn, không thể không thay đổi bộ mặt khác, bày tỏ sự kính trọng đối với Yến Anh. Dưới đây xin nêu một chuyện :

Thời Tề Cảnh công, Yến Anh đi sứ sang nước Sở, vua tôi nước Sở cố ý muốn làm nhục Yến Anh để tỏ rõ oai phong của mình. Họ biết Yến Anh người thấp bé, nên đã khoét một lỗ không cao bên cửa thành rồi gọi Yến Anh chui vào. Lúc này Yến Anh nói với tên lính gác giọng nghiêm nghị : "Đây là hang chó, không phải cổng thành. Nếu là ta đến nước chó thì chui qua hang ; nhưng ta đến một nước của con người thì phải vào qua cổng thành. Ta đợi ở đây, phiền các ngươi hãy đi hỏi cho rõ ràng xem rốt cuộc nước Sở là nước gì?" Có một viên quan giữ cổng thành tâu lên vua Sở những điều Yến Anh nói, Sở Linh vương đành hạ lệnh mở to cổng thành rước Yến Anh vào. Những viên đại thần trước đó muốn làm nhục Yến Anh, thì giờ đây cũng không dám có cử chỉ gì thất lễ.

Lời nói của Yến Anh đã khéo léo phản kích nước Sở, chui qua hang chó có nghĩa là vào nước chó ; đi qua cổng thành nghĩa là vào nước của con người ; Yến Anh ta là người, không phải là chó, nên đi qua cổng thành, không thể chui qua hang chó. Nước Sở các ngươi nếu là nước của con người, không phải nước chó thì chỉ có thể mở

cổng thành, chứ không thể đào hang chó. Sở Linh vương không có gì có thể phản bác được Yến Anh, đành phải cho mở cổng thành, đón Yến Anh vào.

Trong khi 2 bên đang hội đàm, Sở Linh vương thấy Yến Anh tướng mạo xấu xí, đùa nói : "Đường đường nước Tề lẽ nào không có người sao?" Yến Anh nghe xong, Yến Anh giọng nghiêm nghị đáp : "Chỉ một thành Lâm Tri đã chật ních người, nếu mọi người cùng thở 1 hơi là có thể tạo thành một đám mây ; lau vắt mồ hôi có thể thành 1 trận mưa ; người đi đường nối nhau đi, chỉ cần dùng chân là người sau đã dẫm lên gót người trước. Sao đại vương lại nói nước Tề không có người?" Vua Sở hỏi lại : "Thế tại sao lại cử khanh đến đây? " Yến Anh nghe vừa tức vừa buồn cười, nói : "Nước Tề chúng tôi có lệ là mỗi lần cử sứ giả, người tài năng đi thượng quốc, bất tài đi hạ quốc, người cao to đến nước lớn, nhỏ bé đến nước nhỏ. Yến Anh tôi thực bất tài, người lại thấp bé, nên được cử đến nước Sở vậy". Sở vương tự cảm thấy thất lễ, lại không ứng đối nổi, đành nhận là nói đùa vui, và dùng hậu lễ đối xử với Yến Anh.

Trong lần gặp và trò chuyện nay, Sở Linh vương chỉ có một ý muốn, mà Yến Anh lại có tới 2 đoạn trả lời. Đoạn trước ứng với câu hỏi, dựa vào thực tế phản bác, đi đến câu trả lời phủ định ; đoạn sau nối tiếp câu hỏi, tương kế giải thích một cách hài hước. So sánh 2 lần, lần sau hiển nhiên mang đậm sắc thái quyền mưu hơn. Theo cách nói của Yến Anh, Sở Linh vương giễu ta thấp lùn, tướng

mạo xấu xí, chẳng khác nói nước Sở các ngươi là "hạ quốc" "tiểu quốc" sao? Tự nhiên Sở Linh vương không muốn chấp nhận sự suy luận lô gích như vậy, nên đành lấy cớ là đùa vui cho qua chuyện.

Sau đó, Sở Linh vương và Yến Anh đang đứng nhìn trời trước tiền đình, có mấy tên võ sĩ trói 1 tên tù đi qua trước mặt 2 người. Vua Sở làm như không biết chuyện gì, hỏi : "Tên từ này phạm tội gì, người ở đâu?". Bọn võ sĩ thưa rằng đó là đạo tặc nước Tề". Vua Sở liếc nhìn Yến Anh, lạnh lùng nói : "Sao người nước Tề lại tồi tệ như vậy? Hay là ăn cắp là tính bẩm sinh?" Yến Anh biết vua Sở không thiện chí, suy nghĩ một thoáng rồi đáp : "Quýt mật Giang Nam vừa to vừa ngọt, nhưng nếu chuyển sang trồng ở Hoài Bắc sẽ biến thành quýt vừa bé vừa chua, đó hoàn toàn do nguyên nhân thuỷ thổ khác nhau. Cùng lí lẽ ấy, người nước Tề ở quê hương mình thì làm ăn lương thiện, khi sang đất Sở thì giở quẻ, ăn cắp lung tung, thần nghĩ có lẽ là do nguyên nhân nhập gia tuỳ tục đó vậy". Sở Linh vương lại không đối đáp được, song thấy Yến Anh thật thà thiện chí, không thể khinh nhờn, nên đành cười xuê xoa cho qua.

Trong đoạn đối đáp trên, Yến Anh không tranh luận với vua Sở người tù kia có phải người nước Tề hay không và phạm tội gì. Bởi lẽ tranh luận như thế chẳng khác gì khiêng đòn đám ma, mà khiêng đòn đám ma là biểu hiện thiếu năng lực tranh luận. Dưới tiền đề không phủ nhận phạm nhân kia người nước Tề, mắc tội ăn cắp, Yến Anh

bắt đầu đối đáp với vua Sở. Trước hết, ông nêu lên sự hiểu biết thông thường về trồng trọt mà người đi đường cũng biết, khiến đối phương không thể hoài nghi ; sau đó so sánh người nước Tề với quýt mật, lấy sự khác nhau về thuỷ thổ và phong tục để chứng minh bản chất người nước Tề là cần cù, chỉ vì nhập gia phải tuỳ tục, mới biến thành đạo tặc trên đất Sở. Sự đối đáp hùng biện như vậy, đối phương rất khó hoàn toàn phủ định được.

Đời Tần có người tên Ưu, mất họ, cao không quá 3 thước, rất hay pha trò cười, nhưng rất hợp đạo lí. Chúng tôi xin trích trong "Sử ký" 2 chuyện phúng dụ của Ưu được Quỷ Cốc Tử gọi là "Thuật phát ngôn".

Thời Tần Thuỷ hoàng trị vì, ông muốn mở rộng thêm vườn uyển cho hoàng gia đông tới Hàm Cốc Phong, tây tới Trần Thương (nay là Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây). Nghe tin, Ưu đến gặp Doanh Chính, nói : "Tuyệt quá ! mở rộng vườn uyển rồi nuôi thêm được cầm thú. Giả thử có đạo tặc từ phía đông đánh tới thì chỉ cần bảo bọn hươu nai mang sừng ra húc là đủ". Doanh Chính nghe xong liền bỏ ngay ý định trên.

Đời thứ 2, Hồ Hợi kế vị, lại định quét sơn thành Hàm Dương. Ưu biết tin, lại đến nói với Hồ Hợi : " Làm như vậy tốt vô cùng ! Dù chúa thượng không nói, thần cũng sẽ xin làm. Tuy rằng quét sơn thành rất tốn kém, làm cho muôn dân sầu muộn, nhưng lại là việc làm cực tốt. Trường thành trơn bóng, đạo tặc có đến cũng không leo lên được.

Trước mắt muốn sơn, gom mua sơn chẳng khó khăn gì, nhưng làm mái che tường thành thế nào đây?" Hồ Hợi nghe xong, không nhịn được cười, từ bỏ ý định sơn thành.

Như chúng tôi đã nói ở phần mở đầu, ngôn ngữ hài hước có 2 đặc điểm lớn : một là hàm xúc, hai là khoa trương. Ưu không trực tiếp khuyên can mà làm ra về thuận để phản lại, có thể coi là hàm xúc, cho hươu nai giết giặc và sơn thành cho bọn đạo tặc không leo lên được, đó đều là khoa trương. Một người như Ưu mà dám phúng dụ hoàng thượng như vậy, có thể nói là tương đối đáng mặt. Giả thử Ưu khẳng khái nói thẳng không nên làm thế này mà phải làm thế kia, thử nghĩ Doanh Chính ngạo mạn và Hồ Hợi bạo ngược sao chịu nổi cảnh hoa chân múa tay của Ưu, tất sẽ cảm thấy bị mất uy phong và tôn nghiêm, có thể ghép Ưu vào tội chết, ai biết được.

Cuối đời Tần thiên hạ đại loạn, Vũ Thần Võ tập trung lực lượng đứng lên, sắp tiến đánh Phạm Dương (nay là phía nam Định Hưng tỉnh Hà Bắc). Khoái Thông người Phạm Dương đến gặp huyện lệnh, trước tiên nói một từ " Điếu" sau nói từ "Hạ" khiến huyện lệnh Phạm Dương không hiểu gì cả, đành phải hỏi rõ đầu đuôi ra sao. Khoái Thông nói : "Tôi trộm nghe nói ông sắp chết nên tôi đến điếu ; sau ông nghe tôi, sẽ có thể sống, nên tôi đến chúc hạ". Huyện lệnh vẫn không sao hiểu nổi, bèn hỏi sao lại đến điếu. Khoái giải thích : "Pháp luật nhà Tần hà khắc, ông đã làm huyện lệnh Phạm Dương đã hơn 10 năm, giết hại bố, chia lìa con cái thiên hạ, chặt chân, cách chức,

nhiêu không sao đếm được. Dân chúng không ai oán giận, chỉ vì sợ pháp luật, nên chưa dám mũi dao vào bụng ông và diệt cả gia đình ông mà thôi. Nay thiên hạ đại loạn, pháp luật nhà Tần không còn hiệu lực, ông lấy gì tự bảo vệ? Một khi Vũ Thần tiến đánh, dân chúng sẽ nhân cơ hội nổi dậy báo thù, sẽ giết chết ông. Chẳng lẽ không điếu ông sao? May mắn có tôi đến hiến kế : Trước khi bọn chúng đến, hãy cử tôi đi du thuyết, có thể giúp ông chuyển hoạ thành phúc, há chẳng đáng chúc hạ sao !" Huyện lệnh nghe xong thấy có lí, bèn cử Khoái đến gặp Vũ Thần. Vũ Thần thể theo đề nghị của Khoái, Phong hầu cho huyện lệnh, đồng thời tặng xe sang ngựa quý cho sang đất Triệu. Quan lại đất Triệu nghe tin đã a dua theo, chưa đầy tháng trời, Vũ Thần đã chiếm được hơn 30 thành.

Khoái nói với huyện lệnh 1 từ "Điếu", 1 từ "Hạ", bắt đầu là "Điếu", kết thúc là "Hạ", lúc nâng lúc hạ thật đặc sắc. Giả thử không nói điếu sẽ không làm cho huyện lệnh chú ý, hoặc không nói hạ sẽ không làm cho huyện lệnh nghĩ tới việc chuyển cơ may về sau. Huyện lệnh nghe nói mình đang đứng trước hiểm hoạ máu chảy, đầu rơi, không thể không khiếp sợ. Đó là ý Khoái Thông đến điếu. Huyện lệnh thuận theo thời thế, dâng thành quy phục Vũ Thần. Lại được phong hầu. Đó là lí do Khoái Thông chúc hạ. Kết hợp 2 dạng điếu và hạ làm một, Khoái đã dắt mũi huyện lệnh, theo sự biến đổi về tâm lí của đối phương, thoắt chuyển theo chủ trương của mình, giải quyết xong xuôi chuyện Phạm Dương.

Trong lịch sử Trung Quốc những người nói hay làm giỏi thật nhiều ! Chúng tôi thấy không cần thiết liệt kê hết những lời nói và hành động của họ, mà chỉ nêu vài ba chuyện để chứng minh không phải đợi sau khi có "Thuật lượng nghi phát ngôn" của Quỷ Cốc tử, mà Yến Anh, Chúc Chi Vũ và Trương Mạnh Đàm đều sinh trước Quỷ Cốc tử cũng đã nắm vững bí quyết lượng nghi phát ngôn. Còn trong hoạt động du thuyết và hiến kế đã xử lí tốt quan hệ giữa thuận nghịch, hiểu rõ cái lợi to lớn của "Thuật trọng nghi phát ngôn". Phần này sẽ lại bàn riêng. Ai chẳng biết từ lí luận tới thực tiễn vẫn còn khoảng cách không nhỏ.

II.THUẬN Ư? NGHỊCH Ư?

Đại hà cuồn cuộn, trường giang nổi sóng, chuyện thế gian cũng như sông nước vậy. Mỗi người từ khi chào đời tới nay, từng gặp bao điều nan giải, biết bao điều phiền muộn. Thuận ư? Nghịch ư? Xem ra không có 1 đáp án cố định. Chẳng thấy có những người nắm được thời thế, đánh địch như thế chẻ tre ; có kẻ tranh nhau từ con sên cái kiến, ngồi chờ được cá ; có kẻ tương kế tựu kế, dùng mánh khoé đối trá ; có kẻ đắm đuối vào điều mê thích, biến thù thành bạn, có kẻ giỏi xoay sở, từ hoạ sang phúc. Tất cả những kẻ đó tuy chẳng có quy luật gì đáng nói, những cũng vẫn cần có cách giải thích cụ thể.

Trong sách"Trang Tử" có một chuyện có thể đem lại nhiều gợi ý. Xin dẫn chứng :

Bào Đinh là người mổ trâu cho Nguỵ Huệ vương. Khi đưa dao thường phát ra tiếng kêu gọn soèn soẹt, nghe như tiếng nhạc. Nguỵ Huệ vương rất ngạc nhiên, hỏi Bào Đinh làm sao có được kỹ thuật cao siêu như vậy. Bào Đinh buông dao, đáp : "Điều thần ưa thích là đạo lý cao sâu, vượt ra ngoài phạm vi kỹ thuật. Thời kỳ đầu mổ trâu, tôi trông thấy cả con trâu hoàn chỉnh, 3 năm sau chưa từng thấy con trâu đầy đủ, như ngày nay chỉ dùng tinh thần tiếp xúc với trâu. Không cần dùng mắt nhìn. Dựa vào kết cấu tự nhiên của thân thể trâu, lách dao vào quá những kẽ hở lớn, Tiếp đó lách dao theo khe hở giữa các khớp xương, chưa bao giờ chạm phải gân mạch, huống hồ 1 cục xương to như thế ! Người đầu bếp giỏi 1 năm thay dao 1 lần vì họ dùng dao cắt thịt ! Người đầu bếp bình thường 1 tháng đổi dao một lần, vì họ dùng dao chặt xương. Con dao này của thần dùng đã 19 năm, mổ có tới mấy nghìn trâu mà dao vẫn rất sắc. Giữa các khớp xương đều có kẽ hở, còn lưỡi dao nhẹ không. Vì vậy, đã 19 năm mà lưỡi dao vẫn sắc như vừa mài xong." Nguỵ Huệ vương nghe xong, khen không ngớt lời.

Câu chuyện này thường có tên gọi "Bào Đinh giải ngưu". Trang Tử lấy chuyện Bào Đinh giải ngưu làm ví dụ, gồm 2 lớp nghĩa : 1 là "Y hồ thiên lí", "Nhân kì cố nhiên", tức thuận theo quy luật tự nhiên của sự vật, không bị gò bó bởi điều kiện bên ngoài ; 2 là : " dĩ vô hậu nhập hữu

gian", "du nhẫn hữu dư" tức tránh phải trái, mâu thuẫn và xung đột, lợi dụng kẽ hở của sự vật để giải quyết vấn đề. Tuy Trang Tử ở đây nói về đạo dưỡng sinh, nhưng người đời sau lí giải chuyện này ngoài lĩnh vực dưỡng sinh, coi là phương pháp chung nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng tức là nói nhận thức và giải quyết vấn đề phải nắm điểm mấu chốt của sự vật, nắm mặt chủ yếu của mâu thuẫn. Nắm mặt chủ yếu của mâu thuẫn sẽ có thể giải quyết vấn đề 1 cách nhanh gọn, mĩ mãn.

Thời Chiến quốc, Ngụy Văn hầu cử Tây Môn Báo làm huyện lệnh huyện Nghiệp (nay là Lâm Chương tỉnh Hà Bắc). Sau khi nhận chức, Tây Môn Báo triệu tập các vị trưởng lão được trọng vọng ở địa phương để tìm hiểu nỗi khổ nhất của dân. Các trưởng lão đều nói khổ nhất là chuyện hà bá lấy vợ, làm cho dân cùng khổ hết chỗ nói. Tây Môn Báo hỏi nguyên nhân, họ đáp : "Quan giáo hoá ở huyện và các quan nhỏ địa phương mỗi năm thu của dân hàng trăm vạn tiền của, rút ra 2,3 phần dùng vào việc gọi là lấy vợ cho hà bá, còn lại bọn ông đồng bà cốt, giả thần giả thánh bỏ túi cả. Bọn này chọn 1 cô gái đẹp, nói là làm vợ hà bá. Người con gái đó phải tắm rửa, thay quần áo, trai giới ngồi hơn 10 ngày. Sau đó, cô gái được đặt lên 1 chiếc giường mới, thả trôi sông và chỉ mấy cây số là chết đuối. Những nhà có con gái sợ phải cúng hà bá, đều bỏ đi nơi khác. Vì vậy, số đinh trong huyện ít dần, đời sống ngày một cực khổ". Nghe xong, Tây Môn Báo nói với các trưởng lão : " Khi nào lấy vợ cho hà bá,

mong các vị đều đến, tôi cũng đến đưa cô dâu." Hôm hà bá lấy vợ, Tây Môn Báo đến bên sông, các quan nhỏ địa phương, các trưởng lão đều có mặt, cộng thêm người xem có tới 2,3 nghìn người. Tên thày mo cả đem theo mấy tên đàn em đứng canh Tây Môn Báo. Tây Môn Báo muốn xem cô dâu, mấy bà đồng cốt dắt cô dâu ra. Sau khi suy nghĩ kĩ, Tây Môn Báo quay lại nói với mọi người : "Cô dâu này không đẹp lắm, xin thầy mo cả nói giúp với hà bá sẽ tìm cô gái đẹp hơn, hai ngày nữa sẽ đưa xuống " Nói xong liền sai tuỳ tùng vứt thày mo cả xuống sông. Một lúc sau, ông giả dạng sốt ruột nói : Sao đến bây giờ mà thầy mo cả chưa về? Cho đàn em xuống giục đi !" Nói rồi sai tuỳ tùng vứt thêm 1 bà cốt xuống sông. Sau khi vứt 3 vị xuống sông, Tây Môn Báo quay mặt về phía mọi người nói : "Có lẽ mấy người nói không rõ ràng, nay xin mời các tam lão đi một chuyến xem sao". Tuỳ tùng lại vứt 1 vị tam lão xuống sông tiếp. Tây Môn Báo cài bút lên mũ, đứng khom người đợi trên bờ. Bọn quan nhỏ địa phương, các trưởng lão đứng bên đều sợ hết vía. Tây Môn Báo quay lại như muốn cử thêm người nữa xuống. Cả bọn sợ quá vội quỳ đập đầu xuống đất liên hồi, thậm chí vỡ cả trán. Tây Môn Báo thấy vậy, một lát sau lại nói :"Thôi, các người đứng lên đi ! Xem ra hà bá dữ các vị đó ở lại chơi rồi, ta về thôi !" Từ đó, quan chức, dân trong huyện đều khiếp sợ, không dám nhắc tới chuyện lấy vợ cho hà bá nữa. Đây là trường hợp Tây Môn Báo cai trị huyện Nghiệp. Ông qua điều tra thực tế, biết rõ sự câu kết giữa hào lý, quan chức huyện và bọn tam lão với thầy mo, lợi

dụng hủ tục "Hà bá lấy vợ", công nhiên sát hại dân lành, vơ vét của cải. Ông quyết tâm xoá bỏ hủ tục, cứu dân. Bước 1 giả dạng đồng tình nói ý kiến bọn tam lão và thầy mo, cùng dự hội "Hà bá lấy vợ" để họ lộ hết bộ mặt độc ác của họ. Đây là cách làm muốn bắt nhưng cố ý thả của Tây Môn Báo. Bước 2, trong hội "Hà bá lấy vợ" ông mượn cớ chọn vợ cho hà bá không đẹp, để rồi lần lượt ném tên thầy mo cả, ba tên thầy mo và 1 vị tam lão xuống sông, vừa trừng trị kẻ gây tội ác, vừa để mọi người tận mắt thấy, nhận rõ chuyện "hà bá lấy vợ" là lừa bịp. Phương pháp "gậy ông đập lưng ông", trừng trị bọn ác, giáo dục người bị hại, quả là một công đôi ba việc. Bước 3, sau khi đã trừng trị bọn ác, Tây Môn Báo làm ra vẻ nóng lòng chờ tin hà bá của những tên đã bị ném xuống, thực tế là làm cho bọn quan nhỏ địa phương hào lí và trưởng lão về mặt tâm lí càng bị chấn động, khiến chúng không dám tiếp tục tác yêu tác quái. Thấy cảnh bọn quan nhỏ, hào lí, trưởng lão sợ bị vất xuống sông mặt cắt không còn hột máu khấu đầu như bổ củi, thật không nhịn được cười. Toàn bộ quá trình diễn biến của câu chuyện không chỉ uyển chuyển nhiều vẻ, mà còn có phần không ngờ tới. Tây Môn Báo lợi dụng trò "hà bá lấy vợ" trong chốc lát đã xoá bỏ 1 hủ tục lâu đời. Bí quyết thành công này đương nhiên cần phân tích nhiều mặt, song coi là hạt nhân quyền mưu mà xét, giả dạng thuận theo để rồi lấy "gậy ông đập lưng ông", trừ bọn ác, khêu gợi tâm linh người sống, đó là điều chúng ta phải nhận thức trước tiên. Không lạ gì khi có người bình luận : "Lấy vợ để tránh chết đuối, để

mục nghe rất lớn, ngu dân tin vào điều mê hoặc đã lâu, nếu bài xích thẳng ngay, dân sẽ không tin, chỉ có tự mình tới nơi, ngôn ngữ khúc triết, khiến dân không tin chuyện bịa đặt, sợ chết, có bắt đi cũng không dám làm, từ đó bỏ được trò lừa bịp.

Theo quan điểm của chúng tôi thì những lời bình luận trên một phát trúng đích, rất có lí.

Trong khi nhận thức và xử lí vấn đề, nắm được mấu chốt của sự vật và mặt chủ yếu của mâu thuẫn là hết sức quan trọng. Song, trong nhiều trường hợp chủ thể quyền mưu đứng trước vấn đề không đơn thuần, tương đối tĩnh tại, mà là sự xung đột mâu thuẫn bên trong khách thể quyền mưu, phức tạp và đang biến động. Như vậy là chủ thể quyền mưu không cần áp dụng hành động gấp cũng có thể thấy được cảnh cả hai đều tổn thương, sau đó trên đà ấy tích cực can thiệp vào sẽ có thể đạt được mục đích mà lúc thường khó đạt.

Thời Chiến quốc, Hàn, Ngụy 2 nước đánh nhau mấy năm liền không dứt. Tần Huệ Văn vương muốn xuất binh giúp Hàn, bèn hỏi ý kiến tả hữu có người nói nên giúp, người lại nói không nên. Tần Huệ Văn vương do dự chưa quyết. Đúng lúc đó Trần Chẩn ở nước ngoài về, Huệ Văn vương liền hỏi kế. Trần Chẩn nói :"Bệ hạ đã nghe chuyện Biện Trang tử đâm hổ chưa? Biện Trang tử thấy 2 con hổ đang ăn 1 con trâu, định xông vào giết chúng. Một thanh niên ngăn lại nói :"Hai con hổ mới bắt đầu ăn đều

đang sướng, một lúc nữa chúng ắt tranh mồi, cắn xé nhau. Kết quả con to sẽ bị thương, con nhỏ sẽ bị cắn chết. Lúc đó ông vào đâm hổ mới là nhất cử lưỡng tiện". Biện Trang tử nghe có lí, đứng ngoài đợi. Một lúc sau 2 con hổ cắn nhau dữ dội. Kết quả 1 bị thương, 1 bị chết. Biện Trang tử xông tới đâm chết con bị thương, quả là nhất cử lưỡng tiện. Nay Hàn và Ngụy giao tranh đã lâu năm. Kết quả tất nhiên nước mạnh cũng sẽ bị tổn thương, nước yếu sẽ bị diệt vong. Lúc đó, bệ hạ xuất quân đánh, tốn ít sức mà lợi lớn. Cũng như chuyện Huệ Văn vương nhận thấy ý kiến phân tích rất hay, bèn không động binh. Về dau, do chiến tranh liên miên, cả 2 nước Hàn và Ngụy đều bị tổn thất nặng nề. Nước Tần không gặp trở ngại gì lớn, thôn tính cả 2.

Chuyện kể của Trần Chẩn, trong thành ngữ tiếng Hán hiện đại gọi là "Toạ sơn quan hổ đấu". Đứng về quyền mưu học mà nói, ta có thể dùng để ví với chủ thể quyền mưu trong khi nội bộ khách thể quyền mưu có xung đột mâu thuẫn, dùng thái độ thờ ơ bàng quan ; đợi khi cả hai đều tổn thương, mới tích cực hành động, giành thắng lợi như chuyện trai cò đánh nhau, ngư ông được lợi, cùng có một hạt nhân quyền mưu, tức chủ thể quyền mưu lợi dụng sự xung đột mâu thuẫn của khách thể quyền mưu và kết cục của nó.

Huệ Văn vương nước Triệu khi đang trị vì, đang muốn cất quân đánh Yên, Tô Đại can nói : "Thần ở nước Yên về lần này qua sông Dịch Thuỷ, thấy một con trai đang

ngoi lên bờ phơi nắng ; 1 con cò bay đến mổ thịt trai, trai vội khép vỏ lại và cặp chặt lấy mỏ cò. Cò bảo trai :"Hôm nay không mưa, mai cũng không mưa sẽ có trai chết ."Trai nói :"Hôm nay không tha anh mai cũng không tha sẽ có cò chết." Hai con không ai chịu ai. Một ngư ông đi qua bắt được cả 2 mang đi. Nay Triệu sắp cất quân đánh Yên mà Yên Triệu bao đời hoà hiếu, nhân dân sẽ khổ cực vô vàn. Thần thực đáng lo nước Tần hùng mạnh sẽ như ngư ông nọ vậy. Mong đại vương suy tính kĩ cho." Huệ Văn vương nghe thấy phải, nên không đánh Yên nữa.

Chuyện cò, trai đánh nhau, ngư ông được lợi được ví với quan hệ giữa 3 nước Triệu, Yên và Tần. Yên Triệu đánh nhau giống như cò và trai đánh nhau sẽ tạo cơ hội tốt cho Tần. Nước Tần là chủ thể quyền mưu, Trong lúc Triệu Yên chưa phân thắng bại, có thể thôn tính cả 2 như ngư ông vậy. Xuất phát từ lợi ích quốc gia, nếu xuất hiện trường hợp này đối với nước Triệu là có hại vô cùng. Vì vậy Huệ Văn vương đã nghe lời khuyên của Tô Đại, bỏ ý định đánh Yên.

Dù là toạ sơn quan hổ đấu hay cò trai đánh nhau, ngư ông được lợi, chủ thể quyền mưu đều đứng trước sự xung đột mâu thuẫn đang diễn ra bên trong khách thể quyền mưu. Khác với truyện trên, trong truyện tương kế tựu kế và đối trá gặp đối trá, chủ thể quyền mưu gặp phải là quyền mưu do khách thể quyền mưu truyền tới. Nói một cách khác, tương kế tựu kế, đối trá gặp đối trá là phản ứng có hiệu quả đối với quyền mưu do khách thể

quyền mưu truyền tới. Ở đây quan hệ chủ khách thể quyền mưu ban đầu đã đảo nhiều ngược : chủ thể chuyển thành khách thể, khách thể chuyển thành chủ thể, cũng như trong phiên toà nguyên cáo thành bị cáo và ngược lại.

Thời sơ Hán, sau khi Hàn Tín đã chiếm Tề, liền cử người về tậu Lưu Bang : Dân đất Tề sảo trá, luôn biến đổi, lúc hàng lúc phản, cộng thêm phía nam giáp Sở, nếu không tạm dụng vua giả để trấn áp, tình hình ở đây sẽ không ổn định. Vì vậy, kính mong đại vương cho thần tạm thay cương vị Tề vương." Lúc này Lưu Bang đang bị Hạng Vũ vây khốn ở Quỳnh Dương, nên xem thư Tín, nổi giận đùng đùng, quát :"Ta đang bị khốn ở đây, mong ngươi đem quân về giải vây từng ngày, ngươi lại muốn tự lên ngôi vua sao !" Trương Lương, Trần Bình đứng bên, khẽ đạp lên chân Lưu Bang ra hiệu, rồi ghé tai Lưu Bang nói nhỏ : " Chúng ta đang lâm vào tình thế bất lợi, lẽ nào lại cấm Hàn Tín xưng vua? Chi bằng thừa cơ cứ phong hắn làm vua nước Tề để hắn tìm cách giữ đất ấy. Nếu không, e rằng sẽ xảy ra biến cố." Lưu Bang vốn nhạy bén, nhận ra ngay liền mắng sứ giả của Hàn Tín : "Đại trượng phu bình định được chư hầu, muốn làm vua thì làm hẳn vua thật mới đúng, sao lại nói làm vua giả?" Tiếp đó cử Trương Lương mang ấn triện sang Tề, lập Hàn Tín làm Tề vương, đồng thời truyền đạt ý kiến hội công Hạng Vũ. Hàn Tín được phong vương trong lòng rất mừng, vui vẻ chấp nhận yêu cầu của Lưu Bang, không lâu sau, thống lĩnh bộ tướng hội chiến Cai Hạ.

Lưu Bang vốn là người lão huyện trong lĩnh vực quyền mưu, song xử lí việc Hán Tín xin phong vương chút nữa phạm phải sai lầm nguy hiểm. May có Trương Lương, Trần Bình ở bên kịp thời uốn lại mới che đậy được sai lầm vốn vừa mới lộ. Thử nghĩ, Hàn Tín liên tiếp đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yên, Tề , đất rộng bao la, chiếm địa vị quan trọng giữa 2 tập đoàn Lưu Bang và Hạng Vũ, Hàn Tín xin Lưu Bang cho tạm thay cương vị Tề vương nói khéo là để ổn định tình hình nhưng thực tế là tư tưởng công thần, hy vọng xưng bá mà thôi. Lưu Bang chính vì nhận ra tâm địa thực của Hàn Tín nên mới nổi giận, hầu như quyết đoán mất lí trí. Trương Lương và Trần Bình hiểu rõ, nếu không cho Hàn Tín xưng vương sẽ xảy ra biến cố nên đã gạt chân nói thầm khuyên Lưu Bang tương kế tựu kế. Lưu Bang vốn sắc sảo thông minh nghe hiểu ngay, lập tức từ giận dữ sang mắng, lấy mắng để che sự giận dữ, đồng ý phong Hàn Tín làm vua thực, đồng thời kèm thêm ý kiến hội công Hạng Vũ. Quá trình chuyển biến tâm lí từ giận dữ sang mắng và cái ý mắng chứng tỏ Lưu Bang có khả năng và kỹ sảo tuỳ cơ ứng biến cao siêu.

Cuối thời Đông Hán, Tào Tháo sau khi chiếm được kinh Châu, lại dùng Thái Mạo, Trương Doãn là hàng tướng, tích cực thao luyện thuỷ quân, chuẩn bị tiến đánh Đông Ngô. Thái Mạo và Trương Doãn thông thạo thuỷ chiến, thực sự là mối hoạ lớn đau lòng của Đông Ngô. Đại đô đốc Đông ngô là Chu Du vô cùng lo lắng về việc này. Đúng lúc ấy Tào Tháo phái Tưởng Cán sang Đông Ngô.

lợi dụng quan hệ bạn học cùng trường với Chu Du để thuyết hàng, vừa thăm thính tình hình thực hư của đại doanh Đông Ngô. Chu Du tiếp Tưởng Cán, biết rõ ý định của Cán, liền quyết kế lợi dụng dịp này li gián Tào Tháo để giết Mạo và Doãn, dùng bàn tay của Tào Tháo để giết Mạo và Doãn. Sau bữa tiệc tối, Chu Du vờ say rượu, ngủ cùng giường với Tưởng Cán. Vì không thuyết phục được Chu Du hàng, Tưởng Cán nằm trằn trọc không sao ngủ được, liền ngồi dậy, qua ánh đèn Cán thấy trên án thư có 1 phong thư liền lấy xem : đó là thư hẹn hàng của Thái Mạo và Trương Doãn viết cho Chu Du. Lợi dụng lúc Chu Du đang ngủ say, lấy phong thư lén ra ngoài, mang phong thư về trình Tào Tháo xem, Tào Tháo nổi giận ra lệnh chém đầu Thái Mạo và Trương Doãn. Như vậy là Chu Du đã tạo ra bức thư giả, mượn tay Tưởng Cán và Tào Tháo trừ cho Đông Ngô một hoạ lớn đau lòng.

Đây là hoạt động li gián lấy lừa dối trị lừa dối. Người xưa nói : "Quỷ cao 1 xích, đạo cao 1 trượng" Tưởng Cán đến Đông Ngô 1 mặt thuyết hàng, mặt khác là thám thính tình hình.Ý đồ ấy làm sao thoát được con mắt nhạy bén hơn người của Chu Du. Xuất phát từ lợi ích của Đông Ngô, thuận nước đẩy thuyền, Chu Du đã lợi dụng lại bàn tay Tưởng Cán chuyển bức thư giả về cho Tào Tháo, dẫn đến việc Tào Tháo giết nhầm Thái Mạo và Trương Doãn. Thật là chuyện dựa vào tình bè bạn để làm gián điệp mà không thành, lại bị thiên hạ lợi dụng.

"Mỹ nhân kế" là kế thứ 31 trong "36 kế". "Binh cương giả, công kì tướng ; tướng trí giả, phạt kỳ tình ; tướng nhược binh đốn, kì thế tự uỷ. Lợi dụng ngụ quan, thuận tương bảo dã". Có nghĩa là đối với kẻ địch binh hùng mạnh, phải khống chế tướng soái ; đối với tướng soái túc trí đa mưu, phải làm cho ý chí xói mòn. Ý chí tướng sa sút, tinh thần quân sĩ sút kém sẽ mất sức chiến đấu. Lợi dụng nhược điểm của kẻ thù để phân hoá, làm tan rã chúng sẽ có thể bảo toàn được mình. Người ta thường nói :"Anh hùng khó vượt mĩ nhân quan". Chủ thể quyền mưu vận dụng nữ nhân kế, không phải là trực tiếp áp dụng thủ đoạn chinh phục, mà là "nuôi dưỡng loạn thần để mê hoặc, tiến cử người đẹp làm mê muội". Những kẻ quyết sách mà ý trí bạc nhược, tuy mang trọng trách, song vẫn có tham vọng thoả mãn mong muốn riêng tư đã tạo cho người đời cơ hội sử dụng "Đạn bọc đường". Chủ thể quyền mưu thông minh đứng trước đối thủ như vậy thường tìm cách lấy lòng họ, mua chuộc, biếu xén, khiến họ lơ là cảnh giác, hoặc phục vụ mình.

Đổng Trác sau khi cướp ngôi, trong triều bất hoà với Đinh Nguyên, nhưng thấy Lã Bố là con nuôi của Đinh Nguyên dũng mãnh khác thường, không thể xem thường liền tìm cách lung lạc để khử Đinh Nguyên. Lý Túc biết Lã Bố là người thế nào, nên nói với Đổng Trác : " Lã Bố hữu dũng vô mưu, thấy lợi quên nghĩa, thần xin đi dụ hàng". Đổng Trác rất mừng, liền sai Lý Túc mang theo vàng bạc, châu báu cùng ngựa xích thố đến dụ Bố. Bố mở

rượu khoản đãi Lý Túc. Khi rượu đã ngà ngà say, Lý Túc cố ý kích Lã Bố :"Ta và hiền đệ thỉnh thoảng mới gặp nhau chẳng hay lệnh tôn đại nhân có hay đến không?" Lã Bố đáp : "Phụ thân tôi qua đời bao năm rồi, làn sao còn gặp được huynh nữa !" Lý Túc tiếp:" Ta muốn nói Đinh Nguyên. "Lã Bố không giấu oán hận nói : "Tôi làm bộ hạ của Đinh Nguyên thật chịu không nổi, làm sao so sánh với phụ thân tôi được?" Lý Túc cả cười nói : "Hiền đệ tài vá trời lấp biển sao phải cam chịu khuất phục như vậy?" Lã Bố đáp: "Chỉ hận chưa tìm được minh chủ" Lý Túc thấy Lã Bố đã bị kích, liền hiến lễ vật và trình bày chuyện về theo Đổng Trác. Lã Bố vốn thích ngựa xích thố, lại tham của, nên nghe theo sự sắp xếp của Lý Túc, giết Đinh Nguyên, mang thủ cấp Đinh về theo Đổng Trác.

Dưới ngòi bút La Quán Trung, Lã Bố vừa là vị anh hùng thiện chiến, vừa là tên tham lợi vong nghĩa. Thâm mưu độc kế của Lý Túc một mặt dùng châu báu, ngựa quý mua chuộc, mặt khác dùng lời nói khôn khéo lung lạc, 2 mặt giáp công, đã nhanh chóng làm tan rã ý chí Lã Bố, khiến Bố thay đổi sự lựa chọn chính trị của mình. Về sau, do sự khiêu khích li gián của quan tư đồ Vương Doãn, Lã Bố lại 1 lần nữa thay đổi sự lựa chọn chính trị của mình. Lần này Lã Bố không qua được sự quyến rũ của người đẹp, tranh giành Điêu Thuyền với Đổng Trác, cuối cùng không kìm nổi máu ghen, đã giết chết Đổng Trác, theo Vương Doãn. Vương Doãn cũng giống Lý Túc, đều lợi dụng chỗ khiếm khuyết của Lã Bố làm điểm đột phá

rồi lung lạc, trói buộc, đùa giỡn và sử dụng cái vốn có ở đối phương.

Thời Đường Cao tông trị vì, người Đột Quyết làm phản, chống lại triều đình. Bùi Hành Kiệm dẫn quân liễu phạt. Ông biết, người tiền nhiệm Túc Tự Nghiệp đã chinh phạt Đột Quyết, nhiều lần thua trận đều do đoàn xe vận tải bị người Đột Quyết cướp hết, khiến quân thiếu lương ăn. Lần này Bùi Hành Kiệm giả làm 300 xe chở lương, trên xe là những tráng sĩ đã qua tuyển chọn mang theo dao, cung, kéo đẩy xe là binh lính già yếu ; xa xa sau đoàn xe là quân sĩ tinh nhuệ. Bọn Đột Quyết phát hiện đoàn xe chở lương, quả nhiên đến cướp. Lính kéo đẩy xe mỗi người chạy một ngả. Chúng không đuổi người, chỉ kéo xe lương ra bãi cỏ, tháo yên thả ngựa. Khi chúng chuẩn bị dỡ lương thực thì các tráng sĩ trên xe bỗng vùng lên, tinh binh phía sau dượt lên, trong nháy mắt giết gần hết bọn Đột Quyết, Từ đó, bọn địch không dám tuỳ tiện cướp đoạt xe lương của triều đình.

Đây thực sự là trận vây diệt tuyệt vời có chuẩn bị trước. Bùi Hành Kiệm dùng binh tác chiến giống như 2 trò chơi, lợi dụng thói quen của Đột Quyết, nắm vững mấu chốt vấn đề. Đột Quyết là dân tộc du mục, sinh sống bằng chăn nuôi, tư liệu sinh hoạt thiếu thốn, thường dùng cách cướp đoạt chiến đấu lưu động nên quân nhà Đường không thể tập trung tiêu diệt. Bùi Hành Kiệm nắm vững đặc điểm đó, đánh lừa rồi dùng 2 mặt giáp công, quân Đột Quyết hoàn toàn không có chuẩn bị, chạy đâu cho thoát.

Hãy trở lại vấn đề xử lí thuận và nghịch, thường thường nặng về mặt thuận. Nguyên nhân ở chỗ đẩy thuyền xuôi dòng thường dễ hơn đẩy thuyền ngược dòng. Có điều trong vận dụng thực tế thuận và nghịch cũng không tuyệt đối. Là chủ thể quyền mưu, có thể dùng thủ đoạn thuận để đạt tới mục đích ngược lại, cũng có thể dùng thủ đoạn nghịch đạt tới mục đích thuận. Thuận và nghịch có liên quan với nhau thâm nhập vào nhau và tương phản nhau. Do đó chúng ta phải có thái độ biện chứng nhìn vấn đề này.

III.TRUNG TÂM CÂU TRUYỆN LÂU ĐỜI: DÙNG GIÁN ĐIỆP

Thời đại truyền thống, dù trong lĩnh vực chính trị , ngoại giao hay quân sự sử dụng gián điệp đều là hoạt động rất có giá trị. Hoạt động này có liên quan với vấn đề sáng và tối, thật và giả, cũng có thể nhất trí với quan hệ mạnh và yếu; hư và thực, cũng có thể liên quan tới thủ đoạn thẳng và cong, cương và nhu. Chúng tôi chỉ dựa vào đặc điểm coi trọng dùng gián" điệp hơn dùng "nòng cốt" để tập trung nói ở đây.

"Binh pháp Tôn Tử" nói : "Dùng gián điệp có 5 loại : nhân gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Ngũ gián đều nổi, không rõ đường hướng, cho là phép tắc của thần, phép bảo của vua vậy". Dùng gián điệp để trinh sát, lôi

kéo và lật đổ thường thường là con đường có hiệu quả nhất. Vì vậy, trong lịch sử Trung Quốc trường hợp sử dụng gián điệp nhiều vô kể, thành công có, thất bại có, khó mà thống kê hết được.

Nhân gián là lợi dụng quan hệ đồng hương hoạt động gián điệp. Tất nhiên, ngoài quan hệ đồng hương, các quan hệ khác như họ hàng, bè bạn, bạn học, đồng nghiệp và các quan hệ xã hội khác cũng đều có thể lợi dụng.

Cuối đời Nguyên, Trần Hữu Lượng mời Trương Sĩ Thành cùng chuẩn bị hợp đồng tiến công Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương để tránh lâm vào tình trạng phải đối phó cả 2 mặt, quyết định dụ Trần Hữu Lượng đến đánh trước rồi mai phục tiêu diệt. Chu đã dùng bạn cũ của Lượng là Khang Mậu Tài viết thư trá hàng, sẽ làm nội ứng, đồng thời hẹn gặp nhau tại Giang Đông kiều(nay là cửa đông Nam Kinh), ám hiệu là "Lão Khang". Trần Hữu Lượng nhận được thư Khang Mậu Tài, không đợi hồi âm của Trương Sĩ Thành vội và xuất quân. Sau khi tới Giang Đông kiều, không thấy ám hiệu, biết là bị lừa vội phái 1 vạn quân lên bờ dựng lán. Chu Nguyên Chương thấy Lượng đã lọt vào vòng phục kích, thừa lúc quân Lượng lên bờ dựng lán chưa xong, phát lệnh công kích. Quân tướng của Lương bị 2 mũi thuỷ lục giáp công, lập tức rối loạn, bị chết, bị thương, bị bắt hơn 2 vạn. Lượng nhảy lên thuyền con chạy thoát.

Trận này Chu Nguyên Chương đánh thắng là do biết lợi dụng tâm lý kiêu ngạo khinh địch, nôn nóng của Trần Hữu Lượng, lừa địch dẫn sâu vào rồi tập trung binh lực mai phục tiêu diệt. Đặc biệt là lợi dụng quan hệ bạn bè, dắt mũi, khiến Lượng vội dẫn xác tới. Đó là 1 chiêu vô vùng cao siêu. Ngược lại, Lượng thất bại là do khinh địch, nhẹ dạ, nhận được thư trá hàng của bạn đã tưởng bắt được vàng, không đợi hành động hiệp đồng của Thành, đã mạo hiểm dấn thân vào nơi hiểm hòng ăn may. Đó thực là 1 hành động lỗ mãng, trái với phép dùng binh.

Nội gián là dùng người phía bên địch hoạt động gián điệp. Thế gian có nhiều loại người : có người một bước lên mây, có người công danh không thành ; có người liêm khiết vô tư, có người vì tình riêng thiên tư ; có người thành thật, chân chất, lại có người gian trá xảo quyệt ; có người lòng dạ thư thái, lại có người tức bực đầy bụng... Ngay cả trong một con người cũng vẫn có mâu thuẫn này, mâu thuẫn khác. Vì vậy, chúng ta nói người là mối tổng hoà của những ưu điểm và nhược điểm, sở trường và sở đoản. Chính vì lợi dụng nhược điểm và sở đoản của con người mà chủ thể quyền mưu có thể thông qua mọi con đường gồm làm tan rã về chính trị, dụ dỗ về quyền lực, mua chuộc bằng tiền tài v.v... khiến người phục vụ mình.

Thời sơ Hán, Lưu Bang dẫn quân đánh rợ Hung nô, bị Mạo Đốn Đơn Vu vây khốn ở Bạch Đăng Sơn (nay là đông Đại đồng tỉnh Sơn Tây), quân sĩ đói rét, tổn thất nặng nề, tình thế vô cùng nguy cấp. Lúc đó Trần Bình

dâng kế, dùng hậu lễ mang biếu chính thất của Hung nô, lợi dụng ảnh hưởng của thị để giải vây. Lưu Bang chấp thuận. Khi người của Lưu Bang mang vàng bạc châu báu tới, vợ Hung nô đã mềm lòng. Tiếp đó, sứ giả lại đưa ra 2 bức tranh mĩ nhân và nói : " Hoàng đế Trung Nguyên e đại vương không chịu lui binh nên đã chuẩn bị sẵn 1 nữ nhân đẹp nhất bản xứ dâng đại vương. Đây là ảnh mĩ nhân ấy xin dâng đại nương xem trước." Thị nghe xong bỗng cơn ghen nổi lên, liền vội nói : "Không cần ta sẽ khuyên đại vương lui quân là xong. " Không bao lâu, Mao nghe lời khuyên của vợ, hạ lệnh rút quân. Lưu Bang rút tàn quân về.

Chuyện này không thấy ghi chép trong chính sử, song lưu truyền rất rộng rãi. Trần Bình dùng kế không những phát huy được hiệu quả mua được bằng tiền bạc, mà còn lợi dụng tâm lí đố kị cố hữu của đàn bà, nên đã biến vợ Hung nô thành nội gián của quân Hán. Tương tự, Việt vương Câu Tiễn vì mục đích phục quốc diệt Ngô nên đã mua chuộc Bá Hi được Ngô vương sủng ái ; Nước Tần trong trận chiến với Sở đã lôi kéo Cẩn Thượng, Trịnh Tụ cận thần của Sở vương, đều là những dẫn chứng thông qua nội gián thúc đẩy sự nghiệp sớm thành công.

Tử gián là cố ý phao tin thất thiệt, để bọn có tư tưởng làm phản trong nước biết để rồi báo cho địch ; sau khi địch bị lừa và thất bại, thường đem chúng giết đi , gọi là tử gián. Chủ thể quyền mưu vận dụng tử gián, mấu chốt

là giả mượn lời nói và hành động của bọn phản loạn trong nước khiến địch quyết sách sai lầm, bị tổn thất rồi giết bọn phản loạn trong nước của ta. Phương thức này có ý nghĩa mượn dao giết người hay ném đá giấu tay vậy.

Thời Tam quốc, tướng giữ thành Tây Lăng nước Ngô là Bộ Xiển dâng thành hàng Tấn. Lục Kháng được tin báo, lập tức dẫn quân đi dẹp loạn. Đến Tây Lăng, Lục Kháng dừng lại ngoài thành xây đắp công sự, không đánh thành ngay. Không lâu sau, nước Tấn phái Dương Triệu đem quân đến tiếp cứu Tây Lăng. Đô đốc quân Ngô là Du Tán đột nhiên ra hàng. Lục Kháng phân tích : Du Tán là tướng lão luyện của quân Ngô, hiểu rõ hư thực quân Ngô. Trong quân Ngô lính dân tộc Dị huấn luyện ít, sức chiến đấu kém. Qua Du Tán, Dương Triệu sẽ nắm được tình hình này, ắt sẽ tấn công vào trận địa binh lính Dị trước. Lục Kháng đã điều quân già dặn kinh nghiệm chiến đấu đến thay thế quân lính Dị.

Quả nhiên ngày hôm sau, Dương Triệu tiến công trận địa binh lính Dị, vấp phải sự chống trả mãnh liệt của quân thiện chiến, cự không nổi, suốt đêm ấy bỏ chạy. Lục Kháng không truy kích, chỉ chiêng trống ầm ỹ giả dạng đuổi theo. Vì vậy Dương Triệu nghi ngờ quân Ngô đã bố trí sẵn sàng vậy rồi cho Du Tán dụ hắn vào bẫy, nên đã giết Du Tán. Ngay tiếp đó, Lục Kháng phát lệnh đánh thành, và giành lại Tây Lăng. Dương Triệu nổi giận giết luôn cả Bộ Xiển.

Đây là 1 màn tử gián chiến ngoạn mục ! Lục Kháng mưu trí nhằm vào tin tức tình báo mà bọn phản nghịch có thể cung cấp cho quân Tấn và hành động mà kẻ địch có thể áp dụng để điều chỉnh lại sự bố trí, khiến ngay trận đầu quân Tấn đã bị đòn đau. Dương Triệu do thất trận nên sinh nghi, lại vì mối nghi ngờ không được giải quyết dẫn đến giết Du Tán, Bộ Xiển, thay quân Ngô giết 2 tên phản nghịch đáng nguyền rủa.

Sinh gián là phái người sang trinh sát phía địch rồi trở về báo cáo kết quả. Có thể là cử người tài trí du thuyết, hoặc sống lẫn trong tập đoàn thống trị của địch ; có thể với 1 nghề nghiệp nào đó luồn sâu mai phục trong lòng địch hoặc trinh sát tình hình rồi rút nhanh. Tất cả đều khiến sinh gián càng có sắc thái thần bí.

Sau khi Vũ Linh vương nước Triệu thoái vị để khảo sát hình thế núi non nước Tần và đặc điểm con người vua Tần, ông đã sắm vai 1 sứ giả tự xưng là Triệu Chiêu, dẫn theo mấy người tuỳ tùng đến thẳng Hàm Dương, gặp Chiêu nhượng vương nước Tần, bàn chuyện biến động cục diện chính trị nước Triệu. Chiêu Nhượng vương thấy vị sứ giả này ngôn ngữ, cử chỉ nho nhã, lại cứng rắn rất giống 1 nhân vật kiệt xuất, bèn cử người mời Triệu Chiêu đến hội đàm. Tuỳ tùng của Triệu nói : " Sứ thần chúng tôi đột nhiên phát bệnh, xin để mấy ngày nữa sẽ vào triều yết kiến đại vương". Mấy ngày sau, Chiêu Nhượng vương lại cho người tới nhà khách mời thì không thấy Triệu Chiêu đâu nữa. Trong nhà khách còn lại 1 người tự xưng là sứ

giả nước Triệu và được mời tới gặp Chiêu Nhượng vương. Chiêu Nhượng vương hỏi chuyện mới biết mình mắc lừa, lửa giận đùng đùng, liền phái binh đuổi theo. Khi đuổi tới Hàm Cốc quan, quan giữ ải nói :"Sứ giả nước Triệu qua đây đã 3 ngày rồi. "

Vũ Linh vương nước Triệu thật dũng cảm mưu trí ! Là 1 người chủ chốt của 1 quốc gia, đóng vai sứ giả đi khảo sát hình thế trong nước của cường quốc Tần. Trong màn sinh gián này, Vũ Linh vương đã mạo danh Triệu Chiêu để hành động được tự do hơn, rồi giả bệnh để đàng hoàng trở về. Ông khảo sát nước Tần là muốn một phen sống mái với Tần ; tìm hiểu vua Tần là muốn cùng Tần vương tranh cao thấp. Đáng tiếc vị vua có hoài bão lớn này chưa kịp thi thố tài năng đã bị đứa con thèm khát quyền lực bức tử trong cung.

Phản gián là mua chuộc hoặc lợi dụng gián điệp của địch phái đến để làm việc cho ta. Chủ thể quyền mưu vận dụng kế phản gián dù là mua chuộc "gián điệp kép" hoặc 1 chiều cũng đều là bố trí bẫy lừa địch.

Khi làm Tổng quản an uỷ đô hộ Đông Kinh Hồ, Nhạc Phi đã từng dẫn quân đến Lĩnh Biểu Quảng Tây chinh phạt Tào Thành. Trên đường hành quân, quân sĩ bắt được 1 tên gián điệp, trói mang về dưới trướng khi Nhạc Phi đang nghị sự, có người đến hỏi trong quân hết lương, giải quyết ra sao. Nhạc Phi cố ý nói :"Tạm rút về Trà Lãng, đợi bổ sung." Nói xong, giả vờ vô tình nhìn thấy tên gián

điệp, làm ra vẻ để lộ bí mật nên bực mình lui vào. Tiếp đó lệnh bộ hạ vờ vô ý để tên gián điệp trốn thoát. Nhạc Phi dự đoán Tào Thành được tên gián điệp báo cáo nhất định sẽ cử binh truy kích, liền bí mật vòng qua núi, lợi dụng đêm tối vu hồi về phía sau trại địch, lệnh cho binh sĩ bất ngờ hét to : "Quân Nhạc Phi đến rồi", rồi thừa thế đánh mạnh vào trại địch. Quân Tào hoảng hốt, liên tục mất nhiều vị trí hiểm yếu, khốn quẫn đành phải chấp nhận chiêu hàng.

Câu chuyện trên chủ yếu gồm 3 tình tiết : Một là, Nhạc phi biết rõ ý định của tên gián điệp nên tiết lộ 1 cách tự nhiên tin tức giả ; hai là cố ý để sơ hở cho tên gián điệp trốn thoát, mang tình báo giả về cho đối phương ; ba là, nhắm vào hành động mà địch có thể áp dụng, lợi dụng sơ hở, đánh đòn mãnh liệt. Khâu nọ nối khâu kia thật sinh động chẳng e trách thiên hạ thường nói kế phản gián là kế sinh động nhất, sôi nổi nhất trong hoạt động gián điệp.

Ngoài ngũ gián nêu trong "Binh pháp Tôn Tử", còn cần nêu thêm phần ly gián. "Trải xem cách dùng gián điệp từ xưa tới nay, mặt kì diệu không chỉ có một : có cách li gián vua, li gián người thân, li gián người hiền tài, li gián người giúp việc, người thân cận, tay chân, ly gián của bọn Tung hoành." Nghĩa là nói hoạt động li gián có quy mô tương đối rộng. Còn phương thức truyền đạt của hoạt động này cũng rất đa dạng. "Hoặc dùng văn tự, phao tin, lời

nói hoặc sự việc. Lợi dụng kẻ hở của kẻ thù một cách khôn khéo".

Thời kỳ Sở-Hán, Trần Bình phò tá Lưu Bang, để li gián mối quan hệ giữa Hạng Vũ với mưu thần Phạm Tăng và đại tướng Chung Li Muội, trước hết dùng tiền mua chuộc gián điệp, phao tin trong trại quân Sở rằng Phạm Tăng và Chung Muội không hài lòng với Hạng Vũ, có ý định về theo Hán vương. Hạng Vũ nghe tin quả nhiên đem lòng nghi ngờ, liền cử sứ giả sang doanh trại Hán thăm dò . Lưu Bang sắp sẵn 1 bàn tiệc rượu thịnh soạn, khi nhìn thấy sứ giả Sở bước vào, làm ra vẻ ngạc nhiên nói : "Ta tưởng sứ giả của ả phụ (chỉ Phạm Tăng), hoá là sứ giả của Hạng vương !" Nói đoạn, ra lệnh hầu cận thu dọn hết, thay bằng bữa cơm canh đạm bạc để đãi sứ sở. Sứ thần về báo lại Hạng Vũ, Hạng Vũ càng không tín nhiệm Phạm Tăng. Lúc đó Phạm Tăng đề nghị tiến công gấp Lưu Bang ; hạng Vũ để ngoài tai Phạm Tăng giận, từ chức về quê, nhưng vì vết thương tái phát, không may chết trên đường đi.

Đó là dẫn chứng dùng việc làm để li gián.

Thời Chiến quốc, nhà Chu vương phân đôi. Tây Chu Xương Tha phản vương thất chạy sang Đông Chu, tiết lộ hết bí mật vương thất Tây Chu. Vua Đông chu rất mừng, vua Tây Chu rất hận. Phùng Thả nói với Tây Chu vương là có cách khử Xương Tha, liền phái người mang vàng bạc và phong thư sang Đông Chu, cố ý để phía Đông Chu bắt

được. Vua Đông Chu nhận được thư, mới thấy mấy dòng đầu viết : "Xương Tha cần biết : Nếu công việc có hy vọng thành công xin hãy gắng sức hoàn thành ; nếu khó thành xin hãy mau tìm cách trở về, sợ để lâu công việc dễ bại lộ, e tính mạng khó yên." Đọc xong, Đông Chu vương liền giết ngay Xương Tha.

Thời Tam Quốc, nước Ngụy giao Lục Thức kiêm chức lãnh binh mã, là mối hoạ lớn đối với biên giới Đông Ngô. Lục Tốn nghe nói Lục Thức và tướng Ngụy là Văn Tu vốn bất hoà , không thể đồng tâm hiệp sức, liền viết 1 bức thư giả cho Lục Thức, trong đó viết : "Đã nhận và đọc thư ngài ngôn từ khẩn thiết, biết ngài và Tu oán giận nhau đã lâu, không thể cùng tồn tại, nên cố ý quy phục tệ quốc, vô cùng sung sướng. Mong ngài giữ kín, gấp rút hành động. Mong thư ngài cho hay ngày giờ đón tiếp". Bức thư được vứt giữa biên giới hai nước. Lính nước Ngụy nhặt được thư, nộp Lục Thức. Lục Thức cả kinh, đành phải đưa vợ con về Lạc Dương. Do đó, sử sĩ Giang Hạ không tin phục Lục Thức, cuối cùng Lục Thức bị triều đình cách chức.

Trên đây là hai thí dụ li gián bằng thư.

Ngụy Minh đế Tào Hạc cử Tư Mã Ý ra trấn Kinh Châu, rèn luyện binh mã, chuẩn bị tấn công Thục Hán. Gia Cát Lượng được tin cả kinh, liền cùng tham mưu Mã Tốc bàn đối sách. Mã Tốc phân tích nói : "Tư Mã Ý tuy là lão tướng của Tào Ngụy, song không được Tào Hạc

thân tín. Nay ta cho người tới Lạc Dương phao tin rằng Tư Mã Ý ngấm ngầm mưu phản, ngoài ra viết một số bản cáo thị dán khắp nơi. Tào Hạc biết nhất định càng nghi ngờ Tư Mã Ý, có xử tội chết hay không, khó mà biết được". Gia Cát Lượng cho là được, bèn cử người thực hiện. Không lâu, Tào Hạc nghe tin đồn lại được xem cáo thị càng nghi Tư Mã Ý, cuối cùng truất chức, cho về quê.

Đại tướng Bắc Tống Tào Vĩ đóng đồn trấn giữ Vị Châu. Có người báo có 1 tên lính chạy sang Tây Hạ. Lúc ấy Tào Vĩ đang chơi cờ với khách, thoáng suy nghĩ rồi nói : " Đó là người ta phái đi." Không lâu sau, lời nói ấy truyền tới Tây Hạ. Tướng Tây Hạ nghe xong, quả nhiên giết tên phản bội kia.

Đó là 2 thí dụ li gián bằng lời.

Đại tướng Bắc Chu Vi Hiếu Khoan giỏi dùng gián điệp. Để diệt kiêu tướng Bắc Tề là Hộc Luật Quang, ông cho tham mưu soạn 1 bài ca dao : "Bách thăng phi thượng thiên, minh nguyệt chiếu Trường An ; "Cao sơn bất thối tự hối, hộc thụ bất phù tự thụ". "Bách thăng" bằng 1 hộc ; "Minh nguyệt" là biệt hiệu của Hộc Luật Quang ; "Hộc thụ" ám chỉ Hộc Luật Quang ; "Cao sơn" ám chỉ triều đình Bắc Tề. Vi Hiếu Khoan cho viết lên tờ truyền đơn bài ca dao này rồi phát tán ở kinh thành Bắc Tề. Tể tướng Bắc Tề khi đó là Tổ Hiếu vốn có tư oán với Hộc, thấy truyền đơn, liền thêm bớt rồi cho bọn trẻ đem ra hát ở ngoài nhà trong ngõ, xôn xao toàn thành : sau đó tâu lên

hậu chủ Bắc Tề là Cao Vĩ. Cao vĩ chẳng kể thật giả, nghi Hộc làm phản, lập tức hạ lệnh đem Hộc ra xử trảm.

Đây là thí dụ dùng phao tin thất thiệt để li gián.

Từ xưa tới nay, dùng phao tin, thư hoặc một hành vi nào khác để giết người có rất nhiều. Trần Bình li gián Phạm Tăng khiến Hạng Vũ mất đi 1 người túc trí đa mưu ; Lục Tốn li giám Lục Thức giảm được một đối thủ đáng gờm ; Tào Vi chỉ 1 câu nói khiến kẻ phản nghịch mất mạng ; Vi Hiếu Khoan lưu truyền ca dao khiến người khác chết oan. Không nói không rằng, chỉ cần 1 chiêu li gián bằng thiên sạn binh !

Trong các loại quyền uy, sử dụng thành công gián điệp có lẽ là điều tinh tế và tuyệt vời nhất về phía chủ thể quyền mưu vừa phải thông thạo tình huống, vừa phải giữ kín bí mật ; vừa phải mạnh dạn tỉ mỉ, vừa phải có trí linh hoạt. Vì vậy, bàn về sử dụng gián điệp Tôn Tử cho rằng "Việc trong ba quân không có gì gần gũi bằng dùng gián, thưởng không có gì hậu bằng thưởng gián, phụng sự cũng không có gì mật thiết bằng gián. Không phải bậc thánh trí thì không thể dùng được gián, không phải bậc nhân nghĩa cũng không dùng được gián, không phải bậc cao siêu cũng không thể dùng gián có kết quả. Giỏi thay ! Giỏi thay ! Đâu đâu cũng có thể dùng gián được. " Lẽ nào trên đời này còn có việc gì cao siêu và thần bí hơn sử dụng gián điệp chăng?

LỜI CUỐI SÁCH

Chúng tôi đã trình bày xong quyển mưu học truyền thống. Độc giả có tâm huyết có thể nêu vấn đề lẽ nào chỉ dùng một số phạm trù mâu thuẫn to và nhỏ, xa và gần, sáng và tối, thật và giả, mạnh và yếu, hư và thực, tiến và lùi, cương và nhu, thẳng và cong, thuận và nghịch là có thể khái quát 1 cách toàn diện mọi thứ quyền mưu sao? Chúng tôi không có ý định trả lời một cách khẳng định ; bởi lẽ ngoài những phạm trù mâu thuẫn kể trên, quả thực còn có không ít phép tắc thống nhất đối lập, có thể dùng để giải thích quyền mưu truyền thống. Ví dụ,"Kì chính" là một mệnh đề triết học nghĩa tương đối rộng, đứng về quan hệ chính trị và quân sự mà xét, có quan điểm "Dĩ chính trị quốc dĩ kì dụng binh" ; xét về chiến lược chính trị, có "Tiên chính nhi hậu kì, tiên nhân nghĩa nhị hậu quyền quyệt" ; xét về chiến lược quân sự có quan điểm "Chiến thế bất quá kì chính, kì chính tri biến, bất khả thắng cùng" ; xét về chiến thuật nói chung có quan điểm "Chính binh đương địch, xuất kì chế thắng", nói ra còn rất phức tạp. Tuy vậy, thực ra cũng khó nắm vững. Vì vậy, qua nhiều lần chắt lọc kĩ, chúng tôi đã trọn ra một số phạm trù mâu thuẫn trên để phân tích và thuyết

minh quyền mưu truyền thống, chí ít cũng không xa lạ với cách suy nghĩ bình thường trong nghiên cứu quyền mưu, hoàn toàn có khả năng giúp mọi người trên cơ sở nhận thức này nghiên cứu sâu thêm quyền mưu truyền thống.

Thứ nữa, cũng có thể có người nêu vấn đề : Các ông nhận thức hiện tượng "Quyền mưu nóng" đang tồn tại trong xã hội hiện nay ra sao? Về điểm này trước hết xin độc giả hay xem qua tình hình xuất bản và tiêu thụ sách báo được phản ánh gần đây. Khi những trước tác học thuật được nhiều người cho là"Mũi nhọn" còn đang bị ứ đọng tại các nhà xuất bản lớn thì nhiều người biên tập lại tập trung tâm trí vào sự lựa chọn chung : Sách ăn khách ; khi những tác phẩm suốt đời tâm huyết của các chuyên gia học giả chưa được giải quyết thì những sách báo phổ thông về trí tuệ lại là hàng hoá tranh cướp trên các thị trường sách. Chỉ nói riêng những sách viết về quyền mưu đã được in, mặc dầu trong đó có không ít những lời lẽ sai trái về dùng quyền mưu truyền thống để chỉ đạo quản lý kinh doanh hiện đại, vẫn có quyền giao bán câu khách, hòng kiếm lợi, khiến mọi người cười mũi coi khinh. Tuy nhiên, chớ hoài nghi tất cả, vẫn có hàng trăm loại, hàng trăm vạn ấn phẩm chứng tỏ người Trung Quốc ngày nay rất quan tâm đến quyền mưu truyền thống. Cái gọi là" Quyền mưu nóng" là một hiện tượng văn hoá biểu hiện sự thích thú cực độ của các giai tầng xã hội đối với quyền mưu truyền thống dựa trên chủ đề nhân sinh về sinh tồn và phát triển trong thời kỳ lịch sử mới. Chúng tôi cho rằng

quyền mưu là một phương thức cơ bản về sinh tồn và phát triển của người Trung Quốc truyền thống, không biết độc giả có đồng ý không?

Lại nữa, cũng có thể còn vấn đề là : Các ngài coi việc nghiên cứu quyền mưu truyền thống có hướng phát triển gì không? Thành thật mà nói, chúng tôi chưa hài lòng trước tình hình nghiên cứu quyền mưu hiện nay. Những thành tựu nghiên cứu cho tới hôm nay phần lớn mới dừng ở sự chú thích bình luận điển tích quyền mưu truyền thống hoặc phân loại câu chuyện quyền mưu, rất ít người nghiên cứu thảo luận về mặt lý luận của quyền mưu ở dạng chỉnh thể, cũng không tránh khỏi đặc điểm mang tính thường thức. Một thiếu sót lớn ở đây là : chưa kết hợp việc nghiên cứu quyền mưu với nghiên cứu xã hội truyền thống, văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống. Trên thực tế, nếu chỉ đơn thuần dựa vào sự nghiên cứu văn hoá nho gia, sự bài xích hoặc bổ xung cho nhau của nho đạo hoặc sự cùng một dòng của 3 đạo để nhận thức và lý giải xã hội truyền thống, văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống một cách toàn diện thì rất không đầy đủ. Quyền mưu truyền thống là hình thái văn hoá bí hiểm, phi chính thống, là bộ phận hợp thành quan trọng của xã hội truyền thống, văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống. Vì vậy, coi quyền mưu truyền thống như một môn học vấn, tiến hành khai thác nhiều tầng lớp và chỉnh thể mới có thể giải quyết được khuynh hướng phiến diện tồn tại

lâu đời trong quá trình nghiên cứu lịch sử văn hoá, giúp mọi người nhận thức và lý giải sâu thêm xã hội truyền thống văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống.

Đó là viễn cảnh nghiên cứu quyền mưu mà chúng tôi hy vọng nhìn thấy.

Cuối cùng, trong quá trình tuyển chọn và xuất bản cuốn sách này, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ nhiệt tình của giáo sư Hùng Thiết Cơ trường đại học sư phạm Hoa Trung, tiên sinh Hách Quốc Kiệt nhà xuất bản Nhân dân Hồ Bắc, nữ sĩ Âu Vị Vị nhà xuất bản Nhân dân Quảng Tây, cùng nhiều bè bạn xa gần. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Tác giả

3 - 6 - 1992

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

PHẦN III

QUYỀN MƯU THẦN BÍ

TÁC GIẢ : TRIỆU QUỐC HOA - LƯU QUỐC KIẾN

NGƯỜI DỊCH : NGUYỄN LẠC - HOÀNG VIỆT THẮNG

* * * * *

Chịu trách nhiệm xuất bản : QUANG HUY

Biên tập : NGUYỄN THẾ VINH

Trình bày sách : QUỐC BẢO

Trình bày bìa : HOÀNG LONG

Sửa bản in : PHẠM BẰNG

In 1.000 cuốn khổ 14,5 × 20,5 cm, tại Xưởng in NXB NN
Số đăng ký KHXB : 25 - CXP/40 - VHTT ký ngày 20/01/1995
Giấy trích ngang KHXB ký ngày 10/11/1995
In xong và nộp lưu chiểu quí I/1996

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG H

✪ ✪ ✪

QUYỂN MƯU THẦN BÍ

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí.*

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí.*

Văn hóa thần bí là một kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mông muội thì xin ở đây sợi giây để tự trói mình ...

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Trích lời tựa " TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA"